

Câu lạc bộ Dumas

Contents

Câu lạc bộ Dumas	1
1. Chương 01 - Phần 1	2
2. Chương 01 - Phần 2	7
3. Chương 01 - Phần 3	11
4. Chương 02 - Phần 1	15
5. Chương 02 - Phần 2	19
6. Chương 03 - Phần 1	23
7. Chương 03 - Phần 2	28
8. Chương 04 - Phần 1	34
9. Chương 04 - Phần 2	37
10. Chương 05 - Phần 1	41
11. Chương 05 - Phần 2	45
12. Chương 06 - Phần 1	50
13. Chương 06 - Phần 2	55
14. Chương 07 - Phần 1	60
15. Chương 07 - Phần 2	65
16. Chương 07 - Phần 3	68
17. Chương 08 - Phần 1	73
18. Chương 08 - Phần 2	79
19. Chương 09 - Phần 1	85
20. Chương 09 - Phần 2	90
21. Chương 10 - Phần 1	95
22. Chương 10 - Phần 2	100
23. Chương 10 - Phần 3	105
24. Chương 11 - Phần 1	110
25. Chương 11 - Phần 2	114
26. Chương 12 - Phần 1	118
27. Chương 12 - Phần 2	122
28. Chương 13 - Phần 1	127
29. Chương 13 - Phần 2	132
30. Chương 14 - Phần 1	137
31. Chương 14 - Phần 2	142
32. Chương 15 - Phần 1	146
33. Chương 15 - Phần 2	152
34. Chương 16 - Phần 1	158
35. Chương 16 - Phần 2	163
36. Chương 16 - Phần 3 (hết)	166

Câu lạc bộ Dumas



Giới thiệu

Người ta có thể chết một cái chết thê thảm, đầy mờ ám chỉ vì một cuốn sách mà họ nâng niu yêu quý.

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/cau-lac-bo-dumas>

1. Chương 01 - Phần 1

LỜI DẪN

Ánh đèn flash hắt lên tường bóng cái xác người cứng ngắc treo nơi giá đèn giữa phòng. Do thợ ảnh xoay quanh cái xác để lấy hình cho nên cái bóng tuần tự hắt lên những bức tranh, lên các tủ kính đầy đồ sứ, lên giá sách, lên tấm rèm trên khuôn cửa sổ mở. Bên ngoài trời đang mưa.

Dự thẩm viên[1] lo điều tra là một người trẻ tuổi. Mái tóc thưa rồi bời, khoác áo mưa, bụi nước còn bám đầy trên người và trên đầu y trong khi y đọc cho nhân viên đánh máy đang ngồi trên sofa, máy chữ đặt trên chiếc ghế phía trước. Tiếng rì rầm bàn tán của mấy cảnh sát viên đi lại trong phòng lẫn với tiếng máy chữ gõ nhịp theo giọng đọc đơn điệu của y.

[1] Nguyên văn: magistrate, một chức quan coi việc thi hành luật pháp và thủ tục hành chính ở tòa án địa phương cấp thấp.

“... mặc pyjama, khoác áo choàng ngủ. Chết do treo cổ bằng dây lưng áo choàng. Hai tay bị trói đằng trước bằng cà vạt, chân trái vẫn còn mang một chiếc giày nhẹ đi trong nhà, chân kia để trần...”

[Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại truyenclub.com - góc nhỏ cho người yêu sách.]

Dự thẩm viên dựa vào cái chân mang giày của xác chết khiến cái xác nhẹ nhẹ, chậm chậm xoay tròn theo sợi dây lụa căng thẳng từ cổ người chết lên tới giá đèn trần. Cái cây chuyển động từ trái qua phải rồi ngược lại, cho đến khi ngừng ở vị trí ban đầu, giống như kim địa bàn đảo quanh cực Bắc. Rồi y xoay mình bước qua một bên tránh viên cảnh sát mang đồng phục đang tìm dấu vân tay trên cái cây. Một bình hoa vỡ nằm trên sàn và một quyển sách để mở ở một trang chỉ chít những vệt chì đỏ đánh dấu. Đó là cuốn Từ tước Bragelonne cũ thuộc loại rẻ tiền bìa bọc vải. Nghiêng mình qua vai người cảnh sát, viên ký tòa liếc nhìn dòng chữ được gạch dưới:

[2] Còn có tên là Mười năm sau nữa, tiểu thuyết của Alexandre Dumas bố, thuộc bộ truyện nhiều tập về lính ngự lâm.

“Bọn chúng lừa dối mình,” hần thì thầm. “Tất cả đều biết!”

“Ai cũng biết cả,” Porthos ngơ ngác trả lời.

Y cho ghi lại đoạn này và lệnh rằng cuốn sách phải được đưa vào báo cáo. Đoạn y lại gần một người đàn ông cao lớn đứng hút thuốc bên một trong các cửa sổ mở toang.

“Anh nghĩ sao?”

Người cao lớn mặc áo khoác da có đính huy hiệu cảnh sát trên miệng túi. Trước khi trả lời, hắn còn cố rút nốt điều thuốc rồi chẳng thèm nhìn ném đầu mẩu ngược qua vai ra cửa sổ.

“Nếu thứ đó màu trắng mà lại ở trong một cái chai thì ắt là sữa,” sau cùng hắn trả lời, úp úp mở mở, song không úp úp mở mở quá, khiến viên ký tòa không khỏi mỉm cười.

Không giống người cảnh sát, viên ký tòa đứng nhìn ra đường phố chìm trong mưa nặng hạt. Ai đó vừa mở cánh cửa phía bên kia phòng khiến một luồng gió mang theo những hạt mưa tạt vào mặt y.

“Đóng cửa lại,” không buồn quay đầu lại, y ra lệnh. Rồi y nói với viên cảnh sát, “Đôi khi tội giết người được ngyetrang thành tự sát.”

“Và ngược lại,” người kia bình thản tiếp.

“Anh nghĩ gì về hai tay và chiếc cà vạt?”

“Có lúc người ta sợ mình sẽ đổi ý ở phút cuối... Nếu đó là vụ giết người thì hắn đã bị trói quặt tay ra sau.”

“Có gì khác đâu,” viên ký tòa phản đối. “Sợi dây mỏng nhưng chắc. Khi mất chỗ đứng, hắn sẽ chẳng còn cơ may nào, ngay cả khi hai tay vẫn tự do.”

“Cái gì cũng có thể. Ta sẽ biết nhiều hơn khi khám nghiệm tử thi.”

Viên ký tòa ngoảnh nhìn cái xác. Người cảnh sát lấy dấu tay đã đứng lên, tay cầm cuốn sổ.

“Cái trò kinh doanh sách báo này thật là kỳ quái,” y nói.

Người cao lớn nhún vai.

“Tôi đọc không nhiều,” hắn nói, “nhưng Porthos... chẳng phải là một trong đám ấy sao... Athos, Porthos, Aramis và d’Artagnan.” Hắn bấm ngón tay đếm, rồi ngừng lại trầm ngâm, “Thật buồn cười. Tôi cứ tự hỏi vì sao người ta kêu là ba người lính ngự lâm trong khi thực ra họ có bốn người.”

I. “RƯỢU VANG ANJOU”

Người đọc cần chuẩn bị tinh thần chứng kiến những màn hung hiểm bậc nhất.

E. Sue, NHỮNG BÍ MẬT THÀNH PARIS.

Tên tôi là Boris Balkan, tôi đã từng dịch cuốn Tu viện thành Parme. Ngoài ra tôi cũng biên tập mấy cuốn tiểu thuyết ăn khách thế kỷ 19, các bài báo và phê bình của tôi có mặt trên những tờ báo hay phụ trương khắp châu Âu, tôi còn mở những cửa ngăn hạn mùa hè bồi dưỡng người viết nghiệp dư. Chẳng có gì đáng nói, e là vậy. Đặc biệt là những ngày này, khi mà sự tự sát tự ngyetrang thành giết người, những cuốn tiểu thuyết do viên bác sĩ của Roger Ackroyd viết ra, ngoài ra còn có quá nhiều người khẳng khái đòi xuất bản hai trăm trang sách về những xúc cảm huyền hoặc họ từng thể nghiệm khi nhìn vào gương.

Nhưng hãy trở lại câu chuyện.

Lần đầu tôi gặp Lucas Corso là khi gã tới tìm tôi, cấp nách bản thảo Rượu vang Anjou. Corso là một thứ lính đánh thuê trong thế giới sách, chuyên săn lùng sách cho người ta. Làm việc đó có nghĩa là phải có tài ăn nói và chịu bần tay. Cũng cần có phản xạ tốt, tính kiên nhẫn, rất nhiều may mắn cùng với trí nhớ phi thường để biết chính xác ở một xó xỉnh bụi bặm nào đó, trong cửa hàng của một lão già nào đó có một quyển sách bị bỏ quên mà nay đáng giá cả một gia tài. Khách hàng của gã ít và chọn lọc: vài mươi nhà buôn sách ở Milan, Paris, London, Barcelona và Lausanne, thuộc loại chuyên bán hàng qua catalô, chỉ bỏ tiền làm những món chắt ăn và không bao giờ có trong tay quá năm chục đầu sách mỗi lần. Những ông trùm buôn sách cổ dùng giấy da dê hoặc da cừu hay loại sách để lênh rênh hơn ba xăngtimet đáng giá hàng ngàn đô la mỗi cuốn. Đám dã cầu thánh mũi với các bản Kinh thánh Gutenberg[1], bày cá mập trong các phiên chợ đồ cổ, loài dơi hút máu trong những buổi đấu giá, những kẻ sẵn lòng đổi cả ông bà mình để lấy một bản in đầu tiên. Nhưng họ tiếp khách hàng trong những căn phòng có sofa da nhìn ra Duomo[2] hay hồ Constance, và chẳng bao giờ để bàn tay - hay lương tâm mình - lấm bừa. Ấy là những khách hàng của Corso.

[1] Kinh thánh Gutenberg được xem như cuốn sách in đầu tiên ở châu Âu.

[2] Duomo: tiếng Ý nghĩa là “giáo đường”. Tòa giáo đường nổi tiếng nhất là Duomo di Milan theo phong cách gô tích, được xây dựng trong vòng năm thế kỷ và là giáo đường lớn thứ tư trên thế giới.

Gã tháo cái túi vải buồm sờn rách trên vai đặt xuống sàn, nhìn chăm chú vào chân dung Rafael Sabatini[3] trong khung ảnh trên bàn, bên cạnh cây bút máy tôi vẫn dùng để chữa bài và bản in thử. Tôi thấy vui vui, bởi hầu hết khách đến đều chẳng mấy để ý tới Sabatini, coi ông như một người họ hàng lớn tuổi. Tôi đợi phản ứng của Corso. Gã ngồi xuống rồi nở nụ cười nửa miệng, vẻ mặt trẻ trung, như một con thỏ hoạt hình tông vào ngô cụt. Kiểu nhìn lôi kéo người nghe ngay lập tức. Đến lúc nào đó tôi nhận ra rằng gã có thể cười như một con sói hung ác, và gã biết chọn kiểu cười phù hợp với hoàn cảnh. Nhưng đó là chuyện khá lâu sau này. Hiện giờ gã có vẻ đáng tin cậy, vậy nên tôi quyết định thử tung ra một viên đá dò đường.

[3] Rafael Sabatini (1875-1950): nhà văn Anh - Ý nổi tiếng với những tiểu thuyết phiêu lưu lãng mạn. Tác phẩm tiêu biểu: Thuyền trưởng Blood, Scaramouche, The Sea Hawk.

“Từ lúc mới ra đời anh ta đã được nụ cười ban phước,” Tôi xỏ ra một câu trích dẫn, trở bực chân dung: “... và với cảm giác là thế giới điên rồ...”

Corso chậm rãi và thận trọng gật đầu. Tôi cảm giác mình rất có thể thành đồng lõa với gã, mặc dù toàn bộ câu chuyện mãi về sau mới xảy ra, tới giờ tôi vẫn cảm thấy thế. Gã moi từ trong một cái gói bí mật ra điều thuốc lá không đầu lọc cũng nhàu nát như cái áo khoác cũ kỹ và cái quần nhung tằm gã mặc. Vân vân điều thuốc trên tay, gã nhìn tôi qua cặp kính gọng thép nằm cầu thủ trên mũi phía trước mái tóc rối bởi cắt ngang trán đã ngã xám. Bàn tay kia thọc vào một trong mấy túi áo như đang ngằm giữ một khẩu súng, cái túi to tướng bị biến dạng bởi những quyển sách, catalô, giấy tờ và, như tôi biết sau này, một chai đầy rượu gin Bols.

“... và đây là toàn bộ di sản thừa kế của ông ta.” Gã dễ dàng hoàn thành tất đoạn trích, sau đó sửa lại thể ngồi trên chiếc ghế dựa và lại mỉm cười. “Nhưng nói thực, tôi thích Thuyền trưởng Blood hơn.”

Tôi lạnh lùng giơ cao chiếc bút máy. “Ông lầm rồi. Scaramouche với Sabatini cũng giống như Ba người lính ngự lâm đối với Dumas.” Tôi thoáng khom người trước bức chân dung. “‘Từ lúc mới ra đời anh ta đã được nụ cười ban phước...’ Trong toàn bộ các câu chuyện phiêu lưu mạo hiểm không kiếm đâu ra đoạn mở đầu nào hay như thế.”

“Có lẽ đúng thế,” Corso thừa nhận sau một thoáng suy nghĩ. Rồi gã đặt tập bản thảo viết tay cất trong một cái kẹp giấy - có túi nhựa bảo vệ từng trang một - lên bàn. “Quả là trùng hợp khi ông đề cập tới Dumas.”

Gã xoay kẹp giấy lại đẩy về phía trước để tôi có thể đọc được nội dung. Bản thảo bằng tiếng Pháp, viết trên một mặt giấy. Có hai loại giấy đều đã phai màu theo thời gian: một loại trắng, một loại nửa màu xanh dương nhạt kẻ ô sáng màu. Kiểu chữ trên mỗi loại giấy không giống nhau - trên giấy trắng chữ nhỏ và sắc nét hơn. Kiểu chữ viết trên giấy xanh bằng mực đen cũng xuất hiện trên giấy trắng nhưng chỉ ở phần chú giải. Tất cả mười lăm tờ, trong đó mười một tờ màu xanh.

“Đáng chú ý đấy.” Tôi ngẩng nhìn Corso, gã cũng đang nhìn tôi, ánh mắt lạng lẽ di chuyển từ tệp giấy sang tôi, rồi ngược lại. “Ông tìm được nó ở đâu?”

Gã gãi lông mày, hẳn đang tính xem có nên cung cấp những chi tiết như vậy để đổi lấy những thông tin gã cần hay không. Kết quả là một vẻ mặt thứ ba xuất hiện, lần này là một con thỏ thơ ngây. Quả là chuyên nghiệp.

“Quanh đây. Qua khách hàng của một khách hàng.”

“Hiểu rồi.”

Gã ngừng một chút, vẻ thận trọng. Thận trọng là dấu hiệu của sự cẩn thận và dè dặt, nhưng cũng là dấu hiệu của sự khôn ngoan. Cả hai chúng tôi đều biết điều đó.

“Dĩ nhiên,” gã thêm. “Tôi sẽ cho ông những cái tên nếu ông cần.”

Tôi trả lời rằng chuyện đó cũng không cần thiết, điều này có vẻ khiến gã an tâm hơn. Gã sửa lại cặp kính trước khi hỏi ý kiến của tôi về bản thảo. Không trả lời ngay, tôi liếc lại trang đầu tiên. Tựa đề được viết hoa nét đậm: LE VIN D’ANJOU.

Tôi đọc to mấy dòng đầu tiên: “Après de nouvelles Presque désespérées du roi, le bruit de sa convalescence commençait à se répandre dans le camp... Sau những tin tức hầu như tuyệt vọng về nhà vua, lời đồn về sự hồi phục của ngài bắt đầu lan truyền trong doanh trại...” Tôi không ngăn được nụ cười.

Corso tỏ vẻ tán thành, yêu cầu tôi cho ý kiến.

“Không nghi ngờ gì,” tôi đáp, “đây là Rượu vang Anjou, chương thứ bốn mươi mấy gì đó trong Ba người lính ngự lâm của Alexandre Dumas bố. Hình như thế.”

“Bốn mươi hai,” Corso khẳng định. “Chương bốn mươi hai.”

“Đây là thứ thiệt chứ? Bản thảo gốc của Dumas à?”

“Đó là lý do tôi có mặt ở đây. Tôi muốn ông cho tôi biết.”

Tôi khẽ nhún vai tỏ vẻ không hào hứng gì.

“Sao lại là tôi?”

Đó là một câu hỏi vu vơ chỉ có tác dụng hoãn binh, dường như không được nhún nhún lắm, bởi gã có vẻ mất kiên nhẫn.

“Ông là chuyên gia,” gã đáp lại khô khốc. “Với tư cách nhà phê bình văn học có ảnh hưởng nhất xứ Tây Ban Nha, ông biết mọi thứ cần biết về các cuốn tiểu thuyết nổi tiếng thế kỷ mười chín.”

“Ông quên mất Stendhal.”

“Không hề. Tôi đọc cuốn Tu viện thành Parme do ông dịch rồi.”

“Thật ư. Rất vinh hạnh.”

“Đừng như thế. Tôi thích bản dịch của Consuelo Berges hơn.”

Chúng tôi cùng cười. Tôi tiếp tục thấy gã dễ thương, và bắt đầu hình dung được con người gã.

“Ông có biết cuốn sách nào của tôi không?” tôi hỏi.

“Vài cuốn. Lupin, Raffles, Rocambole, Holmes chẳng hạn. Những nghiên cứu của ông về Vanlle-Inclan, Baroja và Galdos, cũng như cuốn Dumas: Cái bóng người khổng lồ. Cả bài tiểu luận của ông về Bá tước Monte Cristo.”

“Ông đã đọc tất cả những thứ đó ư?”

“Không. Tôi làm về sách không có nghĩa là tôi phải đọc chúng.”

Gã nói dối. Hoặc ít nhất là đang cường điệu. Người này thật chu đáo: trước khi tới gặp tôi, gã đã coi hết mọi thứ có thể có trong tay về tôi. Gã thuộc loại độc giả ép mình đọc ngẫu nhiên bất kỳ ấn phẩm nào từ lúc còn trẻ trung và ngây thơ - mặc dù tuổi trẻ của Corso rất khó đi cùng với từ “ngây thơ”.

“Tôi hiểu,” tôi trả lời, cũng chỉ để cho có.

Gã thoáng cau mày, phân vân không biết có phải mình quên mất điều gì đó không. Rồi gã bỏ kính ra, hà hơi lên mắt kính và bắt đầu lau sạch bằng cái khăn tay nhàu nát moi từ cái túi áo choàng không đáy. Cái áo choàng ngoại cỡ khiến gã nom có vẻ gầy yếu, song, với vẻ điềm đạm cùng bộ răng cửa loài gặm nhấm, kỳ thực Corso rắn chắc như một khối bê tông. Khuôn mặt sắc nét và rõ ràng, đầy góc cạnh, cặp mắt lạnh lợi luôn luôn tỏ vẻ ngây thơ thường trực, ngây thơ song nguy hiểm cho bất cứ người nào lọt vào tầm ngắm. Đôi khi, đặc biệt là lúc yên lặng, gã có vẻ chậm chạp và vụng về hơn thực tế. Trông gã yếu ớt và không đủ sức tự vệ: bởi bàn cho gã thêm đồ uống, đàn ông cho thuốc lá, còn đàn bà lập tức chấp nhận gã. Đến khi chuyện xảy ra rồi thì đã quá muộn, gã cao chạy xa bay sau khi ghi thêm một bàn thắng.

Corso gỡ kính trở tập bản thảo, “Trở lại với Dumas. Chắc hẳn một người từng viết năm trăm trang về ông ta thì phải cảm thấy gì đó quen thuộc khi đối mặt với bản thảo gốc của ông ta chứ.”

Sùng kính như vị linh mục nâng chiếc áo tế thiêng liêng, tôi đặt bàn tay lên những trang giấy trong túi nhựa bảo vệ.

“Tôi e là sẽ khiến ông thất vọng, nhưng tôi không cảm thấy gì cả.”

Cả hai đều cười, Corso có cái cười kỳ dị, gần như đang thì thầm, giống như ai đó không chắc chắn có phải mình và người đối thoại đang cười cùng một chuyện hay không. Một nụ cười vẹo vọ, xa xăm ẩn ước về xác xược, kiểu cười để lại tàn dư trong không khí sau khi chấm dứt. Ngay cả khi chủ nhân của nó đã bỏ đi.

“Ta hãy đi lần lượt từng bước,” tôi tiếp tục. “Bản thảo này thuộc về ông?”

“Tôi đã nói không phải. Một khách hàng của tôi kiếm được, anh ta lấy làm lạ là cho đến giờ không ai biết gì về bản thảo gốc hoàn chỉnh chương này của bộ Ba người lính ngự lâm... Anh ta muốn nó được một chuyên gia xác nhận, đó chính là việc tôi đang làm.”

“Thật lạ là ông lại có thời gian làm việc lật vật như thế.” Đó là sự thực. Tôi đã nghe nói về Corso trước cuộc gặp này. “Ý tôi là, dù sao bây giờ Dumas...”

Tôi bỏ lửng câu nói và cười với vẻ chua xót của người cùng cảnh ngộ. Nhưng Corso không hề bị lôi cuốn và vẫn đề phòng. “Một người bạn của khách hàng chỗ tôi,” gã thẳng thừng. “Đó là do sở thích cá nhân.”

“Tôi biết, nhưng không chắc tôi giúp gì được cho ông. Tôi đã xem qua một số bản thảo gốc, và đây có thể là đồ thực. Nhưng chứng thực nó lại là vấn đề khác. Để làm việc đó ông cần một nhà giám định chữ viết giỏi... Tôi biết một người như thế ở Paris tên là Achille Replinger. Anh ta có một cửa hàng chuyên về bản thảo chép tay và tư liệu lịch sử ở gần Saint Germain des Prés. Đó là một chuyên gia về các nhà văn Pháp thế kỷ mười chín, một người thú vị và là bạn tốt của tôi.” Tôi trở một cái khung treo trên tường. “Anh ta đã bán cho tôi bức thư kia của Balzac nhiều năm trước với giá cắt cổ.”

Tôi lấy cuốn sổ, chép lại địa chỉ bên một tấm các đũa cho Corso. Gã nhét nó vào cái ví da nhàu nát chứa giấy tờ đủ loại. Sau đó moi từ túi áo khoác ra tập giấy ghi chép và một cây bút chì với cục tẩy bị gặm nham nhỏ ở đuôi, y như cây bút của một thằng nhóc học trò.

“Có thể hỏi ông mấy câu không?” gã hỏi.

“Tất nhiên.”

“Ông biết có bản chép tay một chương hoàn chỉnh nào của Ba người lính ngự lâm không?”

Tôi lắc đầu rồi đẩy nắp cây bút Mont Blanc lại.

“Không. Bộ truyện này ra theo kỳ trên tờ Le Siècle trong khoảng từ tháng Ba đến tháng Bảy năm 1844... Sau khi thợ sắp chữ làm xong, bản gốc liền bị vứt bỏ. Tuy nhiên cũng còn vài đoạn sót lại. Ông có thể tìm thấy chúng trong phần phụ lục cuốn sách xuất bản năm 1968 của nhà Garnier.”

“Bốn tháng không phải là quá lâu.” Corso gặm chuôi bút chì với vẻ suy tư. “Dumas viết nhanh thật.”

“Thời ấy họ thế hết, Stendhal viết Tu viện thành Parme chỉ trong bảy tuần lễ. Và trong mọi trường hợp Dumas đều có người cộng tác. Một người tên là Auguste Maquet làm cho ông trong Ba người lính ngự lâm. Hai người làm việc với nhau trong cuốn tiếp theo, Hai mươi năm sau, rồi kết thúc loạt truyện với cuốn Tử tước Bragelonne. Họ còn tiếp tục hợp tác trong Bá tước Monte Cristo và một vài cuốn khác. Tôi nghĩ là ông biết chuyện đó.”

“Tất nhiên. Mọi người đều biết.”

“Chắc ông muốn nói những ngày trước.” Tôi thận trọng đọc lướt qua bản thảo. “Đã qua rồi cái thời mà tên tuổi Dumas khiến số bản in tăng vọt và làm giàu cho các nhà xuất bản. Hầu hết các tiểu thuyết của ông ra theo kỳ và kết thúc với hai chữ ‘Còn tiếp...’ Độc giả ruột nóng như lửa đốt đến tận kỳ tiếp. Nhưng hẳn nhiên ông biết cả.”

“Đừng bận lòng. Tiếp đi.”

“Còn gì để nói tiếp đây? Trong những truyện nhiều kỳ cổ điển, công thức thành công thật giản dị: Người hùng nam hay nữ có những phẩm chất hay tính cách khiến cho độc giả đồng cảm với họ. Nếu chuyện đó bây giờ chỉ còn trong các phim truyền hình nhiều tập, hãy hình dung tác động của nó đối với tầng lớp trung lưu luôn khát khao các trò kích động và giải khuây, chẳng cần phân biệt thị hiếu này thị hiếu kia, chẳng cần biết hay hay dở, ở cái thời không có ti vi hay radio... Dumas là một thiên tài, ông ấy hiểu điều này.

Giống như nhà giả kim thuật trong phòng thí nghiệm, ông thêm vào một chút thứ này, một chút thứ nọ, và bằng tài năng của mình tạo ra một thứ ma túy hấp dẫn vô số con nghiện.” Tôi vỗ ngực, không khỏi có chút hãnh diện. “Thậm chí càng ngày càng nhiều.”

2. Chương 01 - Phần 2

Corso ngồi ghi chép. Rành mạch, bất chấp đạo đức và nguy hiểm như một con rắn đen châu Phi, sau này một người quen gã mô tả như vậy khi cái tên gã được nhắc tới trong câu chuyện. Gã thường nhìn người đối diện chăm chú qua cặp kính vọc vọ và thông thả gật đầu đồng tình với nét mặt thích hợp, đầy ý nghĩa nhưng đáng ngờ, giống như một ả gái điếm ngồi nghe bài thơ trữ tình một cách bao dung. Như thể sẵn lòng cho đối phương một cơ hội sửa sai trước khi quá muộn.

Lát sau, gã ngừng lại rồi ngẩng đầu lên. “Nhưng không phải ông chỉ viết tiểu thuyết ăn khách. Ông là một nhà phê bình văn học có tiếng trên những lĩnh vực khác...” gã ngập ngừng, tìm từ, “... nghiêm túc hơn. Bản thân Dumas chỉ coi những tiểu thuyết của mình như là thứ văn chương dễ dãi. Có phần nào thiếu tôn trọng độc giả.”

Đây là chiến thuật quen thuộc của gã. Một trong những nét đặc trưng của gã, giống như Rocambole chia ra một quân bài thay vì tấn danh thiếp. Corso có thể phát biểu một câu rất băng quơ, hồ như chẳng có ý gì, nhưng lại ngầm ngầm kích thích người đối thoại. Trong khi tranh luận, nếu anh xúc động, anh sẽ cung cấp nhiều thông tin hơn cho đối phương. Tôi không ngờ và tôi biết Corso muốn gì, nhưng ngay cả vậy tôi vẫn cảm thấy bị kích động.

“Đừng cứng nhắc thế,” tôi đáp. “Thể loại truyện nhiều kỳ có rất nhiều món chỉ ăn được một lần, nhưng Dumas vượt xa tất cả. Trong văn học, thời gian giống như một vụ đắm tàu theo ý Chúa[4]. Tôi thách ông chỉ đích danh một vị anh hùng tưởng tượng nào mà lại sống sót mạnh khỏe như d’Artagnan và các bạn anh ta đấy. Sherlock Holmes có lẽ là một ngoại lệ. Đúng, Ba người lính ngự lâm là điển hình của tiểu thuyết phiêu lưu lãng mạn đầy rẫy những lời lẽ khoa trương và tội ác đủ loại. Nhưng nó cũng là một ví dụ nổi bật về thể loại truyện nhiều kỳ, và ở trình độ cao hơn hẳn. Một truyện thuyết về tình bạn và những cuộc phiêu lưu vẫn còn tươi rói ngay cả khi thị hiếu đã đổi thay, ngay cả khi có mặt cái xu hướng ngu ngốc xem thường hành động trong tiểu thuyết như hiện giờ. Có vẻ như từ Joyce ta đã phải miễn cưỡng thừa nhận Molly Bloom[5] mà bỏ lại nàng Nausicaa[6] xinh đẹp trên bờ biển sau vụ đắm tàu... Ông đã đọc bài tiểu luận ‘Ngày thứ Sáu hay là chiếc la bàn của con tàu’ tôi viết chưa? Hãy cho tôi Ulysses của Homer bất cứ lúc nào.”

[4] Vụ đắm tàu: ở đây nhắc đến vụ đắm tàu của Ulysses trên đường về quê hương sau cuộc chiến thành Troie.

[5] Molly Bloom: nhân vật trong tiểu thuyết Ulysses của James Joyce, nhà văn, nhà thơ Ireland (1882-1941).

[6] Nausicaa: nhân vật trong trường ca Odyssee của Homer, con gái vua Alcinous và hoàng hậu Arete xứ Phaeacia, từng giúp đỡ Ulysses sau vụ đắm tàu.

Tôi nhấn mạnh vào đó rồi đợi phản ứng của Corso. Gã lặng lẽ cười nhạt, nhưng, nhớ đến biểu hiện của gã khi tôi đề cập đến Scaramouche, tôi cho rằng mình đã đi đúng hướng.

“Tôi biết ông ám chỉ điều gì,” sau cùng gã nói. “Quan niệm của ông được nhiều người để ý và gây tranh cãi, thưa ông Balkan.”

“Đó là vì chính tôi đã từng thử nghiệm nó. Còn về chuyện khinh thường độc giả, như ông khẳng định vừa rồi, có lẽ ông không biết rằng tác giả Ba người lính ngự lâm đã chiến đấu trên đường phố trong thời cách mạng 1830 và 1848. Và chính ông đã cung cấp vũ khí mua bằng tiền túi của mình cho Garibaldi. Đừng quên rằng cha Dumas là một vị tướng nổi danh của nền cộng hòa... Một người thiết tha yêu tự do và nhân loại.”

“Mặc dù ông ta chỉ tôn trọng sự thật một cách tương đối.”

“Điều đó không quan trọng. Ông biết ông ấy trả lời thế nào những người buộc tội mình cường hiếp lịch sử không? ‘Đúng, tôi cường hiếp lịch sử, nhưng để cho ra đời những đứa trẻ tuyệt vời.’”

Tôi đặt bút xuống, đi tới dãy tủ kính ken đầy sách phủ kín cả bức tường trong phòng làm việc, lấy ra một tập sách bằng da sẫm màu.

“Như tất cả những nhà kể chuyện ngụ ngôn vĩ đại,” tôi tiếp tục, “Dumas chẳng cần sự thực. Bá tước Dash, một người biết ông rất rõ, viết trong hồi ký rằng bất kỳ một giai thoại hoang đường nào qua tác phẩm của ông cũng được đón nhận như một sự thật lịch sử. Hồng y giáo chủ Richelieu chẳng hạn, là người vĩ đại nhất thời bấy giờ, nhưng một khi ngài Dumas phản phúc đã nhúng tay vào thì chỉ còn lại hình ảnh một con người hung ác xảo trá là lưu lại cho chúng ta mà thôi...” Tôi quay lại phía Corso, tay cầm cuốn sách. “Ông biết cuốn này chứ? Tác giả Gatien de Courtilz de Sandras là một lính ngự lâm sống vào cuối thế kỷ mười bảy. Đó là hồi ký của d’Artagnan thật, Charles de Batz-Castelmore, công tước d’Artagnan. Người này là dân Gascogne, sinh năm 1615 và đúng là một lính ngự lâm, mặc dù ông ta sống dưới thời hồng y Mazarin chứ không phải Richelieu. Ông ta chết năm 1673 trong chiến dịch bao vây Maastricht vào thời điểm mà, giống như huyền thoại cùng tên, ông ta sắp trở thành thống chế nước Pháp... Ông thấy đấy, hành động cường hiếp của Dumas quả tình đã sinh ra đứa nhỏ xinh đẹp làm sao, một gã Gascogne bằng xương bằng thịt không ai biết tới, bị lịch sử bỏ rơi, nhờ ngòi bút thiên tài của nhà văn mà đã trở thành một huyền thoại phi thường.”

Corso ngồi nghe. Cầm lấy cuốn sách, gã cẩn thận đọc lướt đầy hứng thú. Mấy đầu ngón tay khê khàng lật từng trang sách. Đôi khi gã dừng lại ở một cái tên hay một đầu chương. Đôi mắt đằng sau cặp kính linh hoạt và tự tin. Chỉ có một lần, gã ngừng lại để ghi vào sổ: “Hồi ký của ngài d’Artagnan, G. de Courtilz. 1704, P. Rouge, 4 tập, khổ 12 mo[7], xuất bản lần thứ tư.” Sau đó gã gấp sổ lại rồi nhìn tôi.

[7] mo, vo, folio, recto, quarto...: các chuẩn quốc tế về kích cỡ sách.

“Ông nói ông ta là một kẻ bịa chuyện.”

“Phải,” tôi đáp rồi lại ngồi xuống. “Nhưng là kẻ bịa chuyện thiên tài. Trong khi một số người chỉ biết ăn cắp ý tưởng thì ông ta lại tạo ra một thế giới tồn tại mãi đến nay... ‘Không phải ăn cắp mà là chế ngự’, ông thường nói vậy. Mỗi lãnh địa ông chiếm được liền được sáp nhập vào đế quốc của mình: Ông đặt ra luật lệ, đưa dân tới định cư với lễ nhạc và nghị lực, cái bóng khổng lồ của ông trùm lên toàn cõi. Thử hỏi đó còn là thứ gì khác ngoài sáng tạo văn chương? Với Dumas, lịch sử nước Pháp là một nguồn tài nguyên dồi dào. Và thủ đoạn của ông thật siêu phàm: Ông thay bức tranh những vấn đề nguyên cái khung, vắt kiệt kho báu được dâng tặng cho mình. Ông đổi vai chính thành vai phụ, biến kẻ tầm thường thành nhân vật chủ đạo, rồi ông tạo ra sự kiện từ những chi tiết chỉ chiếm đôi dòng trong biên niên sử. Hiệp ước bè bạn giữa d’Artagnan và các bạn chưa bao giờ tồn tại, lý do là một nửa trong số họ chẳng hề biết những người kia. Không có cả công tước de la Fère. Hoặc đúng hơn là có vài người trong số họ, dù rằng không có ai tên Athos. Nhưng Athos quả thật tồn tại. Đó là Armand de Sillegue, huân tước Athos, chết trong một cuộc đổ kiếm trước khi d’Artagnan trở thành lính ngự lâm của nhà vua. Aramis là Henri d’Artamitz, một điền chủ và là thầy tu dân dã làm quản gia ở Oloron, được nhận vào lính ngự lâm nhờ sự thỉnh cầu của ông chú vào năm 1640. Anh ta chết tại điền trang của mình, có vợ và bốn đứa con. Còn về Porthos...”

“Đừng nói với tôi là cũng có một Porthos nhé.”

“Có chứ. Tên anh ta là Isaas de Portau và hẳn là có quen biết Aramis, bởi vì anh ta tham gia ngự lâm quân chỉ sau anh này có ba năm, năm 1643. Theo biên niên sử, anh ta chết yếu vì bệnh dịch trong thời chiến, hoặc cũng có thể trong một cuộc quyết đấu như Athos.”

Corso gõ gõ ngón tay lên cuốn Hồi ký của d’Artagnan và lắc đầu mỉm cười. “Giờ thì chắc ông nói với tôi là có một Miladdy.”

“Chính xác. Nhưng tên bà ta không phải là Anne de Breuil, cũng chẳng phải nữ công tước De Winter. Cũng không có hình xăm hoa huệ trên vai. Nhưng đúng là mật vụ của Richelieu. Bà ta là nữ bá tước Carlisle và từng nâng mất hai viên kim cương của công tước Buckingham... Đừng nhìn tôi thế. Tất cả là từ hồi ký của La Rochefoucauld. Và La Rochefoucauld là người rất đáng kính.”

Corso nhìn tôi chăm chăm. Gã là người không dễ ngạc nhiên, đặc biệt khi nói đến sách, nhưng lần này gã có vẻ xúc động. Về sau, khi hiểu gã hơn, tôi tự hỏi không biết về ngạc nhiên của gã là thật hay chỉ là một mảnh lối nghề nghiệp. Bây giờ khi mọi chuyện đã qua, tôi nghĩ tôi hiểu: Tôi là thêm một nguồn tin nữa và gã đang cố moi được ở tôi càng nhiều càng tốt.

“Tất cả những điều này rất thú vị,” gã nói.

“Nếu ông tới Paris, Replinger có thể cho ông biết nhiều hơn tôi.” Tôi nhìn bản thảo trên bàn. “Tuy nhiên, tôi không chắc những thứ đó đáng tiền hơn cái giá trị của chuyến đi... Chương này bán được bao nhiêu trên thị trường?”

Gã lại tiếp tục gặm cây bút chì và có vẻ nghi ngờ. “Không nhiều lắm. Thực ra tôi đang theo đuổi thứ khác.”

Tôi cười buồn. Trong số tài sản của tôi, có một bản Don Quixote của nhà Ibarra và một chiếc Volkswagen. Tất nhiên cái xe giá trị hơn quyển sách.

“Tôi hiểu ông muốn nói gì,” tôi nhiệt tình đáp.

Corso phác một cử chỉ ra ý bỏ qua, nhe hàm răng chuột cười chua chát. “Trừ phi người Nhật chán Van Gogh và Picasso, quay sang đầu tư vào những cuốn sách hiếm,” gã nói.

Tôi nhún vai: “Chúa sẽ giúp chúng ta nếu chuyện đó xảy ra.”

“Nói riêng với ông thôi nhé,” gã nhìn tôi nhạo báng qua cặp kính cong queo, “tôi định kiếm một món lớn.”

Gã cất cuốn sổ đi rồi đứng dậy, quàng dây đeo cái túi vải buồm qua vai. Tôi không khỏi ngạc nhiên về gương mặt làm bộ thần nhiên của gã với cái kính gọng thép nằm hững hờ trên mũi. Sau này tôi biết rằng gã sống một mình, xung quanh chỉ toàn sách, của gã và của người khác, và vừa là một người săn lùng sách, gã vừa là một chuyên gia về các trận đánh của Napoléon. Gã có thể sắp xếp trên một tấm bảng hoàn toàn theo trí nhớ của mình vị trí chính xác của các đạo quân trong đêm xảy ra trận Waterloo. Đó là một chi tiết riêng tư hơi lạ lùng mãi về sau tôi mới biết. Phải thừa nhận là theo sự mô tả này thì Corso không mấy quyến rũ. Đúng ra còn phải bổ sung thêm vào cái vẻ ngoài coi bộ rất vụng về của gã, cái vẻ vụng về mà tôi không biết bằng cách nào cùng một lúc lại có thể vừa dễ tổn thương vừa cay độc, vừa ngây thơ vừa hiểu chiến, khiến gã trở nên quyến rũ đối với đàn bà và khả ái với đàn ông. Nhưng cảm giác tốt đẹp mau chóng tiêu tan khi bạn sờ túi và phát hiện ví tiền không còn nữa.

Corso lấy lại tập bản thảo. Tôi tiễn gã ra ngoài rồi chia tay gã ở hành lang, nơi có những chân dung mộc mạc của Stendhal, Conrad và Valle-Inclan in rất xấu mà hội những người thuê nhà quyết định treo ở đầu cầu thang mấy tháng trước, chuyện này đã khiến tôi mất hứng.

Chỉ đến lúc đó tôi mới mạnh dạn nói với gã, “Tôi phải thú thực là rất muốn biết ông tìm được nó ở đâu.”

Corso lưỡng lự hồi lâu. Tôi đã tiếp đãi gã với thái độ thân thiện, gã nợ tôi điều đó. Mà cũng có thể gã còn cần tôi.

“Có lẽ ông biết hẳn,” sau cùng gã trả lời. “Khách hàng của tôi mua bản thảo bày từ một tay Taillefer nào đó.”

Tôi cho phép mình biểu lộ một vẻ ngạc nhiên vừa đủ. “Enrique Taillefer? Làm nghề xuất bản?”

Gã cẩn thận quan sát hành lang vắng lặng, rồi mới gật đầu. “Đúng vậy.”

Cả hai cùng im lặng. Corso nhún vai, và tôi hiểu vì sao. Lý do có thể tìm thấy trên bất kỳ tờ báo nào: Enrique Taillefer chết tuần trước. Người ta thấy hắn chết treo trong nhà mình, cái dây lưng áo ngủ bằng lụa tròng quanh cổ, bàn chân đu đưa trong khoảng không, bên trên cuốn sách mở tung và chiếc bình hoa bằng sứ vỡ vụn.

Không lâu sau, khi mọi cái đã qua đi, Corso đồng ý kể cho tôi phần còn lại của câu chuyện. Nhờ vậy lúc này tôi có thể cung cấp một bức tranh chính xác về chuỗi sự kiện mà tôi không được chứng kiến, những sự kiện dẫn tới kết cục định mệnh và lời giải về bí mật xung quanh Câu lạc bộ Dumas. Nhờ có những điều Corso cho biết mà bây giờ, giống như bác sĩ Watson, tôi có thể thuật lại màn kịch tiếp theo xảy ra trong quán bar của Makarova một giờ sau khi chúng tôi gặp nhau.

Flavio La Ponte rũ nước mưa trên mình, ngả người trên quầy về phía Corso, vừa thở vừa kêu một bia. Đoạn hắn nhìn ra phố, hung hăng song đặc ý, cứ như vừa thoát ra khỏi một phát súng bắn tía. Cơn mưa thật khủng khiếp.

“Công ty Armengol & Sons, Antiquarian Books and Bibliographical Curiosities định đưa anh ra tòa,” hắn nói, một vệt bọt bia bám vòng quanh chòm râu quăn vàng hoe. “Luật sư của họ vừa điện thoại.”

“Họ buộc tội tôi cái gì?”

“Lừa gạt một bà góa phụ yếu đuối và tước đoạt tử sách của bà ta. Họ thề rằng mỗi hàng đó là của họ.”

“Muốn vậy thì họ phải tỉnh giấc sớm hơn tôi.”

“Tôi cũng nói thế, nhưng họ vẫn dùng dùng giận dữ. Khi họ tới lấy sách, cuốn Persiles và Royal Charter of Castille đã biến mất. Và anh đã định giá phần còn lại ngoài dự kiến. Vì vậy bây giờ người chủ không bán nữa, bà ta muốn gấp đôi số tiền họ định trả.” Hắn uống một ngụm bia và nháy mắt đầy ẩn ý. “Mảnh khõe đó vẫn thường được dùng để găm một tử sách.”

“Tôi biết nó gọi là gì.” Corso cười xấu xa. “Và Armengol & Sons cũng biết.”

“Dùng tàn nhẫn thế,” La Ponte nói một cách vô tư. “Thực ra cái làm họ đau nhất là Royal Charter. Họ nói rằng anh chơi đòn ngầm.”

“Đời nào tôi để nó lại chứ? Bản chú giải Latinh của Diaz de Montalvo, không có chi tiết bản in đá nhưng được Alonso Del Puerto in ở Seville, có lẽ vào năm 1482...” Gã sửa lại cặp kính và nhìn tên bạn. “Cậu nghĩ sao?”

“Có vẻ hợp với tôi. Nhưng chúng hơi thất thường.”

“Vậy thì chúng cần một viên thuốc an thần.”

Lúc này mới chập choạng tối, không gian trong quầy bar rất nhỏ nên mọi người phải ép sát vào nhau, vai kề vai trong khói thuốc lá mù mịt và tiếng thì thầm nói chuyện, cố không để khuỷu tay áo dính vào những vũng bia trên mặt quầy.

“Rõ ràng,” La Ponte tiếp tục, “cuốn Persiles là ấn bản đầu tiên. Bìa sách có chữ ký của Trautz-Bauzonnet.”

Corso lắc đầu. “Của Hardy. Bằng da Maroc.”

“Càng hay. Dù sao tôi cũng đã thề không dính dáng gì tới nó. Anh biết tôi ác cảm với chuyện kiện tụng mà.”

“Nhưng không ác cảm với ba mươi phần trăm lợi nhuận.”

La Ponte giơ tay đầy vẻ đường hoàng. “Dừng ở đây. Dừng lẫn lộn việc làm ăn với thú vui, Corso. Tình bằng hữu tốt đẹp của ta là một chuyện, nỗi xúp của đám con tôi là chuyện khác.”

“Cậu chẳng có đứa con nào hết.”

La Ponte nhìn gã láu lỉnh. “Cho tôi thời gian. Tôi còn trẻ mà.”

Hắn vóc người không cao, dễ coi, phong nhã và khá bảnh. Mớ tóc trên đỉnh đầu hơi mỏng, hắn vuốt nó xuống bằng tay, sau đó kiểm tra lại dung mạo trong chiếc gương của quầy bar. Rồi đưa mắt nhìn quanh xem xét các bà. Hắn luôn chừng mực và thích dùng câu ngắn trong đối thoại. Cha hắn, một người buôn sách rất trí thức, đã dạy hắn viết bằng cách đọc cho hắn những bài luận của Azorín[8]. Ngày nay rất ít người còn đọc Azorín, nhưng La Ponte vẫn thích ghép câu kiểu Azorín. Với nhiều dấu chấm câu. Cái đó mang lại cho hắn sự tự tin khi đối diện với các nữ khách hàng quyến rũ tại gian trong cửa hàng của hắn ở Calle Mayor, nơi hắn cất giữ những tác phẩm ái tình cổ điển.

[8] Azorín (José Augusto Trinidad Martinez Ruiz, 1873-1967): nhà phê bình văn học, nhà văn tiên phong người Tây Ban Nha.

“Dù sao đi nữa,” hắn thêm, “tôi còn mấy chuyện làm ăn dở dang với Armengol & Sons. Khá nhạy cảm, nhưng tôi có thể nhanh chóng kiểm soát lại.”

“Cậu cũng có công chuyện với tôi nữa,” Corso vừa nói vừa hớp một ngụm bia. “Cậu là gã buôn sách kiết xác duy nhất tôi chịu hợp tác. Và cậu sẽ là người bán những cuốn sách đó.”

“Được rồi, được rồi,” La Ponte điềm đạm trả lời. “Anh biết tôi là người thực tế. Một kẻ thực dụng xoàng xĩnh.”

“Phải.”

“Hãy hình dung đây là một câu chuyện miền Tây. Vì là bạn anh, tôi phải hứng chịu một viên đạn, nhưng chỉ vào vai thôi.”

“Cũng chỉ thế thôi.” Corso nói.

“Dù sao thì cũng chẳng thành vấn đề.” La Ponte lơ đãng nhìn quanh. “Tôi nhắm được người mua cho Persiles rồi.”

“Vậy thì hãy lấy thêm một bia. Ứng trước cho khoản hoa hồng của cậu.”

3. Chương 01 - Phần 3

Họ là bạn bè cũ. Cả hai đều thích bia sủi bọt và rượu gin Bols đựng trong chai bằng đất nung tráng men. Nhưng trên hết họ đều say mê những cuốn sách cổ hiếm có và những phiên đấu giá tổ chức trong gian phòng cổ kính ở Madrid. Họ gặp nhau nhiều năm trước, khi Corso mọc rễ ở mấy cửa hàng sách chuyên về các tác giả Tây Ban Nha. Một khách hàng của gã muốn tìm một bản in không chính thức của cuốn *Celestina* được cho là xuất hiện sớm hơn ấn phẩm đã biết năm 1499. La Ponte không có cuốn đó, thậm chí còn chưa từng nghe nói, nhưng hắn lại có một cuốn của Julio Ollero, Sách tra cứu về những cuốn sách hiếm và những ấn phẩm truyền kỳ trong đó có nói về cuốn sách này. Họ chuyện trò về sách và nhận ra rằng hai người có khá nhiều cái chung. La Ponte đóng cửa hàng, hai người đánh dấu tình bạn bằng cách uống hết những thứ uống được ở quán bar của Makarova trong khi trao đổi với nhau những giai thoại về Melville. La Ponte kể những mẩu chuyện về Pequod[9] và những trò phóng túng của Azorín. “Cứ gọi tôi là Ishmael,” hắn nói rồi ngửa cổ nốc một hơi cạn ly Bols thứ ba. Và Corso gọi hắn là Ishmael, đọc tặng hắn đoạn trích về cây lao thép của Ahab: “Ba cú lao xuyên vào da thịt hoang dại và Cá Voi Trắng nổi giận đùng đùng.”

[9] Pequod: con tàu săn cá voi tưởng tượng trong tiểu thuyết *Moby-Dick* nổi tiếng (1851) của nhà văn Mỹ Herman Melville (1819-1891).

Họ uống mừng thật thỏa thuê. Khi ấy La Ponte không ngắm các cô gái ra vào quầy bar nữa. Hắn thề sẽ giữ mãi tình bạn với Corso. Mặc dù miệng lưỡi cay độc hiếu chiến và có máu tham nghề nghiệp của một tay bán sách cổ, bản chất La Ponte vẫn là một gã khờ. Vì vậy hắn không hề nhận ra rằng người bạn mới với cặp kính trễ chuẩn bị ngấm ngầm cho hắn một cú thọc sườn: Corso tĩa được mấy cuốn trên giá sách của hắn, gã nhắm chúng cho những giao dịch ngon lành. Nhưng La Ponte, với nét mặt nhợt nhạt, chòm râu xoắn, vẻ lịch thiệp của thủy thủ Billy Budd và tính mộng mơ của một thợ săn cá voi bất đắc chí, đã đánh thức sự đồng cảm của Corso. La Ponte thậm chí có thể kể tên toàn bộ thủy thủ đoàn của Pequod: Ahab, Stubb, Starbuck, Flask, Perth, Parsee, Queequeg, Tasthego, Daggoo... Hay tên của tất cả những con tàu được nhắc tới trong *Moby-Dick*: Goney, Town-Ho, Jeroboam, Jungfrau, Rachel... Và, thật khó tin, hắn còn biết cả long diên hương là thứ gì. Họ nói về sách và cá voi. Đêm đó Hội ái hữu những người phóng lao Nantucket ra đời, với chủ tịch là Flavio La Ponte và thủy thủ Lucas Corso. Hai người là những thành viên duy nhất dưới sự bảo trợ khoan dung của Makarova. Ảo đời họ chiều cuối và kết thúc bằng màn uống chung một chai gin với họ.

“Tôi sẽ đi Paris,” Corso vừa nói vừa quan sát một bà béo đang nhét xềng hết đồng nọ tới đồng kia vào máy chơi, tựa hồ niềm vui ngờ ngẩn khi đoạt những giải thưởng bé tẹo và tiếng chuông rung có thể giữ rịt bà ta ở đó; mê mẩn và bất động, chỉ có bàn tay nhăn nheo. “Để điều tra về Rượu vang Anjou của cậu.”

Tên bạn nhả mũi liếc xéo gã. Paris có nghĩa là tốn kém và rắc rối hơn. La Ponte là một gã buôn vặt kiệt xác.

“Anh biết tôi không gánh nổi chi phí mà.”

Corso thong thả nốc cạn ly. “Cậu chịu được.” Gã moi ra mấy đồng tiền trả cho lượt của mình. “Tôi sẽ kết hợp với mấy việc khác.”

“Thật ư?” La Ponte nói với giọng kích động.

Makarova đặt thêm hai cốc bia lên mặt quầy. Ả cao lớn, tuổi chừng bốn mươi, tóc vàng cắt ngắn, một tai đeo vòng, kỷ niệm thuở còn làm việc trên con tàu đánh cá bằng lưới vét ở Nga. Cái quần bó và chiếc áo sơ mi xắn đến tận nách. Hai bắp tay phát triển quá mức, không phải là sản phẩm duy nhất mang tính đàn ông trên người ả. Điều thuốc cháy âm ỉ thường trực trên mép. Vóc người và dáng đi Baltic khiến ả trông như một thợ máy trong xưởng chế tạo ổ bi ở Leningrad.

“Tôi coi cuốn sổ đó rồi,” ả nói với Corso, đầu lưỡi uốn cong khi phát âm chữ “r”, tàn thuốc rớt trên chiếc áo sơ mi ẩm ướt khi ả nói. “Cô ả Bovary ấy. Thật đúng là con nhỏ điên rồ đáng thương.”

“Tôi rất mừng vì cô đã nắm được cốt lõi câu chuyện.”

Makarova lau quầy bằng một miếng giẻ. Ở đầu bên kia quầy, Zizi vừa đếm tiền vừa quan sát. Ả hoàn toàn tương phản với Makarova: trẻ hơn nhiều, mảnh dẻ và ghen khùng khiếp. Đôi lần, ngay trước khi đóng cửa, họ cãi nhau trong tình trạng xỉn, thậm chí còn choảng nhau gần chết. Một bữa, sau mấy lần như thế, hồ mắt tím bầm, Zizi nổi xung bỏ đi trong điên cuồng và thù hận. Makarova nhỏ vô khối nước mắt vào bia cho đến lúc Zizi trở lại ba ngày sau. Đêm đó họ đóng cửa sớm rồi ôm eo nhau ra về, hôn nhau giữa đường giống như một cặp tình nhân tuổi teen.

“Anh ta sắp đi Paris,” La Ponte hắt đầu về phía Corso nói. “Để xem có moi được cái gì bí ẩn không.”

Makarova gom mấy cái ly cạn và nhìn Corso qua khối thuốc. “Anh ta lúc nào chẳng bận bịu chuyện gì đấy,” ả nói với giọng cổ nghèn nghẹt.

Ả thả đồng ly vào chậu rửa rồi tới phục vụ mấy người khách khác, đôi vai rộng lắc lư. Corso là khách hàng khác giới duy nhất không bị ả coi thường, ả công bố điều đó mỗi lần miễn phí cho gã một châu uống. Cả Zizi cũng coi như gã vô hại. Một bận Makarova bị bắt khi đâm vào mặt cảnh sát trong một cuộc điều hành vì quyền của người đồng tính, Zizi đợi suốt đêm trên ghế băng ở đồn cảnh sát. Corso đã sử dụng mọi mối quan hệ của gã với giới cảnh sát, ở lại đó với ả, mang cho ả bánh sandwich và chai gin. Chuyện đó đã khiến La Ponte nổi cơn ghen ngớ ngẩn.

“Sao lại là Paris?” hấn hỏi dù tâm trí đang bị thứ khác xâm chiếm. Khuỷu tay trái hấn húc vào vật gì đấy mềm mại rất dễ chịu. Hấn mừng rỡ nhận ra rằng bên cạnh hấn là một cô gái tóc vàng với bộ ngực khủng bố.

Corso nuốt vội ngụm bia. “Tôi cũng sẽ tới Sintra ở Bồ Đào Nha nữa.” Gã vẫn đang nhìn bà béo bên cái máy trò chơi. Bà ta thua hết xèng và đang đổi tiền ở chỗ Zizi. “Để làm một số việc cho Varo Borja.”

Gã bạn huyết lên một tiếng sáo. Varo Borja, nhà buôn sách hàng đầu Tây Ban Nha. Catalô của lão ta nhỏ nhưng được tuyển lựa kỹ. Lão ta còn nổi danh là một kẻ mê sách hơn tiền. Đây kích động, La Ponte gọi thêm bia và hỏi thêm tin tức, với vẻ tham lam xuất hiện theo bản năng mỗi khi nghe thấy từ sách. Mặc dù tự nhận keo kiệt và nhát gan, hấn không phải là kẻ đồ kỵ, trừ phi có liên quan đến những cô nàng xinh đẹp bốc lửa. Trong chuyện chuyên môn, hấn sẵn lòng chịu chút mạo hiểm để có được những món tốt, nhưng hấn cũng thực kính nể công việc và đám khách hàng của ông bạn.

“Cậu có khi nào nghe nói đến Chín cánh cửa chưa?”

Gã buôn sách lục lại hồi lâu trong túi, hy vọng lần này Corso sẽ trả tiền. Hấn vừa quay người lại để nhìn rõ hơn cô nàng khêu gợi bên cạnh, nhưng câu nói của Corso khiến hấn lập tức quên ả.

“Đừng nói với tôi là Varo Borja đứng đằng sau cuốn sách đó...” La Ponte ngạc nhiên nói.

Corso đặt mấy đồng xu cuối cùng lên mặt quầy. Makarova mang tới hai vại bia mới. “Lão đã kiếm được nó cách đây ít lâu. Đã tốn cả đồng tiền.”

“Tôi cũng đoán lão sẽ làm vậy. Chỉ có ba hay bốn bản được nhắc đến.”

“Ba,” Corso khẳng định. “Một ở Sintra, nằm trong bộ sưu tập của Fargas. Một nữa ở Paris, thuộc về Quỹ tài trợ Ungern. Varo Barja mua được bản thứ ba từ thư viện Terral-Coy ở Madrid.”

Mê mẩn, La Ponte vuốt ve chòm râu xoắn. Tất nhiên hắn đã nghe nói tới Fargas, nhà sưu tập Bồ Đào Nha. Còn bà nam tước Ungern, đó là một mục giả điên trở thành triệu phú bằng cách viết sách nghiên cứu về ma quỷ và huyền bí. Cuốn sách mới đây của bà ta, Isis khỏa thân, từng là sản phẩm gây sốt nóng các cửa hàng.

“Cái tôi không hiểu là anh phải làm gì với nó?” La Ponte nói.

“Cậu có biết lịch sử cuốn sách không?”

“Loáng thoáng thôi,” La Ponte đáp.

Corso thọc ngón tay vào cốc bia rồi nguệch ngoạc mấy hình vẽ lên mặt quầy bằng đá cẩm thạch. “Thời kỳ: giữa thế kỷ mười bảy. Bối cảnh: Venice. Nhân vật chính: một chủ nhà in tên là Aristide Torchia quyết định phát hành một cuốn sách tựa đề Sách về chín cánh cửa của vương quốc bóng tối, một dạng sách chỉ dẫn cách triệu hồi ác ma. Khi đó không phải thời kỳ thích hợp lắm: tòa án dị giáo bèn vào cuộc và dễ dàng tóm được Torchia. Ông này bị buộc tội đã tiến hành những ma thuật của quỷ vương và mọi thứ liên quan, sự tình còn trầm trọng hơn khi họ kết luận rằng ông này đã cho in lại chín bức họa trong Delomelanon, quyển sách huyền bí kinh điển mà theo truyền thuyết do chính quỷ vương Lucifer viết ra.”

Bên kia quầy Makarova đã nhích lại gần, bàn tay chùi vạt áo, háo hức lắng nghe. La Ponte sắp tợp một ngụm bia liền ngừng lại hỏi, theo bản năng liền khoác ngay dáng vẻ một gã buôn sách tham lam, “Chuyện gì xảy ra với cuốn sách?”

“Cậu có thể tự mình hình dung: Tất cả các bản in bị thiêu hủy.” Corso cầu nhàu. Hắn có vẻ tiếc là đã quên chuyện đó. “Còn có người nói đã nghe thấy tiếng ma quỷ gào thét trong đám cháy.”

Makarova cầm hai cốc bia, khuỷu tay dè lên mấy hình vẽ bằng bia của Corso, miệng lẩm bẩm hoài nghi. Với mái tóc vàng, vóc dáng đàn ông và tính khí lạnh lùng của dân Bắc Âu, ả không ưa gì những trò mê muội tối tăm của người miền Nam. La Ponte thì càng kích động hơn. Chợt thấy cổ họng khô khốc, hắn tợp một ngụm bia.

“Đó hẳn là tiếng gào của chủ nhà in.”

“Hắn thế.”

Corso tiếp tục. “Được tòa án dị giáo chăm sóc chu đáo theo cách dành cho những kẻ buôn bán các sản phẩm ma quỷ, cuối cùng người thợ in thú nhận giữa những tiếng gào thét rằng vẫn còn một cuốn sách giấu ở đâu đó. Sau đó hắn ngậm miệng kể cả khi bị thiêu sống, chỉ thốt lên mỗi một từ Aagh.”

Makarova cười khinh hoặc trước số phận của người thợ in Torchia hoặc với viên đao phủ không thể bắt ông ta thú nhận. La Ponte nhăn mặt.

“Anh nói là chỉ còn lại một cuốn,” hắn phản bác. “Nhưng trước đó anh nói rằng có ba.”

Corso gỡ kính, soi ra ánh sáng xem có sạch không.

“Đó mới là vấn đề,” gã nói, “những cuốn sách luân lạc qua chiến tranh, trộm cắp và hỏa tai. Không biết cuốn nào là thật nữa.”

“Có khả năng tất cả đều là giả,” Makarova góp chuyện ra chiều sành sỏi.

“Có thể. Vì thế tôi phải tìm hiểu xem có phải Varo Borja giả trò bịp bợm hay không. Đó cũng là lý do tôi phải đi Sintra và Paris.” Gã sửa lại cặp kính rồi nhìn La Ponte. “Trong khi ở đó, tôi sẽ xem lại bản thảo của cậu.”

Gã buôn sách thận trọng đồng ý, mắt nhìn cô nàng ngực to trong gương. “So với cái đó, có vẻ như thật buồn cười khi anh để mất thì giờ với Ba người lính ngự lâm...”

“Cái gì?” Makarova xen vào, hết hẳn dừng dừng. Ắ thực sự bị xúc phạm. “Đó là cuốn truyện hay nhất tôi được đọc!”

Ắ lấy tay vỗ mạnh lên mặt quầy bày tỏ thái độ, bấp cơ trên cánh tay phồng lên. Boris Balkan hẳn sẽ rất vui mừng khi nghe điều đó, Corso nghĩ. Ngoài tiểu thuyết của Dumas, những cuốn nằm trong danh sách top ten của Makarova (mà gã là cố vấn văn học) bao gồm Chiến tranh và hòa bình, Đồi cỏ hoang và Carol của Patricia Highsmith.

“Đừng lo,” gã nói với La Ponte. “Tôi sẽ bắt Varo Borja chịu phí tổn. Nhưng tôi muốn nói rằng Rượu vang Anjou của cậu là đồ thật. Ai lại làm giả một thứ như vậy chứ?”

“Người ta có thể làm đủ mọi thứ,” Makarova giọng thạo đời xen vào.

La Ponte đồng ý với Corso - giả mạo một tài liệu như vậy là ngu ngốc. Lão Taillefer quá cố đã đảm bảo với hẳn tính chân thực của nó. Nó chính là của Dumas. Và Taillefer là người đáng tin.

“Tôi thường mang tới cho hẳn những tờ báo cũ có đăng truyện nhiều kỳ. Hẳn đặt mua tất cả những thứ đó.” Hẳn tộp một ngụm rồi tự giễu mình. “Một lý do không tồi để ngắm đôi chân cô vợ hẳn. Đó là một người đẹp tóc vàng bốc lửa. Rồi bỗng một hôm hẳn mở ngăn kéo lấy Rượu vang Anjou đặt lên bàn. ‘Đây là của anh,’ hẳn nói thẳng, ‘với điều kiện anh phải lấy xác nhận của một chuyên gia rồi bán ngay lập tức.’”

Một khách hàng kêu nước khoáng. Makarova chửi thề rồi vẫn đứng nguyên đó, điều thuốc lị dần trên môi, mắt khép hờ vì khói thuốc. Ắ chờ phần kết câu chuyện.

“Thế thôi hả?” Corso hỏi.

La Ponte phác một cử chỉ mơ hồ. “Gần như thế. Tôi đã cố ngăn vì biết hẳn thường phát rò đối với những thứ như vậy. Hẳn có thể bán cả linh hồn vì một quyển sách hiếm. Nhưng hẳn đã quyết. Hẳn nói, ‘Nếu anh không làm, tôi sẽ trao nó cho người khác.’ Chuyện đó chạm vào chỗ nhạy cảm, tất nhiên. Nhạy cảm nghề nghiệp, ý tôi là vậy.”

“Không cần giải thích,” Corso nói. “Cậu còn có thể làm quái gì đây?”

La Ponte quay sang Makarova cầu cứu, nhưng liếc thấy đôi mắt màu đá của ắ hẳn liền thôi ngay. Đôi mắt trông ám áp như vịnh fjord ở Na Uy vào lúc ba giờ sáng.

“Đúng là anh hát chị khen hay,” hẳn thốt lên cay đắng.

Người đàn ông kêu nước khoáng hẳn khát lắm, Corso nghĩ, bởi vì hẳn vẫn kiên trì đòi. Makarova lườm gã khách hàng và vẫn không động đậy, bảo hẳn tìm quán khác trước khi ắ khiến cho hổ mắt hẳn đổi sang màu đen. Người này nghĩ ngợi. Có vẻ hẳn hiểu ý. Hẳn bỏ đi.

“Enrique Taillefer là một người kỳ dị.” La Ponte lùa bàn tay dưới mái tóc mỏng của mình, tiếp tục ngắm nàng tóc vàng trong gương. “Hẳn muốn tôi bán bản thảo và công khai cho tất cả những người buôn sách khác.” Hẳn hạ giọng để ắ tóc vàng không nghe thấy. “‘Ai đó sắp có dịp ngạc nhiên,’ Taillefer bảo tôi với vẻ bí ẩn, nháy mắt như thể định đùa cợt người nào đấy. Bốn ngày sau hẳn chết.”

“Chết,” Makarova lặp lại bằng giọng cổ, tựa hồ đang thưởng thức giọng nói của mình. Mỗi lúc ắ một thêm hứng thú.

“Tự tử,” Corso nói rõ.

Ắ nhún vai, tỏ ra là với ắ tự tử hay bị giết chẳng có gì khác nhau lắm. Có một bản thảo đáng ngờ và một cái xác: hoàn toàn đủ để giả định là có âm mưu gì đấy rồi.

Nghe đến chữ “tự tử”, La Ponte gật đầu với vẻ ủ dột. “Họ nói vậy.”

“Cậu có vẻ không chắc lắm.”

“Quả vậy. Chuyện hơi kỳ quặc.” Hẳn lại nhăn mặt, bỗng nhiên nom ỉu xiu và quên hẳn ắ tóc vàng. “Tôi nghĩ thấy có mùi gì đấy ám muội.”

“Taillefer có nói bằng cách nào hẳn kiếm được tập bản thảo không?”

“Lúc đầu tôi không hỏi. Tới lúc xảy ra chuyện thì lại quá muộn rồi.”

“Cậu đã nói chuyện với bà vợ góa chưa?”

La Ponte tỉnh hẳn người. Hắn cười toét miệng. “Để lúc khác tôi nói.” Tựa như hắn nhớ ra mình còn một con bài tú. “Đó sẽ là thù lao cho anh. Tôi không thể chi nổi dù chỉ một phần mười số tiền Varo Borja trả cho cuốn Sách về chín lời nói dối của hắn đâu.”

“Tôi sẽ lấy đúng tỷ lệ đó khi cậu tìm được một khách hàng sộp và trở thành triệu phú. Chỉ sau đấy tôi mới lấy tiền.”

La Ponte lộ vẻ đau khổ. Thành cha vốn ưa nhạo báng nhưng lại có phần đa cảm, Corso nghĩ.

“Tôi cứ nghĩ anh giúp tôi vì là bạn bè,” La Ponte phản kháng. “Anh biết đấy. Câu lạc bộ những Người phóng lao Nantucket. Lẽ nào chỉ để nói với nhau: Xem con nhỏ phụt nước kia! cùng với những thứ nhảm nhí tương tự?”

“Bạn bè,” Corso đáp rồi nhìn quanh như muốn tìm ai đấy giải thích từ này cho gã hiểu. “Ở quầy bar và nghĩa địa có cả đồng bạn tốt.”

“Vậy lúc cần anh dựa vào ai, mẹ kiếp?”

“Vào chính anh ta,” Makarova thở dài. “Corso chẳng bao giờ cần ai giúp.”

La Ponte tuyệt vọng nhìn cô nàng ngực to bỏ đi với một gã trẻ tuổi bánh bao trông như người mẫu. Corso vẫn nhìn bà già to béo bên cái máy trò chơi đã lại thua hết xèng. Bà ta đứng đó, ánh mắt bối rối, trông rỗng, hai tay buông thõng. Chỗ bà ta chơi đã bị một người đàn ông cao lớn da màu có bộ râu đen rậm và vết sẹo trên mặt thế vào. Trong một thoáng Corso nghĩ rằng hắn ta trông quen mặt, nhưng cảm giác này biến mất trước khi gã chớp được nó. Đối nghịch với nỗi thất vọng của bà béo, cái máy lúc này lại đang tuôn ra cả một dòng thác những đồng xèng ăm ỉ.

Makarova trao cho Corso cốc bia cuối cùng trong quán. Lần này La Ponte trả tiền cho lượt của hắn.

4. Chương 02 - Phần 1

II. BÀN TAY NGƯỜI CHẾT

Milady mỉm cười, và d'Artagnan cảm thấy chàng có thể xuống địa ngục rồi từ đó quay về vì nụ cười đó.

Dumas, BA NGƯỜI LÍNH NGỰ LÂM.

Có những bà góa không thể an ủi được và cũng có những bà mà bất kỳ người đàn ông nào cũng sẵn lòng đưa ra những lời khuyên thích hợp. Liana Taillefer chắc chắn thuộc loại thứ hai. Cao lớn tóc vàng, làn da trắng xanh, điệu bộ uể oải, ả thuộc loại đàn bà châm thuốc lá lâu ghê gớm và suốt thời gian đó cứ nhìn thẳng vào mắt người đàn ông. Vẻ lạnh lùng cao ngạo đó là kết quả của việc ả biết mình hao hao giống nữ minh tinh Kim Novak dù rằng thân hình hơi quá phì nhiêu, và là người hưởng lợi duy nhất từ ngài Enrique Taillefer quá cố, chủ nhà xuất bản và công ty trách nhiệm hữu hạn có tài khoản nhà băng mà thuật ngữ “có khả năng thanh toán” chỉ là một cách nói mập mờ hoa mỹ mà thôi. Thật đáng ngạc nhiên về số “xiên” một cá nhân có thể kiếm được từ việc xuất bản mấy cuốn sách dạy nấu ăn, thí dụ như Một ngàn món tráng miệng ngon nhất của La Mancha hay mười lăm xuất bản phẩm bán chạy nhất thuộc loại sách cổ điển đó, Bí quyết các món nướng.

Nhà Taillefer sống tại một căn hộ sang trọng ở nơi từng là lâu đài Marqués de Los Alumbres. Về phương diện trang trí, người chủ có vẻ nhiều tiền hơn là khiếu thẩm mỹ. Đó có thể là lý do duy nhất biện minh cho việc đặt thứ đồ sứ khó coi của Lladro - cô bé và con vịt - trong cùng một ngăn tủ với tượng mấy người chần cừu bé nhỏ của hãng Meissen mà Enrique Taillefer quá cố hoặc bà vợ hắn đã phải trả một món hậu hĩnh cho một tay buôn đồ cổ ma mãnh đang mua về, Corso bình thản ghi nhận vậy. Tất nhiên còn có một cái

bàn Bierdermeier và một chiếc piano Steinway đặt trên tấm thảm phương Đông quý phái. Và một sofa ẩm cứng bọc da màu trắng trên đó Liana Taillefer ngồi vắt chéo đôi chân với những đường nét tuyệt mỹ. Chiếc váy đen dành cho các bà góa sành điệu chỉ che đến trên đầu gối khi ngồi, gợi ý tế nhị tới những đường cong phong nhiêu, bí ẩn và tằm tối ở phía trên, theo lời kể của Corso sau này. Cần nói thêm rằng không nên xem thường bình luận của Corso. Gã giống như một trong những tay đàn ông tư cách đáng ngờ sống với bà mẹ già mà mỗi sớm Chủ nhật đều vá áo rồi mang nước ca cao đến bên giường cho con; cái loại con cái hay xuất hiện trên phim ảnh, mắt đỏ hoe, vừa kéo lê hình hài cô độc theo quan tài dưới trời mưa vừa nức nở tuyệt vọng gọi mẹ, hết một đứa bé mồ côi không nơi nương tựa. Nhưng cả đời Corso chưa bao giờ cần nhờ ai. Và nếu biết gã rõ hơn, hẳn bạn sẽ nghi ngờ liệu đã khi nào gã có một bà mẹ hay chưa.

“Tôi xin lỗi đã quấy rầy bà vào lúc như thế này,” Corso nói.

Gã ngồi đối diện người đàn bà góa, áo khoác vẫn trên người, cái túi vải trên đầu gối, thân hình vươn thẳng ghé vào mép ghế. Đôi mắt to xanh nhạt lạnh băng của Liana Taillefer chậm rãi quét từ đầu đến chân gã như thể muốn xác định gã thuộc típ đàn ông nào ả từng biết. Gã dám đảm bảo việc đó không dễ tí nào. Lặng lẽ chịu đựng ánh mắt dò xét của ả, gã cố không tạo nên ấn tượng nào đặc biệt. Gã đã quen với trò này và biết rằng lúc đó bà quả phụ Taillefer chẳng hề đánh giá gã cao cho lắm. Dù sao thì điều đó cũng hạn chế bớt việc dò xét bởi thói tò mò không đáng có. ả đã bắt Corso chờ đợi mười phút sau khi gã cãi lộn với cô hầu phòng cho rằng gã là một tay chào hàng và định sập cửa trước mũi gã. Nhưng giờ tình thế đã thay đổi, người đàn bà góa đang liếc nhìn tập bản thảo bọc nhựa gã moi từ trong túi ra. Về phần gã, qua cặp kính cong queo, Corso buộc mình dõi theo cái nhìn chăm chú của Liana Taillefer để khỏi bị hút vào những lượn cát nóng bỏng khiến người ta choáng váng ngất ngây kéo dài từ trên ngực (bộ ngực phì nhiêu, từ này mới chuẩn, gã quyết định sau khi đã nghĩ hồi lâu) xuống tận gót dưới chiếc áo len angora bó sát thân hình.

“Sẽ rất có ích cho tôi,” sau cùng gã nói, “nếu bà nói cho tôi những điều bà biết về tài liệu này.”

Gã đưa tập bản thảo cho ả, bắt chợt bàn tay gã chạm nhẹ vào những móng tay dài sơn đỏ như máu. Cũng có thể tay ả quệt vào tay gã. Bất kể thế nào, sự đụng chạm này cũng cho thấy mệnh giá của Corso đã tăng lên đáng kể. Gã liếc ra cái vẽ bối rối rất chi là thích hợp, vừa đủ để ả thấy rằng quấy quả một góa phụ xinh đẹp không phải là thói quen của gã. Bây giờ thì đôi mắt xanh không còn nhìn vào tập bản thảo nữa, nó nhăm thẳng vào Corso và lóe lên thích thú.

“Tại sao tôi phải biết về nó?” người đàn bà góa hỏi, giọng sâu lắng và hơi khô. Dấu hiệu của một đêm nặng nề. ả chưa lật xem bản thảo mà vẫn dăm dăm nhìn Corso, như đang chờ điều gì khác trước khi xem bản thảo và thỏa mãn trí tò mò. Gã chỉnh lại cặp kính trên sống mũi và làm bộ nghiêm nghị. Đây là bước giới thiệu theo khuôn phép, vì vậy gã muốn dành “nụ cười thổ non” cho bước sau.

“Cho đến gần đây nó thuộc về ông nhà.” Gã ngừng một chút. “Cầu cho linh hồn ông ấy bình an.”

ả chậm rãi gạt đầu, tưởng như nói thế là đã rõ, rồi mở tập bản thảo. Corso nhìn lên tường qua vai ả. Ở đó, giữa bức tranh của Tapies và một bức khác mà Corso không nhận ra chữ ký, là một khung tranh thuê với đường nét trẻ thơ có những bông hoa nhỏ nhiều màu sắc, có ký tên và đề ngày tháng: Liana Lasauca, năm học 1970-1971. Corso nghĩ tác phẩm sẽ thành công nếu những bông hoa, mấy con chim nhỏ và cô bé mang tất ngắn có bím tóc vàng kia thuộc loại có khả năng làm trái tim gã tan chảy. Nhưng chúng lại không được như thế. Vì vậy gã quay sang một bức hình nhỏ trong khung bạc. Trong hình là ngài Taillefer quá cố, ông chủ nhà xuất bản, với cái muống thử rượu vang bằng vàng đeo trên cổ, đeo chiếc tạp dề bằng da khiến ông ta trông như một tay thợ nề. Ông ta đang chuẩn bị xẻ thịt một con lợn sữa quay và mỉm cười với ống kính. Một tay cầm cái đĩa, tay kia cầm một trong mấy ấn phẩm thành công. Ông ta nom bình thần, múp míp, bụng phườn, hớn hờ trước con vật bé nhỏ nằm trên cái đĩa trước mặt. Corso tự nhủ, Taillefer chết sớm thì ít nhất cũng đỡ phải lo lắng về bệnh gút và cholesterol cao. Gã cũng bản khoăn, với bản tính tò mò lạnh lùng nghề nghiệp, không hiểu lúc chồng còn sống Liana Taillefer làm sao để có thể đạt đến cực khoái khi ả cần cực khoái. Nghĩ vậy, gã liếc nhanh bộ ngực và cặp chân người góa phụ và tin là mình đúng. Còn lâu ả mới thỏa mãn với con lợn sữa nọ.

“Đây là của cái ông Dumas ấy,” ả nói và Corso hơi nhồm lên, lạnh lợi và nhạy bén. Liana Taillefer gõ gõ móng tay đỏ chót lên cái vỏ nhựa của tập bản thảo. “Cái chương nổi tiếng. đương nhiên tôi biết.” Mái tóc xòa xuống mặt khi ả nghiêng đầu về phía trước. Nhìn người khách qua suối tóc vàng với vẻ nghi hoặc, Liana hỏi, “Làm sao nó ở trong tay ông?”

“Chồng bà bán đi. Tôi đang cố tìm hiểu xem nó có phải đồ thật hay không.”

Người đàn bà góa nhún vai. “Theo như tôi biết, nó không phải là đồ giả.” Ả thở dài đưa trả lại tập bản thảo. “Ông nói ông ấy bán nó đi ư? Thật lạ.” Ả nghĩ ngợi đôi chút. “Bản thảo này có ý nghĩa với Enrique nhiều lắm.”

“Có thể bà nhớ ông nhà đã mua nó ở đâu.”

“Khó nói lắm. Tôi nghĩ ai đó đã mang đến cho ông ấy.”

“Ông ấy có từng sưu tập những bản thảo gốc không?”

“Theo tôi biết đây là bản duy nhất ông ấy có.”

“Ông nhà có từng nói là định bán nó không?”

“Không. Đây là lần đầu tiên tôi nghe thấy thế. Ai mua nó vậy?”

“Một người buôn sách, khách hàng của tôi. Anh ta sẽ bán ngay sau khi tôi có bản báo cáo về nó.”

Liana Taillefer quyết định chiếu cố tới Corso thêm một chút. Thân giá của gã tăng vọt. Gã tháo kính ra lau bằng cái khăn tay nhàu nát. Không có kính trông gã vụng về yếu ớt hơn, gã biết thế. Khi gã nheo mắt như một con thỏ cận thị, ai cũng cảm thấy mình có nghĩa vụ giúp gã qua đường.

“Đây là nghề của ông à?” ả hỏi. “Chứng thực các bản thảo?”

Gã thoáng gật đầu. Người đàn bà góa trở nên mờ ảo và, thật lạ, gần gũi hơn.

“Đôi khi. Tôi cũng săn lùng sách hiếm, tranh in, những thứ tương tự. Tôi được trả tiền để làm chuyện đó.”

“Bao nhiêu?”

“Cũng tùy.” Gã đeo lại cặp kính và hình bóng Liana rõ nét trở lại. “Đôi khi rất nhiều, đôi khi chẳng đáng gì. Thị trường lên xuống lung tung.”

“Ông là một loại thám tử, đúng không?” ả vui hân lên. “Thám tử về sách.”

Đúng là thời điểm để mỉm cười. Gã cười, chìa ra bộ răng cửa, với mức độ khiêm nhường được tính tới từng milimet. Chấp nhận ta đi, nụ cười của gã nói.

“Phải. Tôi nghĩ bà có thể gọi như vậy.”

“Và khách hàng của ông kêu ông tới gặp tôi?”

“Đúng thế.” Lúc này gã có thể cho phép mình trông đáng tin cậy hơn, vì vậy gã gõ gõ mấy đốt ngón tay lên tập bản thảo. “Nói cho cùng thì tập bản thảo này từ đây mà ra. Từ nhà bà.”

Góa phụ chậm rãi gật đầu, mắt nhìn tập bản thảo, như đang nghĩ gì đó. “Thật lạ kỳ,” ả nói. “Tôi không tưởng tượng là Enrique lại đem bán bản thảo này. Mặc dầu mấy ngày cuối cùng hành vi của ông ấy khá lạ lùng... Ông nói tên người buôn sách đó là gì nhỉ? Người chủ mới ấy.”

“Tôi chưa nói.”

Ả ngạc nhiên song bình thản nhìn gã từ trên xuống dưới. Có vẻ ả không quen chờ đợi quá ba giây để khiến một người đàn ông bất kỳ làm theo ý mình.

“Vậy thì nói đi.”

Corso đợi một lát, đủ để Liana Taillefer bắt đầu sột ruột gõ móng tay lên thành ghế sofa.

“Tên hân là La Ponte,” sau cùng gã đáp. Đây là một mảnh khoque của gã: nhượng bộ ít nhưng đủ khiến người khác cảm thấy thắng lợi. “Bà biết hân?”

“Tất nhiên. Anh ta cung cấp sách cho chồng tôi.” Ả cau mày. “Anh ta thường lượn qua lượn lại mang tới cho ông ấy những tờ báo đăng những câu chuyện nhiều kỳ ngu ngốc. Tôi nghĩ anh ta có một tờ phiếu thu. Tôi muốn có một bản tờ phiếu đó, nếu anh ta không phiền.”

Corso khẽ gật và hơi nghiêng mình về phía ả. “Chồng bà rất hâm mộ Alexandre Dumas phải không?”

“Dumas á?” Liana Taillefer mỉm cười rũ lại mái tóc, mắt lóe lên vẻ giễu cợt. “Theo tôi.”

Ả đứng dậy, khoan thai, chậm rãi vuốt váy cho phẳng, nhìn quanh như thể chợt quên mất mình đứng lên làm gì. Ngay cả khi không mang giày cao gót ả cũng cao hơn Corso nhiều. Corso theo Liana Taillefer sang phòng làm việc kế bên. Theo sau ả, gã để ý tấm lưng rộng cùng cái eo chắc lẳn của ả, như của một vận động viên bơi lội. Gã đoán ả chừng ba mươi. ả có nhiều tiềm năng trở thành một người phụ nữ Bắc Âu với bộ hông không biết nghỉ ngơi được tạo nên để cho ra đời những chú Erik và Siegfried tóc vàng.

“Tôi ước chúng đều là của Dumas,” ả trở những thứ trong phòng và nói. “Xem đi.”

Corso đưa mắt nhìn. Những bức tường phủ kín các giá sách oằn mình dưới sức nặng của những tập sách dày. Bản năng chuyên nghiệp khiến gã ứa nước miếng. Bước vài bước về phía trước, Corso sửa lại kính. Bá tước de Charny, Alexandre Dumas, tám tập, bộ sưu tập tiểu thuyết có hình minh họa do Vicente Blasco Ibanez biên tập. Hai nàng Diana, A. Dumas, ba tập. Ba người lính ngự lâm, A. Dumas, bốn tập, nhà xuất bản Miguel Guijarro, tranh khắc của Ortega. Bá tước Monte Cristo, A. Dumas, bốn tập của nhà xuất bản Juan Ros, tranh khắc của A. Gil. Cả bốn mươi tập Rocambole của Ponson du Terrail. Toàn tập Pardellanes của Zevaco. Lại Dumas nữa, ngoài ra còn có chín tập Victor Hugo và cũng gần ấy cuốn của Paul Féval, có một cuốn Thăng gù[1] đóng bìa sang trọng bằng da Maroc màu đỏ viền vàng. Và The Pickwick Papers của Dickens được Benito Pérez Galdós dịch sang tiếng Tây Ban Nha, cùng với mấy tập của Barbey d'Aurevilly và Bí mật thành Paris của Eugène Sue. Còn đây nữa Dumas - Bốn mươi lăm người lính cận vệ, Chuỗi hạt của Nữ hoàng, Các bạn đồng hành của Jehu rồi cuốn Cuộc báo thù ở đảo Corso của Mérimée. Mười lăm tập Sabatini, một số cuốn của Ortega y Frías, Conan Doyle, Manuel Fernández y González, Maye Reid, Patricio de la Escosura...

[1] Thăng gù: truyện phiêu lưu lịch sử của Paul Féval (1816-1887), xuất bản năm 1858 ở Paris.

“Hết sức ấn tượng,” Corso đánh giá. “Ở đây có bao nhiêu cuốn sách?”

“Không biết. Chừng hai ngàn. Hầu hết là ấn bản lần đầu theo xê ri, vì được đóng bìa theo từng kỳ. Một số có minh họa. Chồng tôi là một người sưu tầm nhiều tham vọng, ông ấy có thể trả bất cứ giá nào.”

“Xem ở đây thì thấy ông nhà đúng là một người đầy nhiệt huyết.”

“Nhiệt huyết?” Liana Taillefer mỉm cười ngơ ngàng. “Đó thực sự là một niềm say mê.”

“Tôi muốn nói tới nghệ thuật ẩm thực...”

“Mấy cuốn sách dạy nấu ăn hoàn toàn chỉ là phương tiện kiếm tiền. Enrique có bàn tay vàng: trong tay ông ấy một cuốn sách dạy nấu ăn rẻ tiền cũng trở thành hàng bán chạy nhất. Nhưng đây mới là thứ ông ấy yêu quý thực sự. Ông ấy thích nhốt mình ở đây lật lật những tập sách cũ này. Chúng thường được in trên giấy xấu và ông ấy bị ám ảnh với ý nghĩ mình phải bảo vệ chúng. Ông có thấy cái nhiệt kế và cái đầu đo độ ẩm không? Ông ấy có thể đọc thuộc lòng tất cả các trang trong mấy cuốn ưa thích. Thỉnh thoảng lại thốt lên ‘lạy Chúa’ hay ‘úi dà’ v.v. Mấy tháng cuối cùng ông ấy viết.”

“Một thiên tiểu thuyết lịch sử?”

“Truyện nhiều kỳ. Tất nhiên, sao mà khác được.” Liana lại gần giá sách, lấy xuống một bản thảo viết tay dày, các trang được khâu vào nhau bằng tay. Nét chữ tròn và to. “Ông nghĩ gì về tựa đề của nó?”

“Bàn tay người chết hay tiểu sử Nữ hoàng Anne nước Áo[2],” Corso đọc. “Ồ, quả thực...” Gã đặt một ngón tay lên hàng lông mày để tìm từ chính xác. “Rất có ý nghĩa.”

[2] Anne Nữ hoàng nước Áo (1601-1666), đương kim Nữ hoàng nước Pháp và xứ Narva, nhiếp chính thay cho con trai Louis 14. Trong thời bà trị vì (1643-1651), hồng y giáo chủ Mazarin giữ chức thủ tướng. Là một nhân vật trung tâm trong Ba người lính ngự lâm của Dumas.

“Và chán ngắt,” ả tiếp lời, xếp lại tập bản thảo. “Hoàn toàn lỗi thời. Đúng là ngu ngốc, bảo đảm thế. Tin tôi đi, tôi biết mình nói gì. Mỗi lần viết xong một phần, ông ấy lại bắt tôi nghe từng trang, từ đầu chí cuối.” ả cay đắng gõ lên dòng tựa đề được viết chữ hoa. “Trời ạ, tôi căm ghét phụ nữ hoàng ngu ngốc và cuốn tiểu sử này quá chừng.”

“Ông nhà dự định sẽ xuất bản chứ?”

“Phải, tất nhiên. Ký tên giả. Có lẽ ông ấy sẽ chọn cái tên gì đấy như Tristan de Longueville hay Paulo Florentini. Đó là tính cách rất điển hình của ông ấy.”

“Còn về chuyện tự treo cổ? Có phải cũng là tính cách của ông ấy không?”

5. Chương 02 - Phần 2

Liana Taillefer lặng im chăm chú nhìn những bức tường với các đường viền bằng sách. Một sự im lặng khó chịu, Corso nghĩ, mặc dù hơi miễn cưỡng. Có vẻ ả đang làm bộ đắm mình trong suy nghĩ, giống như một diễn viên ngừng lại trước khi tiếp tục đoạn đối thoại để tăng tính thuyết phục.

“Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra,” ả đáp sau khi đã hoàn toàn trấn tĩnh lại. “Trong tuần cuối cùng ông ấy tỏ ra thù địch và phiền muộn. Hiếm khi rời khỏi chỗ này. Rồi một chiều ông ấy ra ngoài và sập cửa lại. Sớm tỉnh mơ trở về. Tôi đang nằm trên giường thì nghe thấy tiếng đóng cửa. Sáng ra tôi bị tiếng rú của chị giúp việc đánh thức. Enrique tự treo cổ trên cái giá đèn.”

Đến đây ả nhìn Corso, quan sát hiệu quả lời nói của mình. ả không có vẻ suy sụp, gã nghĩ, nhớ lại bức ảnh có cái tạp dề và con lợn sữa. Thậm chí gã còn thấy ả chớp mắt, như thể muốn ngăn một giọt nước mắt rơi xuống, nhưng cặp mắt ráo hoảnh. Tất nhiên cái đó chẳng có nghĩa gì. Hàng trăm thứ mỹ phẩm có thể bị nước mắt làm cho nhoe nhoét đã dạy cho phụ nữ biết cách kiểm soát tình cảm của mình. Và lớp phấn bóng mờ Liana Taillefer dùng để tôn đôi mắt vẫn còn hoàn hảo.

“Ông nhà có để lại bức thư nào không?” Corso hỏi. “Những người tự tử thường làm vậy.”

“Ông ấy quyết định miễn cho mình không phải phí sức làm chuyện ấy. Không giải thích, dù chỉ vài chữ. Không gì hết. Chính thói ích kỷ của ông ấy bắt tôi phải trả lời hàng đồng câu hỏi của nhân viên điều tra và cảnh sát. Rất mất hứng, tin tôi đi.

“Tôi hiểu.”

“Phải, tôi chắc chắn là ông hiểu.”

Liana Taillefer ra hiệu buổi gặp gỡ đã tới lúc kết thúc. ả tiến ra cửa rồi chìa tay cho gã. Tập bản thảo trên tay và cái túi đeo vai, Corso bắt tay ả và cảm thấy cái bắt tay siết chặt từ phía đối phương. Trong thâm tâm, gã đánh giá cao màn diễn của ả. Không giống một góa phụ vui sướng, cũng không suy sụp vì đau buồn; cũng không tỏ ra lạnh lùng. Tôi thật mừng vì tên ngốc đó đã ra đi hoặc Rốt cuộc cũng còn lại mình ta hay Giờ thì có thể ra khỏi tú áo rồi cùng à. Nếu có ai đó từ trong tú chui ra thì cũng chẳng phải việc của Corso. Kể cả chuyện Enrique Taillefer tự sát, dù có kỳ quái đến đâu đi nữa - mà đúng là kỳ quái thật, Chúa phù hộ chúng con, với toàn bộ câu chuyện về nữ hoàng và tập bản thảo thất lạc kia. Hiện giờ thì cả người chết lẫn bà quả phụ xinh đẹp đều chẳng có gì liên quan tới gã. Hiện giờ thì vậy.

Gã nhìn ả. Mình khoái biết kẻ nào sẽ có được cung, gã nghĩ với sự tò mò lạnh lùng. Gã hình dung người đó trong đầu: đẹp trai, lão luyện, học thức, giàu. Gã gần như chắc trăm phần trăm đó là một người bạn của ông chồng quá cố. Gã cũng tự hỏi không hiểu việc gã chủ nhà xuất bản tự tử có gì liên quan đến chuyện đó không, rồi bực tức thôi không nghĩ nữa. Chẳng biết có phải do thói quen nghề nghiệp hay không, đôi khi thật buồn cười là gã đâm ra suy luận giống như một tay thám tử. Gã ngẫm ngẫm run lên. Ai biết được sự tha hóa, sự ngu xuẩn ẩn giấu sâu đến đâu trong tâm hồn chúng ta?

“Tôi muốn cảm ơn bà đã dành thời gian tiếp tôi,” gã nói, chọn nụ cười khả ái nhất trong kho nụ cười của mình khiến gã trông giống như một con chó dễ thương.

Chẳng có phản ứng gì. ả đang nhìn bản thảo của Dumas.

“Không cần cảm ơn. Tôi chỉ tự nhiên muốn biết những chuyện này kết thúc như thế nào thôi.”

“Tôi sẽ cho bà biết nó tiến triển thế nào. À, còn một chuyện nữa. Bà định giữ lại bộ sưu tập của ông nhà hay bán đi?”

Ả ngẩn người nhìn gã. Theo kinh nghiệm, Corso biết rằng khi nhà sưu tầm sách chết đi, thông thường những cuốn sách sẽ theo người chết ra khỏi nhà trong vòng một ngày. Thực ngạc nhiên là cho đến giờ những đồng nghiệp kẻ cướp của gã chưa ai xuất hiện. Nói gì thì nói, như chính ả thừa nhận, Liana Taillefer không hề chia sẻ sở thích văn học với ông chồng.

“Sự thực là tôi chưa có lúc nào nghĩ đến chuyện đó... Ông muốn nói ông quan tâm tới đám sách cũ này?”

“Có lẽ.”

Ả do dự một chút. Có vẻ lâu hơn cần thiết vài giây. “Chuyện xảy ra mới quá,” sau cùng ả thở dài hợp cách và trả lời. “Có thể vài ngày tới.”

Corso vịn tay vào lan can bắt đầu đi xuống thang. Gã chậm chạp đặt mấy bước đầu tiên với cảm giác không thoải mái, như thể để quên thứ gì đó ở phía sau mà không sao nhớ ra đó là cái gì. Gã chắc mình không quên gì. Tới chỗ chiếu nghỉ đầu tiên, gã ngừng đầu lên thì thấy Liana Taillefer đứng bên cạnh cửa nhìn gã. Ả có vẻ vừa tò mò vừa bối rối. Corso tiếp tục bước xuống thang, khung nhìn của mắt gã giống như một chiếc camera chậm chậm quét dọc thân hình ả. Rồi khỏi đôi mắt xanh dò hỏi, gã lướt qua bộ ngực, vòng hông, rồi tới đôi chân rắn chắc với màu da trắng xanh hơi choãi ra, vững chãi như những cây cột trong đền thờ, khơi gợi và khiêu khích.

Đầu óc vẫn chuech choáng, Corso xuyên qua sảnh lớn của tòa nhà rồi bước ra đường. Gã có ít nhất năm nghi vấn chưa có lời giải và cần phải sắp xếp chúng theo thứ tự mức độ quan trọng. Dừng lại trước hàng rào chắn công viên El Retiro, gã nhìn ngẫu nhiên sang bên trái chờ một chiếc taxi. Một chiếc Jaguar to tướng đậu cách đó vài mét. Tay lái xe mặc đồng phục xám sẫm gần như đen đang tì tay vào nắp ca pô đọc báo. Đúng lúc ấy, hần nhìn lên và ánh mắt hai người gặp nhau trong một giây. Rồi gã kia lại cúi xuống đọc báo. Hần có làn da ngăm đen, để ria, một vết sẹo trắng bột ở một bên má kéo dài từ trên xuống dưới. Corso có cảm giác trông tay tài xế quen quen, rõ ràng nhắc gã nhớ tới ai đấy. Đúng là thằng cha cao lớn chơi máy giặt xèng ở quán bar của Makarova. Nhưng còn có gì đấy khác nữa. Khuôn mặt đó gợi về một ký ức xa xăm mơ hồ. Tuy nhiên, một chiếc taxi trống xuất hiện trước khi Corso kịp nghĩ ngợi thêm. Một người đàn ông mặc áo khoác xanh sẫm mang theo chiếc cặp có tay xách từ bên kia đường ra hiệu cho xe dừng lại, nhưng người lái đang nhìn về hướng Corso. Corso thấy hết nên nhanh chóng rời khỏi hàng rào tiến tới giành chiếc taxi ngay trước mũi người đàn ông nọ.

Gã bảo lái xe tắt radio, rồi thả mình khoan khoái trên ghế sau, nhìn dòng xe cộ bên ngoài, nhưng tâm trí lại để tện đâu đâu. Gã xưa nay luôn thích cảm giác bình an trong xe taxi. Đó là khoảnh khắc gần gũi nhất với sự thư thái không phải đối diện với thế giới bên ngoài: suốt chuyến đi, mọi thứ đều treo lơ lửng, tạm dừng ở bên kia khung kính. Gã ngả đầu ra sau ghế ngắm nhìn cảnh vật.

Giờ là lúc nghĩ đến những chuyện nghiêm túc. Ví dụ như Cuốn sách về chín cánh cửa và chuyến đi Bồ Đào Nha, bước đầu tiên của công việc này. Nhưng gã không vội. Cuộc gặp gỡ Liana Taillefer đặt ra quá nhiều câu hỏi khiến gã bức bối lạ thường. Có những thứ không sao chạm tới được, giống như ngắm một cảnh đẹp dưới góc nhìn sai. Và còn nữa: sau mấy lần dừng xe trước đèn giao thông gã mới nhận ra rằng người lái chiếc Jaguar cứ trở đi trở lại trong tâm trí. Điều đó khiến gã bối rối. Chắc chắn là chưa bao giờ gặp hần trước lần ở quán bar của Makarova. Nhưng một hồi ức phi lý cứ trở lại. Tao biết mày, gã thâm nhủ, bảo đảm thế. Lâu lắm rồi, có lần tao đụng phải một thằng giống như mày. Và tao biết mày từ đâu chường mặt ra đó. Từ miền tối mịt mù trong ký ức của tao.

Grouchy[3] không thấy đâu nữa, nhưng điều đó chẳng còn ý nghĩa gì. Quân Phổ của Bulow rút lui khỏi những cao điểm ở nhà thờ St. Lambert, đang bị quân khinh kỵ của Sumont và Subervie bám sát. Chẳng có vấn đề gì bên sườn trái. Đám bộ binh Xcôtlen áo đỏ đã bị trọng kỵ binh Pháp bắt kịp và nghiền nát. Ở giữa, sư đoàn Jerome rút cuộc cũng đã chiếm được Hougomont. Ở hướng Bắc về phía Mont St. Jean, đội quân áo xanh của đoàn Cựu vệ binh dũng mãnh đang hội quân, chậm chạp nhưng đầy nhiệt huyết, cùng quân của Wellington đang nhón nháo lui về ngôi làng nhỏ Waterloo. Chỉ còn chờ một đòn ân huệ giáng xuống nữa thôi.

[3] Emmanuel de Grouchy: Hầu tước, thống chế Pháp (1766-1847). Chỉ huy kỵ binh trong chiến dịch Waterloo.

Lucas Corso quan sát bãi chiến trường. Giải pháp tất nhiên phải là Ney, người dũng cảm nhất trong những người dũng cảm. Gã đặt ông ta phía trước, cùng với sư đoàn Erlon và Jerome, đứng ra là phần còn lại của nó, và cho họ tiến lên bảo vệ con đường Brussels. Khi họ tiếp xúc với quân Anh, Corso nín thở ngả người ra sau một chút, cảm nhận rõ hơn ý nghĩa hành động của mình: trong một vài giây gã đã ra quyết định vận mệnh của hai mươi ngàn con người. Đắm mình trong cảm giác này, gã âu yếm duyệt qua những hàng lính xanh và đỏ chen chúc nhau, cánh rừng Soignes màu xanh lục nhạt, những ngọn đồi xám nâu. Lạy Chúa, thật là một trận đánh đẹp mắt.

Cú đòn giáng vào họ thật nặng nề, thật đáng thương. Quân đoàn Erlon bị đánh tan thành từng mảnh tảo, nhưng phòng tuyến của Ney và Jerome vẫn tồn tại. Đoàn Cự vệ binh tiến lên, chà nát mọi thứ trên đường tiến. Đội hình quân Anh lần lượt biến khỏi bản đồ. Wellington không còn cách nào khác hơn là rút lui và Corso dùng kỵ binh Pháp dự phòng quây ông ta ở Brussels. Rồi, chậm rãi và thận trọng, gã tung đòn tối hậu. Tóm Ney bằng hai ngón tay, gã đẩy ông ta lên trước ba khối binh lính Pháp. Gã so sánh lực lượng, nghiên cứu tình thế: quân Anh đông hơn với tỷ lệ tám trên ba. Wellington đã bị hủy hoại. Nhưng vẫn còn một cơ hội nhỏ. Gã xem xét lại các biến số và thấy rằng khả năng gã cần số 3. Cảm giác lo âu thất lòng xuất hiện khi gã tung con xúc xắc để xác định tỷ lệ may mắn. Việc mất Ney ở phút cuối cùng khiến cho chiến dịch dù thắng lợi thì cũng chỉ đủ để an ủi những người hăm mộ. Cuối cùng gã lấy hệ số là năm. Gã ngoác miệng cười rồi âu yếm gõ nhẹ lên tấm thẻ màu xanh đại diện cho Napoléon. Tôi hiểu ông có cảm giác gì, ông bạn. Wellington và năm ngàn quân bất hạnh còn sót lại của ông ta hoặc chết hoặc bị bắt làm tù binh, và hoàng đế thắng trận Waterloo. Tiến lên, những người con của đất Mẹ! Đám sách lịch sử, vứt cha nó hết đi.

Gã ngáp. Trên bàn, cạnh tấm bảng mô phỏng chiến trường theo tỷ lệ một trên năm ngàn, giữa những cuốn sách tham khảo, những biểu đồ, cốc cà phê và cái gạt tàn đầy mẩu thuốc lá, cái đồng hồ đeo tay của gã cho biết đã ba giờ sáng. Trong tủ rượu bên cạnh, trên cái hộp bìa đỏ Red Label, Johnny Walker khoác áo choàng đi sẵn sẵn bước với vẻ mặt tỉnh quái. Một thằng cha nhỏ thó má cà chua, Corso nghĩ thầm. Walker mặc kệ thấy mấy ngàn người đồng hương mới vừa thảm bại ở xứ Flandre.

Corso quay lưng về phía người Anh và chú mục vào chai gin Bols chưa mở nắp trên cái kệ nằm giữa hai tập Hồi ký đảo Sainte Hélène và cuốn Đỏ và Đen tiếng Pháp mà gã đặt trên bàn trước mặt. Gã mở nút chai rồi đọc lướt qua cuốn truyện của Stendhal trong lúc tự rót cho mình một ly.

“Xưng tội” của Rousseau là cuốn sách duy nhất trong đó trí tưởng tượng của ông hình dung ra thế giới. Bộ sưu tập những bản tin về Đoàn quân Vĩ đại và hai tập “Hồi ký đảo Sainte Hélène” là phần cuối làm cho bộ thánh thư của ông thành trọn vẹn. Hẳn ông sẵn sàng chết vì ba cuốn đó. Ông không tin gì khác nữa.

Gã cứ đứng đó uống gin và duỗi thẳng chân tay lạnh cứng. Liếc nhìn chiến trường một lần cuối nơi những tiếng gầm gào bé dần đi sau trận tàn sát, gã nốc cạn ly rượu, cảm thấy mình như một vị thần say túy lúy đang đùa bỡn với những sinh mệnh như thể chúng chỉ là những chú lính chì bé nhỏ. Gã hình dung cảnh huân tước Arthur Wellsley, công tước Wellington trao kiếm cho Ney. Những người lính trẻ vui thấy trong bùn tối, những con ngựa không người cưỡi nhón nhơ trên đồng cỏ, xác một vị sĩ quan trong đoàn quân Xcôtlen áo xám nằm dưới khẩu pháo tan nát, bàn tay vấy máu nắm chặt một trái tim bằng vàng mang chân dung một phụ nữ và lọn tóc vàng hoe. Từ bên ngoài vùng tối đang bao trùm gã, Corso nghe thấy tiếng phách nhịp của điệu van cuối cùng. Và người vũ nữ mảnh khảnh trên kệ nhìn gã, những miêng trang sức hình tròn trên trán nàng lấp lánh phản chiếu ngọn lửa trong lò sưởi. Chùng như nàng sắp ngã vào vòng tay ân ái của cái túi thuốc lá. Hoặc của gã chủ quán trong góc nhà.

Waterloo, nơi yên nghỉ nắm xương của cụ tổ gã, người lính cận vệ năm xưa. Gã mừng tượng ông cụ trong hàng ngũ áo xanh trên bảng dọc theo con đường màu nâu sẫm dẫn tới Brussels. Khuôn mặt đen sạm, bộ râu cháy sém vì thuốc pháo, người cận vệ già tiến lên, giọng nói khản đặc và bồn chồn sau ba ngày chiến đấu bằng lưỡi lê, vẻ mặt thần thờ đứng như Corso hình dung về tất cả những người có mặt trong mọi cuộc chiến. Sức cùng lực kiệt, ông quơ chiếc mũ da gấu thủng lỗ chỗ trên đầu ngọn súng trường về phía đồng đội. Hoàng đế muôn năm. Linh hồn nhỏ bé cô đơn mang chứng ung thư của Bonaparte đã được rửa hận. Xin cho ngài bình an. Hoan hô.

Gã rót thêm cho mình một ly Bols rồi hướng, vào thanh kiếm cong trên tường nâng cốc chúc mừng người lính già Jean-Pax Corso, 1770-1851, Bắc đẩu bội tinh, huân chương hiệp sĩ Sainte Hélène, tín đồ trung thành suốt đời của Bonaparte, chấp chính quan Pháp ở thành phố Địa Trung Hải nơi đứa cháu của ông ra đời một thế kỷ sau. Hương rượu gin ngạt ngào trong miệng, Corso khe khẽ ngâm nga những vần thơ truyền qua hàng thế kỷ, của cải duy nhất gã thừa hưởng từ cụ tổ.

Những chiến binh đầy mình nhiệt huyết,

Nguyễn hy sinh theo hoàng đế xông pha,

Xin giã từ cánh đồng quê yêu dấu,

Theo chân Người đầu quân ngại phong ba.

Gã tự cười mình trong khi nhắc điện thoại, quay số gọi La Ponte. Ổ đĩa quay trong máy phát ra chuỗi âm thanh rành rọt trong đêm vắng. Những quyển sách trên tường; bên ngoài trời tối đen, mưa đêm tưới đẫm mái nhà. Cảnh quan không lấy gì làm đẹp, ngoại trừ luồng hơi nóng của bộ tản nhiệt máy điều hòa và qua lớp bụi đường, nhuộm màu đỏ son, hệt như một bức màn dày bên lửa. Cái bàn, máy tính và tấm bảng trình diễn trận Waterloo đặt hướng ra ngoài, bên cái cửa sổ ngăn dòng nước mưa đêm ấy. Trên tường không có tranh ảnh hay kỷ vật gì. Chỉ có thanh kiếm cong của người lính già nằm trong bao da nằm đồng. Khách tới thăm đều ngạc nhiên vì không thấy dấu vết cuộc sống riêng của gã, không có những thứ ràng buộc với quá khứ thường được giữ lại theo bản năng, ngoài thanh kiếm và những cuốn sách. Như thể từng có những đồ vật vắng mặt trong căn nhà này, cái thế giới sinh ra Lucas Corso hồ như đã tàn lụi và biến mất từ lâu. Chẳng có một khuôn mặt buồn bã nào đôi khi xuất hiện trong ký ức sẽ nhận ra gã nếu như có khi nào họ quay lại với cuộc sống. Có lẽ thế tốt hơn. Như thể gã chưa bao giờ có một cái gì, chưa bao giờ bỏ đi một cái gì. Như thể gã luôn tự thấy riêng mình là đủ cho mình, chẳng cần gì ngoài quần áo trên người, một kẻ thiên kinh vạn quyển, một kẻ lang bạt chốn thị thành mang trong túi quần túi áo tất tật những món mình sở hữu trên cõi trần tục. Thế nhưng với một vài người gã cho phép gập gờ trong những buổi chiều đông màu đỏ ấy, khi gã ngồi bên cửa sổ rực ánh tà dương, mắt mờ hơi rượu gin, đều nói rằng đáng về ấy - đáng về con thỏ yếu đuối vùng về khi ấy - mới có vẻ là đích thực.

La Ponte trả lời điện thoại với giọng ngái ngủ.

“Tôi vừa nghiền nát Wellington,” Corso thông báo.

Sau một phút lặng im bối rối, La Ponte nói hân hân mừng cho gã. Perfidious Albion - bánh nướng nhân thịt bò và bầu dục, đồng hồ ga trong những buồng khách sạn tồi tàn. Kipling. Balaclava, Trafalgar, đảo Falkland và mọi thứ. Và hân muốn nhắc nhở Corso - đường dây lạnh đi khi La Ponte dò dẫm tìm đồng hồ - rằng đã ba giờ sáng rồi. Rồi lâu lâu điều gì không biết, chỉ nghe rõ mấy tiếng chữ thế, “mẹ kiếp” và “chó đẻ”.

Corsi cười khùng khục khi gác máy. Một lần từ phòng đấu giá ở Buenos Aires, gã điện thoại cho La Ponte và để hân trả tiền, chỉ để bông đùa về một gã điểm xấu diên tới nỗi cho tới khi chết vẫn còn trinh nữ. Ha, ha, quá vui. Tôi sẽ khiến cậu nuốt nghẹn hóa đơn điện thoại khi định trả đũa, đồ ngốc. Hồi ấy, cách nhiều năm rồi, đôi khi gã tỉnh dậy trong vòng tay Nikon, việc đầu tiên là phôn cho La Ponte để cho hân biết là gã gặp một người đẹp và rất giống như là gã đang yêu. Bất cứ khi nào muốn, Corso cũng có thể nhắm mắt và thấy Nikon chậm chậm thức dậy, tóc xỏa dài trên gối. Gã miêu tả nàng cho La Ponte qua điện thoại, cảm nhận nỗi xúc động kỳ lạ, một sự dịu dàng không quen, khó lòng giải thích được khi gã nói, nàng nghe và lặng lẽ nhìn gã. Và gã biết từ đầu bên kia đường dây - Tôi mừng cho anh, Corso, đúng lúc rồi. Thực sự mừng cho anh, bạn của tôi - La Ponte thành thật chia sẻ sự tỉnh thức của gã, thắng lợi của gã, niềm hân hoan vui sướng của gã. Buổi sáng ấy, gã yêu La Ponte không kém gì yêu nàng. Mà cũng có thể là ngược lại.

Nhưng chuyện đó qua lâu rồi. Corso tắt đèn. Bên ngoài trời vẫn mưa. Trong phòng ngủ, gã đốt điều thuốc cuối cùng, ngồi im trong bóng tối bên mép giường, lắng nghe tiếng vọng từ hơi thở nay đã vắng của nàng. Đoạn gã chìa tay khẽ vuốt mái tóc nàng không còn xỏa bên gối. Nikon là nỗi ân hận duy nhất trong đời gã. Mưa càng thêm nặng hạt, những giọt mưa đập vào cửa sổ xé tan luồng sáng yếu ớt bên ngoài, biến nó thành những vụn sáng tả tơi bay múa trên ga trải giường như những điểm li ti dao động, những vệt đen, những quãng tối nhỏ xíu chìm vào bốn xung quanh, giống như những mảnh vỡ của cuộc đời.

“Lucas.”

Gã gọi to tên mình, như nàng vẫn gọi. Chỉ có nàng gọi gã như vậy. Cái tên này tượng trưng cho cái tổ ấm, cái xứ sở hai người từng chia sẻ nay đã tan vỡ. Corso đắm đắm nhìn điều thuốc lóe sáng trong đêm. Gã từng nghĩ là mình thực sự yêu Nikon. Khi ấy gã thấy nàng đẹp và thông minh, chuẩn mực và nồng nàn, giống như trong những tấm ảnh đen trắng của nàng: những đứa trẻ mắt to, những người già, những con chó với cái nhìn đầy vẻ trung thành. Khi ấy gã quan sát nàng bảo vệ tự do của mọi người và ký vào những bản thỉnh nguyện đòi phóng thích các vị nhân sĩ trí thức bị tù, những người thiếu số bị áp bức... Và những giấy đảm bảo. Gã nhồm dậ từ từ để khỏi đánh thức linh hồn ngủ yên bên cạnh, lắng nghe âm thanh từ hơi thở nàng. Đôi lần dường như gã nghe thấy. Anh cũng thiếu sức sống như những cuốn sách của anh, Corso. Anh chưa bao giờ biết yêu. Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng nàng từ chối trao thân cho gã, trước khi bỏ gã mà đi vĩnh viễn. Để tìm kiếm đứa con gã không muốn có.

Gã mở cửa sổ và cảm thấy hơi ẩm của cơn mưa đêm ập vào mặt. Rút nốt hơi thuốc cuối cùng, gã vút nó qua cửa sổ, đóm lửa ở đầu điều thuốc vẽ nên một đường cong, nhỏ dần rồi vỡ vụn hoặc bị giấu biến đi trong bóng đêm.

Đêm đó, ở một nơi khác mưa cũng rơi. Trên dấu chân Nikon để lại. Trên cánh đồng Waterloo, mưa rơi xuống thân hình cụ tổ Corso và đồng đội của ông. Mưa trên nấm mồ đỏ và đen của Julien Sorel, kẻ bị chém đầu vì tin rằng với cái chết của Bonaparte những pho tượng đồng ngả mình hấp hối trên những nẻo đường bị quên lãng. Một lỗi lầm ngu ngốc. Lucas Corso biết rõ hơn ai hết rằng một người lính năng động và nhạy bén vẫn có thể chọn chiến trường cho mình và kiếm được đồng lương trong khi canh giữ những linh hồn bằng giấy và da, giữa tàn tích của hàng ngàn thất bại.

6. Chương 03 - Phần 1

III. NGƯỜI LÀM VÀ NGƯỜI NÓI

“Người chết không biết nói.”

“Họ sẽ nói nếu thượng đế muốn,” Lagardère sửa lại.

P. Féval, THĂNG GỪ.

Người nữ thư ký gõ gót giày lộp cộp trên sàn gỗ bóng lộn. Corso theo cô ta đi qua một hành lang dài - những bức tường màu kem nhạt, những ngọn đèn ẩn kín, tiếng nhạc tan trong không gian - tới một khung cửa gỗ sồi nặng nề. Rồi ngoan ngoãn chờ ở đó. Đoạn, khi cô thư ký nở nụ cười chuyên nghiệp bước qua một bên, gã tiến vào văn phòng. Varo Borja ngồi trên ghế tựa bọc da đen nằm giữa cái bàn ăn bằng gỗ gụ chùng nửa tấn và cái ô cửa sổ với tầm nhìn hoành tráng tuyệt đẹp bao trùm cả Toledo: những mái nhà cổ xưa màu hoàng thổ, những tháp nhà thờ kiểu gô tích in bóng trên nền trời xanh trong, phía xa xa là quần thể kiến trúc cung điện Alcazar đồ sộ xám mờ.

“Ngồi đi, Corso. Khỏe chứ?”

“Ừ.”

“Anh chờ cũng lâu đấy.”

Câu này chỉ nhắc tới sự thật mà không có ý xin lỗi, Corso chau mày. “Không sao. Lần này chỉ có bốn mươi lăm phút thôi.”

Varo Borja thậm chí không buồn mỉm cười khi Corso ngồi xuống ghế bành dành cho khách. Trên bàn gần như trống không trừ cái máy điện thoại và hệ thống liên lạc nội bộ hiện đại, tinh vi. Khuôn mặt lão buồn sách phẩn chiếu trên mặt bàn cùng với nền phong cảnh ngoài cửa sổ. Varo Borja chừng năm mươi tuổi, đầu hói, làn da nâu sạm do tắm nắng, nom khả kính, điều khác xa thực tế. Cặp mắt nhỏ với cái nhìn sắc nhọn. Lồng ngực quá cỡ ẩn dưới cái áo gi lê bó khít đầy rẫy hoa văn và bộ veston hàng thừa. Lão là một kiểu gì

đó giống như hầu tước, và quá khứ đầy sóng gió của lão được lưu trong hồ sơ cảnh sát, một vụ lừa đảo đầy tai tiếng, và bốn năm tự buộc mình sống vong đày ở Braxin và Paraguay.

“Có cái này cho anh đây.”

Lão có cung cách cộc cằn, gần như hỗn xược, được lão trau dồi rất kỹ. Corso nhìn lão bước tới một tủ kính nhỏ, mở khóa bằng một cái chìa bé xíu nằm trên một sợi xích vàng móc trong túi ra. Lão không có tài sản công khai, ngoài một gian hàng riêng ở những hội chợ quốc tế quan trọng, và catalô của lão không bao giờ có quá vài chục đề mục. Theo dấu mỗi cuốn sách hiếm để lần đến bất cứ xó xỉnh nào trên đời, lão tranh đấu kịch liệt và không từ thủ đoạn nào để giành được nó, sau đó đem bán, kiếm bộn tiền nhờ thói đồng danh của thị trường. Mỗi lần như vậy trong danh sách chi tiền của lão đều có đủ bộ: nhà sưu tập, giám tuyển, thợ khắc chữ, thợ in, và người cung cấp, như Lucas Corso.

“Anh nghĩ sao?”

Corso cầm quyển sách cẩn thận như bế một đứa bé mới đẻ. Đó là một tập sách cũ bìa bọc da nâu, có những nét trang trí bằng vàng được bảo tồn tuyệt hảo.

“La Hypnerotomachia di Polifilo^[1] của Colonna,” gã nói. “Rốt cuộc ông cũng giành được nó.”

[1] La Hypnerotomachia di Polifilo: tiểu thuyết của Francesco Colonna (1433-1527), xuất bản lần đầu ở Venice năm 1499, nổi tiếng với những trang minh họa khắc gỗ điển hình vào giai đoạn đầu Phục hưng.

“Cách đây ba hôm. Venice, 1545. In casa di figliuoli di Aldo. Trong nhà của Aldo. Một trăm bảy mươi tranh khắc gỗ. Anh nghĩ cái gã Thụy Sĩ mà anh nhắc tới ấy còn quan tâm chứ?”

“Có lẽ. Cuốn sách hoàn hảo chứ?”

Tất nhiên. Trừ bốn bức họa được in lại theo bản năm 1499.”

“Thực ra khách hàng của tôi muốn bản in lần đầu, nhưng tôi sẽ thuyết phục ông ta bản in lần thứ hai là đủ rồi. Năm năm trước, trong cuộc đấu giá ở Monaco, ông ta để tuột tay một cuốn.”

“Vậy thì lần này anh được quyền lựa chọn.”

“Cho tôi vài tuần để tiếp cận ông ta.”

“Tôi thích bán đứt luôn,” Borja cười như một con cá mập đang bám sát sau lưng người bơi biển. “Tất nhiên anh vẫn có phần như thường lệ.”

“Đừng hòng. Gã Thụy Sĩ là khách của tôi.”

Borja cười mỉa. “Anh chẳng tin ai, đúng không? Anh như một đứa bé đòi ném thử trước khi bú sữa mẹ nó.”

“Còn ông sẽ bán cả sữa mẹ mình chứ?”

Borja nhìn xoáy vào mắt Corso lúc này không giống chú thỏ dễ thương chút nào nữa mà giống con sói nhe hàm răng nhọn.

“Biết tôi thích gì ở anh không Corso? Cái cách anh nhẹ nhàng vào vai lính đánh thuê cho lũ chính trị gia mị dân và những kẻ lừa bịp ấy. Anh giống như những kẻ khổ rách áo ôm mà Julius Caesar sợ một phép... Đem anh ngủ có ngon không?”

“Say như chết.”

“Bảo đảm là không. Tôi lấy vài bản thảo gô tích cổ đánh cược rằng anh là loại người đêm nào cũng nhìn chăm chăm vào bóng tối... Nói với anh mấy điều được chứ? Tôi không tin vào mấy gã leo khoèo luôn sẵn sàng tuân lệnh đầy nhiệt huyết. Tôi chỉ dùng những lính đánh thuê được trả lương cao, không gốc gác, thẳng thừng một là một hai là hai. Tôi nghi ngờ bất cứ kẻ nào dính dáng tới tổ ấm, gia đình, sự nghiệp gì gì đấy.”

Lão cất cuốn Polifilo vào tủ rồi cười khô khốc. “Đôi lúc tôi chẳng rõ người như anh có bạn hay không? Anh có bạn bè nào không, Corso?”

“Quý bắt ông đi,” Corso lạnh lùng đáp. Borja chậm rãi mỉm cười, không có vẻ gì là bị xúc phạm.

“Anh có lý. Tình bạn của anh chẳng liên quan quái gì đến tôi. Tôi chỉ trả tiền cho lòng trung thành của anh thôi. Thế là vững chắc lâu bền hơn, phải không? Lòng tự trọng nghề nghiệp khiến người làm thuê đáp ứng hợp đồng ngay cả khi nhà vua - chủ thuê y - chuồn mất, cuộc chiến đã thất bại và không còn hy vọng cứu vãn...”

Giọng lười cợt nhả và khiêu khích, lão chờ Corso phản pháo. Nhưng Corso chỉ phác một cử chỉ sốt ruột, đập lên mặt đồng hồ. “Ông có thể gõ lại đoạn cuối vào mail gửi cho tôi,” gã nói. “Tôi không được trả tiền để cười với cái kiểu pha trò vô vị của ông.”

Borja tỏ vẻ nghi ngại. Rồi gật đầu đáp lại, mặc dù vẫn còn giễu cợt. “Một lần nữa anh lại có lý, Corso. Nào, trở lại công việc thôi...” Lão nhìn quanh. “Anh còn nhớ cuốn Kiếm thuật luận cương của Astarloa không?”

“Nhớ. Cực hiếm, năm 1870. Mấy tháng trước tôi mang cho ông một cuốn.”

“Bây giờ chính khách hàng đó lại yêu cầu cuốn Académie de l'épée - Học viện kiếm thuật. Có thể anh biết?”

“Ông định nói cuốn sách hay khách hàng? Cách nói của ông quá rối rắm, đôi khi ông sáng sủa như bùn đen ấy.”

Borja phóng ra một tia mắt căm hận. “Hai ta đều không sáng sủa, Corso. Tôi muốn nói về cuốn sách.”

“Nhà xuất bản Elzevir, thế kỷ mười bảy. Khổ lớn, tranh khắc. Được coi như cuốn chuyên luận đẹp nhất về kiếm thuật. Và giá trị nhất.”

“Người mua sẵn sàng trả bất cứ giá nào.”

“Vậy tôi sẽ đi kiếm nó.”

Borja lại ngồi xuống chiếc ghế trông ra thành phố cổ tráng lệ. Hai chân bắt chéo, vẻ tự mãn, hai ngón tay cái xọc vào túi áo gi lê. Rõ ràng chuyện làm ăn của lão đang trôi chảy. Rất ít người trong số những đồng nghiệp cao cấp người Âu của Borja có nỗi cái view như vậy. Nhưng Corso chẳng để ý. Những kẻ như Borja phụ thuộc vào những người như gã, cả hai đều biết thế.

Gã chỉnh lại cặp kính cong rồi nhìn chăm chú lão già buôn sách. “Vậy phải làm sao với Polifilo?”

Borja cân nhắc giữa phản đối và chấp nhận. Ánh mắt lướt qua tủ sách rồi dừng lại ở Corso.

“Được rồi,” lão đáp giọng thiếu nhiệt tình, “anh thu xếp với tay Thụy Sĩ đi.”

Corso gật đầu, không tỏ ra chút thỏa mãn nào với thắng lợi nho nhỏ này. Thực ra tay Thụy Sĩ đâu có tồn tại, nhưng đó là việc của gã. Chẳng khó gì chuyện tìm người mua cho cuốn sách như vậy.

“Giờ thì đến Chín cánh cửa,” gã nói. Gương mặt lão bán sách lập tức sống động hẳn lên.

“Tốt. Anh nhận vụ này chứ?”

Corso đang mãi cầm một cái xước măng rô trên ngón tay cái. Gã nhẹ nhàng phun nó lên mặt bàn không chút tí vết.

“Cứ tạm coi cuốn sách của ông là giả. Và một trong số còn lại là thật. Hoặc chẳng có cuốn nào là thật hết. Cả ba cuốn đều là hàng giả.”

Borja bực bội cúi xuống tìm điểm hạ cánh của cái xước măng rô bé xíu. Sau cùng lão nhặt được nó lên.

“Trong trường hợp ấy,” lão đáp, “anh sẽ phải ghi nhớ và làm theo những chỉ dẫn của tôi.”

“Chỉ dẫn nào?”

“Đến lúc đó hãy hay.”

“Không. Tôi nghĩ ông phải cho tôi biết những chỉ dẫn ngay bây giờ.” Gã nhìn lão buôn sách do dự trong một giây. Bản năng thợ săn từ trong thâm tâm khiến gã cảm nhận có gì đó không ổn. Gì đấy giống như âm thanh chói tai rất mơ hồ phát ra từ một cái máy quay đĩa hỏng.

“Chúng ta sẽ quyết khi mọi vật tiến triển,” Borja nói.

“Quyết cái gì?” Corso bắt đầu tức tối. “Một cuốn trong bộ sưu tập tư nhân, cuốn kia thuộc quỹ tài trợ xã hội. Chẳng bao giờ người ta bán đi cả. Sự thật là thế. Vai trò của tôi là tham vọng của ông trong vụ này kết thúc ở đây. Và như tôi nói, dù chúng là thật hay giả, một khi tôi xong việc ông phải trả tiền, có thể thôi.”

“Quá đơn giản,” nở nụ cười nửa miệng, lão buôn sách đáp lại.

“Cái đó còn tùy.”

“Chính thế tôi mới phải nghĩ... Còn gì đây ông chưa chịu nói ra, đúng không?”

Borja khẽ nhắc bàn tay lên, ngắm nghía hình chiếu của nó trên mặt bàn bóng lộn. Rồi lão chậm rãi hạ nó xuống cho đến khi bàn tay và cái bóng chạm vào nhau. Corso nhìn bàn tay to lông lá mang cái nhẫn vàng to xù có khắc chữ ký trên ngón út. Gã quá quen thuộc bàn tay này. Gã từng thấy nó ký những tấm séc mà tài khoản không hề tồn tại, hươ lên để tăng tính hiệu quả cho những điều dối trá, bắt tay những người đang bị phản bội. Corso vẫn nghe thấy thanh âm chói tai cảnh cáo gã. Bỗng dưng gã thấy mệt mỏi vô chừng. Chắc mình không muốn công việc đó nữa.

“E là tôi không thích việc này,” gã nói to.

Borja hẳn đã nhận ra Corso muốn gì, bởi thái độ lão thay đổi. Lão ngồi bất động, hai tay chống cằm, ánh mắt trời ngoài cửa sổ rơi vào lấp loáng trên cái đầu trọc với màu da nâu thật đẹp. Lão có vẻ đang cân đo đong đếm thứ này thứ nọ khi mắt nhìn chăm chú vào Corso.

“Đã khi nào tôi cho anh biết vì sao tôi thành người buôn sách chưa?”

“Chưa. Mà thực ra tôi cũng đểch để ý làm gì.”

Borja bật cười rất kịch để tỏ ra là lão sẵn sàng khoan thứ cho thói bất nhã của Corso. Riêng lúc này gã được phép tự do xả cho hết nỗi niềm trong lòng.

“Tôi trả tiền để anh nghe bất cứ điều gì tôi muốn nói với anh.”

“Lần này ông chưa trả.”

Borja moi quyển séc từ trong ngăn kéo ra đặt lên bàn trong lúc Corso nhìn quanh. Bây giờ là lúc nói lời tạm biệt hoặc là ở lại chờ xem. Cũng là lúc cần được uống thứ gì đó, nhưng Borja không phải là loại chủ nhà như vậy. Corso nhún vai, cảm thấy chai gin trong túi ngọc ngậy. Thực lố bịch. Gã biết rõ mình sẽ không bỏ đi, dù lời đề nghị lão sắp đưa ra có khiến gã động lòng hay không. Borja cũng biết thế. Borja viết một con số, ký tên rồi xé tấm séc đẩy về phía Corso.

Corso chỉ liếc qua mà không đụng tới tấm séc, thở dài. “Tôi nghe đây, ông đã thuyết phục được tôi.”

Lão buôn sách không hề tỏ ra đắc thắng. Chỉ khẽ lạnh lùng gật đầu đầy tự tin, như thể vừa tiến hành một giao dịch tầm thường.

“Tôi vào nghề này thật tình cờ,” lão bắt đầu. “Một ngày nọ tôi chợt thấy mình chẳng còn xu nào, ngoài chuyện là người thừa kế duy nhất thư viện của một ông trẻ bên nội... Khoảng hai ngàn cuốn sách, trong đó chỉ chừng trăm cuốn là có ít nhiều giá trị. Nhưng trong đó có cuốn Don Quijote xuất bản lần đầu, đôi cuốn Psalter từ thế kỷ mười tám, và một trong số bốn tập Champfleuri hiếm hoi của Geoffroy Tory... Anh nghĩ sao?”

“Ông gặp may đấy.”

“Chứ còn gì nữa,” Borja tán thành, giọng đều đều, tự tin. Lão không có vẻ đắc ý lắm như kẻ thành đạt khi nhắc đến bản thân mình. “Hồi đó tôi không biết nhà sưu tập sách quý là thế nào, nhưng tôi hiểu được điểm mấu chốt: Người ta sẵn lòng trả cả núi tiền cho đồ xịn... Tôi học được nhiều điều trước đây chưa biết, ví dụ như những ghi chú cuối sách, kỹ thuật chạm nổi, trang trí hoa mỹ trên bìa sách... Tôi cũng phát hiện một đạo lý: Có những cuốn sách để bán và những cuốn sách phải giữ lại. Trở thành một nhà sưu tập sách giống như gia nhập một đạo giáo: nó là chuyện cả đời.”

“Hết sức cảm động. Giờ thì hãy cho biết tôi và cuốn Chín cánh cửa phải làm gì để phục vụ tín ngưỡng của ông.”

“Anh muốn tôi làm gì nếu anh phát hiện bản thảo của tôi là giả. Nói thật nhé: đó là đồ giả.”

“Sao ông biết?”

“Tôi tuyệt đối chắc chắn.”

Corso nhăn nhó trình bày về cái gọi là chắc chắn tuyệt đối trong lĩnh vực sách hiếm. “Nó được liệt vào danh sách đồ thật cả trong Thư mục tổng hợp của Mateu lẫn trong catalô của Terral-Coy.”

“Phải,” Borja nói. “Mặc dù sách của Mateu có một sai sót nhỏ: nó công bố là có tám bức minh họa, trong khi có chín bức... Nhưng những xác nhận công khai chẳng có mấy ý nghĩa. Theo thư mục, bản in của Fargas và Ungern cũng là đồ thật.”

“Có khi cả ba cuốn đều thật.”

Borja lắc đầu. “Không thể. Biên bản xử án Torchia cho biết chắc chắn chỉ có một quyển sách được cất giấu.” Lão cười bí ẩn.

“Tôi có bằng chứng khác.”

“Là gì?”

“Không liên quan đến anh.”

“Vậy ông cần tôi làm cái gì?”

Borja đẩy ghế ra sau và đứng dậy.

“Theo tôi.”

“Tôi nói rồi,” Corso lắc đầu. “Tôi không ham chuyện này tí nào.”

“Anh nói dối. Anh cực kỳ tò mò. Anh sẽ nhận việc này dù không được trả thù lao.”

Lão nhét tấm séc vào túi áo vest rồi dẫn Corso theo cầu thang xoáy ốc lên tầng trên. Văn phòng của Borja nằm ở phần phía sau nhà lão. Đó là một ngôi nhà nhiều tầng kiểu Trung cổ nằm ở khu phố cũ của thành phố, lão đã phải trả rất nhiều tiền để sở hữu nó. Hai người theo một hành lang đi qua đại sảnh và cửa chính, rồi tới một cánh cửa lắp khóa số kiểu mới. Bên trong là một phòng rộng thênh thang sàn lát đá cẩm thạch đen, đèn chùm treo trần, cửa sổ với chấn song sắt kiểu cổ. Một cái bàn, mấy cái ghế bành da và lò sưởi lớn xây bằng đá. Trên khắp các bức tường là những ngăn tủ kính chứa đầy sách và các loại tranh in khắc đồng khung đẹp đẽ. Corso nhận ra mấy bức của Holbein và Durer.

“Phòng đẹp đấy,” gã nói. Gã chưa tới đây bao giờ. “Nhưng tôi tưởng ông cất sách trong kho dưới hầm...”

Borja dừng lại cạnh gã. “Sách này là cho tôi. Không phải để bán. Một số người sưu tầm tiểu thuyết hiệp sĩ hoặc lãng mạn. Số khác tìm kiếm Don Quijote hay những tập sách không xén mép... Còn những cuốn sách ở đây có chung một nhân vật chính: ma quỷ.”

“Tôi xem được không?”

“Đây là lý do tôi đưa anh đến đây.”

Corso bước lên mấy bước. Những cuốn sách được đóng theo kiểu cổ, từ cuốn sách thuở sơ khai bìa bọc da cho tới những cuốn dùng da Maroc trang trí với những tấm lặc và phù điêu hoa hồng nhỏ. Gã dừng lại đột ngột trước một ngăn tủ khiến đế giày rách rít lên trên sàn đá hoa cương, cúi xuống xem nội dung: *De spectris et apparitionibus* của Juan Rivio, *Summa Diabolica* của Benedito Casiano, *La haine de Santan* của Pierre Crespet, *Steganography* của Abbot Tritemius, *De Consummatione saeculi* của St. Pontius... Tất cả đều cực kỳ hiếm và quý, hầu hết Corso chỉ mới thấy trong các danh mục tham khảo.

“Anh đã thấy cái gì đẹp hơn thế này chưa?” Borja nhìn sát tận mặt Corso mà hỏi. “Chẳng có gì tuyệt vời như thế, ánh ngời, vàng trên da thuộc, mặt kính đẳng sau... Chưa kể kho báu ẩn tàng bên trong: những nghiên cứu và hiểu biết của bao thế kỷ. Kiến giải về những bí ẩn của vũ trụ và tâm hồn con người.” Lão khẽ nhắc cánh tay lên rồi thả xuống, đành chấp nhận mình bất lực không thể nào diễn đạt bằng lời nổi tự hào được là chủ nhân của những thứ đó. “Tôi biết có kẻ sẵn sàng giết người vì một bộ sưu tập thế này.”

Corso gạt đầu nhưng không rời mắt khỏi đám sách. “Ví dụ như chính ông,” gã đáp. “Mặc dù ông không tự ra tay. Ông sẽ sai kẻ nào đấy giết người thay mình.”

Borja cười ngạo nghễ. “Đó là ưu thế của kẻ có tiền - có thể mượn người thay mình làm chuyện bẩn thỉu. Còn mình thì vẫn trong sạch.”

Corso nhìn lão buồn sách. “Đấy là vấn đề quan điểm,” gã đáp. Gã có vẻ trầm ngâm nghĩ ngợi. “Tôi coi thường những kẻ không chịu bẩn tay. Những kẻ trong sạch.”

“Anh xem thường ai cũng mặc, giờ thì trở lại với việc chính.”

Borja bước qua những ngăn tủ chứa hàng trăm cuốn sách. “Ars Diavoli...” Lão mở cánh tủ gần nhất, lướt mấy ngón tay vuốt ve gáy những tập sách hầu như âu yếm. “Anh sẽ chẳng bao giờ gặp một bộ sưu tập thế này ở bất cứ đâu. Chúng là những cuốn hiếm nhất, chọn lọc kỹ càng nhất. Tôi mất nhiều năm mới gây dựng được bộ sưu tập này, nhưng tôi vẫn còn thiếu thứ tuyệt vời nhất.”

Lão lấy ra một cuốn sách khổ folio đóng bìa da đen theo phong cách Venice, thay cho tựa đề bên ngoài là năm dải băng nổi trên gáy sách và một biểu tượng bằng vàng ở bìa trước. Corso cầm cuốn sách rồi thận trọng mở ra. Trang in đầu tiên, tựa đề bằng tiếng Latinh DE UMBRARUM REGNI NOVEN PORTIS, Sách về chín cánh cửa của vương quốc bóng tối. Tiếp đó là dấu ấn của nhà in, địa điểm, tên và ngày tháng: Venetiae, apud Aristidem Torchiam. M.DC.LX.VI. Cum superiorum privilegio veniaque. Với đặc quyền và sự cho phép của bề trên.

Borja quan sát phản ứng của Corso.

“Nhìn cách cầm sách thì biết ngay ai là người mê sách.”

“Tôi không phải cái loại người ấy.”

“Đúng. Nhưng đôi khi anh khiến người ta quên mất anh có cái vẻ ngoài của kẻ đánh thuê. Hễ khi nào đụng đến sách, một vài cử chỉ của anh có thể khiến người khác yên lòng. Có những kẻ đụng vào sách đúng cung cách của phường tội phạm.”

Corso lật thêm vài trang. Toàn bộ văn bản bằng tiếng Latinh chữ rất đẹp in trên giấy dày và tốt, không hề chịu tác động của thời gian. Có chín tranh in cả trang tuyệt đẹp với bối cảnh thời Trung cổ. Gã ngẫu nhiên dừng lại ở một trang được đánh số V kiểu La Mã cùng một ký tự bằng cả chữ số Hy Lạp và Do Thái cổ. Dưới cùng là một từ không hoàn chỉnh hoặc được mã hóa: “FR.ST.A.” Một người đàn ông có vẻ lái buôn đang ngồi đếm tiền vàng trước một cánh cửa đóng kín, không hề biết sau lưng mình có bộ xương một tay cầm đồng hồ cát, tay kia cầm cái chĩa ba.

“Anh nghĩ sao?” Borja hỏi.

“Ông bảo nó là đồ giả, nhưng thứ này không có vẻ thế. Ông đã kiểm tra kỹ chưa?”

“Tôi đã coi toàn bộ, soi từng dấu phẩy, bằng kính lúp. Tôi thừa thời gian. Tôi mua được nó từ cách đây sáu tháng, khi người kế thừa của Gualterio Terral quyết định bán bộ sưu tập.”

7. Chương 03 - Phần 2

Gã thợ săn sách lật thêm mấy trang. Tranh khắc tuyệt đẹp với vẻ tao nhã giản dị, huyền bí. Trong một bức khác, một thiếu nữ sắp bị viên đao phủ mặc áo giáp chém đầu, thanh gươm giơ cao.

“Tôi không nghĩ là những người thừa kế bán đồ giả,” Corso nói sau khi xem xong. “Họ có quá nhiều tiền nên chẳng thêm để ý mấy cuốn sách này đâu. Thậm chí catalô của bộ sưu tập cũng phải do sànp đầu giá Claymore soạn ra kia mà... Và tôi biết ông già Terral. Không đời nào ông ta chấp nhận một cuốn sách giả mạo.”

“Đồng ý,” Borja nói. “Và ông ta kế thừa Chín cánh cửa từ cha vợ, Don Lisardo Coy, một người sưu tầm sách cực kỳ đáng tin cậy.” Corso đặt cuốn sách lên bàn rồi lôi cuốn sổ từ trong túi áo khoác ra nói, “Ông ta mua nó từ tay một người Ý, Domenico Chiara, theo catalô của Weiss, gia đình người này sở hữu cuốn sách từ 1817...”

Borja gật đầu hài lòng. “Tôi thấy là anh đã thâm nhập vấn đề tương đối sâu rồi.”

“Tất nhiên.” Corso nhìn như thể lão vừa phát biểu một điều ngu ngốc. “Đây là nghề của tôi.”

Borja phác một cử chỉ xoa dịu. “Tôi không nghi ngờ lòng trung thực của Terral và những người thừa kế,” lão nói rõ thêm. “Tôi cũng không nói cuốn sách không phải đồ cổ.”

“Ông đã nói nó là giả mạo.”

“Có lẽ dùng từ giả mạo là không hợp.”

“Vậy thì là gì? Cuốn sách thuộc về đúng thời đại.” Corso lại cầm cuốn sách, khẽ búng ngón tay lên những trang giấy và lắng nghe. “Ngay cả âm thanh cũng không sai.”

“Một số thứ có vẻ không đúng. Tôi không định nói về chất giấy.”

“Có lẽ là khâu in.”

“Có gì sai ở đây?”

“Tôi nghĩ là ở những khuôn in đồng. Năm 1666 không ai dùng bản khắc gỗ.”

“Đừng quên đây không phải là loại sách thông thường. Các tranh khắc mô phỏng do người làm sách kiểm được hoặc nhìn thấy đầu đó.”

“Delomelanicon... Thực sự ông tin vào nó?”

“Đừng bận tâm tôi tin cái gì. Nhưng chín bức tranh gốc trong cuốn sách không thuộc về ai hết. Theo truyền thuyết thì Lucifer, sau khi bị đánh bại và bị tống khỏi thiên đường, đã tạo ra những công pháp kỳ diệu dành cho môn đồ của lão: một cuốn tóm tắt những quyền pháp hắc ám. Một cuốn sách khủng khiếp được giữ bí mật, bị thiêu hủy nhiều lần, được bán với giá cao ghê gớm cho một vài người có đặc quyền sở hữu nó... Những bức họa này kỳ thực là mật mã của ma vương. Nếu giải nghĩa được văn bản và có những hiểu biết thích đáng, chúng có thể được dùng để triệu hồi ông hoàng của bóng đêm.”

Corso gật đầu với vẻ nghiêm trọng cố ý cường điệu. “Tôi có thể nghĩ ra cách tốt hơn để bán linh hồn.”

“Đừng đùa, chuyện này nghiêm túc hơn vẻ ngoài của nó... Anh biết nghĩa của từ Delomelanicon không?”

“Tôi nghĩ vậy. Từ tiếng Hy Lạp delo nghĩa là triệu hồi. Còn melas là đen tối.”

Borja cười the thé. Lão nói với giọng hài lòng: “Tôi quên mất anh là dân đánh thuê có học. Anh có lý: để triệu hồi bóng tối, hoặc soi sáng chúng... Nhà tiên tri Daniel, Hippocratess, Flavius Josephus, Albertus Magnus và Leon III đều đề cập đến cuốn sách kỳ diệu này. Con người mới chỉ biết viết từ sáu ngàn năm trước, nhưng nghe đồn là Delomelanicon có niên kỷ gấp ba lần thế. Bản đầu tiên được nhắc đến dùng giấy cói Turis từ ba mươi ba thế kỷ trước. Thế rồi, trong khoảng thời gian từ năm thứ nhất trước Công nguyên đến năm thứ hai Công nguyên, nó được trích dẫn vài lần trong Corpus Hermeticum - Tổng tập các trước tác bí truyền. Theo Asclemandres, cuốn sách cho phép ‘đối mặt với Ánh sáng Thần thánh’. Và trong một biên bản kiểm kê không toàn vẹn ở thư viện Alexandria, trước khi nó bị phá hủy lần thứ ba và cũng là lần cuối vào năm 646, có một danh mục tham khảo đặc biệt cho chín bí ẩn kỳ diệu chứa đựng bên trong sách... Chúng ta không biết có một, một vài, hay chẳng có bản sao nào còn sót lại sau trận hỏa tai ở thư viện... Kể từ đó, dấu vết của nó lúc ẩn lúc hiện suốt tiến trình lịch sử, qua khói lửa, chiến tranh và thảm họa.”

Corso có vẻ phân vân. “Bao giờ cũng thế. Mọi cuốn sách về pháp thuật đều có chung xuất xứ: từ Thoeth[2] tới Nicolas Flamel[3]... Từng có khách hàng say mê thuật giả kim nhờ tôi tìm cuốn danh mục sách được Fulcanelli[4] và môn đồ của ông ta trích dẫn. Tôi không sao thuyết phục được ông ta rằng nửa cuốn cũng không còn.”

[2] Thoth: thần mặt trăng trong tín ngưỡng Ai Cập cổ, được coi là người sáng tạo ra những cuốn sách pháp thuật đầu tiên.

[3] Nicolas Flamel: nhà giả kim thuật người Pháp thế kỷ 14-15, được coi là tác giả của nhiều cuốn sách về những công pháp thần bí.

[4] Fulcanelli: bút danh của tác giả những cuốn sách về giả kim thuật và những bí mật của người Pháp cuối thế kỷ 19.

“Những cuốn này thì chắc chắn tồn tại. Nó phải tồn tại, vì tòa án dị giáo đã liệt nó vào danh mục sách cấm. Anh không nghĩ thế à?”

“Tôi nghĩ thế nào không quan trọng. Các luật sư không tin thân chủ mình vô tội nhưng vẫn cãi cho họ trắng án.”

“Trường hợp này cũng thế. Tôi thuê anh không phải vì anh tin mà vì anh được việc.”

Corso lật thêm mấy trang. Một bức tranh khắc đánh số I thể hiện một tòa thành có tường bao quanh nằm trên một ngọn đồi. Một kỵ sĩ kỳ quái không mang vũ khí đi hướng về tòa thành, ngón tay đặt trên môi ra dấu im lặng hay đồng lõa. Phía dưới ghi: NEM.PERV.T.QUI N.N LEG.CERT.RIT.

“Đây là một mã rút gọn nhưng có thể đoán được,” Borja giải thích. “Nemo pervenit qui non legitime certaverit.”

“Chỉ có người chiến đấu đúng cách mới giành được thắng lợi.”

“Đại khái thế. Cho đến giờ chỉ mới giải mã được một trong số chín câu đề, mà lại không mấy chắc chắn. Trong tác phẩm của Roger Bacon, chuyên gia về ma quỷ học, ma thuật và mật mã, có một câu gần giống hệt như thế. Bacon tuyên bố mình có sở hữu một cuốn Delomelanicon từng thuộc về vua Solomon trong đó có chìa khóa giúp hé lộ những bí mật khủng khiếp. Đó là một sách cuộn da dê có minh họa. Nó bị thiêu hủy năm 1350 do lệnh riêng của giáo hoàng Innocent VI, ngài từng tuyên bố, ‘Nó chứa đựng công pháp triệu hồi ác quỷ.’ Ba thế kỷ sau, ở Venice, Aristide Torchia quyết định in nó với những minh họa gốc.”

“Chúng quá đẹp,” Corso phản đối. “Không thể là bản gốc: bản gốc phải có phong cách cổ xưa hơn.”

“Đồng ý. Hẳn là Torchia đã cập nhật nó.”

Một bức tranh khác, đánh số III, vẽ một cái cầu vắt qua sông với hai tháp canh ở hai đầu. Corso ngẩng lên thấy Borja đang mỉm cười bí hiểm, giống như một nhà giả kim thuật tin tưởng vào sản phẩm trong lò luyện của mình.

“Còn một mất xích cuối cùng,” lão buôn sách nói. “Giordano Bruno, kẻ tuần nạn vì theo chủ nghĩa duy lý, nhà toán học và là người đấu tranh cho thuyết Trái Đất quay quanh Mặt Trời...” Lão phẩy tay tỏ vẻ những thứ đó chẳng đáng gì. “Nhưng đó chỉ là một phần sự nghiệp của ông ta. Ông ta đã viết sáu mươi một cuốn sách và ma thuật chiếm vị trí quan trọng trong đó. Bruno có nhắc tới Delomelanicon, thậm chí còn dùng cả những từ Hy Lạp delo và melas, rồi nói thêm: ‘Có chín cánh cửa bí mật trên lộ trình của những người muốn biết.’ Ông ta còn mô tả phương pháp khiến cho thần quang lại một lần nữa sáng lên. ‘Sic luceat Lux - Thần quang xán lạn đường này’, ông ta viết, quả là một châm ngôn.” Borja chỉ cho Corso dấu ấn của nhà in: một cái cây bị sét giáng chẻ làm đôi, một con rắn quấn quanh thân cây, và châm ngôn ở trên “mà Aristide Torchia dùng cho trang đầu của Chín cánh cửa... Anh nghĩ sao?”

“Rất hoàn hảo. Nhưng tất cả chúng cùng hướng tới một mục tiêu. Có thể gán cho một đoạn văn ý nghĩa bất kỳ, đặc biệt khi nó cổ xưa và tối nghĩa.”

“Hoặc quá cần trọng. Giordano Bruno quên mất quy tắc vàng để tồn tại: Scire, tacere. Biết và im lặng. Bề ngoài thì ông ta biết điều, nhưng ông ta nói quá nhiều. Ở đây còn có sự trùng lặp ngẫu nhiên: Bruno bị bắt sống trên quảng trường Hoa ở Rome vào tháng Hai năm 1600. Cũng hành trình ấy, địa điểm ấy và ngày tháng ấy, sáu mươi bảy năm sau, Aristide Torchia bị hành quyết: bị bắt ở Venice, bị tra tấn ở Rome và thiêu sống trên quảng trường Hoa vào tháng Hai năm 1667. Vào thời kỳ ấy hình phạt trên giàn thiêu rất hiếm thấy, nhưng nó lại được áp dụng để hành hình ông ta.”

“Cảm động quá,” Corso hờ hững.

Borja bực bội. “Lắm lúc tôi tự hỏi anh có còn tin vào cái gì nữa hay không.”

Corso tỏ vẻ nghi ngại một thoáng rồi nhún vai. “Lâu lắm rồi, tôi có tin tưởng một số thứ. Hồi ấy tôi trẻ và tàn nhẫn. Bây giờ tôi đã bốn mươi lăm. Tôi già và tàn nhẫn.”

“Tôi cũng vậy. Nhưng vẫn còn tin vào một số thứ. Những thứ khiến cho tim tôi đập nhanh hơn.”

“Tiền?”

“Đừng đùa. Tiền là chìa khóa mở ra những điều huyền diệu. Để trả công cho anh. Và ban cho tôi thứ duy nhất tôi quý trọng trên đời: những cuốn sách này.” Lão tiến lên vài bước dọc theo dãy tủ chật cứng sách. “Chúng bộc lộ quan niệm của người viết, phản ánh những mối quan tâm, những nghi vấn, những khát vọng, cuộc đời và cái chết của họ... Chúng là những vật sống: phải biết nuôi dưỡng và bảo vệ chúng...”

“Và lợi dụng chúng.”

“Thỉnh thoảng.”

“Nhưng cuốn này không được.”

“Phải.”

“Ông đã thử nó rồi.”

Đó là một khẳng định chứ không phải câu hỏi. Borja hần học nhìn Corso. “Đừng ngó ngàng. Hãy cứ coi nó là giả mạo và kệ thế đã. Đó chính là nguyên nhân cần so sánh nó với những bản khác.”

“Tôi vẫn nghi không nhất thiết nó là đồ giả. Những cuốn sách thường không giống nhau ngay cả khi chúng được in một lần. Chẳng có hai cuốn sách nào giống hệt nhau. Từ lúc ra đời chúng đã mang diện mạo khác biệt và mỗi cuốn sách trải qua đời sống khác nhau: có thể thiếu trang, thừa trang hoặc bị đổi lộn, hoặc được đóng lại... Năm tháng trôi qua, hai cuốn sách được in trên cùng một tổ máy có thể có hình thức hoàn toàn khác biệt. Chuyện đó có thể xảy ra với cuốn sách này.”

“Vậy hãy tìm hiểu đi. Hãy điều tra Chín cánh cửa như thể nó là một tội phạm. Lăn theo dấu vết, kiểm tra từng trang, từng bức họa, từng tờ giấy, bìa sách... Hãy lần theo quá khứ mà tìm hiểu xem cuốn sách của tôi từ đâu tới. Rồi lại làm đúng như thể với hai cuốn ở Sintra và Paris.”

“Sẽ rất có lợi nếu tôi biết làm sao ông biết được cuốn sách của ông là đồ giả.”

“Tôi không thể cho anh biết được. Hãy tin ở trực giác của tôi.”

“Trực giác của ông sẽ khiến ông mất nhiều tiền đấy.”

“Việc của anh là tiêu số tiền đó.”

Lão moi tờ séc trong túi ra đưa cho Corso, gã ngần ngừ lật đi lật lại nó trên tay.

“Tại sao ông trả trước cho tôi? Trước đây ông chưa làm thế bao giờ.”

“Anh sẽ phải thanh toán nhiều khoản. Thế này nghĩa là anh có thể bắt đầu.” Lão đưa gã một tệp giấy dày. “Mọi điều tôi biết về cuốn sách ở cả trong này. Có lẽ sẽ có ích cho anh.”

Corso vẫn nhìn tờ séc. “Trả trước mà thế này thì quá nhiều.”

“Anh có thể gặp một số rắc rối...”

“Ông không định nói...” nói tới đó, Corso nghe Borja hắng giọng. Cả hai đều hiểu vấn đề.

“Nếu anh phát hiện ra rằng cả ba cuốn đều là giả mạo hoặc không toàn vẹn,” Borja nói, “khi đó coi như anh xong việc và ta sẽ thanh toán.” Lão ngừng đôi chút, đưa tay xoa cái đầu hói, cười gượng gạo. “Nhưng có khi một trong số đó lại hóa ra đồ thật. Trong trường hợp đó anh sẽ có nhiều tiền hơn mặc ý tiêu pha. Bởi vì tôi muốn có nó bằng mọi giá.”

“Ông đùa.”

“Tôi có giống đang đùa không?”

“Đó là việc phi pháp.”

“Trước kia anh từng làm nhưng việc không hợp pháp.”

“Nhưng không phải loại này.”

“Sẽ không ai trả được cho anh như tôi.”

“Lấy gì để đảm bảo điều đó?”

“Tôi để anh giữ cuốn sách. Anh sẽ cần bản gốc cho công việc. Chẳng phải thế là đủ đảm bảo hay sao?”

Âm thanh choáng óc lại vang lên cảnh báo gã, Corso vẫn cầm Chín cánh cửa trong tay. Gã đặt tấm séc vào giữa giống như cái thẻ đánh dấu trang và thổi đi lớp bụi vô hình trên cuốn sách trước khi trả lại cho Borja.

“Lúc này ông nói có thể trả tiền cho mọi người để làm bất cứ chuyện gì. Bây giờ tự ông có thể kiểm chứng lại điều đó. Hãy tới gặp chủ nhân của mấy cuốn sách và tự mình thực hiện công việc bản thảo ấy.”

Gã quay lại bước ra cửa, tự hỏi không biết sau mấy bước thì lão buôn sách sẽ nói gì đó. Ba.

“Công việc này không dành cho những người chỉ nói mồm,” Borja nói. “Nó là của những người hành động.”

Giọng lão đã thay đổi. Không còn vẻ lạnh lùng ngạo mạn và khinh thường đối với gã lính đánh thuê kia nữa. Trên tường, sau khung kính, trong bức tranh khắc của Durer, một thiên thần khẽ rung đôi cánh trong lúc để giày của Corso nện trên sàn đá cẩm thạch đen. Bên cái tủ đầy sách, cạnh cửa sổ chắn song thông ra thánh đường, bên tất cả những gì lão có thể mua được bằng tiền, Varo Borja đứng chứng hứng, mắt hấp háy. Vẫn còn vẻ ngạo ngược, bàn tay vẫn gõ lên bìa sách một cách khinh miệt. Nhưng Lucas Corso nhận ra sự đổ vỡ trong mắt lão. Cùng nỗi sợ hãi.

Tim Corso gõ đều nhịp hải lòng khi gã yên lặng bước trở lui. Tới gần Borja, gã cầm tấm séc thò ra ngoài cuốn Chín cánh cửa. Thận trọng gấp nó lại nhét vào túi. Rồi cầm lấy cuốn sách và tập tài liệu,

“Tôi sẽ giữ liên lạc,” gã nói.

Gã nhận ra mình đã tung viên xúc xắc rồi. Rằng mình đã tiến vào ô đầu tiên của trò chơi Rắn và Thang đầy nguy hiểm song lùi lại thì đã quá muộn. Nhưng gã cảm thấy mình đang nhập cuộc. Tiếng cười khò khóc của gã vang vọng khoang cầu thang. Varo Borja sai rồi. Có những thứ không mua được bằng tiền.

Những bậc thang từ cửa chính dẫn tới sân trong có một cái giếng, hai con sư tử bằng đá Venice bị rào chắn ngăn cách với đường phố bên ngoài. Làn không khí ẩm ướt khó chịu từ sông Tagus ập tới, Corso dừng lại bên dưới vòm cuốn theo kiến trúc của người Moor ở lối vào và kéo cao cổ áo. Lăn theo một phố hẹp yên tĩnh rải sỏi, gã tới một quảng trường nhỏ. Ở đây có một quán bar với những cái bàn kim loại và những cây đèn trụ nép dưới gác chuông nhà thờ. Chọn một chỗ ngồi trong sân có ánh nắng ấm áp, gã gắng sức làm nóng chân tay tê cứng. Có vẻ ổn hơn sau hai ly gin nguyên chất. Chỉ đến khi đó gã mới mở tập tài liệu về Chín cánh cửa và lần đầu tiên xem xét nó thật kỹ càng.

Một báo cáo bốn mươi hai trang đánh máy về bối cảnh lịch sử của cuốn sách, cả phiên bản được cho là gốc Delomelanicon, hay Thần chú triệu vời bóng tối, và phiên bản của Torchia Sách về chín cánh cửa của vương quốc bóng tối in ở Venice năm 1666. Có những phụ lục khác nhau bao gồm một thư mục, bản phôi tô các đoạn trích văn bản cổ điển và thông tin về hai cuốn sách khác đã biết - chủ nhân của chúng, những phần đã phục chế, ngày mua, địa điểm hiện nay. Có cả bản sao biên bản phiên tòa xử Aristide Torchia, với lời khai của một nhân chứng đương thời tên là Gennaro Galeazzo, tả lại giây phút cuối cùng của ông chủ nhà in xấu số.

Hắn leo lên giàn thiêu, lặng lẽ và ngoan cố, không hề có ý định giải hòa với thượng đế. Khi ngọn lửa bùng lên, khói bắt đầu làm hắn ngạt thở. Hắn trợn mắt gào lên khảng khái, rồi phó thác linh hồn cho Đức Chúa Cha. Nhiều người có mặt làm dấu thánh giá bởi khi chết hắn xin sự khoan thứ của Chúa Trời. Có người nói họ nghe thấy hắn thét gọi đất, nói cách khác là thét gọi nơi sâu thẳm trong lòng đất.

Một chiếc xe chạy ngang qua phía bên kia quảng trường rồi quặt vào góc phố dẫn tới thánh đường. Động cơ xe khựng lại một thoáng ở góc phố, tựa như người lái cố tình dừng lại trước khi tiếp tục cho xe đi. Corso

không để ý, gã đang mải mê với cuốn sách. Trang đầu tiên mang nhan đề, trang hai bỏ trắng. Trang ba bắt đầu với một chữ N lớn chứa đựng một lời giới thiệu bí ẩn như sau:

Nos p.tens L.f.r, juv.te Stn. Blz.b, Lvtn, Elm, atq Ast. Rot. Ali.q, h.die ha.ems ace.t pct fo.de.is c.m.t. qui no.st; et h.ic policem am.rem mul. flo.em virg.num de.us mon. hon v.lup et op. for.icab tr.d.o.os.ta int. nos ma.et eb.iet i.li c.ra er. No.is ò.ret se.el in ano sag. sig. s.b ped. cocul.ab sa Eccl.e et no.s r.gat i.sius er.t; p.ct v.v.t an v.q fe.ix in t.a hom.et ven D:

Fa.t in inf int co.s daem.

Satanas. Belzebub. Lcfr, Elimi, Leviathan, Astaroth

Siq pos mag. diab.et daem. pri.cp dom.

Sau lời giới thiệu, mà “nguồn gốc tác giả” rất rõ ràng, đến phần văn bản. Corso đọc những dòng đầu:

D.mine mag.que L.fr, te D.um m. et.pr ag.sco et pol.c.or tser.ire. a.ob.re quam.d p. vvre; et rn.io al.rum d. et js.ch.et et a.s sn.ts tq.e s.ctas e. ec.les. apstl. Et rom. et. om.i.sc.am. et o.nia ips.s.cramen. et o.nes.atio et r.g. q.ib fid. pos.nt int. rcd. p.o me; et t.bi pol.lceor q.fac. qu.tqu.t m.lum pot., et atra. Ad mala p. omn. Et ab.rncio chrsm. et b.ptm et omn...

Gã nhìn lên cổng nhà thờ. Mái vòm có bức phù điêu về sự tích “Ngày phán xử cuối cùng” đã phai tàn theo mưa nắng. Bên dưới là hốc tường chia cái cổng làm đôi, từ đó lộ ra khuôn mặt thiên thần giận giữ, tay phải giơ cao hàm ý trừng phạt hơn là khoan dung, tay trái cầm quyển sách mở, và Corso không khỏi bất giác so sánh. Gã nhìn quanh ngọn tháp nhà thờ và những cao ốc bên cạnh. Mặt tiền các nhà vẫn còn mang biểu tượng của đức giám mục, và hấn ngẫm nghĩ, quảng trường này cũng từng là nơi chứng kiến lễ hội lửa thiêu tà ma của tòa án dị giáo. Dù sao thì đây cũng là Toledo. Là nơi tôi luyện những tông phái bí ẩn, nơi diễn ra những buổi lễ nhập đạo, chốn tung hoành của những kẻ vờ cải đạo. Và những tên dị giáo.

Gã uống thêm mấy ngụm gin trước khi trở lại với cuốn sách. Văn bản dưới dạng mã rút gọn tiếng Latinh kéo dài thêm một trăm năm mươi bảy trang nữa, trang sau cùng trống không. Chín trang mang những bức minh họa nổi tiếng mà theo truyền thuyết là do chính quỷ vương Lucifer sáng tạo. Trên đầu mỗi bức tranh có một chữ số Latinh, Do Thái hoặc Hy Lạp, với một câu tiếng Latinh dùng cùng loại mã rút gọn ấy. Corso kêu thêm cốc gin thứ ba rồi xem xét thật kỹ. Chúng giống như hình vẽ trên con bài Ta rô hay những tranh khắc xưa thời Trung cổ: nhà vua và tên ăn mày, ẩn sĩ, kẻ thực thi hình phạt treo cổ, cái chết, đao phủ. Ở bức họa cuối cùng là một người phụ nữ đẹp cười trên lưng con rồng. Quá đẹp với một người chính giáo đức hạnh đương thời, gã nghĩ.

Gã tìm thấy một bức minh họa giống thế trên bản phô tô một trang trong cuốn Thư mục tổng hợp của Mateu. Nhưng không phải là chính nó. Corso đang giữ cuốn sách của Terral-Coy, còn theo báo cáo năm 1929 của nhà nghiên cứu Mateu, bức họa phô tô lại có xuất xứ từ một cuốn sách khác:

Torchia (Aristide), De Umbrarum Regni Novem Portis. Venetiae, apud Aristidem Torchiam. MDCLXVI. Folio. 160 trang cả bìa. 9 tranh khắc gỗ toàn trang. Thuộc loại cực hiếm. Chỉ tồn tại ba bản. Thư viện Fargas, Sintra, Ban. (Xem minh họa.) Thư viện Coy, Madrid, Tbn, (tranh khắc số 9 mất). Thư viện Morel, Paris, Pháp.

Thiếu bức tranh thứ chín. Corso xem lại và thấy không đúng. Có bức thứ chín ở cuốn sách trong tay gã, nguyên là của Coy, sau tới thư viện Terral-Coy và giờ là tài sản của Varo Borja. Hẳn đó là một lỗi nhà in, hoặc là sai lầm của chính Mateu. Khi Thư mục tổng hợp được xuất bản năm 1929, kỹ thuật in và phương thức phát hành chưa mấy phát triển. Nhiều học giả viết về những cuốn sách họ chỉ biết thông qua bên thứ ba. Có thể bức minh họa thất lạc thuộc một trong hai cuốn còn lại. Corso ghi chú bên lề bản phô tô. Cần kiểm tra lại.

Chuông đồng hồ đầu đó điểm ba tiếng, lũ bồ câu nháo nhác bay lên từ ngọn tháp và các mái nhà. Corso khẽ rung mình, dường như có gì đó đang đến, rất chậm. Gã sờ soạn trong túi lấy ra ít tiền. Đặt tiền lên bàn, gã đứng dậy. Hơi rượu gin khiến âm thanh và hình ảnh bên ngoài trở nên mờ xa xôi, gã cảm thấy nhẹ nhõm hơn. Nhét cuốn sách và tập tư liệu vào trong túi vải, quàng túi qua vai, gã cứ đứng như thế trong vài giây ngẩn nhìn thiên thần nổi giận. Không có gì phải vội vã và muộn đầu óc thanh thản, nên gã quyết định đi bộ tới nhà ga xe lửa.

Tới khu thánh đường, gã theo một ngõ tắt xuyên qua tu viện. Vượt qua dãy ki ốt bán đồ lưu niệm, gã dừng lại một lát nhìn lên giàn giáo trống rỗng bên những bức tranh tường đang phục chế. Xung quanh vắng lặng, tiếng bước chân gã dội đi dội lại dưới mái nhà vòm. Gã tưởng như nghe thấy gì đấy phía sau. Một linh mục đến muộn giờ xưng tội.

Ra khỏi cánh cổng sắt, gã bước vào một con phố âm u hẹp đến nỗi xe cộ qua lại rất chật vật mới khỏi đụng vào tường. Khi gã rẽ phải, một chiếc xe từ đâu đó quẹo trái. Có một cột đèn giao thông với hộp đèn hình tam giác báo hiệu đường đi hẹp, khi Corso tới gần đó, chiếc xe bất ngờ tăng tốc. Gã nghe tiếng nó đang tới rất nhanh đằng sau, gã muốn quay lại nhìn nhưng thời gian chỉ đủ để xoay người nửa vòng, vừa kịp thấy một bóng đen chực chồm lên mình. Phản xạ của gã bị hơi rượu làm cho trì trệ, may sao gã vẫn để ý cột đèn tín hiệu. Corso lao tới theo bản năng và nhận ra giữa cây cột kim loại và bức tường có một khoảng hẹp an toàn. Gã lách vào giữa khe hẹp giống như người đầu bò ẩn mình sau rào cản. Chiếc xe chỉ quẹt vào cánh tay gã rồi lướt đi. Nhưng cú va đập khiến gã đau nhói, hai đầu gối bủn rủn. Ngồi phệt xuống đám sỏi, gã nhìn chiếc xe biến mất trong tiếng rít của lốp xe ma sát với mặt đường.

Corso vừa đi tiếp về phía ga vừa xoa bóp cánh tay thâm tím, chốc chốc lại quay người quan sát đằng sau. Cái túi đeo với cuốn Chín cánh cửa bên trong khiến vai gã khó xoay trở. Chỉ mấy giây nhìn thoáng qua, gã tìm thấy một bức minh họa giống thế trên bản phôi tô một trang trong cuốn Thư mục tổng hợp của Mateu nhưng như thế đã là đủ: lần này là chiếc Mercedes đen chứ không phải Jaguar. Cái người chỉ chút nữa thì đè bẹp Corso có nước da ngăm, để ria và có vết sẹo trên mặt. Thằng cha ở quán bar Makarova. Cũng là người đàn ông trong bộ đồng phục tài xế đọc báo bên ngoài nhà Liana Taillefer.

8. Chương 04 - Phần 1

IV. NGƯỜI MẶT SẸO

Tôi không biết hắn từ đâu đến, nhưng biết hắn sẽ đi đâu: hắn nhập địa ngục.

A. Dumas, BẢ TƯỚC MONTE CRISTO.

Corso về đến nhà thì trời đã tối đen. Bàn tay sưng phù nhét trong túi áo khoác run lên nhức nhối, gã bước về phía phòng tắm, nhặt chiếc khăn tắm và bộ quần áo ngủ nhàu nát dưới sàn nhà lên rồi giữ bàn tay dưới vòi nước lạnh trong năm phút. Rồi gã đứng nguyên trong bếp mở mấy lon đồ hộp ra ăn.

Thật là một ngày kỳ lạ và nguy hiểm. Khi nghĩ về nó, gã thấy bối rối, mặc dù tò mò nhiều hơn là lo lắng. Từng có dạo gã ứng xử với sự bất ngờ giống như một người theo thuyết định mệnh, chờ cho sự đời tung ra bước tiếp theo. Từ trước tới giờ, thói quen thờ ơ lãnh đạm khiến gã chưa bao giờ đích thân động thủ. Trước cái buổi sáng trên con phố nhỏ ở Toledo, vai trò của gã chỉ đơn thuần là thực hiện mệnh lệnh. Kể khác là nạn nhân. Gã bao giờ cũng khách quan khi lừa gạt hay giao dịch với người khác. Gã không xác lập quan hệ với những cá nhân hay sự thật có dính líu - chúng chỉ đơn giản là công cụ làm ăn. Gã đặt mình ra ngoài, trong vai trò người làm thuê chỉ biết đến lợi nhuận. Người thứ ba vô cảm. Có lẽ thái độ này khiến gã thường xuyên cảm thấy an toàn, giống như khi gã bỏ kính ra, người và vật trở nên mờ mờ không rõ; gã có thể lờ chúng đi bằng cách loại bỏ đường viền sắc nét của chúng. Song hiện giờ cái đau từ bàn tay bị thương, cảm giác về mối nguy hiểm gần kề, về hành vi hung bạo nhắm trực tiếp và duy nhất vào chính gã, đã dẫn tới những thay đổi đáng sợ trong thế giới của gã. Lucas Corso, đã bao lần bức hiếp người khác, không quen đóng vai nạn nhân. Nên lần này gã thấy hết sức luống cuống.

Ngoài chỗ tay đau, gã còn cảm thấy các bắp cơ căng cứng và miệng thì khô khốc. Corso mở một chai Bols rồi lần tìm aspirin trong các túi vải. Gã luôn dự trữ đầy đủ aspirin, cùng với sách, bút chì, bút mực, cuốn sổ đã ghi kín nửa, con dao quân dụng Thụy Sĩ, hộ chiếu, tiền mặt, quyển sổ địa chỉ căng phòng, sách của gã và của người khác. Bất cứ lúc nào gã cũng có thể dấu mình giống như con ốc sên co mình vào vỏ. Với cái túi đó gã có thể hoàn toàn thoải mái ở bất cứ nơi nào mà sự may rủi hay khách hàng đưa gã tới - sân bay, ga xe lửa, những thư viện bụi bặm ở châu Âu, những buồng khách sạn mà tất cả hòa vào nhau trong ký ức gã thành một căn buồng duy nhất có kích cỡ thay đổi, nơi gã thường giật mình thức dậy, khật khưỡng lần

mò trong bóng tối tìm công tắc đèn, chỉ để rồi đụng phải cái điện thoại. Những khoảnh khắc trống rỗng cứ thế bị rút ra khỏi cuộc đời và ý thức gã. Gã không khi nào quá chắc chắn về bản thân hoặc bất cứ cái gì, bởi trong ba giây đầu tiên sau khi mở mắt, thân thể gã thức tỉnh trước cả đầu óc lẫn trí nhớ.

Corso ngồi vào máy tính, đặt cuốn sổ ghi chép cùng mấy cuốn sách tham khảo lên bàn, bên trái. Bên phải là Chín cánh cửa và tập tư liệu của Varo Borja. Thế rồi gã lặng lẽ ngã người trên chiếc ghế trong năm phút, mặc cho điều thuốc chảy hết trên tay, chỉ một hai lần đưa lên môi. Gã chỉ làm mỗi một việc là uống nốt chỗ rượu gin rồi nhìn chăm chăm vào màn hình máy tính trống rỗng và biểu tượng trên bìa sách. Cuối cùng gã tuồng như sức tỉnh. Gã giúi điều thuốc vào gạt tàn, chỉnh lại kính, bắt tay vào làm việc. Tư liệu của Varo Borja khớp với Bách khoa toàn thư về các nhà in và những cuốn sách hiếm và lạ của nhà Crozet:

TORCHIA, Aristide (1620-1667). Nhà in, nhà khắc tranh và nhà đóng sách ở Venice. Dấu nhà in: một con rắn và một cái cây bị sét đánh. Học việc ở Leyden (Hà Lan) trong xưởng của hang Elzevir. Khi trở lại Venice ông đã hoàn thành một loạt tác phẩm về đề tài triết học và thần bí khổ nhỏ (12 mo, 16 mo[1]) được đánh giá cao. Đáng chú ý trong đó là Những bí mật về sự thông thái của Nicholas Tamisso (ba tập, 12 mo, Venice 1650), Chìa khóa của tư duy chuyên chú (một tập, 132x75 mm, Venice 1653), Bộ ba sách về nghệ thuật của Paolo d'Este (sáu tập, 8 vo, Venice 1658), Lý giải về những điều huyền bí và những biểu tượng (một tập, 8 vo, Venice 1659), in lại từ cuốn Từ thất lạc của Bernardo Trevisano (một tập. 8 vo, Venic 1661) và Sách về chín cánh cửa của vương quốc bóng tối (một tập, folio, Venice 1666). Vì in cuốn sách sau cùng, ông rơi vào tay tòa án dị giáo. Xưởng in bị hủy cùng mọi văn bản đã in và chưa in có ở đó. Torchia bị kết tội liên quan đến ma thuật cùng phép phù thủy và kêu án tử hình. Bị thiêu sống ngày 17 tháng Hai năm 1667.

[1] Khổ sách chiều cao 17,5-20 cm; 15-17 cm.

Corso rời mắt khỏi màn hình máy tính rồi xem kỹ trang đầu cuốn sách đáng giá mạng sống của chủ nhà in Venice. Đầu đề là DE UMBRARUM REGNI NOVEN PORTIS. Bên dưới là dấu nhà in, một hình vẽ thay cho chữ ký của nhà in, có thể là bất cứ cái gì từ một chữ lồng cho tới một bức họa tỉ mỉ. Trong trường hợp Torchia, như trong cuốn sách của Crozet đã nói, dấu này là một cái cây có một cành cây bị sét đánh gãy và con rắn cuộn tròn quanh thân cây, nuốt trọn cái đuôi của chính mình. Đi kèm với bức vẽ là câu châm ngôn SIC LUCEAT LUX: Thần quang xán lạn đường này. Ở bên dưới trang sách là địa điểm, tên và ngày tháng: Venetiae, apud Aristidem Torchiam. In ở Venice, tại xưởng của Aristidem Torchiam. Dưới nữa, cách ra bởi dòng trang trí: MDCLXVI Cum superiorum privilegio veniaque. Nhờ đặc quyền và sự cho phép của các đẳng bề trên.

Corso gõ vào máy tính:

Cuốn sách không dán nhãn sở hữu hay có ghi chú viết tay. Hoàn toàn giống trong catalô dùng cho buổi đấu giá bộ sưu tập Terral-Coy (Claymore, Madrid). Lỗi trong Mateu (công bố tám chữ không phải chín bức tranh khắc như trong bản này). Khổ Folio. 299x215 mm. Hai tờ trắng, một trăm sáu mươi trang và chín tranh toàn trang, đánh số I đến VIII. Các trang: một trang nhan đề có dấu nhà in. Một trăm năm bảy trang chữ. Trang cuối trống, không lời ghi cuối sách. Bản khắc toàn trang theo khổ recto. Trang bìa sau trống.

Gã lần lượt xem từng bức họa. Theo Borja, truyền thuyết nói rằng các bức vẽ gốc là do chính tay Lucifer vẽ. Mỗi bức đều có kèm số thứ tự kiểu La Mã, các ký tự Hy Lạp và Do Thái tương đương, cùng một câu tiếng Latinh dưới dạng mã rút gọn. Gã gõ vào máy:

I. NEM. PERV.T.QUI N.N LEG. CERT.RIT: Một kỵ sĩ đi về phía một tòa thành có tường bao. Anh ta đặt một ngón tay lên môi, ra dấu thận trọng hay im lặng.

II. CLAUS. PAT.T: Một ẩn sĩ đứng trước cánh cửa khóa, tay cầm hai cái chìa khóa. Một cái đèn lồng nằm dưới đất. Một con chó đi theo ông ta. Đằng sau ông ta có một ký hiệu giống như chữ cái Teth trong tiếng Do Thái cổ.

III. VERB. D.SUM C.S.T. ARCAN: Một kẻ lang thang hoặc một người hành hương đi về phía cây cầu bắc ngang sông. Tháp canh ở hai đầu cầu đều đóng kín. Một người mang cung tên trong tay nấp trên mây nhắm vào con đường dẫn tới cây cầu.

III. (Chữ số La Mã viết dưới dạng này chứ không phải dạng thông thường IV.) FOR. N.N OMN. A.QUE: Một anh hề đứng trước một mê cung bằng đá. Lối nào cũng đóng kín. Ba con xúc xắc trên mặt đất lộ ra ba mặt số 1, 2 và 3.

V. FR.ST.A: Một gã keo kiệt, hay một lái buôn, đang đếm tiền vàng trong bao tải. Sau lưng gã, Thần Chết một tay cầm đồng hồ cát, một tay nắm cái chìa ba.

VI. DIT.SCO M.R: Một người làm nghề treo cổ phạm nhân trông giống như trong con bài Ta rô, tay bị trói quặt ra sau, bị treo ngược chân lên mặt tường thành, gần một cửa hậu đóng kín. Một cánh tay mang găng sắt cầm một thanh gươm bốc cháy thò ra từ một cửa sổ hẹp.

VII. DIS.S P.TI.R MAG: Một ông vua và một tên ăn mày đang chơi cờ trên một bàn cờ chỉ có những ô trắng. Trăng chiếu qua cửa sổ. Bên cánh cửa đóng kín, dưới cửa sổ có hai con chó cắn nhau.

VIII. VIC. I.T VIR: Bên tường thành một phụ nữ quỳ gối trên mặt đất, chìa cái gáy trần cho đao phủ. Ở phía xa xa là bánh xe định mệnh trên đó có ba bóng người: một ở trên, một đang leo lên, một đang tụt xuống.

VIII. (Ở đây cũng vậy, không phải dạng thông thường IX.) N.NC SC.O TEN.EBR. LUX: Một phụ nữ khỏa thân cưỡi một con rồng bảy đầu, một tay giữ quyển sách để mở, và một thứ gì đấy hình nửa vầng trăng che chỗ kín. Trên đồi phía sau có một pháo đài đang bốc cháy. Cửa vẫn đóng như các bức tranh kia.

Gã ngừng tay gõ, duỗi thẳng tứ chi tê dại và ngáp. Cả căn phòng tối đen trừ khoảng sáng hình nón của chiếc đèn bàn và màn hình máy tính. Ánh đèn đường nhợt nhạt xuyên qua khung cửa sổ. Gã tới bên cửa sổ, lơ đãng nhìn ra ngoài, hoàn toàn không biết mình định nhìn cái gì nữa. Một chiếc ô tô đậu bên lề đường, đèn pha tắt, hình như bên trong có một bóng đen. Nhưng không có gì hấp dẫn gã, trừ tiếng còi xe cứu thương văng vẳng, chìm dần trong đám cao ốc lơ nhô đen thẫm. Đã là năm phút sau nửa đêm theo đồng hồ trên tháp nhà thờ bên cạnh.

Gã lại ngồi xuống với máy tính và cuốn sách. Kiểm tra bức minh họa đầu tiên - dấu nhà in ở trang nhan đề, con rắn ngậm đuôi mình mà Aristide Torchia chọn làm biểu tượng cho xưởng in của ông. SIC LUCEAT LUX. Loài rắn và ma quỷ, những câu thần chú và ẩn ý của chúng. Gã cười cợt nâng cốc tưởng nhớ Torchia. Con người này hẳn phải hết sức dũng cảm, hoặc rất ngu ngốc. Ngài đã trả giá cao cho thứ đó ở nước Ý vào thế kỷ mười bảy, cho dù nó được in cum superiorum privilegio veniaque.

Chợt Corso ngừng lại mà chửi thề thành tiếng, mắt nhìn vào góc tối trong căn phòng, thấy mình đã sơ xuất không nhận thấy từ đầu. “Với đặc quyền và sự cấp phép của bề trên.” Không thể như thế.

Không rời mắt khỏi trang sách, gã lại ngồi xuống ghế đốt thêm một điếu thuốc quấn queo. Những dòng chữ lay động lơ mơ đằng sau làn khói xám uốn éo dưới ánh đèn.

Cum superiorum privilegio veniaque chẳng có ý nghĩa gì hết. Hoặc là vấn đề rất tế nhị. Cái gọi là phê duyệt ở đây không thể là sự cấp phép chính thức. Năm 1666, Nhà thờ Công giáo sẽ chẳng đời nào cho phép in một cuốn sách như thế, bởi vì tiền thân của nó, Delomelanicon, đã bị đưa vào danh sách cấm từ trước đó một trăm năm mươi năm. Vậy không phải là Aristide Torchia muốn nói đến sự cho phép của bộ phận kiểm duyệt của Nhà thờ. Cũng không phải từ phía chính quyền Cộng hòa Venice. Hẳn ông ta có đẳng bề trên khác.

Tiếng chuông điện thoại làm gián đoạn suy nghĩ của gã. Flavio La Ponte. Hẳn muốn báo cho Corso là cùng với mấy cuốn sách (phải mua cả lô theo thỏa thuận), hẳn kiếm được một bộ sưu tập vé xe điện châu Âu, chính xác là 5.775 cái, tất cả đều có số đọc xuôi và ngược giống nhau, được xếp theo từng quốc gia trong mấy cái hộp đựng giấy. Hẳn không nói đùa. Nhà sưu tầm vừa chết và gia đình muốn tổng khứ chúng đi. Có thể Corso biết ai đó quan tâm. Tự nhiên thôi. La Ponte biết rằng việc sưu tập không mệt mỏi và đầy bệnh hoạn 5.775 chiếc vé có số đọc xuôi ngược như nhau là hoàn toàn vô nghĩa. Có ai mua một bộ sưu tập ngu ngốc như vậy? Có, bảo tàng Giao thông ở London là một gợi ý hay... Người Anh và những thói ngông cuồng của họ... Liệu Corso có muốn làm vụ này không?

La Ponte cũng lo lắng về bản thảo của Dumas. Hẳn nhận được hai cú điện thoại từ một người đàn ông và

một người đàn bà, cả hai không chịu xưng tên, hỏi về Rượu vang Anjou. Lại, bởi vì La Ponte không nói chuyện bản thảo với bất kỳ người nào và không định nói gì chừng nào chưa có được báo cáo của Corso. Corso thuật lại cuộc chuyện trò với Liana Taillefer và nói rằng gã đã cho ả biết danh tính người chủ mới của tập bản thảo.

“Ả biết cậu thường tới gặp ông chồng quá cố. À mà nhân tiện,” gã nhớ ra, “ả muốn có một bản tờ phiếu thu.”

Đầu bên kia đường dây La Ponte phì cười. Làm quái gì có phiếu thu. Taillefer bán nó cho hắn, có thể thôi. Nhưng nếu góa phụ duyên dáng muốn thảo luận về chuyện ấy, hắn nói thêm và cười dâm dăng, hắn rất sẵn lòng. Corso đề xuất khả năng trước khi chết Taillefer đã nói với ai đấy về tập bản thảo. La Ponte không nghĩ thế; Taillefer đã khẳng khái là vấn đề sẽ được giữ bí mật cho đến khi chính ông ta đưa ra một ám hiệu. Cuối cùng ông ta chẳng làm gì hết, trừ phi tự treo cổ dưới cái giá đèn là một ám hiệu.

“Đó là thứ ám hiệu rõ ràng nhất,” Corso nói.

La Ponte cười khàn khàn đầy hân học. Rồi hắn hỏi về chuyến viếng thăm Liana Taillefer của Corso. Sau khi đưa ra mấy nhận xét lếu láo, La Ponte nói từ biệt. Corso không kể gì về chuyện bất ngờ ở Toledo. Họ thỏa thuận hôm sau sẽ gặp nhau.

Sau khi gác máy, Corso trở lại với Chín cánh cửa. Nhưng đầu óc gã lại hướng tới thứ khác. Bản thảo của Dumas lôi cuốn sự chú ý của gã. Sau cùng gã để ý tới tập tài liệu có những tập giấy xanh và trắng. Khẽ xoa xoa cánh tay đau, gã tìm trên máy thư mục Dumas. Màn hình bắt đầu nhấp nháy. Gã dừng lại ở một file có tên Bio:

Dumas Davy de la Pailleterie, Alexandre. Sinh 24/7/1802. Mất 5/12/1870. Con của Thomas Alexandre Dumas, tướng lĩnh cộng hòa. Tác giả 257 tập tiểu thuyết, hồi ký và truyện các loại. 25 vở kịch. Là người da trắng lai đen theo bên cha. Dòng máu đen khiến ông có những nét ngoại lai. Ngoại hình: cao, cổ to, tóc xoăn, môi dày, chân dài, cường tráng. Tính cách: đầy sức sống, hay thay đổi, độc đoán, dối trá, không đáng tin cậy, bình dân. Có 27 người tình, 2 con chính thức và 4 con ngoài giá thú. Làm ra rất nhiều tiền nhưng phung phí vào tiệc tùng, du lịch, rượu quý và hoa. Toàn bộ tiền bạc kiếm được nhờ viết văn đều hết sạch do tiêu pha vô độ cho tình nhân, bạn hữu và những kẻ theo đóm ăn tàn tụ tập quanh lâu đài của ông ở Montecristo. Lánh khỏi Paris để tránh chủ nợ chứ không vì lý do chính trị, như Victor Hugo bạn ông. Bạn bè: Hugo, Lamartine, Michelet, Gérard de Nerval, Nodier, George Sand, Berlioz, Theophile Gautier, Alfred de Vigny, vân vân. Kẻ thù: Balzac, Badère, vân vân.

Mấy cái này chẳng có ích gì cho gã. Gã cảm thấy như mình đang lặn mò trong bóng tối mịt mù, xung quanh là vô số manh mối sai lạc hay vô dụng. Nhưng hắn phải có một mối liên kết đầu đó. Bằng bàn tay lạnh, gã gõ Dumas.nov:

9. Chương 04 - Phần 2

Các tiểu thuyết của Alexander Dumas xuất hiện trên báo theo kỳ:

1831: Cảnh lịch sử (Revue des Deux Mondes). 1834: Jacque I và Jacque II (Journal des Enfants). 1835: Elizabeth xứ Bavaria (Dumont). 1836: Murat (La Presse). 1837: Pascal Bruno (La Presse), Chuyện một ca sĩ giọng tenor (Gazette Musicale). 1838: Bá tước Horatio (La Presse), Đêm của Nero (La Presse), The Arms Hall (Dumont), Đại úy Paul (Le Siècle). 1839: Jaques Ortis (Dumont), Cuộc đời và những chuyến phiêu lưu của John Davys (Revue de Paris), Đại úy Panphile (Dumont). 1840: Kiểm sư (Revue de Paris). 1841: Kỵ sĩ d'Harmental (Le Siècle). 1843: Sylvandire (La Presse), Bộ quần áo cưới (La Mode), Albine (Revue de Paris), Ascanio (Le Siècle), Fernande (Revue de Paris), Amaury (La Presse). 1844: Ba người lính ngự lâm (Le Siècle), Gabriel Lambert (La Chronique), Con gái quan nhiếp chính (Le Commerce), Anh em xứ Corso (Démocratie Pacifique), Bá tước Monte Cristo (Journal des Débats). Nữ bá tước Bertha (Hetzl), Chuyện cái kẹp hạt dẻ (Hetzl), Hoàng hậu Margot (La Presse). 1845: Nanon (La Patrie), Hai mươi năm

sau (Le Siècle), Hồng lâu ký sĩ (Démocratie Pacifique), Bà Monsoreau (Le Constitutionnel), Madame de Conde (Le Patrie). 1846: Nữ tử tước de Cambes (La Patrie), Anh em cùng cha khác mẹ (Le Commerce), Joseph Balsam (La Presse), Tu viện Pessac (La Patrie). 1847: Bốn mươi lăm (Le Constitutionnel), Tử tước Bragelonne (Journal pour Tous 1848: Chuối hạt của hoàng hậu (La Presse). 1849: Hôn lễ của cha Olifus (Le Constitutionnel). 1850: Ý muốn của thượng đế (Evènement), Hoa tuy líp đen (Le Siècle), Sứ giả hòa bình (Le Siècle), Thiên thần Pitou (La Presse). 1851: Olympe de Clèves (Le Siècle). 1852: Thượng đế và ác quỷ (Le Pays), Nữ bá tước de Charny (Cadot), Isaac Laquedem (Le Constitutionnel). 1853: Người chặn cừu ở Ashbourn (Le Pays), Catherine Blum (Le Pays). 1854: Cuộc đời và những cuộc phiêu lưu của Catherine-Charlotte (Le Mousquetaire), Tên kẻ cướp (Le Mousquetaire), Người Mohica ở Paris (Le Mousquetaire), Đại úy Richard (Le Siècle), Trang sách của công tước Savoy (Le Constitutionnel). 1856: Các bạn đồng hành của Jehu (Journal pour Tous). 1857: Vị vua Saxon cuối cùng (Le Monte-Cristo), Sói chúa (Le Siècle), Người bắn vịt trời (Cadot), Đen (Le Constitutionnel). 1858: Bầy sói cái ở Machecoul (Journal pour Tous), Hồi ký một cảnh sát (Le Siècle), Cung điện băng (Le Monte-Cristo). 1859: Con tàu (Le Monte-Cristo), Ammalat-Beg (Moniteur Universel), Chuyện một hầm ngục và một căn nhà nhỏ (Revue Européenne), Một chuyện tình (Le Monte-Cristo). 1860: Ký ức của Horatio (Le Siècle), Cha La Ruine (Le Siècle), Hầu tước phu nhân Escoman (Le Constitutionnel), Vị bác sĩ ở Java (Le Siècle), Jane (Le Siècle). 1861: Một đêm ở Florence (Levy-Hetzel). 1862: Người tình nguyện năm 92 (Le Monte-Cristo). 1863: Thánh Felice (La Presse). 1864: Hồi ký một người yêu mến (Avenir National), Bá tước Moret (Les Nouvelles). 1866: Một trường hợp về lương tâm (Le Soleil), Dân Paris và dân tỉnh lẻ (La Presse), Bá tước Mazarra (Le Mousquetaire). 1867: Trắng và xanh dương (Le Mousquetaire), Nỗi kinh hoàng Phổ (La Situation). 1869: Hector de Sainte-Hermine (Moniteur Universel), Người thầy thuốc bí ẩn (Le Siècle), Con gái người hầu tước (Le Siècle).

Gã mỉm cười tự hỏi không biết ngài Enrique Taillefer quá cố phải tốn bao nhiêu tiền để có được cả đồng sách này. Mắt kính mờ tịt, gã liền gỡ kính ra cẩn thận lau. Những dòng chữ trên máy tính bây giờ nhòe đi, cũng như những hình ảnh kỳ lạ khác gã không thể nhìn ra được. Gã đeo kính vào, chữ nghĩa trên màn hình lại rõ nét, song những hình ảnh thì vẫn trôi loanh quanh mơ hồ trong đầu gã, và chẳng có mấu chốt nào hầu mang lại cho chúng bất cứ ý nghĩa gì. Tuy nhiên Corso cảm giác mình đã đi đúng hướng. Màn hình lại bắt đầu nhấp nháy:

Baudry, biên tập viên của Le Siècle, xuất bản Ba người lính ngự lâm trong khoảng từ 14 tháng Ba đến 11 tháng Bảy năm 1844.

Gã xem các file khác. Thông tin của gã về Dumas cho biết ông có hai mươi hai người cộng sự ở từng thời kỳ khác nhau trong đời viết văn của mình. Quan hệ với nhiều người trong số này kết thúc đầy sóng gió. Nhưng Corso chỉ quan tâm đến một cái tên:

Maquet, Auguste-Jules. 1813-1886. Hợp tác với Alexandre Dumas làm vài vở kịch và 19 tiểu thuyết, trong đó có những cuốn nổi tiếng nhất (Bá tước Monte Cristo, Hồng lâu ký sĩ, Hoa tuy líp đen, Chuối hạt của hoàng hậu) và đặc biệt là loạt truyện Lính ngự lâm. Sự cộng tác này mang lại cho ông danh tiếng và giàu có. Trong khi Dumas qua đời không xu dính túi thì Maquet chết trên đồng tiền trong lầu dãi của mình ở Saint-Mesme. Không có tác phẩm nào do tự ông viết mà không có sự đóng góp của Dumas còn tồn tại được đến ngày nay.

Gã xem bản ghi chú tiểu sử, có mấy dòng trích từ Hồi ký của Dumas:

Chúng tôi, Hugo, Balzac, Soulie, De Musset và tôi, những người sáng tác văn chương bình dân. Chúng tôi có được tiếng tăm, dù nhiều dù ít, chính là bằng cách viết như vậy, dù rằng nó bình dân...

Trí tưởng tượng của tôi phải đương đầu với thực tế, giống như một người tới thăm lại một tòa nhà cổ điều tàn, phải bước qua đám phế thải ngổn ngang, lần theo các hành lang, cúi mình chui qua những ô cửa, để rồi dừng lại một bức tranh gần giống tòa nhà ban đầu khi nó còn tràn trề sức sống, với tiếng hát câu cười rộn rã, hoặc tiếng nước nổ sầm sập vang vọng khắp nơi nơi.

Corso bực bội rời mắt khỏi màn hình. Gã đã đánh mất cảm giác, nó trồn vào đầu đó trong những góc ngách ký ức trước khi gã nhận diện được nó. Corso đứng lên đi đi lại lại trong căn phòng tối. Rồi gã cầm nghiêng cái đèn soi lên chồng sách trên sàn ở sát tường. Gã nhặt lên hai tập sách dày: một bản in hiện đại cuốn Hồi ký của Alexandre Dumas bố. Trở lại bàn làm việc, gã gỡ nhanh quyển sách cho tới khi bắt gặp ba tấm ảnh. Trong tấm ảnh đầu tiên, Dumas ngồi bên Isabelle Constant, người tình của nhà văn từ khi nàng

mới mười lăm tuổi, điều này được chú thích rõ trong mục lục. Mái tóc xoăn và nước da ngăm đen để lộ dòng máu châu Phi của Dumas. Trong tấm ảnh thứ hai Dumas già hơn, chụp cùng con gái Marie. Lúc này, đang ở đỉnh cao danh vọng, cha đẻ của loạt tiểu thuyết phiêu lưu ngồi hiền lành và yên lặng trước ống kính. Tấm ảnh thứ ba vui tươi và nhiều ý nghĩa nhất, Corso thăm nghĩ. Dumas ở tuổi sáu mươi lăm, tóc đã ngả màu xám nhưng thân thể vẫn to lớn và mạnh mẽ, tấm áo choàng dài hé mở để lộ cái bụng phệ, đang ôm Adah Menken, một trong những người tình cuối cùng của ông. Trong sách có chú thích: “Sau những buổi gọi hồn bằng ma thuật mà nàng vốn rất say mê, nàng thích được chụp ảnh trong bộ quần áo chèn, cùng với người đàn ông vĩ đại của đời nàng.” Trong ảnh, chân, tay và cổ của nàng Menken để trần, đương thời đó là chuyện gây tai tiếng. Thiếu phụ ngả đầu lên bờ vai cường tráng của Dumas, nhưng lại chú ý nhiều đến ống kính hơn là thứ nàng ôm trong tay. Nét mặt Dumas hằn lên dấu ấn của cả một cuộc đời dài đầy đam mê khoái lạc, với những cuộc chơi trác táng và tiệc tùng liên miên. Hai má phồng nề, dấu hiệu một đời phóng túng, ông mỉm cười thỏa mãn và giấu cợt. Ánh mắt ranh mãnh và khiêu khích như muốn tìm kiếm sự đồng lõa từ người thợ ảnh. Ông già to béo cùng người con gái trẻ mất nét và say đắm muốn trưng ông ta như một thứ chiến lợi phẩm hiếm hoi: đây, con người mà danh tiếng và tài kể chuyện đã đi vào giấc mơ của bao người đàn bà. Như thế ông già Dumas cần được đồng cảm, khi nhượng bộ ý thích đồng bóng muốn chụp ảnh của người tình. Nói cho cùng thì nàng trẻ và xinh, da nàng mịn và đôi môi nồng nàn, người con gái mà đời dành cho ông trong ba năm cuối đời ông. Lão quý già.

Corso gấp cuốn sách lại và ngáp. Đồng hồ của gã, loại đồng hồ bấm giờ gã thường quên không lên giây, đã dừng lại ở không giờ mười lăm phút. Gã đi tới mở cửa sổ, hít thở làn khí đêm lạnh lẽo. Đường phố vắng vắng ngắt.

Tất cả đều rất kỳ lạ, gã nghĩ khi quay lại bàn làm việc tắt máy tính. Mắt gã dừng lại ở cái cặp chứa tập bản thảo viết tay. Một cách máy móc gã gỡ nó ra xem, mười lăm trang viết đầy hai thứ chữ khác nhau, mười một trang giấy màu xanh, bốn trang giấy trắng. *Après de nouvelles Presque désespérées du roi...* Sau những tin tức hầu như tuyệt vọng từ phía nhà vua... Trong đồng sách trên sàn gã tìm được một tập sách to tướng màu đỏ, một bản facsimile[2] năm 1988 của J. C. Lattes chứa toàn tập *Lính ngự lâm* và *Bá tước Monte Cristo* dựa theo bản của *Le Vasseur* có tranh khắc ấn hành sau khi Dumas chết không lâu. Gã tìm chương *Rượu vang Anjou* ở trang 144 rồi bắt đầu đọc, so sánh nó với bản thảo gốc. Ngoài mấy sai sót nhỏ đây đó, còn thì lời văn giống hệt nhau. Trong sách, ở chương này có hai trang minh họa do Maurice Leloir vẽ và Huyot làm bản khắc. Vua Louis XIII dẫn mười ngàn quân tham gia trận bao vây La Rochelle, bốn kỵ sĩ dẫn đầu đội ngự lâm quân của nhà vua, mang súng hỏa mai, đội mũ rộng vành và mặc áo choàng của đại đội de Treville. Ba người trong đó hẳn phải là Athos, Porthos và Aramis. Ngay sau đó họ sẽ gặp bạn hữu d'Artagnan lúc đó mới chỉ là một học viên sĩ quan quen trong đại đội vệ binh của ngài Essarts. Chàng trai xứ Gascon còn chưa biết rằng những chai rượu vang Anjou, quà tặng từ kẻ tử thù Milady của chàng, mật vụ của Richelieu, đã bị bỏ thuốc độc. Á muốn rửa nỗi nhục do d'Artagnan gây ra cho mình. Chàng đã mạo nhận là công tước Wardes lên vào giường ả để vui vẻ một đêm với người tình lẽ ra thuộc về công tước. Tệ hơn nữa là d'Artagnan còn phát hiện bí mật khủng khiếp của Milady, hình hoa huệ trên vai, dấu hiệu nhục nhã mà đao phủ đã dùng sắt nung đỏ đóng dấu lên người ả. Với bấy nhiêu ân oán và tính khí của Milady, nội dung bức minh họa thứ hai thật dễ đoán: d'Artagnan và những người bạn trung thành của chàng kinh hãi chứng kiến tên hầu Furreau thổ huyết ra trong đau đớn cùng cực khi uống thứ rượu vang lẽ ra dành cho chủ hân. Bị kích động bởi ma lực của lời văn hai mươi năm không đọc tới, Corso tìm tới đoạn mấy chàng ngự lâm và d'Artagnan trò chuyện về Milady:

[2] facsimile: bản sao hoặc bản tái chế sách, bản đồ, tranh, bản thảo viết tay cổ có giá trị với độ chính xác cao nhất có thể kể cả về màu sắc, kích cỡ, hay chất liệu...

“Là vậy đấy,” d'Artagnan bảo Athos. “Như anh thấy, đây là một cuộc đấu sống còn, bạn thân mến ạ.”

Athos gật đầu. “Phải. Phải,” chàng nói. “Tôi thấy rõ lắm. Nhưng cậu tin đúng là ả không?”

“Tôi tin chắc.”

“Thế mà thú thực với cậu tôi còn ngờ đấy.”

“Còn bông huệ trên vai ả thì sao?”

“Đó chắc là một ả người Anh mắc tội ở Pháp, và người ta đánh dấu tội phạm đó bằng dấu sắt nung.”

“Athos, quả thật đây là vợ anh,” d’Artagnan nhắc lại. “Anh không nhớ hai cái dấu ấy giống nhau đến thế nào ư?”

“Thế nhưng tôi vẫn tin ả chết rồi, tôi đã treo cổ ả rất cẩn thận mà.”

Đến lượt d’Artagnan lắc đầu.

“Thế tóm lại phải làm gì?” chàng trai trẻ hỏi.

“Nhất định chúng ta không thể để một thanh gươm treo mãi trên đầu như thế,” Athos nói. “Phải thoát khỏi tình cảnh này.”

“Nhưng thoát thế nào?”

“Nghe đây, tìm cách gặp lại mà giải thích mọi chuyện. Nói với ả: ‘Hòa hay là chiến! Ta lấy danh dự một quý tộc thề rằng sẽ không bao giờ nói hay làm gì chống lại nàng. Về phía nàng, hãy trịnh trọng thề sẽ tránh xa ta. Nếu không ta sẽ tìm quan chưởng ấn, tìm đến tận đức vua, ta sẽ tìm đao phủ, sẽ kích động triều đình chống lại nàng, ta sẽ tố cáo nàng đã bị đóng dấu sắt nung, sẽ đưa nàng ra tòa, và nếu người ta tha tội cho nàng, thì ta thề với danh dự của một nhà quý tộc rằng ra sẽ giết nàng, giết nàng ở bất kỳ xó xỉnh nào như giết một con chó dại.’”

“Tôi cũng khoái cách ấy,” d’Artagnan nói.

Ký ức từng đoạn theo nhau tuôn ra. Corso gắng sức nắm bắt hình ảnh quen thuộc lướt qua trong đầu, tìm cách chớp lấy trước khi nó biến mất, và một lần nữa thấy hiện lên hình dáng người đàn ông mặc com lê đen, người lái chiếc Jaguar đậu bên ngoài nhà Liana Taillefer, lái chiếc Mercedes ở Toledo... Người mặt sẹo. Và chính Milady là người khuấy động mẩu ký ức đó.

Gã nghĩ về điều đó, cảm thấy bối rối. Bỗng nhiên bức tranh trở nên rõ nét. Milady, tất nhiên rồi. Milady de Winter, khi d’Artagnan trông thấy ả lần đầu tiên trong cửa sổ xe ngựa qua chương đầu cuốn tiểu thuyết, bên ngoài quán rượu ở Meung. Milady trò chuyện với một người lạ. Corso giở nhanh các trang sách tìm đoạn đó. Gã dễ dàng tìm ra nó:

Một người đàn ông tuổi chừng bốn mươi tới bốn lăm, mắt đen sắc sảo, da trắng nhợt, cái mũi rất cao và bộ ria đen xén tỉa hoàn hảo...

Rochefort. Tên mật vụ nham hiểm của hồng y giáo chủ và kẻ thù của d’Artagnan, người đã khiến chàng ăn đòn oan trong chương đầu, kẻ trộm bức thư tiến cử của ông de Treville và gián tiếp chịu trách nhiệm về trận quyết đấu suýt xảy ra giữa chàng trai xứ Gascon với Athos, Porthos và Aramis... Bị cuốn theo những hồi ức lộn xộn của mình, Corso gãi đầu, bối rối trước mối quan hệ bất thường giữa các ý tưởng và nhân vật. Liên hệ giữa đồng đảng của Milady với cha tài xế định cho xe cán bẹp mình ở Toledo là thế nào? Rồi còn cái sẹo? Đoạn văn đó không nhắc gì đến cái sẹo, nhưng gã nhớ rõ Rochefort vẫn có một vết gì đấy trên mặt. Gã nhớ tiếp một số trang và tìm thấy nơi khẳng định điều này ở chương 3, đoạn d’Artagnan thuật lại chuyến phiêu lưu của mình cho ông de Treville nghe:

“Hãy cho ta biết,” ông lặp lại, “cái ông quý tộc ấy có vết sẹo mờ trên thái dương, đúng không?”

“Đúng vậy, cái vết đó hẳn là do một viên đạn sượt qua...”

Một vết sẹo mờ trên thái dương. De Treville đã khẳng định như thế, nhưng Corso vẫn nhớ, vết sẹo của Rochefort lớn hơn, không ở bên thái dương mà trên má, giống như gã lái xe mặc đồ đen. Corso soát lại tỉ mỉ tất cả, cuối cùng gã phá lên cười. Giờ thì cả bức tranh đã hoàn chỉnh với đủ mọi sắc màu: Lana Turner, bên cửa sổ xe ngựa trong phim Ba người lính ngự lâm, cạnh đó thẳng cha Rochefort xảo quyết rất chi hợp cách, da đen chứ không nhợt nhạt như trong truyện của Dumas, đội mũ cấm lông chim, và có vết sẹo dài - lần này thì rõ ràng - cắt từ trên xuống dưới má phải. Gã đã nhớ chi tiết ở trong phim chứ không phải trong tiểu thuyết, điều này khiến gã vừa bực vừa buồn cười. Hollywood chết tiệt.

Đẹp những cảnh phim qua một bên, cuối cùng gã thấy được một trật tự nào đó. Có một sợi chỉ chung dù ẩn mật xuyên suốt toàn bộ, thứ gì đấy giống như một giai điệu với những nốt nhạc thăng trầm huyền bí. Sau khi chịu đựng bấy nhiêu lo lắng mơ hồ từ lần thăm bà góa Taillefer, bây giờ gã đã lơ mơ nhìn ra những nét đại khái, những khuôn mặt, bầu không khí và các nhân vật, nằm chơi vơi giữa thực tại và hư cấu, tất

cả liên kết với nhau bằng một cách thức lạ lùng, đến giờ vẫn còn chưa sáng tỏ. Dumas và cuốn sách thế kỷ mười bảy. Con quỷ và Ba người lính ngự lâm. Milady và giàn hỏa thiêu của tòa án dị giáo... Dù rằng tất cả những thứ đó vô lý hơn là rõ ràng, giống như trong tiểu thuyết hơn là ngoài đời.

Gã tắt đèn rồi lên giường nằm. Nhưng mãi mới ngủ được, có một hình ảnh cứ lờn vờn trong đầu, cứ lững lơ trong bóng tối cho đến khi gã mở mắt. Một cảnh xa xăm, cảnh gã đọc sách khi còn bé, đầy những hình bóng lại hiện về sau hai mươi năm, hóa hình thành những hồn ma ở gần sát đến nỗi gã hầu như có thể sờ được chúng. Vết sẹo. Rochefort. Người đàn ông ở Meung. Tay sai của giáo chủ.

10. Chương 05 - Phần 1

V. NHỚ LẠI

Ông ta ngồi đó đứng như khi hấn bỏ ông lại, đằng trước lò sưởi.

A. Christie, VỤ ÁM SÁT ROGER ACKROYD.

Đây là thời điểm tôi tham dự tấn trò này lần thứ hai. Corso lại tới, tôi nhớ hình như gã đến trước khi đi Bồ Đào Nha. Về sau gã nói với tôi, lúc đó gã ngỡ rằng bản thảo của Dumas và Chín cánh cửa của Varo Borja chỉ là phần nổi của tảng băng chìm. Để hiểu rõ mọi chuyện, trước tiên gã cần tìm cho ra những tình tiết khác, tất cả thắt chặt vào nhau như cái dây Enrique Taillefer dùng để treo mình. Không dễ đâu, tôi bảo gã, vì trong văn chương chẳng bao giờ có ranh giới rõ ràng. Thứ này phụ thuộc vào thứ nọ, cái này chồng chập lên cái nọ. Tất cả luôn kết thúc giống như một trò chơi liên văn bản rồi rầm trong đó ý nghĩa của mỗi đoạn văn được xác định bởi những đoạn khác, giống như hình ảnh trong phòng gương hay như những con búp bê người Nga. Xác minh một sự kiện cụ thể hay một nguồn chính xác luôn luôn kèm theo những rủi ro mà chỉ có những đồng nghiệp hoặc rất ngốc nghếch hoặc rất tự tin của tôi mới dám làm. Cũng bằng như tuyên bố rằng anh có thể nhận thấy ảnh hưởng của Quo Vadis chứ không phải của Suetonius[1] và Appollonius xứ Rhodes[2] tới Robert Graves[3]. Về phần mình, tôi chỉ biết là tôi không biết gì. Và khi muốn biết gì, tôi tra trong sách - trí nhớ của chúng chẳng bao giờ suy kiệt.

[1] Suetonius: sử gia La Mã (69/75-130 Công nguyên).

[2] Appollonius of Rhodes: người quản lý thư viện Alexandria, nhà thơ, nổi tiếng với sử thi Argonautica, một tác phẩm bậc thầy trong lịch sử thi ca.

[3] Robert Graves: nhà thơ, nhà văn Anh (1895-1985).

“Bá tước Rochefort là một trong những nhân vật tuyến hai quan trọng nhất trong Ba người lính ngự lâm”, tôi giải thích cho Corso khi gã đến gặp tôi. “Hắn là mặt vụ của hồng y giáo chủ, bạn của Milady và là kẻ thù đầu tiên mà d’Artagnan chuốc lấy. Tôi có thể chỉ ra ngày tháng chính xác: thứ Hai đầu tiên trong tháng Tư năm 1625, ở Meung-sur-Loire... Tất nhiên tôi muốn nói đến Rochefort hư cấu, mặc dù một nhân vật tương tự là có thật. Gatien de Courtilz đã miêu tả hắn trong cuốn Hồi ký được cho là của d’Artagnan thực, đó là một người có tên Rosnas. Nhưng Rochefort có sẹo thì không tồn tại trong đời thực. Dumas đã mượn nhân vật từ một cuốn sách khác, cuốn Mémoires de MLCDR (Monsieur le comte de Rochefort - Hồi ức về ngài bá tước Rochefort), có khả năng được ngụ ý tạo và cũng được quy cho Courtilz. Có vài người cho rằng cuốn sách đó thuộc về tác giả Henri Louis d’Aloigny, hầu tước Rochefort, sinh khoảng năm 1625, nhưng đó chỉ là suy diễn.”

Tôi nhìn ra đường phố lấp lánh ánh đèn xe ngoài cửa sổ quán cà phê nơi tôi ngồi với mấy bạn văn. Cả bọn tụ tập quanh cái bàn ngắn ngang cổ chén, gạt tàn thuốc và những tờ báo - hai nhà văn, một họa sĩ thất cơ lỡ vận, một nữ nhà báo gặp thời, một diễn viên kịch và bốn năm sinh viên, những người thường ngồi trong góc không hề mở miệng và nhìn ta như thể ta là Chúa Trời. Corso ngồi tựa cửa sổ giữa đám đông, vẫn mặc áo khoác, tay cầm ly rượu gin, thỉnh thoảng ghi chép.

“Chắc chắn rằng,” tôi nói thêm, “những độc giả xem xong sáu mươi bảy chương Ba người lính ngự lâm chờ đợi trận quyết đấu giữa Rochefort và d’Artagnan đều sẽ phải thất vọng. Dumas giải quyết chuyện này chỉ với ba dòng, và có phần không minh bạch. Bởi vì khi chúng ta gặp lại Rochefort trong Hai mươi năm sau, hắn và d’Artagnan đã đánh nhau ba lần và kết quả Rochefort có thêm ngàn ấy vết sẹo. Tuy vậy, bọn họ đã hết căm thù nhau. Thay vào đó họ xoay sang kính phục nhau, cái kiểu tương kính kỳ quặc chỉ có thể có giữa hai kẻ cự thù. Một lần nữa số mệnh bắt họ đấu với nhau trên phương diện khác, nhưng lúc này họ là bạn bè, là đồng chí hướng, là hai đảng trưởng phụ đã biết nhau suốt hai mươi năm... Rochefort thất sủng dưới thời hồng y Mazarin, trốn khỏi ngục Bastille và giúp công tước de Beaufort chạy trốn. Hắn âm mưu cùng với phe nổi loạn trong nội chiến và chết trong tay d’Artagnan, chàng đã đâm hắn một nhát gươm do không nhận ra hắn giữa cảnh hỗn chiến. ‘Anh là số mệnh của tôi,’ hắn bảo chàng trong cơn hấp hối. ‘Tôi hồi phục được sau ba lần bị thương vì gươm của anh, nhưng không thoát khỏi mũi gươm thứ tư.’ Rồi hắn chết. ‘Tôi vừa giết chết một người bạn cũ,’ sau đó d’Artagnan nói với Porthos. Đây là lời ai điếu duy nhất gã cự mật vụ của Richelieu nhận được sau khi chết.”

Lời phát biểu của tôi đẩy lên một cuộc tranh luận sôi nổi giữa nhiều phe phái. Suốt buổi chiều, người diễn viên không rời mắt khỏi cô nhà báo. Đó là một ông già đa cảm từng sắm vai Monte Cristo trong một xê ri truyền hình nhiều tập. Được họa sĩ và hai nhà văn khuyến khích, ông liền hùng hồn kể một thôi dài hồi ức của ông về các nhân vật. Cứ như thế chúng tôi chuyển từ Dumas qua Zevaco và Paul Feval, rồi kết thúc bằng việc khẳng định một lần nữa về ảnh hưởng không chối cãi được của Sabatini tới Salgari. Tôi nhớ hình như có ai đó rụt rè nhắc tới Jules Verne nhưng liền bị tất cả mọi người la ó át đi. Những người hùng lạnh lùng vô cảm của Verne không có chỗ trong buổi đàm luận về những chuyện ly kỳ hồi hộp với áo choàng đen và lưỡi dao găm.

Riêng nữ nhà báo, một ả đom đóm đáng đúng điệu thời trang phụ trách một chuyên mục trên một tờ báo Chủ nhật hàng đầu, với cô ta hồi ức văn chương bắt đầu từ Milan Kundera. Vì thế cô ta dè dặt trông chờ tán thành với vẻ nhẹ cả người khi nào có một nhan đề, một giai thoại hay nhân vật (Thiên nga đen, Yañez, Never’s sword wound) khơi dậy ký ức về một bộ phim đã xem trên truyền hình. Trong khi đó Corso, như một thợ săn lặng lẽ kiên trì, dán mắt vào tôi bên trên ly rượu gin, chờ cơ hội lái cuộc đối thoại về đề tài ban đầu. Và gã đã thành công bằng cách tận dụng khoảng khắc im lặng lúng túng khi nhà báo nói rằng, dù sao đi nữa, cô ta thấy những câu chuyện phiêu lưu này khá tầm thường, ý tôi là nông cạn, các bạn có thấy thế không?

Corso gặm đuôi bút chì. “Vậy ông nghĩ thế nào về vai trò của Rochefort trong lịch sử, thưa ông Balkan?”

Mọi con mắt đều đổ dồn vào tôi, đặc biệt là đám sinh viên, trong số đó có hai cô gái. Tôi không biết tại sao, nhưng trong phạm vi nào đó tôi được coi như một đức cha bề trên trong lĩnh vực văn học, ý kiến của tôi được dân chúng đón nhận như những khuôn vàng thước ngọc. Một bài phê bình của tôi trên một tạp chí thích hợp có thể đưa một nhà văn lên voi hay xuống chó. Ngớ ngẩn thật, nhưng đời là thế. Hãy hình dung người đoạt giải Nobel vừa rồi, tác giả cuốn I, Onan, cuốn In search of Myself và cuốn sách quá thành công Oui, C’est Moi. Mười lăm năm trước chính tôi đã giúp tên tuổi ông ta trở nên quen thuộc, bằng một trang rưỡi trên tờ Le Monde vào ngày Cá tháng Tư. Tôi sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho mình, nhưng bánh xe cuộc đời nó quay như thế đấy.

“Đầu tiên Rochefort là kẻ thù,” tôi nói. “Hắn đại diện cho bóng tối, cho thế lực ngầm luôn tiến hành những mưu ma chước quỷ xoay quanh d’Artagnan và các bạn chàng, thực hiện những kế hoạch ám muội của hồng y giáo chủ đe dọa tính mạng họ...”

Tôi nhận ra một người ngồi trong đám sinh viên mỉm cười, nhưng tôi không thể chắc cô ấy có hoàn toàn bị thu hút hay không, thái độ giễu cợt nhẹ nhàng là vì ý kiến của tôi hay chỉ là do suy nghĩ của cá nhân cô chẳng liên quan gì đến cuộc tranh luận. Tôi chỉ ngạc nhiên vì, khi tôi nói, các sinh viên thường lắng nghe với nỗi kinh sợ của một biên tập viên tờ Ossesvatore Romano[4] khi được đọc quyền những thông tin chính thức của giáo hoàng. Điều đó khiến tôi nhìn cô đầy hứng thú. Mặc dù ngay từ đầu khi cô nhập bọn tôi đã để ý tới đôi mắt xanh khiến người ta bối rối. Mặc chiếc áo khoác len thô màu xanh dương, nách cấp một chồng sách, mái tóc màu hạt dẻ cắt ngắn, trông cô như con trai. Lúc này cô ngồi hơi tách ra, không hẳn là nhập cùng một hội với đám kia. Ở bàn chúng tôi thường có mấy sinh viên khoa văn được tôi mời tới uống cà phê. Nhưng trước đó cô gái này chưa bao giờ tham dự. Không thể nào quên đôi mắt cô. Tương phản với gương mặt rám nắng, màu mắt cô rất sáng, gần như trong suốt. Thân hình mềm mại mảnh khảnh chứng tỏ

cô hoạt động ngoài trời rất nhiều. Chắc hẳn đôi chân dài trong lớp quần bò cũng rám nắng. Tôi còn nhận thấy một điều khác: cô không đeo vòng, không đồng hồ, khuyên tai, cũng chẳng có lỗ xâu khuyên tai.

[4] Ossestatore Romano: tờ báo chính thức của tòa thánh Vatican.

“Rocheport cũng là một nhân vật chột ả chột hiện, không sao tóm được hắn ta.” Tôi tiếp tục. “Diện mạo bí ẩn và một vết sẹo. Hắn đại diện cho nghịch lý và sự bất lực của d’Artagnan. D’Artagnan mãi miết chạy theo hắn nhưng không bao giờ bắt kịp. Chàng cố giết hắn nhưng chỉ thành công nhờ một sự lầm lẫn hai mươi năm sau. Khi ấy Rocheport không còn là đối thủ mà đã trở thành bạn chàng.”

“Cái anh chàng d’Artagnan ấy của anh cũng thật xúi quẩy,” một người trong nhóm tôi, người lớn tuổi hơn trong hai nhà văn nói. Ông ta chỉ bán được vển vển năm trăm bản in cuốn tiểu thuyết mới nhất, nhưng lại kiếm được bộn tiền khi viết những truyện trinh thám dưới bút danh khó lòng chấp nhận được Emilia Forster. Tôi vui vẻ nhìn ông ta, hài lòng với một nhận xét đúng lúc.

“Hoàn toàn đúng. Người chàng ta yêu nhất đời bị đầu độc. Mặc dù có những chiến công chói lọi và những cống hiến cho ngai vàng nước Pháp, chàng ta đã phải sống trong âm thầm hai mươi năm với cấp bậc trung úy ngự lâm quân. Và ở phần cuối của Tử tước Bragelonne, khi vừa được vinh thăng thống chế, mục tiêu đã khiến chàng tiêu phí bốn tập và bốn trăm hai mươi lăm chương mới đạt được, thì một viên đạn của người Đức lại giết chết chàng.”

“Giống như d’Artagnan trong đời thật,” người diễn viên nói, ông ta đã đặt được bàn tay lên đùi cô ả phụ trách chuyên trang sành điệu.

Tôi chấp một ngụm cà phê trước khi gật đầu. Corso chăm chú nhìn tôi.

“Có ba d’Artagnan,” tôi giải thích. “Đầu tiên là Charles de Batz Castlemore, ta biết rằng ông ta chết ngày hai mươi ba tháng Sáu năm 1673 vì một vết đạn ở cổ trong trận bao vây Maastricht, như trong thông cáo của tờ Gazette de France hồi ấy. Một nửa số lính dưới quyền đi theo ông ta. Ngoài sự kiện này sau khi ông ta chết, trong đời thực ông ta chỉ may mắn hơn người cùng tên huyền thoại một chút.”

“Ông ta cũng là người xứ Gascon?”

“Phải, ở Lupiac. Làng này nay vẫn còn, có một tấm bia đá tưởng niệm ông ta ở đó: ‘D’Artagnan, tên thực là Charles de Batz, ra đời tại đây khoảng năm 1615. Chết năm 1673 trong trận bao vây Maastricht.’”

“Không phù hợp lắm với lịch sử,” Corso xem sổ ghi xong liền nói. “Theo Dumas, d’Artagnan mười tám tuổi khi tiểu thuyết bắt đầu năm 1625. Lúc đó d’Artagnan thực mới chỉ mười tuổi.” Gã cười như một chú thỏ con lanh lợi, đa nghi. “Còn trẻ quá, chưa thể mang gươm được.”

Tôi đồng ý. “Phải. Dumas đã sửa đổi sự kiện để d’Artagnan có thể tham gia trò chơi truy tìm kim cương dưới thời Richelieu và Louis XIII. Charles de Batz hẳn phải tới Paris từ khi rất trẻ: ông ta có tên trong danh sách quân cận vệ ở đại đội của ngài Essarts theo tài liệu về chiến dịch bao vây Arras năm 1640, và hai năm sau trong chiến dịch Roussillon. Nhưng dưới thời Richelieu ông ta không hề phục vụ trong màu áo lính ngự lâm, vì ông ta gia nhập trung đoàn danh tiếng đó chỉ sau khi Louis XIII chết. Người bảo hộ thực thụ của anh ta là hồng y giáo chủ Jules Mazarin. Rõ ràng có một khoảng trống mười hoặc mười lăm năm giữa hai chàng d’Artagnan. Nhưng cùng với sự thành công của Ba người lính ngự lâm, Dumas đã mở rộng tầm hành động bao trùm gần như cả bốn mươi năm lịch sử nước Pháp. Trong những tập tiếp theo ông đã điều chỉnh để câu chuyện phù hợp hơn với những sự kiện thực.”

“Thực ra thì đã có bao nhiêu sự kiện được xác minh? Tôi muốn nói tới những sự kiện lịch sử có dính dáng đến d’Artagnan thực?”

“Rất ít. Tên ông ta xuất hiện trong thư từ của Mazazin và trong báo cáo của Bộ Chiến tranh. Giống như người anh hùng huyền thoại, ông ta là nhân viên chìm của hồng y giáo chủ trong thời nội chiến với trách nhiệm quan trọng trong triều đình vua Louis XIV. Thậm chí anh ta còn được giao phó một nhiệm vụ phức tạp là bắt giữ và áp giải bộ trưởng tài chính Fouquet. Tất cả những sự kiện này được khẳng định trong thư từ của Madame de Sévigné. Anh ta cũng gặp họa sĩ Vélazquez trên đảo Chim Trĩ khi tháp tùng Louis XIV trong chuyến vi hành của nhà vua tới gặp vợ chưa cưới Maria Theresa nước Áo...”

“Lúc bấy giờ anh ta đã hoàn toàn biến thành người của cung đình. Khác hẳn với chàng lãng tử d’Artagnan của Dumas.”

Tôi giờ tay biện hộ rằng Dumas vẫn tôn trọng sự thật.

“Đừng ngờ ngẩn. Charles de Batz, hay là d’Artagnan tiếp tục chiến đấu đến hết đời. Anh ta phục vụ dưới quyền Turenne ở xứ Flandre, và năm 1657 được phong hàm trung úy ngự lâm quân áo xám, tương đương với sĩ quan chỉ huy đơn vị. Mười năm sau trở thành đại úy ngự lâm quân chiến đấu ở xứ Flandre, một chức vụ ngang với tướng kỵ binh.”

Hai mắt Corso nheo lại dưới cặp kính.

“Xin lỗi.” Gã nghiêng người qua bàn về phía tôi, tay cầm bút chì. Gã ghi lại một cái tên hay ngày tháng gì đấy. “Chuyện này xảy ra năm nào?”

“Anh ta được thăng tướng ấy hả? 1667. Cái gì khiến ông để ý đến chuyện đó?”

Gã căn môi dưới để chìa ra mấy chiếc răng cửa. Nhưng chỉ trong một thoáng. “Không gì hết.” Khi nói, nét mặt gã lại trở nên dừng dưng. “Cùng cái năm ấy có người nào đấy bị hỏa thiêu ở Rome. Một trùng hợp kỳ lạ...” Lúc này gã nhìn tôi trừng trừng. “Cái tên Aristide Torchia có gợi nên cái gì cho ông không?”

Tôi gằng nhứ lại. Không có khái niệm gì hết. “Không gì hết,” tôi đáp. “Phải chăng người này có liên quan gì tới Dumas?”

Gã do dự. “Không,” sau cùng gã nói, mặc dù không có vẻ tự tin mấy. “Chắc là không. Nhưng xin cứ tiếp tục. Ông đang nói về d’Artagnan thật ở xứ Flandre.”

“Anh ta chết ở Maastricht, như tôi đã nói, khi dẫn đầu đơn vị tiến lên. Một cái chết anh dũng. Người Anh và người Pháp bao vây thành phố. Họ phải băng qua một con đường độc đạo nguy hiểm, và d’Artagnan xung phong dẫn đầu để tỏ ra lịch sự với quân đồng minh. Một viên đạn súng trường xé rách cổ anh ta.”

“Khi đó anh ta chưa trở thành thống chế.”

“Không. Alexandre Dumas thật đáng khen khi trao cho d’Artagnan hư cấu cái mà Louis XIV đã từ chối không cho người tiền bối bằng xương bằng thịt của anh ta... Có mấy cuốn sách thú vị về đề tài này. Ông có thể ghi lại tên sách nếu muốn. Một cuốn của Charles Samaran, ”D’Artagnan, capitaine des mousquetaires du roi, histoire véridique d’un héros de roman - D’Artagna, đại úy ngự lâm quân của nhà vua, chuyện thật về một anh hùng trong tiểu thuyết, xuất bản năm 1912. Một cuốn nữa là Le vrai d’Artagnan - Chàng d’Artagnan thật, tác giả là công tước Montesquieu-Fezensac, con cháu trực hệ của d’Artagnan thật. Xuất bản năm 1963, hình như vậy.”

Chẳng có gì trong những thông tin này có liên quan rõ rệt đến bản thảo của Dumas, nhưng Corso ghi lại như thể cuộc đời gã phụ thuộc vào nó. Thỉnh thoảng gã rời mắt khỏi cuốn sổ ghi chép liếc nhìn tôi dò hỏi qua cặp kính cong. Hoặc có lúc gã nghiêng đầu sang bên như thể không nghe nữa mà đang đắm chìm trong suy tư. Lúc đó tôi đã biết toàn bộ sự thật về Rượu vang Anjou, thậm chí cả một số mẩu chốt để giải đáp những bí mật mà Corso không biết. nhưng tôi không có chút khái niệm nào về mối liên hệ phức tạp giữa Chín cánh cửa với chuyện này. Chẳng biết gã có những ý nghĩ quỷ quái gì trong đầu, nhưng Corso đã bắt đầu có những ý niệm lơ mơ về mối liên hệ ám muội giữa những sự kiện gã có trong tay và - biết nói sao nhỉ - cái gốc văn học của những sự kiện này. Toàn bộ chuyện này xem ra vẫn khá lộn xộn, nhưng đừng nên quên rằng đối với Corso lúc ấy vấn đề có vẻ như thế. Và tuy rằng tôi thuật lại câu chuyện sau khi phân tích những sự kiện trọng yếu, song cái cốt lõi của cái vòng lặp này - hãy nhớ đến những bức họa của Escher hay thể giới của lão bợm già Bach[5] - buộc ta không ngớt quay trở về điểm xuất phát và tự giới hạn mình trong những hiểu biết hạn hẹp của Corso. Luật chơi là biết và im lặng. Ngay cả trong một trò gian lận, không có luật thì không có trò chơi.

[5] Ở đây nhắc tới cuốn Gõ del, Eshcer, Bach: An Eternal Golden Braid (thường được viết tắt GEB) của Douglas Hofstadter, Giải thưởng Pulitzer 1980.

“Ok,” Corso nói sau khi đã chép lại những tựa sách được gợi ý. “Đó là d’Artagnan thứ nhất, là người thật việc thật. Nhân vật huyền thoại của Dumas là người thứ ba. Tôi cho rằng quan hệ giữa họ là cuốn sách của Gatien de Courtilz ông đã cho tôi xem bữa trước, cuốn Hồi ký của ngài d’Artagnan.”

“Chính thế. Ta hãy gọi người ít nổi tiếng nhất trong ba người là mắt xích còn thiếu. Một chàng xứ Gascon làm trung gian giữa một nhân vật văn học và một người có thật. Chính là kẻ được Dumas dùng để tạo ra nhân vật của ông... Nhà văn Gatien de Courtilz de Dandras là người cùng thời với d'Artagnan. Ông ta nhận thấy tiềm năng tiểu thuyết hóa ở nhân vật này và bắt tay vào làm việc. Một thế kỷ rưỡi sau, Dumas kiếm được cuốn sách trong một chuyến du lịch Marseilles. Người chủ nhà ông thuê có một người anh em trông nom thư viện công cộng. Hình như người này trao cho Dumas cuốn sách xuất bản năm 1700 ở Cologne. Dumas nhận ra rằng ông có thể sử dụng cốt truyện nên liền hỏi mượn cuốn sách. Rồi chẳng bao giờ trả lại.”

“Chúng ta biết những gì về người tiền bối của Dumas, Gatien de Courtilz?”

“Khá nhiều. Một phần là do cảnh sát còn lưu một tập tư liệu khá lớn về ông ta. Ông ta sinh năm 1644 hay 1647 và là lính ngự lâm, một tay kèn trong Royal Etranger, một kiểu đội quân lê dương ngoại quốc thời bấy giờ, và là đại úy trung đoàn kỵ binh ở Beaupré-Choiseul. Khi cuộc chiến chống lại người Hà Lan kết thúc, trận chiến mà d'Artagnan bị giết, Courtilz ở lại Hà Lan và bỏ nghề binh theo nghiệp văn chương. Ông viết tiểu sử, chuyên khảo lịch sử, những cuốn hồi ký ít nhiều hư cấu, những chuyện tầm phào giạt gân về những mưu mô trong cung đình nước Pháp. Việc này mang lại phiền toái cho ông ta. Hồi ký của ngài d'Artagnan thành công đáng kinh ngạc: năm lần xuất bản trong vòng mười năm. Nhưng cuốn sách khiến Louis XIV không vui. Nhà vua không thích giọng điệu bất kính thường xuyên kể hết chi tiết nọ về hoàng gia và quần thần. Kết quả là Courtilz bị bắt khi trở lại nước Pháp và bị giam ở Bastille để hoàng thượng vui lòng cho đến ít lâu trước khi ông chết.”

Người diễn viên tranh thủ khoảng thời gian tôi tạm dừng để chêm vào, không đúng lúc tí nào, một đoạn trích trong Mặt trời lặn ở xứ Flandre của Marquina. “Đại úy của chúng ta,” ông ta ngâm, “bị thương nặng, vẫn dẫn đầu, bất chấp cơn đau khủng khiếp cuối cùng. Thừa các ngài, ngày ấy quả thực có một đại úy như vậy...” Hay là gì đấy tương tự. Đó là một nỗ lực dơ dáž nhằm tỏa sáng trước mặt cô nhà báo mà cái đuôi đã nằm trọn trong tay ông ta với điệu bộ của người chiếm hữu. Những người khác, đặc biệt là nhà văn viết truyện dưới bút danh Emilia Forster, nhìn ông ta với vẻ hoặc đổ kỵ hoặc căm tức không che giấu.

Sau một hồi im lặng lịch sự, Corso quyết định chuyển quyền kiểm soát tình hình cho tôi.

“D'Artagnan của Dumas lấy lại từ d'Artagnan của Courtilz bao nhiêu?”

“Cũng khá khá. Mặc dù trong Hai mươi năm sau và trong Bragelone Dumas sử dụng nguồn khác, song cốt truyện của Ba người lính ngự lâm là lấy từ Courtilz. Dumas áp đặt thiên tài của mình vào khai triển nó và thổi vào đó sức sống, song ngay trong bản phác thảo đầu tiên, những nét chung chứa toàn bộ các nhân tố của câu chuyện đã có sẵn rồi: cha ban phúc cho chàng, bức thư gửi Treville, vụ thách đố của mấy người lính ngự lâm tình cờ trở thành chiến hữu. Milady cũng lộ diện. Và hai chàng d'Artagnan giống nhau như hai giọt nước. Nhân vật của Courtilz hơi độc mồm hơn, bủn xỉn hơn và không đáng tin bằng. Nhưng họ là một.”

Corso hơi cúi mình về phía trước. “Trước đó ông nói rằng Rochefort tiến hành những mưu ma chước quỷ xung quanh d'Artagnan và các bạn anh ta. Nhưng Rochefort chỉ là một tên tay sai.”

“Quả vậy. Phục vụ cho đức hồng y giáo chủ Armand Jean du Plessis Richelieu...”

“Kẻ ác,” Corso nói.

“Linh hồn của cái ác,” người diễn viên quyết định xen vào.

11. Chương 05 - Phần 2

Đám sinh viên bị kích động bởi cuộc đột kích của bọn tôi vào chủ đề truyện nhiều kỳ, vội lấy bút ghi chép hoặc há mồm lắng nghe. Nhưng cô bé mắt xanh vẫn bình thản ngồi hơi tách ra, như thể cô chỉ tình cờ có mặt ở đó.

“Với Dumas,” tôi tiếp tục, “ít nhất trong phần đầu của loạt truyện Lính ngự lâm, Richelieu giữ vai trò chủ đạo trong toàn bộ những vụ phiêu lưu tình ái và những chuyện bí ẩn: kẻ thù đầy quyền năng ẩn núp trong bóng tối, hiện thân của cái ác. Đối với nước Pháp, Richelieu là một con người vĩ đại. Nhưng trong Lính ngự lâm, ông ta chỉ được phục hồi danh dự sau hai mươi năm. Ông Dumas gian xảo đã khôn khéo sắp xếp cho phù hợp với sự thực nhưng vẫn không làm giảm tính hấp dẫn của tiểu thuyết. Ông đã kiếm được một nhân vật phản diện khác: Mazarin. Sự điều chỉnh này, ngay cả khi tác giả để cho d’Artagnan và các bạn nói ra lời bằng cách ca ngợi lòng cao thượng của kẻ thù cũ, cũng là đáng ngờ về mặt đạo đức. Với Dumas đó là một hành vi phù hợp với sự ăn năn. Tuy nhiên trong tập đầu của bộ truyện, khi lập mưu giết Buckingham và hạ bệ nữ hoàng Anne nước Áo, hoặc khi trao toàn quyền hành động cho nàng Milady nguy hiểm, hồng y giáo chủ Richelieu luôn là hiện thân của kẻ ác hoàn hảo. Đức hồng y với d’Artagnan cũng như hoàng thân Gonzaga đối với Lagardère hay Giáo sư Moriarty với Sherlock Holmes. Là một thực thể ma quỷ và bí ẩn.”

Corso coi bộ muốn ngắt lời tôi, thật kỳ cục. Tôi đang dần dần hiểu gã hơn, gã có đặc điểm là không bao giờ ngắt lời người đối thoại chừng nào thông tin chưa được chuyển giao trọn vẹn, chừng nào chi tiết cuối cùng chưa được phun ra.

“Ông đã hai lần dùng từ ma quỷ,” gã nói và xem lại phần ghi chép. “Và cả hai lần đều là với Richelieu. Có phải ông ta là người say mê các trò huyền bí không?”

Câu hỏi của gã gây hiệu quả kỳ lạ. Cô gái trẻ quay lại tò mò nhìn Corso. Gã nhìn tôi, tôi lại nhìn cô gái. Gã chờ câu trả lời của tôi, không biết gì về cái tam giác khác thường này.

“Richelieu hứng thú với khá nhiều thứ,” tôi giải thích. “Ngoài việc biến nước Pháp thành một siêu cường, ông ta còn dành thời gian sưu tập tranh, tượng, thảm và đồ sứ. Ông ta cũng là một nhà sưu tầm sách lớn. Ông ta đóng sách thành tập bằng da dê và da Maroc màu đỏ...”

“Và còn có những thứ vũ khí bằng bạc và ba góc đỏ trên gia huy,” Corso ra hiệu tỏ vẻ sốt ruột. Những thông tin này rất vụn vặt, gã không cần tôi phải nói. “Có một catalô rất nổi tiếng của Richelieu.”

“Cuốn catalô đó không toàn vẹn, bởi vì bộ sưu tập đã tan nát. Hiện giờ chúng nằm rải rác ở thư viện Quốc gia Pháp, thư viện Mazazin và trường Sorbonne, những cuốn sách khác thì thuộc sở hữu tư nhân. Ông ta có những bản thảo viết tay bằng tiếng Do Thái cổ và tiếng Syria, những tác phẩm quý trong lĩnh vực toán học, y học, thần học, luật và lịch sử... Và ông nói đúng. Nhiều học giả đã rất ngạc nhiên khi phát hiện những văn bản cổ về huyền học, từ phép cabbala của dân Do Thái cho tới ma thuật.”

Corso lặng lẽ chịu đựng ánh mắt tôi. Gã có vẻ thật căng thẳng, giống như sợi dây cung sắp bật.

“Không có cuốn sách nào đặc biệt ư?”

Tôi lắc đầu trước khi trả lời. Thái độ cố chấp của gã khiến tôi tò mò. Cô gái chăm chú lắng nghe, nhưng rõ ràng là cô không còn tập trung chú ý vào tôi nữa. Tôi nói, “Thông tin tôi có về Richelieu trong vai trò của một nhân vật của một bộ truyện nhiều tập không đi xa đến thế.”

“Thế còn Dumas? Ông ta cũng hứng thú với những trò huyền bí à?”

Đến đây, tôi nhấn mạnh:

“Không, Dumas là một người đàng hoàng, làm mọi việc giữa thanh thiên bạch nhật, gây niềm thích thú lớn lao và gây sốc cho tất cả mọi người xung quanh. Ông cũng có đôi chút mê tín. Ông tin vào ác nhãn[6], gắn một tấm bùa hộ mệnh trên dây đeo đồng hồ và tin theo lời đoán mệnh của Madame Desbarolles. Nhưng tôi không nghĩ là ông thực hành ma thuật trong phòng kín. Thậm chí ông còn không phải là hội viên hội Tam Điểm, như ông từng thú nhận trong Thế kỷ của Louis XV. Ông mắc nợ và bị các nhà xuất bản cũng như chủ nợ săn lùng - những chuyện như vậy đủ khiến ông quá bận bịu rồi. Có lẽ khi tìm cách sáng tạo nhân vật, ông đã nghiên cứu chủ đề này, nhưng chưa bao giờ đi quá sâu. Tôi tin rằng tất cả những hoạt động của hội Tam Điểm mô tả trong Joseph Balsam và Người Mohican ở Paris được ông lấy ra trực tiếp từ cuốn Lịch sử huy hoàng của hội Tam Điểm của Clavel.”

[6] Evil eye: ác nhãn, ma thuật ở phương Tây, người ta tin là có thể gây tổn thương hay bất hạnh cho người.

“Còn Adah Menken thì sao?”

Tôi nhìn Corso kính nể. Đúng là câu hỏi của một bậc thầy.

“Đó là chuyện khác. Adah-Isaacs Menken, người tình cuối cùng của ông, là một nữ diễn viên Mỹ. trong Hội chợ triển lãm 1867[7], khi xem vở Những tên cướp biển ở Savannah, Dumas để ý một thiếu phụ trẻ đẹp bám theo con ngựa đang phi nhanh trên sân khấu. Cô gái này túm chặt lấy nhà văn khi ông rời rạp hát rồi nói huych toẹt rằng cô đã đọc tất cả sách của ông và sẵn sàng lên giường ngay lập tức với ông. Ông già Dumas không cần nhiều đến thế để say đắm một người đàn bà, vậy nên ông chấp nhận ngay sự dâng hiến của cô. Cô ta khẳng định từng là vợ của một triệu phú, người tình của quốc vương, phu nhân một vị tướng... Trên thực tế cô ta là người Do Thái Bồ Đào Nha sinh ở Mỹ và là người tình của một người đàn ông kỳ dị vừa là kẻ dẫn gái vừa là võ sĩ quyền Anh. Quan hệ của cô ta với Dumas gây nên một vụ tai tiếng lớn, vì Menken thích được chụp ảnh trong những bộ quần áo bó chèn và thường xuyên qua lại số nhà 107 phố Malesherbes, ngôi nhà cuối cùng của Dumas ở Paris. Cô ta chết vì chứng viêm màng bụng sau một cú ngã ngựa ở tuổi ba mươi mốt.”

[7] Hội chợ triển lãm tổ chức do ý nguyện của Napoléon III ở Paris năm 1867. Là hội chợ lớn nhất trên thế giới tính từ thời điểm đó trở về trước.

“Cô ta có hứng thú với ma pháp không?”

“Thấy nói vậy. Cô ta thích có mặt ở những buổi lễ nơi cô ta mặc áo khoác hở tay lưng chên, đốt hương dâng lễ cho chúa tể của bóng đêm... Đôi khi cô ta cầu được Satan chiếm hữu, bằng những cử chỉ điệu bộ mà ngày nay ta phải dùng từ khiêu dâm để miêu tả. Tôi tin rằng ông già Dumas chẳng tin một chút nào chuyện đó, nhưng ông hứng thú với toàn bộ trò diễn này. Có vẻ như khi Menken bị ác ma chiếm hữu, cô ta trở nên hết sức nồng nhiệt ở trên giường.”

Có tiếng cười quanh bàn. Thậm chí tôi tự cho phép khẽ mỉm cười, nhưng cô gái và Corso vẫn nghiêm trang. Cô gái có vẻ suy tư, đôi mắt nhạt màu chăm chú nhìn Corso khi gã chậm rãi gật đầu, mặc dù lúc này có vẻ như gã đang lơ đãng và xa xăm. Gã nhìn ra phố xá ngoài cửa sổ như đang tìm kiếm trong bóng đêm, giữa dòng đèn pha ô tô lạng lẹ phản chiếu trên đôi mắt kính gã đeo, tìm cái từ thất lạc, chìa khóa để hợp nhất toàn bộ những sự kiện khác biệt đang bành bồng trôi nổi như những chiếc lá chết trong đại dương thời gian tối sẫm.

Lúc này một lần nữa tôi lại lùi vào hậu cảnh, giống như người tường thuật gần như gì cũng biết về những câu chuyện phiêu lưu của Corso. Bằng cách này, với thông tin sau đó Corso tiết lộ với tôi, những sự kiện bí hiểm tiếp theo có thể được sắp xếp theo một trình tự nào đó. Vì vậy chúng ta tới với thời điểm mà, khi trở về nhà, gã gặp người gác cổng vừa quét dọn xong hành lang và sắp sửa ra về. Gã đi ngang qua khi người này mang mấy thùng rác từ tầng hầm lên.

“Chiều nay người ta có tới sửa ti vi cho ông, ông Corso.”

Corso đã đọc đủ số sách và xem đủ phim để hiểu điều đó có nghĩa gì. Vì vậy gã không khỏi phì cười, khiến người gác cổng ngạc nhiên.

“Đã từ lâu rồi tôi không có ti vi.”

Người gác cổng tuôn ra một chuỗi lời lúng búng xin lỗi nhưng Corso hầu như không để ý. Đúng là khởi đầu của lời dự báo đáng ngạc nhiên. Bởi vì đây là chuyện những cuốn sách, gã phải tiếp cận vấn đề như một người đọc sáng suốt, biết phê phán, không giống như người hùng trong tiểu thuyết ba xu, mặc dù có kẻ đang cố sao cho gã trở thành người hùng trong tiểu thuyết ba xu. Cũng không phải là gã không được quyền lựa chọn: bản chất gã là lãnh đạm và hoài nghi. Không phải là hạng người yếu đuối chỉ biết hoảng hốt kêu than, “Ồ không!”

“Tôi hy vọng tôi không làm cái gì sai, thưa ông Corso.”

“Không hề gì. Người thợ sửa chữa có nước da đen, đúng không? Anh ta có ria và vết sẹo trên mặt?”

“Đúng vậy.”

“Đừng lo. Anh ta là bạn tôi. Anh ta thích đùa.”

Người gác cổng thở phào nhẹ nhõm. “Tôi thật nhẹ cả người, ông Corso.”

Corso không lo gì về Chín cánh cửa hay bản thảo của Dumas. Khi gã không mang chúng theo trong cái túi vải buồm, gã để chúng trong két an toàn ở quán bar Makarova. Đây là nơi an toàn nhất để cất đồ. Thành thử gã điềm nhiên leo lên cầu thang, cố gắng hình dung cảnh tượng mình sắp thấy. Bây giờ gã đã thành cái thứ mà một số người gọi là độc giả cấp hai, gã sẽ thất vọng nếu như gặp phải một màn kịch được dàn dựng theo khuôn sáo cũ rích. Gã nhẹ người khi mở cửa ra. Không thấy giấy tờ vương vãi trên sàn, không thấy những ngăn kéo mở tung, thậm chí không thấy những vết rạch trên mấy ghế tựa. Tất cả vẫn ngăn nắp như khi gã ra khỏi nhà chiều hôm trước.

Gã bước tới bàn làm việc. Mấy hộp đĩa mềm vẫn ở chỗ cũ, giấy tờ tài liệu vẫn ở trên khay đúng như gã còn nhớ. Người đàn ông mặt sẹo, Rochefort hay bất kỳ thằng khốn nào dứt khoát là đã thành công. Nhưng mọi cái đều có giới hạn. Khi bật máy tính lên, Corso mỉm cười đắc thắng.

DAGMAR PC 555K (S1) ELECTRONIC PLC

LAST USED AT 19:35/THU/3/21

A> ECHO OFF

A>

Sử dụng lúc 19:35, màn hình báo. Nhưng Corso không mớ vào máy tính suốt hai mươi tư giờ qua. Lúc 19:35 gã ngồi với bọn tôi ở quán cà phê, trong khi cha mặt sẹo đang hoảng có mặt trong căn hộ của gã.

Corso thấy một thứ mà lúc đầu gã không nhận ra, nằm bên máy điện thoại. Nó hẳn không tình cờ được đặt ở đây, trừ phi do sự thiếu thận trọng của vị khách bí ẩn. Trong gạt tàn, giữa đám đầu mẩu do chính Corso để lại, gã tìm được một đầu mẩu thuốc còn mới không phải của chính mình. Đó là một điếu xì gà Havana đã cháy gần hết, nhưng dải băng vẫn còn nguyên vẹn. Gã nhắc nó lên. Không tin được. Rồi, từ từ, khi hiểu ra, gã cười to, răng cửa nhe ra như một con sói đói tức giận và hiểm ác.

Nhãn hiệu Montecristo. Đương nhiên.

Flavio La Ponte cũng có khách tới thăm. Một tay thợ ống nước.

“Chẳng có gì đáng cười, mẹ kiếp,” hắn nói thay cho lời chào. Hắn đợi Makarova rót gin rồi trút hết mọi thứ trong cái gói giấy bóng kính nhỏ lên mặt quầy. Cái đầu mẩu điếu xì gà giống hệt, và dải băng cũng y nguyên.

“Edmond Dantès lại tấn công.” Corso nói.

La Ponte không làm sao nắm được tinh thần của câu chuyện. “Ui cha, hắn hút xì gà đắt tiền, đồ con hoang.” Tay hắn run rẩy, làm đổ cả rượu gin ra bộ ria xoắn màu vàng. “Tôi thấy nó trên cái bàn đầu giường.”

Corso chọc hắn. “Cậu phải cầm các thứ cho chắc, Flavio. Cứng rắn lên.” Gã vỗ nhẹ lên vai hắn. “Hãy nhớ đến câu lạc bộ Những người phóng lao Nantucket.”

La Ponte nhăn mặt xua tay. “Hồi xưa tôi cứng rắn, cho đến lúc tám tuổi. Sau đấy tôi hiểu sống sót vẫn tốt hơn, tôi liền mềm đi.”

Corso dẫn Shakespeare giữa những ngụm rượu gin. Một thằng hèn chết một ngàn lần và gì gì đấy. Nhưng La Ponte không định bảo đảm mạng sống của mình với một đoạn trích. Ít nhất cũng không theo kiểu đó.

“Tôi không sợ, thật đấy,” hắn trầm ngâm nói, mắt cụp xuống. “Tôi chỉ lo mất gì đấy... ví dụ như tiền. Hoặc sức mạnh nam tính kỳ diệu của tôi. Hoặc là mạng sống.”

Đó là những lý lẽ rất nặng cân, và Corso phải thừa nhận rằng sự việc có thể sẽ tiến triển không hay ho gì. La Ponte thêm vào những manh mối khác: khách hàng kỳ lạ muốn mua bản thảo của Dumas với bất cứ giá nào, những cú điện thoại bí ẩn trong đêm...

Corso quan tâm hỏi, “Cậu nhận được những cuộc gọi lúc nửa đêm ư?”

“Phải, nhưng họ không nói gì. Vài giây im lặng, rồi họ gác máy.”

Trong khi La Ponte thuật lại những rủi ro của mình, Corso sờ soạng cái túi vải buồm gã vừa lấy lại ban nãy. Makarova để nó dưới quầy hàng suốt ngày, giữa những hộp chai và thùng đựng bia.

“Tôi không biết phải làm gì nữa,” La Ponte kết luận đầy bi quan.

“Sao cậu không bán quách bản thảo đi cho rồi? Sự việc đã ra ngoài tầm tay.”

La Ponte lắc đầu rồi kêu thêm rượu gin. Một suất đúp.

“Tôi đã hứa với Enrique Taillefer là sẽ bán công khai bản thảo.”

“Taillefer chết rồi. Với lại, cậu có bao giờ giữ lời hứa đâu.”

La Ponte ủ rũ gật đầu, như thể hắn không nguyên ý nhắc lại nữa. Chợt hắn tươi tỉnh hẳn, một chút ngớ ngàng thoáng hiện trên bộ ra. Miễn cưỡng có thể coi đó là một nụ cười.

“Tiện thể anh đoán coi xem ai gọi?”

“Milady.”

“Gần đúng. Liana Taillefer.”

Corso chán nản nhìn tên bạn. Rồi gã làm một hơi dài cạn ly. “Cậu biết không, Flavio?” Gã hỏi và lấy mu bàn tay quệt miệng. “Đôi khi tôi tưởng như mình đã đọc cuốn sách từ trước rồi.”

La Ponte lại cau mặt.

“À muốn lấy lại Rượu vang Anjou,” hắn giải thích. “Cứ như thế, chả cần chứng thực gì hết...” Hắn uống một ngụm, rồi ngáp ngừng nhìn Corso cười. “Chẳng lạ lắm sao, bỗng dưng lại quan tâm thế?”

“Cậu nói gì với cô ta?”

La Ponte nhướng mày. “Rằng nó không ở trong tay tôi. Rằng anh giữ bản thảo và tôi đã ký hợp đồng với anh.”

“Thế là dối trá. Chúng ta chẳng ký cái gì hết.”

“Đương nhiên là dối trá. Nhưng như vậy mọi chuyện sẽ trút hết lên đầu anh nếu sự việc xấu đi. Và thế không có nghĩa là tôi không thể cân nhắc những lời chào. Rồi một chiều nào đấy tôi sẽ đi ăn tối với bà góa xinh đẹp. Để bàn công việc. Tôi là một thợ săn cá voi táo bạo mà.”

“Cậu chẳng phải là thợ săn cái cóc gì hết. Một thằng con hoang bản thủ dối trá mà thôi.”

“Phải. Nước Anh sinh ra tôi, lão bợm già Graham Greene đã nói thế. Ở trường tôi có biệt danh là Không phải tôi... Tôi đã kể với anh bằng cách nào tôi qua được môn toán chưa nhỉ?” Hắn nhướng mày lần nữa, âu yếm nhớ lại những kỷ niệm xưa. “Tôi sinh ra đã là kẻ dối trá mà.”

“Được rồi, cẩn thận với Liana Taillefer đấy.”

“Tại sao?” La Ponte say sưa ngắm mình trong cái gương ở quầy bar. Miệng cười dâm dăng. “Tôi đã chuẩn bị những trò rất hot cho người đàn bà này kể từ lúc bắt đầu mang những cuốn truyện nhiều kỳ tới cho lão chồng. À chơi với đủ hạng xoàng xoàng.”

“Phải rồi. Đủ mọi hạng xoàng xoàng.”

“Anh ác cảm với cô ta à?”

“Sẽ còn có trò lạ xảy ra.”

“Với tôi thế lại hay, nếu trò đó dính dáng tới một nàng tóc vàng xinh đẹp.”

Corso lấy ngón tay gõ gõ lên cái nút thắt cà vạt của La Ponte. “Nghe đây đồ ngốc. Trong truyện trinh thám, bạn của nhân vật chính thường mất mạng. Cậu không thấy sao? Đây là một truyện trinh thám, và cậu là bạn tôi.” Gã nháy mắt với hắn để nhấn mạnh. “Và như vậy cậu sẽ toi đời.”

Khăng khăng bám chặt vào giấc mơ về người đàn bà góa, La Ponte chẳng hề phát hoảng. “Ồ, cứ thử coi. Tôi còn chưa bao giờ trúng mảnh nào cho ra hồn. Dù gì tôi cũng từng bảo anh là tôi dự định sẽ nhận một viên đạn vào vai.”

“Nghiêm túc đấy. Taillefer đã chết.”

“Lão tự sát.”

“Ai biết được? Sẽ còn có thêm người chết.”

“Đồ chết tiệt, anh làm tôi mất cả hứng.”

Từ đó cho đến hết buổi tối câu chuyện vẫn xoay quanh chủ đề ấy. Họ ra về sau năm hay sáu chén rượu và thỏa thuận sẽ nói chuyện qua điện thoại khi Corso tới Bồ Đào Nha. La Ponte loạng choạng bỏ đi quên trả tiền, nhưng vẫn nhớ đưa đầu mẫu xỉ gả cho Corso. “Giờ thì anh có cả cặp rồi nhé,” hắn nói với Corso.

12. Chương 06 - Phần 1

VI. SÁCH GIẢ VÀ SỰ TỰ Ý THÊM TRANG

May mắn ư? Xin lỗi vì tôi bật cười, có Chúa biết.

Lời giải thích đó chỉ đủ làm hài lòng một thằng khờ.

M. Zevaco, LOS PARDELLANES.

ANH EM CENIZA

ĐÓNG VÀ PHỤC CHẾ SÁCH

Bảng hiệu bằng gỗ nứt toác, bạc phéch vì thời gian và nấm mốc treo trên cửa sổ đầy bụi. Xưởng của anh em nhà Ceniza ở góc lưng của một tòa nhà cũ bốn tầng có cột đỡ phía sau, nằm trên một đường phố râm mát trong khu phố cũ của Madrid.

Lucas Corso nhấn chuông hai lần nhưng không ai trả lời. Gã xem đồng hồ, rồi tựa lưng vào tường đứng đợi. Gã biết thói quen của Pedro và Pablo Ceniza. Vào giờ này họ còn ở cách đây mấy dãy phố, đứng trước quầy hàng La Taurina bằng đá cẩm thạch, nóc cạn nửa lít rượu vang dành cho bữa sáng, tán dóc về sách và môn đấu bò. Hai gã độc thân cực cần nghiện rượu này không rời nhau được.

Mười phút sau họ sánh vai nhau cùng tới, bộ quần áo bảo hộ lao động xám xịt lật phật như tấm vải liệm trùm lên thân mình gây trở xương. Cả đời lom khom trên cái máy in và cổ máy đập nổi, còng lưng ngồi khâu sách và mạ vàng những tấm da, hai anh em dù chưa tới năm mươi tuổi nhưng trông như gần sáu chục. Công việc tay chân cực nhọc khiến cặp má họ hóp vào, bàn tay và đôi mắt héo mòn, làn da phai màu, như thể cái chất lạnh và nhợt nhạt của những tấm da dùng trong công việc đã ngấm hết sang họ. Hai người trông cực kỳ giống nhau, mũi to tướng, hai tai dán sát vào xương sọ, mái tóc thưa thớt chải lật ra sau. Điểm khác biệt duy nhất giữa họ là Pablo, trẻ hơn người anh hai tuổi, cao hơn và kiêu hơn so với Pedro, người thường bị những cơn ho sù sụ hành hạ vì hút quá nhiều thuốc lá, bàn tay run rẩy chấm hết liều thuốc nọ tới liều kia.

“Lâu lắm mới gặp, ông Corso. Vẫn khỏe chứ?”

Hai người dẫn gã theo cái cầu thang ọp ẹp tới một cánh cửa mở ra kêu kẽo kẹt, bật đèn chiếu sáng cái xưởng bẽ bộn của họ. Một cỗ máy in cổ lỗ chinh ỉnh giữa nhà. Bên cạnh là một cái bàn bọc kẽm chắt đầy dụng cụ, từng đồng gậy sách khâu dở hay đã xong, những tấm da nhuộm màu, những lọ keo dán, những bản phác thảo hình dập trang trí và vài thứ đồ dùng khác. Khắp nơi là sách: từng đồng sách lớn có bìa bọc da Maroc, bọc vải thô tuyệt dày hay da dê, những gói sách đã xong hoặc sắp xong chờ gửi đi, những cuốn sách chưa đóng bìa cứng hay sách bìa mềm. Những tập sách bị một cần hay nấm mốc làm hỏng nằm trên ghế băng

và các kệ sách chờ phục chế. Căn phòng bốc lên mùi giấy, mùi keo dán và da mới. Corso hít cái mùi đó vào ngực đầy hứng thú. Rồi gã moi cuốn sách từ trong túi ra đặt lên bàn.

“Tôi muốn xin ý kiến các ông về cuốn này.”

Đây không phải là lần đầu tiên. Thông thả, thậm chí còn thận trọng, Pedro và Pablo Ceniza nhích lại gần. Như thường lệ, vẫn là người anh mở lời. “Chín cánh cửa.” Hắn khẽ chạm vào cuốn sách. Những ngón tay xương xẩu ám khói thuốc tựa như đang mơn trớn làn da còn sống. “Đẹp quá. Một cuốn sách cực kỳ có giá.”

Mắt hắn màu xám, như mắt chuột. Áo quần bảo hộ màu xám, tóc xám, mắt xám, tất cả đều giống như họ của hắn, Ceniza nghĩa là “tro tàn”. Hắn nhìn cuốn sách với vẻ thèm khát.

“Trước đây ông từng thấy nó chưa?”

“Rồi. Gần một năm trước, khi Claymore muốn chúng tôi làm sạch hai chục cuốn sách mang từ thư viện của ngài Gualterio Terral tới.”

“Khi đó tình trạng của nó thế nào?”

“Tuyệt hảo. Ngài Terral biết phải chăm sóc những cuốn sách như thế nào. Hầu hết chúng còn tốt khi đưa tới đây, trừ một cuốn của Teixeira chúng tôi phải động chân động tay. Số còn lại, bao gồm cả cuốn này chỉ cần làm vệ sinh đôi chút.”

“Cuốn này là đồ ngụy tạo,” Corso nói toạc ra. “Hoặc là người ta bảo tôi thế.”

Hai anh em nhìn nhau.

“Đồ ngụy tạo...,” người anh lẩm bẩm. “Người ta nói về những cuốn sách ngụy tạo sao mà dễ dãi quá.”

“Quá ư dễ dãi,” người em đề thêm.

“Kể cả ông, thưa ông Corso. Và điều đó thật đáng ngạc nhiên. Không đáng để làm giả một cuốn sách, quá nhiều nỗ lực mới mang lại chút lợi ích. Tôi muốn nói đến ngụy tạo cao cấp chứ không phải một bản facsimile dành cho tụi gà mờ.”

Corso phác một cử chỉ tựa như muốn nói: xin hãy khoan dung. “Tôi không nói cả quyển sách là ngụy tạo mà chỉ nói một phần của nó. Có thể có những trang sách lấy từ những bản hoàn chỉnh được cố tình đưa vào những cuốn thiếu một hay vài trang.”

“Tất nhiên, đó là một mảnh buôn bán. Nhưng thêm một bản sao chép hay một bản facsimile đâu có giống việc hoàn thành cả cuốn sách với những trang căn cứ vào...” Hắn hơi xoay sang người em nhưng vẫn nhìn Corso. “Nói cho ông ấy biết đi, Pablo.”

“Căn cứ vào những quy tắc nghề nghiệp của bọn tôi,” gã Ceniza trả lời.

Corso nhìn họ một cái như mời họ cùng đồng lõa một vụ gì. Một con thỏ chịu chia sẻ nửa củ cà rốt. “Đó có thể là trường hợp của cuốn này,” gã nói.

“Ai nói vậy?”

“Chủ nhân cuốn sách. Nhân tiện mà nói, ông ta không phải gà mờ.”

Pedro Ceniza nhún đôi vai hẹp và mỗi một điếu thuốc mới bằng điếu đã hút hết. Khi hắn kéo hơi đầu tiên, một trận ho khan khiến người hắn rung bần bật, nhưng hắn cứ hút, thản nhiên như không.

“Ông có cách tiếp cận với một bản in thật để so sánh chúng với nhau chứ?”

“Không, nhưng sẽ sớm có. Vì vậy trước tiên tôi muốn biết ý kiến của các ông.”

“Đây là một cuốn sách quý, và ý kiến của chúng tôi không mang tính chính xác khoa học.” Hắn lại quay sang người em, “Phải thế không, Pablo?”

“Đó là một nghệ thuật,” em hắn khẳng định.

“Phải. Chúng tôi không định làm ông thất vọng, thưa ông Corso.”

“Tôi chắc vậy. Các ông biết mình đang nói gì. Xét cho cùng thì các ông có khả năng ngụy tạo Speculum Vitae[1] từ một bản duy nhất hiện hữu và khiến nó được liệt vào danh sách bản gốc ở một trong những catalô danh giá nhất châu Âu.”

[1] Speculum Vitae (Tấm gương cuộc đời): bài thơ viết bằng tiếng Anh cổ sáng tác trong khoảng giữa hoặc cuối thế kỷ 14

Cùng một lúc, cả hai cười hần học. Đúng như Si và Am[2], Corso thăm nghĩ, cặp mèo quý sứ thực sự đã bị chạm nọc.

[2] Si và Am: Cặp mèo Xiêm song sinh, nhân vật phản diện trong Lady and Tramp, phim hoạt hình của Walt Disney (1955).

“Chẳng bao giờ chúng mình được đây là do chúng tôi làm,” cuối cùng Pedro Ceniza nói. Hắn xoa tay, liếc nhìn cuốn sách.

“Phải, chẳng bao giờ,” người em ủ rũ lặp lại. Tựa như bọn họ ân hận vì đã không bị tống vào tù để đền đáp sự thừa nhận của công chúng.

“Đúng,” Corso công nhận. “Cũng chẳng có chứng cứ gì về cuốn The Chaucer, vẫn được cho là do Marius Michel làm, nằm trong catalô bộ sưu tập Manouk. Hay là bản Thánh kinh đa ngữ của nam tước Bielke với ba trang bị thiếu được ông thay vào hoàn hảo đến mức hiện giờ các chuyên gia không hề nghi ngờ tính chân thực của nó...”

Pedro Ceniza giơ bàn tay vàng vọt có móng dài nghêu lên. “Xin có đôi lời về chuyện này, thưa ông Corso. Ngụy tạo để kiểm lời là một chuyện, ngụy tạo vì lòng say mê nghệ thuật là chuyện khác, tạo ra thứ gì đấy hầu được hưởng niềm thỏa mãn trong chính hành vi sáng tạo ấy, hoặc như trong hầu hết mọi trường hợp, trong chính hành vi tái tạo ấy.” Lão hấp háy mắt cười ma mĩnh. Cặp mắt chuột bé tí lóe sáng khi quay lại với Chín cánh cửa. “Mặc dù tôi không nhớ có khi nào đụng chân đụng tay vào những tác phẩm tuyệt vời ông vừa miêu tả hay không, và tôi bảo đảm em tôi cũng không.”

“Tôi đánh giá chúng hoàn hảo.”

“Thế ư? Vậy thì đừng bận tâm nữa.” Hắn đưa điều thuốc lên miệng, hóp má lại rít một hơi dài. “Nhưng bất kể là ai hoặc những ai chịu trách nhiệm, ông có thể chắc rằng người ấy hay những người ấy đều xuất phát từ niềm say mê lớn, một cấp độ thỏa mãn cá nhân không thể mua được bằng tiền...”

“Sine pecunia. Vô giá,” người em đề thêm.

Pedro Ceniza phì khói thuốc từ hai lỗ mũi và cái miệng hé mở. Hắn tiếp, “Lấy ví dụ Speculum, Sorbonne mua nó vì tin là đồ thật. Chất giấy, sắp chữ, kỹ thuật in, đóng sách, ngăn ấy khâu thôi là đủ để buộc những người mà ông gọi là kẻ làm đồ giả phải trả giá gấp năm lần số tiền họ có thể kiếm được. Chỉ là người ta không hiểu... Cái gì sẽ làm thỏa mãn một họa sĩ có tài năng như Velázquez và kỹ năng bắt chước tác phẩm của ông ta: được tiền, hay được thấy một trong những bức họa của mình treo ở Prado giữa hai tác phẩm Las Meninas và Vulcan’s Forge?”

Corso tán thành. Trong vòng tám năm, Speculum của anh em Ceniza là cuốn sách giá trị nhất mà đại học Paris có trong tay. Nó được phát hiện là đồ giả không phải do một chuyên gia mà do sự hớ hênh tình cờ của người trung gian.

“Cảnh sát có còn quấy rầy các ông không?”

“Rất hiếm. Ông phải nhớ là vụ việc trường Sorbonne xảy ra ở Pháp giữa người mua và người môi giới. Đúng là tên tuổi chúng tôi có liên quan, nhưng chẳng chứng minh được gì.” Pedro Ceniza lại cười xảo trá, như lấy làm tiếc là không có bằng chứng gì. “Chúng tôi quan hệ tốt với cảnh sát. Thậm chí có lúc họ còn tới gặp chúng tôi khi cần xác minh một cuốn sách ăn cắp.” Hắn vung vẩy điều thuốc lá về phía người em. “Chẳng ai bằng Pablo khi cần xóa đi dấu thư viện, bóc nhãn sở hữu và thủ tiêu dấu vết về lai lịch sách. Nhưng đôi khi người ta cần hẳn làm công việc theo quy trình ngược. Ông biết thế nào rồi: mình sống thì cũng nên để người khác sống.”

“Ông nghĩ gì về Chín cánh cửa?”

Ceniza anh nhìn Ceniza em, rồi nhìn cuốn sách. Hắn lắc đầu. “Chẳng có gì đáng chú ý khi chúng tôi làm việc với nó. Giấy và mực không sai. Máy thứ đó chỉ thoạt nhìn là thấy.”

“Chúng tôi để ý thấy thế,” người em chữa lại.

“Bây giờ ý kiến ông thế nào?”

Pedro Ceniza rút nốt hơi cuối cùng từ điều thuốc chỉ còn lại một mẩu ngắn tí trong tay rồi vứt xuống sàn giữa hai chân, mẩu thuốc cứ vậy cháy đến hết. Lốp sơn trên sàn đầy những vết cháy sém do thuốc lá.

“Kiểu đóng sách ở Venice thế kỷ mười bảy, tình trạng tốt...” Cả hai anh em cùng cúi xuống cuốn sách, nhưng chỉ người anh đưa bàn tay lạnh lẽo xanh xao đụng vào cuốn sách. Bọn họ giống như hai người thợ làm thú nhồi đang tính xem cách nào tốt nhất để lên bông vào cái xác. “Loại da Maroc đen, với những phù hiệu hoa hồng bằng vàng.”

“Có phần hơi quá trang trọng so với hàng Venice,” Pablo thêm vào.

Anh hắn thể hiện sự đồng ý bằng một cơn ho.

“Họa sĩ đã vẽ rất chừng mực. Chắc chắn là do chủ đề...” Hắn nhìn Corso, “Ông đã thử kiểm tra bìa sách chưa? Những cuốn sách thế kỷ mười sáu và mười bảy bìa da đôi khi chứa đựng những điều bất ngờ. Tầm bìa sách bên trong làm từ những tờ rời được ép rồi dán lại với nhau. Đôi khi người ta dùng những bản in thử của cùng cuốn sách đó, hoặc của lần xuất bản trước. Một số bìa sách tìm được bây giờ lại có giá trị hơn cả những văn bản bên trong cuốn sách.” Hắn trở vào những tờ giấy trên bàn. “Kia là một ví dụ. Nói cho ông ấy biết đi, Pablo.”

“Sắc lệnh của giáo hoàng về cuộc Thập tự chinh thần thánh, năm 1483.” Người anh cười mập mờ. Giống như hắn đang nói về chuyện tình dục hơn là về đồng giấy cổ xưa. “Được dùng để đóng bìa cho những cuốn hồi ký vô giá.”

Pedro Ceniza kiểm tra Chín cánh cửa. “Bìa sách không vấn đề gì,” hắn nói. “Mọi thứ đều khớp. Một cuốn sách kỳ quặc, đúng không? Năm dài bằng đắp nổi trên gáy sách, không có nhan đề, và cả cái biểu tượng quái dị này nữa. Torchia, Venice 1666. Chắc ông ta tự đóng lấy. Một món đồ tuyệt đẹp.”

“Còn chất giấy thì sao?”

“Thật là chẳng hổ danh ông, thưa ông Corso. Câu hỏi hay đấy.” Người thợ đóng sách liếm liếm môi như muốn làm nó ấm lên. Hắn búng búng các trang sách và cẩn thận lắng nghe thanh âm phát ra, hết như Corso đã làm ở chỗ Varo Borja. “Giấy hảo hạng. Không hề giống như thứ giấy xenlulô hiện thời. Ông có biết tuổi thọ trung bình của một cuốn sách in hiện nay là bao nhiêu không? Nói đi, Pablo.”

“Sáu mươi năm,” người em đau khổ nói, như thể đó là lỗi của Corso. “Khổ nạn, vên vên có sáu mươi năm.”

Pedro lục lại đồng dụng cụ trên mặt bàn. Sau cùng hắn tìm thấy một cái kính lúp có độ phóng đại cực lớn, liền soi lên trên cuốn sách.

“Một thế kỷ nữa,” hắn lẩm bẩm trong lúc giữ một trang sách lên soi dưới ánh đèn để xem xét, một mắt neho lại, “hầu hết sách vở trong các thư viện hiện nay sẽ biến mất. Nhưng những cuốn sách này, in cách đây hai trăm, thậm chí năm trăm năm thì sẽ vẫn còn nguyên. Chúng ta có sách, và có cái thế giới mà chúng ta xứng đáng có... Phải vậy không, Pablo?”

“Sách tôi in trên giấy tôi.”

Pedro Ceniza gật đầu đồng ý. Lúc này hắn đang kiểm tra kỹ cuốn sách qua kính lúp. “Đúng thế. Giấy xenlulô sẽ ngả vàng và giòn như bánh quy xốp, những chỗ hư hại không cách gì sửa chữa. Chúng già đi và chết.”

“Sách này thì không,” Corso trở cuốn sách mà nói.

Người thợ đóng sách giơ trang giấy về phía ánh sáng.

“Giấy làm từ giẻ rách, hắn là thế. Giấy tốt, làm bằng tay, từ giẻ rách, chịu được cả thời gian lẫn sự ngu xuẩn của con người... Không, không phải. Đây là vải lanh. Giấy làm bằng vải lanh thực thụ.” Hắn đặt kính

lúp xuong và nhìn người em. “Lạ làm sao, đây không phải là giấy Venice. Nó dày, xốp, có xơ. Có thể là hàng Tây Ban Nha không?”

“Hàng Valencia,” em hần đáp. “Jativa, Valencia, Tây Ban Nha.”

“Đúng. Tốt nhất châu Âu thời đó. Nhà in chắc đã nhập khẩu được một chuyến... Anh ta đã làm đầu ra đấy.”

“Anh ta rất chu đáo,” Corso nói, “và đã phải trả giá cả mạng sống.”

“Rủi ro nghề nghiệp.” Pedro nhận điều thuốc nhàu nát từ tay Corso, châm luôn rồi ho sù sụ. “Như chính ông biết, lừa gạt người về giấy là khó. Ram giấy được sử dụng phải còn trắng nguyên, phải cùng một thời kỳ, mà cho dù như thế vẫn có thể có những khác biệt: những trang sách biến màu nâu, mực in phai màu và thay đổi theo thời gian... Tất nhiên có thể tạo vết ố bẩn hay làm sẫm màu hơn bằng cách rửa nước trà những trang đưa thêm vào. Mỗi lần phục chế hay bổ sung trang bị mất đều phải làm cho cuốn sách thật là tròn vẹn. Những chi tiết rất vụn vặt ấy mới là đáng kể. Có phải không, Pablo? Bao giờ cũng là những tiểu tiết đáng nguyên rửa ấy.”

“Các ông suy đoán thế nào?”

“Tạm thời chúng tôi xác nhận rằng bìa sách là từ thế kỷ mười bảy. Điều đó không có nghĩa là các trang bên trong khớp đúng với bìa này chứ chẳng phải bìa khác. Nhưng cho rằng như thế đi. Còn về giấy, có vẻ rất giống với những mẻ giấy khác có lai lịch đã được xác nhận.”

“Đúng. Bìa và giấy là thật. Ta sẽ xem xét đến văn tự và tranh minh họa.”

“Bây giờ thì phức tạp hơn. Ta có thể tiếp cận hình thức bản in từ hai góc độ khác nhau. Một là ta có thể giả định rằng cuốn sách là thật. Tuy vậy chủ nhân của nó lại phủ nhận, và theo ông thì ông ta có cách để biết. Vì vậy tính nguyên gốc là có thể nhưng không chắc chắn. Ta hãy giả định đây là đồ giả và xem xét mọi khả năng. Thứ nhất, toàn bộ văn bản có thể là giả, văn bản giả được in trên giấy thời ấy và đóng bìa với chất liệu thời ấy. Điều này khó xảy ra. Hoặc nói chính xác hơn là không mấy thuyết phục. Giá của một cuốn sách như vậy rất khủng khiếp... Một khả năng khác, và điều này là hợp lý, cuốn sách ngụy tạo có thể được làm không lâu sau khi cuốn sách được xuất bản lần đầu tiên. Ý tôi là nó được in lại có vài sửa đổi, được hóa trang cho giống với bản in lần đầu, chừng một hai chục năm sau cái năm 1666 ghi trên đầu sách này. Nhưng để làm gì?”

“Đây là một cuốn sách cấm,” Pablo Ceniza nói.

“Có thể,” Corso đồng ý. “Ai đó đã có được trong tay thiết bị - khuôn in và chữ in - mà Aristide Torchia đã sử dụng và đã có thể in sách thêm lần nữa.”

Người anh nhặt một cây bút chì rồi nguệch ngoạc mấy nét lên sau một tờ giấy in. “Có thể đó là một cách giải thích,” hần nói. “Nhưng có cách khác hợp lý hơn. Chẳng hạn, hãy tưởng tượng rằng cả cuốn sách là đồ thật nhưng thiếu vài trang, bị xé hoặc bị mất, và ai đó đã thay chúng bằng những trang sách dùng giấy thời ấy, kết hợp với kỹ thuật in hoàn hảo và lòng kiên nhẫn vô biên. Khi đó có hai khả năng: một là những trang thêm vào là bản mô phỏng từ ấn bản hoàn chỉnh, hai là nếu không có bản gốc để mô phỏng hay sao chép thì nội dung của chúng được phịa ra.” Người thợ đóng sách chia cho Corso thứ hần ta đang viết. “Quá trình tạo ra một cuốn sách giả được mô tả trong biểu đồ này.”

Trong khi Corso và Pablo xem tờ giấy, Pedro lại lật nhanh cuốn Chín cánh cửa.

“Tôi thiên về ý nghĩ,” hần thêm vào sau một thoáng, khi hai người kia tập trung chú ý vào hần, “rằng nếu có mấy trang bị ghép thêm vào, nó phải được hoàn thành hoặc trong thời kỳ in ấn bản thứ nhất hoặc hiện nay, trong thời đại chúng ta. Khoảng thời gian giữa có thể bỏ qua, vì chỉ mãi rất gần đây người ta mới biết cách làm được bản sao hoàn hảo như vậy cho một cuốn sách cổ.”

Corso trả lại tờ biểu đồ và hỏi, “Giả sử ông gặp một cuốn sách bị mất mấy trang. Và ông muốn hoàn thiện nó với kỹ thuật mới. Ông sẽ thực hiện thế nào?”

Anh em Ceniza đồng loạt thở dài như đang thưởng thức một viễn cảnh đầy hấp dẫn nghề nghiệp. Hai người bây giờ cùng dán mắt vào cuốn Chín cánh cửa.

“Ta giả sử rằng,” Pedro nói, “cuốn sách một trăm sáu mươi tám trang này mất đi trang một trăm. Trang một trăm và trang chín mươi chín, vì mỗi tờ có hai mặt. Và ta muốn thay thế nó. Bí quyết là đưa vào một cặp song sinh.”

“Một cặp song sinh?”

“Trong nghề này người ta gọi thế,” Pablo đáp, “một bản sao hoàn chỉnh khác.”

“Hoặc ít nhất là một bản khác mà ở đó hai trang ta cần nhân đôi còn nguyên. Cũng cần so sánh cặp song sinh với bản in không hoàn chỉnh của ta để xem độ hằn sâu của chữ in có ở mức độ khác nhau không hoặc các con chữ có bị mờ đi khác nhau không. Như ông biết, chữ in thời ấy là chữ rời và dễ dàng bị mòn đi hay bị hỏng. Vì vậy với cách in thủ công, bản in đầu và cuối của cùng một đợt in có thể khác nhau nhiều. Có thể có những chữ cái biến dạng hay đứt nét, lượng mực đọng ít hay nhiều hơn, kiểu vậy. Kiểm tra kỹ những chỗ biến đổi đó thì ta mới có thể thêm hay bớt những chi tiết không hoàn chỉnh trên trang sách thêm vào để trang này khớp với phần còn lại của cuốn sách. Khi đó ta sẽ bắt tay vào việc mô phỏng và chế ra được một tấm khuôn quang khắc. Rồi từ đó làm bản in kẽm hay polymer.”

“Một loại khuôn in nổi,” Corso nói, “làm từ kim loại hay chất dẻo.”

“Chính xác. Dù kỹ thuật mô phỏng hoàn hảo đến đâu, ta cũng chẳng bao giờ làm nổi những độ lồi lõm, những dấu vết trên giấy đặc trưng cho phương pháp in ngày xưa dùng bản in khắc gỗ hay kim loại. Vì vậy toàn trang phải được sao lại bằng vật liệu cho phép tạo khuôn, tức là chất dẻo hay kim loại. Khuôn in như vậy cho hiệu quả rất giống phương pháp in bằng khuôn chì tháo lắp thường dùng năm 1666. Ta đặt khuôn in vào máy rồi in trang đó bằng tay, giống như người ta làm cách đây bốn thế kỷ... Tất nhiên phải dùng loại giấy thời ấy, hoặc loại được xử lý cả trước lẫn sau bằng biện pháp giả hóa nhân tạo. Thành phần cấu tạo của mực in phải nghiên cứu thật kỹ. Trang sách được xử lý bằng hóa chất sao cho nó khớp với những trang khác. Và thế là hành vi phạm tội đã xong.”

“Nhưng nếu trang sách gốc không còn nữa. Nếu không có bản mẫu của hai trang thất lạc để sao chép...”

Anh em nhà Ceniza cùng cười tự tin.

“Thế thì,” Pedro nói, “công việc còn thú vị hơn.”

“Nghiên cứu và sáng tạo,” Pablo thêm vào.

“Và liều lĩnh, tất nhiên, ông Corso. Giả sử Pablo và tôi có bản Chín cánh cửa bị thiếu trang. Một trăm sáu mươi sáu trang kia cung cấp cho ta một danh sách đầy đủ các chữ cái và biểu tượng nhà in đã sử dụng. Ta sẽ lấy mẫu để có một bảng chữ cái hoàn chỉnh. Rồi tái tạo bảng chữ cái trên giấy ảnh để mang đi mang lại dễ hơn, rồi nhân bản mỗi chữ cái theo số lần chúng xuất hiện trên trang đó. Một nghệ sĩ bằng tài hoa và cảm hứng có thể tái tạo những chữ in bằng khuôn chì đúc, giống như thợ in ngày xưa thường làm. Đáng tiếc là việc này quá phức tạp và tốn kém. Vậy ta sẽ dùng kỹ thuật in hiện đại. Ta sẽ dùng một lưỡi dao cạo tách các chữ cái thành từng chữ in rời, và Pablo, chắc tay hơn, sẽ lên khuôn cho hai trang này theo từng dòng liên tiếp, đúng như thợ sắp chữ thế kỷ mười bảy đã làm. Từ đấy ta tạo được một bản in thử trên giấy, loại bỏ những chỗ giao nhau hay những chỗ không hoàn chỉnh trên các chữ cái hoặc thêm vào những lỗi tương tự như trên các chữ cái trong bản gốc. Khi đó chỉ còn việc tạo âm bản. Từ âm bản ông sẽ có phiên bản nổi và có khuôn in.”

13. Chương 06 - Phần 2

“Chuyện gì xảy ra nếu trang bị mất là tranh minh họa?”

“Không có gì khác cả. Tất nhiên nếu có cơ hội tiếp xúc với tranh khắc gốc, kỹ thuật tạo bản in sẽ đơn giản hơn. Trong trường hợp này, các nét trong tranh dùng khuôn gỗ đều nhát màu hơn so với khuôn đồng hay khắc bằng kim không dùng axit, điều này có nghĩa là ta có thể tạo được một sản phẩm gần như hoàn hảo.”

“Giả sử tranh gốc không còn nữa?”

“Cũng không vấn đề gì. Nếu có cái để tham khảo, ta sẽ bắt chước. Nếu không thì có thể sáng tác. Đương nhiên là sau khi đã nghiên cứu kỹ thuật dùng cho những bức họa khác trong sách. Bất cứ một thợ thủ công lành nghề nào cũng làm được.”

“Còn chuyện in thì sao?”

“Như ông biết, tranh khắc gỗ là bản in khắc nổi. Khối gỗ được cắt dọc thớ rồi phủ lên một lớp nền trắng. Bức tranh được vẽ lên trên đó. Rồi người ta khoét gỗ đi và bôi mực lên những phần chớp nhọn hay những gờ nổi để mực có thể chuyển sang giấy. Khi tái tạo bản khắc gỗ có hai lựa chọn. Một là mô phỏng lại tranh vẽ, tốt nhất là bằng chất dẻo. Hai là nếu có một thợ khắc giỏi thì hãy làm một khuôn khắc gỗ thật với kỹ thuật mà người xưa đã dùng rồi in trực tiếp từ nó. Nếu là tôi thì vì em tôi là thợ khắc giỏi, tôi sẽ in thủ công bằng khuôn gỗ. Ở bất cứ nơi nào có khả năng nghệ thuật phải noi theo nghệ thuật.”

“Kết quả sẽ tốt hơn,” Pablo nói thêm.

Corso nhìn hẩn một cách bí ẩn.

“Giống như với Speculum của trường Sorbonne?”

“Có lẽ. Người làm giả hay những người làm giả tác phẩm đó có thể cũng nghĩ như chúng tôi... Phải không, Pablo?”

“Hẩn họ là những người mơ mộng,” em hẩn tán thành với nụ cười yếu ớt.

“Phải, hẩn thế,” Corso trở cuốn sách. “Vậy thì, kết luận của các ông là thế nào?”

“Tôi nghĩ đây là bản gốc,” Pedro Ceniza không ngần ngại trả lời. “Ngay cả bọn tôi cũng không thể làm hoàn hảo được như vậy. Coi này, chất giấy, những chỗ biến màu trên giấy, sắc thái giống và khác nhau của mực in, và dạng thức chữ in... Có thể có mấy trang giả được thêm vào, nhưng tôi nghĩ rất ít khả năng. Nếu đây là đồ ngụy tạo, cách giải thích duy nhất là nó được hoàn thành trong khoảng thời kỳ đó. Người ta tìm được mấy bản? Ba ư? Tôi cho rằng ông đã nghĩ đến khả năng cả ba cuốn đều được ngụy tạo.”

“Phải. Những tranh khắc gỗ thế nào?”

“Hiển nhiên là rất lạ. Những biểu tượng ấy... Nhưng nhất định chúng thuộc về thời ấy. Các vết hẩn của khuôn in như nhau. Mực in, màu nền giấy... Có lẽ mẫu chốt không phải là chúng được in khi nào và ở đâu mà là ở nội dung. Rất tiếc vì chúng tôi đã không làm công việc tiến triển được bao nhiêu.”

“Ông nhầm rồi.” Corso chuẩn bị gấp sách lại. “Ta đã làm được rất nhiều.”

Pedro Ceniza ngắt lời gã. “Còn một việc nữa... Tôi chắc chính ông cũng để ý thấy. Đó là những dấu ấn của người thợ in.”

Corso nhìn hẩn bối rối, “Tôi không rõ ông định nói gì.”

“Chữ ký nhỏ xíu ở bên dưới mỗi bức họa. Chỉ cho ông ấy đi, Pablo.”

Người em trai chùi tay vào áo khoác như muốn lau sạch mồ hôi. Rồi nhích lại gần Chín cánh cửa, hẩn dùng kính lúp soi lên mấy trang và chỉ cho Corso.

“Mỗi tranh khắc,” hẩn giải thích, “đều có những chữ viết tắt thông dụng: Inv. nghĩa là invenit, chữ ký của họa sĩ vẽ bản gốc, và Sculp. là sculpsit, thợ khắc... xem đi. Trong bảy bức tranh, chữ viết tắt A. TORCH ở bên cạnh cả sculp. lẫn inv. rõ ràng là nhà in này tự vẽ và khắc bảy bức. Nhưng trong hai bức còn lại, ông ta chỉ ký tên bên sculp. Nghĩa là hai bức này ông ta chỉ làm bản khắc. Ai đó khác mới là người vẽ tranh gốc, ai đó khác mới là inv. Một người có tên viết tắt là L. F.”

Pedro Ceniza gật đầu đồng ý với lời giải thích của người em và châm một điếu thuốc. “Không tệ chứ?” Hẩn lại bắt đầu ho trong khói thuốc. Hẩn quan sát phản ứng của Corso, một tia ranh mãnh lóe lên trong đôi mắt chuột. “Gã thợ in đó hẩn là người bị nướng trên giàn thiêu, nhưng hẩn chẳng phải là người duy nhất bị liên lụy.”

“Đúng,” em hẩn tán thành, “ai đó đã giúp châm lửa dưới chân hẩn.”

Cùng ngày hôm ấy, Liana Taillefer tới thăm Corso. Ắ đến không báo trước, vào lúc trời chiều chạng vạng, khi Corso mặc cái áo sơ mi vải bông bạc màu và cái quần nhung kẻ đứng bên cửa sổ hướng Tây, ngắm hoàng hôn nhuộm các mái nhà thành phố thành màu đỏ và màu hoàng thổ. Có lẽ lúc đó không phải giờ lành; có lẽ nhiều chuyện xảy ra sau này có thể tránh được nếu ắ xuất hiện ở một thời điểm khác trong ngày. Chẳng ai biết được. Chỉ biết rằng Corso đang nhìn ra ngoài cửa sổ, ly rượu gin vừa cạn khiến sương mờ dâng đầy hai mắt gã. Chuông cửa reo, và Liana Taillefer - tóc vàng, cao lớn, đầy gợi cảm, khoác áo mưa kiểu Anh, váy áo may đo và bít tất dài đen - xuất hiện trên bậc cửa. Mái tóc cuộn thành búi nhỏ dưới cái mũ rộng vành màu thuốc lá duyên dáng lệch về một bên. Chiếc mũ rất hợp người. Ắ đẹp. Ắ biết mình đẹp và chờ đợi tất cả mọi người nhận ra điều đó.

“Làm sao tôi có được vinh hạnh tiếp đón bà vậy?” Corso hỏi. Đó là một câu hỏi ngốc nghếch, nhưng vào giờ đó và với ngần ấy rượu gin, gã chẳng thể tìm đâu lời lẽ hay ho hơn. Liana Taillefer đã kịp tiến vào phòng. Ắ đứng trước cái bàn trên đó có tệp tài liệu và bản thảo Dumas nằm cạnh máy tính cùng hộp đĩa mềm.

“Ông vẫn làm về cái này ư?”

“Tất nhiên.”

Ắ rời mắt khỏi Rượu vang Anjou, điềm nhiên nhìn những cuốn sách xếp đầy trên tường và quanh nhà. Corso biết ắ muốn tìm những bức ảnh, những kỷ vật, những thứ tiêu biểu cho tính cách của chủ nhân. Ắ nhứ mày cao ngạo, bức tức chẳng tìm thấy gì. Sau cùng ắ bắt gặp thanh kiếm của người cận vệ già.

“Ông sưu tầm gươm?”

Đó là một kết luận logic. Mang tính quy nạp. Ít nhất, Corso tự an ủi, năng lực của Liana Taillefer dùng để thoát khỏi tình trạng lúng túng là không tương xứng với vẻ ngoài của ắ. Trừ khi ắ muốn khiêu khích. Gã mỉm cười cảnh giác, cảm thấy mình đang bị dồn đến chân tường.

“Cái đó tôi lượm được. Và đó là một thanh kiếm.”

Ắ gạt đầu, nét mặt vô cảm. Khó mà nói ắ là người đơn giản hay là một kịch sĩ tài năng.

“Vật gia truyền?”

“Tìm được,” Corso nói dối. “Treo nó trên tường trông hay hơn. Chỉ toàn sách trông nhạt nhẽo lắm.”

“Sao không có tranh ảnh gì?”

“Không có ai khiến tôi đặc biệt muốn tưởng nhớ.” Gã nghĩ tới bức ảnh viền khung bạc, ngài Taillefer quá cố mặc tạp dề đang lạng thịt con lợn sữa. “Với bà đương nhiên là khác.”

Ắ chăm chú nhìn gã, có lẽ đang cố xác định mức độ láo xược trong lời bình luận của gã. Đôi mắt xanh lấp lánh ánh thép lạnh khiến người ta rùng mình. Ắ sai bước trong phòng, thỉnh thoảng ngừng lại coi mấy cuốn sách, ngắm quang cảnh ngoài cửa sổ, rồi quay lại bên cái bàn. Ắ di móng tay sơn màu đỏ máu trên tấm bìa bọc ngoài bản thảo Dumas. Có vẻ ắ đang đợi Corso nói gì đó, nhưng gã vẫn im lặng. Gã kiên nhẫn chờ. Nếu ắ đang theo đuổi thứ gì đó - và rõ là thế - thì cứ để ắ làm tất. Chẳng cần gì tạo thuận lợi cho ắ.

“Tôi ngồi được chứ?”

Giọng nói hơi khàn. Dư âm một đêm nặng nề, Corso nghĩ. Gã đứng giữa phòng, tay dứt túi, chờ đợi. Liana Taillefer bỏ mũ và áo mưa ra. Ắ nhìn quanh với vẻ buồn chán vô cùng tận rồi chọn một chiếc sofa cũ. Ắ bước qua đó, thông thả ngồi xuống, cái váy co lên. Hai chân bắt chéo, hình tượng ắ tạo ra lúc này sẽ khiến cho bất kỳ ai, kể cả Corso (nếu bớt đi một nửa lượng rượu gin) đều thấy bần rùn cả người.

“Tôi tới có công chuyện.”

Rất thẳng thắn. Hẳn ắ nhắm vào thứ gì đó khi tỏ thái độ như vậy. Corso cũng nhiều tự trọng như bất kỳ ai, nhưng gã không ngu.

“Tốt,” gã nói. “Bà đi ăn tối với Flavio La Ponte chưa?”

Không có phản ứng gì. Ắ vẫn tiếp tục nhìn gã trong vài giây, thản nhiên, phớt đời chẳng kém.

“Chưa,” sau cùng ắ đáp, chẳng hề giận dữ. “Trước tiên tôi muốn gặp ông đã.”

“Ô, tôi đây.”

Liana Taillefer ngửa thêm một chút ra sau. Một tay ả đặt lên chỗ rách ở cái sofa da cũ kỹ, nơi có túm lông đuôi ngựa nhồi thò ra.

“Ông làm việc vì tiền,” ả nói.

“Đúng.”

“Ông bán mình cho người trả giá cao nhất.”

“Đôi khi.” Corso nhếch mép. Đây là lãnh địa của gã, vì vậy gã có thể dành chỗ cho biểu hiện con thỏ thân thiện của mình. “Thường thì tôi đem bản thân cho thuê. Giống như Humphrey Bogart trong phim. Hay như một con điếm.”

Dù là một bà góa từng phải may vá thêu thùa suốt tuổi học trò, Liana Taillefer cũng không có vẻ bị choáng với cách ăn nói của gã.

“Tôi muốn đề nghị ông một công việc.”

“Quá tốt. Kỳ này người ta cũng đang muốn thuê tôi.”

“Tôi sẽ trả ông hậu hĩnh.”

“Tuyệt. Người ta cũng trả tôi giá cao.”

Ả giật một túm lông đuôi ngựa thò ra từ tay ghế sofa rồi lơ đãng xoắn nó quanh ngón trỏ.

“Ông tính bao nhiêu với ông bạn La Ponte của mình?”

“Flavio ư? Chẳng tính đồng nào. Chẳng ai lấy nổi một xu của hắn.”

“Thế thì vì sao ông làm cho anh ta?”

“Như chính bà nói, hắn là bạn tôi.”

“Bạn,” ả trầm ngâm nhắc lại. “Thật lạ khi nghe ông nói cái từ đó,” ả nói. Một nụ cười khê, khinh miệt. “Ông cũng có cả bạn gái nữa chứ?”

Corso thông thả ngẩng hai chân ả từ dưới lên trên. Không chút ngượng ngùng.

“Tôi có kỷ niệm với vài cô. Kỷ niệm với bà đêm nay có lẽ sẽ không tệ.”

Ả thản nhiên tiếp nhận câu trả lời láo xược. Có lẽ ả không hiểu, Corso tự nhủ.

“Ra giá đi,” ả lạnh lùng nói. “Tôi muốn bản thảo của chồng tôi.”

Mọi chuyện có vẻ tốt. Corso bước tới ngồi lên tay vịn sofa đối mặt với Liana Taillefer. Ở đó gã thấy rõ hơn. Ả đã tháo giày ra và đặt chân trần trên thảm.

“Lần trước hình như bà không quan tâm đến thế.”

“Tôi nghĩ lại rồi. Bản thảo đó có...”

“Giá trị về mặt tình cảm?” Corso giễu cợt.

“Gì đó đại loại thế.” Giọng điệu lúc này có vẻ thách thức. “Nhưng không như ông nghĩ.”

“Bà định làm gì để có được nó?”

“Tôi nói rồi. Trả giá cho ông.”

Corso liếc nhìn ả, ánh mắt dâm dăng. “Bà xúc phạm tôi đây. Tôi là một người chuyên nghiệp.”

“Ông là lính đánh thuê chuyên nghiệp, thưa ông Corso. Và lính đánh thuê có thể thay đổi trận tuyến. Ông biết là tôi cũng đọc nhiều sách rồi.”

“Tôi có đủ tiền cần thiết rồi.”

“Tôi không nói về tiền.”

Ả ngửa người trên sofa rồi dùng một bàn chân ve vuốt mu bàn chân kia. Corso tưởng tượng những móng chân sơn đỏ bên trong đôi tất đen. Cái váy co lên theo cử động của ả, một vệt da trắng nuột nà thấp thoáng bên trên nịt tất màu đen, nơi đó mọi bí ẩn quy về một bí ẩn duy nhất, xưa cũ như bản thân thời gian. Corso khó nhọc bắt mình ngược lên. Đôi mắt xanh lạnh lẽo vẫn đang nhìn gã.

Gã tháo kính ra trước khi nhồm dậy bước tới bên sofa. Liana Taillefer bình thần nhìn gã, ngay cả khi gã ở ngay cạnh ả, gần đến mức đầu gối hai người chạm nhau. Rồi ả đưa tay đặt những ngón tay móng đỏ lên ngay chỗ khóa kéo cái quần nhưng kẻ gã mặc. ả mỉm cười khinh bỉ và đắc thắng khi Corso cúi mình lật ngược chiếc váy lên trên.

Chuyện đó diễn ra giống như một trận ẩu đả hơn là một lần chia sẻ. Một vụ thanh toán hận thù ngay trên ghế sofa. Một cuộc vận lộn thô bạo không khoan nhượng giữa người lớn với người lớn, những tiếng rên rỉ thích hợp tùy lúc, đôi câu thăm thì nguyên rửa, móng tay người đàn bà tàn nhẫn cắm sâu vào lưng Corso. Và nó xảy ra không chút trì hoãn, chẳng chờ gỡ bỏ áo váy. Cái váy trườn lên bộ hông to khỏe bị gã kẹp chặt trong khi những dinh tán trên vòng nịt tất của ả nghiêng lên háng gã. Gã thậm chí còn chưa thấy ngực ả, mặc dù gã đã xoay sở đụng chạm được đôi lần cái da thịt săn chắc, ẩm áp, đầy đặn bên dưới mấy lần áo khoác, sơ mi lụa và cái xu chiêng. Trong cơn cuồng hoan, Liana chẳng có thì giờ cởi bỏ chúng. Và giờ họ nằm đó, cả hai, quấn quýt vào nhau giữa đồng áo quần nhàu nát, thở không ra hơi như hai đồ vật kiệt sức. Corso tự hỏi làm cách nào để thoát khỏi tư thế này đây.

“Rochefort là ai?” gã hỏi.

Ả nhìn gã từ khoảng cách đôi phân. Ánh nắng chiều tà màu đỏ nhạt lấp loáng trên mặt ả. Mấy cái kẹp tóc rơi đầu mất để mái tóc vàng xỏa xụi trên mặt sofa da. Lần đầu tiên ả có vẻ thư giãn.

“Chuyện đó không quan trọng,” ả trả lời, “vấn đề là bây giờ tôi sẽ lấy lại tập bản thảo.”

Corso áp môi lên khe ngực của người đàn bà như muốn nói lời từ giả với nó. Gã có cảm tưởng tương lai chẳng còn dịp nào hôn lên đó nữa.

“Bản thảo nào?” gã hỏi và thấy ngay lập tức vẻ mặt sững sờ của ả. Thân hình ả nằm bên dưới đột nhiên trở nên cứng đờ.

“Rượu vang Anjou.” Lần đầu tiên giọng ả thoáng vẻ lo lắng. “Ông sẽ trả nó cho tôi, đúng thế không, thưa ông Corso?”

Corso để ý thấy ả quay trở lại với lối nói trang trọng. Gã thoáng nhớ lại những xưng hô thân mật trong cuộc mây mưa vừa rồi.

“Tôi chưa bao giờ nói vậy.”

“Tôi tưởng...”

“Bà tưởng lầm.”

Đôi mắt xanh màu thép lóe lên giận dữ. ả điên cuồng bật dậy, lắc hông hất gã ra một cách thô bạo.

“Đồ khốn nạn!”

Sắp sửa buông lời chế nhạo và phá lên cười, Corso chợt thấy thân mình bị hất ngược ra sau. Hai đầu gối gã khụy xuống. Khi đã gượng đứng lên được và siết chặt dây lưng, gã thấy Liana Taillefer đứng thẳng người, áo quần xộc xệch, nét mặt lạnh lùng tái nhợt và hung tợn, cặp đùi tuyết mỹ phô ra. ả giáng một cái tát mạnh đến mức tai trái gã kêu u u như cái trống.

“Đồ lợn!”

Corso ngất ngư sau cú đánh. Choáng váng, gã giống như một võ sĩ quyền Anh quờ quạng tìm thứ gì đó có thể ngăn gã ngã lên vòng dây thừng bao quanh võ đài. Liana Taillefer vẫn trong tâm mắt, nhưng cảm giác đau đớn cùng cực nơi tai khiến gã khó lòng chú tâm vào ả. Ngắn ngơ dán mắt vào thanh kiếm từng tham

dự chiến dịch Waterloo, gã chợt nghe tiếng thủy tinh vỡ. Gã lại thấy Liana Taillefer trong bóng chiều đỏ nhạt rọi qua cửa sổ. Váy đã kéo xuống. Một tay ả cầm tập bản thảo, tay kia nắm chặt cái cổ chai vỡ chĩa thẳng vào cổ gã.

Gã giơ cánh tay lên theo bản năng và lùi lại. Nguy hiểm khiến ý thức quay lại với gã và khiến chất adrenaline tuôn ra. Gã gạt tay ả qua một bên rồi dấn vào cổ ả. ả nghẹn thở khựng lại. MÀN tiếp theo êm dịu hơn một chút. Corso nhặt tập bản thảo và cổ chai vỡ trên bàn. Liana Taillefer một lần nữa lại ngồi trên sofa, mái tóc rối bời xòa ngang mặt. Một tay ả vẫn giữ trên cổ, thở hổn hển giữa những tiếng nấc điên cuồng.

“Ông sẽ chết vì thứ này, Corso,” rốt cuộc ả lên tiếng. Mặt trời đã lặn xuống bên kia thành phố, các góc trong phòng bị bóng tối chiếm hữu. Gã ngượng ngùng bật công tắc đèn, trao mũ và áo khoác cho ả trước khi gọi taxi. Gã tránh không nhìn vào mắt ả. Rồi, khi nghe tiếng bước chân ả xa dần dưới cầu thang, gã đứng bên cửa sổ ngắm nhìn những mái nhà tối sẫm trong ánh trăng mới mọc rạng rỡ.

“Ông sẽ chết vì thứ này, Corso.”

Gã rót cho mình một cốc lớn rượu gin. Gã không sao quên nổi biểu hiện của Liana Taillefer, khi nhận ra mình bị lừa. Đôi mắt tàn độc như dao găm, cái miệng há ra khát khao trả thù. Và ả đã nói rõ, thực sự ả muốn gã chết. Một lần nữa ký ức lại bị khuấy lên, dần dà choáng hết đầu óc gã. Nhưng lần này gã không cần gắng sức nhớ lại. Hình ảnh rõ nét, và gã biết chính xác nó từ đâu tới. Bản facsimile Ba người lính ngự lâm ở ngay trên bàn. Gã mở ra tìm phân đoạn này. Trang 129. Ở đó, giữa đám đồ đạc đổ lổng chổng, Milady từ trên giường nhảy vọt lên, như một con quỷ cái phát rồ cầm dao găm nhảy bổ vào d'Artagnan. Chàng trai, mình vẫn mặc sơ mi, hoảng hồn lùi lại, dùng đầu mũi kiếm ngăn không cho ả xông tới.

... dùng đầu mũi kiếm ngăn không cho ả xông tới.

14. Chương 07 - Phần 1

VII. CUỐN SÁCH SỐ MỘT VÀ CUỐN SÁCH SỐ HAI

Thực ra quỷ luôn luôn ranh mãnh.

Thực ra không phải lúc nào nó cũng xấu xí như người ta nói.

J. Cazotte, CON QUỶ ĐANG YÊU.

Chỉ còn vài phút là tới giờ xuất phát của chuyến tàu tốc hành đi Lisbon, gã nhìn thấy cô gái. Corso đứng trên sân ga, chuẩn bị leo lên toa - PANHIA INTERNACIONAL DE CARRUAGEMS-CAMAS - thì chợt va phải cô trong đám hành khách xô đẩy nhau về phía mấy toa hạng nhất. Cô đeo một cái túi nhỏ và vẫn mặc cái áo len thô màu xanh, nhưng lúc đầu gã không nhận ra. Gã chỉ có cảm giác đôi mắt xanh nhạt gần như trong suốt và mái tóc rất ngắn hình như quen quen. Gã nhìn theo tới khi cô biến mất ở đằng sau cách gã hai toa. Tiếng còi tàu nổi lên. Khi đã leo lên tàu và người gác sập cửa sau lưng gã, Corso mới nhớ ra: người con gái ngồi đầu bên kia bàn trong buổi tụ tập của Boris Balkan với nhóm của ông ta trong quán cà phê.

Gã đi dọc theo hành lang tới khoang của mình. Những ngọn đèn nhà ga trôi qua mỗi lúc một mau ngoài cửa sổ, còn con tàu cứ kêu lách cách nhịp nhàng. Khó nhọc lách qua những khoang tàu chật hẹp, gã treo cái áo choàng và áo khoác trước khi ngồi lên giường, đặt cái túi vải bên cạnh. Bên trong túi, ngoài Chín cánh cửa và tập bản thảo Dumas còn có cuốn sách của Les Cases, Hồi ký đảo Sainte Hélène:

Thứ sáu, mười bốn tháng Bảy năm 1816. Suốt đêm hoang đê khó chịu trong người...

Gã châm một điếu thuốc. Thịnh thoảng, khi ánh sáng ngoài cửa sổ quét qua lại trên mặt, gã liếc nhìn ra ngoài rồi quay lại với chuyện kể về cơn hấp hối kéo dài của Napoléon và sự quý quyết của viên giám ngục người Anh, Sir Hudson Lowe. Gã cau mày đọc, chỉnh lại cặp kính trên sống mũi. Đôi lần gã ngừng đọc nhìn chằm chằm bóng mình trên kính cửa sổ mà nhẩn mặt làm trò với chính mình. Tới tận bây giờ gã vẫn thấy phần nộ với những kẻ chiến thắng đã áp đặt kết cục bi thảm cho con người vĩ đại thất thế kia, giam cầm ông

trên hòn đảo nhỏ giữa Đại Tây Dương. Thật lạ, khi rà soát những sự kiện lịch sử và những cảm giác trước đây của gã về chúng từ góc nhìn toàn diện và sáng sủa của gã hiện giờ. Cái gã Lucas Corso từng kính cẩn chiêm ngưỡng thanh kiếm của người cự chiến binh Waterloo trở nên xa xăm làm sao; cái gã trai hấp thụ những chuyện hoang đường của dòng họ với lòng nhiệt thành đến hưng hăng, tin đồ từ bé của Bonaparte, độc giả cuồng nhiệt của những cuốn sách có tranh khắc minh họa những chiến dịch vinh quang, những cái tên vang rền như trống trận: Wagram, Jena, Smolensk, Marengo... Gã trai nhẹ dạ ấy đã trôi tồn tại lâu rồi; linh hồn mờ mịt của hắn thỉnh thoảng lại hiện ra trong ký ức của Corso, giữa những trang sách, trong một thứ mùi hay một âm thanh, hoặc xuyên qua cửa sổ tối đen trong cơn mưa đêm từ một miền xa ập tới.

Người soát vé rung chuông cửa, cho gã biết nửa giờ nữa toa ăn sẽ đóng cửa. Corso gấp sách lại. Gã mặc áo khoác, quàng túi lên vai, đi ra ngoài. Đến cuối hành lang, một ngọn gió lửa dọc suốt lối đi dẫn tới toa giường nằm bên cạnh. Gã cảm thấy tiếng động âm âm dưới chân khi xuyên qua toa hạng nhất. Né mình nhường mấy hành khách đi qua, gã nhìn vào khoang bên cạnh, khách chỉ có chừng một nửa. Cô gái ở đó, bên cạnh cửa, áo len, quần jean, bàn chân không giày gác lên chỗ ngồi đối diện. Cô rời mắt khỏi cuốn sách, ngược lên khi gã qua, mắt họ gặp nhau. Gần như gã đã gật đầu với cô, nhưng thấy đối phương không tỏ vẻ nhận ra mình, gã lại thôi. Hắn cô cảm thấy gì đấy, vì cô nhìn gã với vẻ dò hỏi. Nhưng lúc này gã đã tiếp tục đi về cuối hành lang.

Gã ngồi ăn bữa tối, người đu đưa theo nhịp lắc của con tàu, trước khi toa ăn đóng cửa gã còn kịp uống một cốc cà phê và một cốc gin. Bên ngoài, vầng trăng mang theo cái quầng như làm bằng tơ sống lơ lửng giữa trời. Những cột điện thoai lướt nhanh trên cánh đồng đen sẫm, loang loáng lên khung cho một chuỗi hình ảnh tĩnh phát ra từ một cái máy chiếu chính tời.

Trên đường trở lại chỗ nằm, gã gặp cô gái ngoài hành lang toa hạng nhất. Cô mở cửa sổ, mặc cho làn gió đêm lạnh leo tạt vào mặt. Khi gã tới gần lách người qua, cô chợt xoay lại đối diện với gã.

“Em biết ông,” cô nói.

Ở gần đôi mắt xanh còn nhạt hơn, giống như bằng tinh thể lỏng tỏa sáng trên làn da rám nắng. Bây giờ mới là tháng Ba, thế nhưng, với mái tóc ngắn rẽ ngôi như một gã trai, làn da nâu khiến cô trông khác thường, đáng khỏe mạnh thể thao, khó dò một cách đáng yêu. Dáng cao, mảnh khảnh, mềm mại. Và rất trẻ.

“Phải,” Corso đáp rồi ngừng lại một chút. “Mấy bữa trước, ở quán cà phê.”

Cô mỉm cười. lại một tương phản khác, lần này là giữa hàm răng trắng và nước da nâu. Miệng cô rộng, đường nét rõ ràng. Một cô nàng xinh đẹp. Flavio La Ponte hẳn sẽ quệt bộ ria xoắn mà nói vậy.

“Ông là người đã hỏi về d’Artagnan.”

Làn gió mát từ ngoài cửa sổ thổi bay tóc cô. Đôi chân vẫn không mang giày. Cái túi đeo màu trắng nằm trên sàn bên cạnh chỗ ngồi trống của cô. Gã liếc nhìn theo bản năng cuốn sách nằm đó: Những chuyện phiêu lưu của Sherlock Holmes. Một cuốn rẻ tiền bìa mềm, gã nhận xét. Sách in ở Mexico, nhà Porrua phát hành.

“Rồi cô sẽ bị lạnh đấy,” gã nói.

Miệng vẫn mỉm cười, cô gái lắc đầu, nhưng vẫn xoay tay nắm đóng cửa sổ lại. Corso đã chuẩn bị đi tiếp lại dừng tìm một điều thuốc. Theo thói quen, gã moi điều thuốc từ trong túi đặt lên miệng, song chợt nhận ra cô đang nhìn mình.

“Cô hút thuốc không?” gã ngập ngừng hỏi, tay dừng lại nửa chừng.

“Thỉnh thoảng.”

Gã cầm điều thuốc vào miệng rồi móc ra một điều khác. Một điều thuốc đen, không đầu lọc, nhàu nát như mọi thứ trên mình gã. Cô cầm lấy, lật tìm nhãn hiệu. Rồi cúi người về phía Corso châm thuốc sau khi gã châm điều của mình bằng que diêm cuối cùng trong bao.

“Nặng thật,” cô nói và nhả ngậm khói đầu tiên trong miệng ra, nhưng không có biểu hiện gì thái quá như Corso nghĩ. Cô có kiểu cầm thuốc khá lạ bằng ngón cái và ngón trỏ, để điều thuốc cháy chĩa ra ngoài. “Ông ở toa này à?”

“Không, toa bên cạnh.”

“Ông thật may vì có giường nằm.” Cô vỗ vào túi quần jean, ý chỉ một ví tiền rỗng. “Ước gì em cũng có. May mà trong toa ít người.”

“Cô là sinh viên à?”

“Gần như thế.”

Tàu kêu ầm ầm khi vào đường hầm. Cô gái quay lại, như thể bóng đêm ngoài đó khiến cô chú ý. Bồn chồn và nhảy bấn, cô tựa đầu lên cái bóng của chính mình trên cửa sổ. Có vẻ như đang mong đợi gì đó từ luồng gió reo ù ù bên ngoài. Rồi, khi con tàu ló ra ngoài và những ngọn đèn nhỏ lại tiếp tục phết lên màn đêm như những vệt bút lông mỗi khi tàu đi qua, cô mỉm cười, xa vắng.

“Em yêu những con tàu,” cô nói.

“Tôi cũng thế.”

Cô gái vẫn quay ra, mấy ngón tay khẽ chạm vào cửa sổ. “Hãy tưởng tượng,” cô nói và mỉm cười lưu luyến, rõ ràng đang nhớ lại thứ gì đó. “Ra đi từ Paris buổi tối để rồi thức dậy trên eo Venice, đường đi Istanbul...”

Corso nhú mào. Cô ấy bao tuổi rồi? Mười tám, nhiều nhất là hai mươi.

“Chơi bài xì,” gã đề xuất, “giữa Calais và Brindisi.”

Cô nhìn gã chăm chú hơn.

“Không tệ.” Cô nghĩ một chút. “Sâm banh cho bữa sáng giữa Vience và Nice?”

“Hấp dẫn đấy. Giống như đi rình coi Basil Zaharoff.”

“Hay làm một châu tủy lụy với Nijinsky.”

“Cuốn ngọc trai của Coco Chanel.”

“Tán tỉnh Paul Morand... hay ngài Barnabooth.”

Họ bật cười, Corso với nụ cười thì thảo, còn cô cười cởi mở, trán vẫn áp lên lớp kính cửa lạnh lẽo. Tiếng cười của cô to, giòn giã, thẳng thắn, nghe như con trai, rất hợp với mái tóc và đôi mắt xanh sáng rực.

“Tàu không còn được thế nữa,” gã nói.

“Em biết.”

Ánh đèn từ một trạm tín hiệu vụt qua như một tia chớp. Tiếp đến là một sân ga vắng vẻ sáng lờ mờ với một biển tên không đọc được vì tàu đi nhanh. Mặt trăng trên cao đôi lúc soi tỏ đường nét lộn xộn của cây cối và các mái nhà. Tựa như chúng đang cùng con tàu lao vào một cuộc đua điên rồ không có đích.

“Ông tên gì?”

“Corso. Còn cô?”

“Irene Adler.”

Gã nhìn cô chăm chú, cô lặng yên tiếp nhận ánh mắt soi mói.

“Không giống một cái tên riêng cho lắm.”

“Corso cũng vậy thôi.”

“Cô nhầm. Tôi là Corso[1]. Kể lang bạt.”

[1] Corso là tên một loài chó săn gốc Ý.

“Ông không giống một người lang thang khắp đó đây. Ông có vẻ trầm lặng.”

Gã hơi nghiêng đầu nhìn đôi bàn chân trần của cô gái trên sàn. Gã chắc cô cũng đang nhìn gã chăm chú, dò xét. Khiến gã cảm thấy không thoải mái. Điều đó không bình thường. Cô quá trẻ, gã tự nhủ. Và quá quyến rũ. Bất giác gã sửa lại cặp kính cong rồi nhích người rời đi.

“Chúc chuyến đi vui vẻ.”

“Cảm ơn.”

Gã đi mấy bước, biết rằng cô vẫn đang nhìn mình.

“Có lẽ ta sẽ gặp nhau đâu đó,” cô nói với theo.

“Có thể.”

Không thể. Đó là gã Corso khác kia, kẻ đang trên đường về, lòng đầy lo âu, quân đoàn Thần thánh sắp vùi tan trong tuyết. Ngọn lửa cháy thành Mạc Tư Khoa nổ lách tách theo bước chân gã. Gã không thể để thế, vì vậy gã dừng bước rồi quay lại. Và khi gã quay lại, gã mỉm cười như con sói đói.

“Irene Adler,” gã nhắc lại, cố gắng nhớ lại. “Study in Scarlet?”

“Không,” cô đáp. “Một vụ bê bối ở Bohemia.”[2] Bây giờ cả cô cũng cười, cặp mắt xanh như những viên ngọc lục bảo sáng rực trong ánh sáng nhợt nhạt ở hành lang. “The Woman, ông bạn Watson thân mến của em ạ.”

[2] A study in Scarlet, A scandal in Bohemia: hai truyện trinh thám của Conan Doyle.

Corso vỗ trán như chợt nhớ ra.

“Lớp một,” gã nói. Và gã chắc họ sẽ gặp lại nhau.

Gã chỉ ở lại Lisbon không tới năm mươi phút. Vừa đủ để di chuyển từ ga Santa Apolónia tới ga Rossio. Một giờ rưỡi sau gã bước xuống sân ga Sintra, dưới bầu trời đầy những tầng mây thấp làm nhòa đi những ngọn tháp xám u buồn của lâu đài Da Pena trên ngọn đồi xa. Không thấy chiếc taxi nào, gã đành đi bộ tới khách sạn nhỏ có hai ống khói lớn đối diện với Điện National. Lúc này là mười giờ sáng ngày thứ Tư, quanh khu dạo mát không thấy bóng khách du lịch và xe ngựa chở khách. Gã dễ dàng thuê được một buồng trông ra một vùng đất thấp cao lồi nhón, nơi có những ngọn tháp và mái nhà cổ kính nhô lên trên những tầng cây dày đặc, những khu vườn tàn lụi ngạt thở dưới những bụi cây thường xuân.

Sau khi tắm vòi sen và uống ly cà phê, gã hỏi thăm Quinta da Soledade, người tiếp tân liền chỉ cho gã, đi ngược con đường lên là tới. Vẫn không có chiếc taxi nào, nhưng có mấy chiếc xe ngựa. Corso mặc cả giá và mấy phút sau gã đã lướt qua bên dưới những đường diềm hoa mỹ của tòa tháp đá Regaleira. Tiếng vó ngựa dội lại từ những bức tường đá tối tăm, những mương máng và vòi phun nước chảy ào ào, những bức tường phủ kín dây thường xuân, những rào chắn và thân cây, những bậc đá rêu phong và những viên ngói lợp cổ kính trên mái trang viện bỏ hoang.

Quinta da Soledade là một tòa nhà vuông vức từ thế kỷ mười tám có bốn ống khói và mặt tiền trát thạch cao màu vàng đất đầy vết ố và vết nước. Corso ra khỏi xe ngựa, đứng nhìn một lát trong sân trước khi mở cánh cổng sắt. Hai pho tượng đá xanh xám ám rêu dựng trên cột đá granit hai bên đầu tường. Một bên là tượng bán thân của một phụ nữ. Bên kia có lẽ cũng thế, nhưng các nét khắc của khuôn mặt đã bị dây thường xuân phủ kín cả trong lẫn ngoài.

Đám lá khô lạo xạo dưới chân Corso khi gã tiến về phía ngôi nhà. Những pho tượng đá sắp hàng dọc theo lối đi, hầu hết đều nứt vỡ nằm lán lóc bên những bệ đá tro trụi. Vườn trống quanh hiu. Cây cối tràn khắp cả, chồm lên ghế băng và lấn vào trong các xó tường. Một hàng rào sắt uốn để lại những vết gỉ nâu trên phiến đá xanh rêu. Phía bên trái gã, trong một hồ nước nhỏ mọc đầy cây thủy sinh là một vòi phun đá lát đã rạn vỡ vươn trên đầu một thiên thần mũm mĩm cụt tay, đôi mắt trống rỗng, ngả đầu lơ mơ trên một quyển sách. Từ trong miệng thiên thần một tia nước rỏ giọt. Không gian tràn ngập một nỗi buồn vô tận khiến Corso không khỏi cảm khái. Quinta de Soledade, gã nhắc lại. Ngôi nhà cô đơn. Cái tên thật hợp.

Gã bước lên những bậc thềm đá đưa tới cánh cửa và ngược nhìn. Dưới nền trời u ám, chiếc đồng hồ mặt trời với những chữ số La Mã trên tường chẳng chỉ giờ nào. Bên trên nó khắc một dòng chữ: OMNES VULNERANT, POSTUMA NECAT.

Mọi giờ thương nhân, giờ cuối sát nhân[3].

[3] “They all wound. The last one kills”: một câu ngạn ngữ thường ghi trên đồng hồ, đại ý nhắc nhở người ta nhớ tới sự vô thường của đời người.

“Ông tới vừa đúng lúc,” Fargas nói. “Để tiến hành nghi lễ.”

Corso hơi lúng túng chìa tay ra. Victor Fargas cao và gầy như một nhân vật trong tranh El Greco. Lão tuồng như cử động bên trong cái áo len dày và cái quần rộng thùng thình chẳng khác gì con rùa trong cái mai của nó. Bộ ria xén tĩa cầu kỳ, đôi giày lố mốt mòn vẹt ánh lên lấp lánh. Bằng cú liếc mắt đầu tiên, Corso thấu tóm toàn bộ những chi tiết ấy, trước khi sự chú ý của gã bị lôi cuốn vào ngôi nhà to lớn trông rỗng với những bức tường trơn trụi, những bức tranh trần rách nát bị nấm mốc xâm thực.

Fargas quan sát kỹ vị khách ở ngay bên cạnh. “Tôi nghĩ ông sẽ vui lòng tiếp nhận một ly brandy,” sau cùng lão nói. Lão khập khiễng đi về cuối hành lang, chẳng cần biết Corso có theo sau hay không. Hai người đi qua mấy căn phòng bỏ không hoặc chỉ chứa đồ đạc hỏng trong một xó. Từ trên trần thò xuống những bóng đèn trơn đầy bụi.

Chỉ có hai phòng tiếp khách thông nhau có vẻ đang được sử dụng. Một cánh cửa trượt ngăn giữa chúng, trên kính cửa khắc chìm những gia huy quý tộc. Cửa mở, để lộ những bức tường trống trải, lớp giấy dán tường cũ in những bức tranh xưa, rồi đồ đạc, những cái đinh gỉ, những giá đèn trống không. Bên trên cảnh trí u buồn này là trần nhà có tranh trang trí kiểu mái vòm với những đám mây, cùng với cảnh hiến tế Isaac[4] ở phần chính giữa. Bóng hình rạn nứt của vị tộc trưởng già tay cầm con dao găm sắp sửa đâm một người trẻ tuổi tóc vàng. Bàn tay ông ta bị một vị thần với đôi cánh lớn giữ chặt. Bên dưới bầu trời được vẽ như thật, những cửa sổ đầy bụi có vài miếng kính được thay bằng bìa trông ra ban công dẫn tới một cái sân, xa nữa là khu vườn.

[4] Isaac: con trai tộc trưởng Do Thái Abraham sinh ra khi ông này một trăm tuổi, Chúa Trời thử thách Abraham bằng cách lệnh cho ông hiến tế con trai, Abraham tuân lệnh. Đến phút cuối cùng một thiên thần hiện ra ngăn cản. Thay cho Isaac, Abraham dùng một con cừu đực mắc bẫy ở bụi cây gần đó.

“Chỉ nhà mình là nhất,” Fargas nói.

Câu nói đượm ý mỉa mai của lão không mấy thuyết phục. Tựa như lão đã quá thường dùng và không còn tin vào hiệu quả của nó nữa. Fargas nói tiếng Tây Ban Nha với giọng Bồ nặng, rất rõ. Lão đi rất chậm, có lẽ vì chân đau, giống như một người có nhiều thời gian nhất trên đời.

“Brandy,” lão nhắc lại, như thể không nhớ họ tới đó làm cái gì.

Corso lơ đãng gật đầu, nhưng Fargas không để ý. Ở đầu bên kia căn phòng rộng có một cái lò sưởi lớn trong đó xếp đầy những súc gỗ. Một đôi ghế tựa so le, một cái bàn và một tủ buýp phê, một ngọn đèn dầu, hai chân nến lớn, một cây vĩ cầm nằm trong hộp và một ít thứ khác. Nhưng trên sàn, trên những tấm thảm trải sàn dày cũ mòn, cách xa các cửa sổ và luồng sáng nặng nề xuyên qua các khung cửa, rất nhiều sách xếp thành chồng ngăn nắp; năm trăm cuốn hoặc hơn, Corso ước lượng, thậm chí cả ngàn cuốn. Trong đó rất nhiều sách chép tay và sách in thời kỳ đầu tiên. Cả những cuốn sách cổ tuyệt diệu đóng bìa da hay dùng giấy da dê. Những tập sách cổ với từng hàng đinh tán lồi trên bìa, những cuốn khổ folio, sách của nhà Elzevir, bìa trang trí những nếp gấp, những vấu lồi, những phù hiệu hoa hồng, khóa hãm, những chữ viết tay điệu nghệ của các tu sĩ thời Trung cổ. Gã cũng để ý thấy cả tá bầy chuột han gỉ đặt trong các góc nhà.

15. Chương 07 - Phần 2

Fargas sau một hồi lục lọi trong tủ đã quay lại với một cái ly và một chai Rémy Martin. Lão soi nó ra ngoài sáng để xem bên trong.

“Rượu tiên của Chúa,” lão nói với vẻ đặc ý. “Hay là con quỷ.” Chỉ có cái miệng lão cười, bộ ra uốn éo giống như một ngôi sao điện ảnh quá thì. Hai mắt với cái bóng bên dưới - giống như người mất ngủ kinh niên - không hề động đậy, không chút biểu cảm. Corso để ý đôi tay thanh mảnh của lão - dấu hiệu con nhà dòng dõi - khi đưa tay tiếp ly brandy. Cái ly khẽ run khi gã đưa lên môi.

“Ly đẹp,” gã nói để bắt đầu câu chuyện.

Fargas đồng ý rồi làm một cử chỉ nửa tự giễu nửa cam chịu, ngầm chỉ một cách lý giải khác về toàn thể: cái ly, chút rượu brandy trong chai, ngôi nhà trống trơn, sự hiện diện của chính lão. Một bóng ma mặt mũi, xanh xao và lịch thiệp.

“Tôi chỉ còn một cái ly nữa thôi,” lão thổ lộ bằng một giọng đều đều không sắc thái. “Vì thế mới phải giữ cẩn thận.”

Corso gật đầu. Gã liếc nhìn bức tường trống rồi quay lại với những cuốn sách.

“Hắn đây từng là một ngôi nhà đẹp,” gã nói.

Fargas nhún vai. “Phải. Nhưng các gia tộc cổ giống như những nền văn minh. Một ngày nào đó chúng sẽ tàn lụi và chết.” Lão thần thờ nhìn quanh. Mọi đồ vật thất lạc dường như tái hiện trong đáy mắt lão. “Đầu tiên người ta phải cầu cứu lũ mọi bảo vệ phòng tuyến Danube, nhưng chuyện đó khiến bọn mọi giàu lên rồi cuối cùng trở thành chủ nợ... Rồi tới một ngày chúng nổi loạn và xâm chiếm, cướp sạch mọi thứ...” Đột nhiên lão nghi ngờ nhìn chằm chằm vào mặt khách. “Hy vọng ông hiểu tôi muốn nói gì.”

Corso gật đầu, trình diễn nụ cười đồng lõa dễ coi nhất của gã. “Tuyệt vời,” gã nói. “Giày ông đóng đinh nghiêng nát đồ sứ Saxon. Phải thế không? Đây tớ mặc đồ dạ hội. Lũ nhà quê mới nổi chùi móng trên bản thảo có minh họa.”

Fargas gật đầu thừa nhận. Lão khập khiễng bước lại bên tủ búp phê tìm cái ly kia. “Tôi còn một chai brandy nữa,” lão nói.

Họ im lặng uống, nhìn nhau như hai thành viên của một hội kín vừa trao đổi xong mật hiệu cùng khẩu lệnh. Rồi nhích lại gần đóng sách hơn, Fargas làm điệu bộ bằng bàn tay cầm ly, tựa như Corso chỉ mới thông qua thử thách ban đầu và lão còn muốn gã vượt qua một rào chắn vô hình nữa.

“Chúng đây. Tám trăm ba mươi tư cuốn. Gần một nửa là vô giá.” Lão nhấp chút rượu rồi lấy đầu ngón tay vạch lên bộ ria ẩm ướt, đoạn đưa mắt ngó quanh. “Đáng tiếc là ông không thấy chúng trong những ngày huy hoàng, khi chúng xếp hàng trên những giá sách bằng gỗ tuyết tùng... Tôi đã cố sưu tầm được năm ngàn cuốn. Đây là số còn sót lại.”

Corso đặt cái túi vải xuống sàn rồi bước lại phía đồng sách. Những ngón tay gã run rẩy khát khao theo bản năng. Thật là một cảnh tượng tráng lệ. Gã sửa lại kính và ngay lập tức trông thấy một bản Vasari khổ quarto xuất bản lần đầu năm 1588, cùng cuốn Tractatus của Berengario de Carpi bằng giấy da dê.

“Tôi không bao giờ tưởng tượng được bộ sưu tập Fargas, có tên trong tất cả mọi thư mục, lại được bảo quản như thế này. Chồng đồng trên sàn, áp vào tường, trong một ngôi nhà trống...”

“Đời là thế, bạn ạ. Nhưng để thanh minh tôi phải nói rằng tất cả đều trong tình trạng tuyệt hảo. Tôi giữ chúng thật sạch và bảo đảm thông gió. Tôi không để côn trùng hay loài gặm nhấm đụng vào chúng, không để chúng bị tác động bởi ánh sáng, nhiệt độ và hơi ẩm. Thực sự là cả ngày tôi không làm gì khác ngoài những việc như thế.”

“Chuyện gì xảy ra với số còn lại?”

Fargas nhìn ra cửa sổ, tự hỏi mình chính câu hỏi ấy. Lão nhún mày. “Ông có thể hình dung thế này,” lão trả lời, và khi lão quay lại Corso trông lão thật tội nghiệp. “Ngoài ngôi nhà và vài thứ đồ đạc, cùng với thư viện của cha tôi, tôi chỉ thừa hưởng những món nợ. Bất cứ khi nào có chút tiền, tôi đều mua sách. Khi

những khoản tiết kiệm đã tiêu tán hết, tôi tổng đi các thứ khác - tranh, đồ gỗ, đồ sứ. Tôi nghĩ ông biết thế nào là một người sưu tầm sách điên cuồng. Nhưng tôi bị ám ảnh đến bệnh hoạn. Tôi đau khổ vô cùng khi nghĩ đến bộ sưu tập của mình sẽ tan nát.”

“Tôi biết những người như thế.”

“Thật sao?” Fargas hứng thú nhìn gã. “Tôi vẫn ngờ rằng ông không thể hình dung nó thế nào. Tôi thường trở dậy giữa đêm khuya, lang thang như kẻ mất hồn nhìn những cuốn sách. Tôi nói chuyện với chúng, vuốt ve chúng, thẻ chăm sóc chúng cả đời... Nhưng tất cả chẳng ích gì. Một hôm tôi quyết định biến hầu hết thành vật hy sinh, chỉ giữ lại những cuốn có giá trị nhất, những cuốn yêu quý nhất. Ông hay bất kỳ ai sẽ chẳng bao giờ hiểu được cái cảm giác khi để bấy kền kền cắn xé bộ sưu tập của mình nó ra sao đâu.”

“Tôi có thể tưởng tượng được,” Corso nói, không hứng thú chút nào với câu chuyện của lão.

“Có thể à? Tôi không nghĩ vậy. Cả triệu năm nữa cũng không thể. Tôi mất hai tháng để từ giả chúng. Sáu mươi một ngày đau khổ và một trận ốm gần chết. Cuối cùng họ tới mang chúng đi, tôi tưởng mình phát điên. Tôi nhớ như thể mới ngày hôm qua, mặc dù đã mười hai năm rồi.”

“Còn bây giờ?”

Fargas chìa cái ly như thể nó là một biểu tượng.

“Giờ thì thỉnh thoảng tôi lại dành phải tính chuyện bán sách. Không phải vì cần lắm. Mỗi tuần một lần có người tới làm vệ sinh, đồ ăn thì mua trong làng. Hầu hết tiền là để trả thuê của chính quyền đánh vào ngôi nhà này.”

Lão phát âm chữ chính quyền như thể nói về một đám bại hoại. Corso tỏ vẻ đồng cảm, lại nhìn những bức tường trống. “Ông có thể bán nó đi.”

“Phải,” Fargas đồng ý với vẻ dừng dưng. “Có những điều ông không hiểu.”

Corso cúi xuống nhặt một cuốn khổ folio đóng bằng da dê rồi giở lướt qua đây hứng thú. De Symmetria của Dürer, Paris 1557, in lại theo cuốn xuất bản lần đầu bằng tiếng Latinh ở Nuremberg. Còn rất tốt, lề để rộng. Flavio la Ponte sẽ phát rồ nếu nhìn thấy nó. Là ai thì cũng phải phát rồ với nó.

“Thường thì trong bao lâu ông phải bán sách một lần?”

“Hai hoặc ba năm là đủ. Sau khi rà soát kỹ lưỡng, tôi chọn một cuốn để bán. Đó là nghi lễ tôi nói đến lúc mở cửa cho ông. Tôi có một khách mua, đồng hương của ông. Anh ta đến đây mỗi năm vài lần.”

“Tôi có biết anh ta không?” Corso hỏi.

“Không rõ,” Fargas trả lời, cũng không nói ra tên người đó. “Thực tình tôi đoán đợt này anh ta có thể tới bất cứ ngày nào. Khi ông tới, tôi đang chuẩn bị chọn một nạn nhân...” Lão dùng bàn tay mảnh mai làm động tác như cái máy xén giấy, miệng cười ỉu rù. “Một người chết để những người khác được sống cùng nhau.”

Corso nhìn lên trần, như thường lệ làm một phép so sánh. Abraham, với một vết rách sâu trên mặt, đang cố hết sức giằng lại bàn tay cầm con dao. Thiên thần dùng một bàn tay giữ chặt tay Abraham, bàn tay kia trở vào mặt ông quả trách thậm tệ. Bên dưới lưỡi dao, Isaac kê đầu trên một tảng đá chờ đợi, cam chịu số mệnh. Chàng trai tóc vàng hai má hồng hồng này trông như một người Hy Lạp trẻ tuổi không bao giờ biết nói không. Xa xa có một con cừu đang cố thoát khỏi đám bụi gai, và Corso ngẫm biểu quyết tự do cho nó.

“Tôi nghĩ ông không còn lựa chọn nào khác,” gã nhìn thẳng vào mặt Fargas nói.

“Nếu có thì tôi đã tìm ra nó.” Fargas cười cay đắng. “Nhưng con sư tử thì đòi chia phần, lũ cá mập cũng ngửi thấy mùi. Đáng tiếc là không còn ai như công tước d’Artois, vua nước Pháp. Ông biết chuyện này không? Vị hầu tước già de Paulmy, người sở hữu sáu mươi ngàn cuốn sách, lâm vào phá sản. Để trả nợ, ông bán bộ sưu tập của mình cho công tước d’Artois. Nhưng ngài công tước ra điều kiện rằng ông già ấy phải giữ gìn chúng đến khi chết. Bằng cách ấy Paulmy có tiền mua sách bổ sung cho bộ sưu tập, mặc dù nó không còn là của ông ta nữa...”

Lão rút tay vào túi, bước thấp bước cao men theo những chồng sách, xem kỹ từng cuốn, giống như ngài thống chế Montgomery đi duyệt đội ngũ của mình ở El Alamein.

“Đôi khi tôi còn không dám đụng vào hay gỡ chúng ra nữa.” Lão dừng bước cúi xuống sắp lại một cuốn sách cho thẳng hàng trên tấm thảm cũ. “Tất cả những việc tôi làm là phủ bụi và nhìn chúng trừng trừng hàng giờ. Tôi biết đến từng chi tiết nhỏ bên trong mỗi cuốn. Coi cuốn này đi: *De Revolutionibus celestium*, Nicholas Copernicus, xuất bản lần thứ hai ở Basle, 1566. Một thứ vớ vẩn, ông không nghĩ vậy chứ? Giống như Polyglot của người đồng hương Cisneros với ông, và cuốn *Cronicarum* in ở Nuremberg. Hãy xem cuốn folio nom lạ mắt bên kia: *Praxis criminis persecuendi* của Simon de Coline, 1541. Hay cuốn được đóng theo kiểu tu viện với bốn dải băng nổi và những vấu lỗi bên đó. Ông biết bên trong là gì không? *The Golden Legend* của Jacobo de la Voragine, Basle, 1493, do Nicholas Kesler in.”

Corso lật nhanh *The Golden Legend*. Một ấn bản đẹp tuyệt vời, lề cũng để rất rộng. Thận trọng trả nó lại chỗ cũ, gã đứng lên, lấy khăn tay lau cái ly. Nó có thể khiến một người trầm tĩnh nhất toát mồ hôi.

“Hắn ông điên rồi. Nếu bán tất cả chỗ này, ông sẽ chẳng còn vấn đề gì về tiền nong nữa.”

“Tôi biết.” Fargas cúi xuống chỉnh lại một cuốn sách hầu như không thấy lệch khỏi vị trí. “Nhưng nếu bán hết chúng đi, tôi đâu còn lý do để tiếp tục sống. Vì vậy tôi chẳng để ý là có hay không có vấn đề tiền bạc.”

Corso trở một cuốn nằm giữa một hàng sách trong tình trạng rất tệ. Có mấy cuốn sách in từ thời kỳ sơ khai và mấy bản viết tay. Từ cách đóng bìa có thể thấy chẳng có cuốn nào chào đời sau thế kỷ mười tám.

“Ông có rất nhiều truyện hiệp sĩ cổ.”

“Phải. Cha tôi để lại. Âm ảnh suốt đời ông là kiếm đủ chín mươi lăm cuốn trong bộ sưu tập Don Quijote, đặc biệt là những cuốn bị nhà thờ loại bỏ. Ông để lại cho tôi cuốn Don Quijote lạ lùng ở bên kia, cạnh bản in đầu tiên cuốn *Os Lusíadas*. Đó là bộ bốn tập của nhà Ibarra năm 1789. Ngoài những bức minh họa tương ứng, còn có thêm sáu bức tranh màu nước in ở Anh vào nửa đầu thế kỷ mười tám và một bản facsimile giấy khai sinh của Cervantes in trên giấy hảo hạng. Mỗi người có một nổi ám ảnh riêng. Trong trường hợp cha tôi, một nhà ngoại giao sống nhiều năm ở Tây Ban Nha, mọi nổi ám ảnh với ông đều xoay quanh Cervantes. Ở một số người đó là một chứng cuồng. Họ không chấp nhận công việc phục chế, ngay cả khi nó không lưu lại dấu vết gì, hoặc họ sẽ không mua một cuốn sách được xếp hạng quá năm mươi... Đam mê của tôi, như ông thấy, là những cuốn sách nguyên gốc. Tôi lục soát khắp các quầy sách và các phòng đấu giá, thước kẻ trên tay, bâng hoàng rùn gối mỗi khi tìm thấy một cuốn còn nguyên, chưa bị đào bới. Ông đã đọc câu chuyện hài hước của Nodier về người sưu tầm sách chưa? Chuyện xảy ra với tôi đúng như thế. Tôi sẵn lòng bắn chết bất kỳ một tay thợ đóng sách nào nếu hắn dùng máy xén giấy quá vụng. Tôi cực kỳ hạnh phúc nếu phát hiện một bản in để lề rộng hơn hai milimet so với thứ được mô tả trong các thư mục chuẩn.”

“Tôi cũng sẽ làm thế.”

“Vậy thì xin có lời khen. Hoan nghênh người anh em.”

“Chớ vội thế. Thực chất tôi quan tâm nhiều đến kinh tế hơn là mỹ học.”

“Không sao hết. Tôi ưa ông. Tôi tin là khi đến với sách, đạo lý thông thường không tồn tại nữa.” Lão đứng từ phía bên kia căn phòng nghiêng đầu về phía Corso mà nói như đang thổ lộ tâm tình. “Ông biết không? Người Tây Ban Nha các ông có câu chuyện về một người bán sách ở Barcelona phạm tội giết người. Là tôi thì tôi cũng có thể giết người vì một cuốn sách.”

“Tôi không khuyên ông làm chuyện đó. Đó chỉ là khởi đầu. Giết người chẳng có vẻ là chuyện gì ghê gớm, nhưng rồi ông sẽ phải đối trả suốt đời, như đi bỏ phiếu bầu cử chẳng hạn.”

“Ngay cả bán đi những cuốn sách của chính mình.”

“Ngay cả như vậy.”

Fargas buồn bã lắc đầu. Lão nhăn nhó đứng như vậy một hồi. Rồi lại gần soi mới nhìn Corso một lúc.

“Điều gì dắt dẫn chúng ta,” sau cùng lão nói, “tới với những vấn đề khiến tôi lao tâm khổ tứ khi ông rung chuông cửa... Mỗi lần phải đương đầu với chuyện này, tôi thấy mình như một nhà tu hành từ bỏ đức tin. Ông có ngạc nhiên không khi tôi buộc phải nghĩ nó như một điều báng bổ?”

“Không gì hết. Tôi nghĩ nó đúng là như thế.”

Fargas đau khổ vịn vẹo hai tay. Lão nhìn quanh căn phòng trống và đóng sách trên sàn, rồi quay lại nhìn Corso. Nụ cười của lão có vẻ đầy gượng gạo.

“Phải. Báng bổ chỉ có thể biện hộ bằng đức tin. Chỉ một tín đồ mới cảm được tầm vóc kinh khủng của hành vi đó. Chúng ta không cảm thấy khiếp sợ khi xúc phạm một tín ngưỡng mình không quan tâm. Giống như một kẻ vô thần buông lời bất kính. Thật ngớ ngẩn.”

Corso đồng ý. “Tôi biết ông muốn nói gì. Như Julian the Apostate[5] gào lên, Người thắng rồi, O Galilean.”

[5] Julian the Apostate: Hoàng đế La Mã ngoại đạo cuối cùng. Đồn rằng đây là lời cuối của hoàng đế trước khi chết. Ngụ ý là sau khi ông chết Cơ Đốc giáo sẽ trở thành đạo giáo chính thống của đế quốc.

“Tôi không quen câu này lắm.”

“Có thể nó được ngụ ý. Một trong hai anh em Marist thường trích dẫn nó hỏi tôi còn đi học. Ông ta muốn cảnh cáo bọn tôi không được nghĩ ngợi vẩn vơ. Julian kết thúc cuộc đời trên chiến trường vì bị trúng tên mất máu, nhổ máu vào một thiên đường không có Chúa.”

Fargas thừa nhận, như thể những chuyện đó hết sức gần gũi với lão. Có gì đó bối rối trong cái nhếch mép là lạ của lão, trong ánh mắt chằm chằm của lão.

“Bây giờ tôi cảm thấy như vậy đó,” lão nói. “Tôi trở dậy vì không ngủ được. Tôi đứng ở chỗ này, quyết định làm một việc bất kính khác.” Trong khi nói lão dịch lại gần Corso, gần đến mức gã chỉ muốn lùi lại một bước. “Làm một điều tội lỗi, chống lại chính mình và chống lại chúng... Tôi chạm vào một quyển sách, rồi đổi ý chọn cuốn khác, rồi lại trả về chỗ cũ... Tôi phải hy sinh một cuốn để những cuốn khác được sống, bẻ gãy một cành để giữ lại cả cây...” Lão giơ cao tay phải. “Tôi thà mất đi một ngón tay.”

Tay lão run run khi làm cử động này. Corso gật đầu. Gã biết cách lắng nghe. Đó là một phần của công việc. Thậm chí gã có thể hiểu. Nhưng không tham gia. Chuyện đó không liên quan tới gã. Như Varo Borja đã nói, gã là lính đánh thuê, và gã phải trả tiền cho các cuộc viếng thăm này. Cái Fargas cần bây giờ là một linh mục để xưng tội, hay là một bác sĩ tâm lý.

“Không ai trả tiền cho ngón tay của người sưu tầm sách cũ,” Corso nhẹ nhàng nói.

Câu đùa chìm chìm trong ánh mắt trống rỗng mênh mông của Fargas. Cái nhìn của lão xuyên qua gã. Trong đôi con ngươi giãn ra và ánh mắt thần thờ của lão chỉ có những cuốn sách.

“Vậy tôi phải chọn cuốn nào đây?” Fargas tiếp tục. Corso móc một điều thuốc đưa cho lão, nhưng Fargas không nhận ra. Chìm đắm, miên man, lão chỉ lắng nghe chính lão, không nhận thức bất cứ thứ gì ngoài tâm cảm đầy đốn đau dằn vặt của mình. “Sau khi nghĩ ngợi khá nhiều, tôi đã chọn được hai cuốn thích hợp.” Lão nhặt hai cuốn sách trên sàn đặt lên bàn. “Ông nghĩ sao?”

16. Chương 07 - Phần 3

Corso cúi xuống những cuốn sách. Gã mở ra ở trang có minh họa, một bản khắc gỗ với ba người đàn ông và một người đàn bà đang làm việc trong hầm mỏ. Đó là De re metallica của Georgius Agricola tiếng Latinh xuất bản lần thứ hai, do Froben và Episcopius in ở Basle, chỉ năm năm sau ấn bản đầu tiên 1556. Gã lẩm bầm tán thưởng khi đọc điều thuốc.

“Như ông thấy, lựa chọn không hề dễ dàng.” Fargas chăm chú theo dõi cử chỉ của Corso. Lão lo lắng nhìn gã lật từng trang, khẽ chạm vào chỉ bằng đầu ngón tay. “Mỗi lần tôi chỉ bán một cuốn. Và không phải bất kỳ cuốn nào cũng được. Sự hy sinh phải đảm bảo rằng số còn lại sẽ được an toàn trong sáu tháng nữa. Đó là tế vật tôi dành cho Minotaur[6].” Lão gõ gõ thái dương. “Mỗi chúng ta đều có nó ở trong đầu[7]... Lý trí tạo ra nó, và nó gieo rắc nỗi kinh hoàng.”

[6] Minotaur: quái vật nửa người nửa bò trong thần thoại Hy Lạp. Bị vua Minos nhốt trong một mê cung, mỗi năm có bảy người con trai và bảy người con gái bị tống vào cho nó ăn thịt.

[7] Ở đây Fargas chơi chữ: “Ladyrinth” vừa là mê cung, vừa là phần tai trong của con người.

“Sao ông không bán vài cuốn ít giá trị cùng một lúc? Khi ấy ông đủ tiền và vẫn giữ được những cuốn hiếm hơn. Hoặc những cuốn ông quý hơn.”

“Xếp vài cuốn trên đầu những cuốn khác ư?” Fargas rùng mình. “Tôi làm thế sao được. Tất cả chúng đều có linh hồn bất tử như nhau. Với tôi tất cả đều có quyền như nhau. Đương nhiên tôi có những cuốn sách mình yêu quý nhất. Vì cơ gì tôi không có? Nhưng tôi không bao giờ có cử chỉ phân biệt, hoặc một câu nói khiến chúng trở nên cao quý hơn những đồng bọn kém được ưu ái. Ngược lại là khác. Nhớ rằng Chúa Trời đã chọn chính con trai mình làm vật hiến tế. Để chuộc tội cho loài người. Và Abraham...” Có vẻ như lão muốn ám chỉ bức tranh trần, bởi lão ngược nhìn lên buồn bã mỉm cười với hư không, ngừng nửa chừng câu nói còn dang dở.

Corso mở cuốn thứ hai, một cuốn khổ folio Ý tuyệt đẹp, đóng bìa da dê vào khoảng năm 1700. Bên trong là tập thơ Virgil, nhà xuất bản Giunta Venice, in năm 1544. Cử động này khiến Fargas bừng tỉnh.

“Đẹp, phải không?” Lão bước tới trước mặt Corso, vội vã chụp cuốn sách từ tay gã. “Nhìn trang tit này, nhìn đường viền kiến trúc này. Một trăm mười ba bản khắc gỗ, toàn bộ hoàn hảo, trừ trang 345 có một chỗ phục chế rất nhỏ rất xưa, rất khó thấy, ở góc bên dưới. Thật ngẫu nhiên mà nó trở thành con cưng của tôi. Xem đây: Aceneas ở địa ngục, bên cạnh nữ tiên tri. Ông đã khi nào thấy thứ gì như thế chưa? Hãy nhìn những ngọn lửa phía sau bức tường ba tầng này, rồi cái vạc dầu dành cho những kẻ bị nguyên rửa, con quái đản cắn xé ruột gan họ...” Người sưu tầm sách già thực sự kích động, mạch máu trên cổ tay và thái dương lão đập thình thịch thấy rõ. Giọng nói trở nên thâm trầm khi lão đưa cuốn sách lên gần mắt để nhìn rõ hơn. Vẻ mặt lão rạng rỡ. “Moenia amnlata videt, triplici circumdata muro, quae rapidus flamnis ambit torrentibus amnis.” Lão ngừng lại, mê mẩn. “Người thợ khắc có cách nhìn như người thời Trung cổ, bạo liệt và đẹp đẽ về địa ngục của Virgil.”

“Một cuốn sách tuyệt vời,” Corso rút một hơi thuốc, khẳng định.

“Còn hơn thế nữa. Hãy cảm nhận chất giấy. Esemplare buono e genuino con le figure assai ben impresse, các catalô cổ đều khẳng định như vậy.” Sau khi để cơn kích động bùng phát, Fargas lại một lần nữa dấn mắt vào hư không, mê mẩn, đắm chìm trong vùng tối cơn ác mộng của lão. “Tôi nghĩ sẽ bán cuốn này.”

Corso mất hết kiên nhẫn, “Tôi không hiểu. Rõ ràng đây là một trong những cuốn ông yêu thích. Agricola cũng vậy. Tay ông run lên khi sờ vào chúng.”

“Tay tôi? Hẳn ông muốn nói linh hồn tôi bốc cháy trong lửa địa ngục. Tôi nghĩ tôi đã giải thích rồi. Cuốn sách phải hy sinh không bao giờ là cuốn khiến tôi thờ ơ. Nếu không thì việc làm đau khổ này có ý nghĩa gì? Một giao dịch bán thối dưới áp lực của thị trường, mấy cuốn sách rẻ mạt thay cho một cuốn đắt tiền...” Lão lắc đầu hung hãn và khinh bỉ, ánh mắt u ám quét quanh căn phòng như muốn tìm ai đó để trút cơn giận. “Đây là những cuốn tôi yêu quý nhất. Chúng tỏa sáng rực rỡ hơn tất cả số còn lại, vì vẻ đẹp của chúng, vì tình yêu mà chúng dấy lên trong tôi. Đây là những cuốn tay trong tay đi cùng tôi lang thang bên bờ địa ngục... Cuộc đời có thể tước đoạt mọi thứ tôi có. Nhưng không thể biến tôi thành một kẻ bất hạnh khổ.”

Lão loạng choạng bước đi không mục đích trong phòng. Cảnh tượng u buồn, cái chân đau, bộ quần áo nhàu nát, tất cả đều làm tăng thêm vẻ yếu ớt mong manh của lão.

“Đó là lý do vì sao tôi ở lại trong ngôi nhà này,” lão tiếp tục. “Linh hồn của những cuốn sách tôi mất đi lang thang bên trong những bức tường này.” Lão dừng lại trước lò sưởi nhìn những súc gỗ nằm bên trong. “Đôi khi tôi cảm giác chúng trở lại bắt tôi bởi thường. Vì vậy, để chúng bớt giận, tôi cắm cây đàn violon kia chơi hàng giờ liền, lang thang khắp nhà trong bóng tối như một kẻ bị nguyên rửa...” Lão quay lại nhìn Corso, dáng hình lão nổi bật trong khuôn cửa sổ bán thối. “Người sưu tầm lang thang.” Chậm chậm, lão tới bên cái bàn, đặt tay lên từng cuốn sách, như thể trì hoãn việc quyết định đến tận lúc ấy. Rồi mỉm cười dò hỏi.

“Nếu ở vị trí của tôi, ông sẽ chọn cuốn nào?”

Corso cự quạ, khó chịu. “Xin miễn cho tôi việc này. Thật may tôi không ở địa vị ông.”

“Đúng vậy. Hết sức may mắn. Ông thật thông minh khi nhận thức được điều này. Một kẻ ngu ngốc sẽ thêm muốn được như tôi. Với toàn bộ kho báu trong tòa nhà này... Nhưng ông còn chưa bảo tôi nên bán cuốn sách nào. Chọn đứa con nào hiến dâng cho thượng đế.” Bỗng nhiên, khuôn mặt lão trở nên méo mó vì thống khổ, như thể nỗi đau đớn ở cả trong thân thể lão. “Rồi máu nó sẽ vậy bắn sang tôi và gia đình tôi,” lão nói thêm, rất khẽ và khẩn trương, “đến đời thứ bảy.”

Lão mang trả Agricola về chỗ cũ trên tấm thảm và vuốt ve lớp da dê trên bìa cuốn Virgil, thì thầm, “Máu nó.” Mắt lão ướt ướt, hai tay run rẩy không ngừng. “Tôi nghĩ tôi sẽ bán cuốn này,” lão nói.

Fargas hẳn còn chưa thoát khỏi tâm trạng giầy vò, nhưng chẳng còn lâu nữa. Corso nhìn những bức tường trơ trụi, những vết còn lại ở những chỗ treo tranh trên giấy dán tường vàng ố. Cái thế hệ thứ bảy khó mà hiện hữu kia chẳng quan tâm tí nào tới chuyện này. Cũng giống như gia tộc Corso, dòng họ Fargas sẽ kết thúc ở đây. Mãi rồi thì họ cũng được bình an. Làn khói từ điều thuốc của Corso xông thẳng lên bức họa rách trên trần, giống như cột khói từ cuộc lễ hiến tế trong buổi bình minh lặng lẽ. Nhìn qua cửa sổ ra khu vườn cỏ dại lan tràn, gã tìm kiếm một lối ra, giống như con cừu trong bụi cây gai. Nhưng chẳng có gì ngoài những cuốn sách. Thiên thần đã buông bàn tay cầm dao, vừa khóc vừa bỏ đi. Để lại một mình Abraham, lão khom già khốn khổ.

Corso hút nốt điều thuốc rồi vút vào trong lò sưởi. Gã lạnh và mệt. Bên trong những bức tường trống trải này gã đã phải nghe quá nhiều. Thật đáng mừng là không có tấm gương nào để gã nhìn thấy những biểu hiện trên mặt mình. Gã nhìn đồng hồ mà không biết là mấy giờ. Với kho báu nằm kia, trên những tấm thảm, Victor Fargas đã trả giá quá đắt, bằng nỗi thống khổ triền miên của lão. Với Corso, giờ là lúc bàn chuyện công việc.

“Còn Chín cánh cửa thì sao?”

“Về cuốn đó ư?”

“Chính vì nó tôi mới đến đây. Tôi nghĩ ông đã nhận được thư tôi.”

“Thư ông? Phải, tất nhiên. Tôi nhớ rồi. Đúng vào lúc tất cả những chuyện này... Thứ lỗi cho tôi. Chín cánh cửa. đương nhiên.”

Lão bối rối nhìn quanh, như một người mộng du chợt tỉnh. Bỗng dưng lão có vẻ mệt mỏi vô chừng, như vừa trải qua một thử thách kéo dài. Lão giơ một ngón tay lên xin một phút nhớ lại, rồi khập khiễng bước tới góc nhà. Ở đó có chừng năm chục cuốn sách trên tấm thảm Pháp phai màu. Corso miễn cưỡng nhận ra hình vẽ mô tả trận thắng của Alexander đại đế trước vua Ba Tư Darius.

“Ông có biết rằng,” Fargas trở vào tấm thảm Gobelin mà hỏi, “Alexander đã dùng kho tàng đoạt được từ tay địch thủ để bảo tồn sách của Homer không?” Lão hài lòng cúi chào hình bóng xơ xác của vị danh tướng xứ Macédonie. “Ông ta là nhà sưu tầm sách như tôi. Một người tốt.”

Corso chẳng quan tâm quái gì đến thị hiếu văn học của Alexander đại đế. Gã quỳ xuống đọc những tên sách in trên gáy và lật một vài cuốn sách. Toàn bộ đều là chuyên luận về ma pháp, giả kim thuật và nghiên cứu về ma quỷ. *Les trois livres de l'Art*, *Destructor omnium rerum*, *Disertazioni sopra le apparizioni de'spiriti e pavoli*, *De origine, moribus et rebus gestis Satanae*...

“Ông nghĩ sao?” Fargas hỏi.

“Không tồi.”

Người sưu tầm sách cười mệt mỏi. Lão quỳ xuống cạnh Corso và máy móc sửa lại những cuốn sách để đảm bảo rằng không cuốn nào xê dịch dù chỉ một li so với lần gần đây nhất lão kiểm tra.

“Không tồi chút nào. Ông nói đúng. Ít nhất có mười cuốn cực hiếm. Tôi kế thừa toàn bộ chỗ này từ ông nội tôi. Ông là người say mê thuật giả kim và chiêm tinh học, hội viên hội Tam Điểm. Nhìn xem. Đây là một tác phẩm kinh điển, *Infernal Dictionary* của Collin de Plancy, ấn phẩm xuất bản lần đầu năm 1842. Và đây là cuốn *Compendi dei secreti* in năm 1571 của Leonardo Fioravanti... Cuốn sách khổ mười hai kia là

Book of Wonders xuất bản lần thứ hai.” Lão mở một cuốn khác và chìa cho Corso thấy một bức minh họa. “Nhìn Isis[8] này... Ông biết đây là cái gì chứ?”

[8] Isis: nữ thần tôn giáo cổ Ai Cập, được thờ phụng khắp thế giới Hy - La như một hình mẫu của người mẹ hiền vợ thảo, như chủ nhân của tự nhiên và ma thuật.

“Tất nhiên. Oedipus Aegyptiacus của Atanasius Kircher.”

“Chính xác. Xuất bản ở Rome năm 1652.” Fargas trả cuốn sách về chỗ rồi nhắc ra một cuốn khác. Corso nhận ra bìa sách đóng kiểu Venice: bọc da đen, nằm dãi bằng nổi và một biểu tượng ngôi sao, song trên bìa không có đầu đề. “Đây là thứ ông tìm, De Umbrarum Regni Novem Portis. Chín cánh cửa của vương quốc bóng tối.”

Corso run lên dù không muốn vậy. Nhìn bề ngoài, ít nhất cuốn sách cũng giống hệt cuốn trong túi gã. Fargas đưa gã cuốn sách và Corso đứng lên lật lật qua. Chúng giống hệt nhau, hay hầu như thế. Lốp da bọc bìa sau cuốn của Fargas hơi bị mòn, có vết cũ của một tấm nhả từng được gắn vào rồi gỡ ra. Phần còn lại không khác chút nào với cuốn của Borja, ngay cả bức tranh số VIII cũng còn nguyên vẹn.

“Thật hoàn hảo, tình trạng rất tốt,” Fargas nói, diễn đạt chính xác vẻ mặt Corso. “Nó ngao du ngoài đời suốt ba thế kỷ rồi, nhưng khi ông gỡ ra thì nó vẫn mới tinh khôi như vừa in xong. Cứ như thể người thợ in đã ký kết khế ước với ma quỷ.”

“Có khi ông ta đã làm thế,” Corso đáp.

“Tôi không có gì ác cảm với pháp thuật. Tôi bằng lòng trao cả linh hồn để giữ toàn bộ chỗ này.” Lão khua tay như muốn quơ cả căn phòng lạnh lẽo và những hàng sách trên sàn nhà.

“Ông có thể thử,” Corso trở Chín cánh cửa mà nói. “Người ta bảo ma pháp nằm trong đó.”

“Không bao giờ tôi tin những điều nhảm nhí đó. Mặc dù bây giờ có lẽ là lúc thích hợp nhất để bắt đầu. Ông không nghĩ thế ư? Người Tây Ban Nha các ông có câu ngạn ngữ: Chẳng còn gì thì cũng còn được nhảy xuống sông.”

“Cuốn sách bình thường chứ? Ông thấy nó có gì lạ không?”

“Chẳng có gì hết. Không mất trang nào. Các bức minh họa đầy đủ, cả chín bức, cộng thêm trang nhan đề. Đúng như khi ông nội tôi mua vào lúc giao thời thế kỷ. Đúng như được mô tả trong các catalô, và giống hệt hai cuốn còn lại, của Ungern ở Paris và của Terral-Coy.”

“Không còn là Terral-Coy nữa. Bây giờ nó thuộc bộ sưu tập của Varo Borja ở Toledo.”

Corso nhận thấy nét mặt Fargas trở nên ngờ vực và cảnh giác.

“Ông nói Varo Borja?” Dường như lão định nói gì thêm, rồi lại đổi ý. “Bộ sưu tập của ông ta rất đặc sắc. Và rất nổi tiếng.” Lão đi đi lại lại trong phòng, mắt nhìn đồng sách xếp trên tấm thảm. “Varo Borja...,” lão thận trọng lặp lại. “Một chuyên gia nghiên cứu ma quỷ, đúng không? Một người sưu tầm sách rất giàu. Ông ta đã theo đuổi cuốn Chín cánh cửa đó nhiều năm. Sẵn lòng trả bất cứ giá nào... Tôi không biết là ông ta đã mua được nó. Và ông làm việc cho ông ta.”

“Chỉ đôi khi,” Corso thừa nhận.

Fargas gật đầu mấy cái, vẻ bối rối. “Thật lạ là ông ta lại cử ông đi. Rốt cuộc...”

Lão đột ngột bỏ dở câu nói rồi nhìn cái túi của Corso. “Ông mang theo cuốn sách chứ? Tôi xem được không?”

Hai người bước lại bên bàn, Corso đặt cuốn sách của gã bên cuốn của Fargas. Đúng lúc này, gã nghe hơi thở của lão già trở nên gấp gáp. Vẻ mặt lại trở nên si mê.

“Hãy nhìn nó thật gần,” lão thăm thì, như sợ sẽ đánh thức thứ gì đó bên trong những trang sách. “Chúng thật đẹp đẽ, hoàn hảo. Và giống hệt nhau. Hai trong ba cuốn duy nhất thoát khỏi lửa thiêu, lần đầu tiên về lại bên nhau, kể từ khi chia lìa ba trăm năm mươi năm trước...” Bàn tay lão lại run rẩy. Lão xoa cổ tay

để dòng máu bên trong bớt chảy mạnh. “Hãy nhìn chỗ in lỗi ở trang 72, và chữ s bị tách rời này, dòng thứ tư trang 87... Cùng thứ giấy, cùng kiểu chữ. Chẳng phải tuyệt vời sao?”

“Phải.” Corso đằng hắng. “Tôi muốn ở đây ít lâu. Để xem chúng thật kỹ.”

Hai mắt Fargas bắn ra một tia nhìn sắc nhọn. Lão có vẻ do dự.

“Tùy ông,” sau cùng lão nói. “Nhưng nếu ông có cuốn của Terral-Coy thì chắc chắn chúng là thật, không nghi ngờ gì nữa.” Lão tò mò nhìn Corso, cố hiểu gã đang nghĩ gì. “Hắn Varo Borja biết điều đó.”

“Tôi nghĩ ông ta biết.” Corso nở nụ cười vô hại nhất. “Nhưng tôi được trả tiền để bảo đảm chúng là thật.” Gã vẫn cười. Bọn họ đã đến đoạn khó khăn. “Nhân tiện nói đến tiền bạc, tôi được ủy thác đưa tới ông một lời đề nghị.”

Về tò mò của Fargas biến thành nghi ngờ: “Đề nghị gì?”

“Về tài chính. Đề nghị rất đáng kể đấy.” Corso đặt tay lên cuốn sách thứ hai. “Ông có thể không phải bận tâm về tiền bạc trong một thời gian.”

“Varo Borja sẽ trả tiền?”

“Khả năng là thế.”

Fargas vuốt cằm. “Ông ta đã có một. Ông ta muốn có cả ba cuốn ư?”

Người này có thể hơi điên, nhưng không ngốc. Corso làm một cử chỉ mơ hồ, gã không muốn làm méch lòng lão. Có lẽ. Một trong những thứ các nhà sưu tầm nhồi nhét trong đầu. Nhưng nếu Fargas bán cuốn sách, lão có thể giữ được cuốn Virgil.

“Ông không hiểu rồi,” Fargas nói. Nhưng Corso quá hiểu. Gã sẽ chẳng đi đến đâu với lão già.

“Quên đi,” gã nói. “Đó chỉ là một ý tưởng.”

“Tôi không bán bậy bạ. Tôi chọn từng cuốn sách. Tôi tưởng tôi đã nói rõ.”

Những mạch máu căng phồng trên mu bàn tay lão rúm lại. Lão đã phát cáu, vì vậy Corso phải để ra mấy phút xoa dịu. Lời đề nghị chỉ là chuyện thứ yếu, một thủ tục rất vặt vãnh. Thực ra thì gã chỉ so sánh thật kỹ hai cuốn sách mà thôi, gã nói. Sau cùng, Fargas người giận và gật đầu đồng ý.

“Tôi không thấy có vấn đề gì,” lão nói, đã bớt ngờ vực. Rõ ràng là lão ưa Corso. Nếu chẳng phải thế, mọi chuyện đã diễn ra khác hẳn. “Mặc dù tôi không thể cung cấp cho ông nhiều tiện nghi ở đây...”

Lão đưa gã theo một lối đi rất hẹp tới một buồng nhỏ hơn có một chiếc piano cũ nát trong góc, một cái bàn bên trên có cái chân nện bằng đồng đầy những giọt sấp, một đôi ghế ọp ọp.

“Ít ra thì ở đây cũng yên tĩnh,” Fargas nói. “Và kính cửa sổ còn nguyên cả.”

Lão bật ngón tay đánh tách, như thể quên mất chuyện gì đó. Lão biến đi một lát rồi trở lại với chai brandy dở.

“Vậy là cuối cùng Varo Borja cũng tìm cách chộp được nó,” lão nhắc lại. Lão cười một mình, như thể có ý nghĩ nào đó khiến lão rất hài lòng. Rồi lão đặt cái chai và cái cốc trên sàn, cách hai cuốn Chín cánh cửa một khoảng an toàn. Như một chủ nhà chu đáo, lão nhìn quanh để chắc rằng mọi thứ đều ổn, rồi nói bằng giọng mỉa mai trước khi bỏ đi, “Cứ tự nhiên như ở nhà.”

Corso rót chỗ Brandy còn lại vào cốc. Gã lôi cuốn sổ ghi chép ra và bắt đầu làm việc. Gã vẽ ba ô trên một trang giấy. Mỗi ô chứa một con số và một cái tên.

Lần lượt từng trang một, gã ghi lại vắn tắt mọi chỗ khác nhau ở cuốn số một và cuốn số hai, dù rằng rất nhỏ: vết ố trên một trang, mực in ở cuốn này hơi đậm hơn cuốn kia. Khi tới bức minh họa đầu tiên, NEM. PERVT.T QUI N.N LEG. CERT.RIT, kỹ sĩ khuyến cáo người đọc giữ im lặng, gã móc trong túi ra chiếc kính phóng đại bảy lần kiểm tra cả hai bức khắc gỗ, từng hàng một. Chúng giống hệt nhau. Gã nhận ra rằng thậm chí cả lực ép của bản in khắc trên giấy, giống như khi in bằng máy, cũng như nhau. Những nét vẽ và chữ cái bị mờ, bị mất hay bị biến dạng đều ở cùng chỗ trên cả hai cuốn. Thế nghĩa là cuốn một và

hai được in lần lượt hay gần như thế ở trên cùng một tờ giấy. Giống như anh em Ceniza, Corso đang quan sát một cặp song sinh.

Gã tiếp tục ghi chép. Một chỗ không hoàn chỉnh ở dòng thứ sáu trang 19 khiến gã dừng lại, nhưng gã lập tức nhận ra đó chỉ là một vết mực. Gã gỡ thêm mấy trang. Hai cuốn sách cùng cấu trúc: hai tờ trắng ở đầu và cuối trang sách cùng 160 trang được khâu thành hai mươi phần, mỗi phần tám trang. Toàn bộ chín bức minh họa trên cả hai cuốn đều chiếm hết cả trang. Chúng được in riêng rẽ trên cùng loại giấy, mặt sau để trống, được đưa vào ngay lúc đóng sách. Vị trí trong cả hai cuốn cũng như nhau.

Hoặc là Varo Borja hoang tưởng, hoặc công việc dành cho Corso rất kỳ quái. Chúng tuyệt không thể là đồ giả. Quá lắm thì cả hai đều là ấn bản của một cuốn sách làm giả nhưng vẫn được in ở thế kỷ mười bảy. Cuốn số một và cuốn số hai đều là hiện thân của sự trung thực xét về mặt giấy in.

Gã uống nốt chỗ rượu còn lại rồi dùng kính lúp kiểm tra bức họa số II. CLAUS. PAT.T., vị ẩn sĩ râu xồm cầm hai chiếc chìa khóa, cánh cửa đóng kín, chiếc đèn lồng nằm trên mặt đất. Gã đặt hai bức họa bên nhau và chợt cảm thấy rất ngỡ ngàng. Thật chẳng khác nào trò chơi Tìm chỗ khác nhau. Gã nhả mặt. Đời là một cuộc chơi. Và sách phản ánh cuộc đời.

Đúng lúc đó gã thấy nó. Rất bất chợt, y như thứ gì đó chùng như vô nghĩa, khi nhìn từ một góc đúng thì bỗng hiện ra rõ ràng và chính xác. Corso thở ra, như thể sững sờ, như thể muốn cười. Gã chỉ bật ra một âm thanh khô khốc, giống như một tiếng cười hoài nghi nhưng không chút hài hước. Không thể thế. Không ai đùa kiểu ấy. Gã lắc đầu bối rối. Đây không phải là một cuốn sách đồ chữ rẻ tiền mua ngoài ga xe lửa. Những cuốn này đã ba thế kỷ rưỡi tuổi. Người thợ in đã mất mạng vì chúng. Chúng nằm trong danh sách cấm của tòa án dị giáo. Và có tên trong tất cả những thư mục sách nghiêm túc nhất. “Minh họa số II. Chú thích bằng tiếng Latinh. Một ông già cầm hai cái chìa khóa và một chiếc đèn lồng nằm phía trước cánh cửa đóng chặt...” Nhưng cho đến giờ không ai so sánh hai cuốn sách. Không dễ gì để chúng ở với nhau cùng một chỗ. Hoặc không cần thiết. Lão già với hai chìa khóa. Thế là đủ.

Corso đứng dậy bước lại bên cửa sổ. Gã đứng đó một lúc nhìn xuyên qua những ô kính mờ vì hơi thở của mình. Hóa ra Varo Borja đúng. Aristide Torchia hẳn sẽ cười thầm trên giàn hỏa thiêu ở quảng trường Hoa, trước khi ngọn lửa vĩnh viễn tước đi cảm quan hài hước của ông. Nó thật sáng lạng, cái chuyện cười sau khi chết ấy.

17. Chương 08 - Phần 1

VIII. GIỜ CUỐI SẮT NHÂN

“Có ai không?”

“Không.”

“Tệ quá. Anh ta chắc chết rồi.”

M. Leblanc, ARSÈNE LUPIN.

Lucas Corso biết rõ hơn ai hết rằng một trong những vấn đề chính trong nghề của gã là những cuốn thư mục được biên soạn bởi các học giả chẳng bao giờ nhìn thấy những cuốn sách họ kê tên; thay vào đó họ chỉ dựa vào những báo cáo gián tiếp và thông tin do người khác thu thập. Một sai sót hay một mô tả không trọn vẹn có thể lưu hành qua nhiều thế hệ mà không ai nhận ra. Rồi tình cờ nó lộ ra. Đó chính là trường hợp của Chín cánh cửa. Trừ khi buộc phải đề cập đến nó trong những thư mục chính thức, còn thì ngay cả trong những sách tham khảo chính xác nhất cũng chỉ có mô tả vắn tắt về chín bức tranh khắc minh họa, không có những chi tiết thứ yếu. Trong trường hợp bức họa thứ hai của cuốn sách, toàn bộ các bài viết đều nói đến một lão già trông như một nhà hiền triết hay một ẩn sĩ đứng trước một cánh cửa, tay cầm hai chiếc chìa khóa. Nhưng chưa bao giờ có ai bận tâm đến việc ông ta cầm chìa khóa trên tay nào. Giờ thì Corso đã có câu trả lời: trong cuốn số một, tay trái, còn trong cuốn số hai, tay phải.

Gã còn phải tìm hiểu xem cuốn số ba ra sao. Nhưng hiện giờ thì chưa thể. Corso ở lại Quinta de Soledade đến lúc trời tối đen. Gã làm việc liên tục dưới ánh nến, ghi chép đủ thứ, xem xét hai cuốn sách nhiều lần. Gã kiểm tra từng bức vẽ cho đến khi khẳng định được giả thuyết của mình. Thêm nhiều chứng cứ xuất hiện. Cuối cùng gã ngồi ngắm chiến lợi phẩm dưới dạng ghi chú của mình trên trang giấy, bằng chữ và biểu đồ với những gạch nối kỳ dị giữa chúng với nhau. Có năm bức họa trên hai cuốn sách không giống nhau. Ngoài chi tiết ông già cầm chìa khóa trên hai tay khác nhau, mê cung trên bức tranh số IIII trong một cuốn sách có lối thoát nhưng ở cuốn kia lại không có. Trong bức số V của cuốn số một, cát trong đồng hồ trên tay Thần Chết nằm ở nửa dưới, trong khi ở cuốn hai lại ở nửa trên đồng hồ. Về phần bàn cờ trong bức vẽ số VII, trong bản của Varo Borja các ô vuông toàn trắng, trong khi ở cuốn của Fargas chúng màu đen. Ở bức số VIII, viên đao phủ sắp chặt đầu thiếu phụ trong một cuốn sách biến thành một thiên thần trả thù ở cuốn kia với vầng hào quang trên đầu.

Còn có những sai khác nữa. Kiểm tra kỹ qua kính phóng đại cho những kết quả ngoài dự kiến. Biểu tượng nhà in giấu trong tranh khắc gỗ ẩn chứa một manh mối tinh vi khác. A.T., Aristide Torchia, ký tên thợ khắc ở bức minh họa trong cuốn sách của lão già, nhưng lại là người vẽ bản gốc trong bức họa của cuốn kia, trong khi đó, như anh em Ceniza từng chỉ rõ, chữ ký trong cuốn thứ nhất lại là L. F. Khác biệt tương tự cũng tồn tại trong bốn bức minh họa nữa. Đây chỉ có thể là do toàn bộ các khuôn khắc gỗ là do người thợ in làm lấy, nhưng các bức họa gốc thì do người khác vẽ ra. Vì vậy vấn đề không phải là sách này làm giả cùng thời kỳ với sách gốc hay với bản lậu của sách gốc. Bản thân người thợ in, Aristide Torchia, “với đặc quyền và sự cho phép của bề trên”, đã sửa đổi công trình của chính mình theo một tính toán từ trước. Ông đã ký tên lên các tranh mà ông đã sửa đổi để nhấn mạnh những bức còn lại là do L. F. làm. Chỉ còn lại một cuốn, ông nói với đao phủ như thế. Nhưng thực tế là ông để lại ba cuốn, cùng với mật mã để quy chúng thành một. Phần còn lại của bí mật thì ông mang theo xuống mồ.

Corso phải dùng tới một phương pháp đối chiếu kiểu cũ: những bảng so sánh Umberto Eco đã dùng trong nghiên cứu về Hanau. Sắp xếp các bức tranh minh họa theo thứ tự trên một trang minh họa theo thứ tự trên một trang giấy, gã có bảng sau:

Còn về dấu của người thợ khắc, những biến hóa giữa các chữ ký A. T. (thợ in, Aristide Torchia) và L. F. (không rõ tên? Lucifer?) tương ứng với sculptor (thợ khắc) hay inventor (người vẽ tranh gốc) được sắp xếp như sau:

Một thứ mã kỳ quái. Nhưng cuối cùng Corso cũng xác định được cái gì đó. Giờ thì gã biết có tồn tại một mật mã ở dạng nào đó. Gã chậm rãi đứng lên, như sợ rằng toàn bộ những mối liên hệ biến mất trước mắt gã. Nhưng gã vẫn lặng yên như một người đi săn tin chắc rồi sẽ tóm được con mồi dù đã lạc mất dấu vết của nó.

Bàn tay. Lối thoát. Cát. Bàn cờ. Hào quang.

Gã liếc nhìn ra ngoài cửa sổ. Bên ngoài những ô kính cầu vồng in bóng một cảnh cây, cùng một tia sáng đỏ nhạt không chịu mất dạng trong đêm đen.

Cuốn số 1 và cuốn số 2. Những khác biệt trong bức minh họa số 2, 4, 5, 7 và 8.

Gã phải đi Paris. Cuốn sách số ba ở đó cùng với lời giải mong đợi của điều bí mật. Nhưng lúc này một chuyện khác buộc gã phải giải quyết gấp. Varo Borja rất cương quyết. Bây giờ Corso chắc chắn rằng gã sẽ không thể có được cuốn số hai bằng cách thông thường, gã phải nghĩ ra một thủ đoạn nào đó mới mong giành được nó. Với ít rủi ro nhất cho Fargas, và cho chính gã, đương nhiên. Gã lôi cuốn sổ ghi trong túi áo khoác ra tìm số điện thoại gã cần. Đây là công việc tuyệt vời dành cho Amilcar Pinto.

Một ngọn nến cháy hết rồi tắt ngấm sau khi nhả ra một sợi khói ngoằn ngoèo. Tiếng vĩ cầm vang lên đâu đó trong nhà. Corso cười nhạt, ngọn lửa nền bập bùng tạo thành những bóng đen nhảy múa trên mặt gã khi gã cúi xuống châm điều thuốc lá. Gã đứng thẳng dậy lắng nghe. Âm điệu buồn chơi vơi trong những căn phòng trống tối đen với những mảng sót lại của đồ gỗ một ruộng và bụi bặm, những mảnh trần có tranh vẽ, những bức tường hoen ố đầy mạng nhện và những bóng đen; cùng với tiếng vọng của những bước chân và giọng nói đã câm lặng từ lâu. Bên ngoài, trên những rào chắn han gỉ, một trong hai pho tượng mở to mắt trong bóng tối, pho tượng còn lại giấu mình dưới tấm mạng bằng dây thường xuân, bất động, như thời gian bất động, lắng nghe tiếng đàn của Victor Fargas chiêu hồn những cuốn sách đã qua đời của lão.

Corso đi bộ quay về làng, hai tay đút trong túi áo khoác, cổ áo kéo cao. Gã phải đi mất hai mươi phút trên con đường vắng. Đêm không trăng, gã lặng lẽ bước qua những mảng đen lớn bên dưới những vòm cây tối tăm. Chỉ có tiếng đế giày nghiêng lên những viên sỏi ven đường, cùng tiếng nước chảy từ những dòng kênh len lỏi trong đám thường xuân và những bụi hồng đại trên đồi đêm phá vỡ sự im lặng gần như tuyệt đối.

Một chiếc xe từ phía sau trườn tới rồi vượt qua gã. Corso nhìn thấy cái bóng của chính mình mỗi lúc một lớn với đường nét chập chờn quỷ dị bay qua những thân cây gần đấy tới đám cây cối rậm rạp phía xa xa. Chỉ khi bóng tối lại lần nữa trùm lên gã, Corso mới thở hắt ra và cảm thấy cơ bắp toàn thân chùng xuống. Gã không phải loại người nhìn đâu cũng thấy ma quỷ. Thay vào đó gã quan sát mọi vật, dù rằng chúng kỳ quái đến đâu, với cái nhìn của người lính già phương Nam theo thuyết định mệnh, thứ chủ nghĩa định mệnh mà chắc chắn gã thừa hưởng từ cụ tổ Corso. Cho dù bạn thúc giục con ngựa của mình theo hướng ngược lại bao nhiêu lần đi nữa, định mệnh vẫn luôn rình rập bên cổng thành Samarkand[1] để lột móng của nó với lưỡi lê và dao găm Xcốtlen. Dù là như vậy, kể từ lần gặp nạn trên đường phố Toled, việc Corso cảm thấy lo lắng mỗi khi nghe tiếng xe sau lưng là điều dễ hiểu.

[1] Samarkand: thành phố cổ ở Uzbekistan, án ngữ con đường tơ lụa trong vai trò cửa ngõ nối liền Trung Hoa cổ và phương Tây.

Có lẽ chính vì vậy mà khi một chiếc xe khác ngừng lại bên cạnh, Corso lập tức hất cái túi vải qua vai bên kia và quay lại rất nhanh. Bàn tay gã nắm chặt chùm chìa khóa trong túi áo khoác. Đó chẳng phải là một thứ vũ khí gì ghê gớm, nhưng với nó Corso có thể đâm mù mắt một kẻ tấn công. Nhưng có vẻ như không có lý do gì phải lo lắng. Gã thấy một vật thể đen sẫm to tướng, giống như một cái xe ngựa bốn bánh, và bên trong, gương mặt nhìn nghiêng của một người đàn ông hiện lên dưới ánh sáng nhiều màu yếu ớt của bảng điều khiển. Một giọng nói thân thiện, rất lịch sự cất lên.

“Xin chào...” Ngữ điệu mập mờ, chẳng ra Bồ Đào Nha, cũng chẳng ra Tây Ban Nha. “Ông có điem không?”

Câu hỏi có lẽ là thật, cũng có lẽ chỉ để viện cớ, Corso không xác định được. Nhưng nếu là hỏi xin lửa, gã không cần phải bỏ chạy hay nắm cái chìa khóa sắc nhọn trong tay. Gã buông chùm chìa khóa, cầm bao điem, lấy ra một que, quẹt lửa và khum bàn tay che ngọn lửa.

“Cảm ơn.”

Có một vết sẹo, đương nhiên. Một vết sẹo cũ kéo thẳng từ thái dương xuống nửa dưới má trái. Corso có dịp nhìn thật gần khi người đó nghiêng đầu chăm chú xì gà Montecristo. Gã cố giữ ngọn lửa đủ lâu để quan sát bộ ria đen rậm và cặp mắt sẫm màu trong bóng tối đang nhìn gã chăm chăm. Rồi khi ngọn lửa vụt tắt, khuôn mặt nọ giống như bị một cái mặt nạ đen kịt trùm lên trên. Người đó lại trở thành một cái bóng với các đường nét chỉ còn phân biệt mờ mờ dưới ánh sáng yếu ớt của bảng đồng hồ.

“Ông là thứ người quỷ quái gì?”

Không phải là một câu hỏi đặc biệt xuất sắc gì. Dù gì thì cũng quá muộn. Câu hỏi chìm trong tiếng động cơ tăng tốc. Cặp đèn màu đỏ ở đuôi xe lịm dần khi mất hút phía xa, để lại một vệt sáng trên dải đường tối sẫm. Ánh hồng lóe lên trong phút chốc khi chiếc xe qua chỗ đường vòng, rồi biến mất như chưa từng tồn tại.

Corso đứng lặng bên đường, thử tìm cách ráp các mảnh lại thành bức tranh hoàn chỉnh. Madrid, bên ngoài nhà Liana Taillefer. Toledo, lần tới thăm nhà Varo Borja. Và Sintra, sau buổi chiều ở nhà Victor Fargas. Còn cả bộ truyện nhiều kỳ của Dumas, người làm nghề xuất bản treo cổ trong phòng làm việc, người thợ in bị hành hình trên giàn thiêu và cuốn sách kỳ lạ của ông ta... Và xuyên suốt câu chuyện này là một bóng đen luôn ám ảnh Corso: Rochefort, kiếm sĩ huyền thoại thế kỷ mười bảy sống lại dưới bộ dạng một gã tài xế mặc đồng phục, lái những chiếc xe sang trọng. Kẻ chịu trách nhiệm về tai nạn xe cộ có dự mưu rồi bỏ đi hay vụ đột nhập vào nhà. Một gã nghiện xì gà Montecristo. Một kẻ nghiện không mang bật lửa.

Corso khẽ lẩm bẩm chữ thề. Gã sẽ hy sinh một cuốn sách cổ cực hiếm để được đâm vào mặt kẻ soạn ra màn kịch nhớ nhăng này, dù đó là bất kỳ ai.

Về tới khách sạn, Corso gọi liền mấy cú điện thoại. Đầu tiên gã quay một số ở Lisbon ghi trong sổ. Gã gặp may. Amilcar Pinto có ở nhà. Gã khẳng định điều đó sau khi trò chuyện với bà vợ khó tính của hắn. Qua cái tai nghe Bakelite đen gã nghe thấy trong âm thanh lao xao từ ti vi có tiếng thét chói tai của bọn trẻ và tiếng cãi cọ gay gắt của người lớn. Sau cùng Pinto tới bên máy. Họ đồng ý gặp nhau sau một tiếng rưỡi nữa, đủ thời gian để tay người Bồ Đào Nha vượt năm mươi cây số tới Sintra. Thu xếp xong chuyện này, Corso nhìn đồng hồ rồi gọi cho Varo Borja. Lão không có nhà. Corso để lại lời nhắn trên máy rồi quay số ở Madrid gọi cho Flavio La Ponte. Hắn cũng không ở nhà. Corso giấu cái túi vải trên nóc tủ áo rồi ra ngoài kiếm đồ uống.

Thứ đầu tiên gã trông thấy khi mở cánh cửa vào phòng chờ khách sạn là cô gái. Không thể lẫn được mái tóc cắt ngắn khiến cô giống một cậu còn trai, nước da nâu như thể đang là tháng Tám. Cô ngồi trên ghế bành đọc sách bên ngọn đèn bàn có cái chao hình nón, hai chân duỗi thẳng bắt chéo nhau gác lên ghế đối diện. Chân trần, quần jean, T-shirt vải bông trắng, áo len quần quanh vai. Corso khựng lại, bàn tay vẫn đặt trên quả đấm cửa, một cảm giác phi lý đột ngột dâng lên trong đầu. Thật quá đáng nếu nói là trùng hợp.

Gã bước về phía cô, đầy ngờ vực. Khi gã tới bên cạnh, cô ngẩng lên nhìn thẳng vào gã bằng đôi mắt xanh sâu thẳm trong veo gã nhớ rất kỹ từ lần đi chung chuyến tàu. Gã dừng lại, không biết nói gì. Gã có cảm giác rất lạ rằng mình sắp chìm ngấm trong đôi mắt ấy.

“Cô không cho tôi biết cô sẽ tới Sintra,” gã nói.

“Ông cũng vậy.”

Cô trả lời rồi cười dịu dàng, không tỏ ra ngạc nhiên hay bối rối. Có vẻ như cô thực sự vui khi gặp gã.

“Cô làm gì ở đây?” Corso hỏi.

Cô thu chân lại và nghiêng mình nhường chỗ cho gã. Nhưng Corso vẫn đứng.

“Lang thang,” cô gái trả lời và chìa cho gã coi cuốn sách. Không phải cuốn gã thấy trên tàu. Melmoth, kẻ lang thang của Charles Maturin. “Đọc. Và gặp gỡ bất chợt người này người nọ.”

“Bất chợt,” Corso nhắc lại như một tiếng vọng.

Gã đã đụng đầu quá nhiều người trong một đêm, cả bất ngờ lẫn không bất ngờ. Gã thấy mình đang cố thiết lập mối liên hệ giữa sự có mặt của cô trong khách sạn và sự xuất hiện của Rochefort trên đường. Từ góc nhìn hợp lý, mọi thứ hẳn sẽ khớp vào nhau, nhưng gã không sao tìm ra góc nhìn đó. Thậm chí gã không biết bắt đầu từ đâu.

“Sao ông không ngồi xuống?”

Gã ngồi, mơ hồ cảm thấy lo lắng. Cô gái gấp cuốn sách lại rồi nhìn gã tò mò. “Ông không giống người đi du lịch,” cô nói.

“Tôi không đi du lịch.”

“Ông có công chuyện?”

“Phải.”

“Việc gì ở Sintra cũng thú vị.”

Đây là thứ mình cần ư, Corso thầm nghĩ và sửa lại cặp kính. Bị cật vấn sau tất cả những chuyện đã trải qua, dù là do một cô gái rất trẻ, rất đẹp. Có lẽ đó là vấn đề. Cô quá trẻ khó mà gây nguy hiểm. Hoặc có thể đó mới là chỗ nguy hiểm. Gã cầm cuốn sách trên bàn đọc lướt qua. Đó là một cuốn sách tiếng Anh hiện đại, có vài đoạn gạch dưới bằng bút chì. Gã đọc một đoạn:

Đôi mắt hắn nhìn trừng trừng vào ánh sáng ngày một yếu dần và bóng tối ngày một lớn dần. Thứ bóng tối siêu nhiên dường như đang nói với tạo vật trắng lè và siêu tuyệt nhất của thượng đế: “Dành chỗ cho tôi. Đừng chiếu sáng nữa.”

“Cô thích tiểu thuyết gô tích?”

“Em thích đọc.” Cô khẽ nghiêng đầu, và ánh sáng tạo thành một đường viền phôi cảnh trên cái gáy trần.
“Và giữ sách. Em thường mang vài cuốn trong túi khi đi đường.”

“Cô đi nhiều?”

“Phải. Em bắt đầu đi từ lâu rồi.”

Corso khẽ nhăn mặt. Cô nói điều đó nghiêm trang, mảy hơi cau lại như một đứa trẻ nói về một chuyện nghiêm túc.

“Tôi tưởng cô là sinh viên.”

“Đôi khi.”

Corso đặt lại cuốn Melmoth lên bàn.

“Cô là một cô gái kỳ lạ. Cô bao nhiêu tuổi? Mười tám? Mười chín? Đôi khi vẻ ngoài của cô thay đổi như thể cô già hơn.”

“Có lẽ em là thế. Bề ngoài của một người chịu tác động của những điều người ấy trải nghiệm và đọc. Cứ nhìn ông mà xem.”

“Có vấn đề gì với tôi?”

“Có bao giờ ông thấy nụ cười của mình không? Ông giống một người lính già.”

Gã khẽ tựa mình trên ghế, lúng túng. “Tôi không biết một người lính già cười thế nào.”

“Em thì em biết.” Mắt cô tối lại. Cô lục lọi trong trí nhớ. “Có một lần em biết mười ngàn người đi tìm biển.”

Corso nhướng một bên mày vẽ chế nhạo. “Thật vậy sao? Cô trải nghiệm hay đọc về điều đó?”

“Phỏng đoán.” Cô ngừng lại nhìn gã chăm chú trước khi bổ sung, “Ông có vẻ là người khôn ngoan, ông Corso.”

Cô đứng lên, nhặt cuốn sách trên bàn và đôi giày thể thao trắng trên sàn. Đôi mắt cô long lanh, và Corso nhìn ra ý nghĩa của nó. Có gì đó thân thuộc trong ánh mắt đăm đăm của cô.

“Có lẽ ta sẽ gặp lại nhau đâu đó,” cô nói trước khi đi.

Corso không nghi ngờ gì điều đó. Gã không rõ mình muốn hay không. Nửa nọ nửa kia, ý nghĩ này chỉ duy trì trong một thoáng. Khi rời đi, cô gái lướt qua Amilcar Pinto ở cửa.

Đó là một người đàn ông thấp nhỏ, mỡ màng. Da đen và bóng như vừa đánh véc ni, bộ ria rậm và thô tia vụng. Hẳn sẽ là một viên cớm trung thực, hoặc thậm chí là một cảnh sát đặc lực nếu không phải nuôi năm đứa con, một cô vợ và ông bố về hưu thường hay trộm thuốc lá của hẵn. Vợ hẵn là người lai đen hai mươi năm trước rất đẹp. Pinto mang cô ta từ Mozambique về vào thời nước này đòi độc lập, khi ấy Maputo còn gọi là Lourenco Marques còn chính hẵn là một trung sĩ được thưởng huân chương trong đội lính dù, một chàng trai mảnh khảnh và dũng cảm. Trong thời gian hai người thỉnh thoảng hợp tác trong đôi ba vụ làm ăn, Corso đã gặp vợ hẵn - đôi mắt thâm quầng mệt mỏi, ngực nhão, dép lê, buộc tóc bằng khăn choàng đỏ - ở hành lang dẫn tới căn hộ đầy mùi trẻ con bần thủ và mùi rau luộc.

Viên cảnh sát đi thẳng vào phòng chờ, liếc nhìn cô gái khi đi qua, rồi gieo mình lên cái ghế bành đối diện với Corso. Hẳn thở không ra hơi, cứ như vừa phải đi bộ suốt quãng đường từ Lisbon tới.

“Cô ta là ai?”

“Là ai không quan trọng,” Corso trả lời. “Người Tây Ban Nha. Đi du lịch”

Pinto gật đầu. Hẵn chùi bàn tay ẩm ướt vào ống quần. Đó là cử chỉ quen thuộc của hẵn. Hẵn ra mồ hôi thật nhiều, cổ áo lúc nào cũng có một vòng sẫm ở chỗ tiếp xúc với da.

“Tôi gặp một vấn đề nhỏ,” Corso nói.

Pinto ngoác miệng cười. Không gì không giải quyết được, về mặt hần nói thế. Chừng nào tôi với anh còn hợp rơ nhau. “Bảo đảm ta sẽ thu xếp đầu vào đấy,” hần trả lời.

Đến lượt Corso cười. Gã gặp Amilcar Pinto bốn năm trước. Có mấy cuốn sách bị ăn cắp xuất hiện ở hội chợ sách Ladra - thật tệ. Corso tới Lisbon nhận dạng chúng, Pinto xích tay mấy người, và trên đường trở về với chủ nhân của chúng, vài cuốn sách cực kỳ giá trị vĩnh viễn biến mất. Để chúc mừng tình bạn thành công, Corso và Pinto uống với nhau trong quán cà phê nhạc ở Barrio Alto. Viên cựu trung sĩ dù nhớ lại thời còn ở thuộc địa, kể lại vì sao suýt nữa hần bị bay mất hai cái hồn trong trận Gorongosa. Hai người kết thúc bằng bài “Grândola Vila Morena”[2] gào hết cỡ trên Santa Luzia. Dưới ánh trăng, quận Alfama trải dài dưới chân họ, xa xa dòng Tagus mênh mông lấp lánh như một dải lụa bạc. Những bóng thuyền đen thẫm chậm chạp trôi theo hướng tháp Belem và Đại Tây Dương.

[2] Grândola Vila Morena: bài hát cách mạng của Bồ Đào Nha, nói về tình anh em của những người dân thị trấn Grândola, vùng Alentejo, từng bị cấm dưới chế độ độc tài Salazar (1932-1968).

Người phục vụ mang cà phê tới cho Pinto theo yêu cầu của hần. Corso không nói gì cho đến khi người đó đi khỏi.

“Là về một cuốn sách.”

Viên cảnh sát nghiêng mình trên cái bàn nhỏ, bỏ đường vào ly cà phê.

“Bao giờ cũng là về một cuốn sách,” hần trầm giọng nói.

“Cuốn này đặc biệt.”

“Cuốn nào mà chẳng đặc biệt?”

Corso cười sắc lạnh. “Ông chủ không muốn bán.”

“Thế thì tệ thật.” Pinto uống một ngụm rồi thưởng thức hương vị cà phê. “Mua bán là chuyện tốt. Hàng hóa luân chuyển, đến và đi. Tạo ra của cải, đem lại tiền bạc cho người đứng giữa...” Hần đặt cốc xuống rồi chùi hai tay vào quần. “Sản phẩm phải được lưu thông. Đây là quy luật của thị trường, của cuộc sống. Không bán là phải bị cấm: nó gần như một tội ác.”

“Đồng ý,” Corso nói. “Ta cần làm gì đó với nó.”

Pinto lại ngả người trên ghế. Điềm đạm và tự tin, hần nhìn Corso vẻ chờ mong. Một lần, sau một trận phục kích trong rừng ở Mozambique, hần trốn thoát, mang theo một sĩ quan hấp hối vượt qua mười cây số rừng rậm. Rạng sáng hần biết viên sĩ quan đã chết, nhưng không muốn bỏ anh ta lại. Vì vậy hần tiếp tục cõng cái xác về đến căn cứ. Viên trung úy còn rất trẻ, và Pinto nghĩ rằng bà mẹ hần sẽ muốn anh ta được chôn cất ở Bồ Đào Nha. Người ta cho hần một tấm huân chương vì chuyện đó. Bây giờ lũ trẻ nhà Pinto chơi quanh nhà với tấm huân chương cũ kỹ.

“Có thể anh biết ông ta: Victor Fargas.”

Viên cảnh sát gật đầu. “Fargas là một dòng họ danh giá, rất lâu đời,” hần nói. “Trong quá khứ họ có rất nhiều ảnh hưởng, giờ thì chẳng còn gì.”

Corso đưa cho hần một phong bì dán kín. “Đây là toàn bộ thông tin anh cần: ông chủ, cuốn sách và vị trí.”

“Tôi biết ngôi nhà đó.” Pinto liếm liếm môi trên, thấm ướt bộ ria. “Rất đại dột, để bao nhiêu sách quý ở đó. Bất cứ một thằng vô lại nào cũng có thể lên vào.” Hần nhìn Corso như lấy làm buồn vì sự vô trách nhiệm của Victor Fargas. “Tôi nhắm được một người, một gã trộm vặt ở Chicago, gã nợ tôi một chút ân huệ.”

Corso rũ những hạt bụi vô hình trên quần áo. Chuyện này chẳng liên quan gì tới gã. Trong giai đoạn tiến hành thực tế thì không.

“Tôi không muốn có mặt gần đó khi chuyện xảy ra.”

“Đừng lo. Anh sẽ có cuốn sách, còn ngài Fargas sẽ gặp ít phiền phức nhất. Quá lắm là một ô kính cửa sổ vỡ. Sẽ là một vụ sạch sẽ. Còn chi phí...”

Corso trở cái phong bì chưa mở trong tay Pinto. “Đây là khoản đặt trước, một phần tư tổng số. Phần còn lại lấy lúc giao hàng.”

“Tốt. Khi nào anh đi?”

“Sáng mai, ngay khi có thể. Tôi sẽ liên lạc với anh từ Paris.” Pinto chuẩn bị đứng lên, nhưng Corso ngăn hấn lại. “Còn một chuyện nữa. Tôi cần nhận dạng một người. Cao khoảng hơn mét tám, để ria, một vết sẹo trên mặt. Tóc đen, mắt đen. Gầy. Không phải người Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha. Đêm nay hấn lần khuất đâu đó quanh đây.”

“Hấn thuộc loại nguy hiểm?”

“Không biết. Hấn theo tôi từ Madrid.”

Pinto ghi lên mặt sau cái phong bì. “Chuyện này có liên quan gì đến công việc của chúng ta không?”

“Tôi nghĩ là có. Nhưng tôi không biết gì hơn.”

“Tôi sẽ làm chuyện có thể làm. Tôi có bạn ở đồn cảnh sát khu vực Sintra. Và tôi sẽ kiểm tra tài liệu tại trung tâm chỉ huy ở Lisbon.”

Hấn đứng dậy nhét phong bì vào túi trong áo khoác. Corso thoáng thấy khẩu súng ngắn trong bao nằm dưới nách trái hấn.

“Anh không ở lại uống chút gì ư?”

Pinto thở dài lắc đầu. “Tôi muốn lắm, nhưng ba đứa trẻ nhà tôi lên sởi. Lũ chó con cứ theo nhau từng đứa một.” Hấn mỉm cười mệt mỏi. Mọi người hùng trong thế giới của Corso đều mệt mỏi.

Họ cùng nhau tới chỗ chiếc Citroën hai ngựa cũ kỹ của Pinto đậu ở cửa khách sạn. Khi bắt tay nhau, Corso lại nhắc với Fargas.

“Hãy bảo đảm rằng Fargas bị quấy rầy ít nhất. Đây chỉ là một vụ trộm.”

Pinto khởi động xe và bật đèn. Hấn nhìn Corso về trách móc qua cửa sổ mở. Gần như bị xúc phạm. “Xin anh. Không cần nhắc tôi nữa. Tôi biết tôi đang làm gì.”

18. Chương 08 - Phần 2

Sau khi Pinto đi rồi, Corso lên phòng sắp xếp lại những ghi chép của mình. Gã làm việc đến khuya, cái giường đầy giấy tờ và Chín cánh cửa để mở trên gối. Gã cảm giác vô cùng mệt mỏi và nghĩ giờ mà được tắm nước nóng dưới vòi sen một cái thì chắc sẽ hết căng thẳng. Chuông điện thoại vang lên khi gã sắp vào buồng tắm. Đó là Varo Borja, lão muốn biết gã sẽ thu xếp thế nào với Fargas. Corso cho lão biết đại khái về mọi việc đang diễn ra, bao gồm cả sự không thống nhất ở năm trong số chín bức minh họa.

“Nhân tiện cho ông biết,” gã thêm, “ông bạn Fargas của chúng ta không muốn bán.”

Có một khoảng im lặng ở đầu dây bên kia. Có vẻ Borja đang suy nghĩ, mặc dù không thể xác định lão nghĩ về những bức họa hay về việc Fargas không chịu bán sách. Khi lão lại lên tiếng, giọng lão nghe vô cùng thận trọng.

“Chuyện đó thì có thể mà,” lão nói và Corso vẫn không biết lão ám chỉ việc nào. “Có cách nào giải quyết ‘vấn đề’ hay không?”

“Có lẽ có.”

Borja lại im lặng. Corso đếm được năm giây trên đồng hồ của gã.

“Tôi để tùy anh định liệu.”

Sau đó họ không nói thêm gì nữa. Corso không nhắc tới cuộc trò chuyện với Pinto, Borja cũng chẳng hỏi Corso giải quyết “vấn đề” bằng cách nào, như cách lão nói mập mờ trước đó. Lão chỉ hỏi Corso có cần thêm tiền không, nhưng Corso nói không. Hai người thỏa thuận sẽ nói lại liên lạc khi Corso tới Paris.

Sau đấy Corso lại quay số gọi cho La Ponte, nhưng vẫn không có người thưa máy. Những trang màu xanh trong bản thảo Dumas vẫn nằm trong tệp. Gã nhặt những tờ ghi chép và cuốn sách bìa da đen với biểu tượng ngôi sao trên bìa, cho cả vào cái túi vải buồm rồi đẩy nó xuống gầm giường, buộc quai đeo vào chân giường. Như vậy nếu có người vào phòng với ý đồ mang nó đi, hắn sẽ phải đành thức Corso dù gã đang ngủ. Chẳng thà thế còn hơn là tha một kiện hành lý lôi thôi đi khắp nơi, gã tự nhủ khi bước vào nhà tắm bắt vôi sen. Và vì lý do nào đó, cũng nguy hiểm.

Gã đánh răng. Rồi cởi quần áo quăng trên sàn. Mặt gương bám đầy hơi nước, nhưng gã vẫn có thể thấy mình trong đó, gầy gò gân guốc như một con sói đói. Gã cảm thấy nỗi nhớ mong từ quá khứ xa xăm một lần nữa dội lên như một làn sóng đau khổ tràn ngập cả tâm trí. Giống như một sợi dây đàn rung lên trong thân xác và ký ức gã. Nikon. Gã nhớ nàng mỗi khi gã cởi thắt lưng. Nàng luôn khẳng khẳng đòi tháo nó cho gã, như thể đó là một điều thiêng liêng. Gã nhắm mắt lại là thấy nàng ngồi bên mép giường trước mặt, chậm rãi kéo quần dài, rồi quần lót cho gã, cười dịu dàng và bí ẩn như đang thưởng thức khoảng khắc ấy. Đứng căng thẳng, Lucas Corso. Một lần nàng bí mật chụp ảnh khi gã ngủ. Gã nằm úp mặt xuống với vết nhăn chạy dọc xuống trán và hai má râu đen lởm chởm. Nó làm cho nếp nhăn căng thẳng và cay đắng trên cái miệng hé mở. Trên đệm gối gã giống như một con sói kiệt sức, nghi ngờ và đau khổ giữa đồng hoang tuyết trắng. Gã không thích tắm ảnh. Gã tìm thấy nó trong khay thuốc hăm trong phòng tắm, nơi Nikon dùng làm buồng tối. Gã xé cả ảnh lẫn phim âm bản thành từng mảnh. Sau đó nàng không bao giờ nhắc tới nó nữa.

Trong phòng tắm, nước nóng khiến gã bỏng rát. Gã để cho dòng nước chảy tràn trên mặt, mặc kệ mi mắt nóng giãy. Gã ráng chịu cơn đau, quai hàm nghiến chặt, toàn thân cơ bắp căng lên, cố ghì để khỏi gào lên vì cô đơn trong làn hơi nước khiến gã ngạt thở. Trong bốn năm, một tháng, mười hai ngày, sau khi làm tình, Nikon thường vào nhà tắm xoa xà phòng lên lưng cho gã, từ từ, vô tận. Rồi nàng dang tay ôm gã, giống như một cô gái nhỏ trong mưa. Rồi một ngày em sẽ đi xa mà vẫn chưa thực sự hiểu anh. Anh sẽ nhớ đôi mắt em to đen. Những im lặng oán hờn. Những tiếng than thở lo âu trong giấc ngủ. Những cơn ác mộng trong đó anh không bảo vệ được em. Anh sẽ nhớ tất cả khi em đã ra đi.

Gã tựa đầu trên những tấm gạch lát màu trắng đang rỏ nước, trong một sa mạc bốc hơi ngùn ngụt giống như địa ngục. Từ khi Nikon ra đi đến nay chưa hề có ai xoa xà phòng lên lưng cho gã. Không một ai. Chưa một lần nào.

Tắm xong gã chui vào giường với cuốn Hồi ký đảo Sainte Hélène nhưng chỉ đọc mấy dòng:

Trở lại với chủ đề chiến tranh, hoàng đế tiếp tục: “Người Tây Ban Nha nhìn chung là những người trọng danh dự.”

Gã nhăn mặt với lời khen ngợi của Napoléon từ hai thế kỷ trước. Nhớ đến câu nói gã nghe khi còn nhỏ, có lẽ là của ông nội hay ông ngoại hay của cha gã. “Có một chuyện mà người Tây Ban Nha chúng ta làm rất tốt hơn người khác, là xuất hiện trong tranh Goya.” Những người trọng danh dự, Bonaparte nói thế. Corso nghĩ về Borja và cuốn séc của lão. Về La Ponte và thư viện của người đàn bà góa bị cướp đoạt vì món lợi nhuận cón con. Về linh hồn Nikon lang thang trong sa mạc cát trắng hoang vắng. Về chính gã, người thợ săn làm thuê cho kẻ trả nhiều tiền nhất. Đây là những lần khác nhau.

Gã ngủ thiếp đi, trên miệng còn vương nụ cười cay đắng và tuyệt vọng.

Khi tỉnh dậy, thứ đầu tiên gã nhìn thấy là ánh rạng đông xám xịt rọi qua cửa sổ. Quá sớm. Gã loay hoay hồi lâu tìm đồng hồ trên cái bàn đầu giường thì mới nhận ra chuông điện thoại đang reo. Hai lần gã để rơi cái tai nghe trước khi nhét được nó vào giữa cái gối và tai gã.

“A lô?”

“Một người bạn hồi đêm qua của ông. Nhớ không? Irene Adler. Em đang ngoài hành lang. Ta cần nói chuyện. Ngay bây giờ.”

“Quý tha ma bắt...”

Nhưng cô đã gác máy. Corso vừa chửi vừa tìm cặp kính. Gã hất chân ra và kéo quần lên, loạng choạng và bối rối. Chợt gã hoảng hốt nhìn xuống gầm giường. Cái túi còn nguyên. Gã cố tập trung chú ý nhìn xung quanh. Mọi thứ trong buồng vẫn ngăn nắp. Chuyện gì đây đang xảy ra là ở bên ngoài. Gã chỉ đủ thời gian vào buồng tắm để vĩa nước lên mặt khi cô gõ cửa.

“Cô biết giờ là mấy giờ không?”

Cô đứng đó với cái áo len thô màu xanh và cái túi trên lưng. Mắt cô còn xanh hơn đôi mắt trong trí nhớ của gã.

“Sáu giờ rưỡi sáng,” cô bình tĩnh nói. “Và ông phải mặc ngay quần áo vào.”

“Cô điên à?”

“Không.” Cô bước vào buồng chẳng đợi mời và liếc quanh với ánh mắt phê phán. “Chúng ta không có nhiều thời gian.”

“Chúng ta?”

“Ông và em. Chuyện phiền phức lắm.”

Corso khịt mũi giận dữ. “Đùa giờ này là sớm quá đấy.”

“Đừng ngốc nữa.” Cô nhăn mũi với vẻ nghiêm trọng. Mặc dù vẫn trẻ trung và giống con trai, giờ trông cô khác hơn, già dặn và tự tin hơn. “Em nói nghiêm túc.”

Cô đặt túi đeo trên cái giường bừa bộn. Corso cầm nó lên đưa cô và trở cánh cửa.

“Biến đi,” gã nói.

Cô vẫn đứng yên nhìn gã chăm chú. “Nghe đây.” Đôi mắt cô ở rất gần, giống như bằng tinh thể lỏng sáng rực lên làn da rám nắng. “Ông biết Victor Fargas là ai không?”

Corso nhìn thấy qua vai cô khuôn mặt gã trong gương, bên trên cái tủ com mốt. Mồm há ra như một tên khờ.

“Tất nhiên.”

Phải sau mấy giây gã mới trả lời được trong khi còn đang ngơ ngác và bối rối. Cô đợi, không hài lòng lắm với phản ứng của gã. Rõ ràng cô đang nghĩ đến chuyện khác.

“Ông ta chết rồi,” cô nói.

Cô nói với giọng dừng dưng, như thể chỉ cho gã biết là Fargas đi uống cà phê hay đi chữa răng. Corso hít một hơi dài, cố hiểu xem cô vừa nói gì. “Không thể thế được. Tối qua tôi ở chỗ ông ta. Ông ta vẫn ổn.”

“Bây giờ thì không. Không ổn tí nào.”

“Làm sao cô biết?”

“Chỉ vừa mới thôi.”

Corso lắc đầu ngờ vực, rồi đi tìm một liều thuốc. Giữa chừng, trông thấy chai Bols, gã liền làm một tợp. Rượu gin xộc vào dạ dày rỗng khiến gã rùng mình. Gã đợi, cố ép mình không nhìn cô chừng nào chưa nuốt xong ngụm khói đầu tiên. Gã không khoái chút nào vai diễn gã buộc phải nhận buổi sáng hôm nay. Gã cần thời gian để nghĩ.

“Quán cà phê ở Madrid, trên tàu, và sáng nay ở Sintra...” Gã duỗi từng ngón tay bên trái ra đếm, liều thuốc trên môi, mắt lim dim trong khói thuốc. “Nhiều trùng hợp, cô có nghĩ thế không?”

Cô lắc đầu sốt ruột. “Em cứ nghĩ ông thông minh hơn. Có ai nói gì về những trùng hợp đâu?”

“Tại sao cô theo tôi?”

“Em thích ông.”

Corso chẳng cảm thấy có gì vui vẻ. Gã nhún vai. “Thật lố lăng.”

Cô nhìn gã một lượt, sâu lắng.

“Chắc thế,” sau cùng cô nói. “Ông thì không hấp dẫn mấy đâu, đặc biệt là trong cái áo khoác cũ và cặp kính đó.”

“Vậy thì sao?”

“Tìm câu trả lời khác đi. Gì cũng được. Nhưng giờ thì ông mặc quần áo vào chứ? Chúng ta phải đến nhà Fargas.”

“Chúng ta?”

“Ông và em. Trước khi cảnh sát tới.”

Lá khô lạo xạo dưới chân khi họ đẩy cánh cửa sắt bước theo lối đi hai bên là hai hàng tượng vỡ và bệ đá trống trơn. Ánh sáng buổi sớm âm u không để lại cái bóng nào, đồng hồ mặt trời bên trên bậc thềm đá vẫn không chỉ giờ. POSTUMA NECAT. Giờ cuối sát nhân, Corso đọc. Cô gái nhìn theo ánh mắt gã.

“Tuyệt đối đúng,” cô lạnh lùng nói rồi đẩy cửa. Nó bị khóa.

“Thử vòng phía sau xem,” Corso đề nghị.

Họ đi vòng quanh nhà, vượt qua vòi phun nước với thiên thần bằng đá mũm mĩm, đôi mắt trống rỗng và hai tay cụt vắn để nước rỏ giọt từ miệng mình xuống hồ nước. Bình tĩnh một cách đáng kinh ngạc, cô - Irene Adler hay tên gì cũng được - vượt lên trước trong cái áo len thô và ba lô trên lưng. Cô bước đi, cặp chân dài mềm mại mang quần jean, cái đầu ương ngạnh nghiêng về đằng trước với vẻ kiên quyết của một người biết chắc mình muốn tới đâu. Không như Corso. Gã đã vượt qua nỗi nghi ngờ mà để cô dẫn dắt. Những câu hỏi tạm gác lại đó. Đầu óc nhanh nhẹn hẳn lên sau khi tẩu vội dưới vòi sen, mang theo toàn bộ những thứ gã thấy là quan trọng trong cái túi, bây giờ ngoài Chín cánh cửa của Victor Fargas, cuốn số 2, gã chẳng nghĩ đến thứ gì khác.

Họ dễ dàng leo qua cái cửa sổ kiểu Pháp từ ngoài vườn thẳng vào phòng khách. Trên trần, Abraham tay cầm con dao gọt cao, đưa mắt nhìn xuống đồng sách xếp gọn trên sàn. Trong nhà hình như không có người.

“Fargas đâu?” Corso hỏi.

Cô gái nhún vai. “Em đâu biết.”

“Cô nói ông ta đã chết.”

“Đúng.” Sau khi nhìn quanh, nhìn những bức tường trống và những cuốn sách, cô tò mò cầm cây vĩ cầm trong ngăn tủ lên xem. “Điều em không biết là ông ta ở đâu.”

“Cô nói dối.”

Cô áp cây đàn vào má, lấy ngón tay gảy mấy sợi dây rồi trả nó về chỗ cũ, có vẻ như không vừa lòng với âm thanh của nó. Rồi cô nhìn Corso.

“Kìa, em nói thật mà.”

Cô mỉm cười, xa vắng. Trước Corso, vẻ bình thần của cô, già dặn thành thực một cách không hợp lẽ, dường như vừa sâu sắc lại vừa nông nổi. Cô gái này xử sự như theo một quy luật lạ lùng dẫn dắt, giống như bị đưa đẩy bởi những điều phức tạp hơn so với lứa tuổi và vẻ ngoài của cô.

Bỗng nhiên những ý nghĩ này - cô gái, những sự kiện kỳ bí, thậm chí cả cái xác giả định của Victor Fargas - hết thấy đều biến mất khỏi tâm trí Corso. Trên tấm thảm xơ xác thêu trện chiến ở Arbelas, giữa những cuốn sách về ma thuật và huyền học, gã thấy một chỗ trống. Chín cánh cửa không còn nữa.

“Cút,” gã thốt lên.

Gã quỳ xuống bên đám sách xếp thành hàng và lại một lần nữa lẩm bẩm chữ. Ánh mắt chuyên nghiệp của gã dừng lại rất nhanh ở một cuốn sách, trở đi rồi trở lại, chẳng ích gì. Da Maroc đen, nằm dài bằng nổi, bên ngoài không nhan đề, hình dập ngôi sao trên bìa. Umbrarum regni, vân vân. Gã không lẩm. Một phần ba của điều bí ẩn, chính xác là ba mươi ba lẻ vô cùng tận số ba phần trăm, đã tan biến.

“Cút thật.”

Không thể là Pinto, hẳn không đủ thì giờ bố trí. Cô gái nhìn như chờ đợi gã làm gì đấy thú vị. Corso đứng lên.

“Cô là ai?”

Đó là lần thứ hai trong vòng chưa tới mười hai giờ gã hỏi câu đó, nhưng với hai người khác nhau. Mọi chuyện trở nên phức tạp quá nhanh. Cô gái lẳng lặng nhìn Corso, không phản ứng gì trước câu hỏi. Một hồi sau, cô quay đi nhìn cái khe trống rỗng. Cũng có thể là những cuốn sách trên sàn.

“Chuyện đó chẳng quan trọng gì,” cô trả lời. “Tốt hơn cả là ông quên chuyện đó và nghĩ xem cuốn sách chạy đi đâu.”

“Cuốn sách nào?”

Cô nhìn gã im lặng. Gã thấy mình ngớ ngẩn không tưởng tượng được.

“Cô biết quá nhiều,” gã nói. “Thậm chí hơn cả tôi.”

Cô lại nhún vai. Đưa mắt nhìn đồng hồ trên tay Corso.

“Ông không còn nhiều thời gian.”

“Tôi đểch quan tâm mình có bao nhiêu thời gian.”

“Tùy ông. Nhưng năm giờ nữa có một chuyến bay Lisbon đi Paris, từ sân bay Portela. Chúng ta chỉ có thể đi chuyến đó.”

Trời ạ. Corso rùng mình kinh sợ. Cô giống như một thư ký đắc lực, thời gian biểu trong tay, liệt kê những cuộc hẹn trong ngày của ông chủ. Gã há miệng toan trách móc. Mà lại trễ trung đến thế, với đôi mắt khiến lòng người xao xuyến thế. Cô phù thủy bé bỏng chết giấm.

“Tại sao tôi phải đi ngay?”

“Vì cảnh sát có thể tới.”

“Tôi chẳng có gì phải giấu giếm.”

Cô gái cười mơ hồ, như thể vừa nghe một câu đùa quá cũ. Quàng cái ba lô lên vai, cô vẫy chào từ biệt.

“Em sẽ gửi thuốc lá vào tù cho ông. Mặc dù loại thuốc này không có bán ở Bồ Đào Nha.”

Cô trở ra theo lối khu vườn, không hề quay lại nhìn căn buồng. Corso đã toan đi theo ngăn cô lại. Chợt gã thấy có gì đó trong lò sưởi.

Sau một thoáng ngỡ vực, gã bước tới. Rất từ từ, như muốn cho mọi thứ có thể trở lại bình thường. Nhưng khi tới gần và cúi mình trên bệ lò sưởi, gã mới nhận ra rằng tổn thất là không thể bù đắp nổi. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi từ đêm qua đến sáng nay, một khoảnh khắc không đáng gì so với hàng thế kỷ tồn tại của chúng, các cuốn thư mục sách cổ đã trở thành lỗi thời. Bây giờ còn lại không phải ba cuốn Chín cánh cửa mà chỉ là hai. Cuốn thứ ba, hay phần còn lại của nó đang cháy âm ỉ trên đám than hồng.

Gã quỳ xuống, thận trọng để không đụng vào thứ gì. Tầm bìa, hẳn là vì được bọc da, bị hư hại ít hơn những trang bên trong. Hai trong năm dải băng nổi trên gáy sách còn nguyên vẹn, và cái biểu tượng khắc chìm mới cháy một nửa. Nhưng các trang hầu hết bị ngọn lửa tàn phá. Chỉ còn lại mấy mảnh vụn bên lề cháy sém, với dăm ba con chữ. Gã để bàn tay mình lơ lửng bên trên những tàn tích còn âm.

Rút ra một điều thuốc trên môi, nhưng gã không châm lửa. Gã vẫn nhớ những thanh củi xếp đặt như thế nào trong lò sưởi đêm hôm qua. Từ tình trạng của đồng tro tàn - những thanh củi cháy nằm dưới tàn tro của cuốn sách, còn chưa có ai cời than - có thể thấy là ngọn lửa đã cháy đến hết với cuốn sách nằm trên. Gã nhớ rằng số lượng củi đủ để duy trì ngọn lửa chừng bốn đến năm tiếng. Và độ nóng của tro cho thấy ngọn lửa đã tắt cũng gần ấy tiếng đồng hồ trước. Tổng cộng là từ tám đến mười tiếng trước. Hẳn có ai đẩy nhóm lò sưởi vào khoảng từ mười đến mười hai giờ đêm, rồi quăng cuốn sách vào lò. Và dù là ai thì sau khi đã làm vậy rồi cũng sẽ không ở loanh quanh đấy để cời lửa.

Corso dùng một tờ báo cũ bọc những phần còn sót lại mà gã cứu được từ trong lò sưởi. Những mảnh giấy còn sót lại giòn rụm, rất dễ nát vụn, khiến gã khá mất công. Trong lúc làm việc này, gã nhận ra rằng các trang sách và trang bìa cháy riêng rẽ. Ai đó đã xé chúng ra khi ném vào lò để cho dễ cháy.

Sau khi thu thập hết mọi thứ, gã ngừng lại nhìn quanh buồng. Cuốn của Virgil và Agricola vẫn ở chỗ cũ. De re metalica xếp cùng những cuốn khác trên thảm còn Virgil trên bàn đúng như khi Fargas để chúng ở đó và cất giọng như linh mục trong buổi lễ hiến tế: “Tôi nghĩ tôi sẽ bán cuốn này...” Có một tờ giấy kẹp giữa những trang sách. Corso mở cuốn sách. Đó là một tờ phiếu thu viết tay, chưa hoàn thành.

Victor Coutinho Fargas, căn cước số 3554712, địa chỉ Quinta de Soledade, Carretera, cây số 4, Sintra. Cảm tạ đã nhận được số tiền tám trăm ngàn escudo cho cuốn sách thuộc sở hữu của tôi, “Virgil. Opera nunc recens accuratissime castigata... Venice, Giunta, 1544.” (Essling 61. Sander 7671.) Folio, 10.587, 1c, 113 tranh khắc gỗ. Tình trạng tốt và đầy đủ.

Người mua...

Không có tên người mua hay chữ ký. Phiếu thu sẽ vĩnh viễn không hoàn chỉnh. Corso để tờ giấy vào chỗ cũ rồi gấp cuốn sách lại. Sau đó gã tới căn phòng chiều hôm trước để chắc chắn mình không để lại dấu vết gì, không còn tờ giấy nào có bút tích của gã hay gì đấy như vậy. Gã nhặt hết những đầu mẩu thuốc lá trong gạt tàn, gói cả vào một mảnh báo cũ cho vào túi. Gã nhìn quanh thêm lát nữa. Tiếng chân gã vang trong căn nhà trống. Không thấy dấu hiệu gì của chủ nhân.

Khi một lần nữa đi qua chỗ sách trên sàn, gã dừng lại, thèm thuồng. Thật dễ dàng và thuận tiện - mấy cuốn khổ nhỏ của nhà Elzevir lồi cuốn gã. Nhưng Corso là người nhạy cảm. Làm thế thì mọi chuyện chỉ càng thêm phức tạp nếu mọi chuyện xấu đi. Vì vậy, gã đành chia tay bộ sưu tập Fargas với một tiếng thở dài.

Qua cái cửa kiểu Pháp ra ngoài vườn đi tìm cô gái, lê chân trên đám lá rụng, gã thấy cô đang ngồi trên một bậc thang thấp hướng ra cái ao. Gã nghe tiếng nước rỏ giọt từ miệng thiên thần mồm mồm xuống mặt nước màu xanh phủ đầy cây thủy sinh. Cô đang mê mải nhìn xuống ao. Tiếng chân gã kéo cô ra khỏi trầm tư, khiến cô quay đầu lại.

Corso đặt cái túi vải xuống chân bậc thềm và ngồi xuống bên cô. Gã châm điều thuốc vẫn gắn trên môi từ nãy giờ. Nuốt một hơi khói, nghiêng đầu, gã vút que điem đi. Rồi quay lại cô.

“Giờ thì hãy cho tôi biết mọi thứ.”

Vẫn chăm chú nhìn xuống ao, cô khẽ lắc đầu. Không bất ngờ, cũng không khó chịu. Ngược lại, cử động của đầu cô, má cô và khóe miệng cô thật ngọt ngào và ân cần, như thể sự có mặt của Corso, khu vườn u sầu bị bỏ quên và âm thanh của nước đều đang chuyển động một cách kỳ dị. Trông cô trẻ đến mức khó tin. Hầu như không có sức tự vệ. Và hết sức mệt mỏi.

“Chúng ta phải đi,” cô nói khẽ đến mức Corso chỉ vừa nghe thấy. “Paris.”

“Đầu tiên hãy nói với tôi quan hệ của cô với Fargas như thế nào. Sau tất cả những chuyện này.”

Cô lại lắc đầu im lặng. Corso nhả ra một ngụm khói. Không khí ảm đến mức làn khói lơ lửng trước mặt gã một lúc trước khi từ từ tan biến. Gã nhìn cô gái.

“Cô biết Rochefort?”

“Rochefort?”

“Bất kể tên hắn là gì. Da đen, một vết sẹo. Hắn lẩn lút quanh đây đêm qua.” Nói đến đây, Corso chợt thấy tất cả chuyện này mới ngỡ ngàng làm sao. Gã kết thúc bằng một cái nhún vai nghi ngờ trí nhớ của chính mình. “Thậm chí tôi đã nói chuyện với hắn.”

Cô gái lại lắc đầu, vẫn nhìn ra ao chăm chú.

“Em không biết hắn.”

“Vậy cô làm gì ở đây?”

“Theo ông.”

Corso nhìn chăm chú vào mũi giày của gã, xoa hai bàn tay tê cóng. Tiếng nước rỏ tí tách xuống ao bắt đầu khiến đầu óc gã căng thẳng. Gã rút hơi thuốc cuối cùng. Khói thuốc đăng ngắt và môi gã bông giấy.

“Cô điên rồi, cô bé.”

Gã ném đầu mẩu thuốc ra xa, chăm chăm nhìn làn khói mờ dần trước mắt.

“Cực kỳ điên,” gã thêm.

Cô vẫn không nói gì. Sau một thoáng, Corso lấy chai gin ra tợp một hơi dài, không hề mời cô. Gã lại nhìn cô lần nữa.

“Fargas đâu?”

Vẫn chìm đắm, trầm tư, phải một phút sau cô mới trả lời. Bằng cách hất cằm. “Kia.”

Corso dõi theo ánh mắt cô. Giữa ao, dưới dòng nước chảy ra từ miệng thiên thần cụt tay với đôi mắt trống rỗng, hình dáng lơ mơ của một người đàn ông úp mặt xuống nước, lập lờ trong đám cây hoa súng và lá chết.

19. Chương 09 - Phần 1

IX. NGƯỜI BÁN SÁCH PHỔ BONAPARTE

“Bạn thân mến,” Athos tư lự nói, “nên nhớ rằng chỉ có với người chết ta mới không phải chẳng may gặp lại trên thế giới này.”

A. Dumas, BA NGƯỜI LÍNH NGỰ LÂM.

Lucas Corso kêu cốc gin thứ hai rồi ngồi lại thoải mái trên cái ghế tựa đan bằng cành liễu gai. Dưới ánh nắng cảm giác thật dễ chịu. Gã ngồi trong sân trời của quán cà phê Atlas trên phố de Buci, dưới một khung sáng hình chữ nhật phủ lên những cái bàn. Đó là một buổi mai lạnh lẽo sáng sủa, trên bờ trái sông Seine người đông như kiến: những người Nhật lơ ngơ, người Anglo-Saxon mang giày đế mềm cầm vé xe điện ngầm đi tới đi lui đánh dấu bước chân của mình ở các địa danh trong tiểu thuyết của Hemingway, các bà xách giỏ đựng đầy rau diếp và bánh mì dài, những ông chủ phòng tranh gầy gò ngoảnh mũi tìm chỗ làm một ly cà phê trong bữa ăn trưa. Một thiếu phụ trẻ duyên dáng, tựa vào cánh tay một ông trung niên ăn mặc lịch sự, có vẻ là nhà buôn đồ cổ hay một thằng vô lại hoặc cả hai, đang ngắm quây kính một cửa hàng thịt ướp sang trọng. Một chiếc Harley Davidson tắt tắt các chi tiết đều mạ kền sáng loáng, một con chó Fox Terrier bảnh tính bị buộc vào cửa một hàng rượu đắt tiền, một người đàn ông trẻ tóc tết bím chơi sáo bên ngoài một cửa hàng nhỏ. Và ở bàn bên cạnh Corso, một cặp người châu Phi nom rất thanh lịch uể oải hôn môi nhau, như thể toàn bộ thời gian trên cõi đời này thuộc về họ, như thể những chạy đua vũ trang, AIDS và lỗ hổng tầng ôzôn chẳng có nghĩa lý gì trong một buổi sáng Paris đầy nắng.

Gã thấy cô đi qua góc phố Mazarin về phía quán cà phê gã ngồi. Cùng với dáng dấp con trai, cái áo khoác len thô thả ngoài quần jean, đôi mắt giống như những ngọn đèn trên làn da cháy nắng, xa xa trông cô nổi bật trong đám đông, giữa đường phố đầy ánh mặt trời rực rỡ. Đẹp vô cùng, La Ponte chắc chắn sẽ nói vậy sau khi háng giọng rồi xoay mình để phô ra hình dáng ưu nhã nhất của hắn - khi bộ ria hắn dày và xoắn

hơn một chút - về phía cô. Nhưng Corso không phải là La Ponte, vì vậy gã chẳng nói hay tưởng cái gì. Gã chỉ hậm hực liếc nhìn người bồi bàn mang cốc gin đặt lên bàn - Pas d'Bols, m'sieu - Không có Bols, rồi chìa cho gã số tiền chính xác trên hóa đơn - Service compris, cả tiền phục vụ, anh bạn trẻ - trước khi quay lại nhìn cô gái đang tới gần. Đến lúc hết yêu nhau, Nikon để lại một lỗ trống trong lòng gã có kích thước bằng một loạt đạn. Thế là trọn vẹn cho tình yêu. Mà gã cũng chẳng tin rằng mình có hình dáng dễ coi, bây giờ cũng vậy hay bất cứ lúc nào cũng vậy. Và thật đáng bị ăn đòn nếu gã lại quan tâm đến chuyện ấy.

Gã tháo kính ra lau bằng cái khăn tay. Đường phố bây giờ đầy những hình dáng mơ hồ, những dáng người mang khuôn mặt nhòe mờ. Một trong số đó nổi bật và rõ ràng hơn khi tới gần, mặc dù chẳng bao giờ nó có thể hoàn toàn sắc nét: tóc ngắn, chân dài, giày mềm màu trắng, tất cả rõ lên dần khi gã chập vạt tập trung nhìn rõ cô. Cô ngồi xuống cái ghế trống.

“Em thấy cửa hàng rồi. Cách mấy dãy phố.”

Gã đeo kính vào nhìn cô không trả lời. Họ đi cùng nhau từ Lisbon, sau khi vội vàng rời khỏi Sintra phi tới sân bay, cứ như theo lời kể của ông già Dumas. Hai mươi phút trước khi xuất phát, Corso phôn cho Amilcar Pinto báo với hắn rằng kiếp sống khốn khổ của nhà sưu tầm sách Fargas đã dứt và kế hoạch bị hủy bỏ. Pinto vẫn được trả số tiền đã thỏa thuận để đền bù cho hắn đã quan tâm giúp đỡ. Ngoại trừ cảm thấy bất ngờ - cú phôn đã đánh thức hắn - Pinto phản ứng khá tốt. Hắn chỉ nói, “Tôi không hiểu anh nói gì, Corso, anh và tôi đâu có gặp nhau đêm qua ở Sintra.” Nhưng hắn hứa sẽ cho ai đó điều tra cẩn thận về cái chết của Fargas. Đương nhiên là sau khi nhận được tin chính thức. Giờ thì hắn chẳng biết gì, và cũng chẳng muốn biết, còn về việc khám nghiệm tử thi, Corso nên hy vọng báo cáo giám định pháp y sẽ kết luận nguyên nhân cái chết là do tự sát. Để phòng xa, Pinto sẽ trao cho các cơ quan hữu quan mô tả một đối tượng tình nghi mang một vết sẹo. Hắn sẽ giữ liên lạc qua điện thoại. Hắn thuyết phục Corso đừng quay lại Bồ Đào Nha trong một thời gian. “Ồ, còn một chuyện cuối cùng,” Pinto nói thêm khi thông báo về chuyến bay đi Paris đến giờ xuất phát vang lên. Lần sau, trước khi lôi kéo một người bạn vào một vụ giết người, Corso nên nghĩ kỹ. Corso vội vàng bảo vệ sự vô tội của gã trước khi máy điện thoại nuốt nốt đồng escudo cuối cùng. Rồi, rồi, Pinto đáp, ai cũng nói thế cả.

Cô gái đang chờ trong phòng đợi lên máy bay. Corso, vẫn còn bàng hoàng và chưa nghĩ ra cách gì để thoát khỏi những éo le đeo đuổi gã khắp nơi, lấy làm ngạc nhiên về năng lực xuất chúng cô biểu hiện khi kiếm được hai tấm vé máy bay cho họ không khó khăn gì. “Em mới được thừa kế ít tiền.” Cô trả lời trước lời nhận xét đầy mỉa mai của gã khi thấy cô dường như chỉ có ít tiền còm như thế mà vẫn có thể trả cho cả hai tấm vé. Sau đấy, trong hai giờ bay từ Lisbon đến Paris, cô từ chối trả lời bất kỳ câu hỏi gì. Để đến lúc thích hợp, cô nhắc lại và lén nhìn gã một thoáng trước khi đắm mình vào những vệt mây ngưng tụ sau đuôi máy bay trong không khí lạnh. Rồi, tựa đầu vào vai gã, cô ngủ thiếp đi, hoặc làm bộ vậy. Qua nhịp thở của cô, Corso biết cô vẫn thức. Đây là cách thích hợp để tránh những câu hỏi cô không sẵn sàng hoặc không được phép trả lời.

Người khác ở địa vị gã có lẽ sẽ đòi bằng được câu trả lời, sẽ lay cô dậy cho bằng được. Nhưng Corso thì không, gã là một con sói kiên nhẫn, có nghề, với bản năng và phản xạ của người đi săn. Dù sao cô cũng là sợi dây duy nhất có thực kết nối gã với hoàn cảnh trở trêu, hư ảo như trong tiểu thuyết này. Hơn nữa, gã đã hoàn toàn gánh vác vai trò một độc giả kiêm vai chính ở màn này của vở kịch, cái vai mà kẻ nào đó, bất kể là ai đang thất nút bên dưới tấm thảm trải nhà, dưới sâu xa cốt truyện, có vẻ như đang muốn mời gã đóng kèm theo một cái nháy mắt hoặc là khinh thường hoặc là bí ẩn, gã không rõ đằng nào là phải.

“Ai đó đang giở trò với tôi.” Corso nói to, ở độ cao chín ngàn mét bay trên vịnh Biscay. Gã nhìn cô, nhưng cô không động đậy. Bực bội vì sự im lặng của cô, gã dịch vai đi. Đầu cô xuôi xẹo một thoáng. Rồi cô thở dài, sửa lại thế ngồi cho thoải mái, lần này đầu cô dựa vào cửa sổ.

“Đương nhiên là thế,” rốt cuộc cô nói, giọng ngái ngủ và đầy vẻ khinh thường, hai mắt vẫn nhắm nghiền. “Bất cứ tên thộn nào cũng biết.”

“Chuyện gì xảy ra với Fargas?”

“Chính ông thấy rồi,” cô trả lời sau một giây. “Ông ta chết đuối.”

“Ai làm?”

Cô chậm chậm quay đầu, từ bên nọ qua bên kia, rồi nhìn ra ngoài cửa sổ. Bàn tay cô mảnh khảnh, rạm nắng, móng không sơn, chậm rãi trượt theo mép tựa tay nơi rìa dưới cửa sổ. Rồi dừng lại ở bên lề, như thể những ngón tay cô đụng phải vật gì đấy không trông rõ.

“Đó không phải vấn đề.”

Corso nhần mặt. Trông như gã sắp cười, nhưng thay vào đó gã chỉ nhe răng.

“Với tôi nó là vấn đề. Nó có rất nhiều ý nghĩa.”

Cô nhún vai. Vấn đề hai người quan tâm không giống nhau, có vẻ cô muốn tỏ ý như thế. Chúng không cùng thứ tự ưu tiên.

Corso vẫn khẳng khái. “Vai trò của cô trong toàn bộ chuyện này là cái gì?”

“Em nói rồi. Chăm sóc ông.”

Cô quay lại nhìn thẳng vào gã, cũng dứt khoát như khi nãy cô tránh không nhìn gã. Bàn tay cô lại trượt theo mép cửa sổ như muốn nối liền khoảng cách giữa hai người. Cô quá gần ở bên cạnh, khiến Corso tránh ra theo bản năng, bối rối và khó chịu. Sâu trong gan ruột gã, nơi khoảng vắng Nikon để lại, những ám ảnh bứt rứt và u ám nhộn nhạo khuấy đảo. Sự trống trải và đau đớn đang trở lại. Trong đôi mắt bình thản và không ký ức của cô gái, gã thấy bóng những hồn ma quá khứ, cảm giác chúng đang khê phốt qua da gã.

“Ai cử cô đến?”

Cô cụp hàng mi phủ trên đôi mắt tỏa sáng, giống như cô lật một trang sách. Chẳng còn gì ở đó nữa. Cô nhần mũi, bực bội.

“Ông làm em chán đấy, Corso.”

Cô quay đầu lại cửa sổ nhìn ra ngoài. Bầu trời xanh mênh mang điểm những sợi mây trắng bị chia cắt bởi một vệt màu vàng và màu hoàng thổ ở phía xa xa. Đất liền kia. Nước Pháp. Chẳng tới, Paris. Hay là chương kế tiếp. Tiếp tục trong số tuần sau. Kết thúc, lưỡi kiếm giương cao, chỗ tạm ngưng đầy gay cấn điển hình cho tiểu thuyết nhiều kỳ. Gã nhớ lại Quinta da Soledade, dòng nước nhỏ giọt từ vòi phun, cái xác Fargas chìm trong đám cây hoa súng và lá rụng trong ao. Gã xoay sở khó khăn trên ghế. Gã có đủ lý do để cảm thấy mình đang phải bỏ chạy. Đúng là ngớ ngẩn. Thay vì tự mình chọn đường chạy trốn, đây là gã bị buộc phải chạy trốn.

Gã nhìn cô gái và cố đánh giá hoàn cảnh của mình thật khách quan. Có lẽ không phải gã chạy trốn mà đang hướng tới thứ gì khác. Hoặc có thể điều bí ẩn gã cố trốn tránh đang ẩn giấu trong va li của gã. Rượu vang Anjou. Chín cánh cửa. Irene Adler. Cô tiếp viên hàng không, với nụ cười luyện kỹ và ngốc nghếch, nói gì đó khi đi ngang qua. Corso mãi mê suy nghĩ, nhìn mà không thấy cô. Giá mà gã biết đoạn kết của câu chuyện đã được viết ra hay là chính gã đang viết nó trong khi theo đuổi từ chương này đến chương khác.

Gã không nói gì thêm với cô. Khi họ tới Orly, gã như quên mất cô, mặc dù vẫn biết cô đang theo chân gã. Ở chỗ kiểm tra hộ chiếu, sau khi trình thẻ căn cước, gã ngoái lại xem cô có loại giấy tờ gì, nhưng gã chỉ thấy một hộ chiếu bọc da đen, bên ngoài không có dấu hiệu gì. Hẳn là hộ chiếu châu Âu, vì cô đi qua cửa dành cho công dân cộng đồng châu Âu. Ra đến bên ngoài, khi Corso cho taxi địa chỉ quen thuộc Louvre Concorde và leo lên taxi, cô trườn vào ghế bên cạnh gã. Họ đi trong im lặng. Cô xuống trước để gã trả tiền. Taxi không có tiền trả lại, vì vậy Corso phải nấn lại đôi chút. Khi gã đi qua hành lang, cô đã lấy được phòng và đang theo sau người phục vụ mang cái túi đeo của cô. Cô vẫy tay với Corso trước khi bước vào thang máy...

“Đó là một cửa hàng rất đẹp. Hiệu sách Replinger. Bản thảo chép tay và tư liệu lịch sử. Và đang mở cửa.”

Cô ra hiệu cho người bồi là không cần gì rồi nghiêng đầu nhìn Corso phía bên kia bàn, trong quán cà phê phố de Buci. Đường phố qua ô cửa sổ phản chiếu trong mắt cô long lanh như một cái gương.

“Ta có thể đến đó ngay bây giờ.”

Họ gặp lại nhau vào bữa sáng, khi Corso đang đọc báo bên một cửa sổ nhìn ra quảng trường Cung điện hoàng gia. Cô chào buổi sáng rồi ngồi xuống. Cô nhai ngẫu nhiên bánh mì nướng và bánh sừng bò. Rồi

nhìn Corso, một đường viền cà phê sữa bám ở môi trên, giống như một cô gái nhỏ. “Chúng ta bắt đầu từ đâu?”

Vậy là lúc này họ ở đó, cách hiệu sách Achille Replinger hai dãy phố. Cô gái đề nghị đi tìm khi Corso uống ly rượu gin đầu tiên trong ngày của gã. Gã có cảm giác đó không phải là ly cuối cùng.

“Ta có thể tới đó ngay bây giờ,” cô lặp lại.

Corso vẫn do dự. Gã đã thấy làn da rám nắng của cô ở trong mơ. Gã nắm tay cô đi trên cánh đồng hoang mờ tối. Những cột khói dựng lên phía chân trời, núi lửa sắp phun trào. Họ ngẫu nhiên vượt qua một chiến binh với khuôn mặt nghiêm nghị, áo giáp phủ đầy bụi đất, lẳng lặng nhìn họ, xa lạ và lạnh lùng như những chiến binh tử thần u buồn thành Troie. Chân trời đang sẫm lại và cột khói dần đặc hơn. Những khuôn mặt đứng đưng ma quái của các chiến binh tử trận chứa đựng một lời cảnh báo. Corso muốn thoát đi. Gã cầm tay kéo cô đi, bản khoán không muốn để cô ở lại, nhưng không khí trở nên đặc quánh, nóng giãy, tối tăm, ngột ngạt. Cuộc trốn chạy của họ kết thúc bằng một cú rơi vô tận, một cơn hấp hối chậm chậm trong đau đớn. Bóng đêm bùng cháy như lò lửa. Mỗi liên hệ duy nhất với bên ngoài là bàn tay gã đang cố nắm lấy tay cô. Điều cuối cùng gã cảm thấy là bàn tay cô lỏng dần khỏi tay gã, cuối cùng hóa thành tro. Và đằng trước gã, trong bóng đêm bao phủ bình nguyên bốc cháy và đầu óc gã, những đốm trắng, những dấu vết thoát hiện thoát biến như những tia chớp, làm nổi bật lên hình dáng ma quái của một cái sợ người. Không vui vẻ gì khi nhớ lại. Để xóa đi mùi vị của tro tàn trong miệng và những hình ảnh khủng khiếp này, Corso uống cạn cốc gin rồi nhìn cô gái. Cô cũng đang nhìn gã, như một đồng bọn có kỷ luật đang im lặng chờ chỉ thị. Đơn giản và lẳng lẽ, cô chấp nhận vai trò kỳ quái của mình trong câu chuyện này. Khó mà giải thích được biểu hiện trung thành của cô.

Hai người đồng thời đứng dậy. Corso quàng cái túi vải qua vai, họ chậm rãi đi dọc bờ sông. Cô gái đi phía trong, thỉnh thoảng dừng bước trước một quầy hàng, khiến gã chú ý tới một tấm ảnh, một bức tranh khắc gỗ hay một cuốn sách. Cô nhìn mọi vật với cặp mắt mở to tràn ngập tò mò và luyến tiếc trong khi mỉm cười sâu lắng, như thể muốn tìm kiếm những dấu vết của chính mình trong những đồ vật xưa cũ nọ. Như thể, ở một góc nào đó trong ký ức, cô đã chia sẻ quá khứ chung với một vài người sống sót được thủy triều tấp vào bờ sau mỗi vụ đắm tàu tàn hại trong lịch sử.

Có hai cửa hàng bán sách đối diện ở hai bên đường phố. Cửa hàng Achille Replinger với bộ cửa gỗ cổ kính trang nhã đánh véc ni có tấm biển hiệu LIVRES ANCIENS, AUTOGRAPHES ET DOCUMENTS HISTORIQUES. Sách cổ, bản thảo viết tay và tư liệu lịch sử. Corso bảo cô gái chờ bên ngoài, cô cũng chẳng phản đối. Khi tới cửa, gã nhìn vào cửa sổ và thấy hình ảnh phản chiếu của cô sau lưng. Cô đứng bên kia đường, đợi gã.

Một tiếng chuông vang lên khi gã đẩy cửa ra. Có một cái bàn gỗ sồi, những giá sách cũ, những kệ đầy kẹp tài liệu, hàng tá tủ gỗ đựng giấy tờ. Các tủ này được đánh dấu theo vần chữ cái chạm tỉ mỉ trên những tấm lắc đồng thau. Một bản thảo viết tay đóng khung treo trên tường với dòng thuyết minh “Một đoạn trong Tartuffe. Molière”. Ngoài ra là ba ấn phẩm hoàn hảo: Victor Hugo, Flaubert, ở giữa là Dumas.

Achille Replinger đứng cạnh bàn, thân hình chắc nịch với nước da đỏ ửng. Một chàng Porthos với bộ ria xám rậm rì và cái cằm hai ngấn chèn cả lên cổ áo sơ mi mòn vẹt vì thất cà vạt. Trang phục đắt tiền nhưng cầu thả. Áo jacket căng ra chứa bộ ngực, cái quần flanen nhẵn nhúm và xộc xệch.

“Corso... Lucas Corso,” hắn nói về cau có, đưa bàn tay với những ngón to khỏe cầm bức thư giới thiệu của Boris Balkan. “Phải rồi, mấy hôm trước ông ta gọi cho tôi. Một việc gì đó về Dumas.”

Corso đặt túi lên bàn, lôi ra tập mười lăm trang bản thảo Rượu vang Anjou. Người bán sách trải chúng ra trước mặt, nhướng mày.

“Thú vị,” hắn khẽ nói. “Rất là thú vị.”

Hắn vừa nói vừa thở phì phò như người bệnh hen. Hắn móc từ trong túi áo jacket ra mấy cái ly, bày lên bàn sau khi thoáng liếc nhìn khách. Hắn cúi mình trên tập tài liệu. Rồi lại ngẩng lên với nụ cười mê mẩn.

“Thật đặc sắc,” hắn nói. “Tôi sẽ mua nó ngay bây giờ.”

“Nó không phải để bán.”

Replinger hơi ngạc nhiên. Hắn mím môi, vẻ gần như giận dữ. “Tôi nghĩ...”

“Tôi chỉ cần ý kiến của một chuyên gia. Ông sẽ được trả tiền theo giờ, tất nhiên.”

Achille Replinger lắc đầu. Hắn không quan tâm đến tiền. Bối rối, hắn ngừng lại nghỉ hoặc nhìn Corso một lúc từ trên cái ly. Rồi lại cúi xuống tập bản thảo.

“Thật đáng tiếc,” cuối cùng hắn noi và nhìn Corso với vẻ tò mò, như thể không hiểu làm sao trên đời lại có thứ như vậy rơi vào tay gã. “Ông vớ được nó bằng cách nào?”

“Tôi được thừa kế từ một bà cô già. Trước kia đã bao giờ ông trông thấy nó chưa?”

Vẫn ngồi vững, Replinger nhìn qua vai Corso, qua cửa sổ ra ngoài phố, như thể có ai đó bên ngoài có thể mang lại cho hắn một ít thông tin về ông khách. Cũng có lẽ hắn đang nghĩ xem nên trả lời câu hỏi của gã như thế nào. Hắn giật giật bộ ria mép, như thể nó đang bị lệch và hắn đang xác định để chắc rằng nó vẫn ở đúng chỗ, rồi mỉm cười lảng tránh.

“Ở khu phố này ông chẳng bao giờ có thể chắc rằng mình đã nhìn thấy thứ gì trước đó... Lúc nào thì đây cũng là mảnh đất màu mỡ cho những ai làm ăn về sách và ấn phẩm. Mọi người tới mua và bán, mọi thứ qua tay cùng một người đến mấy lần.” Hắn dừng lại thở rồi nhìn Corso bức bối. “Tôi không nghĩ vậy... Không, trước đây tôi chưa bao giờ thấy bản thảo này,” hắn nói. Hắn lại nhìn ra đường, giọng kích động. “Nếu mà có nó thì tôi chắc...”

“Như vậy nó là đồ thật?” Corso hỏi.

“Hừm... kỳ thực, đúng vậy.” Replinger vừa ậm ừ vừa vuốt ve những tờ giấy màu xanh. Có vẻ như hắn đang tìm kiếm những sở soạn chúng. Sau cùng hắn dùng ngón trỏ và ngón cái nhón lấy một tờ. “Nét chữ hơi tròn, cỡ trung bình, không có cước chú hay vết tẩy xóa... Hầu như không có dấu chấm câu, và viết hoa bất kể ở chỗ nào. Đây chính xác là Dumas ở thời kỳ đỉnh cao, khoảng giữa cuộc đời, khi ông viết *Lính ngự lâm*.” Hắn càng nói càng kích động. Rồi lại im và nhấc ngón tay ra. Corso nhìn thấy nụ cười của hắn ẩn dưới bộ ria mép. Đường như hắn đã quyết định. “Chờ chút đi.”

Hắn bước tới tủ tài liệu có đánh dấu chữ D, lôi ra mấy kẹp giấy bìa màu da bò.

“Tất cả đều của Alexandre Dumas bố. Kiểu chữ giống hệt nhau.”

Có khoảng một tá tài liệu, một vài tài liệu không có chữ ký hoặc chỉ có tên viết tắt chữ cái đầu A. D. Một số có chữ ký đầy đủ. Hầu hết đều là ghi chú ngắn gửi nhà xuất bản, thư cho bạn bè hoặc giấy mời.

“Đây là một trong những bản thảo viết tay gửi sang Mỹ của Dumas,” Replinger giải thích. “Lincoln hỏi xin một bản, Dumas liền gửi cho ông ta mười đô la và một trăm bản viết tay. Chúng được mang bán ở Pittsburgh với mục đích từ thiện.” Hắn chìa cho Corso xem toàn bộ số tài liệu với vẻ tự hào nghề nghiệp rõ rệt dù đã kiểm chế. “Nhìn này. Đây là một tấm thiệp mời tới ăn tối với Dumas ở Montecristo, tại nhà ông ở Port Marly. Đôi khi ông chỉ ký với chữ cái đầu, đôi khi lại dùng biệt hiệu. Nhưng không phải tất cả chữ ký trôi nổi trên thị trường đều là thứ thiệt. Ở tòa soạn báo *Lính ngự lâm* thuộc sở hữu của Dumas, có một người tên là Viello có thể bắt chước cách viết và chữ ký của ông. Và trong ba năm cuối đời tay Dumas bị run đến nỗi ông phải đọc tác phẩm của mình cho người khác chép lại.”

“Ờ màu xanh có ý nghĩa gì?”

“Loại giấy từ Lille gửi tới. Do một người thợ in rất ngưỡng mộ ông làm ra. Ông thường dùng màu này, nhất là với tiểu thuyết. Thỉnh thoảng ông dùng màu hồng nhạt khi viết báo, hoặc màu vàng cho thơ. Ông cũng dùng vài thứ bút khác nhau, tùy theo lúc đó đang viết thứ gì. Và không bao giờ dùng mực màu xanh lam.”

Corso trở bốn trang giấy màu trắng có những ghi chú và sửa chữa. “Những chỗ này thì sao?”

Replinger nhăn mặt. “Maquet. Người cộng tác với ông, Auguste Maquet. Đây là Dumas sửa lại bản gốc.” Hắn vuốt ve bộ ria mép. Rồi cúi xuống đọc to với giọng sôi nổi, “‘Kính khùng! Kính khùng!’ Athos lăm lăm nắm trong khi Porthos đập tan những cái chai và Aramis ra lệnh hơi có chút muộn màng rằng hãy mời giáo sĩ tới nghe lời xưng tội...” Replinger thở dài rồi ngừng lại. Hắn gật đầu, thỏa mãn, rồi cho Corso xem một trang. “Nhìn này, Maquet chỉ viết: Và gã thở hắt ra trước mặt mấy người bạn d’Artagnan trong cơn kinh

hoảng. Dumas xóa hết dòng này và thêm vào những đoạn kia ở bên trên, thêm lời thoại cho đoạn văn dày dặn phong phú hơn.”

“Ông biết gì về Maquet?”

20. Chương 09 - Phần 2

Replinger nhún đôi vai lực lưỡng, do dự.

“Cũng chẳng bao nhiêu,” Lại một lần nữa hắn có vẻ lảng tránh. “Kém Dumas mười tuổi. Một người bạn chung, Gérard de Nerval, đã giới thiệu ông ta. Maquet viết vài tiểu thuyết lịch sử không thành công. Ông ta cho Dumas xem bản gốc một cuốn như thế, Buvat người tốt bụng, hay Mưu đồ của Cellamare. Dumas biến câu chuyện này thành Kỵ sĩ d’Harmental rồi cho xuất bản dưới tên mình. Đổi lại Maquet được trả một ngàn hai trăm quan.”

“Ông có thể nói về chữ viết và văn phong trong Rượu vang Anjou không?”

“Đương nhiên là có thể. Nó tương tự như các văn bản khác năm 1844, năm của Ba người lính ngự lâm... Những tờ màu trắng và xanh này đúng là kiểu của ông. Dumas và người cộng tác cùng nhau sắp đặt câu chuyện. Từ d’Artagnan của Courtilz họ rút ra tên tuổi cho các người hùng, hành trình tới Paris, vụ tăng tịu với Milady, tính cách của bà vợ tay chủ quán - Dumas gán cho bà Bonacieux những nét cá tính của người tình Belle Krebsamer của ông. Vụ bắt cóc Constance là từ Hồi ký của De la Porte, một sủng thần của Nữ hoàng Anna nước Áo. Và họ có được câu chuyện nổi tiếng về vụ mấy viên kim cương là từ La Rochefoucauld và cuốn sách Những âm mưu chính trị và những cuộc tình lãng mạn trong triều đình nước Pháp của Roederer. Hồi đó, bên cạnh Ba người lính ngự lâm, đồng thời họ cũng viết Hoàng hậu Margot và Hồng lâu kỵ sĩ.”

Replinger lại ngừng lại lấy hơi. Mỗi lúc hắn một xúc động và phấn khích hơn. Hắn vội vàng nhắc tới mấy tên sách, hơi lấp bắp khi gặp mấy từ. Hắn sợ làm cho Corso chán, đồng thời cũng muốn truyền đạt toàn bộ những thông tin hắn có cho gã.

“Có một câu chuyện thú vị về Hồng lâu kỵ sĩ,” Replinger tiếp tục sau khi đã hít lấy hơi. “Khi công bố bộ truyện nhiều kỳ với cái tên ban đầu Hiệp sĩ Rougeville, Dumas nhận được thư phản nài của một vị hầu tước trùng tên. Chuyện này khiến ông thay đổi nhan đề, nhưng ngay sau đó lại nhận được một bức thư nữa. ‘Quý ông thân mến,’ Hầu tước viết. ‘Hãy đặt bất cứ cái tên gì ông muốn cho cuốn tiểu thuyết. Tôi là người cuối cùng của gia tộc và một giờ nữa sẽ bắn vỡ tung óc mình đây.’ Và ngài hầu tước Rougeville quả thực đã tự sát, vì chuyện liên quan đến mấy người đàn bà.”

Hắn há miệng lấy hơi: Gò má cao hồng hào, hắn cười vẻ biết lỗi và chống một bàn tay to khỏe lên bàn bên cạnh xấp giấy màu xanh. Trông không khác gì một gã khổng lồ kiệt sức, Corso nghĩ thầm... Porthos trong hang động ở Locmaria.

“Boris Balkan không đánh giá hết tài năng của ông. Ông là một bậc thầy về Dumas. Tôi không ngạc nhiên khi các ông là bạn bè.”

“Chúng tôi kính trọng lẫn nhau. Nhưng tôi chỉ làm công việc của mình,” Replinger cụp mắt xuống, bối rối. “Tôi là một người Pháp tận tâm làm việc với những cuốn sách và tự liệu được chú giải cùng với lời đề tặng viết tay. Thường thường là của các tác giả Pháp thế kỷ mười chín. Tôi không thể đánh giá những thứ đến với tôi nếu không xác định được là ai viết và viết như thế nào. Ông hiểu chứ?”

“Hoàn toàn hiểu,” Corso đáp. “Đó là sự khác biệt giữa người bán hàng chuyên nghiệp và kẻ tầm thường.”

Replinger nhìn gã vẻ biết ơn. “Ông cũng rất chuyên nghiệp. Rõ ràng thế.”

“Phải,” Corso nhả mặt. “Chuyện nghiệp kiểu cũ nhất.”

Tiếng cười rộ của Replinger kết thúc bằng một cơn hen khô khè khác. Corso tranh thủ lúc này để một lần nữa lái câu chuyện sang Maquet.

“Cho tôi biết họ làm thế nào đi.”

“Kỹ thuật của họ khá phức tạp.” Replinger làm mấy cử chỉ trên ghế và trên bàn, như thể mọi sự diễn ra ở đó: “Dumas lập đề cương cho mỗi cuốn tiểu thuyết và thảo luận với người cộng sự, ông này nghiên cứu đưa ra bản nháp đầu tiên hay là phác thảo câu chuyện. Đây là những tờ màu trắng. Rồi Dumas viết lại trên những tờ xanh. Ông mặc áo sơ mi trần làm việc, chỉ vào buổi sáng hay ban đêm, rất hiếm khi vào buổi chiều. Ông không uống cà phê hay rượu mạnh khi đang viết mà chỉ uống nước khoáng. Cũng rất ít hút thuốc. Ông viết hết trang nọ tới trang kia dưới áp lực của nhà xuất bản lúc nào cũng muốn nhiều hơn. Maquet gửi cho ông tư liệu theo từng gói qua bưu điện và Dumas thường phàn nàn vì sự chậm trễ.” Replinger cầm một tờ trong tập tư liệu đặt lên bàn trước mặt Corso.

“Đây là bằng chứng, nó nằm trong những ghi chép họ trao đổi khi viết Hoàng hậu Margot. Ông có thể thấy Dumas phàn nàn. “Mọi việc tiến triển tuyệt vời, mặc dù có sáu hay bảy trang về chính trị ta phải duy trì để thêm hấp dẫn... Nếu chúng ta không nhanh hơn, bạn thân mến ạ, thì đó là lỗi ở anh. Tôi đã làm việc cật lực từ lúc chín giờ hôm qua đến giờ.” Hẳn ngừng lại lấy hơi và trở Rượu vang Anjou. “Đây là bốn trang viết tay của Maquet với ghi chú của Dumas mà có thể ông đã nhận được ngay trước khi Le Siècle đem đi in. Vì vậy ông buộc phải cho in với mấy trang viết lại và vội vã tự sửa chữa mấy trang khác trong bản gốc.”

Hắn trả lại mấy trang đó vào các kẹp giấy rồi cắt vào tủ tài liệu có chữ D. Corso kịp nhìn thấy đoạn văn mà Dumas đòi người cộng sự gửi thêm mấy trang. Ngoài kiểu chữ tương tự, trang giấy màu xanh kẻ ô vuông nhạt giống hệt với bản thảo Rượu vang Anjou... Khổ folio cắt làm đôi, phần dưới nham nhở hơn những chỗ khác. Có lẽ tất cả các trang đều là một phần của ram giấy nằm trên bàn viết của nhà văn.

“Thực sự thì ai là người viết Ba người lính ngự lâm?”

Replinger đang mãi đóng tủ tài liệu, một lúc sau mới trả lời.

“Tôi không thể cho anh câu trả lời chính xác. Maquet là người tháo vát, rất rành về lịch sử, ông ta đã đọc rất nhiều... nhưng không có tài năng của một bậc thầy.”

“Sau cùng họ mâu thuẫn với nhau, đúng không?”

“Phải. Thật đáng tiếc. Ông có biết rằng họ cùng đi Tây Ban Nha với nhau trong thời gian diễn ra đám cưới của Isabelle II không? Thậm chí Dumas còn xuất bản một loạt bài viết tựa là Từ Madrid tới Cadiz dưới dạng những bức thư. Về phần Maquet, sau đó ông ta kiện ra tòa đòi được công nhận là tác giả mười tám cuốn tiểu thuyết của Dumas, nhưng tòa phán rằng ông ta chỉ là người làm khâu chuẩn bị. Hiện nay ông ta bị coi là một nhà văn hạng nhì lợi dụng danh tiếng của Dumas để làm tiền. Mặc dù một số người cho rằng ông ta bị bóc lột - một người viết thuê cho danh nhân.”

“Ông nghĩ thế nào?”

Replinger len lén liếc nhìn chân dung Dumas phía trên cánh cửa.

“Tôi đã nói rằng tôi không phải chuyên gia như ông bạn Balkan của tôi mà chỉ là một nhà buôn, một người bán sách.” Hắn có vẻ nghĩ ngợi, cân nhắc xem đâu là chỗ để ý kiến chuyên môn của mình kết thúc và sở thích cá nhân bắt đầu. “Nhưng tôi muốn ông lưu ý một điều. Trong khoảng thời gian từ năm 1870 tới 1894, ba triệu cuốn sách và tám triệu tập sách ra theo kỳ đã bán ra ở Pháp với tên Alexandre Dumas trên trang bìa. Các cuốn tiểu thuyết được viết ra trước, trong và sau khi ông cộng tác với Maquet. Tôi nghĩ điều ấy có ý nghĩa gì đó.”

“Nổi tiếng khi còn sống, ít nhất là thế,” Corso nói.

“Chính xác. Ông là người phát ngôn của châu Âu trong suốt nửa thế kỷ. Thuyền bè từ khắp châu Mỹ được phái đi chỉ để chở tiểu thuyết của ông về. Người ta đọc chúng ở Cairo, Mạc Tư Khoa, Istanbul và Chandernagor nhiều không kém gì ở Pháp... Dumas sống hết mình, hưởng thụ hết thấy khoái lạc và danh tiếng dành cho ông. Ông đã sống và sống vui vẻ, mặc kệ mọi trở ngại, từng quyết đấu, từng ra tòa, từng cho thuê tàu, dùng tiền túi trợ cấp cho mọi người, đã yêu đương, tiệc tùng lu bù, kiếm chục triệu và hoang phí hai chục triệu, và rồi chết êm đềm trong giấc ngủ, như một đứa trẻ.” Replinger trở những đoạn văn của

Maquet mà Dumas đã sửa chữa. “Có thể gọi đó bằng nhiều cách: tài năng, thiên phú... Nhưng dù là gì đi nữa ông cũng không tùy tiện bịa ra hay đạo văn người khác.” Hắn đắm ngực giống như Porthos. “Đó là cái ông có ở đây. Không phải bất cứ nhà văn nào khác cũng có được vinh quang khi còn sống như ông, Dumas làm nên tất cả từ tay trắng. Cứ như là ông đã ký kết khế ước với Chúa.”

“Đúng thế,” Corso nói. “Hoặc với ma quỷ.”

Corso băng qua phố sang hiệu sách bên kia đường. Dưới một mái che vải bạt ở bên ngoài, những chồng sách xếp đồng trên mấy cái bàn chân gỗ. Cô gái vẫn ở đó, đang mài mề trong đồng sách, tranh hay bưu thiếp cổ. Cô đứng ngược chiều sáng. Ánh nắng rọi trên vai cô, biến mái tóc hai bên thái dương và sau gáy cô thành những sợi vàng óng ánh. Khi Corso tới nơi, cô vẫn tiếp tục việc mình đang làm mà không dừng lại.

“Ông chọn bức nào?” cô hỏi. Cô đang lưỡng lự giữa tấm bưu thiếp màu nâu đỏ vẽ cảnh Tristan và Isolde ôm nhau và bức Người săn ảnh của Daumier. Chưa biết quyết định thế nào, cô đặt chúng phía trước, lui ra xa.

“Lấy cả,” Corso khuyên. Qua khước mắt, gã chợt nhận thấy cái nhìn của một người đàn ông dừng lại bên quầy hàng và sắp sửa đưa tay với lấy một bó thiếp dày buộc chặt bằng dây cao su. Với phản xạ của thợ săn, Corso chụp lấy cái gói. Người nọ cầu nhàu bỏ đi. Corso xem lướt qua những tấm thiếp rồi chọn mua một vài tấm có chủ đề Napoléon: Nữ hoàng Marie Louise, gia đình Bonaparte, cái chết của hoàng đế và chiến thắng cuối cùng của ông - một kỵ sĩ Ba Lan cầm thương và hai khinh kỵ binh cưỡi ngựa phía trước giáo đường Reims, trong chiến dịch nước Pháp năm 1814, đang phát những lá cờ giành được của quân địch. Sau một chút do dự, gã lấy thêm tấm thiếp có thống chế Ney mặc quân phục và một tấm chụp Wellington lúc về già để lại cho hậu thế. Lão quỷ may mắn.

Đôi bàn tay dài rám nắng của cô gái khéo léo lướt trên đám bưu thiếp và những tờ giấy in ngả vàng. Cô chọn thêm mấy tấm: Robespierre, Saint-Just và một chân dung trang nhã của Richelieu trong trang phục hồng y giáo chủ đeo huân chương Danh dự linh thiêng.

“Thật phù hợp làm sao,” Corso chua chát nhận xét.

Cô không trả lời. Cô bước về phía một chồng sách, ánh nắng trượt qua vai cô trùm lên Corso như một đám bụi vàng. Gã nhắm mắt lại vì lóa. Khi mở mắt gã thấy cô chìa ra một tập sách dày khổ quarto.

“Ông nghĩ sao?”

Gã liếc nhìn: Ba người lính ngự lâm, với minh họa gốc của Leloir, bìa bằng vải và da, còn tốt nguyên. Gã ngược lên thấy cô nhếch mép cười chờ đợi, mắt nhìn gã chăm chú.

“Một cuốn thật ngon lành,” gã chỉ nói được có thế. “Cô có định đọc không?”

“Đương nhiên. Đừng kể cho em nghe đoạn kết.”

Corso cười gượng gạo.

“Cứ làm như tôi có thể kể đoạn kết cho cô ấy,” gã nói khi vẫn tìm tòi trong đồng bưu thiếp.

“Em có quà cho ông,” cô gái nói.

Họ đi dọc theo bờ trái dòng sông, vượt qua những quầy hàng cũ với những ấn phẩm bọc túi ni lông hay giấy bóng kính, những cuốn sách cũ xếp dọc theo bức tường chắn. Một chiếc tàu du lịch chậm rãi đi ngược dòng sông, oằn mình dưới sức nặng của chừng năm ngàn người Nhật và gần ấy máy ghi hình Sony. Bên kia đường phố, đằng sau những cửa hàng siêu cấp dán đầy logo của Visa và American Express, những người bán đồ cổ nhìn ngang nhìn ngửa mong chờ một gã Còtét, một tay buôn đồ chợ trời hay một viên bộ trưởng người Phi có thể mua con ngựa nhỏ bằng sứ Sèvres của Engénie Grandet. Tất nhiên ngôn ngữ bán hàng của họ được hót với giọng chuẩn nhất.

“Tôi không thích quà,” Corso lầm bầm nghe đến là ảo não. “Đôi khi có những thằng cha thích một con ngựa gỗ. Hàng thủ công của người Achaean[1], có dán nhãn xác nhận. Đúng là điên.”

[1] Một tên gọi chung của người Hy Lạp trong trường ca Ilyad và Odyssey của Homer, ở đây nhắc đến truyền thuyết ngựa gỗ thành Troie.

“Không có kẻ ngoại đạo nào hay sao?”

“Có một, cùng với con trai hần. Nhưng quân man rợ từ ngoài biển tràn tới và tạo ra nền điêu khắc dễ thương của họ. Văn hóa cổ Hy Lạp, nếu tôi nhớ không nhầm. Trường phái Rhodes. Vào thời ấy, họ được thưởng để ban phước.”

“Lúc nào họ cũng được ban phước.” Cô gái chăm chú nhìn bờ sông lầy lội như thể nó mang đi mất ký ức của mình. Corso thấy cô cười tư lự, xa vắng. “Em chưa bao giờ thấy một thượng đế, hay một con quỷ nào không thiên vị.” Cô chợt quay lại nhìn gã - những suy tư trước đó của cô dường như trôi đi sạch sẽ theo dòng nước. “Ông tin vào ma quỷ không, ông Corso?”

Gã nhìn cô chăm chú, nhưng dòng sông đã xóa sạch những hình ảnh trước đó đọng đầy trong mắt cô. Gã chỉ thấy một vùng trong veo xanh lục, và đầy ánh sáng.

“Tôi tin vào sự khờ dại và ngu ngốc.” Gã cười mệt mỏi. “Và tôi tin rằng cách đoạn tuyệt tốt nhất với chúng là một thứ cô có được ở đây. Thấy không?” Gã trở vào háng mình. “Trong động mạch đùi. Khi cô ở trong vòng tay ai đấy.”

“Ông sợ cái gì nào, ông Corso? Sợ em ôm ông? Sợ trời sập xuống đầu?”

“Tôi sợ những con ngựa gỗ, rượu gin rẻ tiền và những cô gái đẹp. Đặc biệt là khi họ tặng tôi quà. Và khi họ mang tên người đàn bà từng đánh bại Sherlock Holmes.”

Họ tiếp tục đi và lúc này đang bước lên những tấm ván gỗ trên cầu Pont des Arts. Cô gái dừng lại, cúi mình trên thanh chắn kim loại, bên cạnh một họa sĩ đường phố bán những bức tranh màu nước bé xíu.

“Em thích cây cầu này,” cô nói. “Không có xe cộ, chỉ có những người yêu nhau và những quý bà đội mũ. Mọi người không làm gì hết. Cây cầu này tuyệt đối không có gì chung chạ.”

Corso không nói gì. Gã nhìn những chiếc sà lan, buồm rủ, chạy qua những cây cột đỡ cầu kiên bằng sắt. Có lần tiếng bước chân Nikon đã cùng bước chân gã vang vọng dọc theo chiếc cầu này. Gã nhớ nàng cũng dừng lại một quầy để mua những bức tranh màu nước bên bờ tường chắn. Có thể vẫn là quầy này. Nàng nhăn mũi, vì máy đo sáng của nàng không kham nổi ánh nắng chói chang xiên qua những ngọn tháp nhà thờ Đức Bà. Họ mua gan ngỗng béo và một chai Bourgogne. Rồi hai người ăn tối với món đó trong buồng khách sạn, ngồi trên giường vừa ăn vừa coi một cuộc tranh luận dài dòng trong một trường quay truyền hình đầy khán giả mà người Pháp rất thích. Trước đây Nikon đã chụp cho gã một bức ảnh trên cầu mà gã không biết. Nàng thú nhận điều này, miệng đầy bánh mì và gan béo, đôi môi ướt đầm rượu vang, rồi nàng vuốt ve gã với bàn chân trần. Em biết anh không thích, Lucas Corso, nhưng anh sẽ phải chịu đựng. Em chụp hình nghiêng khi anh nhìn những chiếc sà lan lách qua bên dưới cầu, lần này anh trông khá bảnh trai, đồ tôi ạ. Nikon là người Do Thái Ashkenazi với đôi mắt to. Cha nàng mang số 77843 ở trại Treblinka[2], chỉ được cứu thoát ở phút cuối cùng. Mỗi khi trên ti vi xuất hiện binh sĩ Israel ngồi trên những chiếc xe tăng to tướng xâm chiếm một vùng nào đó là nàng nhảy khỏi giường, trần trụi, rồi hôn lên màn hình, mắt đầm lệ, thì thầm âu yếm: “Shalom, shalom.” Với giọng nói nàng chỉ dùng khi gọi Corso bằng tên riêng trước lúc thôi nhau. Nikon. Gã không bao giờ được xem bức ảnh chính mình cúi người trên cầu nhìn những chiếc sà lan lướt đi dưới vòm cầu Pont des Arts. Trông nghiêng, trông khá bảnh trai, đồ tôi ạ.

[2] Trại tập trung và cũng là một lò sát sinh của phát xít Đức ở Ba Lan trong chiến tranh thế giới thứ hai.

Khi gã ngược lên, Nikon đã biến mất. Một người phụ nữ khác bên cạnh. Cao, da nâu, tóc ngắn kiểu con trai, và hai mắt như những quả nho vừa rửa, gần như không màu. Gã bối rối nhấp nháy mắt trong một giây, cho đến khi mọi thứ trở lại bình thường. Hiện thực làm một nhát cắt thật gọn ghê, như bằng một con dao mổ. Corso, trông nghiêng, đen trắng (Nikon bao giờ cũng chụp đen trắng), chập chờn rơi xuống sông rồi bị dòng nước cuốn đi theo lá khô và rác rưởi từ những chiếc sà lan và miệng cống tống ra. Bây giờ người con gái không phải là Nikon tay cầm cuốn sách nhỏ bìa da. Cô chìa nó cho gã.

“Hy vọng ông thích.”

Con quỷ đang yêu của Jacques Cazotte, xuất bản năm 1878. Khi mở nó ra, Corso nhận ra bản in từ lần xuất bản đầu tiên trong bản phụ lục facsimile: Alvaro trong vòng tròn ma thuật phía trước con quỷ, nó hỏi: “Che vuoi - Muốn gì?”; Biondetta đang dùng ngón tay gỡ tóc rối; cậu bé xinh đẹp ngồi trước câu đàn cơ-la-vơ-xanh... Gã chọn ngẫu nhiên một trang:

... Đàn ông sinh ra từ một vốc đất và nước. Tại sao không làm nên đàn bà từ sương khói trần gian và những tia sáng, từ tinh chất cô đặc của cầu vồng? Cái khả dĩ nằm đâu? Và cái không khả dĩ nằm đâu?

Gã gấp cuốn sách lại và ngược lên. Gã bắt gặp nụ cười trong ánh mắt cô. Trên mặt nước phía dưới, ánh nắng lấp lánh trên vạt nước rẽ ra sau một con tàu, và những tia sáng lấp lánh trên làn da cô như được phản xạ từ các cạnh của một viên kim cương.

“Tinh chất cô đặc từ cầu vồng,” Corso lặp lại. “Cô biết gì về nó không?”

Cô đưa tay vuốt tóc và quay mặt về phía mặt trời, mắt nhắm lại dưới ánh nắng chói. Mọi thứ quanh cô đều sáng rực: ánh sáng phản xạ từ dòng sông, sự rạng rỡ của buổi sáng, hai khe sáng màu xanh lục giữa rèm mi tối sẫm.

“Em nghe kể từ ngày xưa. Cầu vồng nối trái đất với thiên đường. Sẽ bị hủy vào ngày tận thế, khi ác quỷ cưỡi ngựa phi qua đó.”

“Không tệ. Bà cô kể cho cô nghe ư?”

Cô lắc đầu. Rồi lại nhìn Corso, vừa băng khuâng vừa nghiêm túc.

“Em nghe người ta kể cho một người bạn, Bileto.” Khi nhắc đến cái tên này, cô dừng lại một chút, khe khẽ nhắm mắt, giống như một cô bé đang tiết lộ một bí mật. “Anh ta thích ngựa và rượu vang, và là người lạc quan nhất em biết. Anh ta vẫn hy vọng trở lại thiên đường.”

Họ đi qua bên kia cầu. Corso ngỡ ngàng cảm thấy dường như những con quái thú trên đầu máng xối ở nhà thờ Đức Bà đang nhìn gã từ xa. Chúng là đồ giả, đương nhiên, giống như bao nhiêu thứ khác. Chúng và những bộ mặt nhún nhó, những chiếc sừng quỷ dị, những chòm râu dê, chúng không có ở đó khi những người thợ cả trung hậu ngẩng lên, đầm đìa mồ hôi và hãnh diện dốc cạn ly rượu mạnh. Hoặc khi Quasimodo áp ủ mối tình không được đền đáp với cô gái lang thang Esmeralda. Nhưng kể từ khi Charles Laughton tạo nên vai người gù quái dị giống như chúng, và Gina Lollobrigida trong bộ phim làm lại sau này - phim màu Technicolor, như Nikon chỉ rõ - được thực hiện dưới cái bóng của chúng, thì không thể tưởng tượng nhà thờ Đức Bà mà lại không có những tên lính canh hung ác tân Trung cổ nọ. Corso hình dung quang cảnh nhìn từ trên cao: cầu Pont Neuf, và bên kia, hẹp và tối trong buổi mai sáng sữa, cầu Pont des Arts trên dải sông xanh xám, với hai hình bóng nhỏ nhoi dịch chuyển hết sức chậm chạp sang bờ bên phải. Những cây cầu và cầu vồng với những chiếc sà lan Caronte màu đen từ từ lướt đi bên dưới những vòm cuốn và cột chống bằng đá. Thế gian đầy những bờ kè và những dòng sông chảy giữa đôi kè, đầy những đàn ông đàn bà băng qua cầu và bãi cạn, không để ý tới hậu quả, không nhìn về phía sau hay xuống chân, và không có xu nào cho người lái tàu.

Họ trôi lên ở chỗ đối diện với Louvre và đứng lại trước đèn giao thông trước khi qua đường. Corso sửa lại cái quai đeo túi trên vai và lơ đãng liếc nhìn hai bên. Rất nhiều xe qua lại và Corso chợt để ý một chiếc. Gã lạnh người, trong một thoáng gã hóa đá như cái đầu quái thú trên nóc nhà thờ.

“Chuyện gì vậy?” cô gái hỏi khi đèn xanh bật sáng nhưng Corso vẫn bất động. “Trông như ông vừa nhìn thấy ma ấy!”

Gã thấy ma thật. Không phải một mà là hai. Chúng ở hàng ghế sau một chiếc taxi đã biến đi tít đằng xa, đang say sưa nói chuyện và không nhận ra Corso. Người đàn bà tóc vàng rất quyến rũ. Gã nhận ra ngay lập tức dù ả đội mũ và đeo mạng. Liana Taillefer. Bên cạnh, choàng vai ả, phô ra bộ mặt điển trai nhất, bàn tay vuốt bộ ria xoắn với vẻ đắc thắng, là Flavio La Ponte.

21. Chương 10 - Phần 1

X. SỐ BA

Họ ngờ rằng hắn không có tim.

R. Sabatini, SCARAMOUCHE.

Corso có một sở trường hiếm thấy: gã có thể ngay lập tức biến một người xa lạ thành đồng bọn trung thành bằng một chút tiền boa, thậm chí chỉ bằng một nụ cười. Như đã thấy, có một vài điều ở gã - sự vụng về nửa có tính toán nửa không, cái đáng về thổ non thân thiện, về bơ vơ lạ lẫm không ra kiểu gì của gã - tất cả đều rất lôi cuốn. Điều này xảy ra với một vài người trong chúng ta. Và cũng xảy ra với Gruber, người gác cổng ở Louvre Concorde, người mà Corso có quan hệ làm ăn từ mười lăm năm trước. Gruber là người khô khan và điềm tĩnh, với mái tóc húi cua và biểu hiện của một tay chơi bài xì quanh năm suốt tháng trên khóe miệng. Trong cuộc rút quân năm 1944, khi y mười sáu tuổi và là quân tình nguyện Croatia trong sư đoàn Horst Wessel thứ mười tám, một viên đạn Nga đã xuyên vào xương sống y. Chuyện đó đã bắt y mang suốt đời tấm huân chương Chữ thập sắt hạng hai và ba đốt sống nhân tạo. Đây là lý do khiến y luôn đứng cứng quèo đằng sau cái bàn tiếp tân, giống như trên người có một chiếc coóc xê bằng thép.

“Tôi cần ông giúp một tay, Gruber.”

“Vâng, thưa ngài.”

Y hầu như rập gót khi đứng nghiêm. Chiếc áo jacket màu vàng đỏ hoàn hảo với những chìa khóa vàng trên ve áo khiến lão già tha hương này mang bộ dáng nhà binh, rất chi hợp khẩu vị dân Trung Âu trọ trong khách sạn. Sau khi hệ thống Đông Âu sụp đổ và cộng đồng sắc tộc Xlavơ tan rã, họ tới Paris ngắm nhìn quảng trường Champs-Élysées bằng nửa con mắt và mơ về đế chế thứ Tư.

“La Ponte, Flavio, quốc tịch Tây Ban Nha. Và cả Herrero, Liana cũng vậy, mặc dù cô ta có thể dùng cái tên Taillfer hay de Tallefer. Tôi muốn biết họ có trọ ở khách sạn nào trong thành phố hay không.”

Gã viết mấy cái tên lên một tấm các rời đưa cho Gruber kèm theo năm trăm quan. Corso thường nhún vai khi đưa tiền boa hay tiền hối lộ, như muốn nói, “Thỉnh thoảng tôi sẽ lại làm thế này với ông.” Điều đó khiến nó trở thành một sự trao đổi thân thiết và bí ẩn, thật khó nói là ai đang giúp ai. Gruber thường lịch sự lẩm bẩm “Merci m’sieu” với những người Tây Ban Nha theo tua trọn gói, với người Ý mang cà vạt to, với người Mỹ đeo những cái túi mang tên hãng hàng không và đội mũ bóng chày để nhận được món tiền boa mười quan khốn khổ, lẳng lặng cầm tờ giấy bạc ngân hàng của Corso, thậm chí không buồn gật đầu. Chỉ có bàn tay y vẽ thành nửa vòng tròn lịch thiệp đặt nhét nó vào túi với vẻ nghiêm trang đứng đưng của một tay hồ ly dành cho dăm ba người vẫn còn biết luật chơi, như Corso. Gruber học nghề từ thuở một người khách chỉ cần nhượng mảy là đủ khiến nhân viên khách sạn lon ton chạy tới. Cái chất châu Âu sang cả ngày xưa trong các khách sạn quốc tế nay đâu còn nữa, chỉ đôi ba người sành sỏi còn sót lại.

“Quý ông và quý bà đó ở cùng nhau?”

“Không biết.” Corso nhăn mặt. Gã tưởng tượng cảnh La Ponte mặc áo choàng thêu trong phòng tắm và bà góa Tallefer nằm trên giường với chiếc áo ngủ bằng lụa. “Tôi cũng muốn biết điều đó.”

Gruber hơi khom lưng. “Sẽ mất vài giờ, ông Corso.”

“Tôi hiểu.” Gã nhìn dọc hành lang dẫn tới phòng ăn. Cô gái vẫn đấy, hai tay đút túi, cái áo khoác len thô kẹp dưới nách, đang chăm chú xem một màn hình quảng cáo nước hoa và khăn lụa. “Cô ta thì sao?”

Người gác cổng lôi dưới bàn ra một tấm các.

“Irene Adler,” y đọc. “Hộ chiếu Anh, cấp hai tháng trước. Mười chín tuổi. Địa chỉ: 223B phố Baker, London.”

“Đừng đùa với tôi, Gruber.”

“Chẳng bao giờ tôi tùy tiện thế, thưa ông Corso. Đó là những điều được ghi trong này.”

Có một sự nhắc nhở, một gợi ý rất khéo từ nụ cười của tay cựu nhân viên lực lượng võ trang SS. Corso mới chỉ một lần thấy y cười: ngày bức tường Berlin sụp đổ. Gã nhìn Gruber với cái đầu trọc bạc trắng, cái cổ cứng đờ, hai tay chống vào mép bàn rất cân xứng. Châu Âu ngày xưa, hay phần còn lại của nó. Gruber đã quá già, chẳng còn hơi sức đâu trở về quê hương, cộng với nguy cơ chẳng còn tìm thấy những gì trong trí nhớ của y; không còn tháp chuông Zagreb, không còn những thôn nữ tóc vàng nồng nàn thơm mùi bánh mì mới, không còn những cánh đồng xanh với những dòng sông và những cây cầu y đã chứng kiến nổ tung hai lần - một lần khi y còn trẻ, trong khi chạy trốn quân du kích của Tito, và lần nữa trên ti vi, mùa thu 1991, khi có mặt những người theo phong trào dân tộc Serbia. Corso có thể tưởng tượng Gruber đứng trước chân dung bụi bặm hoàng đế Franz Joseph trong phòng y, cởi chiếc jacket màu hạt dẻ với những chìa khóa vàng bé xíu trên ve áo như thể đó là tấm áo khoác của quân đội Áo Hung. Y có khi còn cho đĩa khúc quân hành của Radetsky vào máy hát, uống mừng bằng một cốc nước quả Montenegro và thủ dâm trong khi xem video về nữ hoàng Sissy.

Cô gái không xem màn hình nữa mà nhìn Corso. 223B phố Baker, gã thầm nhắc lại và cảm thấy rất muốn cười phá lên. Có thể gã sẽ chẳng hề ngạc nhiên nếu một gã hầu nhỏ xuất hiện để tổng đạt lời mời tới uống trà với Milady de Winter ở lâu đài If hay tới cung điện Ruritania để gặp gỡ Richelieu, giáo sư Moriarty hay Rupert de Hentzau. Từ khi chuyện này trở thành sự kiện văn học, dường như đó là việc tự nhiên nhất trên đời.

Gã mượn cuốn danh bạ điện thoại rồi tìm số của bà nam tước Ungern. Rồi, mặc cho cô nhìn chăm chăm, gã bước tới phòng điện thoại công cộng ở hành lang xin một cuộc hẹn trong mấy ngày tới. Gã thử gọi số Varo Borja ở Toledo, không ai trả lời.

Gã đang xem tivi vặn nhỏ tiếng: một phim có Gregory Peck với những con hải cẩu quẩn quanh, một vụ ẩu đả trên sàn nhảy khách sạn, hai con tàu buồn dọc đi bên nhau, sóng vỗ ầm ầm vào đuôi con tàu đang giương hết buồm lướt về phương Bắc, hướng về nền tự do địch thực bắt đầu chỉ cách bờ biển gần nhất mười dặm. Nơi cùi chỏ gã là một chai Bols - mực rượu nằm dưới vạch chuẩn cho phép - đứng gác trên cái bàn bên cạnh, trông như gã vệ binh già say rượu trước một trận đánh, giữa Chín cánh cửa và kẹp giấy đựng bản thảo Dumas.

Corso buông ly rượu, day day đôi mắt đỏ ngầu vì thuốc lá và rượu gin. Gã bầy lên giường, với độ chính xác như một nhà khảo cổ, phần sót lại của cuốn thứ hai cứu được từ lò sưởi trong nhà Victor Fargas. Chẳng còn được bao nhiêu: tấm bìa cứng được lớp da bên ngoài bảo vệ ít hư hại hơn cả, nhưng phần còn lại thì chẳng gì hơn những lề giấy cháy thành than và dăm đoạn văn khó khăn lắm mới đọc được. Gã nhặt một mẫu giấy bị ngọn lửa nướng giòn đã ngã vàng:... si non obig.nem me. ips.s fecere,f.r q.qe die, tib. do vitam m.m sicut t.m... Hẳn là nằm ở góc bên dưới trang sách. Sau khi quan sát một hồi, gã tìm trang như thế ở cuốn số một. Đó là trang 89, và hai đoạn văn giống hệt nhau. Gã tiếp tục làm vậy với tất cả các đoạn còn lại, chỉ có thể xác định được mười sáu đoạn. Không thể tìm ra vị trí của hai mươi hai mẫu khác; chúng quá nhỏ hoặc quá nát. Mười một mẫu khác không có chữ, gã chỉ xác nhận được một trong số đó nhờ đoạn uốn số bảy của chữ số thứ ba nơi chỗ đánh số trang, trang 107.

Điều thuốc cháy hết làm môi gã nóng bỏng. Giục đầu mẫu vào cái gạt tàn, gã với chai gin tợp một ngụm. Gã đang mặc cái áo kaki vải bông cũ có những cái túi to đùng, tay áo xấn cao, đeo cái cà vạt nhún nhúm. Trên ti vi, gã người Boston ôm một bà hoàng người Nga bên bánh lái của con tàu. Hai người đang lặng yên chuyển động cặp môi, hạnh phúc và đắm say dưới bầu trời Technicolor nhiều màu sắc. Trong buồng chỉ nghe thấy tiếng ồn từ những ô kính cửa sổ rung lên theo tiếng xe cộ ngoài đường chạy về phía Louvre, ở hai tầng bên dưới.

Nikon thích thứ đó. Corso còn nhớ nàng dễ dàng mỉm cười, một cô gái nhỏ đầy đa cảm, trước cảnh một cặp hôn nhau dưới bầu trời đầy mây, trong tiếng vĩ cầm và dòng chữ "The end" vắt ngang màn ảnh. Đôi khi, vẫn tốp tốp nhai khoai tây rán đóng bao trong rạp chiếu bóng hay trước ti vi, nàng gục đầu vào vai Corso lặng lẽ khóc rất lâu, mắt nhắm nhắm nhìn màn ảnh. Lúc đó có thể là Paul Heinreid hát bài Merseillaise ở cà phê Rick; Rutger Hauer hấp hối gục đầu xuống sau viên đạn cuối cùng trong Blade Runner; John Wayne và Maureen O'Hara trước lò sưởi ở Innisfree; Custer và Arthur Kennedy trong đêm trước khi xảy ra chiến dịch Little Big Horn; O'Toole trong vai Jim bị quý ngài Brown lừa gạt; Henry Fonda trên đường tới O.K

Corral; hoặc Mercello Mastroianni đứng dưới hồ nước ngập nửa người trong khu điều dưỡng, vớt cái mũ của một quý bà lên quơ đi quơ lại một cách trang nhã, điềm tĩnh, đắm chìm trong tình yêu một cặp mắt huyền. Nikon thích khóc về tất cả những thứ đó; nàng tự hào về những giọt nước mắt của mình. Thế nghĩa là em đang sống, sau đó nàng cười nói, mắt vẫn đắm lệ. Vì em là một phần của thế giới và em lấy làm vui vì thế. Phim dành cho tất cả mọi người, chúng thật tập thể và bao dung, chúng làm cho lũ trẻ hân hoan khi chàng kỳ sĩ xuất hiện. Thậm chí sẽ hay hơn nếu được chiếu trên ti vi: hai người có thể cùng xem cùng bình luận. Còn những cuốn sách của anh thì thật ích kỷ. Cô độc. Thậm chí một số cuốn còn không thể đọc được. Chúng tan thành những mẩu vụn ngay khi ta mở ra. Một người chỉ quan tâm đến sách thì không cần ai khác, điều đó làm em sợ. Nikon ăn nốt miếng khoai rán cuối cùng rồi nhìn gã chăm chú, môi hé mở, tìm kiếm một dấu hiệu bệnh tật trên khuôn mặt gã mà rồi sẽ mau chóng tự bộc lộ. Đôi khi anh làm em sợ.

Kết cục có hậu. Corso bấm cái nút trên bộ điều khiển từ xa, hình ảnh trên ti vi liền biến mất. Bây giờ gã ở Paris, còn Nikon thì ở đâu đó tận châu Phi hay cùng Balkans chụp ảnh những đứa trẻ có đôi mắt buồn. Một lần trong quán bar, gã tưởng chừng thoáng được tin về nàng, trong âm thanh hỗn loạn của bom rơi đạn lạc. Những người tị nạn hoảng hốt vây quanh nàng, tóc nàng tết bím, một chiếc máy ảnh đeo trên cổ và một chiếc nĩa giơ lên ngẩng, đằng sau toàn khói và lửa. Nikon. Với tất cả những lời dối trá nàng chấp nhận không hề hối hận, một kết thúc tốt đẹp quả thật là phi lý đến cùng cực. Những nhân vật chính nam và nữ sống hạnh phúc mãi mãi, và đoạn kết có vẻ như không còn gì để bàn cãi. Không có câu hỏi nào được đưa ra để hỏi hạnh phúc hay tình yêu kéo dài đến bao giờ trong cái sự “vĩnh hằng” vốn có thể chia theo tuổi thọ, năm tháng kia. Thậm chí là ngày. Cho tới khi kết cục đích thực, định mệnh không tránh được kia đến với họ, Nikon không chịu chấp nhận rằng sau đó hai tuần nhân vật nam chính có thể chết đuối khi thuyền của chàng đụng phải đá ngầm ở vùng biển phía Tây Xcôtlen. Hoặc rằng ba tháng sau nhân vật nữ chính bị tai nạn xe cộ. Hoặc rằng mọi thứ có thể khác đi theo hàng ngàn cách: một trong hai người có nhân tình, một trong hai người trở nên cay nghiệt và chán ngắt, một trong hai người muốn thoái lui. Có thể những đêm dài đầy nước mắt, im lặng và cô đơn rồi sẽ tiếp nối cái nụ hôn trên màn hình ấy. Có thể bệnh ung thư giết chết chàng trước tuổi bốn mươi. Có thể nàng vẫn sống rồi chết trong căn nhà của bố mẹ mình ở tuổi chín mươi. Có thể viên sĩ quan đẹp trai kia biến thành một phế nhân thảm hại, những vết thương của chàng trở thành một vết sẹo kinh khủng và trận chiến vinh quang của chàng bị mọi người quên lãng. Và có thể, già nua và bất lực, nhân vật chính nam và nữ chịu đựng những thử thách mà không có sức mạnh để chiến đấu hay bảo vệ chính mình, bị quăng quật tứ phía bởi sóng gió cuộc đời, sự ngu ngốc, thói ác độc và sự bất hạnh của thân phận con người.

Đôi khi anh làm em sợ, Lucas Corso.

Mười một giờ kém năm đêm hôm ấy, gã tìm được đáp án cho ngọn lửa bí ẩn trong nhà Victor Fargas. Mặc dù điều đó không làm mọi chuyện sáng tỏ hơn. Gã vươn vai ngái ngủ nhìn đồng hồ. Lại liếc nhìn lần nữa những mẩu giấy trên tấm ga trải giường, gã thoáng bắt gặp mình trong tấm gương nằm cạnh tờ bưu thiếp cũ lồng trong khung gỗ có hình mấy tay khinh kỵ binh bên ngoài giáo đường Reims. Áo quần xộc xệch, râu ria không cạo, cặp kính nằm vẹo vọ trên sống mũi. Gã bật cười, một nụ cười cấu kính, vẹo vẹo, như chó sói, chỉ dành cho những dịp đặc biệt. Và đây là một dịp. Tất cả những mẩu vụn của Chín cánh cửa mà gã đã cố nhận dạng được đều có xuất xứ từ những trang có chữ. Không thấy dấu vết của chín tranh minh họa và trang đầu. Có hai khả năng: hoặc chúng bị thiêu trong ngọn lửa, hoặc - có khả năng hơn, khi xem xét tờ bìa bị xé - ai đó đã lấy chúng trước khi ném phần còn lại của cuốn sách vào lửa. Dù là ai đi nữa, một gã hay một ả, thì cũng rất khôn ngoan. Hoặc là một bọn. Có lẽ là, sau khi bắt ngờ nhìn thấy La Ponte và Liana Taillefer ở cột đèn giao thông, gã sẽ phải tập cho quen dùng ngôi thứ ba số nhiều. Vấn đề là những đầu mối Corso đang lần theo có sai sót hay là do âm mưu của đối phương. Dù là sai sót hay âm mưu, bọn họ cũng đều rất tinh vi kỹ lưỡng.

Vừa nghĩ tới âm mưu, chợt tiếng chuông vang lên, Corso mở cửa và thấy cô gái đứng đó. Gã chỉ kịp giấu cẩn thận cuốn sách số một và bản thảo Dumas xuống dưới chân. Cô vẫn mặc cái quần jean và áo pull như thường lệ, đi chân trần.

“Chào ông Corso. Hy vọng ông không định ra ngoài đêm nay.”

Cô không vào phòng mà vẫn đứng ở cửa, hai ngón tay cái thọc vào túi. Cô nhăn mặt như thể đang chờ đợi

tin xấu.

“Cô khỏi cần đề phòng.” Corso cam đoan.

Cô cười, an ủi gã. “Em kiệt sức rồi.”

Gã quay lưng lại phía cô rồi bước tới cái bàn đầu giường. Chai gin trống rỗng, vì vậy gã tìm trong tủ rượu cho đến khi đắc ý đứng lên với một chai gin bé xíu trong tay. Gã dốc cạn rượu trong chai vào cái ly rồi tợp một ngụm. Cô gái vẫn đứng ở cửa.

“Họ lấy mất các bức tranh khắc. Cả chín bức.” Gã hươ cái chai về phía đám mẩu vụn của cuốn sổ 2. “Họ đốt phần còn lại để không bị lộ. Do vậy mà không phải tất cả đều bị cháy. Họ muốn bảo đảm còn một số mẩu vụn nguyên vẹn để cuốn sách chính thức được coi như bị hủy.”

Cô gái nghiêng đầu nhìn gã chăm chú. “Ông thật thông minh.”

“Tất nhiên. Đây là lý do người ta cần có tôi.”

Cô gái đi mấy bước trong phòng. Corso nhìn đôi bàn chân trần đặt trên thảm, bên cạnh giường. Cô đứng đó xem những dòng chữ trên mẩu giấy cháy.

“Fargas không đốt cuốn sách,” gã thêm. “Ông ta không có khả năng làm chuyện như thế... Họ đã làm gì ông ta? Phải chăng ông ta tự tử, như Enrique Taillfer?”

Cô không trả lời ngay mà nhặt một mẩu giấy lên coi. “Hãy tự tìm câu trả lời,” cô nói. “Đây là lý do người ta cần ông.”

“Còn cô?”

Cô vẫn im lặng đọc, cặp môi mấp máy như thể cô hiểu các từ ngữ. Khi đặt mẩu giấy xuống giường, nụ cười của cô quá già so với tuổi.

“Ông biết vì sao em ở đây rồi: Em phải trông nom. Ông cần em.”

“Tôi chỉ cần thêm rượu gin.”

Gã tự rửa mình rồi uống cạn cốc rượu, gắng sức che giấu vẻ bồn chồn lo lắng. Mặc xác nó. Màu xanh như ngọc, màu trắng sáng ngời, đôi mắt ấy cùng nụ cười ấy bùng lên trên nền da nâu, cái cổ trần ẩm áp đầy sức sống ngẩng cao. Mày có tin nổi không, Corso. Ngay cả bây giờ, với bao nhiêu phiền não, mày vẫn đang nghĩ đến đôi tay rám nắng kia, cái cổ thanh mảnh kia, những ngón thật dài kia. Gã nhận ra dưới lần áo pull chặt căng, bộ ngực cô tuyệt đẹp. Trước đó gã chưa có lúc nào quan sát nó cẩn thận. Gã hình dung chúng rám nắng và nặng trĩu dưới lớp vải bông, hình dung xác thịt tạo thành từ bóng tối và ánh sáng. Một lần nữa gã để ý hơn tới chiều cao của cô. Cô cao bằng gã. Có khi còn hơn.

“Cô là ai?”

“Một con quỷ,” cô đáp. “Con quỷ đang yêu.”

Rồi cười. Cuốn sách của Cazotte nằm trong cái tủ buyp phê, bên cạnh Hồi ký đảo Sainte Hélène cùng với một số giấy tờ. Cô nhìn nhưng không đụng vào chúng. Rồi đặt một ngón tay lên đó và quay lại Corso.

“Ông tin ma quỷ không?”

“Tôi được trả tiền để tin. Đại khái như trong việc này.”

Cô chậm rãi gật đầu, như thể đã biết gã sẽ trả lời thế nào. Cô tò mò nhìn Corso, miệng hé mở, đợi chờ một dấu hiệu hay cử chỉ mà chỉ cô mới hiểu.

“Ông biết vì sao em thích cuốn này không, Corso?”

“Không. Nói đi.”

“Bởi vì nhân vật chính là người thành thật. Mọi tình của anh ta không phải là một trò bịp để vui dập một linh hồn. Biondetta dịu dàng chung thủy. Những điều cô ngưỡng mộ ở Alvaro cũng giống như những điều

con quỷ ngưỡng mộ ở loài người: lòng dũng cảm, tính độc lập...” Mi mắt cô sụp xuống trong một thoáng. “Khát vọng hiểu biết và sự minh mẫn.”

“Có vẻ như cô biết rất nhiều. Cô biết những gì về toàn bộ chuyện này?”

“Nhiều hơn ông tưởng tượng nhiều.”

“Tôi chẳng tưởng tượng gì sất. Mọi thứ tôi biết về con quỷ, những yêu và ghét của nó đều từ văn học: Thiên đường đã mất, Hài kịch thần thánh, Faust và Anh em nhà Karamazov.” Gã phác một cử chỉ mơ hồ, lảng tránh. “Tôi chỉ gián tiếp biết về Lucifer.”

Giờ thì cô nhìn gã về chế giễu. “Vậy ông thích con quỷ nào hơn? Quỷ của Dante?”

“Không. Quá khủng khiếp. Quá Trung cổ đối với tôi.”

“Mephistopheles?”

“Cũng không phải. Hẳn quá hài lòng với bản thân. Một gã gạt người quá đáng, giống như một luật sư lừa đảo... Dù gì đi nữa tôi cũng không bao giờ tin những người cười quá nhiều.”

“Còn con quỷ trong Anh em nhà Karamazov?”

Corso nhăn mặt. “Bần tiện. Một tên đầy tớ tầm thường với móng tay bẩn.” Gã ngừng lại. “Tôi nghĩ con quỷ tôi ưa là thiên thần sa đọa của Milton.” Gã nhìn cô về thích thú. “Đó là điều mà cô muốn tôi nói.”

Cô mỉm cười khó hiểu, ngón tay cái vẫn để trong túi. Gã chưa thấy ai mặc quần jean như thế bao giờ. Tất nhiên cần có cặp chân dài như của cô. Cặp chân của một cô gái trẻ vậy xe đi nhờ bên đường, ba lô dưới chân, đôi mắt xanh quá là xanh kia chứa toàn bộ ánh sáng trên thế gian này.

“Ông thấy Lucifer thế nào?”

“Tôi chẳng có ý kiến gì.” Corso nhăn mặt, hững hờ. “Làm lì và lạng lẽ, tôi nghĩ thế. Chán ngắt.” Gã trở nên chua chát. “Trên ngai vàng trong lâu đài hoang phế. Giữa một vương quốc tiêu điều, lạnh lẽo, đơn điệu, chẳng có bất cứ chuyện gì xảy ra.”

Cô im lặng nhìn gã. “Ông làm em ngạc nhiên đấy, Corso,” cuối cùng cô nói.

“Tôi không biết vì sao. Ai cũng có thể đọc Milton. Kể cả tôi.”

Cô chậm chạp đi một nửa vòng tròn quanh cái giường, giữ khoảng cách cố định với nó cho tới khi đứng giữa gã và cái đèn. Hoặc do cố ý hoặc không, cái bóng cô trùm lên những mẫu vụn của Chín cánh cửa rải trên tấm ga.

“Ông vừa nói đến cái giá phải trả.” Lúc này mặt cô chìm trong bóng tối. “Niềm kiêu hãnh, tự do... Tri thức. Dù là ngay từ đầu hay khi kết thúc, ông vẫn phải trả giá cho mọi thứ. Thậm chí cho lòng can đảm, đúng không? Ông không nghĩ rằng cần rất nhiều dũng cảm để đối mặt với thượng đế ư?”

Lời cô thăm thì êm như ru giữa cái tĩnh lặng tràn ngập căn phòng, thứ tĩnh lặng chui vào từ dưới cửa và qua những khe hở quanh cửa sổ... Ngay cả tiếng ồn ào của xe cộ ngoài đường có vẻ cũng dịu đi. Corso nhìn một cái bóng rồi cái bóng tiếp theo. Đầu tiên là hình bóng cách điệu trên tấm ga giường và những mẫu vụn của cuốn sách, rồi đến thân người đứng ngược sáng. Gã băn khoăn không biết cái nào mới thực hơn.

“Cùng với tất cả những đại thiên sứ đó,” cô, hay cái bóng cô nói thêm. Câu nói mang theo vẻ cay đắng, một tiếng thì thào khinh bỉ, tiếng thở dài của kẻ bại trận. “Đẹp đẽ và hoàn chỉnh. Có kỷ luật như lũ quốc xã.”

Vào thời điểm ấy cô không hề trẻ. Tựa như cô kiệt sức vì gánh nặng tuổi tác: một di sản mờ mịt, tội lỗi của những người khác, tội lỗi mà gã ngạc nhiên không thể xác định được là gì. Gã nghĩ có lẽ cả cái bóng trên giường lẫn hình người ngược sáng đều không phải là thực.

“Có một bức tranh ở bảo tàng Prado. Ông nhớ không, Corso? Những người đàn ông cầm dao đối mặt với các kỵ sĩ mang kiếm. Em luôn cho rằng thiên thần sa đọa lạc trong cơn bạo loạn trông cũng giống như thế. Cũng với vẻ mặt không còn gì để mất như đám người khốn khổ trong tay chỉ có mấy con dao đó. Lòng can đảm trong cơn tuyệt vọng.”

22. Chương 10 - Phần 2

Cô vừa nói vừa khẽ chuyển mình đôi chút, chỉ vài phân, nhưng cử động ấy khiến cái bóng cô tiến gần Corso, như thể theo ý chí của chính nó.

“Cô biết chút gì về hắn không?” gã hỏi.

“Nhiều hơn là em muốn.”

Cái bóng cô lúc này hầu như chạm vào gã. Theo bản năng gã lùi lại, để lộ một khoảng sáng giữa họ ở trên giường.

“Hãy hình dung hắn,” cô nói vẫn với giọng mơ màng. “Người đẹp nhất trong những thiên thần dọa lạc một mình bày mưu tính kế trong cung điện trống rỗng... Bám víu vô vọng vào những lễ thói mà hắn khinh thường nhưng ít nhất cũng cho phép hắn che giấu nỗi sâu. Che giấu thất bại của hắn.” Cô khẽ cười, buồn bã, như từ một nơi xa xăm. “Hắn để mất thiên đường.”

Bây giờ hai cái bóng đã tới với nhau và gần như trôi lên giữa những mảnh vụn của cuốn sách cứu được từ Quinta da Soledade. Cô gái và Corso, trên giường, với chín cánh cửa dẫn tới vương quốc của những bóng tối khác, hoặc có thể vẫn là bóng tối đó. Những tờ giấy cháy sém, những đầu mối không hoàn chỉnh, một bí ẩn nằm dưới mấy tầng màn chắn, của người thợ in, của thời gian, và ngọn lửa. Enrique Taillefer ở tận cuối một sợi dây lụa đu đưa đôi chân trong khoảng không. Victor Fargas úp mặt bập bênh dưới mặt nước ao âm u. Aristide Torchia cháy bùng bùng ở quảng trường Hoa, kêu tên cha, không trông lên thiên đường mà nhìn xuống đất dưới chân mình. Ông già Dumas ngồi viết trên đỉnh cao thế giới. Trong khi đó thì ở chính Paris này, rất gần với chỗ Corso đang có mặt, một cái bóng khác, bóng của vị hồng y giáo chủ với thư viện tàng trữ rất nhiều sách về quỷ dữ, đang nắm giữ những manh mối của toàn bộ âm mưu.

Cô gái, hay đường nét ngược sáng của cô tiến lại gần Corso. Chỉ một bước thôi, nhưng đủ để bóng gã biến mất bên dưới bóng cô.

“Cái đó tệ hơn cho những người theo hắn.” Corso phải mất một lúc mới hiểu cô định nói đến người nào. “Những người hắn lôi theo mình: chiến binh, người đưa tin, những đầy tớ do nghề nghiệp và do thiên bẩm. Một vài lính đánh thuê, giống như ông... Nhiều người thậm chí còn không nhận ra rằng họ đang lựa chọn giữa khuất phục và tự do, giữa thượng đế và nhân loại. Do thói quen, với lòng trung thành mê muội của những chiến binh kiên tín, họ theo người cầm đầu nổi dậy và bị đánh bại.”

“Giống như đội quân lê dương mười ngàn người của Xenophon,” Corso đùa bỡn.

Cô im lặng một lát, ngạc nhiên vì độ chính xác của gã.

“Có lẽ,” cuối cùng cô nói. “Cô đọc bên ngoài thế giới, họ vẫn hy vọng ngày nào đó lãnh tụ sẽ đưa họ về nhà.”

Corso cúi xuống tìm một điều thuốc lá, và cái bóng gã lại hiện ra. Rồi gã bật ngọn đèn trên cái bàn đầu giường, đường nét tối sẫm của cô gái liền biến mất khi ánh sáng chiếu lên mặt cô. Đôi mắt sáng rực nhìn gã đăm đăm. Trông cô lại trẻ trung.

“Hết sức cảm động,” gã nói. “Tất cả những chiến binh già ấy đều đi tìm biển.”

Cô chớp mắt, như thể bây giờ, với khuôn mặt được chiếu sáng, cô không hiểu gã định nói gì. Không còn cái bóng trên giường nữa. Những mẫu sách chỉ là những mảnh giấy vụn cháy thành than. Gã chỉ việc mở cửa sổ, một cơn gió mạnh sẽ thổi chúng bay tung khắp phòng.

Cô mỉm cười. Irene Adler, 223B phố Baker. Quán cà phê ở Madrid, chuyến tàu, buổi sáng ở Sintra... Trận đánh thất bại, những người lính lê dương thua trận rút lui: cô quá trẻ làm sao nhớ được những chuyện như thế. Cô cười như một cô bé vừa lấu linh vừa ngây thơ, với những dấu vết mỗi một bên khóe mắt. Cô ngái ngủ và ảm áp.

Corso ngáp. Một phần của gã chồm lên cô, lột cái áo pull để lộ làn da rám nắng, cởi bỏ cái quần jean và dần cô xuống giường, giữa những mảnh vụn còn lại của cuốn sách có thể triệu hồi sức mạnh của bóng tối.

Rồi chìm đắm vào da thịt nóng hổi của cô, để tính sổ với thượng đế và Lucifer, với dòng thời gian trôi đi không khoan nhượng, với những oan hồn của chính gã, với cuộc đời và cái chết. Nhưng phần còn lại của gã chỉ đốt điều thuốc rồi lặng lẽ ngủ khời. Cô nhìn gã chăm chú hồi lâu như chờ đợi một cái gì, cử chỉ, một lời nói. Rồi cô chúc gã ngủ ngon và đi ra cửa. Nhưng tới cửa cô quay lại chậm rãi giơ tay lên, lòng bàn tay hướng vào trong, ngón trỏ và ngón giữa giao nhau chia lên trên. Nụ cười vừa dịu dàng vừa bí ẩn, vừa vụng dại vừa hiểu biết. Giống như một thiên thần lạc loài lưu luyến trở về phía thiên đường.

Nam tước phu nhân Frieda Ungern khi cười có hai lúm đồng tiền nhỏ bé ngọt ngào. Tựa như bà ta đã cười không ngừng suốt bảy mươi năm qua, và điều đó để lại một vẻ bao dung bất biến quanh mắt và miệng bà. Corso, một độc giả sớm khôn, đã biết từ hồi nhỏ rằng có nhiều loại phù thủy khác nhau: những mẹ kế độc ác, thậm chí cả những mẹ phù thủy già kinh tởm có mụn cóc trên mũi. Nhưng bất kể những điều nghe được về nam tước phu nhân bảy mươi tuổi, gã vẫn không hiểu bà ta thuộc loại nào. Bà có thể là một trong những quý bà lớn tuổi sống trong mơ, bên ngoài thực tế, không bao giờ tiếp xúc với những điều khó chịu, nhưng đôi mắt thâm trầm, thông minh, nhanh nhạy, đầy hoài nghi lại phủ nhận ấn tượng đầu tiên ấy. Cả cái tay áo len đan trống rỗng phía bên phải với cánh tay cụt trên khuỷu cũng vậy. Ngoài ra thì bà ta thấp lùn đầy đà như một giáo viên tiếng Pháp trong trường nội trú nữ. Tức là vào cái thời quý cô học nội trú còn tồn tại. Corso phỏng chừng như vậy khi nhìn mớ tóc xám túm lại thành búi sau gáy, đôi giày tồi tàn giống kiểu nam giới với đôi tất ngắn màu trắng.

“Rất vui được gặp, ông Corso.”

Bà ta chìa bàn tay duy nhất - yếu ớt và nhỏ bé như mọi bộ phận khác trên người - với vẻ mạnh mẽ khác thường và để lộ những lúm đồng tiền. Giọng nói nhẹ nhàng, Đức nhiều hơn là Pháp. Một Von Ungern đích thực, Corso nhớ đã đọc đâu đó, từng khét tiếng ở vùng Mãn Châu hay Mông Cổ trong những năm đầu thập kỷ hai mươi. Là một viên quan tư lệnh, y đã tập hợp đám tàn quân Bạch vệ, Cô dắc, lính Tàu, bọn đào ngũ và kẻ cướp, để thành lập một mặt trận cuối cùng chống lại Hồng quân. Với những đoàn tàu bọc thép, họ cướp của, giết người, kết thúc bằng một đội xử bắn vào lúc bình minh. Có thể là một người bà con của bà ta.

“Ông ấy là em người ông của chồng tôi. Gia đình ông ấy có gốc Nga di cư sang Pháp với khá nhiều của cải trước khi cách mạng xảy ra.” Chẳng có chút luyến tiếc quá khứ hay tự hào gì trong giọng nói của bà. Tất cả đều là chuyện quá khứ, chuyện của người khác, gia đình khác, có vẻ bà ta muốn nói vậy. Những người xa lạ đã biến mất từ khi chưa có bà. “Tôi sinh ra ở Đức. Gia đình tôi mất hết dưới thời quốc xã... Tôi lấy chồng ở Pháp sau chiến tranh.” Bà thận trọng gỡ một chiếc lá khô trên cái cây bên cửa sổ rồi khẽ cười. “Tôi không thể nào chịu đựng được những ám ảnh quá khứ bên nhà chồng: nỗi nhớ thương thành Saint Petersburg, sinh nhật Sa Hoàng. Cứ như lúc nào cũng chuẩn bị đưa người chết đi chôn.”

Corso nhìn những cuốn sách xếp đầy trên bàn, lèn chặt trên giá. Gã ước tính chỉ trong phòng này đã có đến hàng ngàn cuốn. Hình như những cuốn hiếm nhất và quý nhất cũng ở đây, từ những ấn phẩm hiện đại đến những tập sách cổ bìa da.

“Thế còn tất cả những thứ này thì sao?”

“Đó là chuyện khác. Chúng là tài liệu nghiên cứu, không phải để thờ cúng. Tôi dùng chúng để làm việc.”

Thời buổi chó má, Corso tự nhủ, khi mà những mẹ phù thủy hay bất cứ loại người gì nói về nhà chồng họ và đổi vạc dầu lấy thư viện, lấy những tủ tài liệu và một vị trí trong danh mục bestseller.

Qua ô cửa mở gã nhìn thấy sách trong những căn phòng khác và trên hành lang... Sách và cây. Những chậu cây khắp nơi: trên bậu cửa sổ, trên sàn, trên những giá gỗ. Đây là một căn hộ lớn đắt tiền nhìn ra sông và, ở một thời điểm khác, ra giàn hỏa thiêu của tòa án dị giáo. Có những cái bàn đọc sách với những người trẻ tuổi trông giống sinh viên, và những bức tường phủ đầy sách. Những cuốn sách cổ kính mạ vàng ánh lên rực rỡ trong đám cây cối. Quý Ungern sở hữu bộ sưu tập lớn nhất châu Âu về thể loại sách huyền bí. Corso liếc nhìn mấy đầu sách gần gã nhất. *Daemonolatria Libri* của Nicholas Remy. *Compendium Maleficarum* của Francesco Maria Guazzo. *De Daemonialitate et Incubus et Succubus* của Ludovico Sinistrari. Cùng với việc sở hữu một trong những danh mục sách quý nhất về bộ môn nghiên cứu ma quỷ và một quỹ mang tên người chồng nam tước quá cố, nam tước phu nhân Ungern nổi danh là một nhà văn viết sách về ma thuật

và phép phù thủy. Cuốn sách mới đây nhất của bà, Isis, trình nữ khỏa thân có mặt trong danh mục sách bán chạy nhất trong vòng ba năm. Việc Vatican công khai kết tội tác phẩm gây nên mối lo ngại đặt một vị thần dị giáo ngang hàng với Đức Mẹ, đã khiến cho doanh số bán tăng vọt. Cuốn sách được tái bản tám lần ở Pháp, mười hai lần ở Tây Ban Nha và mười bảy lần ở nước Ý Thiên Chúa giáo.

“Hiện giờ bà đang viết gì?”

“Một cuốn có tựa đề Ma quỷ, lịch sử và truyền thuyết. Một cuốn tiểu sử thuộc loại bất kính. Sẽ xong vào đầu năm tới.”

Corso dừng lại ở một hàng sách. Gã chú ý tới cuốn *Disquisitionum Magicarum* của Martin del Rio, ba tập do nhà Lovaina xuất bản lần đầu 1599-1600: một cuốn sách ma thuật thần bí cổ điển.

“Bà kiếm được cuốn này ở đâu?”

Frieda Ungern hẳn phải cân nhắc xem nên cung cấp bao nhiêu thông tin, vì một lát sau bà ta mới trả lời.

“Trong lần đầu giá năm 89 ở Madrid. Tôi đã rất khó khăn mới ngăn được không cho Varo Borja đồng hương của ông giành được nó.” Bà thở dài như thể vẫn chưa hồi phục lại sau một nỗ lực như thế. “Và tiền bạc nữa. Tôi sẽ không thể thu xếp được nếu không có sự giúp đỡ của Paco Montegrifo. Ông biết ông ấy không? Một con người thú vị.”

Corso nở nụ cười méo mó. Gã không chỉ biết Montegrifo, người phụ trách chi nhánh Tây Ban Nha của sàn đấu giá Claymore, mà còn từng cộng tác với hắn trong vài vụ giao dịch không chính thức với lợi nhuận cao. Ví dụ như vụ bán cuốn *Cormography* của Ptolemy, một bản thảo chép tay gô tích từ năm 1456 đã biến mất một cách bí hiểm khỏi đại học Salamanca không lâu trước đó, cho một nhà sưu tầm Thụy Sĩ. Montegrifo nhận là chủ nhân cuốn sách và dùng Corso làm người trung gian. Toàn bộ vụ việc được tiến hành khôn khéo và sạch sẽ, bao gồm cả chuyến đi tới xưởng của anh em Ceniza để gỡ bỏ cái tem bảo hiểm. Corso tự mình đưa cuốn sách tới Lausanne. Tất cả những việc này được tính vào khoản hoa hồng ba mươi phần trăm cho gã.

“Có, tôi biết ông ta.” Gã vuốt ve gáy mấy cuốn *Disquisitionum Magicarum* và tự hỏi không biết Montegrifo kiếm được gì trong vụ giúp nam tước phu nhân đấu giá gian lận. “Còn về Martin del Rio, trước đây tôi chỉ một lần được xem một bản in, trong bộ sưu tập của các giáo sĩ dòng Tên ở Bilbao... Đóng bìa bằng một tấm da đơn. Nhưng cùng một lần xuất bản.”

Vừa nói gã vừa đưa tay vuốt dọc hàng sách, sờ vào vài cuốn. Có rất nhiều cuốn hay bọc da bê, da cá mập, giấy da cừu. Rất nhiều cuốn đã cũ và có vẻ đã sử dụng nhiều. Hầu như tất cả đều có dấu, những mảnh bìa trắng phủ kín chữ viết tay nhỏ và nhọn bằng bút chì. Tài liệu nghiên cứu. Gã dừng lại trước một cuốn sách trông quen mắt: màu đen, không nhan đề, năm dài bằng nổi trên gáy. Cuốn số ba.

“Bà có cuốn này bao lâu rồi?”

Lúc này Corso là một người thần kinh vững. Đặc biệt là ở phân đoạn này của vở kịch. Nhưng gã đã phí cả đêm chọn lọc trong đám tro tàn của cuốn thứ hai và không thể ngăn cản bà nam tước lưu ý đến một số điểm là lạ trong âm sắc của giọng gã. Gã nhận thấy cái nhìn nghi ngờ của bà ta bất kể hai lúm đồng tiền thần thiện trên khuôn mặt già song vẫn trẻ trung.

“Chín cánh cửa ư? Tôi không nhớ lắm. Lâu rồi.” Cánh tay duy nhất của bà vươn ra nhanh nhẹn và khéo léo cầm cuốn sách trên giá không chút khó khăn, rồi tựa gáy sách lên lòng bàn tay, mở ra trang đầu có dán một số nhãn sách trong đó có mấy cái rất cũ. Nhãn cuối cùng có những đường lượn trang trí với cái tên Von Ungern và ngày tháng ghi bằng mực. Thấy nó, bà gật đầu thương cảm. “Một món quà của chồng tôi. Tôi lấy chồng rất sớm. Ông ấy gấp đôi tuổi tôi. Ông ấy mua cuốn sách năm 1949.”

Đó là vấn đề với những mục phù thủy thời hiện đại, Corso nghĩ: họ không có bất cứ bí mật gì. Mọi thứ đều ở ngoài sáng, bạn có thể đọc mọi thứ về họ trên *Who's Who* hoặc trên những tờ lá cải. Nam tước phu nhân hay không cũng thế cả, tất cả rồi cùng thành ra thô lậu, nhạt phèo, trắng tuột. Torquemada[1] chán chết đi được vì những thứ đó.

[1] Có lẽ nói tới Antonio de Torquemada (1957-1569), nhà văn Tây Ban Nha, song cũng có thể nói tới một số nhân vật lịch sử khác cùng họ Torquemada.

“Chồng bà có chia sẻ hứng thú với bà về những thứ này không?”

“Không một chút nào. Ông ấy không bao giờ đọc nổi một cuốn sách. Ông ấy chỉ làm sao cho mọi mơ ước của tôi đều biến thành sự thật, giống như thần đèn ấy.” Cánh tay cụt của bà ta thoáng run lên. “Một cuốn sách quý hay một cái vòng cổ bằng ngọc tuyệt hảo chẳng có gì khác nhau đối với ông ấy.” Bà ta ngừng lại và khẽ cười buồn. “Nhưng ông ấy là người vui tính, rất có khả năng quyến rũ vợ bạn bè. Và cocktail sâm banh ông ấy pha thì thật tuyệt.”

Bà im lặng một lúc nhìn quanh, như thể ông chồng còn để lại một ly đầu đó.

“Tự tôi sưu tập tất cả chỗ này,” bà nói thêm, khua tay về phía thư viện. “Từng cuốn một, cả ngăn ấy cuốn. Thậm chí cả Chín cánh cửa cũng do tôi chọn, sau khi phát hiện nó trong catalô của một người phá sản từng ủng hộ Pétain. Chồng tôi chỉ việc ký séc.”

“Vì sao bà hứng thú đến thế đối với con quỷ?”

“Tôi từng gặp hắn ta. Lúc ấy tôi mới mười lăm, tôi thấy hắn ta rõ như đang nhìn ông bây giờ. Hắn đội mũ, áo cổ cứng và cầm gậy ba toong. Cực kỳ đẹp trai. Trông giống như John Barrymore vào vai nam tước Gaigem trong Khách sạn lớn. Vậy là, như con ngọc, tôi yêu.” Bà ta lại trở nên trầm ngâm, bàn tay duy nhất thọc vào trong túi áo len, như đang hoài niệm những chuyện xa xưa. “Tôi nghĩ đó là lý do vì sao tôi không bao giờ thực sự cảm thấy khó chịu về tính lẳng nhăng của chồng tôi.”

Corso nhìn quanh, như thể có ai đó khác trong phòng, rồi nói với giọng ra chiều bí mật.

“Nếu là ba thế kỷ trước bà đã bị thiêu sống vì kể ra chuyện này.”

Bà ta bật ra một tiếng cười vui vẻ từ trong cổ họng, cố ghìm mình không cười thành tiếng, và gần như vươn mình đứng trên đầu ngón chân để thì thầm cũng với giọng như vậy. “Ba thế kỷ trước, tôi sẽ không nói chuyện đó với bất kỳ ai. Nhưng tôi biết nhiều người sẽ sung sướng nếu đưa được tôi lên giàn lửa.” Bà lại cười, để lộ ra những lúm đồng tiền. Bà ta lúc nào cũng cười, Corso nghĩ. Nhưng đôi mắt sáng thông minh vẫn nhìn gã dò xét và cảnh giác. “Ngay cả bây giờ, trong thời nay và ở tuổi này.”

Bà ta đưa Chín cánh cửa cho gã rồi quan sát gã từ từ lật từng trang sách, mặc dù gã gần như không thể kiềm chế nổi kích động muốn tìm xem có gì khác nhau ở chín bức tranh khắc gỗ. Gã thở phào nhẹ nhõm khi chúng còn nguyên vẹn. Thực tế là Thư mục tổng hợp của Mateu đã sai: không cuốn nào trong ba cuốn sách thiếu bức tranh cuối cùng. Cuốn thứ ba kém hơn cuốn của Varo Borja và cuốn của Victor Fargas trước khi bị ném vào lửa. Nửa bên dưới của nó từng bị ngâm nước và hầu hết các trang bị ố... Bìa cũng cần làm sạch lại cẩn thận, nhưng cả cuốn nhìn bề ngoài vẫn đầy đủ.

“Ông muốn uống chút gì không?” bà nam tước hỏi. “Tôi có chè và cà phê.”

Không phải là thuốc độc và cổ lạ, Corso thất vọng tự nhủ. Thậm chí không có cả nước thuốc sắc.

“Cà phê.”

Đó là một ngày nắng đẹp, bầu trời xanh thẳm trên những ngọn tháp nhà thờ Đức Bà gần đó. Corso bước lại bên cửa sổ, kéo rèm ra để xem cuốn sách rõ hơn. Ở hai tầng bên dưới, giữa những cây cối trụi bên bờ sông Seine, cô gái ngồi đọc sách trên một ghế đá, mình khoác áo len thô. Gã biết đó là Ba người lính ngự lâm, gã đã thấy nó trên bàn khi hai người ăn sáng cùng nhau. Sau đó gã đi dọc theo phố Rivoli và biết rằng cô theo sau, cách mười lăm hai mươi bước. Gã làm như không biết, còn cô vẫn giữ khoảng cách ấy. Giờ thì gã thấy cô ngẩng lên. Hắn cô nhìn rõ gã từ dưới đó, nhưng cô chẳng tỏ vẻ gì là nhận thấy gã. Lặng lẽ và không biểu lộ gì hết, cô nhìn gã rời khỏi cửa sổ. Khi gã lại nhìn ra ngoài cô đã cúi xuống cuốn sách rồi.

Có một thư ký, một phụ nữ trung niên, bưng những chiếc cốc đầy di chuyển giữa những bàn và sách, nhưng Frieda Ungern tự mình lấy cà phê, mang theo hai cốc và một chiếc khay bạc, bà ta đi lại vẫn dễ dàng. Một cái liếc mắt của bà nói rằng không cần gã giúp, rồi họ ngồi xuống bên bàn, khay đặt giữa những cuốn sách, chậu cây, những giấy tờ và sổ ghi chép.

“Điều gì gợi ý cho bà thành lập quỹ này?”

“Là vì chuyện thuế. Hơn nữa, hay có người này người nọ tới đây, tôi có thể tìm được người cộng tác...” Bà cười buồn bã. “Tôi là người cuối cùng trong đám phù thủy, và tôi thấy cô đơn.”

“Bà không giống phù thủy chút nào.” Corso để lộ bộ mặt thích hợp, một con thỏ ngây thơ thân thiện. “Tôi đã đọc Isis của bà.”

Cầm tách cà phê trong tay, bà khẽ nhấc mẫu tay cụt lên, đồng thời nghiêng đầu như muốn vén lại mái tóc. Đó là một cử chỉ quyến rũ vô thức, xưa như trái đất song cũng không biết đến tuổi già, mặc dù nó không hoàn thiện.

“Ông có thích nó không?”

Gã đưa cái tách lên miệng và nhìn sâu vào mắt bà ta. “Rất thích.”

“Không phải mọi người đều thích. Ông biết L’Osservatore Romano nói gì không? Họ lấy làm tiếc vì danh mục sách cấm của giáo hội không còn nữa. Và ông có lý.” Bà ta trở chín cánh cửa mà Corso đặt cạnh bà ở trên bàn. “Nếu là ngày xưa tôi đã bị thiêu sống, giống như kẻ bất hạnh đã viết những tín điều của Satan.”

“Bà có thực sự tin vào ma quỷ không, nam tước phu nhân?”

“Đừng gọi tôi là nam tước phu nhân. Nghe kỳ cục lắm.”

“Bà muốn tôi gọi thế nào?”

“Tôi không biết. Bà Ungern. Hoặc Frieda.”

“Bà tin ma quỷ không, bà Ungern?”

“Đủ để hiến dâng cả cuộc đời, bộ sưu tập, quỹ này, bảy nhiều năm làm việc và năm trăm trang tác phẩm mới của tôi.” Bà ta nhìn Corso vẻ hào hứng. Gã đã gỡ kính xuống lau. Nụ cười yếu ớt của gã bổ sung nốt hiệu quả. “Còn ông?”

“Mọi người cũng mới hỏi tôi như thế.”

“Tất nhiên. Ông đi khắp nơi hỏi về một cuốn sách cần phải đọc với đủ niềm tin.”

“Niềm tin của tôi khá hạn chế,” Corso đáp, mạo hiểm đầu tư một chút thành thực. Loại thành thực này thường mang lại lợi nhuận. “Kỳ thực tôi làm vì tiền.”

Những lúm đồng tiền lại xuất hiện. Cách đây nửa thế kỷ hẳn bà ta rất đẹp, gã nghĩ. Hai tay nguyên vẹn thả ra bùa mê hay gì đó, mảnh khảnh và ranh mãnh. Hiện giờ bà vẫn giữ được một chút gì của thời đó.

“Thật đáng thương,” Frieda Ungern bình luận. “Những người khác làm việc không mục đích, với niềm tin mù quáng vào nhân vật chính trong truyện. Albertus Magnus, Raymund Lully, Roger Bacon, không người nào bàn cãi về sự tồn tại của quỷ dữ, chỉ bàn về thực tính của hắc thôi.”

Corso sửa lại kính rồi mỉm cười hoài nghi hàm ý gì đó.

“Mọi thứ đã khác đi từ lâu rồi.”

“Ông không cần phải vòng vo thế. Quỷ thực sự tồn tại, không chỉ như một biểu tượng của cái ác mà còn là một thực thể tự nhiên. Ông thấy sao nào? Câu đó là của một vị giáo hoàng, Paul VI, viết năm 1974.”

“Ông ta là dân chuyên nghiệp,” Corso điềm đạm trả lời. “Chắc ông ta có lý lẽ của mình.”

“Thực ra mọi chuyện ông ta làm là để khẳng định một quan điểm giáo điều: sự tồn tại của quỷ được xác lập ở công đồng thứ tư tại Letran. Năm 1215...” Bà ta ngừng lại nhìn gã ngờ vực. “Ông có quan tâm tới các dữ kiện về học thuật không? Tôi mà cố gắng thì cũng có thể chữ nghĩa học thuật đầy mình đấy.” Những lúm đồng tiền lại xuất hiện. “Ngày xưa tôi luôn luôn muốn đứng đầu lớp. Là người thông minh nhất.”

“Tôi tin là vậy. Bà đã đoạt được mọi giải thưởng?”

“Đương nhiên. Và bọn con gái khác đều ghét tôi.”

23. Chương 10 - Phần 3

Cả hai cùng cười. Corso cảm thấy giờ thì Frieda Ungern về phe với gã. Vì vậy gã lấy hai điều thuốc từ trong túi áo khoác ra rồi chia một điều cho bà. Bà từ chối, liếc nhìn gã về bên chôn. Corso lờ đi và châm thuốc.

“Hai thế kỷ trước,” bà nam tước tiếp tục khi Corso cúi xuống quẹt diêm, “sắc chỉ của giáo hoàng Innocent VIII Summis Desiderantes Affectibus khẳng định rằng Tây Âu bị nhiễm độc từ ma quỷ và phù thủy. Vì vậy hai giáo sĩ dòng Dominic, Kramer và Sprenger, đã soạn thảo Malleus Malleficarum, một cuốn hướng dẫn cho các quan tòa dị giáo.”

Corso giơ ngón tay trở lên. “Lyon, 1519: Một cuốn khổ octavo theo phong cách gô tích, không có tên tác giả. Ít nhất trong bản in tôi biết.”

“Không tệ.” Bà ta nhìn gã ngạc nhiên: “Cuốn của tôi in sau.” Bà ta trở lên giá: “Nó kìa. Xuất bản năm 1668, cũng ở Lyon. Nhưng ấn bản đầu tiên thì từ năm 1486...” Bà hơi nhắm mắt, nhún vai. “Kramer và Sprenger cuồng tín và ngu ngốc. Malleus của họ là một mớ vô nghĩa. Thậm chí còn buồn cười, nếu hàng ngàn kẻ khốn khổ không bị tra tấn và đưa lên giàn lửa nhân danh nó.”

“Như Aristide Torchia.”

“Đúng. Như ông ta. Mặc dù ông ta còn lâu mới vô tội.”

“Bà biết những gì về ông ta?”

Bà nam tước lắc đầu, uống nốt tách cà phê rồi lại lắc đầu. “Nhà Torchia là một gia tộc thương nhân Venice giàu có chuyên nhập khẩu giấy từ Tây Ban Nha và Pháp. Khi còn trẻ Aristide du lịch sang Hà Lan rồi học việc ở nhà Elzevir, những người này có quan hệ với cha anh ta. Anh ta ở đó một thời gian rồi chuyển đi Praha.”

“Chuyện đó tôi không biết.”

“Giờ thì ông biết rồi. Praha là thủ đô ma thuật và huyền học của châu Âu, giống như Toledo bốn thế kỷ trước... Ông có nhìn ra manh mối gì không? Torchia quyết định sống ở Saint Mary of the Snows, trung tâm ma thuật, ở gần quảng trường Jungmannove, nơi có tượng Jan Hus. Ông có nhớ Hus trên giàn thiêu không?”

“Từ đồng tro tàn của tôi sẽ bay lên một con thiên nga các ông không thể nào thiêu đốt.”

“Chính xác. Nói chuyện với ông thật dễ chịu. Tôi cũng đoán ông biết chuyện đó. Chắc là nó có ích cho ông trong công việc lắm.” Bà nam tước vô tình hít vào một ít khói thuốc lá. Bà nhăn mũi, nhưng gã vẫn thản nhiên. “Ta nói đến đâu rồi nhỉ? Phải rồi, Praha, màn hai. Torchia chuyển đến một ngôi nhà ở khu Do Thái gần đó, cạnh giáo đường Do Thái. Một khu vực nơi mà cửa sổ sáng lên hằng đêm và các thuật sĩ tìm kiếm công thức ma thuật của Golem[2]. Một thời gian sau ông lại chuyển đi, lần này là tới vùng Mala Strana...” Bà mỉm cười với gã, bí ẩn. “Những chuyện này ông thấy thế nào?”

[2] Nê nhân-người bùn, theo truyền thuyết Do Thái, giống như người nhưng mạnh và khỏe hơn con người nhiều lần.

“Giống như một chuyến hành hương. Hoặc dã ngoại, như ta nói bây giờ.”

“Tôi cũng nghĩ vậy,” bà nam tước đồng ý với vẻ hài lòng. Corso lúc này đã thực sự được chấp nhận và đang mau chóng leo lên đứng đầu lớp. “Thật sự là quá mức trung hợp khi Aristide Torchia tới ba địa điểm tập trung toàn bộ những tri thức huyền bí thời đó. Lại chính là ở Praha với những đường phố còn vang vọng tiếng bước chân Agrippa và Paracelsus[3], nơi tìm thấy bản viết tay cuối cùng về ma thuật Chaldea và những bí quyết của Pythagor đã mất tăm mất tích sau khi Metapontius bị giết.” Bà nghiêng mình về phía gã rồi thấp giọng: “Cô Marple[4] sắp thổ lộ với bà bạn thân nhất rằng mình phát hiện xyanua trong món bánh điểm tâm. “Ồ trong thành Praha ấy, ông Corso ạ, trong số những học giả hắc ám ấy, có những người luyện carmina tức là những câu thần chú, thuật gọi hồn và thuật giao tiếp với người chết.” Bà ngừng lại lấy hơi, trước khi thì thầm, “Và goety...”

[3] Hai nhà nghiên cứu huyền học và thuật giả kim nổi tiếng thế kỷ 15-16.

[4] Cô Marple: thám tử nghiệp dư nổi tiếng trong nhiều tiểu thuyết của Agatha Christie.

“Thuật giao tiếp với quỷ.”

“Đúng vậy.” Bà ta ngả người lên lưng ghế tựa. Phấn khích vì tất cả những điều này, bà đang bộc lộ chính mình. Đôi mắt sáng rực, nói nhanh như thể có quá ít thời gian mà lại có quá nhiều điều cần nói. “Vào thời ấy, Torchia sống ở nơi tàng trữ những sách và tranh khắc còn tồn tại được sau bao chiến tranh, hỏa hoạn và bức hại... Những cuốn sách ma thuật còn sót lại mở ra cánh cửa của tri thức và sức mạnh: Delomelanon, ngôn ngữ để triệu hồi bóng tối.”

Bà ta nói với một giọng bí ẩn, gần như diễn kịch, nhưng vẫn cười, như thể chính mình không hoàn toàn nghiêm túc về chuyện ấy, hoặc giả muốn nhắc nhở Corso duy trì một khoảng cách lành mạnh.

“Sau khi kết thúc thời gian học việc, Torchia trở về Venice,” bà tiếp tục. “Hãy ghi nhớ vì đây là điều quan trọng: bất chấp những nguy cơ sẽ phải đối mặt ở Ý, người thợ in bỏ lại sự an toàn tương đối ở Praha mà trở về quê. Ở đó ông ta xuất bản một loạt cuốn sách đưa ông ta lên giàn thiêu. Có thấy lạ không?”

“Có vẻ, như ông ta có một nghĩa vụ phải hoàn thành.”

“Đúng. Nhưng ai giao cho ông ta?” Bà nam tước mở ra trang nhan đề của Chín cánh cửa. “Do đặc quyền và sự cho phép của bề trên. Đáng suy nghĩ, đúng không? Y như là Torchia đã tham gia một hội ái hữu bí mật ở Praha và được ủy nhiệm phát tán một thông điệp. Một thứ giáo nghĩa cần quảng bá.”

“Lúc trước bà đã nói: giáo điều của quỷ Satan.”

“Có thể. Sự thực là Torchia xuất bản Chín cánh cửa vào thời điểm xấu nhất. Từ năm 1550 đến 1666, những người theo thuyết nhân văn Platon mới và các phong trào thần bí bị thất bại trong cuộc chiến chống những tin đồn về tín ngưỡng ma quỷ. Những người như Giordano Bruno và John Dee bị thiêu sống hay bị hành hạ khổ sở đến chết. Với sự thắng thế của dự án chống cải cách, tòa án dị giáo mở ra khắp nơi. Được thành lập với mục tiêu chống lại tà giáo, họ đặc biệt chĩa mũi dùi vào phù thủy và pháp sư các loại, nhằm biện minh cho sự hiện diện tối tăm hắc ám của mình. Huống hồ đây lại là một người thợ in giao dịch với ma quỷ... Phải nói là Torchia khiến cho mọi việc trở nên thật dễ dàng cho họ. Ông nghe nhé.” Bà giờ ngẫu nhiên vài trang sách. “Pot. M.vere im.go.” Bà nhìn Corso. “Tôi đã dịch một số đoạn. Bộ mã khá đơn giản. ‘Tôi sẽ ban sự sống cho những hình hài bằng sáp,’ nó có nghĩa là thế. ‘Và tháo tung vàng trắng, trả da thịt về cho những xác thân đã chết.’ Ông nghĩ thế nào?”

“Khá ngây ngô. Có vẻ như mất mạng vì thứ đó thì thật ngu xuẩn.”

“Có lẽ. Chẳng ai biết. Ông có thích Shakespeare không?”

“Đôi khi.”

“Trên thiên đường và trên trái đất, Horatio ạ, có nhiều thứ hơn là triết lý của anh có thể tưởng tượng ra.”

“Hamlet là một người hết sức thất thường.”

“Không phải tất cả mọi người đều có khả năng hoặc xứng đáng tiếp cận những điều huyền bí này, thưa ông Corso. Như người xưa nói, cần phải hiểu và im lặng.”

“Nhưng Torchia thì không.”

“Ông biết là theo thần thoại của người Do Thái, thượng đế có một cái tên thần bí và kinh khủng.”

“Tetragrammaton[5].”

[5] Gồm bốn chữ cái trong ngôn ngữ Do Thái cổ (Yod, He, Waw và He) ghép lại để chỉ Đức Cha toàn năng trên thiên đường hay thượng đế như người ta vẫn gọi.

“Đúng vậy. Sự hài hòa và cân bằng của vũ trụ dựa trên bốn chữ cái này... Khi thượng đẳng thần Gabriel cảnh báo với Mohammed: ‘Thượng đế bị bảy mươi ngàn màn chắn bằng ánh sáng và bóng tối che khuất. Và nếu những màn chắn này bị vén lên, ngay cả ta cũng sẽ bị hủy diệt!’ Nhưng thượng đế không phải là người duy nhất mang cái tên ấy. Quỷ cũng có. Khi tụng niệm một tổ hợp những chữ cái xấu xa, kinh khủng, hẳn ta sẽ trở về... và kéo theo những hậu quả khủng khiếp.”

“Đó chẳng phải điều gì mới. Nó có một cái tên còn cổ xưa hơn đạo Cơ Đốc và đạo Do Thái: cái hộp Pandora.”

Bà ta nhìn gã về hải lòng, như thể muốn cho gã điểm số tối đa.

“Rất tuyệt, ông Corso. Thực tế là qua nhiều thế kỷ chúng ta luôn nói về cùng một chuyện, nhưng với những cái tên khác nhau. Isis và Đức Mẹ đồng trinh Mary, Mitra và Jesus Christ, ngày hai mươi lăm tháng Chạp như là Giáng Sinh hay ngày lễ đông chí, sinh nhật của thần Mặt Trời bất bại. Thử nhớ lại thánh Gregory mà coi. Ngay từ thế kỷ thứ bảy ông ta đã nhắc nhở các nhà truyền giáo vận dụng hợp chúng với đạo chính thống.”

“Nghe ra có mùi thương mại. Thực chất đó là một chiêu tiếp thị: cố lôi kéo khách hàng của người khác... Bà có thể nói với tôi bà biết gì về những cái hộp Pandora và những thứ tương tự không? Bao gồm cả khế ước với quỷ.”

“Pháp thuật phong ấn ác quỷ trong chai hay trong sách có từ rất xưa rồi. Gervase xứ Tilbury thế kỷ mười ba và Gerson ở thế kỷ mười bốn đều nhắc tới. Còn khế ước với quỷ có lịch sử còn xưa hơn: Từ Thánh thư Enoch đến Saint Jeronimus, qua thần thông của người Do Thái và các bậc thầy thông thái của giáo hội. Đừng quên giám mục Theophilus, người thực sự ‘say mê kiến thức’, nhà giả kim thuật truyền kỳ Faust, và Roger Bacon. Hay giáo hoàng Sylvester II mà người ta đồn rằng từng cướp đoạt cuốn sách của người Saracen ‘chứa đựng tất cả những điều cần biết’.”

“Vậy thì đó là vấn đề đạt được tri thức.”

“Đương nhiên. Không có người nào bỏ ra nhiều công sức đến vậy, tự chuốc rắc rối về mình đến vậy, lang thang bên bờ địa ngục chỉ để giết thì giờ. Ngành ma quỷ học đồng nhất Lucifer với tri thức. Trong Sáng thế, quỷ đội lột rắn đã thành công trong chuyện ngăn cản con người thôi dừng ngu ngốc nữa mà hãy đạt được nhận thức, tự do khát vọng, tỉnh minh bạch, tri thức, với tất cả nỗi đau và sự bấp bênh do những thứ đó gây ra.”

Cuộc đối thoại tối hôm trước vẫn còn như mới khiến Corso không thể không nhớ đến cô gái. Gã nhặt cuốn Chín cánh cửa lên và, viện cớ muốn xem lại nó dưới ánh sáng tốt hơn, gã bước ra cửa sổ. Không có cô ở đó nữa. Gã ngạc nhiên nhìn đi nhìn lại đường phố, dọc theo bờ kè và những ghế đá dưới gốc cây, nhưng cũng không thấy. Gã bối rối nhưng không có thời gian nghĩ về chuyện đó. Frieda Ungern lại tiếp tục nói.

“Ông có thích chơi trò đoán chữ không? Ô chữ với những từ khóa? Về mặt nào đấy thì cuốn sách trong tay ông đúng là như thế. Giống như mọi sinh vật thông linh, quỷ vốn thích trò chơi, câu đố. Hành trình gian nan với những kẻ yếu đuối và bất lực rơi rụng giữa chừng, chỉ có những trí tuệ cao siêu - những người đã được khai trí - mới trở thành người chiến thắng.” Corso nhích lại gần bàn đặt cuốn sách xuống mở trang đầu ra. Con rắn ngậm đuôi mình quấn quanh thân cây. “Kẻ nào không thấy gì hết ngoài con rắn trong tranh đang nhai ngấu nghiến đuôi của nó thì không xứng đáng đi xa hơn.”

“Mục đích của cuốn sách này là gì?” Corso hỏi.

Bà nam tước đặt ngón tay lên môi giống như kỵ sĩ trong bức minh họa thứ nhất. Bà cười.

“Thánh John ở Patmos nói điều đó dưới thời Ác thú đệ nhị, trước trận quyết chiến sau cùng ở Armageddon, ‘chỉ riêng kẻ nào có dấu hiệu, có tên của Ác thú hay mã hiệu tên ông ta, mới có thể mua và bán’. Chờ đến đúng lúc, Luke (4:13) kể cho chúng ta ở cuối câu chuyện về sự cám dỗ rằng, con quỷ, sau ba lần bị khước từ, đã rút lui ‘chờ đến thời điểm thích hợp’. Nhưng con quỷ để lại vài lối đi cho người thiếu kiên nhẫn, bao gồm cả phương cách tìm đến hắn, để lập khế ước với hắn.”

“Để bán linh hồn cho hắn.”

Frieda Ungern cười khúc khích thân mật. Cô Marple cam đoan với những người bạn thân trong khi buôn chuyện về con quỷ. Bỏ sẽ chẳng bao giờ đoán được những chuyện sau cùng của Satan đâu. Đây, đó, hay kia. Tôi không biết phải bắt đầu từ đâu, bà bạn Peggy thân mến của tôi ạ.

“Quỷ đã rút ra bài học,” bà nói. “Hắn trẻ trung và khờ dại, hắn mắc lỗi lầm. Các linh hồn chạy trốn vào phút cuối cùng qua cánh cửa giả, tự cứu mình nhờ tình yêu, lòng khoan dung của Chúa và những lời hứa giả dối khác. Vì vậy sau cùng hắn thêm vào điều khoản bắt buộc về chuyện hiến dâng cả thể xác và linh

hồn khi đáo hạn, ‘tuyệt đối không được quyền chuộc lại, hay trông đợi lòng khoan dung của Chúa sau này’. Điều khoản đó quả tình có thể tìm thấy trong cuốn sách này.”

“Quả là một thế giới tồi tệ,” Corso nói. “Ngay cả Lucifer cũng phải nhờ đến một cuốn sách nhỏ bé.”

“Ông phải hiểu. Ngày nay người ta giả dối mọi thứ. Kể cả linh hồn họ. Khách hàng của hắn lủi mất mà không tuân theo những nghĩa vụ trong hợp đồng. Quý chán ngán quá rồi nên hắn có đủ lý do để xử sự như vậy.”

“Còn gì khác trong cuốn sách này không? Chín bức họa có ý nghĩa gì?”

“Về nguyên tắc chúng là những ô chữ cần giải đáp. Khi vận dụng kết hợp với văn bản trong sách, chúng ban cho sức mạnh. Và cung cấp công thức kiến tạo cái tên ma thuật để làm cho Satan xuất hiện.”

“Nó hoạt động tốt chứ?”

“Không. Đó là đồ giả.”

“Bà đã tự mình thử chưa?”

Frieda Ungern có vẻ choáng.

“Ông nghĩ tôi ở tuổi này còn có thể đứng trong vòng tròn ma thuật cầu khẩn quỷ vương ư? Cho tôi xin. Cho dù hắn ta rất giống John Barrymore năm mươi năm trước, và cũng đom đống như thế. Ông có thể hình dung nổi thất vọng ở tuổi tôi không? Tôi thà trung thành với những kỷ niệm thời son trẻ của mình còn hơn.”

Corso nhìn bà ta vẻ ngạc nhiên đầy nhạo báng. “Nhưng chắc là bà và con quỷ... Độc giả của bà tin rằng bà phạm tội phù thủy.”

“Vây ư, thế thì họ nhầm rồi. Cái tôi cần ở quỷ là tiền bạc chứ không phải cảm xúc.” Bà ta nhìn ra cửa sổ. “Tôi đã tiêu hết gia tài của chồng tôi để xây dựng bộ sưu tập này, nên giờ tôi đành phải xoay sở sống bằng nhuận bút.”

“Nh nhuận bút không tồi, tôi chắc thế. Bà là nữ hoàng của các cửa hàng sách.”

“Nhưng cuộc sống tốn kém lắm, ông Corso. Rất tốn kém, nhất là khi phải xử trí với những người như ông bạn Montegrifo để có được những cuốn sách hiếm mình muốn. Ngày nay Satan là một nguồn đem lại thu nhập cao, nhưng chỉ thế thôi. Tôi bảy mươi tuổi rồi. Không còn thời gian cho những mộng tưởng ngu ngốc viễn vông, giấc mơ của các bà cô không chồng nữa... Ông hiểu chứ?”

Đến lượt Corso mỉm cười. “Thật tuyệt.”

“Khi tôi nói cuốn sách này là giả,” bà nam tước nói tiếp, “đó là vì tôi đã nghiên cứu nó rất kỹ. Có gì đó không ổn. Có những khe trống bên trong. Ý tôi muốn nói theo nghĩa ẩn dụ, vì cuốn sách của tôi thực ra là hoàn chỉnh. Nó từng thuộc về bà de Montespan, người tình của Louis XIV. Bà ta là một tín đồ của Satan và đã tìm cách biến nghi lễ ma quỷ thành hoạt động thường ngày trong lâu đài. Có một bức thư của bà de Montespan gửi bà de Peyrolles, một người bạn tâm phúc, trong đó bà ta phàn nàn về sự vô hiệu của cuốn sách, bà cho rằng cuốn này ‘có tất cả những điều mà các nhà thông thái chỉ rõ, nhưng cũng có những chỗ không đúng, một trò chơi chữ không bao giờ ghép được thành một chuỗi chính xác’.”

“Còn ai sở hữu nó nữa?”

“Bá tước Saint Germain, sau đó ông ta bán cho Cazotte.”

“Jacques Cazotte?”

“Phải. Tác giả Con quỷ đang yêu, lên máy chém năm 1792. Ông biết cuốn đó?”

Corso thận trọng gật đầu. Những mắt xích rõ ràng đến mức khó tin.

“Tôi đọc rồi.”

Chuông điện thoại vang lên đầu đó trong căn hộ và tiếng bước chân người thư ký đi dọc theo hành lang. Tiếng chuông ngừng lại.

“Còn về Chín cánh cửa,” bà nam tước tiếp tục, “dấu vết của nó chấm dứt ở ngay Paris, trong giai đoạn kinh hoàng sau cách mạng. Sau đó cũng có vài ba lúc người ta nhắc tới, nhưng rất mơ hồ. Trong một bài báo, Gérard de Nerval có nhắc qua tới nó, ông ta quả quyết rằng đã nhìn thấy nó ở nhà một người bạn.”

Corso khẽ chớp mắt sau cặp kính. “Dumas là bạn của bạn ông ta,” gã nhắc nhở.

“Đúng thế. Nhưng Nerval không nói là ở nhà ai. Sự thực là không ai thấy cuốn sách nữa cho đến khi bộ sưu tập của người cộng sự của Pétain được mang ra đấu giá, và tôi mua được nó...”

Corso không nghe tiếp nữa. Theo truyền thuyết, Gérard de Nerval treo cổ bằng một sợi dây lấy từ một cái áo choàng phụ nữ. Cửa bà de Montespan. Hay của bà de Maintenon? Bất kể là của ai thì cũng khiến gã không thể không bồn chồn liên tưởng đến sợi dây thò ra từ cái áo choàng Enrique Taillefer mặc trên người.

Người thư ký đến bên cửa cắt đứt suy nghĩ của gã. Có người muốn gặp Corso trên điện thoại. Gã xin lỗi rồi đi qua những cái bàn đọc sách, ra ngoài hành lang đầy sách và cây. Trên một cái bàn đằng góc bằng gỗ óc chó có một cái điện thoại cổ bằng kim loại, ống nghe đã nhấc ra ngoài.

“A lô?”

“Ông Corso à? Irene Adler đây.”

“Tôi cũng đoán thế.” Gã quay nhìn hành lang trống phía sau. Người thư ký đã đi mất. “Tôi ngạc nhiên là cô không tiếp tục quan sát nữa. Cô gọi từ đâu vậy?”

“Từ quán bar góc đường. Có một người đàn ông đang theo dõi ngôi nhà. Vì thế em tới đây.”

Trong một thoáng gã gần như ngừng thở. Rồi nhe răng cắn một cái xước măng rô nơi móng tay. Chẳng sớm thì muộn sẽ có chuyện, gã nghĩ với sự nhần nhục ghê rợn. Người đó là một phần trong màn kịch, hay là một thứ đạo cụ. Rồi mặc dầu biết là không cần, gã vẫn nói:

“Mô tả hẩn đi.”

“Đen, có ria và vết sẹo to trên mặt.” Giọng nói của cô êm dịu, không chút dấu vết nào của cảm xúc hay nhận thức về sự nguy hiểm. “Hắn đang ngồi trong chiếc BMW xám bên kia đường.”

“Hắn có thấy cô không?”

“Em không biết. Nhưng em thấy hắn. Hắn ở đây một giờ rồi. Ra khỏi xe hai lần. Lần đầu để nhìn biển tên trên cánh cửa, lần sau để mua một tờ báo.”

Corso nhè cái xước măng rô ra rồi mút ngón tay cái. Đau nhức. “Nghe đây. Tôi không biết có chuyện gì với người ấy. Thậm chí tôi không biết cô và người ấy có cùng một bọn hay không. Nhưng tôi không thích hắn ở gần cô. Không chút nào. Vậy nên hãy quay về khách sạn đi.”

“Đừng ngó ngàng, ông Corso. Em sẽ đến chỗ cần đến.” Cô nói thêm, “Gửi lời chào đến Treville,” rồi gác máy.

Corso làm một cử chỉ nửa bực tức nửa chế nhạo, bởi chính gã cũng đang nghĩ đến điều đó và không thích sự trùng hợp. Gã đứng đó một lát nhìn cái ống nghe trước khi treo nó lên. Đương nhiên, cô đang đọc Ba người lính ngự lâm. Thậm chí cô vẫn mở cuốn sách ra khi gã nhìn cô qua cửa sổ. Ở chương ba, vừa mới tới Paris và được ngài de Treville tiếp kiến, d'Artagnan, sĩ quan chỉ huy ngự lâm quân của nhà vua nhìn thấy Rochefort ngoài cửa sổ. Chàng chạy theo hắn, đụng vào vai Athos, quệt phải dây đeo súng của Athos và làm rách khăn tay của Aramis. Gửi lời chào đến Treville. Đó là một trò đùa thông minh, nếu nó thực sự nhẹ nhàng. Nhưng Corso chẳng thấy nó vui tí nào.

Sau khi gác máy, gã đứng trong hành lang tối đen suy nghĩ một lúc. Có lẽ đó chính xác là cái mà người ta sự kiến gã sẽ làm: lao xuống cầu thang đuổi theo Rochefort, tay cầm kiếm, đập miêng mồm hắn tung ra. Cú điện thoại của cô gái cũng là một phần của âm mưu. Hay có lẽ - chuyện này mới thực rắc rối - đó là lời cảnh báo về âm mưu, nếu quả thực có một âm mưu. Điều này có nghĩa là nếu cô không chơi gian lận - Corso quá kinh nghiệm để không thờ tay vào lửa vì bất kỳ ai.

Thời buổi chó má, một lần nữa gã tự nhủ. Thời buổi điên rồ. Sau bấy nhiêu sách, phim và chương trình ti vi, sau khi đọc ở nhiều mức độ khác nhau đến thế, thật khó mà nói anh đang xem bản gốc hay bản in lại; khó biết hình ảnh là thật, là đảo chiều, hay cả hai, ở trong một phòng gương; khó biết ý định của tác

giả là thế nào. Rất dễ rơi vào tình trạng hoặc thái quá hoặc bất cập với những lý giải của một người. Đây là một lý do nữa để ghen tị với cụ tổ gã với bộ ria lính cận vệ và mùi thuốc súng lảng đãng trên cánh đồng lầy lội cứ Flandre. Vào thời ấy một lá cờ là một lá cờ, hoàng đế là hoàng đế và một bông hồng là một bông hồng. Nhưng bây giờ, ít nhất cũng ở Paris này, đối với Corso một vài điều đã trở nên rõ ràng: ngay cả trong vai trò độc giả hạng nhì gã cũng chuẩn bị tham gia trò chơi chỉ đến một mức độ nào đó. Gã đâu còn tuổi trẻ, sự ngây thơ hay khát vọng lên đường chiến đấu ở một vị trí do đối thủ chọn, ba trận quyết đấu trong vòng mười phút, trong sân tu viện Carmelite hay bất kỳ chỗ quái quỷ nào. Khi tới lúc cần nói lời chào, gã bảo đảm sẽ tiếp cận Rochefort sao cho mọi thứ đều thuận lợi cho mình, nếu có thể thì từ phía sau, với một cái gậy sắt trong tay. Gã sấm vật đó từ sau lần xảy ra chuyện trong con phố hẹp ở Toledo, cùng với món nợ ứng trước ở Sintra. Corso sẽ lặng lẽ thanh toán nợ nần. Sẽ kiên nhẫn chờ đợi.

24. Chương 11 - Phần 1

XI. BỜ KÈ SÔNG SEINE

Bí ẩn này được xem như không có lời giải vì chính những lý do khiến người ta cho rằng nó có lời giải.

E. A. Poe, VỤ GIẾT NGƯỜI Ở PHỐ NHÀ XÁC.

“Quy luật thật đơn giản,” Frieda Ungern nói, “ghép những chữ viết tắt đồng dạng với những chữ viết tắt dùng trong bản thảo tiếng Latinh cổ. Đây có thể là vì phần lớn tác phẩm được Aristide Torchia lấy nguyên xi từng chữ một từ một bản thảo khác, có thể là từ cuốn sách truyền kỳ Delomelanicon. Ở tranh khắc đầu tiên, ý nghĩa khá rõ ràng với bất kỳ người nào chỉ cần hơi quen thuộc với thứ ngôn ngữ bí truyền: NEM. PERV.T QUI N.N LEG. CERT.RIT rõ ràng là NEMO PERVENIT QUI NON LEGITIME CERTAVERIT.”

“Chỉ kẻ nào chiến đấu đúng luật mới chiến thắng.”

Họ đã uống với nhau tới cốc cà phê thứ ba, và, ít nhất là về hình thức, rõ ràng Corso đã được chấp nhận. Gã thấy bà ta gật đầu hài lòng.

“Rất tốt. Ông có thể giải nghĩa bất kỳ phần nào trong bức tranh này không?”

“Không,” Corso nói dối thản nhiên. Gã vừa nhận ra rằng trong cuốn sách của bà nam tước có ba chữ không phải bốn ngọn tháp trong thành có tường bao mà kỳ sĩ đang phi tới. “Ngoại trừ cử chỉ của nhân vật chính ra, xem ra có vẻ rất hùng hồn.”

“Thì đúng thế: ông ta quay về phía bất kỳ ai đi theo, một ngón tay đặt lên môi, yêu cầu yên lặng... Đó là tacere - sự yên lặng của nhà hiền triết bí ẩn. Ở hậu điện, những bức tường của tòa thành vây quanh những ngọn tháp, tức là điều bí ẩn. Hãy để ý tới cánh cửa đóng. Lẽ ra nó phải mở mới đúng.”

Căng thẳng và lo lắng, Corso lật thêm mấy tờ cho đến khi thấy bức minh họa thứ hai, vị ẩn sĩ đứng trước một cánh cửa khác, cầm cái chìa khóa bằng tay phải. Câu chú giải là CLAUS. PAT.T.

“CLAUSAE PATENT,” bà nam tước giải thích. “Họ mở cái bị đóng. Những cánh cửa đóng... Ẩn sĩ đại biểu cho tri thức, sự nghiên cứu, sự thông thái. Và nhìn đây, bên này cũng có con chó đen mà theo truyền thuyết thường đi theo Agrippa. Một con cẩu trung thành. Từ Plutarch tới Bram Stoker[1] và Dracula của ông ta, cả Faust của Goethe nữa, chó đen là con vật mà quỷ thường chọn làm hóa thân cho mình nhất. Còn cái đèn lồng thuộc về nhà triết học Diogenes, người rất xem thường quyền lực của thế giới trần tục. Tất cả những điều ông ta đòi hỏi ở Alexander hùng mạnh là nhà vua đứng che khuất ánh sáng mặt trời khỏi ông, nhà vua hãy dịch sang một bên vì nhà vua đang đứng trước mặt trời, đứng trước ánh sáng.”

[1] Nhà văn Ireland, tác giả cuốn tiểu thuyết kinh dị nổi tiếng về ma cà rồng Dracula ra đời năm 1897, nhân vật chính là bá tước Dracula, chuyên hút máu người.

“Còn chữ cái Teth[2] này?”

[2] Teth: ký tự thứ chín trong bảng chữ cái cổ Do Thái và nhiều ngôn ngữ cổ khác như Ả-rập, Xyri, v.v. có hình dáng như một con rắn cuộn mình, tượng trưng cho thế năng. Giống như con rắn trước khi cắn.

“Tôi không rõ.” Bà gõ nhẹ lên bức tranh minh họa. “Vị ẩn sĩ trong bộ bài Ta rô, rất giống vị này, đôi khi có con rắn đi kèm, nếu không phải rắn thì cây gậy tượng trưng cho rắn. Trong triết học thần bí, rắn và rồng là những thần chú bảo hộ lãnh địa, khu vườn và bộ lông cừu kỳ diệu, chúng luôn luôn mở mắt kể cả khi ngủ. Chúng là gương soi của nghệ thuật.”

“Ars diavoli,” Corso buột miệng nói, và bà nam tước gật đầu, mỉm cười bí ẩn. Nhưng gã biết, từ Fulcanelli và những văn bản cổ, rằng cụm từ “Gương soi của nghệ thuật” có xuất xứ không phải từ ngành ma quỷ học mà từ ngành giả kim học. Gã tự hỏi không biết có bao nhiêu ngón bịp ẩn dưới cái vỏ ngoài thông thái của bà nam tước. Gã ngẫm thử dài. Gã cảm thấy mình như một người đi tìm vàng dim nửa người dưới sông, tay cầm cái sàng. Nói cho cùng, gã nghĩ, bà ta cần tìm cái gì đấy để lấp đầy mấy cuốn bestseller năm trăm trang của bà ta chứ.

Nhưng Frieda Ungern đã lật sang bức tranh thứ ba.

“Lời đề từ là VERB. D.SUM C.S.T. ARCAN. Câu này tương ứng với VERBUM DIMISSUM CUSTODIAT ARCANUM. Có thể dịch là ‘Chìa khóa nằm trong từ bị mất’. Và bức tranh có nghĩa: một cây cầu, mối liên kết hợp giữa hai bờ sáng tối. Từ thần thoại cổ điển về con rắn và những bậc thang, ý nghĩa của nó rất rõ. Giống như cầu vòng, nó nối liền trái đất với thiên đường hay địa ngục... Để qua được nó, tất nhiên phải mở được cánh cổng kiên cố.”

“Còn về người cầm cung nấp trong đám mây?”

Khi hỏi câu này giọng gã run lên. Trong cuốn số một và số hai, ông tên trên vai cung thủ trống không. Trong cuốn thứ ba, trong ông có một mũi tên. Frieda Ungern để nguyên ngón tay trên đó.

“Cung tên là vũ khí của Apollo và Diana, là ánh sáng của quyền năng tối cao. Cơ phần nộ của thượng đế, hay của Chúa. Đó là kẻ thù chờ phục kích người qua cầu.” Bà vươn mình về phía trước, giọng tự tin và bình thản, “Ở đây có một lời cảnh báo khủng khiếp. Đây không phải trò đùa.”

Corso gật đầu và chuyển sang bức tranh thứ tư. Gã cảm thấy sương mù dần choán ngập đầu óc. Những cánh cửa mở ra kèm theo tiếng kéo kẹt đầy tử khí. Lúc này gã nhìn tên hề và tòa mê cung bằng đá với lời đề: FOR. N.N OMN. A.QUE. Frieda Ungern dịch là FORTUNA NON OMNIBUS AEQUE: Số mệnh của mỗi người không giống nhau.

“Nhân vật này giống như tên ngốc trong bài Ta rô,” bà ta giải thích. “Gã khùng của thượng đế trong Hồi giáo. Và tất nhiên, gã cũng cầm một cái gậy hay con rắn tượng trưng... Gã là tên ngốc kiểu Trung cổ, gã giơ kẻ trong một cổ bài, một tên hề. Gã tượng trưng cho định mệnh, cơ may, sự kết thúc của mọi thứ, kết quả dự kiến được hay không được. Hãy nhìn con xúc xắc này. Thời Trung cổ, lũ hề rất được ưu tiên. Họ được phép làm những chuyện bị cấm. Mục đích là để nhắc nhở chủ nhân rằng họ cũng sẽ chết, rằng kết cuộc của họ cũng không tránh khỏi như những người khác.”

“Ở đây gã tuyên bố điều ngược lại,” Corso phản đối. “Số mệnh của mỗi người không giống nhau.”

“Đương nhiên. Kẻ nào nổi loạn, thực thi tự do của mình và dám chịu rủi ro thì có thể giành lấy một phần số khác. Đó là điều cuốn sách này muốn nói thông qua tên hề, hình mẫu của tự do. Người thực sự tự do duy nhất, và cũng là người thông thái nhất. Trong triết học huyền bí, tên hề được đồng nhất với thủy ngân của nhà giả kim. Là sứ giả của thượng đế, gã dẫn dắt các linh hồn đi qua vương quốc bóng tối...”

“Mê cung.”

“Đúng. Nó đây.” Bà trở bức tranh. “Và như ông thấy, cửa vào đóng.”

Lối ra cũng thế, Corso bắt giác nhún vai tự nhủ. Gã chuyển sang bức minh họa tiếp theo.

“Câu chú giải này đơn giản hơn,” gã nói. “FR.ST. A. Đây là bức duy nhất tôi dám đoán. Tôi cho rằng thiếu một chữ u và một chữ r. FRUSTRA. Nghĩa là ‘vô ích.’”

“Giỏi lắm. Chính xác là như vậy, và bức tranh hợp với lời chú giải. Lão già bủn xỉn đếm tiền vàng, không nhận ra sự có mặt của Thần Chết tay cầm hai biểu tượng rõ ràng: chiếc đồng hồ cát và cây chĩa ba.”

“Tại sao là chia ba mà không phải lưỡi hái?”

“Vì Thần Chết là người gặt hái, nhưng quỷ mới là người thu hoạch.”

Họ dừng ở bức minh họa thứ sáu với người đàn ông bị treo ngược lên tường thành. Frieda Ungern vờ ngáp ra chiều chán ngán, như thể sự thể đã quá rõ ràng.

“DIT.SCO M.R nghĩa là DITESCO MORI, Ta giàu lên nhờ cái chết, câu nói mà con quỷ hãnh diện phát biểu. Ông có nghĩ vậy không?”

“Tôi cho là vậy. Nói cho cùng thì đó là chuyện làm ăn của hắn.” Corso đưa ngón tay lướt trên bức tranh khác. “Người đàn ông bị treo ngược tượng trưng cho cái gì?”

“Đầu tiên là bí quyết thứ mười hai trong bài Ta rô. Nhưng cũng có thể lý giải theo nhiều cách khác. Tôi nghĩ nó tượng trưng cho sự thay đổi thông qua sự hy sinh... Ông có biết trường ca về Odin[3] không?”

[3] Odin: chủ thần trong thần thoại Bắc Âu; là thần Chiến tranh và thần của sự khôn ngoan.

Đằng đẳng chín đêm dài

Ta khắp mình thương tích

Treo trên đoạn đầu đài

Mặc gió trời vùi dập

Ông có thể nghĩ đến những liên kết sau,” bà nam tước tiếp tục. “Lucifer, chiến binh vì tự do, đau khổ vì tình yêu nhân loại. Và mang tới tri thức cho nhân loại thông qua hy sinh, cứ như thế để cho người đời nguyên rửa.”

“Bà có thể nói gì về bức họa thứ bảy?”

“DIS.S P.TI.R. Xem qua thì có vẻ khó hiểu. Nhưng tôi đoán đó là một câu ngạn ngữ mà các nhà hiền triết xưa rất thích: DISCIPULUS POTIOR MAGISTRO.”

“Hậu sinh khả úy?”

“Gần như vậy. Quốc vương và tên ăn mày chơi một bàn cờ kỳ lạ toàn những ô vuông một màu, trong khi hai con chó đen và trắng, cái Thiện và cái Ác, cắn xé nhau dã man. Mặt trăng đồng thời đại diện cho bóng đêm và người mẹ hiện ra ngoài cửa sổ. Hãy nhớ, những người mê tín cho là sau khi chết linh hồn nấu trên mặt trăng. Ông đọc Isis của tôi rồi, đúng không? Màu đen tượng trưng cho màn đêm, bóng tối mịt mù, màu đen trên tấm gia huy, mặt đất, đêm, cái chết... Màu đen của Isis tương ứng với màu của Đức Mẹ đồng trinh, bà khoác áo choàng xanh dương và cư ngụ trên mặt trăng. Khi chết đi, chúng ta sẽ trở về bên bà, trở lại với cội nguồn bóng tối. Bóng tối ấy vốn nhập nhằng khó giải, bởi nó vừa bảo vệ vừa đe dọa. Con chó và mặt trăng có thể lý giải theo cách khác. Nữ thần săn bắn Artemis, hay Diana của thần thoại La Mã, nổi tiếng vì thường hay trả thù những người đem lòng yêu nàng hay có ý đồ lợi dụng nữ tính của nàng... Chắc là ông biết sự tích này.”

Corso đang mải nghĩ về Irene Adler, chậm rãi gặt đầu. “Phải. Nàng ta thả chó ra sau khi biến họ thành nai đực.” Corso bắt giắc nuốt nước bọt. Hai con chó trong bức họa đánh nhau chí tử kia lúc này dường như báo một điềm gỡ. Mình và Rochefort ư? “Và cả hai bị xé thành từng mảnh.”

Bà nam tước liếc nhìn gã đứng đưng. Chính Corso là người đưa ra ngữ cảnh này, chứ không phải bà.

“Ý nghĩa cơ bản của bức họa thứ tám,” bà nói, “không có gì khó hiểu. VIC. I.T VIR. ứng với câu nói khá hay, VICTA IACET VIRTUS. Nghĩa là Đức hạnh lừa dối kẻ chiến bại. Trinh nữ sắp bị một người đàn ông mặc áo giáp cầm kiếm cắt cổ, tượng trưng cho đức hạnh. Trong khi đó thì bánh xe định mệnh, hay số phận, cứ quay một cách tàn nhẫn ở phía sau, chậm chậm nhưng chắc chắn sẽ hết vòng. Ba hình người trên đó tượng trưng cho ba thì mà ở thời Trung cổ người ta gọi là regno (Ta đang trị vì), regnavi (Ta đã trị vì), và regnabo (Ta sẽ trị vì).”

“Vẫn còn một bức họa nữa.”

“Phải. Bức cuối cùng và cũng là bức tranh nhiều ý nghĩa nhất. N.NC SC.O TEN.BR. LUX, không nghi ngờ gì có nghĩa là NUNC SCIO TENEBRIS LUX: Bây giờ ta biết là ánh sáng sẽ đến từ bóng tối. Cái mà ta có ở đây thực ra là hình ảnh trong sách Khải huyền của thánh John. Phong ấn cuối cùng bị phá, tòa thành bí mật bốc cháy. Thời đại của ả điểm Babylon đã đến, ả cười con rồng bảy đầu, đặc thắng hô to danh tính hay mã số khủng khiếp của Ác thú.”

“Dường như chẳng có nghĩa lý gì nếu vượt qua bấy nhiêu rắc rối chỉ để tìm thấy điều khủng khiếp này.” Corso nói.

“Đây không phải điều nó muốn nói. Toàn bộ những lời phúng dụ đều là những tổ hợp mã dưới dạng tranh đồ. Giống như trên một trang đồ chữ có từ in với hình vẽ cái quạt fan và cái cây tree tạo thành từ infantry, những bức minh họa này cùng với lời chú thích, kết hợp với văn bản trong cuốn sách, cho phép xác định một chuỗi sự kiện hay một nghi thức. Công thức cho ta câu thần chú. Như kiểu verbum dimissum hay gì đấy.”

“Và rồi quỷ xuất hiện.”

“Về lý thuyết thì thế.”

“Câu thần chú này bằng ngôn ngữ gì? La tinh, Do Thái cổ hay Hý Lạp?”

“Tôi không biết.”

“Thế còn sai sót mà bà Montepan đề cập đến nằm ở đâu?”

“Tôi nói rồi, cả điều này tôi cũng không biết. Tôi chỉ xác định được mỗi một chuyện là người hành lễ phải thiết lập một chốn ma thuật để đặt vào đó các từ tìm được sau khi xếp chúng thành một chuỗi liên tiếp. Tôi không biết thứ tự của nó, nhưng đoạn văn ở trang 158 và 159 trong Chín cánh cửa có lẽ sẽ cho một chỉ dẫn. Xem này.”

Bà chỉ cho gã đoạn văn viết tắt bằng tiếng Latinh. Một tấm các đầy những dòng chữ viết tay nhỏ và sắc nét của bà chú giải trang sách đó.

“Bà hiểu nó nói gì chứ?” Corso hỏi.

“Phải. Ít nhất là tôi nghĩ thế.” Bà đưa tấm các cho gã.

Corso đọc:

Đây là con vật ngậm đuôi trong miệng quần quanh mê cung nơi người sẽ đi qua tám cánh cửa trước con rồng vốn là bí ẩn của câu thần chú.

Mỗi cánh cửa có hai chìa khóa:

một là hư không và một là vật chất

nhưng cả hai đều là một.

Người sẽ đặt vật chất lên lưng con rắn.

theo hướng mặt trời lên,

Và tấm bìa thiêng của sao Thổ trên bụng nó.

Người sẽ bóc tấm bùa chín lần,

và khi hình phản xạ trên tấm gương trở lồi,

người sẽ tìm ra từ ngữ đã mất.

25. Chương 11 - Phần 2

Để mang ánh sáng tới từ bóng đêm.

“Ông nghĩ thế nào?” bà nam tước hỏi.

“Thật phiền phức, tôi nghĩ vậy. Nhưng tôi chẳng hiểu gì. Còn bà?”

“Tôi nói rồi, cũng không bao nhiêu.” Bà ta lật lật mấy trang sách, vẽ bút rứt. “Nó cung cấp một phương pháp, một cách thức. Nhưng có gì đó không đúng lắm. Và tôi phải biết đó là cái gì.”

Corso không nói gì mà đốt một điếu thuốc nữa. Gã đã có câu trả lời: chìa khóa trong tay ẩn sĩ, đồng hồ cát, lối thoát mê cung, bàn cờ, vầng hào quang... Và những thứ khác. Khi Frieda Ungern còn đang giải thích ý nghĩa các bức tranh, gã đã phát hiện những điểm sai biệt khác có thể khẳng định luận cứ của mình: mỗi cuốn sách đều khác hai cuốn kia. Trò chơi tìm lỗi tiếp tục, và gã có nhu cầu rất cấp thiết phải làm việc. Nhưng không phải với hơi thở của bà nam tước sau gáy.

“Tôi mong được coi kỹ toàn bộ những thứ này,” gã nói.

“Tất nhiên. Tôi có rất nhiều thời gian. Tôi muốn xem ông làm việc.”

Corso hắng giọng, bối rối. Đã đến đoạn gã vẫn lo lắng: trở mặt với nhau.

“Tôi làm việc một mình hiệu quả hơn.”

Nghe có gì đấy không đúng. Frieda Ungern nhăn mặt.

“E là tôi không hiểu.” Bà ta nghi ngờ liếc nhìn cái túi vải bố của Corso. “Có phải ông định ám chỉ rằng ông muốn tôi để ông ở lại một mình?”

“Nếu bà không phiền.” Corso cố gắng nhìn thật lâu vào mắt bà. “Việc tôi làm không thể để cho người khác dòm ngó được.”

Bà ta chớp mắt. Về khó chịu biến thành đe dọa, và Corso biết rằng mọi chuyện sẽ hỏng bét bất cứ lúc nào.

“Đương nhiên ông có quyền làm gì tùy ý.” Giọng Frieda Ungern trở nên lạnh lẽo đến mức tưởng chừng làm đông cứng toàn bộ cây cối trong phòng. “Nhưng đây là sách của tôi và nhà của tôi.”

Người khác ở trường hợp này thì đã xin lỗi và đánh bài chuẩn, nhưng Corso thì không. Gã vẫn ngồi yên hút thuốc, nhìn chằm chằm bà nam tước. Sau cùng, gã thận trọng mỉm cười, giống như một con thỏ chơi bài xì dách sắp sửa xin thêm một con bài.

“E là tôi đã không tự giới thiệu đầy đủ.” Gã cười và lấy từ trong túi một vật gói bọc cẩn thận. “Tôi chỉ cần ở đây một lúc với cuốn sách và quyển sổ của tôi thôi.” Gã khê vỏ lên cái túi trong khi đưa cái gói ra bằng tay kia. “Bà có thể thấy rằng tôi đã mang theo mọi thứ cần thiết.”

Bà nam tước mở gói ra, im lặng nhìn bên trong. Đó là một cuốn quảng cáo dày tên là Iden xuất bản tại Berlin tháng Chín năm 1943, báo ra hằng tháng của Idus, một nhóm người tôn sùng ma thuật và chiêm tinh rất gần gũi với các lãnh tụ Đức quốc xã. Corso đã đánh dấu sẵn một trang có ảnh. Trong ảnh là một Frieda Ungern rất trẻ đẹp mỉm cười trước ống kính. Mỗi bên bà ta khoác tay một người đàn ông (khi đó bà còn cả hai tay). Một người mặc thường phục, với chú thích ông này là nhà chiêm tinh hàng đầu của quốc trưởng. Bà được giới thiệu là trợ thủ ưu tú của ông này, cô Frieda Wender. Người đứng bên tay trái mang kính gọng thép, nét mặt bên lên mặc đồng phục SS. Không cần phải đọc lời chú thích cũng nhận ra đó là thống chế Heinrich Himmler.

Khi Frieda Ungern, tên mẹ đẻ là Wender, ngẩng lên bắt gặp ánh mắt Corso, bà không còn là một mệnh phụ nhỏ bé lớn tuổi ngọt ngào nữa. Nhưng biểu hiện đó chỉ thoáng qua trong phút chốc. Bà chậm rãi gạt đầu và cẩn thận gỡ lấy trang ảnh rồi xé thành từng mảnh nhỏ. Và Corso nghĩ rằng những mụ phù thủy, các bà nam tước và các bà mệnh phụ bé nhỏ làm việc giữa hàng đồng sách và hàng hàng cây cảnh trong chậu cũng có giá của họ, giống như bất kỳ ai. Victa iacet Virtus. Và gã cũng không biết tại sao lại cứ phải là kiểu gì khác.

Khi còn lại một mình, gã lấy tập tài liệu ra bắt tay vào việc. Gã ngồi ở bàn bên cửa sổ, Chín cánh cửa để mở ở trang đầu. Trước khi bắt đầu, gã kéo màn che nhìn ra ngoài. Một chiếc BMW xám đỗ bên kia đường. Gã Rochefort gan lì vẫn ở nguyên vị. Corso không nhìn thấy cô gái ở quán bar góc đường.

Gã quay sang chú ý tới cuốn sách: loại giấy, độ nén ở các tranh in, những chỗ rạn hay chỗ in sai. Bây giờ gã đã biết rằng cả ba bản in chỉ giống nhau bề ngoài bìa da màu đen không chữ, năm dải băng nổi, một hình khắc trên bìa, số trang và vị trí các tranh minh họa như nhau... Với lòng kiên nhẫn vô hạn, từ trang nọ tới trang kia, gã hoàn thành bảng đối chiếu với cuốn số một. Ở trang tám mươi một, trên trang để trống ở mặt bên kia bức họa số V, gã tìm thấy một tấm các khác của bà nam tước. Đó là bản dịch lời văn của trang này.

Ngài sẽ chấp nhận khế ước do tôi đưa ra, ấy là hiến dâng bản thân tôi cho ngài. Ngài sẽ cam kết trao cho tôi tình yêu của những người đàn bà, tuổi thanh xuân của các trinh nữ, danh tiết của các nữ tu, địa vị, khoái lạc và sự giàu sang của những người đầy quyền lực, ông hoàng và các tu sĩ. Tôi sẽ thông gian với các thiếu nữ ba ngày một lần và sự nhiễm độc sẽ mang lại niềm vui cho tôi. Mỗi năm một lần tôi sẽ ký hợp đồng này bằng máu tươi để khẳng định lòng tôn kính ngài. Tôi sẽ giẫm đạp lên sự ban phước của nhà thờ và gửi lời cầu nguyện tới ngài. Tôi sẽ không còn sợ dây thừng, dao kiếm hay thuốc độc nữa. Tôi sẽ bước qua những kẻ mắc bệnh dịch và người hủi mà không sợ da thịt nhiễm bẩn. Nhưng trên hết tôi sẽ sở hữu sự Hiểu biết mà vì nó tổ tiên tôi đã từ bỏ thiên đường. Ngài sẽ xóa tên tôi trong danh sách người sống mà đưa vào sách đen của người chết để bảo đảm hiệu lực cho khế ước này. Và bắt đầu từ bây giờ tôi sẽ sống hạnh phúc hai mươi năm trên thế gian này. Rồi tôi sẽ theo ngài tới vương quốc của ngài và nguyện rửa Chúa Trời.

Còn có một ghi chú ở đằng sau tấm các liên quan đến đoạn văn được giải mã trên một trang khác.

Tôi sẽ nhận ra những nô lệ của ngài, những người anh em của tôi, nhờ có dấu ấn đầu đó trên mình họ, một cái sẹo hay ký hiệu của ngài...

Corso thăm thẳm thành tiếng, như đang lẩm bẩm cầu nguyện. Gã nhìn những gáy sách đen mòn trên các bức tường xung quanh, dường như gã nghe thấy tiếng thì thầm lạ lẫm, xa xăm từ chúng phát ra. Mỗi một cuốn sách đóng kín này là một cánh cửa, đằng sau cửa đó là bóng đêm xao động, những giọng nói, những thanh âm, từ một chỗ tối tăm sâu thẳm đang hướng về phía gã.

Gã chột nể da gà. Giống như bị một cái quạt xấu xí thổi vào người.

Khi gã rời khỏi nhà Frieda Ungern thì đêm đã khuya. Gã dừng lại một lát ở cửa nhìn quanh, song không có gì đáng ngại. Chiếc BMW xám đã biến mất. Một làn sương mù mỏng manh từ dưới sông dâng lên, trôi qua bức tường chắn bằng đá rồi trườn theo bờ kè ẩm ướt. Ánh đèn đường màu vàng rọi lên những dải đường bờ sông nối liền nhau, chiếu lên mặt đất, hắt sáng lên chiếc ghế băng trống mà cô gái đã ngồi.

Gã đến quán bar. Gã đưa mắt tìm khuôn mặt cô giữa đám người đứng bên quầy hay ngồi bên những cái bàn hẹp phía sau, nhưng không thấy. Gã có cảm giác rằng một mảnh trong bộ sắp chữ nằm không đúng chỗ, có gì đấy đang phát từng hồi tín hiệu báo động trong đầu gã kể từ lúc cô gọi điện báo rằng Rochefort lại xuất hiện. Corso, gần đây bản năng hẩn trở nên sắc bén hơn rất nhiều, có thể ngửi thấy mùi nguy hiểm trên đường phố vắng tanh, trong làn hơi ẩm từ mặt sông bốc lên rồi lan tới quán bar nơi gã đang có mặt. Gã lúc lắc vai mong rũ bỏ cảm giác ấy. Mua một gói Gauloises rồi lần lượt nốc cạn hai chai gin. Lỗ mũi gã nở rộng ra và làm mọi thứ từ từ trở về vị trí, giống như hình ảnh tiến dần tới tiêu điểm. Tiếng còi báo động bé dần đi ở phía xa và tiếng vọng từ thế giới bên ngoài dịu đi thật dễ chịu. Cầm theo chai gin thứ ba, gã ngồi xuống một bàn trống bên cửa sổ hơi mờ sương. Gã nhìn đường phố, bờ kè, màn sương dâng lên trên bờ tường chắn rồi cuộn tròn lại khi bánh của một chiếc ô tô lướt qua. Gã ngồi đó suốt mười lăm phút tìm kiếm một dấu hiệu bất thường, cái túi nằm trên sàn bên chân gã. Trong đó là hầu hết những câu trả lời cho bí mật mà Varo Borja cần biết. Lão già sư tử sách không mất tiền oan.

Đầu tiên là, bây giờ Corso đã giải quyết xong vấn đề về những khác biệt giữa tám trong số chín bức họa. Cuốn số ba khác hai cuốn kia ở những bức họa số I, II và VI. Trong bức tranh số I, tòa thành mà kỵ sĩ đang phi ngựa tới chỉ có ba tòa tháp chứ không phải bốn. Ở bức số III, trong ống tên còn một mũi tên, trong khi trong cuốn sách ở Toledo và Sintra thì ống tên trống rỗng. Và ở bức số VI, người đàn ông bị treo bằng chân phải, còn trong cuốn số một và số hai là chân trái. Lúc này gã đã có thể lấp kín bảng đối chiếu gã bắt đầu từ khi còn ở Sintra.

Nói cách khác, mặc dù các bức họa có vẻ giống nhau, song luôn luôn có một trong ba bức có điểm sai khác, ngoại trừ bức thứ VIII. Hơn nữa sự khác biệt được phân bố khắp cả ba cuốn sách. Nhưng sự phân bố có vẻ ngẫu nhiên lại có ý nghĩa khi kiểm tra những điểm khác biệt tương ứng giữa dấu của nhà in về chữ ký của người vẽ tranh gốc và chữ ký của người làm bản khắc, A. T. và L. F.

Khi đặt hai bản này chồng lên nhau, gã phát hiện sự trùng hợp: ở bức họa nào có điểm khác biệt với hai bức kia thì tên viết tắt của người vẽ gốc cũng khác. Điều này có nghĩa là Aristide Torchia trong vai trò thợ làm bản khắc đã làm tắt cả khuôn in gỗ cho các tranh trong cuốn sách. Nhưng ông ta chỉ được xem như người vẽ bản gốc cho mười chín trong số hai mươi bảy bức minh họa của cả ba cuốn. Tám bức còn lại trong ba cuốn sách - gồm hai bức trong cuốn một, ba trong cuốn hai và ba trong cuốn ba - là do một người khác sáng tác, người có tên viết tắt là L. F. Cái tên này khi phát âm rất giống tên Lucifer.

Những tòa tháp. Bàn tay. Mũi tên. Lối thoát khỏi mê cung. Cát. Chân người bị treo. Bàn cờ. Hào quang. Đó là những điểm sai sót. Tám chỗ khác nhau, tám tranh chắc chắn là được sao lại từ bản gốc, cuốn Delomelanon ít người biết đến, mười chín bức tranh bị sửa đổi và không dùng được phân tán trong ba cuốn sách vốn chỉ giống nhau ở lời văn và bề ngoài. Do đó chẳng có cuốn nào là giả, nhưng cũng chẳng có cuốn nào hoàn toàn thật. Aristide Torchia đã thú nhận sự thật với đao phủ, nhưng không phải toàn bộ sự thật. Kỳ thực chỉ còn lại một cuốn sách. Để dễ giấu và tránh bị lửa thiêu cũng như để thoát khỏi cặp mắt của kẻ không xứng đáng. Các bức tranh chính là chìa khóa. Một cuốn sách ẩn giấu trong ba cuốn. Để cho môn đồ vượt quá thầy, hẳn phải tái tạo cuốn sách nhờ những mật mã, những phép tắc của nghệ thuật.

Corso tợp một ngụm gin và nhìn ra khoảng trời đêm trên sông Seine, bên kia những ngọn đèn đường rọi sáng một phần bờ kè và hắt những mảng tối sẫm xuống dưới những gốc cây trơ trụi. Gã không hề có cảm giác sáng khoái của thắng lợi, thậm chí cũng chẳng hài lòng vì đã kết thúc một công việc khó khăn. Gã hiểu rõ tâm trạng này: đó là sự an nhàn tĩnh táo và lạnh lùng khi cuối cùng cũng có được cuốn sách săn đuổi từ lâu. Bằng cách thu xếp để hót tay trên một đối thủ cạnh tranh, chộp lấy cuốn sách sau một hồi mặc cả tinh tế, hoặc moi từ đồng rác rưởi giấy lộn ra một viên ngọc quý. Gã nhớ Nikon lúc nàng ngồi bên cái ti vi dán nhãn tên cho những cuộn băng video, khê du đưa người theo tiếng nhạc - Audrey Hepburn mãi mê trong mối tình với một tay nhà báo ở Rome - và dăm dăm nhìn gã bằng cặp mắt to đen luôn ngỡ ngàng trước sự kỳ diệu của cuộc đời. Hồi đó họ đã có những lời lẽ ám chỉ về sự thô lỗ và sự trách móc, điếm báo trước về nỗi cô đơn đang tới gần như một món nợ dai dẳng không sao dứt nổi. Người đi săn và con mồi, Nikon thăm thẳm, sững sờ trước khám phá của mình, có lẽ vì đó là lần đầu tiên nàng thấy gã như vậy. Corso lấy lại hơi thở, giống như có một con sói thù địch cự tuyệt chiến lợi phẩm của mình sau chuyến đi săn dài ngày. Một con dã thú không cảm thấy đói khát hay phần nộ, không thấy khủng khiếp trước máu tươi và thịt sống. Không có mục tiêu gì khác ngoài chính cuộc săn. Anh cũng đã chết chẳng khác gì con mồi của anh, Lucas Corso. Giống như thứ giấy khô giòn đã trở thành ngọn cờ của anh. Những cái cây đầy bụi bặm mà anh cũng chẳng yêu, chúng không thuộc về anh và anh chẳng để tâm đến chúng một tí gì.

Trong một thoáng gã tự hỏi không biết bây giờ Nikon nghĩ gì về mình. Miệng gã khô ran và háng gã giãn giật, khi ngồi bên cái bàn hẹp trong quán bar, ngắm nhìn đường phố và không thể rời đi bởi vì ở đây, trong không gian sáng sủa âm áp, xung quanh là khói thuốc cùng những tiếng trò chuyện rì rầm, gã cảm thấy tạm thời an toàn trước linh cảm đen tối và mối nguy vô danh mà cũng vô hình vô dạng gã cảm thấy đang lại gần thông qua chất rượu gin sền sệt trong máu khiến gã tê dại, thông qua màn sương mỏng hung hiểm từ dưới sông bay lên. Giống như trên cánh đồng hoang nước Anh, màu đen và màu trắng. Nikon sẽ hiểu. Basil Rathbone, đầy cảnh giác, đang nghe con chó săn Baskerville tru lên ngoài xa.

Sau cùng gã quyết định. Gã uống nốt chỗ gin rồi đặt mấy đồng tiền lên bàn. Tiếp đó gã quàng cái túi qua vai rồi đi ra đường, cổ áo dựng cao. Khi qua đường gã liếc nhìn tứ phía và khi tới chỗ chiếc ghế đá cô gái từng ngồi, gã quay lại đi dọc theo bức tường chắn trên bờ sông bên trái. Khi gã đi qua một chiếc cầu, ánh sáng vàng vọt từ một chiếc sà lan rọi tới tạo thành một vầng hào quang mờ sương bao bọc thân mình gã.

Đường phố và bờ sông vắng ngắt, thật lâu mới có một chiếc xe. Qua con phố nhỏ Mazarin, gã vẫy một chiếc taxi nhưng nó không dừng lại. Gã đành đi bộ tới phố Guénégaud, tính qua cầu Pont Neuf để tới Louvre. Màn sương cùng những tòa nhà tối tăm tạo nên một cảnh sắc u buồn, ngoài thời gian. Khịt mũi như con sói đánh hơi thấy nguy hiểm, Corso cảm thấy lo âu khác thường. Gã chuyển cái túi qua vai kia để giải phóng

tay phải và dừng lại nhìn quanh bối rối. Ở đúng chỗ này - chương mười một: tình tiết trở nên phức tạp, d'Artagnan nhìn thấy Constance Bonacieux đi ra từ phố Dauphine, cũng trên đường tới Louvre và qua cây cầu ấy. Đi cùng cô ta là một quý ông hóa ra là công tước Buckingham, chuyến phiêu lưu lúc đêm hôm suýt nữa khiến ông ta phải ném mùi nhát kiếm của d'Artagnan đâm thấu qua người: Tôi yêu nàng, thưa quý ngài, và tôi ghen...

Có lẽ cảm giác nguy hiểm là sai lầm, là do tác động nghịch thường của bầu không khí kỳ lạ và việc đọc quá nhiều tiểu thuyết. Nhưng cú phen của cô gái và chiếc BMW xám đỏ trước cửa không phải là sản phẩm của trí tưởng tượng. Một tiếng chuông đồng hồ từ xa vọng đến, và Corso thở phào. Chuyện này thật ngớ ngẩn.

Đúng lúc ấy Rochefort chồm lên gã. Tựa như hấn từ dưới sông nhảy lên, từ bóng tối hóa thành thực thể. Sự thực hấn đã bám theo Corso dọc bờ sông bên dưới dãy tường chắn để rồi lúc đó lao lên những bậc đá đuổi theo gã. Corso chỉ thấy những bậc đá khi gã lặn xuống dưới. Trước đây chưa bao giờ gã ngã cầu thang, và gã tưởng nó sẽ diễn ra lâu hơn, mỗi lần một bậc, như trong phim. Nhưng nó kết thúc rất nhanh... Một cú đâm hết sức chuyên nghiệp đằng sau tai thê là bóng đêm trở thành hư ảo. Thế giới bên ngoài có vẻ xa vời, như thể gã đã nốc cạn cả chai gin. Nhờ vậy mà gã không cảm thấy quá đau khi lặn xuống các bậc thang, đọng qua đọng lại hai bên bờ đá. Gã lặn tới tận bậc cuối, toàn thân bầm dập nhưng vẫn tỉnh táo. Có chút ngạc nhiên là không hề nghe thấy tiếng nước bắn tóe lên - một từ tượng thanh theo kiểu Conrad, gã nghĩ hoàn toàn không đúng lúc - khi thân thể gã rơi vào trong nước. Đầu gã nằm trên tấm đá lát, chân gác lên bậc thang dưới cùng, từ dưới đất gã ngược lên bối rối và thấy hình thù đen sì của Rochefort nhảy ba bậc một xuống chồm lên người gã.

Rắc rối rồi, Corso. Đó là những gì gã kịp nghĩ. Rồi gã làm hai chuyện. Đầu tiên gã cố vung chân đập khi Rochefort chồm lên mình. Nhưng cú đánh gượng gạo yếu ớt rơi vào không khí. Vì vậy gã chỉ còn mỗi cách phản ứng theo kiểu quen thuộc xưa nay, đó là cuộn tròn như quả bóng để mặc loạt đạn chìm trong bóng đêm nhập nhoạng. Với làn hơi ấm từ dưới sông và bóng tối của riêng mình - gã đã mất cặp kính trong khi ẩu đả - gã nhắm mắt. Người vệ binh chết và cũng ngã xuống cầu thang. Vì vậy gã cuộn mình lại để bảo vệ cái túi vẫn mắc vào, đúng hơn là vướng vào vai gã. Có lẽ cụ tổ Corso từ bên kia bờ sông Lethe[4] sẽ tán thưởng hành động này của gã. Còn Rochefort, khó mà biết hấn nghĩ gì về chuyện đó. Giống như Wellington, hấn đã đạt được hiệu quả rất cao theo kiểu Anh truyền thống: Corso nghe thấy một tiếng gào đau đớn từ xa lác đường như phát ra từ chính miệng gã khi Rochefort giáng một cú đá gọn gàng và chính xác vào lưng gã.

[4] Lethe: một trong năm dòng sông chảy dưới địa ngục theo thần thoại Hy Lạp. Tương truyền người chết uống nước sông này sẽ quên hết. Tương tự như truyền thuyết ăn cháo lú, hay uống Mạnh Bà thang của phương Đông.

Chẳng có gì hay ho sắp xảy ra, vì vậy gã nhắm mắt chờ đợi, mặc cho kẻ khác lật trang. Gã có thể cảm thấy hơi thở của Rochefort ngay bên cạnh, cảm thấy hấn cúi trên người gã lục tìm trong cái túi. Rồi Rochefort giật mạnh cái đai da. Động tác này khiến Corso lại mở mắt, vừa đủ để nhận ra những bậc thang trong tầm mắt. Nhưng khi mặt gã áp xuống tảng đá lát, những bậc thang xoay ngang ra, xiên xẹo và mờ mịt. Vì vậy, lúc đầu gã không thể xác định là cô gái đang đi lên hay xuống. Gã chỉ thấy cô di chuyển cực nhanh từ phải qua trái, đôi chân dài nhảy từng bậc một. Cái áo len thô cô vừa cởi ra tung bay trong khoảng không, đúng hơn là phi về một góc màn ảnh bao quanh là những cuộn sương mù, giống như cái áo choàng của Bóng ma trong nhà hát[5].

[5] Bóng ma trong nhà hát: tiểu thuyết của nhà văn Pháp Gaston Leroux; đã được dựng thành phim cùng tên.

Gã phần khởi chớp chớp mắt muốn nhìn rõ hơn nên dịch đầu một chút để giữ toàn cảnh trong khuôn hình. Qua khe mắt gã thấy hình ảnh lộn ngược của Rochefort, hấn giật mình khi cô gái nhảy xuống bậc thang dưới cùng. Cô quất lên một tiếng còn sắc lẹm chói tai hơn cả tiếng thủy tinh vỡ rồi chồm lên người hấn. Gã nghe thấy một âm thanh trầm đục - một cú đâm - và Rochefort đột ngột biến mất khỏi tầm nhìn của Corso như bị một cái lò xo hất văng đi. Bây giờ Corso chỉ còn trông thấy những bậc đá trơ trụi. Gã khổ sở quay đầu về phía dòng sông rồi kê má bên kia lên tảng đá lát. Hình ảnh vẫn xiên xẹo: mặt đất một bên, bầu trời tối đen một bên, cây cầu ở dưới và dòng sông ở trên. Nhưng lúc này ít nhất nó cũng chứa Rochefort và cô gái. Trong chớp mắt Corso thấy bóng cô trong ánh sáng lơ mờ từ những ngọn đèn trên cầu

chiếu xuống. Cô đứng choãi chân, hai tay chìa ra trước ngực, như đang cầu xin một khoảnh khắc yên tĩnh để nghe giai điệu nào đó từ xa. Rochefort ở trước mặt cô, quỳ một gối và chống một tay xuống đất, giống như một võ sĩ quyền Anh không đứng dậy nổi khi trọng tài đếm đến mười. Cái sẹo trên mặt hắn hiện rõ dưới ánh sáng từ trên cầu rơi tới. Corso chỉ kịp trông rõ vẻ kinh hoàng của hắn trước khi cô gái lại quất lên một tiếng chói tai. Với một chân làm trụ, cô nhẹ nhàng xoay nửa vòng đã đứng giữa mặt Rochefort.

26. Chương 12 - Phần 1

XII. BUCKINGHAM VÀ MILADY

Tội ác được thực hiện với sự giúp đỡ của một người đàn bà.

E. de Queiroz, BÍ MẬT TRÊN ĐƯỜNG PHỐ SINTRA.

Corso ngồi trên bậc đá dưới cùng, loay hoay châm thuốc lá. Đầu óc vẫn còn quay cuồng, gã chưa lấy lại được cảm giác không gian nên chẳng thể nào gí que diêm vào đầu điều thuốc. Thêm nữa là một mắt kính bị vỡ, gã buộc phải neho một mắt lại nhìn bằng mắt bên kia. Khi ngọn lửa liếm vào ngón tay, gã ném que diêm đi và ngậm điều thuốc trên môi. Cô gái nhặt những đồ vật vương vãi trên mặt đất nhét vào trong túi rồi đưa cho gã.

“Ông không sao chứ?”

Cô nói bằng giọng bình thản, không chút băn khoăn lo lắng. Có lẽ cô không thích cách xử sự ngu ngốc của Corso dù đã được cảnh báo qua điện thoại. Gã gật đầu, ngượng ngùng và lúng túng. Nhưng gã cũng cảm thấy an ủi khi nhớ lại vẻ mặt Rochefort trước cú đá. Cô gái tung cú đòn vừa chuẩn vừa độc, nhưng cô không tiếp tục khi Rochefort đã ngã ngửa ra. Hắn không thách thức, cũng không tìm cách trả đòn, mà đau đớn lẫn lộn rồi lê thân đi mất, trong khi đó cô không quan tâm đến hắn nữa mà đi nhặt cái túi lên. Nếu có thể, Corso sẽ đuổi theo hắn và chẳng cần nghỉ ngơi, sẽ cho hắn một trận cho đến khi biết mọi điều hắn biết. Nhưng cô gái có lẽ sẽ không để điều đó xảy ra, còn gã bây giờ thì đứng còn không vững.

“Sao lại để hắn đi?” Corso hỏi.

Lúc này Rochefort đang loạng choạng bỏ đi mãi ngoài xa, khuất dần trong bóng tối bao quanh một khúc quanh bờ sông, giữa đám sà lan thả neo trông như những con tàu ma trong sương mù. Corso hình dung hắn mặt mũi bầm dập, vừa hậm hực bỏ đi vừa tự hỏi cái con đàn bà gây ra nhiều tổn thất đến thế cho hắn từ đâu ra. Gã cảm thấy quá hài lòng về hành động trả hận này.

“Chúng ta nên tra hỏi thằng khốn đó,” gã oán trách.

Cô đã tìm lại cái áo khoác len và ngồi xuống bên cạnh gã, nhưng không trả lời ngay. Cô có vẻ mệt.

“Hắn sẽ lại mò theo ta,” cô nói. Cô liếc nhìn Corso trước khi quay nhìn ra sông. “Lần sau phải cẩn thận hơn.”

Gã rút điều thuốc ẩm ướt ra khỏi miệng, bắt đầu vôn vê nó bằng mấy ngón tay khiến cho các sợi thuốc dờn ra.

“Không bao giờ tôi tin...”

“Đàn ông là thế. Cho đến khi buộc phải đối mặt với sự thật.”

Rồi gã thấy cô cũng bị thương. Không nặng lắm: một dòng máu chảy rỉ rả từ mũi xuống miệng cô.

“Mũi cô kia,” gã nói một cách ngớ ngẩn.

“Em biết,” cô đáp, đưa tay quệt lên mặt rồi nhìn vết máu trên những ngón tay.

“Bằng cách nào hắn làm cho cô bị như thế?”

“Đó là lỗi của em.” Cô chùi mấy ngón tay vào quần. “Khi lao vào hắn. Hai cái đầu đập vào nhau.”

“Cô học cách chơi như thế ở đâu?”

“Chơi cái gì?”

“Từ dưới mép nước tôi thấy.” Corso vung về phía tay bắt chước động tác của cô. “Cho hắn cái hắn đáng bị.”

Cô khẽ cười rồi đứng lên, đưa tay phủi bụi phía sau ống quần.

“Có lần em đấu tay đôi với một vị thần. Ông ta thắng, nhưng em học được một số thứ.”

Với cái mũi chảy máu, lúc này trông cô trẻ đến không ngờ. Cô khoác cái túi lên vai và chìa tay giúp gã. Corso lấy làm ngạc nhiên vì nắm tay rắn chắc của cô. Xương cốt gã đau như dằm khi đứng thẳng.

“Tôi tưởng thiên thần chiến đấu bằng gươm giáo.”

Cô hít mạnh một hơi, đầu ngửa ra sau để ngăn máu chảy. Quay mặt nhìn Corso đứng bên cạnh, cô bực dọc nói.

“Ông xem quá nhiều tranh minh họa của Durer rồi đó, ông Corso. Và hậu quả là thế này đây.”

Hai người qua cầu Pont Neuf rồi theo con phố nhỏ bên cạnh Louvre trở về khách sạn, dọc đường không có chuyện gì khác xảy ra. Dưới ánh sáng đèn đường, gã thấy cô vẫn chảy máu. Gã rút khăn tay trong túi ra, nhưng khi gã muốn giúp thì cô giành lấy cái khăn từ mình áp nó vào mũi. Cô bước đi, chìm đắm trong suy tư. Corso liếc nhìn cái cổ cao để trần và nét mặt nhìn nghiêng hoàn hảo, làn da xỉn màu dưới ánh sáng mờ mịt từ các ngọn đèn ở Louvre hắt lại. Gã không biết cô đang nghĩ gì. Cô bước đi với cái túi trên vai, đầu hơi cúi về phía trước, lộ vẻ quả quyết và ương bướng. Thỉnh thoảng, khi họ rẽ quanh một góc phố tối tăm, ánh mắt cô lóe lên sắc bén, bàn tay nắm cái khăn buông xuống bên sườn, toàn thân căng ra đề phòng. Dưới mái vòm ở phố Rivoli, ánh sáng nhiều hơn, cô có vẻ bớt căng thẳng. Lúc này mũi cô đã thôi chảy máu, cô trả lại gã cái khăn đầy vệt máu khô. Tâm trạng cô cũng khá hơn. Cô không có vẻ tệ đến mức khiến gã tự cảm thấy mình như tên ngốc. Rồi cô quàng tay qua vai gã như thể họ là một đôi bạn thân trên đường đi dạo về. Đó là một cử chỉ hoàn toàn tự nhiên. Nhưng cũng có thể cô mệt mỏi và cần giúp đỡ. Đầu óc thanh thản sau một hồi đi bộ, lúc đầu Corso cảm thấy dễ chịu. Rồi gã trở nên bối rối. Tay cô trên vai đánh thức một tình cảm kỳ lạ bên trong gã, không phải hoàn toàn khó chịu mà là không dự đoán được. Gã cảm thấy mình mong manh như cái lõi mềm của một viên kẹo.

Gruber phải trực đêm hôm ấy. Y tự cho phép mình tò mò liếc nhìn hai người - Corso với cái áo khoác bẩn và ướt, kính vỡ, cô gái mặt đầy vết máu nhưng nét mặt đĩnh đạc. Y nhả nhặn nhường mảy gặt đầu biểu hiện sẵn sàng phục vụ, nhưng Corso ra hiệu không cần gì. Gruber trao cho gã một bì thư gấp kín và chìa khóa cả hai phòng. Hai người bước vào thang máy, Corso đang định mở phong bì thì thấy mũi cô lại chảy máu. Gã nhét phong bì vào túi áo và một lần nữa chìa khăn cho cô. Thang máy dừng lại ở tầng cô trọ. Corso nói cô nên gọi bác sĩ, nhưng cô lắc đầu rồi bước ra khỏi thang máy. Gã do dự một thoáng rồi đi theo cô. Vài giọt máu rỏ xuống thảm trải sàn. Vào buồng, gã đỡ cô ngồi trên giường rồi vào buồng tắm nhúng nước một cái khăn mặt.

“Giữ cái này sau gáy và ngửa đầu ra.”

Cô ngoan ngoãn vâng lời. Toàn bộ năng lượng cô bộc lộ bên bờ sông dường như đã bốc hơi mất sạch. Có lẽ vì cái mũi bị thương. Gã cởi áo khoác và tháo giày cho cô rồi đặt cô lên giường, nhét gối xuống dưới lưng cô. Cô để mặc gã làm, giống như một cô gái nhỏ kiệt sức. Trước khi tắt hết đèn, chỉ để lại một ngọn trong phòng tắm, gã nhìn quanh. Ngoài bàn chải, thuốc đánh răng và dầu gội đầu trên bồn tắm, đồ dùng cá nhân duy nhất gã nhìn thấy là cái áo khoác len thô, cái túi đeo hể mở nằm trên sofa, những tấm bưu thiếp mua hôm trước cùng cuốn Ba người lính ngự lâm, một cái áo len xám, mấy cái áo pull và quần lót phơi trên tấm sưởi. Gã nhìn cô bối rối, không biết nên ngồi bên mép giường hay chỗ khác. Cảm giác từ lúc ở trên phố Rivoli vẫn còn đó. Gã không thể bỏ đi. Chỉ đi khi nào cô đã khá hơn. Cuối cùng gã quyết định đứng đó.

Thọc hai tay vào túi áo khoác, và một trong hai tay gã đưng vào chai gin rỗng. Gã thêm thường liếc nhìn tử rượy, tờ niêm phong của khách sạn còn nguyên. Gã cực kỳ muốn uống.

“Cô đánh thật tuyệt bên bờ sông,” gã nói. “Tôi còn chưa kịp cảm ơn cô.”

Cô mỉm cười ngái ngủ. Nhưng mắt cô với đôi con người dân ra trong bóng tối theo dõi từng cử động của Corso.

“Chuyện gì đang xảy ra?” gã hỏi.

Cô quay lại nhìn gã mĩa mai, ngụ ý rằng câu hỏi của gã đúng là ngớ ngẩn.

“Rõ ràng người ta muốn thứ gì đấy của ông.”

“Bản thảo Dumas? Hay Chín cánh cửa?”

Cô gái thờ dãi. Chẳng có thứ nào cực kỳ quan trọng hết, có vẻ như cô muốn nói vậy.

“Ông là người khôn ngoan, ông Corso,” sau cùng cô nói. “Bây giờ ông cần có một giả định.”

“Tôi có quá nhiều. Cái tôi cần là một bằng chứng.”

“Một cá nhân không phải lúc nào cũng cần chứng cứ.”

“Đấy chỉ là trong tiểu thuyết hình sự. Tất cả những chuyện Sherlock Holmes hay Poirot phải làm là đoán xem hung thủ là ai và hấn phạm tội ra làm sao. Ông ta sáng tác phần còn lại rồi kể lại như thể biết nó là sự việc thật. Rồi Watson hay Hastings sẽ thần phục mà nói, Quá tốt rồi. Chính xác đó là cái đã xảy ra. Và kẻ giết người nhận tội. Thật ngu xuẩn.”

“Xin có lời khen ngợi ông.”

Lần này giọng cô không còn mỉa mai nữa. Cô nhìn gã chăm chú, chờ gã nói hay làm gì đó.

Corso khó chịu chuyển thể đứng. “Tôi biết,” gã nói. Cô gái vẫn nhìn chăm chăm, như thể thực sự cô chẳng có gì phải giấu giếm. “Nhưng tôi tự hỏi vì sao.”

Gã suyt nữa thì nói thêm, “Đó là đời thực, mà không phải là tiểu thuyết tội phạm,” nhưng lại thôi. Ở thời điểm này của vở kịch, ranh giới giữa tưởng tượng và thực tế tương đối mỏng manh. Gã Corso bằng xương bằng thịt có giấy căn cước, có chỗ ở cố định, kẻ mà cái hiện thân vật chất với bộ xương đau nhức - sau phân cảnh trên những bậc thang đá - là một bằng chứng, đang càng lúc càng bị cám dỗ muốn tự xem mình như một nhân vật thực trong thế giới ảo. Nhưng chuyện đó không hay ho gì. Từ đấy cho đến chỗ tin rằng gã là một nhân vật ảo nghĩ mình có thực trong thế giới ảo chỉ còn thêm một bước nữa thôi. Chỉ cần thêm bước nữa là phát điên. Và gã tự hỏi phải chăng có ai đó, một tiểu thuyết gia đầu óc lệch lạc hay một nhà văn nghiện chuyện viết kịch bản phim rẻ tiền, chính vào thời điểm ấy, coi gã là một nhân vật ảo trong thế giới ảo nghĩ mình không có thực. Thế thì thật quá đáng.

Những ý nghĩ này khiến mồm gã khô không khóc. Gã đứng trước cô, hai tay đút túi, cảm giác lưỡi mình giống như tờ giấy ráp. Nếu mình là ảo, gã nghĩ với chút khuây khỏa, tóc mình sẽ dựng ngược, mình sẽ la lên “Khổ thân tôi!” và mồ hôi sẽ chảy ròng ròng trên mặt. Và mình sẽ không khát thế này. Mình uống, tức là mình tồn tại. Thế là gã đi tới tử rượy, xé tờ niêm phong, lấy ra một chai gin bé xíu rồi nốc cạn bằng hai ngụm. Gã hơi mỉm cười khi đứng lên đóng cửa tử giống như ai đó đẩy nắp cái hòm đựng thánh tích. Mọi việc dần dần có vẻ sáng tỏ.

Trong phòng tương đối tối. Ánh sáng lờ mờ từ buồng tắm chiếu xiên qua cái giường cô gái nằm trên đó. Gã nhìn hai bàn chân trần, đôi chân, cái áo pull lấm tấm máu khô. Rồi ánh mắt gã động lại trên cái cổ dài để trần râm nắng của cô. Cái miệng hé mở lộ ra một phần của hàm răng trắng dưới ánh sáng nhá nhem. Đôi mắt cô vẫn nhìn gã chăm chú. Gã sờ cái chìa khóa phòng mình trong túi áo khoác. Gã phải đi.

“Cô thấy khá hơn chưa?”

Cô gật đầu. Corso nhìn đồng hồ, mặc dù thực ra gã không quan tâm đến giờ giấc. Gã không nhớ đã bật radio khi họ vào phòng, nhưng có tiếng nhạc đâu đó. Một bài hát buồn, bằng tiếng Pháp. Một cô phục vụ quán bar, một bên cảng, đem lòng yêu một anh thủy thủ.

“Tốt. Tôi phải đi.”

Người phụ nữ trong radio tiếp tục hát. Tay thủy thủ, đúng như dự kiến, chẳng bao giờ trở lại, cô gái trong quầy bar dán mắt vào cái ghế tựa trống không và vệt ướm hình tròn do cái cốc của anh ta để lại trên bàn. Corso bước tới cái tủ đầu giường lấy cái khăn tay của mình, dùng chỗ sạch nhất của nó lau mắt kính chưa vỡ. Rồi gã thấy mũi cô lại chảy máu.

“Lại nữa rồi.”

Một dòng máu ri rỉ chảy xuống miệng cô. Cô đưa tay lên mặt cười hờ hững, mắt nhìn những ngón tay dính máu.

“Không sao đâu.”

“Cô cần đi bác sĩ.”

Cô khép hờ hai mắt rồi lắc đầu. Trông cô thật yếu đuối dưới ánh sáng tù mù, cũng những chấm máu loang trên gôi. Tay cầm kính, gã ngồi xuống mép giường rồi cúi người giữ cái khăn trên mũi cô. Trong khi gã hành động như vậy, cái bóng gã do nguồn sáng chiếu xiên từ buồng tắm vẽ lên tường dường như do dự một chút giữa sáng và tối trước khi biến mất trong góc nhà.

Tiếp đó cô có một hành động lạ lùng và bất ngờ. Cô không để ý đến cái khăn gã đưa mà vươn bàn tay dính máu về phía gã. Cô chạm vào mặt gã và những ngón tay vẽ thành bốn vệt đỏ từ trán xuống cằm. Thay vì nhấc tay ra sau cái vuốt ve kỳ dị này, cô vẫn để tay đó, ướt và nóng, trong khi gã cảm thấy những giọt máu chảy xuôi thành bốn dòng trên da mặt gã. Hai mắt cô long lanh phản chiếu ánh sáng từ cánh cửa khép hờ, gã rừng mình nhận ra trong đó hình ảnh cái bóng đã mất của chính gã.

Radio đang phát một bản nhạc khác, nhưng không người nào nghe. Người cô tỏa ra mùi nóng và sốt, một mạch máu nhỏ khê đập dưới làn da cổ. Căn phòng tranh tối tranh sáng, mọi vật như biến mất trong những bóng đen sâu. Cô khê thì thầm điều gì không rõ, và mắt cô lấp lánh khi cô lướt tay quanh cổ gã, khiến cho vệt máu nóng loang rộng hơn. Gã cúi xuống đôi môi mềm hé mở, cảm thấy trong miệng mình phảng phất vị máu tươi. Cô bật ra một tiếng rên khe khẽ tưởng chừng xuất cứ từ một nơi rất xa, chậm và đơn điệu như đã qua hàng thế kỷ. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi, với mạch đập trong da thịt cô, tất cả những tổ tiên đã chết của Lucas Corso tái hiện trên trần gian, tựa như có một dòng sông nước đặc quánh, tắm tối, chảy lững lờ đưa họ trở lại. Gã xót xa tiếc rằng cô không mang một cái tên mà gã có thể khắc sâu trong ký ức vào thời điểm ấy.

Chuyện đó chỉ kéo dài trong một giây. Rồi tỉnh táo lại, gã thấy gã Corso kia đang ngồi bên mép giường, vẫn mặc áo khoác, như bị thôi miên khi cô khê trở mình cởi cái quần jean, người co lại như một con thú non xinh đẹp. Gã nhìn cô, mắt nheo lại đầy độ lượng, với một lòng bao dung quen thuộc pha trộn cả hoài nghi và mê mẩn. Với tò mò nhiều hơn là ham muốn. Khi cô kéo cái khóa quần, một vùng tam giác đen sẫm tương phản với màu trắng của chiếc quần con vãi bóng lộ ra khi cái quần bò tụt xuống. Cặp chân dài rám nắng duỗi thẳng trên giường khiến Corso - cả hai gã Corso - nghệt thở, đúng y như khi chúng đá vào hàm răng Rochefort. Rồi cô vươn hai tay cởi cái áo pull. Cô làm việc đó hoàn toàn tự nhiên, không mồi mọ, cũng không lạnh nhạt. Cô vẫn im lặng, ánh mắt ngọt ngào trườn lên gã cho đến khi cái áo pull che lên mặt cô. Bây giờ tương phản còn lớn hơn nữa - nhiều vải bông trắng hơn, lần này trượt lên làn da nâu ẩm áp, cái eo mảnh sẵn chắc, bộ ngực đầy đặn tuyệt vời ánh lên trong bóng tối, cái cổ, cái miệng mở hé và một lần nữa là đôi mắt thấu tóm toàn bộ ánh sáng từ bầu trời. Cái bóng Corso chìm trong đó, giống như linh hồn bị xiềng xích dưới đáy quả cầu đôi bằng pha lê hay ngọc lục bảo.

Vào thời khắc đó, gã biết mình có thể làm chuyện ấy. Gã cảm thấy nó với một trực giác bị thẩm thấu trước được và ghi dấu những sự kiện nào đó, thậm chí trước khi chúng trở thành một thảm họa không tránh được. Nói thẳng ra là, Corso nhận ra khi gã quăng đám quần áo còn lại lên trên cái áo khoác nằm dưới chân giường, sự căng cứng ban đầu của gã bây giờ đang thoái lui rõ rệt. Xếp đi ngay sau khi bắt đầu. Có lẽ cụ tổ sùng bái Bonaparte của gã sẽ nói: “Vệ binh rút lui.” Hoàn toàn là thế. Gã đau khổ hy vọng rằng khi gã đứng lộ sáng, tình trạng mềm nhũn bất hạnh của mình sẽ không bị nhận ra. Hết sức cẩn thận, gã vùi mặt vào tấm thân nóng ẩm màu nâu đang chờ đợi trong bóng tối và sử dụng cái mà hoàng đế, khi ở trên cánh đồng lầy bùn xứ Flandre, gọi là chiến thuật tiếp cận gián tiếp - ước lượng địa hình từ cự ly trung bình và không tiếp xúc quá gần. Từ một khoảng cách an toàn gã kéo dài thời gian, chờ quân đoàn đã được tăng viện của

Grouchy kéo tới; gã vuốt ve cô gái và thong thả hôn lên miệng lên cổ cô. Nhưng không may, Grouchy chẳng thấy đâu. Lão diên ấy mãi đuổi theo quân Phổ ở mãi xa. Nỗi lo âu của Corso biến thành hốt hoảng khi cô nhích lại gần hơn và áp cặp đùi rắn chắc nóng rực vào giữa hai đùi gã. Hắn cô cảm nhận được quy mô của thảm họa. Gã nhìn thấy nụ cười của cô, một nụ cười có chút thất vọng, nhưng có ý cổ vũ, như muốn nói gì đấy đại loại “Em biết ông làm được”. Rồi cô hôn gã vô cùng dịu dàng và chìa tay ra để mọi chuyện dễ dàng. Và đúng lúc gã cảm thấy bàn tay cô ở tiêu điểm của tấn kịch này, gã hoàn toàn chìm lìm. Như con tàu Titanic. Thẳng xuống tận đáy, không ở giữa chừng. Dân nhạc vẫn chơi trên boong, ưu tiên đàn bà con trẻ. Sự thống khổ còn hai mươi phút nữa mới tới, sự cứu chuộc cho mọi lỗi lầm của gã. Cuộc tấn công anh dũng gặp phòng tuyến không lay chuyển được của bộ binh Xcốtlen. Bộ binh tấn công chỉ thoáng nhìn thấy cơ hội chiến thắng nhỏ nhoi. Cuộc đột kích ngẫu hứng của bộ binh nhẹ chỉ có chút hy vọng gây bất ngờ cho kẻ địch. Những vụ đụng độ nhỏ giữa kỵ binh nhẹ và nặng. Nhưng toàn bộ mọi nỗ lực đều có cùng kết quả - Wellington đang làm om sòm ở một ngôi làng Bỉ xa xôi khi ra lệnh cho đám lính kèn chơi nhạc diễu hành của quân đoàn Xcốtlen áo xám ngay trước mũi Corso. Đoàn cựu vệ binh, hay phần còn lại của nó tuyệt vọng liếc nhìn tứ phía, răng nghiến chặt và vùi mặt vào khăn trải giường, hai mươi phút tính trên đồng hồ, cái đồng hồ mà, do lỗi lầm của mình, gã đã không tháo ra. Những giọt mồ hôi to bằng nắm tay bò từ chân tóc xuống gáy gã. Mắt mở trừng trừng nhìn qua vai cô, gã tuyệt vọng tìm kiếm một khẩu súng để tự bắn mình.

Cô ngủ. Gã thận trọng duỗi một tay để khỏi đánh thức cô và tìm thuốc lá trong áo khoác. Khi châm xong điếu thuốc, gã nhòm dậy thì người trên khuỷu tay nhìn cô chăm chú. Cô nằm ngửa, trần trụi, mái đầu nghiêng nghiêng đặt trên cái gối lấm chấm máu khô, hít thở nhẹ nhàng qua cái miệng hé mở. Mùi của da thịt nóng ẩm và cơn sốt vẫn tỏa ra. Vóc dáng cô ẩn hiện dưới ngọn đèn nửa tối nửa sáng của nhà tắm, Corso ngầy ngất ngăm nhìn tấm thân hoàn mỹ. Một sản phẩm bậc thầy của công nghệ gen, gã thầm nghĩ. Gã tự hỏi bằng công thức bí ẩn nào mới có thể pha trộn máu, hay những điều bí ẩn, nước dãi, thịt, da, tinh dịch cộng thêm may mắn để tạo ra cô. Tất cả đàn bà, tất cả giống cái của loài người tạo ra đang nằm đó, kết tinh trên thân thể mười tám đôi mươi của cô. Gã thấy mạch đập trên cổ và nhịp tim hầu như không nhận ra của cô, đường cong dịu dàng kéo từ lưng tới eo rồi nở ra hai bên hông. Gã đưa tay vuốt xuôi theo vùng tam giác nhỏ bé loăn xoăn tới chỗ màu da hơi sáng hơn nằm giữa hai đùi cô, ở nơi gã không đủ khả năng hạ trại ban đêm theo cách cổ điển. Cô gái chấp nhận tình hình với tâm trạng hoàn toàn thoải mái. Cô chẳng nghĩ gì nhiều, và họ để cho nó biến thành một trò chơi vô tư giữa bạn bè khi cô hiểu rằng ở phía Corso và trong cuộc độ sức đặc biệt ấy, sẽ không có thêm bất cứ một hành động nào. Điều đó làm dịu căng thẳng. Thiếu một khẩu súng - họ bắn những con ngựa, không đúng thế sao? - trong cơn giận mù quáng gã muốn đập vỡ sọ mình vào góc cái bàn đầu giường. Nhưng gã đã khôn ngoan kết thúc bằng cách đâm vào tường suýt gãy tay. Ngạc nhiên vì điều đó và vì sự căng thẳng bất chợt của thân thể gã, cô nhìn gã. Nỗ lực để khỏi gào lên vì đau đớn khiến gã dịu đi. Thậm chí gã còn gắng gượng mỉm cười nói rằng chuyện này thường xảy ra với gã chỉ mới ba mươi lần thôi. Cô cười, vòng tay ôm gã, hôn lên mắt và miệng gã, dịu dàng và thích thú. Ông ngốc lẩm, Corso. Em thấy chẳng làm sao cả. Gã đã làm chuyện duy nhất có thể làm khi đó - một màn trình diễn khéo léo của những ngón tay đúng chỗ, với kết quả nếu không vinh quang thì ít nhất cũng mang lại sự hài lòng. Khi nhịp thở trở lại bình thường, cô lặng nhìn gã với ánh mắt sâu thẳm trước khi chậm rãi và tỉnh táo hôn gã, cho đến lúc sức ép từ đôi môi cô giảm đi và cô ngủ mất.

27. Chương 12 - Phần 2

Đốm đỏ đầu điếu thuốc léo lên chiếu sáng những ngón tay gã trong bóng đêm. Gã giữ khổi trong ngực cho đến khi buộc phải phun ra, rồi quan sát hình thù nó tạo ra giữa quầng sáng trên giường. Gã chợt để ý nhìn cô khi cảm thấy hơi thở của cô ngập ngừng một chút. Cô im lặng nhả nhó rên rĩ như một đứa bé trong ác mộng. Rồi trong cơn mơ ngủ cô xoay mình về phía gã, cánh tay kê dưới bộ ngực trần, bàn tay đỡ dưới má. Cô là ma hay là quỷ, gã thầm hỏi cô một lần nữa, bực bội, mặc dù tiếp đó gã nghiêng mình hôn cô. Gã vuốt ve mái tóc ngắn, đường lượn của cái eo và hông cô lúc này hiện rõ dưới ánh sáng. Có nhiều vẻ đẹp hơn ở

đường cong ấy hơn là trong một bản hòa tấu, một bức tượng, một bài thơ hay một bức tranh. Gã cúi đầu vào cái cổ cao hít mạnh, rồi ngay khi ấy nhịp tim gã đập nhanh hơn, thể xác gã thức dậy. Bình tĩnh nào, gã thầm nhắc nhở. Lần này đừng hốt hoảng. Ta tiếp tục. Gã không biết mình có thể kiên trì bao lâu, vì vậy gã vội vã cúi xuống lá và ép mình vào cô. Rồi gã tách hai chân cô ra và cuối cùng vụng về tiến vào một thiên đường nóng ẩm đầy sữa và mật ong đang hân hoan chờ đón. Gã cảm thấy cô tựa mình ngái ngủ và vòng tay ôm chặt gã, mặc dù chưa hoàn toàn tỉnh táo. Gã hôn lên cổ, lên môi cô. Cô khẽ rên, và gã nhận ra cặp hông cô đang cử động cùng nhịp với gã. Và khi gã chìm xuống tới cội nguồn của xác thịt và bản ngã, dễ dàng tiến vào góc khuất trong ký ức của mình, cô mở mắt nhìn gã ngạc nhiên và vui sướng, ánh chiều xanh lục sâu thẳm qua hàng mi dài ẩm ướt. Em yêu ông, Corso. Em yêu ông. Em yêu ông. Em yêu ông. Em yêu ông. Em yêu ông, Corso. Rồi sau đó gã phải cắn lưỡi mình để khỏi nói gì đó cũng ngu ngốc ngang như thế. Sững sốt và nghi ngờ, gã quan sát từ xa và không nhận ra mình nữa. Gã chăm chú đến cô, theo dõi mạch đập, những cử động, đoán trước những ham muốn và phát hiện những cơn co giật bí ẩn ở cô, bí quyết riêng tư để cho tấm thân mềm mại song căng chắc quanh người gã. Họ tiếp tục như vậy khoảng một giờ. Sau đó Corso hỏi cô về nguy cơ có em bé, cô bảo gã đừng lo, mọi chuyện đều trong tầm kiểm soát. Rồi gã nhét tất cả chuyện đó vào sâu tít bên trong mình, cạnh trái tim cô.

Gã tỉnh dậy lúc tảng sáng. Cô đang ngủ, nép mình bên gã. Một hồi lâu gã không dám cử động để khỏi đánh thức cô. Gã đã quyết thôi nghĩ về chuyện đã xảy ra và có thể xảy ra. Gã nhắm mắt buông xuôi hưởng thụ giây phút bình yên. Gã cảm thấy hơi thở cô trên da mình. Irene Adler, 223B phố Baker. Con quỷ đang yêu. Bóng người trong sương mù đương đầu với Rochefort. Chiếc áo khoác len thô mở tung chậm rãi bay xuống bờ kè. Và cái bóng Corso trong đáy mắt cô. Cô ngủ, thư thái và an lành, không biết gì hết. Gã không làm sao kết nối những hình ảnh trong tâm trí mình theo một trình tự logic. Thời điểm ấy, logic chẳng có gì hấp dẫn. Gã thấy hài lòng và lười biếng. Gã đặt tay mình lên vùng nóng ẩm giữa hai đùi cô và giữ ở đó, không nhúc nhích. Thân thể trần truồng của cô, ít nhất nó cũng còn là thực.

Sau đó gã thận trọng ra khỏi giường đi vào nhà tắm. Trong gương gã thấy vẫn còn những vết máu khô trên mặt, và còn nữa, kết quả của sự đụng chạm với Rochefort và những bậc đá, một vết bầm trên vai trái và một vết nứt chạy qua hai xương sườn khiến gã đau nhói khi ấn tay vào. Gã rửa ráy qua loa rồi tìm điều thuốc. Khi thọc tay vào áo khoác, gã thấy tờ giấy ghi lời nhắn Gruber trao cho gã.

Gã rửa sạch vì quên mất chuyện ấy, nhưng giờ chẳng còn làm gì được nữa. Vì vậy gã mở cái bì thư rồi quay lại chỗ đèn nhà tắm đọc lời nhắn. Rất ngắn, nội dung của nó - hai cái tên, một con số và một địa chỉ - khiến gã mỉm cười độc ác. Gã nhìn lại mình trong gương. Tóc rối bù, râu cần cạo. Gã đeo kính lên như thể vũ trang cho mình, một con sói ác đi săn. Gã lặng lẽ nhặt cái túi vải và mở quần áo, liếc nhìn cô gái đang ngủ lần sau cùng. Có lẽ rốt cuộc cũng có một ngày đẹp trời, Buckingham và Milady sắp sửa ghen hòng trong bữa sáng đây.

Khách sạn Crillon quá đắt đối với Flavio La Ponte. Bà góa Enrique Taillefer hẳn sẽ là người trả tiền. Corso nghĩ tới chuyện đó khi trả tiền taxi trên quảng trường Concorde rồi đi ngang qua hành lang ốp đá cẩm thạch dẫn tới cầu thang và buồng 206. Một tấm biển DỪNG LÀM PHIÊN treo ở đó và không thấy tiếng ai khi gã gõ mạnh ba lần lên cánh cửa. Ba cú lao cắm vào da thịt hoang dã và thể là ngành của Cá Voi Trắng bị ghim giữ lại... Hội ái hữu những Người phóng lao Nantucket sắp tan rã. Corso không biết mình có duyên tiếc hay không. Gã và La Ponte một lần đã hình dung phiên bản thay thế của Moby-Dick. Ishmael viết câu chuyện, để bản thảo trên còn tàu rách bươm và chết đuối cùng với những người khác trong thủy thủ đoàn tàu Pequod. Queequeg là người sống sót duy nhất, gã thợ săn cá voi thô lỗ vốn không có mong ước gì về đường hiểu biết. Cuối cùng gã đi học đọc. Một hôm gã đọc cuốn truyện của ông bạn và phát hiện rằng lời thuật của Ishmael và ký ức của gã về những gì đã xảy ra là hoàn toàn khác nhau. Vì vậy gã tự viết một phiên bản của mình. Câu chuyện có tựa đề Cá voi bắt đầu bằng dòng chữ Gọi tôi là Queequeg. Theo quan điểm của gã thợ phóng lao, Ishmael là một nhà thông thái rơm chuyen thổi phồng mọi chuyện. Moby-Dick không đáng trách, nó là một con cá voi như mọi con khác. Vấn đề chung quy chỉ là một thuyền trưởng kém cỏi muốn tự mình lập chiến công thay vì đổ dầu cá đầy thùng. "Ai cắn đứt chân hần thì quan trọng gì?" Queequeg viết. Corso vẫn nhớ màn kịch quanh cái bàn ở quán bar ở Makarova. Bà chủ quán với bộ dáng đàn ông phương Bắc chăm chú nghe La Ponte giải thích cách thợ mộc trám lại con tàu trong khi Zizi từ

bên kia quây nhìn sang đầy ghen tuông. Những ngày ấy, nếu Corso quay số gọi nhà mình, Nikon sẽ trả lời - gã vẫn hình dung nàng hiện ra từ trong buồng tối, tay cầm thuốc hãm. Đó là những gì xảy ra trong đêm họ viết lại Moby-Dick. Họ kết thúc mọi việc ở nhà Corso, cạn thêm nhiều chai và xem phim John Huston qua băng. Họ uống mừng ông già Melville khi Rachel, trong chuyến đi tìm những đứa con trai thất lạc, cuối cùng lại thấy một đứa trẻ mồ côi khác.

Đó là chuyện quá khứ. Nhưng lúc này, đứng ngoài cửa phòng 206, Corso không cảm thấy nổi giận dữ của một người đối diện với kẻ bội bạc. Có lẽ vì gã tin rằng trong chính trị, buôn bán và tình dục, về cơ bản phần bội chỉ là vấn đề thời gian. Loại bỏ chính trị, gã không xác định được tên bạn tới Paris vì chuyện làm ăn hay tình dục. Có lẽ cả hai, vì ngay cả Corso với thói ghét đời cũng không thể tưởng tượng La Ponte dính dáng đến chuyện phiền phức chỉ vì tiền. Gã nhớ Liana Taillefer trong lần gặp gỡ ngắn ngủi mà sóng gió ở căn hộ của mình, đẹp và gợi cảm, hông rộng, làn da trắng xanh mượt mà, một Kim Novak đích thực trong vai người đàn bà quyến rũ chết người. Gã nhướn mày - tình bạn bao gồm cả chi tiết kiểu như thế - gã hiểu rõ động cơ của La Ponte. Có lẽ đó là lý do khiến La Ponte không trông thấy vẻ thù địch ở Corso khi mở cửa. Hắn mặc pyjama, chân trần. Hắn chỉ kịp há mồm khi Corso tung một quả đấm khiến hắn loạng choạng ngã lăn ra sàn.

Lúc khác có thể Corso sẽ thích thưởng thức quang cảnh này. Căn hộ hạng sang nhìn ra đài kỷ niệm trên quảng trường Concorde, một tấm thảm dày và một buồng tắm to tướng. La Ponte đứng giữa phòng, xoa cằm, cố định thần sau cú đấm. Một cái giường rất lớn trên có hai khay đồ ăn sáng. Và Liana Taillefer ngồi đó, tóc vàng, sưng sờ, tay cầm miếng bánh mì nướng ăn dở, một phần ngực trắng phỉ nhiều nhẽ nhạt thấp thoáng dưới mép áo ngủ bằng lụa trẻ trang. Núm vú đường kính năm phân, Corso bình thần nhận xét trước khi sập cánh cửa sau lưng gã. Muộn còn hơn không.

“Chào buổi sáng,” gã nói.

Gã bước tới cái giường, Liana Taillefer không động dậy, tay vẫn cầm mẩu bánh mì nướng, nhìn chăm chặp gã ngồi xuống bên cạnh mình. Đặt cái túi vải buồm xuống sàn và liếc nhìn khay điểm tâm, gã tự rót cho mình một ly cà phê. Không ai nói gì trong nửa phút. Cuối cùng Corso tợp một ngụm rồi cười với Liana Taillefer.

“Tôi nhớ hình như lần trước mình gặp nhau tôi có hơi thô lỗ...” bộ râu cằm lởm chởm làm tăng thêm nét đặc thù trên khuôn mặt gã. Nụ cười gã sắc như dao cạo.

Ả không trả lời. Ả đặt miếng bánh vào khay rồi xốc cái áo ngủ che bớt thân hình hở hang. Trong ánh mắt sâu thẳm của ả không có nỗi sợ, sự kiêu căng hay thù oán. Hầu như đứng đưng. Sau màn kịch trong căn hộ của mình, Corso có thể lường trước vẻ căm thù trong mắt ả. “Họ sẽ giết ông vì cái đó,” v.v... Và họ suýt nữa đã giết gã thật rồi. Nhưng đôi mắt xanh màu thép của Liana Taillefer giống như một tảng băng lạnh lẽo, điều này khiến gã lo lắng hơn cả một cơn giận dữ điên cuồng. Gã hình dung ả thần nhiên nhìn xác chồng treo trên cái giá đèn trong phòng lão. Gã nhớ tới tấm ảnh lão già khốn khổ mang tạp dề da cầm cái đĩa chuẩn bị xả thịt con lợn sữa quay. Đó là bộ sách nhiều tập người ta viết riêng cho lão.

“Đồ khốn,” La Ponte từ trên sàn thì thầm, vẫn còn choáng váng, nhưng rốt cuộc cũng gắng gượng tập trung được vào Corso. Hắn cố bám vào đồ đạc để đứng lên. Corso hứng chí nhìn hắn.

“Hình như cậu có vẻ không vui khi gặp tôi, Flavio.”

“Vui ư?”

La Ponte sờ bộ ria rồi nhìn vào lòng bàn tay hết lần này đến lần khác, như sợ rằng có thể có một cái răng. “Anh điên rồi. Điên hoàn toàn.”

“Chưa đâu. Nhưng các người đã cố ép tôi. Các người và tay chân của các người.” Gã trở Liana Taillefer. “Bao gồm cả bà góa đau khổ.”

La Ponte tiến lại gần, nhưng vẫn giữ khoảng cách đề phòng. “Làm ơn giải thích anh đang nói cái quái gì đi.”

Corso giơ tay và bắt đầu đếm những ngón tay.

“Tôi nói về bản thảo Dumas và Chín cánh cửa. Về Victor Fargas chết chìm ở Sintra. Về Rochefort, cái bóng của tôi. Gã tấn công tôi một tuần trước ở Toledo và đêm qua ở chính Paris này.” Gã lại chỉ vào Liana Taillfer. “Về Milady. Và về cậu, bất kể cậu là thứ gì trong chuyện này.”

La Ponte chớp mắt năm lần khi nhìn Corso đếm, mỗi lần với một ngón tay. Hắn vượt bộ ria, lần này là vì bối rối. Hắn chực nói gì nhưng lại thôi. Cuối cùng khi quyết định nói, hắn hỏi Liana Taillefer.

“Chúng ta làm gì với toàn bộ chuyện này?”

Ả nhún vai khinh bỉ. Ả không định giải thích, cũng không định hợp tác. Vẫn tựa vào gối, khay bánh bên cạnh, ả bẻ miếng bánh thành mẩu nhỏ bằng những móng tay sơn đỏ. Chỉ có nhịp thở khiến bộ ngực to tướng nâng lên hạ xuống bên trong cái áo ngủ. Ả chăm chú nhìn Corso như một người chơi bài chờ đối thủ xòe tay, thờ ơ như một miếng bít tết bỏ.

La Ponte gãi vệt hói trên đầu. Hắn đứng giữa phòng với vẻ nghiêm trọng quá mức, bộ pyjama sọc nhàu nát, má sưng phồng vì cú đấm. Hắn nhìn Corso rồi nhìn Liana Taillfer, rồi lại nhìn Corso.

“Tôi muốn một lời giải thích,” hắn nói

“Thật là trùng hợp. Tôi đến đây cũng để nghe lời giải thích của cậu.”

Liếc nhìn Liana Taillefer lo lắng, La Ponte làm một cử động trở vào buồng tắm. “Vào đó.” Hắn cố lấy giọng trang nghiêm, nhưng cái má sưng phồng khiến lời hắn trở nên ngọng nghịu. “Anh và tôi.”

Ả vẫn yên lặng, bí hiểm, nhìn hai người với vẻ chán nản của người xem trò giải đố trên tivi. Corso thầm nghĩ mình phải làm gì đây với ả, nhưng lúc này gã không nghĩ được cái gì. Gã nhặt cái túi rồi đi vào phòng tắm với La Ponte. La Ponte đóng cửa lại.

“Anh có thể cho biết tại sao lại đánh tôi không?”

Hắn nói nhanh, để bà góa không nghe được. Corso đặt cái túi lên trên giá đựng các đồ dùng buồng tắm, lưu ý độ sạch của những chiếc khăn, và lục lại cái giá gỗ trên đó trước khi quay lại phía La Ponte.

“Vì cậu là một thằng dối trá và phản bội,” gã đáp. “Cậu không nói với tôi cậu cũng xen vào chuyện này. Cậu để bọn chúng chơi khăm tôi, bám theo tôi, tấn công tôi.”

“Tôi chẳng xem vào chuyện gì hết. Và tôi là người duy nhất bị tấn công ở chỗ này.” La Ponte kiểm tra mặt hắn trong gương. “Trời ạ! Xem anh làm gì tôi này! Tôi méo cả mặt rồi.”

“Tôi sẽ làm cho cậu méo hơn nếu cậu không nói tất cả chuyện này là cái gì.”

La Ponte chọc chọc vào cái má sưng phồng rồi liếc xéo nhìn Corso. “Chẳng có gì bí mật. Liana và tôi đã...” Hắn ngừng lại tìm từ thích hợp. “Hm. Chúng tôi đã... Anh tự thấy rồi còn gì.”

“Hai người trở nên thân thiết.”

“Đúng thế.”

“Từ khi nào?”

“Bữa anh đi Bồ Đào nha.”

“Ai chủ động?”

“Tôi. Thực thế.”

“Ý cậu là gì?”

“Gần như thế. Tôi tới thăm cô ấy.”

“Lý do?”

“Đưa ra một đề nghị về bộ sưu tập của cô ấy.”

“Ý tưởng ấy chợt hiện trong đầu cậu, đúng không?”

“Ồ không. Cô ấy gọi tôi trước. Lúc ấy tôi đã nói với anh.”

“Đúng thế.”

“Cô ấy muốn bản thảo mà ông chồng quá cố đã bán cho tôi.”

“À có lý do không?”

“Giá trị về mặt tình cảm.”

“Và cậu tin ả.”

“Phải.”

“Hay đúng hơn là cậu không quan tâm.”

“Quả thực...”

“Tôi biết. Thực ra cậu chỉ muốn xiên cô ta...”

“Cũng có phần thế.”

“Và ả gieo mình vào tay cậu.”

“Như một hòn đá.”

“Đương nhiên. Và hai người đi trăng mật Paris.”

“Không hoàn toàn thế. Cô ấy có chuyện phải làm ở đây.”

“Và ả kêu cậu tới cùng.”

“Đúng vậy.”

“Hoàn toàn ngẫu nhiên? Mọi phí tổn đã thanh toán, vì vậy hai người có thể tiếp tục du dương.”

“Đại loại như vậy.”

Corso nhả mặt. “Ái tình là thứ đẹp, Flavio ạ. Khi cậu thức sự yêu.”

“Đừng cay nghiệt thế. Cô ấy rất tuyệt. Anh không tưởng tượng được...”

“Được chứ?”

“Không, anh không thể.”

“Tôi đã bảo anh có thể.”

“Tôi cá là anh sẽ thích được thế. Cô ấy hoàn toàn phụ nữ.”

“Ta lạc đề rồi, Flavio. Chúng ta ở đây, giữa Paris.”

“Phải”

“Hai người dự định làm gì với tôi?”

“Không gì cả. Chỉ định tìm anh hôm nay hay mai. Để lấy lại tập bản thảo.”

“Chỉ thế thôi?”

“Đương nhiên. Còn gì khác nữa?”

“Các người không nghĩ tôi có thể từ chối à?”

“Liana cũng nghi ngờ.”

“Còn cậu?”

“Tôi không nghĩ đó là vấn đề. Ta là bạn, dù sao đi nữa. Và Rượu vang Anjou là của tôi.”

“Tôi hiểu. Cậu là lựa chọn thứ hai của ả.”

“Tôi không hiểu anh định nói gì. Liana rất tuyệt. Và cô ấy ngưỡng mộ tôi.”

“Phải. Có vẻ ả quá đắm đuối vì tình.”

“Anh nghĩ thế ư?”

“Cậu là thằng ngốc, Flavio ạ. Chúng bịt mắt cả cậu lẫn tôi.”

Bất chợt Corso cảm thấy như có một tiếng còi cứu hỏa xuyên thấu trực giác. Gã đẩy La Ponte sang một bên rồi chạy vào phòng ngủ và thấy Liana Taillefer đã ra khỏi giường, áo quần mặc dở, đang sắp xếp hành lý. Gã thấy đôi mắt lạnh buốt của ả - đôi mắt của Milady de Winter - và nhận ra rằng trong khi gã đang nói luôn tuôn như một thằng ngốc thì ả chờ đợi một điều gì đấy, một lời nói hay một tín hiệu. Như con nhện rình bên lưới nhện.

“Tạm biệt, ông Corso.”

Gã nghe thấy câu nói, giọng khàn khàn, sâu lắng của ả. Nhưng gã không rõ ả định nói gì, ngoài chuyện ả sắp bỏ đi. Gã bước thêm một bước về phía ả mà chưa biết sẽ làm gì khi tới sát ả, trước khi gã nhận thấy còn có ai đó khác trong phòng. Một bóng người đằng sau, bên trái, cạnh cửa. Gã xoay mình để đối diện với nguy hiểm. Gã biết mình lại phạm một sai lầm nữa, nhưng đã quá muộn. Gã nghe tiếng Liana Taillefer cười, giống như một cô ả tóc vàng lẳng lơ xấu xa trong phim, và cảm thấy cú đòn - lần thứ hai trong vòng chưa tới mười hai tiếng đồng hồ - vào đúng chỗ lần trước, đằng sau tai. Gã chỉ kịp thấy Rochefort nhòe đi.

Gã ngất trước khi ngã xuống sàn.

28. Chương 13 - Phần 1

XIII. NGÀY CÀNG RỐI RẪM

Giờ này anh đang rung động vì quang cảnh và khí thế của của cuộc săn. Có chỗ nào cho sự rung động nếu tôi chính xác như cái bảng giờ tàu?

A. Conan Doyle, THUNG LŨNG KINH HOÀNG.

Đầu tiên gã nghe thấy tiếng nói từ rất xa, một lời thì thầm không sao hiểu được. Gã cảm thấy ai đó đang nói với mình nên cố tỉnh lại. Điều gì đó liên quan đến diện mạo của gã. Corso chẳng nghĩ gì về chuyện gã trông thế nào vào thời điểm ấy và cũng không màng quan tâm việc đó. Dù đang ở đâu, gã cũng cảm thấy nằm giữa như vậy thật dễ chịu. Gã không muốn mở mắt khiến đầu đầu gã đau hơn.

Ai đó vỗ nhẹ lên mặt, gã miễn cưỡng mở mắt ra. La Ponte đang cúi xuống người gã, vẻ mặt lo lắng. Vẫn mặc quần áo ngủ.

“Bỏ tay ra,” Corso nói cộc lốc.

La Ponte thở phào nhẹ nhõm. “Tôi tưởng anh chết rồi.”

Corso mở nốt mắt bên kia và cố ngồi dậy. Ngay lập tức gã cảm thấy bộ não mình lúc lắc trong hộp sọ như món thịt đông trên một cái đĩa.

“Quả thực họ cho anh nếm mùi đấy,” La Ponte thông báo cho gã một cách không cần thiết khi đỡ gã ngồi dậy. Corso nhìn quanh phòng và vai hấn. Liana Taillefer và Rochefort đã biến mất.

“Cậu thấy ai đánh tôi chứ?”

“Tất nhiên. Một gã cao, đen, mặt sẹo.”

“Trước đây có bao giờ cậu gặp hắn chưa?”

“Chưa.” La Ponte tức tối nhăn mặt. “Có vẻ cô ấy quen hắn khá thân, mặc dù... Hắn cô ấy cho hắn vào khi ta cãi nhau trong buồng tắm. Hắn có một vết rách trên môi, nó sưng phồng lên. Người ta đã khâu vài mũi

ở đó.” Hắn sờ má mình. Chỗ sưng đang xẹp đi. Hắn khẽ cười hần học. “Hình như mọi người quanh đây đều nhận được cái xứng với mình.”

Corso tìm mãi không ra cặp kính, bực bội nhìn hắn. “Tôi không hiểu sao người ta không tần cho cậu một trận,” gã nói.

“Họ cũng muốn thế. Nhưng tôi bảo họ là không cần thiết. Họ cứ việc lo chuyện của họ. Tôi chỉ là một khách viếng thăm tình cờ.”

“Có thể cậu đã làm gì đấy.”

“Tôi ư? Anh đùa à? Quả đấm của anh là quá đủ rồi. Tôi giờ tay lên thế này... Dấu hiệu hòa bình. Tôi chỉ ngồi trên toa lét, bình thần và ung dung cho đến khi họ bỏ đi.”

“Anh hùng quá.”

“Còn hơn phải hối tiếc. Nhìn đây này.” Hắn đưa cho Corso một tờ giấy gấp lại. “Họ để lại cái này dưới cái gạt tàn, với đầu mẫu xi gà Montecristo trong đó.”

Corso khổ sở nheo mắt nhìn bản viết tay. Mẫu giấy viết bằng mực, kiểu chữ viết tay duyên dáng cầu kỳ như chữ viết khắc đồng với những nét chữ hoa trang trí rườm rà.

Do mệnh lệnh của ta và lợi ích quốc gia, người cầm giấy này đã làm cái hắn đã làm.

Ngày mùng ba tháng Mười hai năm 1627.

Richelieu.

Dù đang trong tình trạng như vậy, gã cũng phải suýt phá lên cười. Đó là một tờ mật hàm trong chiến dịch bao vây La Rochelle khi Milady đòi giết chết d'Artagnan, sau đó bị Athos dùng vũ lực chiếm đoạt (Cẩn được thì cứ cẩn, đồ rắn độc) và dùng để giải thích với Richelieu về việc hành hình người đàn bà này ở cuối cuốn tiểu thuyết... Nói tóm lại, vậy là quá nhiều cho một chương. Corso loạn choạng vào phòng tắm, mở vòi và chĩa đầu vào dòng nước lạnh. Rồi gã nhìn lại mình: mắt sưng húp, râu không cạo và ướt sũng. Không dễ coi lắm. Và đầu gã kêu ù ù như tổ ong. Thật không biết nói gì với một ngày khởi đầu như vậy.

La Ponte xuất hiện trong gương bên cạnh, đưa cho gã một cái khăn bông và cặp kính.

“Nhân tiện xin thông báo,” hắn nói. “Chúng lấy cái túi của anh rồi.”

“Chó đẻ.”

“Này, tôi không hiểu tại sao anh lại trút giận lên đầu tôi. Tôi chỉ ăn nằm với cô ta thôi.”

Corso buồn bực đi qua hành lang khách sạn, gã cố nghĩ thật nhanh. Nhưng mỗi phút trôi đi, khả năng gã tóm được những kẻ chạy trốn càng trở nên xa vời. Mọi thứ mất sạch trừ một mắt xích đơn độc, cuốn sách số ba. Bọn họ còn phải chiếm đoạt nó, và điều này ít nhất còn cho gã khả năng tìm được họ, với điều kiện gã phải nhanh. Khi La Ponte đi trả tiền phòng, Corso tới bàn điện thoại quay số Frieda Ungern. Đường dây bận. Gã lại gọi Louvre Concorde và xin nối tới buồng Irene Adler. Gã không biết làm sao sự việc lại phát triển theo hướng đó, nhưng gã an tâm khi nghe thấy giọng cô. Gã nói sơ qua cho cô biết tình hình và đề nghị gặp nhau ở quỹ Ungern. Rồi gã gác máy nhìn La Ponte đi tới, hắn nhét cái thẻ tín dụng vào ví với vẻ rất đau khổ.

“Đồ chó cái. Ắ chuẩn đi không thềm trả tiền.”

“Đáng đời cậu.”

“Tôi sẽ tự tay giết ả, thề đấy.”

Khách sạn đất kinh khủng và La Ponte giận điên vì bị phản bội. Bây giờ hắn đã rõ chuyện gì xảy ra và buồn rầu như Ahab khát khao báo thù. Họ lên taxi, Corso cho lái xe địa chỉ nhà Ungern. Trên đường đi gã thuật lại cho La Ponte phần còn lại của câu chuyện - chuyến tàu, cô gái, Sintra, Paris, ba cuốn Chín cánh

cửa, cái chết của Fargas, vụ xô xát bên bờ sông... La Ponte nghe và gật đầu, lúc đầu hoài nghi, sau rồi lại sững sốt.

“Tôi đã ở với một con rắn độc,” hắn sợ hãi rên rỉ.

Tâm trạng Corso rất tệ. Gã bình luận rằng rắn độc rất ít khi cắn người ngốc. La Ponte nghĩ ngợi về điều đó. Hắn không có vẻ bực mình.

“À là một người đàn bà kiên quyết,” hắn nói. “Và thân hình thì thôi rồi!”

Bất chấp nỗi oán hận về thiệt hại tài chính vừa rồi, cặp mắt hắn vẫn ánh lên đam mê khi đưa tay vân vê bộ ria mép.

“Thân hình thôi rồi,” hắn nhắc lại và mỉm cười ngớ ngẩn.

Corso nhìn chằm chằm qua cửa sổ. “Chính xác đây là câu quận công Buckingham đã nói.”

“Buckingham nào?”

“Trong Ba người lính ngự lâm. Sau vụ chuối hạt kim cương, Richelieu giao cho Milady nhiệm vụ ám sát quận công. Nhưng quận công bỏ tù ả khi ả quay lại London. Tại đó ả quyến rũ viên cai ngục Felton, một thằng ngốc như cậu nhưng có vẻ ngoài cuồng tín và đạo mạo hơn. ả thuyết phục y giúp mình vượt ngục và ám sát quận công.”

“Tôi không nhớ đoạn đó. Rồi chuyện gì xảy ra với Felton?”

“Y dùng dao găm đâm quận công. Sau đó bị xử tử. Không biết là vì vụ ám sát hay chỉ vì ngu ngốc.”

“Ít nhất y cũng không phải trả tiền khách sạn.”

Chiếc xe đi dọc theo bờ kè Conti, gần nơi Corso đụng với Rochefort lần trước. Đúng lúc ấy La Ponte nhớ lại điều gì đó.

“Milady có một cái dấu trên vai phải không?”

Corso gật đầu. Họ đang vượt qua những bậc đá gã ngã xuống đêm hôm trước. “Phải,” gã trả lời. “Bị dao phủ đánh dấu bằng sắt nung đỏ. Dấu vết của kẻ phạm tội. ả có nó từ trước khi kết hôn với Athos. D’Artagnan phát hiện ra điều đó khi ngủ với ả và suýt chết vì chuyện đó.”

“Thật kỳ quái. Anh biết đấy, Liana cũng có cái dấu.”

“Trên vai?”

“Không, ở hông. Một hình xăm nhỏ tí. Rất đẹp. Biểu tượng hoa huệ.”

“Tôi không tin.”

“Tôi thề.”

Corso không nhớ mình có nhìn thấy vết xăm hay không. Nhưng gã có rất ít thời gian để ý cái đó trong lần gặp ngắn ngủi với Liana Taillefer trong căn hộ của mình. Đường như quá lâu rồi. Bằng cách này hay cách khác, mọi chuyện luôn ngoài tầm kiểm soát. Điều đó vượt quá phạm vi một sự trùng hợp ly kỳ. Đó là một kế hoạch vạch sẵn, quá phức tạp và nguy hiểm do Liana và gã trợ thủ tiến hành và không thể coi như một trò khôi hài tầm thường mà bỏ qua. Đây là một âm mưu với đủ mọi yếu tố cơ bản của thể loại, và ai đó - một kẻ đầy thủ đoạn - đang khéo léo giật dây. Gã cảm thấy tờ giấy của Richelieu động đậy trong túi. Thật quá đáng. Và còn nữa, chìa khóa của điều bí mật phải nằm trong tính mới lạ và chất tiểu thuyết của nó. Gã nhớ đã đọc đâu đó trong sách của Edgar Allan Poe hay Conan Doyle: “Bí mật này tựa hồ không thể khám phá được vì chính những nguyên nhân khiến nó có thể khám phá được: tình huống xảy ra quá thừa tính tự nhiên.”

“Tôi tự hỏi không biết đó là một trò chơi khăm quá đáng hay một mưu đồ tinh vi,” gã nói to.

La Ponte tìm thấy một cái lỗ trên ghế ngồi bằng nhựa liền bứt rút thò tay giật mạnh. “Dù là gì đi nữa tôi cũng không thích.” Hắn nói thầm mặc dù có cả một vách kính an toàn ngăn giữa họ và người lái xe. “Tôi hy vọng anh biết mình đang làm gì.”

“Đó mới là vấn đề. Tôi cũng không chắc.”

“Sao ta không tới cảnh sát?”

“Để nói gì? Rằng Milady và Rochefort, tay sai của hồng y giáo chủ Richelieu đã lấy trộm của chúng ta một chương trong Ba người lính ngự lâm và cuốn sách để triệu hoán Lucifer? Rằng con quỷ phải lòng tôi và hóa trang thành một cô bé hai mươi tuổi theo bảo vệ tôi? Cậu sẽ làm gì nếu cậu là thanh tra Maigret và tôi kể với cậu toàn bộ chuyện này?”

“Tôi sẽ cho rằng anh say rượu.”

“Cậu thấy đấy.”

“Varo Borja thì sao?”

“Đó là việc khác.” Corso lo lắng lắm lắm. “Thậm chí tôi không muốn nghĩ đến chuyện đó. Khi lão phát hiện tôi để mất của lão...”

Chiếc taxi từ từ lặn bánh giữa dòng xe cộ buổi sáng. Corso sốt ruột nhìn đồng hồ. Cuối cùng họ tới quán bar gã ngồi tối qua. Có một đám đông tụ tập trên vỉa hè và những tấm biển mang dòng chữ CẤM VÀO ở góc phố. Khi ra khỏi taxi, Corso thấy một xe cảnh sát và một xe cứu hỏa. Gã nghiêng rằng chữ thề thật to rồi ra hiệu cho La Ponte đi tới. Cuốn sổ ba cũng mất rồi.

Cô rẽ đám đông đi tới chỗ họ, cái túi nhỏ đeo trên lưng, hai tay đút trong túi áo khoác. Những vệt khói nhạt vẫn còn vẫn vương trên các mái nhà.

“Đám cháy bắt đầu lúc ba giờ sáng,” cô nói, không để mắt đến La Ponte, như thể hắn không tồn tại. “Lính cứu hỏa vẫn còn bên trong.”

“Bà nam tước Ungern thế nào?”

Cô phác một cử chỉ mơ hồ, không hoàn toàn dừng dừng mà là nhấn nhục cam chịu. Như thế đó là định mệnh. “Người ta tìm thấy thi thể cháy thành than của bà ta trong phòng làm việc. Đó là nơi đám cháy bắt đầu. Hàng xóm chắc rằng đó là một tai nạn. Một điều thuốc là vớt không đúng chỗ.”

“Bà nam tước không hút thuốc,” Corso nói.

“Đêm qua bà ta hút.”

Corso nhìn qua đầu đám đông tụ tập gần dải băng cách ly của cảnh sát. Không thấy được nhiều lắm - đầu một cái thang dựa vào nhà, ánh đèn lóe lên đứt đoạn từ chiếc xe cứu thương bên cạnh cửa, vô số chòm mũ bảo hiểm của cảnh sát và lính cứu hỏa. Không khí tràn ngập mùi gỗ và nhựa cháy. Giữa đám người xem, một cặp khách du lịch người Mỹ chụp ảnh cho nhau trên dải băng cách ly. Một hồi còi vang lên rồi vụt tắt. Ai đấy trong đám đông nói rằng người ta đang đưa xác ra, nhưng chẳng nhìn thấy gì cả. Và dù sao đi nữa cũng không có bao nhiêu thứ để nhìn, Corso nghĩ thầm.

Gã bắt gặp cô gái đang nhìn mình chằm chằm. Không còn dấu vết gì của đêm qua. Cô tỏ ra chăm chú và thực tế, giống như một người lính chuẩn bị vào trận.

“Chuyện gì xảy ra?” cô hỏi.

“Tôi đang hy vọng cô nói cho tôi.”

“Ý em không phải thế.” Có vẻ cô bắt đầu để ý đến La Ponte. “Anh ta là ai?”

Corso nói cho cô biết. Sau một chút ngập ngừng không biết La Ponte có hiểu không, gã nói, “Cô gái tôi đã kể với cậu. Irene Adler.”

La Ponte quả nhiên không hiểu, hần lúng túng nhìn sang rồi chìa tay. Cô không để ý, cũng có khi cố tình không để ý. Cô qua sang Corso.

“Ông không còn cái túi,” cô nói.

“Phải. Cuối cùng vẫn để Rochefort lấy mất. Hắn chuồn đi với Liana Taillefer.”

“Liana Taillefer là ai?”

Corso trừng mắt nhìn, nhưng cô thản nhiên nhìn đáp trả.

“Cô không biết bà góa đau khổ đó sao?”

“Không.”

Cô bình tĩnh, không tỏ ra lo âu, cũng không ngạc nhiên. Không biết vì sao, Corso tin cô.

“Không thành vấn đề,” sau cùng gã nói. “Sự thực là bọn họ đã chuồn mất.”

“Đi đâu?”

“Chẳng biết,” gã nhả mặt tuyệt vọng và ngờ vực, rằng nhe ra. “Tôi tưởng cô biết chút gì đấy.”

“Em không biết gì về Rochefort hay về người đàn bà ấy.”

Thái độ dửng dưng của cô tỏ ra rằng đó không hề là chuyện của cô. Cái đó càng làm cho Corso bối rối hơn. Gã đang chờ đợi ở cô một chút kích động. Nói gì thì nói, cô đã tự nguyện làm người bảo vệ gã. Gã tưởng rằng cô sẽ trách móc mình hay gì đấy như là đáng đời ông, cứ tưởng mình khôn lắm. Nhưng cô chẳng nói gì. Cô nhìn xung quanh như đang tìm một khuôn mặt quen trong đám đông. Gã cũng không biết cô đang nghĩ về chuyện đã xảy ra hay đang để tâm trí vào cái gì khác.

“Ta có thể làm gì?” gã hỏi băng quơ. Gã hoang mang. Ngoài những lần bị tấn công, gã đã chứng kiến ba cuốn Chín cánh cửa và bản thảo Dumas lần lượt biến mất. Ba cái xác chết theo gót gã, nếu kể cả Enrique Taillefer, và gã đã tiêu mất một khoản tiền lớn của Varo Borja, không phải của gã... Varus ơi, Varus à, trả lại quân đoàn cho tôi. Quỷ tha ma bắt vận may của hắn. Vào giây phút ấy, gã những mong trẻ lại ba mươi lăm tuổi để ngồi xuống lề đường khóc òa lên.

“Ta có thể uống một ly cà phê,” La Ponte đùa cợt đề nghị, như thể muốn nói, Thôi đi các cậu, chuyện đâu đến nỗi nào, và Corso nhận ra rằng gã gốc khốn khổ này chẳng có ý thức gì về cái đồng hồ vận động khổng lồ họ đang bị lún vào. Dẫu vậy, hình như cà phê cũng không phải một ý tưởng quá tệ. Trong tình cảnh này gã cũng không nghĩ được cái gì khác hơn.

“Xem tôi hiểu đúng không nhé,” mấy giọt cà phê chảy xuôi theo bộ râu La Ponte khi hắn nhúng miếng bánh sừng bò vào cốc cà phê. “Năm 1666 Aristide Torchia giấu đi một cuốn sách đặc biệt. Một loại ấn phẩm an toàn phân bố trên ba bản in. Đúng thế không? Với tám trên chín bức minh họa có những khác biệt. Và ba bản in gốc phải đi cùng nhau thì câu thần chú mới hiệu nghiệm.” Hắn cắn một miếng bánh và chùi mồm vào khăn ăn. “Tôi nói đúng không nào?”

Ba người ngồi trên sân trời dang trước khu phố cổ Saint Germain des Prés. La Ponte đang bù lại bữa sáng đứt đoạn ở khách sạn Crillon. Cô gái, vẫn còn xa lánh, lặng lẽ cầm ống hút một ngụm nước cam có ga và ngồi nghe. Cuốn Ba người lính ngự lâm mở trước mặt, cô lần giở từng trang lơ đãng đọc rồi lại ngẩng lên nghe. Còn Corso, bấy nhiêu sự kiện khiến gã rối ruột nên không nuốt được gì.

“Khá đấy,” gã nói với La Ponte. Gã ngừa người dựa vào lưng ghế, hai tay đút túi, đắm đắm nhìn những ngọn tháp. “Mặc dù cũng có thể là tác phẩm hoàn chỉnh, cuốn sách bị nhà thờ đốt, cũng ba gồm ba cuốn sách có những minh họa thay đổi sao cho chỉ có những chuyên gia thực sự trong lĩnh vực này, những người được khai trí, mới có thể kết hợp ba cuốn theo đúng cách.” Gã cau mày, mặt nhăn nhúm, phờ phạc. “Nhưng giờ thì ta sẽ chẳng bao giờ biết nữa.”

“Ai bảo là chỉ có ba cuốn? Có thể ông ta đã in ra bốn, hay là chín bản khác nhau.”

“Trong trường hợp đó tất cả mọi chuyện này đều vô nghĩa. Người ta chỉ biết có ba cuốn.”

“Vậy là ai đó muốn ráp lại bản in gốc. Và đang thu thập những bức minh họa thực...” La Ponte nói, mồm đầy bánh. Hắn ăn bữa sáng thật ngon lành. “Nhưng ý chẳng màng đến giá trị thương mại của nó. Một khi đã có những bức tranh khắc, y liền hủy phần còn lại. Và giết chủ nhân. Victor Fargas ở Sintra. Nam tước

phu nhân Ungern ở Paris này. Và Varo Borja ở Toledo...” Hấn đột ngột dừng nói mà thất vọng nhìn Corso.
“Thuyết này không ổn. Varo Borja còn sống.”

“Tôi có cuốn sách của ông ta. Đã từng có. Và họ quả đã cố gắng chăm sóc tôi, phục kích tôi tối qua, cả sáng nay nữa.”

La Ponte có vẻ chưa chịu. “Nếu họ để ý phục kích anh, sao Rochefort không giết anh?”

“Không biết.” Corso nhún vai. Gã đã tự hỏi mình câu đó. “Hấn có cơ hội mà không làm... Còn về chuyện Varo Borja vẫn sống, tôi không biết nói sao. Lão ta không trả lời điện thoại của tôi.”

“Vậy cũng có khả năng lão đã biến thành một xác chết. Hoặc một nghi phạm.”

29. Chương 13 - Phần 2

“Về bản chất Varo Borja là nghi phạm, và lão có đồ nghề để dựng lên tất cả chuyện này.” Gã trở cô gái. Cô đang đọc và có vẻ không theo dõi cuộc tranh luận. “Chắc chắn cô ấy có thể làm mọi thứ sáng sủa hơn, nếu cô ấy muốn.”

“Nhưng cô ấy không muốn?”

“Phải.”

“Vậy thì tổ giác cô ta đi. Khi thiên hạ giết người, có một cái tên thường đi kèm: kẻ tòng phạm.”

“Làm sao mà tổ giác cô ấy được? Tôi ngập đến cổ vào chuyện này rồi, Flavio. Mà cậu cũng thế.”

Cô gái ngừng đọc. Cô không nói gì mà chỉ nhấp từng ngụm nước. Hai mắt cô nhìn từ Corso sang La Ponte, lần lượt dừng lại ở mỗi người. Sau cùng cô nhìn Corso.

“Anh tin cô ta thật à?” La Ponte hỏi.

“Còn tùy về chuyện gì. Đêm qua cô ấy đánh gục Rochefort và đã hoàn thành tốt công việc ấy.”

La Ponte nhăn mặt bối rối, nhìn cô chăm chú. Hấn cố hình dung cô trong vai trò vệ sĩ. Có lẽ hấn cũng tự hỏi quan hệ giữa cô và Corso đã tiến xa tới đâu. Corso nhìn hấn vuốt râu và phóng tia mắt lạnh lùng quan sát thân hình cô dưới cái áo khoác len. Thậm chí dù La Ponte vẫn nghi ngờ cô, nhưng trong trường hợp cô cho hấn cơ hội thì chuyện hấn sẽ đi bao xa là khỏi phải bàn. Ngay cả trong những lần như thế này, cựu chủ tịch hội ái hữu những Người phóng lao Nantucket cũng vẫn muốn trở về với cái tròn. Bất kể tròn nào.”

“Cô ấy quá đẹp.” La Ponte lắc đầu. “Và quá trẻ. So với anh, thế đấy.”

Corso cười. “Nếu biết cô ấy đôi khi già đến thế nào thì cậu sẽ ngạc nhiên đó.”

La Ponte tặc lưỡi hồ nghi. “Quà tặng kiểu ấy không rơi từ trên trời xuống.”

Cô gái im lặng nghe hai người nói chuyện. Nghe vậy cô mỉm cười, nụ cười đầu tiên trong ngày, như thể vừa nghe một câu nói thật buồn cười.

“Ông nói nhiều quá đấy, ông Flovio họ-gì-thì-tùy,” cô nói với La Ponte khiến gã chớp mắt bồn chồn. Cô cười toe toét như một đứa trẻ nghịch ngợm. “Và giữa tôi với ông Corso là cái gì cũng chẳng phải việc của ông.”

Đó là lần đầu tiên cô nói chuyện với La Ponte. Hấn bối rối nhìn ông bạn cầu cứu. Nhưng Corso chỉ cười.

“E rằng tôi không nên có mặt ở đây.” La Ponte làm bộ muốn đứng lên nhưng lại thôi. Hấn giữ nguyên tư thế như vậy cho đến khi Corso vỗ nhẹ cánh tay hấn. Một cái vỗ vô tư, bè bạn.

“Đừng ngốc. Cô ấy là người của ta.”

La Ponte bứt căng thẳng, nhưng chưa hoàn toàn bị thuyết phục. “Ồ, vậy thì để cô ta chứng minh đi. Để cô ta nói những chuyện cô ấy biết.”

Corso quay sang nhìn cái miệng hé mở, cái cổ ảm áp và đầy đặn. Bàn khoăn không biết ở đó có còn tỏa mùi của nóng và sốt nữa không, gã thoảng lác lối trong ký ức. Đôi mắt màu lá cây trong trẻo chứa đầy ánh sáng ban mai, vẫn như mọi khi, bắt gặp ánh mắt chăm chú của gã, bình thần, uể oải và không nao núng. Nụ cười của cô trước đó một giây mang vẻ nhạo báng giờ đã thay đổi. Một lần nữa nó như một tiếng thở rất nhẹ, một lời nói bí ẩn không thành lời.

“Bọn tôi đang nói về Varo Borja,” Corso nói. “Cô biết ông ta không?”

Cô thôi cười và lại trở thành một người lính mệt mỏi, đứng đưng. Corso tưởng như thấy một chút khinh miệt thoảng hiện trên mặt cô. Gã giữ nguyên bàn tay trên mặt bàn bằng đá cẩm thạch.

“Ông ta đang thuê tôi,” gã thêm. “Và dùng cô theo dõi tôi.” Nhưng chuyện đó có vẻ thật ngớ ngẩn. Gã không hình dung được một nhà sư tầm sách triệu phú lại dùng một cô gái trẻ để gài bẫy mình. “Hoặc cũng có thể Rochefort và Milady làm việc cho ông ta.”

Cô lại cúi xuống đọc Ba người lính ngự lâm mà không trả lời. Nhưng việc đề cập đến Milady nhắc La Ponte nhớ đến lòng tự hào bị tổn thương của hần. Hần uống hết tách cà phê rồi gơ một ngón tay lên.

“Đó là chỗ tôi không hiểu,” hần nói. “Mối liên hệ với Dumas... Rượu vang Anjou của tôi dính dáng gì đến chuyện này?”

“Rượu vang Anjou trở thành của cậu hoàn toàn tình cờ.” Corso cạy tách của mình và nhìn kỹ hai người kia ngồi trong ánh nắng, tự hỏi không biết mắt kính vỡ có nhìn được toàn bộ khung cảnh hay không. “Đó là chỗ tôi thấy khó hiểu nhất. Nhưng có những trùng hợp thú vị. Hồng y giáo chủ Richelieu, kẻ ác trong tiểu thuyết, rất quan tâm đến những cuốn sách về huyền học. Khế ước với quỷ mang lại quyền lực, mà Richelieu là người quyền thế nhất ở nước Pháp. Và để hoàn thiện bằng phân vai, tất nhiên đức hồng y phải có hai thủ hạ trung thành để thực hiện mọi mệnh lệnh của ông ta - bá tước Rochefort và Milady de Winter. Á có bộ tóc vàng, độc địa và có biểu tượng hoa huệ của đạo phủ. Rochefort da đen và mặt sẹo... Mọi người hiểu tôi nói gì không? Hai người đó đều có những điểm đặc sắc dễ nhận ra. Trong sách Khải huyền, các đầu tở của quỷ có thể dễ dàng nhận ra qua dấu ấn của Ác thú.”

Cô gái uống thêm một ngụm nước cam nhưng không ngẩng lên. La Ponte nhún vai như thể có một bóng ma giẫm lên mồ hần. Hần cảm thấy rõ ràng đan díu với một vệ nữ tóc vàng là một chuyện còn tham gia một buổi tụ tập của các mụ phù thủy là chuyện khác. Hần cựa quậy không yên.

“Cứt thật. Hy vọng thứ đó không lấy nhiễm.”

Corso nhìn hần bực tức. “Có quá nhiều trùng hợp, đúng không? Và rồi còn thêm nữa.” Hà hơi lên mắt kính xong, gã lấy khăn ăn lau. “Trong Ba người lính ngự lâm chuyện xảy ra là Milady kết hôn với Athos, bạn của d’Artagnan. Khi Athos phát hiện vợ mang dấu ấn nhục nhã của đạo phủ, anh ta quyết định thực hiện phán quyết của chính mình. Anh ta treo ả lên rồi mặc ả chết, nhưng ả vẫn sống, v.v...” Gã đeo kính lên. “Ai đó hần sẽ rất vui vì toàn bộ chuyện này.”

“Tôi có thể đồng cảm với Athos khi anh ta treo vợ mình lên,” La Ponte nói, hần là đang nghĩ đến hóa đơn khách sạn. “Tôi muốn tóm lấy ả rồi tự mình làm như thế.”

“Hoặc giả giống như Liana Taillefer làm với chồng ả. Xin lỗi vì chạm đến sĩ diện của cậu, Flavio, nhưng ả chưa bao giờ quan tâm đến cậu, dù chỉ một tí ti. Á chỉ muốn cái bản thảo ông chồng quá cổ bán cho cậu.”

“Đồ chó cái,” La Ponte cay đắng lắm lắm. “Tôi cá là ả hại lão. Với sự tiếp tay của anh bạn ria mép mặt sẹo của chúng ta.”

“Cái mà tôi chưa hiểu,” Corso tiếp tục, “là mối liên hệ giữa Ba người lính ngự lâm và Chín cánh cửa. Tôi chỉ phát hiện được là Alexandre Dumas ngồi chễm chệ trên đỉnh cao thế giới. Ông ta thành công với thứ quyền lực cao nhất ông ta muốn - danh vọng, của cải và đàn bà. Mọi chuyện đều thuận buồm xuôi gió, như thể ông có đặc quyền hay đã ký kết một khế ước đặc biệt. Và khi ông ta chết, con trai ông, ngài Dumas kia, đã viết một đoạn văn bia kỳ quái cho ông: Ông chết giống như ông sống - không hề ý thức.”

La Ponte khịt mũi. “Anh cho là Dumas đã bán linh hồn cho quỷ à?”

“Tôi chẳng cho là gì hết. Tôi chỉ đang cố tìm hiểu một bộ truyện nhiều tập ai đó viết hại tôi. Rõ ràng mọi sự bắt đầu từ khi Enrique Taillefer quyết định bán bản thảo Dumas. Chuyện bí ẩn bắt đầu từ đó. Vụ tự sát được giả định của ông ta, lần tới thăm bà góa, vụ đầu tiên tôi đụng với Rochefort... Và công việc Varo Borja giao cho tôi.”

“Tập bản thảo có gì đặc biệt? Vì sao nó quan trọng và quan trọng với ai?”

“Tôi không biết.” Corso nhìn cô gái. “Trừ phi cô ấy nói cho ta biết gì đó.”

Cô nhún vai, nhưng vẫn cúi xuống quyển sách. “Đó là chuyện của ông, ông Corso,” cô nói. “Em biết ông đã phải trả giá vì nó.”

“Cô cũng dính líu.”

“Đến giới hạn nào đó thôi.” Cô phác một cử chỉ mơ hồ, vô thường vô phạt rồi lật một trang. “Chỉ đến giới hạn nào đó thôi.”

La Ponte tức giận hướng về phía Corso. “Anh đã thử cho cô ta mấy cái tát chưa?”

“Câm mồm đi, Flavio.”

“Đúng, câm đi,” cô nhắc lại.

“Thật nực cười,” La Ponte cầu nhàu. “Cô ta nghĩ mình là ai mà nói vậy chứ? Và thay vì dạy cho cô ta biết phải trái là gì, anh lại để mặc cô ta. Thật không giống anh tí nào, Corso. Mặc dù cô ta xinh xắn thật, tôi không nghĩ...” hắn dừng lại tìm từ. “Vì có gì mà cô ta ngạo mạn như vậy?”

“Cô ta đã từng đấu tay đôi với một thiên thần,” Corso giải thích. “Và đêm qua tôi thấy cô ta đánh vỡ mõm Rochefort, nhớ chứ? Chính thằng cha sáng nay đánh tôi trong lúc cậu ngồi bình an vô sự trên chỗ đàn bá đái.”

“Trên xí bệt.”

“Cũng không khác gì. Cậu trong bộ quần áo ngủ, trông không khác gì hoàng thân Danilo trong Hoa tím của hoàng đế. Dù sao thì tôi còn không biết cậu mặc pyjama đi ngủ với người đàn bà cậu chinh phục được đấy.”

“Anh quan tâm làm quái gì?” La Ponte liếc nhìn cô gái, bối rối, căm tức. “Nếu anh muốn biết thì bởi vì về đêm tôi hay bị lạnh. Đại khái thế.” Hắn nói rồi chuyển đề tài, “Ta đang nói về Rượu vang Anjou. Kết quả điều tra thế nào?”

“Ta biết đó là tài liệu thực và do hai người làm ra - Dumas và người cộng sự, Auguste Maquet.”

“Anh phát hiện gì về người này?”

“Maquet á? Chẳng có mấy mà phát hiện. Ông ta chia tay Dumas không mấy vui vẻ gì với đủ kiểu kiện tụng và đòi tiền. Có một điều là, Dumas phung phí hết thảy khi ông ta còn sống nhưng chết thì không một xu dính túi. Nhưng Maquet thì giàu có lúc về già, thậm chí có cả một tòa lâu đài. Mọi chuyện diễn ra tốt đẹp theo cách riêng với từng người.”

“Còn về chương truyện viết một nửa?”

“Maquet vạch ra cốt truyện, Dumas thêm thắt vào để tạo văn phong và chất lượng. Cậu quá biết về chủ đề rồi: Milady tìm cách đầu độc d’Artagnan.”

La Ponte nhìn trừng trừng vào cái tách trống không. “Để kết luận...”

“Ồ, tôi đã bảo có người tin rằng mình là Richelieu tái sinh và tìm cách sưu tầm toàn bộ tranh minh họa gốc trong Delomelanicom. Cũng như chương truyện của Dumas. Ít nhiều thì những thứ đó cũng chứa đựng bí mật về những chuyện đang diễn ra. Có lẽ người ấy đang muốn triệu hồi Lucifer trong khi ta đang nói chuyện ở đây. Trong khi đó thì cậu không còn bản thảo và Varo Borja không còn cuốn sách nữa. Tôi toi thật rồi.”

Gã lấy mật hàm của Richelieu từ trong túi ra đọc lại. La Ponte có vẻ đồng tình với gã. “Mất tập bản thảo cũng không nghiêm trọng,” hắn nói. “Tôi trả tiền cho Taillefer, nhưng không nhiều lắm.” Hắn mỉm cười ranh mãnh. “Ít nhất tôi đã được Liana Taillefer trả bằng thứ khác. Nhưng anh thì thực sự là phiền đấy.”

Corso nhìn cô gái vẫn yên lặng đọc sách. “Có lẽ cô ấy có thể cho ta biết tôi đang bị cuốn vào chuyện gì.”

Hắn cau mày, gõ gõ đốt ngón tay lên bàn như một tay chơi bài thừa nhận mình thua. Nhưng cô ta cũng chẳng buồn phản ứng.

La Ponte lẩm bẩm trách móc, “Tôi vẫn không hiểu tại sao anh tin cô ta.”

“Ông ấy nói với anh rồi,” rốt cuộc cô trả lời. Cô đặt cái ống hút vào giữa các trang sách như để đánh dấu. “Tôi chăm sóc ông ấy.”

Corso gật đầu vui vẻ, mặc dù trong tình trạng của gã chẳng có gì mà vui. “Cô ấy là thiên thần hộ mệnh của tôi,” gã nói.

“Thật ư? Vậy thì cô ấy phải bảo hộ anh tốt hơn. Cô ấy ở đâu lúc Rochefort lấy trộm cái túi của anh.”

“Có cậu ở đó.”

“Đấy là chuyện khác. Tôi chỉ là một gã buôn sách nhất gan. Tôi ưa hòa bình. Một loại đối lập thực sự với típ người hành động. Nếu tham gia một cuộc thi nhất gan, chắc tôi sẽ bị loại vì quá nhút nhát.”

Corso không nghe hắn nói, gã vừa có một phát hiện. Cái bóng của tháp nhà thờ trải dài trên mặt đất gần chỗ bọn họ. Hình thù to lớn đen sẫm đang dịch dần khỏi ánh nắng. Gã để ý bóng cây thập tự trên đỉnh tháp nằm dưới chân cô gái, rất gần nhưng không chạm vào cô. Bóng cây thập tự duy một khoảng cách thận trọng.

Gã tới một trạm bưu điện gọi đi Lisbon để xem cuộc điều tra về cái chết của Victor Fargas tiến triển ra sao. Tin tức không phần khởi. Pinto đã xem báo cáo tòa án: nạn nhân chết vì bị chìm xuống ao. Cảnh sát Sintra nghĩ động cơ giết người là cướp của. Thủ phạm hay những thủ phạm không tìm được. Tin tốt là trong thời gia ấy không ai liên hệ Corso với vụ giết người. Pinto nói thêm là y đã bỏ ra ngoài bản mô tả người đàn ông mặt sẹo, để phòng xa. Corso bảo y quên Rochefort đi, con chim đó lượn mất rồi.

Hình như tình hình không thể còn tệ hơn đằng nào được nữa. Nhưng đến buổi trưa lại còn phức tạp hơn. Ngay khi cùng La Ponte và cô gái vào tới hành lang khách sạn, gã thấy có gì đấy không ổn. Gruber đứng cạnh bàn, dưới vẻ ngoài bình tĩnh như thường lệ của hắn ẩn chứa một lời cảnh cáo. Khi tới gần, Corso thấy người gác ngẫu nhiên quay nhìn cái hộc có chìa khóa buồng Corso và khẽ giạt ve áo mình, một cử chỉ mà cả thế giới đều hiểu.

“Đi thôi,” Corso nói với hai người kia.

Gã gần như phải lôi La Ponte đang lúng túng ra khỏi đó. Cô gái dẫn cả bọn theo một hành lang hẹp dẫn tới quầy bar của khách sạn trông ra quảng trường Cung điện hoàng gia. Quay lại nhìn Gruber, Corso thấy hắn thò tay cầm điện thoại.

Khi mọi người đã ở ngoài phố, La Ponte lo lắng nhìn về phía sau. “Có chuyện gì vậy?”

“Cảnh sát,” Corso giải thích. “Trong phòng tôi.”

“Sao anh biết?”

Cô gái không hỏi gì. Cô chỉ nhìn theo Corso, chờ gã chỉ đạo. Gã lấy ra cái phong bì Gruber đưa đêm qua, bỏ tờ giấy báo tin về nơi ở của La Ponte và Liana Taillefer rồi thay vào đó một tờ năm trăm quan. Gã làm việc đó chậm chạp, vì thế hai người kia có thể thấy tay hắn đang run rẩy. Gã dán phong bì, gạch ngang tên mình rồi ghi tên Gruber lên trên, sau đó đưa cho cô gái.

“Đưa nó cho một người phục vụ bất kỳ trong phòng ăn.” Lòng bàn tay gã đầy mồ hôi, gã chùi vào bên trong túi quần. Rồi trở bộ điện thoại bên kia quảng trường. “Gặp tôi ở đó.”

“Còn tôi?” La Ponte hỏi.

Mặc dù đang khấn trương, Corso suýt nữa phì cười. “Cậu có thể làm gì tùy ý. Mặc dù tôi nghĩ cậu nên lặn đi thì hơn, Flavio.”

Gã xuyên qua dòng xe cộ sang bên kia quảng trường về phía bộ điện thoại, chẳng chờ xem La Ponte có đi theo hay không. Khi đóng cửa bộ điện thoại và nhét tấm thẻ vào khe, gã thấy La Ponte ở cách mấy mét đang nhìn quanh, vẻ lo lắng và bất lực.

Corso quay số khách sạn và xin gặp bộ phận lễ tân.

“Có gì xảy ra vậy, Gruber?”

“Có hai cảnh sát tới, ông Corso,” viên cựu sĩ quan SS khẽ đáp. “Họ vẫn trong phòng ông.”

“Họ có giải thích gì không?”

“Không. Họ muốn biết ngày ông tới ở khách sạn và hỏi chúng tôi có biết ông làm gì cho tới hai giờ sáng không. Tôi nói không và chuyển họ qua cho một đồng nghiệp trực đêm qua. Họ cũng cần một mô tả vì không biết trông ông thế nào. Tôi bảo họ tôi sẽ liên lạc với họ khi ông quay lại. Tôi đang chuẩn bị làm việc ấy đây.”

“Ông sẽ nói gì với họ?”

“Sự thật, đương nhiên rồi. Rằng ông đi vào hành lang một chút rồi bỏ đi ngay. Rằng ông đi cùng một người có râu. Còn về quý cô, họ không hỏi về cô ấy, vì vậy tôi cảm thấy chẳng có lý do gì để nhắc tới.”

“Cảm ơn ông, Gruber.” Gã dừng lại cười rồi nói thêm. “Tôi vô tội.”

“Tất nhiên là thế, ông Corso. Tất cả khách thuê khách sạn này đều vô tội.” Có tiếng xé giấy. “A. Tôi vừa nhận được phong bì của ông.”

“Gặp lại sau nhé, Gruber. Giữ phòng mấy ngày cho tôi. Tôi hy vọng sẽ trở lại lấy đồ. Nếu có vấn đề gì, hãy tính vào thẻ tín dụng của tôi. Cảm ơn lần nữa.”

“Hân hạnh phục vụ ông.”

Corso gác máy. Cô gái đã trở lại đứng bên La Ponte. Corso bước tới. “Cảnh sát biết tên tôi. Có người báo cho họ.”

“Đừng nhìn tôi,” La Ponte nói. “Tất cả chuyện này này giờ đã quá tầm tôi rồi.”

Nó cũng quá tầm mình. Corso cay đắng nghĩ thầm. Gã đang đứng ở giữa biển khơi hung dữ, trên một con thuyền không người cầm lái.

“Cô có ý gì không?” gã hỏi cô gái. Cô là sợi dây mong manh duy nhất nối với điều bí ẩn vẫn nằm trong tay gã. Hy vọng cuối cùng của gã.

Cô dòm qua vai Corso nhìn dòng xe cộ và rào chắn của Cung điện hoàng gia gần đó. Cô đã bỏ cái túi đeo xuống chân. Cô nhúu mày, vẫn im lặng, đắm chìm trong suy tư như mọi khi. Trông ương bướng như một thằng nhóc không chịu vâng lời người lớn.

Corso cười như một con sói mệt mỏi. “Tôi không biết phải làm sao,” gã nói.

Gã thấy cô gái gật đầu chậm rãi, có lẽ kiểu như kết thúc một dòng suy luận. Hoặc có thể chẳng qua là cô đồng ý rằng quả thực gã không biết phải làm gì.

“Ông là kẻ thù tệ hại nhất của chính ông,” cuối cùng lạnh nhạt nói. Cô cũng tỏ ra mệt mỏi, giống như buổi tối trước khi họ trở về khách sạn. “Trí tưởng tượng của ông.” Cô vỗ lên trán. “Ông đừng nên chỉ nhìn mấy cái cây mà nghĩ là thấy cả khu rừng.”

La Ponte cắn nhàn. “Môn thực vật để sau đi, được không?” Hắn đang càng lúc càng lo lắng về khả năng quân cảnh sẽ xuất hiện. “Phải đi khỏi đây. Tôi có thể thuê xe. Nếu khấn trương, ngày mai ta có thể vượt qua biên giới. Tiện thể xin nói mai là ngày Cá tháng Tư.”

“Câm miệng, Flavio.” Corso nhìn vào mắt cô gái tìm kiếm một câu trả lời. Gã không thấy gì khác ngoài những hình ảnh phản chiếu - ánh sáng trên quảng trường, xe cô qua lại, hình ảnh của chính gã, méo mó và kỳ cục. Một người lính thất trận. Nhưng thất trận chẳng còn chút vinh quang nào nữa. Như thế từ lâu rồi.

Nét mặt cô gái biến đổi. Cô nhìn chăm chăm vào La Ponte cứ như đây là lần đầu tiên hắn đáng nhìn.

“Nhắc lại xem,” cô nói.

La Ponte ngạc nhiên lấp bắp. “Cô định nói, việc thuê xe?” Mồm hắn há ra. “Rõ ràng thế. Đi máy bay người ta có danh sách khách hàng. Còn trên tàu có thể bị kiểm tra hộ chiếu...”

“Ý tôi không phải thế. Nói xem mai là ngày mấy?”

“Mồng một tháng Tư. Thứ Hai.” La Ponte lúng túng mân mê cà vạt. “Ngày sinh nhật tôi.”

Nhưng cô gái không để ý. Cô cúi xuống cái túi đeo tìm gì trong đó. Khi đứng dậy, tay cô cầm Ba người lính ngự lâm.

“Ông đọc không kỹ,” cô nói với Corso và đưa cuốn sách cho gã. “Chương một, dòng đầu[1].”

[1] Dòng đầu tiên Ba người lính ngự lâm bắt đầu như sau: Ngày thứ Hai đầu tiên của tháng Tư năm 1625, thị trấn Meung.

Corso kinh ngạc tiếp lấy cuốn sách và liếc nhìn. “Ba món quà của ông d’Artagnan bố.” Ngay khi đọc dòng đầu tiên, gã đã biết mình phải đi đâu để tìm Milady.

30. Chương 14 - Phần 1

XIV. NHỮNG HẦM RƯỢU Ở MEUNG

Đó là một đêm buồn thảm.

P.du Terrail, ROCAMBOLE.

Đó là một đêm buồn thảm. Dòng sông Loire hùng hổ dâng nước lên, đe dọa tràn qua những dải đê già cỗi bao quanh thị trấn Meung nhỏ bé. Cơn bão bắt đầu điên cuồng từ chiều hôm trước. Thỉnh thoảng một tia chớp lòe trên hình khối đen sẫm của tòa lâu đài, tạo thành những vệt sáng ngoằn ngoèo đứt đoạn giống như vết roi quất trên những vĩa hè vắng tanh ướt đẫm của thị trấn từ thời Trung cổ. Xa xa bên kia sông, lá bị bứt khỏi cành bay tán loạn trong mưa giông, tuồng như cơn lốc đi qua quét thành một đường chia rẽ quá khứ gần và hiện tại xa, có thể nhìn thấy những ngọn đèn pha ô tô từ từ di chuyển trên đường cao tốc Tours đi Orléans.

Ở quán Saint-Jacques, khách sạn duy nhất ở Meung, vẫn còn cửa sổ để đèn. Ánh sáng chiếu lên một mảnh sân dẫn ra ngoài phố. Trong phòng, một thiếu phụ cao lớn, hấp dẫn, mớ tóc vàng buộc túm sau gáy, đang mặc váy áo trước gương. Cái váy đã kéo khóa lên che kín hình xăm hoa huệ trên hông. ả đứng thẳng người, hai tay quặt ra sau gài móc cái nịt vú đỡ bộ ngực trắng đồ sộ rung rinh theo từng cử động. Rồi ả mặc một cái áo khoác lụa vào. Vừa cài khuy, ả vừa cười với ả trong gương, chắc chắn là hài lòng thấy mình đẹp. Hắn là ả chuẩn bị cho một cuộc hẹn hò, vì chẳng mấy ai sửa soạn trang phục lúc mười một giờ khuya, trừ phi sắp đi gặp ai đấy. Mặc dù có lẽ nụ cười ẩn giấu sự tàn bạo của ả là vì cái kẹp giấy bìa da mới nằm trên giường có chứa bản thảo Rượu vang Anjou của Alexandre Dumas bố.

Một tia chớp soi sáng mảnh sân nhỏ bên ngoài. Bên dưới mái hiên nước rõ giọt, Lucas Corso hút nốt điều thuốc ảm rồi quẳng xuống đất. Gã dựng cổ áo lên che mưa gió. Dưới ánh chớp lóe mành liệt như đèn flash của một chiếc máy ảnh khổng lồ, gã thấy khuôn mặt xanh lè như người chết của Flavio La Ponte ẩn hiện giữa tối và sáng, mớ tóc và bộ ria sừng nước. La Ponte trông như một thầy tu đau khổ, hoặc có thể như Athos cảm lạnh vì tuyệt vọng, u sầu vì trừng phạt. Một hồi lâu không có chớp, nhưng Corso có thể nhận ra, trong cái bóng đen thứ ba khom mình bên cạnh họ dưới những mái chìa, đường nét thanh mảnh của Irene

Adler cuộn mình trong áo khoác len. Khi một tia chớp cuối cùng rạch chéo bầu trời đêm và tiếng sấm dội ầm ầm lên những mái nhà bằng đá đen, cặp mắt xanh sáng rực của cô chợt lóe lên dưới cái mũ trùm đầu gắn liền với áo khoác.

Hành trình tới Meung ngắn và căng thẳng. Một khoảng thời gian kinh hoàng trong chiếc xe do La Ponte thuê: đường cao tốc Paris đi Orléans, rồi mười sáu cây số đến Tours. La Ponte ngồi ở ghế hành khách, nghiên cứu tấm bản đồ Michelin mua ở trạm xăng dưới đóm sáng của đèn thuốc lá. La Ponte hoang mang. Không xa nữa đâu, tôi nghĩ ta đi đúng hướng. Phải, chắc thế. Cô gái ngồi trên ghế sau, lặng lẽ. Cô chăm chú nhìn Corso, và gã bắt gặp ánh mắt cô trong gương mỗi khi một chiếc xe sáng rực vượt qua họ. La Ponte đã nhầm, đương nhiên. Họ bỏ lỡ mất chỗ rẽ mà đi theo hướng tới Blois. Khi nhận ra đã nhầm đường, họ phải quay lại, đi ngược chiều trên xa lộ để ra khỏi đó. Corso nắm chặt tay lái cầu khẩn cơn bão buộc đám cảnh sát phải ngồi hết ở nhà. Beaugency. La Ponte khẳng khái đòi qua sông rồi rẽ trái, nhưng may mà họ không thềm nghe hấn. Họ trở lại theo đường cũ, lần này theo quốc lộ 152 - đúng theo con đường d'Artagnan đã chọn ở chương một - trong mưa giông gió giật, dòng sông Loire đen ngòm gầm rú bên phải họ, thanh gát nước trên kính chắn gió quay như diên, và hàng trăm đốm đen li ti, bóng của những giọt mưa, nhảy múa trước mắt Corso khi họ vượt qua những chiếc xe khác. Cuối cùng họ đi trên những đường phố vắng tanh ở một khu phố cổ với những căn nhà lợp mái, có mặt tiền với những rầm nhà nặng nề dưới dạng cây thập tự: Meung-sur-Loire. Hành trình kết thúc.

“Ả sắp đi,” La Ponte thì thầm. Người hấn đầm nước, giọng run run vì lạnh. “Sao không vào ngay?”

Corso nhướn mình nhìn lại lần nữa. Liana Taillefer khoác ra ngoài áo cánh một chiếc áo len bó sát để lộ thân hình hấp dẫn, rồi lấy trong tủ đồ ra chiếc áo không tay dài màu tối dùng cho vũ hội hóa trang. Ả chần chừ một chút, nhìn quanh rồi khoác nó lên vai và nhặt tập bản thảo Dumas trên giường. Đúng lúc ấy ả để ý cửa sổ vẫn mở liền bước tới đóng lại.

Corso giơ tay ngăn ả. Một ánh chớp lóe lên ngay trên đầu rọi sáng khuôn mặt đầm nước của gã. Bóng gã sừng sững trong khuôn cửa sổ, tay đưa ra như thể cáo buộc người đàn bà đang đứng như trời trồng vì kinh ngạc. Milady rút lên man dại như gặp quỷ.

Corso nhảy qua gờ cửa sổ dùng mu bàn tay hất mạnh khiến ả im bật và ngã xuống giường làm những trang giấy trong Rượu vang Anjou bay lả tả. Cặp kính của gã bị hơi nước từ trong hốc mắt nóng bừng bốc lên che mờ, gã lập tức nhấc kính ra vút lên cái bàn đầu giường rồi quăng mình lên trên Liana Taillefer đang gắng trở dậy vươn ra cửa. Gã túm tay ả và ghì chặt vùng eo của ả xuống giường trong khi ả vừa quấy vừa đập. Ả thật khỏe và Corso tự hỏi không biết La Ponte và cô gái mất mặt ở đâu. Trong khi chờ họ tới giúp, gã cố giữ chặt cổ tay và tránh để những móng tay như vuốt sặc cào vào mặt. Hai người quẩn và nhau và lẫn lộn trên tấm ga trải giường, cuối cùng thì cẳng chân Corso nằm giữa hai chân ả và mặt gã vùi lấp vào bộ ngực ả. Gắn sát như thế, cảm nhận chúng qua làn áo len mỏng, gã lại nghĩ thật khó tin rằng chúng đàn hồi đến thế. Gã cũng cảm thấy thân dưới mình cương lên và tức giận chửi thề trong lúc vật lộn với một ả Milady có sức khỏe của một nhà vô địch bơi lội. Mi ở đâu khi ta cần, gã cay đắng nghĩ thầm. Rồi La Ponte tới, lắc mình thật lực như con chó ướm và nghĩ cách trả thù cho lòng tự hào tổn thương của mình, và trên hết cho tấm hóa đơn khách sạn đã tạo ra một lỗ hổng trong ví hấn. Trận đấu bắt đầu theo lẽ lối giang hồ.

“Tôi không nghĩ ông định hiếp bà ta,” cô gái nói.

Cô vẫn đội các mũ trùm ngồi xem trên bậu cửa sổ. Liana Taillefer đã thôi giãy giụa và nằm im. Corso nằm trên người ả, còn La Ponte giữ một tay và một chân ả đè xuống.

“Đồ lợn,” ả nói to và rõ.

“Đồ đĩm,” La Ponte lẩm bẩm, thở không ra hơi vì cuộc vật lộn.

Sau mẩu đối thoại ngắn ngủi này, mọi người đều bình tĩnh lại. Chắc rằng ả không thoát đi được, họ để ả ngồi dậy. Ả xoa nắn cổ tay, ánh mắt độc địa lướt qua Corso và La Ponte. Corso đứng giữa ả và cánh cửa. Cô gái vẫn ngồi trên cửa sổ lúc này đã đóng lại. Cô đã bỏ mũ trùm ra quan sát Liana đây tỏ mò. La Ponte sau khi dùng tấm ga giường lau khô tóc và râu, bắt đầu thu lượm các trang bản thảo vương vãi trong phòng.

“Ta cần nói chuyện một chút,” Corso nói. “Như những người hiểu biết.”

Liana Taillefer trừng mắt nhìn gã. “Chẳng có gì để nói hết.”

“Đó là cái sai của bà, thưa quý bà xinh đẹp. Bây giờ chúng tôi tóm được bà rồi, tôi có gặp cảnh sát thì cũng chẳng sao. Hoặc bà nói chuyện với bọn tôi, hoặc bà phải giải thích với họ. Tùy chọn.”

Ả cau có nhìn quanh như con thú săn tìm cách thoát khỏi bẫy.

“Cẩn thận,” La Ponte nói. “Ả định làm gì đây.”

Đôi mắt ả lóe lên sắc như dao. Corso uốn lưỡi nói như diễn kịch. “Liana Taillefer,” gã nói. “Hoặc có thể phải gọi bà là Anne de Breuil, nữ bá tước de la Fère. Bà cũng có tên Charlotte Backson, nam tước phu nhân Sheffield và quý bà de Winter. Bà đã phản bội chồng và mọi người tình. Một nữ sát thủ và kẻ đầu độc, cũng là tay chân của Richelieu. Hoặc với một biệt danh quen thuộc hơn - gã dừng lại đột ngột - Milady.”

Gã ngừng lại vì vấp phải dây đeo cái túi của mình từ dưới gầm giường thò ra. Không rời mắt khỏi Liana Taillefer và cánh cửa, gã lôi nó ra. Rõ ràng ả muốn chạy trốn ngay khi có cơ hội. Gã kiểm tra mọi thứ trong túi và thở phào nhẹ nhõm khiến mọi người, gồm cả Liana Taillefer, đều ngạc nhiên nhìn gã. Chín cánh cửa của Varo Borja vẫn trong đó, còn nguyên vẹn.

“Ăn chắc,” gã nói và cầm nó lên. La Ponte tỏ ra đắc thắng, tuồng như Queequeg vừa đâm trúng con cá voi. Nhưng cô gái không mấy may xúc động, giống như một khán giả bàng quan. Corso nhét cuốn sách vào túi. Gió đêm thổi vi vu ngoài cửa sổ khi cô đứng. Chốc chốc một tia chớp nhoáng lên soi rõ hình cô, rồi một tràng sấm đùng đục và nghèn nghẹt vang lên khiến tấm kính chắn mưa rung bần bật.

“Thời tiết rất phù hợp,” gã nói. “Như bà thấy, Milady, chúng tôi không muốn lỡ việc... Chúng tôi chuẩn bị xét xử công bằng.”

“Với cả nhóm người vào giữa đêm khuya, chẳng khác gì một lũ hèn hạ.” ả xổ ra. “Đúng như người ta đã làm với ả Milady kia. Chỉ thiếu người đao phủ thành Lille.”

“Tất cả đều hợp thời điểm,” La Ponte xen vào.

Người đàn bà dần dần lấy lại tự tin. Dù chính ả nhắc tới đao phủ song điều đó có vẻ không dọa được ả. ả nhìn trả La Ponte với vẻ thách thức. “Tôi thấy các người đã về đúng vai rồi đây,” ả nói thêm.

“Bà không cần ngạc nhiên mới phải,” Corso đáp trả. “Bà và đám tông phạm của bà đã làm mọi cách để bảo đảm như vậy mà.” Khuôn mặt gã vặn vẹo rồi hóa ra nụ cười của loài sói, không đùa cợt cũng không thương xót. “Tất cả chúng ta đã vui vẻ cả.”

Người đàn bà bạnh môi. ả dùng một móng tay đỏ như máu vạch ngang khăn trải giường. Corso đưa mắt theo dõi cử chỉ của ả, cảm thấy mê hoặc như thể đó là một lưỡi dao, và gã rùng mình nhớ lại nó đã lướt như thế nào qua mặt gã trong khi vật lộn.

“Ông không có quyền làm như vậy,” ả nói. “Các người là những kẻ đột nhập.”

“Bà lầm. Chúng tôi là một phần trong trò chơi, giống như bà.”

“Nhưng các người không biết luật chơi.”

“Lại nhầm rồi, Milady. Bằng chứng là chúng tôi đang ở đây.” Corso cầm cái kính trên tủ đầu giường, đeo lên mắt và lấy ngón tay đẩy nó lên. “Đó là điều rất tinh tế - chấp nhận bản chất của trò chơi. Chấp nhận cuốn tiểu thuyết hư cấu bằng cách bước vào câu chuyện và tuân theo logic của nó chứ không phải của thế giới bên ngoài... Sau đó thì dễ rồi. Trong thế giới thực, nhiều chuyện xảy ra ngẫu nhiên, nhưng trong tiểu thuyết hầu như mọi điều đều logic.”

Móng tay đỏ chói của Liana Taillefer dừng lại. “Trong tiểu thuyết?”

“Đặc biệt trong tiểu thuyết. Nếu nhân vật chính theo logic nội tại của tội phạm, hẳn rồi sẽ gặp mặt tội phạm. Đó là lý do khiến người hùng và kẻ ác, thám tử và tên sát nhân luôn gặp nhau ở phần kết.” Gã mỉm cười, thích thú với lý lẽ của mình. “Bà nghĩ sao?”

“Tuyệt,” Liana Taillefer chiêm chọc, còn La Ponte miệng há ra, dán mắt vào Corso đầy ngưỡng mộ. ả nhếch mép cười mỉa. “Đạo hữu William Baskerville[1], tôi đoán thế.”

[1] Một tu sĩ dòng Francis, nhân vật hư cấu trong tiểu thuyết Tên của đóa hồng của Umberto Eco.

“Đừng hời hợt thế, Milady. Bà quen Edgar Allen Poe. Và chính Dumas... Tôi cứ nghĩ bà đọc rộng hơn cơ.”

“Ông thấy đó, ông đang lãng phí tài năng với tôi rồi,” ả nói. “Tôi không phải thánh giả thích hợp.”

“Tôi biết. Đó chính là lý do tôi tới đây - để bà đưa chúng tôi tới chỗ ông ta.” Gã nhìn đồng hồ. “Hơn một tiếng đồng hồ nữa sẽ là ngày thứ Hai đầu tiên của tháng Tư.”

“Tôi muốn biết bằng cách nào ông đoán được cả chuyện đó.”

“Tôi không đoán.” Gã quay sang cô gái bên cửa sổ. “Cô ấy nhét cuốn sách vào tay tôi. Và trong một cuộc điều tra như thế này, một cuốn sách có ích hơn là thế giới bên ngoài. Đó là một thế giới riêng mình tự tại, không bị ai quấy rầy. Giống như phòng thí nghiệm của Sherlock Holmes.”

“Đừng khoe mẽ nữa, Corso,” cô gái bực tức nói. “Ông gây đủ ấn tượng với bà ta rồi đó.”

Người đàn bà cau mày nhìn cô gái, như thể lần đầu tiên trông thấy cô. “Cô ta là ai?”

“Đừng nói với tôi bà không biết. Bà chưa từng gặp cô ấy ư?”

“Người ta có nhắc tới một phụ nữ trẻ, nhưng không biết cô ta từ đâu tới.”

“Ai nhắc?”

“Một người bạn.”

“Cao, đen, để ria, sẹo trên mặt? Rách môi? Anh bạn thân Rochefort của chúng ta! Tôi rất muốn biết anh ta đang ở đâu. Hy vọng không xa. Hai vị chọn nhân vật thật là xứng đáng, đúng không?”

Nghe vậy Liana Taillefer ấn sâu móng tay vào tấm ga như thể đó là da thịt Corso, ánh mắt lóe lên điên cuồng. “Các nhân vật khác thì tốt đẹp gì hơn?” Trong cái lối Milady hất đầu ra sau nhìn xoáy vào từng người trong bọn họ chứa đựng một vẻ khinh thường ngạo mạn. “Athos, một tên say. Porthos, một gã ngộ. Aramis, một kẻ mưu mô đạo đức giả...”

“Đó là một cách nhìn nhận,” Corso nói.

“Im đi. Ông biết cái gì?” ả ngừng lại, vươn cằm ra, nhìn Corso như thể đến lượt gã. “Còn d’Artagnan, hẳn là kẻ tệ nhất trong đám. Một tay kiếm ư? Hắn chỉ quyết đấu bốn lần trong Ba người lính ngự lâm. Thắng một lần vì Jussac nhào vào chân hắn, một lần nữa vì Bernajoux tự mình gieo vào mũi kiếm của hắn trong khi mù quáng tấn công. Khi đánh nhau với người Anh, hắn chỉ làm được mỗi việc là tước vũ khí của ông nam tước. Và phải dùng tới ba cú đâm mới hạ gục nổi công tước De Wardes. Còn về lòng khoan dung độ lượng...” ả hất mặt về phía La Ponte, “d’Artagnan thậm chí còn keo kiệt hơn cả anh bạn này của ông. Lần đầu tiên hắn mua đồ uống cho các bạn là ở Anh, sau vụ gã thầy tu[2]. Ba mươi năm sau.”

[2] Gã thầy tu: tức con trai Milady, nhân vật chính trong Hai mươi năm sau.

“Tôi nhận thấy bà là một chuyên gia, mặc dù đáng ra tôi phải đoán ra từ trước. Bao nhiêu là tiểu thuyết trường thiên mà bà bảo ghét cay ghét đắng... Xin có lời khen. Bà đã hoàn thành tuyệt diệu vai bà góa phát ốm lên vì tính ngông cuồng của ông chồng.”

“Tôi không vờ vịt. Hầu hết những thứ của ông ấy đều tầm thường xoàng xĩnh, toàn giấy tờ cũ vô dụng. Giống như bản thân Enrique. Chồng tôi là một gã khờ. Ông ấy không biết cách đọc cho ra những ý nghĩ thâm sâu hay đánh giá chất lượng. Ông ấy chỉ là một kẻ đàn độn loanh quanh sưu tầm bức ảnh tượng đài và chẳng hiểu gì hết.”

“Không như bà?”

“Tất nhiên. Ông biết hai cuốn sách đầu tiên tôi đọc là gì không? Những người đàn bà nhỏ và Ba người lính ngự lâm. Mỗi cuốn đều gây ấn tượng sâu sắc theo cách riêng của nó.”

“Cảm động quá.”

“Đừng ngu ngốc thế. Ông hỏi, tôi đáp. Có những độc giả chất phác, như Enrique khốn khổ, và có những độc giả đi sâu vào bản chất sự vật, nhìn thấu suốt hơn chứ không chỉ thấy toàn khuôn mẫu sáo mòn: d’Artagnan can đảm, Athos hào hiệp, Porthos hảo tâm, Aramis trung thành... Thật buồn cười!” Rồi ả phá lên cười thật,

tiếng cười của ả đặc phùng tường và đánh ác như tiếng cười của Milady. “Không ai có ý kiến. Ông có biết hình ảnh tồn tại lâu dài nhất với tôi, cái mà tôi ngưỡng mộ nhất là gì không? Hình ảnh người đàn bà chiến đấu đơn độc, trung thành với ý tưởng của chính mình và với người đàn ông bà ta chọn làm chủ nhân, chỉ tin tưởng một mình mình, bị bốn người anh hùng kỳ thực là những con rối giết một cách dễ tiện. Rồi lại có một đứa con thất lạc từ lâu của bà ta, đứa trẻ mồ côi xuất hiện hai mươi năm sau nữa!” ả cúi đầu ủ rũ, và ánh mắt đầy thù hận của ả hầu như khiến Corso lùi lại một bước. “Tôi có thể hình dung một bức tranh khắc như thế nó ở ngay trước mặt - dòng sông đêm, bốn tên vô lại quỳ gối cầu nguyện nhưng không một chút thương xót. Và bên kia sông, đao phủ giơ cao kiếm trên cái cổ trần của người đàn bà...”

Một tia chớp đột ngột rọi ánh sáng hung dữ lên khuôn mặt biến dạng của ả - cái cổ trắng mịn, đôi mắt chứa đầy khung cảnh bi kịch ả vừa mô tả sống động như thể chính mình trải qua rồi. Rồi những tấm kính cửa sổ rung lên dưới tiếng sấm ầm ầm.

“Đồ khốn,” ả thì thầm, chìm đắm trong suy tư, Corso không biết ả muốn nói gì và những người cùng đi hay d’Artagnan và bạn chàng.

Cô gái lục tìm trong túi lấy ra Ba người lính ngự lâm. Giống như một khán giả vô thưởng vô phạt, cô tìm một trang. Khi đã thấy, cô không nói lời nào mà vứt sách lên giường. Đó là bức minh họa Liana Tallefer đã miêu tả.

“*Victa iacet Virtus*,” Corso lẩm bẩm, run lên trước cảnh tượng tự như trong bức minh họa thứ tám của Chén cảnh cửa.

Người đàn bà bình tĩnh lại khi nhìn bức tranh. ả nhú mào, lại trở nên lạnh lùng và độc đoán.

“Đó là sự thực,” ả thừa nhận. “Không thể nói rằng d’Artagnan tượng trưng cho phẩm hạnh. Hắn ta chỉ là kẻ cơ hội. Và đừng nhắc tới kỹ năng của gái của hắn. Trong cả bộ tiểu thuyết hắn chỉ chinh phục được ba người đàn bà, hai lần trong đó là nhờ lừa bịp. Mối tình vĩ đại nhất của hắn là với một mẹ đi bé nhỏ chân to, thị tỳ của hoàng hậu. Một người khác là ả hầu phòng người Anh bị hắn lợi dụng một cách dễ tiện.” Tiếng cười của Liana vang lên như một lời nhục mạ. “Còn đời sống tình cảm của hắn trong Hai mươi năm sau thì sao? Sống với bà chủ nhà trọ để tiết kiệm tiền thuê phòng... Công cuộc chinh phục mới đẹp để làm sao! Hầu phòng, chủ trọ và đây tới!”

“Nhưng d’Artagnan không quyến rũ Milady,” Corso ranh mãnh vạch ra.

Một tia chớp giận dữ lại lần nữa phá vỡ lớp băng trong mắt Liana Tallefer. Nếu ánh mắt có thể giết người, có lẽ Corso đã chết lẩn dưới chân ả.

“Hắn không quyến rũ,” người đàn bà trả lời. “Thằng khốn đó mạo nhận người khác để luồn vào giường cô ta.” Thái độ của ả lại lạnh cứng. “Ông và hắn có thể kết thành một cặp rất hợp đấy.”

La Ponte chăm chú nghe. Tựa như có thể thấy bộ não hắn đang vận động kịch liệt. Hắn nhăn nhó. “Các người không định nói là các người đã...”

Hắn quay sang cô gái mong giúp đỡ. Hắn luôn là người cuối cùng hiểu được chuyện gì xảy ra. Nhưng cô vẫn đứng đững như thể chẳng có gì liên quan đến mình.

“Tôi là một thằng ngu,” La Ponte kết luận. Hắn đi đến bên cửa sổ và bắt đầu đập đầu vào khuôn cửa.

Liana Tallefer nhìn hắn khinh bỉ rồi nói với Corso, “Ông phải đưa hắn theo hay sao?”

La Ponte nhắc đi nhắc lại, “Tôi là một thằng ngu,” và đập mạnh đầu vào cửa sổ.

“Hắn nghĩ mình là Athos,” Corso giải thích.

“Aramis thì đúng hơn. Ngu xuẩn và tự đại. Ông có biết là hắn mê mết với cái bóng của mình trên giường khi làm tình không?”

“Tôi không tin.”

“Tôi đảm bảo là hắn như thế đấy.”

31. Chương 14 - Phần 2

La Ponte đã quên cái cửa sổ, “Chúng ta lạc đề rồi đấy,” hấn đỏ mặt nói.

“Đúng vậy,” Corso nói. “Ta đang nói về phẩm hạnh, Milady. Bà đang lên lớp cho chúng tôi về chủ đề liên quan đến d’Artagnan và các bạn.”

“Tại sao không? Tại sao một lũ đàn đĩm lợi dụng đàn bà, tiêu tiền của họ, chỉ nghĩ đến thành đạt và làm giàu mà lại tử tế hơn Milady, một người đàn bà thông minh và dũng cảm đã quyết định làm việc cho Richelieu, phục vụ trung thành, chấp nhận nguy hiểm tính mạng vì ông ấy.”

“Và phạm tội giết người vì ông ta.”

“Chính ông đã thừa nhận điều đó lúc này - logic nội tại của câu chuyện.”

“Nội tại? Điều đó tùy thuộc vào cách nhìn của bà. Việc giết chồng bà xảy ra bên ngoài chứ không phải bên trong phạm vi cuốn tiểu thuyết. Cái chết của ông ta là thật.”

“Ông điên rồi, Corso. Không ai giết Enrique... Ông ấy tự treo cổ.”

“Và tôi cũng nên nghĩ rằng Victor Fargas tự trầm mình xuống nước? Và bà nam tước Ungern đêm qua đã quá mãi mê với cái lò vi sóng, đúng thế không?”

Liana Tallefer quay sang La Ponte và cô gái, chờ ai đó khẳng định điều ả vừa nghe. Lần đầu tiên từ lúc bọn họ nhảy vào qua cửa sổ, ả có vẻ lúng túng.

“Ông nói về chuyện gì?”

“Về chín bức họa chuẩn,” Corso đáp, “ở trong Chín cánh cửa của vương quốc bóng tối.”

Từ bên ngoài khuôn cửa sổ đóng, có tiếng chuông vang lên xuyên qua mưa gió. Hầu như đúng lúc ấy, chiếc đồng hồ bên trong tòa nhà, ở tầng dưới, gõ mười một tiếng.

“Tôi thấy còn nhiều người điên hơn trong vụ này,” Liana Tallefer nói. ả nhìn cánh cửa. Có tiếng động đàng sau nó khi tiếng chuông cuối cùng cất lên. Một tia mắt sắc trắng lóe trong mắt ả.

“Cẩn thận,” La Ponte nhòm người thì thầm. Corso biết có gì đấy sắp xảy ra. Gã thoáng thấy cô gái đứng thẳng dậy, căng thẳng và cảnh giác, và gã cảm thấy adrenaline sôi trào trong máu.

Mọi người đều nhìn vào cái tay nắm cửa. Nó xoay thật chậm. Như trong phim.

“Chào,” Rochefort. Y mặc cái áo mưa cài khuy đến cổ lấp lánh nước mưa. Đôi mắt đen sáng rực dưới cái mũ nỉ. Vết sẹo ngoằn ngoèo tái nhợt nổi bật trên khuôn mặt sẫm màu. Bộ ria đen rậm rì tô điểm cho gương mặt người miền Nam. Y đứng bất động ở cửa chừng mười lăm giây, hai tay nhét trong túi áo khoác, đôi giày bết bùn. Không ai nói gì.

“Tôi rất mừng vì anh tới,” rốt cuộc Liana Tallefer nói. Rochefort gật đầu nhanh nhưng không trả lời. Vẫn ngồi ở trên giường, ả chỉ Corso. “Bọn họ trở nên láo xược.”

“Tôi hy vọng chưa đến nỗi quá đáng,” Rochefort nói. Giọng y vẫn y như Corso nhớ lại lúc trên con đường ở Sintra, vui vẻ, có học với ngữ âm khó xác định. Y không rời khỏi cửa, nhìn Corso chằm chằm, như thể La Ponte và cô gái không tồn tại. Mối dưới hấn vẫn còn sưng, có dấu thuốc đỏ và hai vết chỉ khâu cho vết thương liền miệng. Kỷ niệm sông Seine, Corso thầm nghĩ một cách độc ác. Có vẻ y quan tâm đến phản ứng của cô gái. Nhưng sau phút sững sờ ban đầu, cô lại tiếp tục đóng vai khán giả bàng quan.

Không rời mắt khỏi Corso, Rochefort hỏi Milady, “Làm sao họ tới được chỗ này?”

Milady phác một cử chỉ mơ hồ. “Bọn họ khôn ngoan.” Rồi liếc nhanh La Ponte. “Một trong số họ thôi.”

Rochefort gật đầu. Hai mắt lim dim, tựa như y đang phân tích tình hình. “Việc này khiến mọi chuyện phức tạp hơn,” y nói rồi nhấc mũ quăng lên giường.

Liana Taillefer vuốt váy xuống và đứng lên thở dài đồng ý. Corso xoay nghiêng người về phía ả, căng thẳng và do dự. Lúc này Rochefort rút tay ra khỏi túi áo khoác và Corso nhận ra y thuận tay trái. Phát hiện này chẳng giúp gã bao nhiêu - tay trái y cầm một khẩu súng lục nhỏ nòng ngắn màu xanh sẫm gần như đen. Trong khi đó Liana Taillefer bước tới chỗ La Ponte giật lấy bản thảo Dumas trong tay hắn.

“Bây giờ thử gọi tôi là con điếm nữa đi.” Ả ghé sát đến mức có thể đụng vào mặt hắn. “Nếu anh đủ gan.”

La Ponte không làm thế. Mới để ra hắn đã ham sống sợ chết. Nhân vật thợ phóng lao dửng dưng cảm chỉ dành cho những lúc lơ mơ vì rượu cồn. “Tôi chỉ tạt qua thôi,” hắn nhún nhường nói mong thoát khỏi toàn bộ chuyện này.

“Tôi sẽ làm sao nếu không có cậu, Flavio?” Corso nói giọng nhần nhục.

La Ponte có vẻ bị xúc phạm. “Anh không công bằng,” hắn nói rồi tới đứng bên cô gái, ở chỗ dường như đối với hắn là an toàn nhất trong phòng. “Theo cách nhìn nào đấy thì đây là chuyến phiêu lưu của anh, Corso. Và cái chết có là gì với một kẻ như anh? Chẳng là gì. Chỉ là thủ tục. Dù gì anh cũng được trả một khoản kếch xù. Và bản chất cuộc đời là bạc bẽo.” Hắn nhìn vào nòng khẩu súng trong tay Rochefort rồi choàng tay qua vai cô gái, thở dài nã nuột. “Tôi hy vọng không có gì xảy ra với anh. Nhưng nếu có gì xảy ra thì sẽ khó hơn cho chúng ta: chúng tôi vẫn phải sống tiếp.”

“Đồ phản bội.”

La Ponte ra bộ buồn rầu. “Bạn thân mến, tôi sẽ bỏ qua lời nhận xét cuối cùng này. Anh quá căng thẳng rồi.”

“Đương nhiên. Tôi quá căng thẳng, đồ chuột cống.”

“Câu này tôi cũng bỏ qua.”

“Chó đẻ.”

“Thật vui được thấy các người giữ gìn tinh thần đồng đội của mình,” Milady nói giọng cay nghiệt.

Corso suy nghĩ rất nhanh, dù gã không thể làm gì được. Nghĩ mấy cũng không tước được khẩu súng trong tay Rochefort, mặc dù nó không đặc biệt nhắm vào ai cả. Rochefort coi bộ miễn cưỡng, như thể giờ khẩu súng chỉ để đạt được hiệu quả cần thiết. Nhưng bất chấp khát vọng lớn lao của Corso muốn ghi dấu điểm trước mặt gã mặt sẹo, gã cũng không sở hữu kỹ năng để làm vậy. Không có La Ponte trên đường đua, cô gái là hy vọng duy nhất của gã để thay đổi cán cân lực lượng. Nhưng trừ phi cô là một diễn viên cực kỳ xuất sắc, gã không hy vọng gì ở cánh bên ấy. Irene Adler đã giẫy ra khỏi vòng tay La Ponte và ngồi lên cửa sổ quan sát tất cả với vẻ đứng đưng không giải thích được. Tựa như cô đã xác định đứng ngoài chuyện này.

Liana Taillefer bước qua chỗ Rochefort, tay cầm bản thảo Dumas, hể hả vì đoạt lại nó quá dễ. Corso lấy làm lạ vì ả tỏ ra không quan tâm như vậy đối với Chín cánh cửa vẫn nằm trong cái túi này giờ dưới chân giường.

“Ta làm gì bây giờ?” gã nghe ả thì thầm với Rochefort.

Gã ngạc nhiên vì Rochefort có vẻ lưỡng lự. Y đưa khẩu súng từ bên nọ qua bên kia. Như thể không biết chìa nó vào đâu. Trao đổi một cái nhìn đầy ý nghĩa với Milady, y rút tay phải ra khỏi túi áo mà đưa lên trước mặt, do dự. “Không thể để họ ở đây,” y nói.

“Cũng không thể mang họ theo,” ả nói.

Y chậm rãi gật đầu. Xét qua động tác lại nắm chặt khẩu súng, có thể nhận thấy sự không quyết đoán của y đã biến mất. Corso cảm thấy cơ bụng co rút lại khi Rochefort chìa súng vào mình. Gã cố đưa ra một lời phản kháng hợp cú pháp, nhưng kết quả chỉ là một âm thanh khó hiểu trong cổ họng.

“Ông sẽ không giết anh ta chứ?” La Ponte hỏi.

“Này Flavio,” Corso cố sức nói mặc dù miệng khô khốc. “Nếu tôi thoát lần này, tôi thề sẽ đâm vỡ mặt cậu. Nhất định.”

“Tôi chỉ cố giúp thôi mà.”

“Đi mà giúp mẹ cậu khỏi phải ra đứng đường.”

“OK, OK, tôi sẽ cầm tịt.”

“Đúng, cầm đi,” Rochefort nói. Mũi súng vẫn chĩa vào Corso, y khóa cánh cửa đằng sau lưng và nhét chìa khóa vào túi. Có gì mà mất, Corso nghĩ, mạch máu trên thái dương và cổ tay gã giật giật. Tiếng trống trận Waterloo vang lên đầu đó trong ký ức gã, khi mà, ở thời điểm sáng suốt cuối cùng trước khi cơn tuyệt vọng ập tới, gã thấy mình đang tính toán khoảng cách giữa gã và khẩu súng và thời gian là bao lâu để vượt qua nó. Gã tự hỏi khi nào viên đạn đầu tiên bắn ra và nó sẽ găm vào đâu trên người gã. Xác suất không dính đạn cực nhỏ, nhưng nếu đợi thêm năm giây nữa thì gã chẳng còn cơ hội nào. Rồi thì tiếng kèn xung trận vang lên. Đợt xung trận cuối cùng với Ney tiến ở hàng đầu, người dũng cảm nhất trong những người dũng cảm, trước ánh mắt mệt mỏi của hoàng đế. Chống lại Rochefort thay vì quân cận vệ Xcôtlen, nhưng viên đạn thì vẫn là viên đạn. Chuyện này thật nực cười, gã tự nhủ ngay trước khi hành động. Và gã tự hỏi không biết viên đạn trong ngực mình là thực hay ảo, tự hỏi không biết liệu có thấy mình phiêu phù trong hư không hay trong cung điện Valhalla[3] dành cho các vị anh hùng huyền thoại hay chẳng. Giá mà đôi mắt sáng rực gã cảm thấy đang nhìn chăm chăm vào lưng gã - Hoàng đế? Con quỷ đang yêu? - có chờ đợi để đưa gã qua thế giới bên kia.

[3] Valhalla: nơi ở của các chiến sĩ vong trận trong thần thoại Bắc Âu.

Rồi Rochefort làm một điều kỳ quái. Y giơ cao bàn tay không cầm súng như thể muốn nói, “Chờ đã,” rồi bắt đầu nhét lại khẩu súng vào túi. Động tác này chỉ diễn ra rất mau, rồi y lại chĩa súng vào Corso nhưng không có vẻ kiên quyết. Còn Corso, mạch máu chạy âm âm, cơ bắp căng cứng, thiếu chút nữa nhảy chồm về phía trước nhưng kìm được, hoang mang, nhận ra bây giờ không phải là lúc để chết.

Sững sốt, gã nhìn Rochefort đi ngang qua căn phòng, ấn cái nút gọi ra ngoài rồi quay một số điện thoại dài. Từ chỗ mình gã có thể nghe tiếng chuông vang lên trên đường dây và rồi một tiếng cạch.

“Tôi tóm được Corso ở đây,” Rochefort nói. Y chờ, mũi súng vẫn hững hờ trở vào một điểm mơ hồ trong không gian. Y vâng dạ hai lần. Rồi nghe tiếp, bất động và nói khẽ OK trước khi gác máy.

“Ông ấy muốn gặp hần,” y nói với Milady. Hai người quay về phía Corso. Milady bực bội, Rochefort lo lắng.

“Thật nực cười,” ả cầu nhàu.

“Ông ấy muốn gặp hần,” Rochefort nhắc lại.

Milady nhún vai, tiến lên một bước rồi giận dữ lật mấy trang Rượu vang Anjou.”“

“Còn bọn tôi...” La Ponte bắt đầu.

“Anh ở lại đây,” Rochefort chĩa khẩu súng vào mặt hần nói. Hần liếm vết thương trên môi. “Cô gái cũng vậy.”

Mặc dù ăn đòn rách môi, y không có vẻ gì hận cô. Corso thậm chí còn tưởng đã bắt một tia mắt hiếu kỳ khi Rochefort nhìn cô. Rồi Rochefort đưa khẩu súng cho Liana Taillefer. “Đừng để họ ra ngoài.”

“Sao anh không ở lại đây?”

“Ông ấy muốn tôi đưa hần đi. Thế an toàn hơn.”

Milady gật đầu hờn dỗi. Rõ ràng ả đã hình dung mình sẽ đóng một vai khác trong đêm ấy. Nhưng giống như nhân vật hư cấu cùng tên, ả là một kẻ giết người thuê có kỷ luật. ả đưa Rochefort bắn thảo Dumas đổi lấy khẩu súng. Rồi chăm chú nhìn Corso. “Hy vọng hần không gây phiền phức cho anh.”

Rochefort cười tự tin. Y móc trong túi ra một con dao xếp rồi xem xét rất kỹ, tựa như chỉ vừa mới nhớ ra nó ở đó. Hàm răng trắng sáng rực trên gương mặt đen có sẹo. “Không đâu,” y trả lời, nhét con dao chưa

mở vào túi và ra hiệu cho Corso theo kiểu vừa thân ái vừa ác hiểm. Y cầm cái mũ trên giường lên, lấy chìa khóa mở cửa và khoát tay rất điệu ra phía hành lang như thể trong tay y là một cái mũ lớn cầm lông chim.

“Vinh hạnh được phục vụ ngài, thưa Đức ông,” y nói, rồi bật tiếng cười khô, ngắn, hết sức phù hợp với một người hầu cận được dạy dỗ cẩn thận.

Trước khi rời đi, Corso nhìn cô gái. Milady đang chìa súng vào cô và La Ponte, nhưng cô gái quay lưng lại và chẳng hề để ý. Cô dựa đầu vào cửa sổ nhìn mưa gió bên ngoài, bóng cô nổi bật trên nền trời đêm sáng bừng dưới ánh chớp.

Họ ra ngoài trong mưa bão. Rochefort kẹp bản thảo Dumas bên trong áo khoác để tránh mưa. Y dẫn Corso qua những con đường hẹp tới khu phố cổ của thành phố. Từng đợt mưa dữ dội khiến cành cây lắc lư và làm nước bắn tóe tung taa trong những vũng nước và trên những tảng đá lát đường. Những hạt mưa to tướng xuyên qua tóc rỏ xuống mặt Corso. Gã dựng cao cổ áo. Thị trấn tối đen không bóng người. Chỉ có ánh sáng của cơn bão thỉnh thoảng bừng lên trên đường phố làm lộ ra những mái nhà kiểu Trung cổ, hình cắt nghiêng đen kịt của Rochefort dưới cái mũ nước rỏ ròng ròng, bóng hai người trên mặt đất đầm nước. Những luồng điện phóng ra, giống như sấm chớp từ địa ngục quất vào dòng nước cuộn trào trên sông Loire, phát ra âm thanh nghe như tiếng gậy gậy ngang.

“Một đêm huy hoàng,” Rochefort nói, nghiêng đầu về phía Corso để gã nghe thấy trong tiếng ầm ầm của cơn bão.

Có vẻ y rất thuộc đường. Bước đi tự tin, thỉnh thoảng y quay lại để bảo đảm là người đồng hành còn đó. Thực ra thì không cần thiết, vì lúc này Corso sẽ theo y đến tận cổng địa ngục. Và Corso không loại trừ khả năng đó kỳ thực chính là đích đến cuối cùng của họ. Dưới ánh sáng những tia chớp nối nhau, gã nhìn thấy những con đường cổ có mái vòm che, một cây cầu bắc ngang qua dòng mương phòng hộ ngày xưa, một biển hiệu Boulangerie-Pâtisserie - Cửa hàng bánh mì bánh ngọt, một quảng trường hoang vắng, một tòa thành tháp hình nón và cuối cùng là cánh cổng sắt với tám biển Lâu đài Meung-sur-Loire. Thế kỷ XIII-XVIII.

Một cửa sổ sáng đèn phía xa xa, bên kia cánh cổng, nhưng Rochefort rẽ sang trái, Corso theo sau. Họ men theo bức tường phủ đầy cây thường xuân tới một cánh cửa kín đáo chìm vào trong. Rochefort lôi ra một chìa khóa cũ kỹ to tướng bằng sắt nhét vào ổ khóa.

“Jeanne d’Arc từng đi qua cánh cửa này,” y nói với Corso khi mở khóa. Một chớp sáng cuối cùng cho thấy những bậc thang dẫn vào bóng tối. Trong ánh sáng chợt hiện Corso còn thấy Rochefort mỉm cười, đôi mắt đen rực lên dưới vành mũ, cái sẹo thâm tím trên má. Ít nhất thì cũng là một đối thủ xứng đáng, Corso thầm nghĩ. Không ai phản nản được về vai diễn của y; đúng là hoàn hảo. Dù Rochefort đã đối xử thế nào với gã, gã bắt đầu cảm thấy một sự đồng cảm kỳ quái với y - dù y là ai - người sắm vai kẻ ác một cách tận tụy đến nhường này. Alexandre Dumas hẳn sẽ vỗ tay tán thưởng.

Rochefort cầm một chiếc đèn pin nhỏ rọi sáng những bậc thang hẹp biến mất dưới tầng hầm.

“Ông đi trước,” y nói.

Bước chân của hai người dội lại ở những khúc quanh. Chẳng mấy chốc Corso rùng mình trong áo khoác ướt đầm. Khí lạnh, mốc meo, bốc mùi ẩm hàng thế kỷ, dâng lên đón tiếp họ. Ánh đèn pin soi sáng những bậc đá vỡ, những vệt nước trên vòm trần. Cầu thang dẫn tới một hành lang hẹp có những rào chắn han gỉ. Rochefort chợt rọi đèn vào một cái hốc tròn bên trái.

“Đó là những hầm giam ngày xưa của giám mục Thibault d’Aussigny,” y nói với Corso. “Từ trong đó người ta vứt thẳng xác chết xuống sông Loire. Francois Villon từng là tù nhân ở đây.” Rồi y khẽ ngâm: Ayez pitié, ayez pitié de moi... Hãy rủ lòng thương, hãy rủ lòng thương tôi... Đúng là một tội phạm có học. Tự tin và có ẩn ý giáo huấn. Corso không biết điều này khiến cho tình hình tốt lên hay xấu đi. Song một câu nói đã thoáng hiện trong đầu từ lúc gã bước trên hành lang: Nếu mất tất cả, còn có thể nhảy xuống sông. Nhưng gã chẳng thấy cầu dừa này có gì hài hước.

Đường đi lúc này lại vòng cao lên dưới mái vòm nước rỏ giọt. Hai con mắt chuột long lánh cuối hành lang, con vật kêu lên một tiếng trước khi biến mất. Lối đi dẫn vào một phòng hình tròn, có một cây cột to ở giữa,

trên đó là những khung nhọn đỡ lấy vòm trần.

“Hầm mộ,” Rochefort vừa nói vừa lia đèn pin xung quanh. Y đã trở nên nhiều lời. “Thế kỷ mười hai. Đàn bà trẻ con trốn dưới này khi tòa thành bị tấn công.”

Hết sức thú vị. Nhưng Corso chẳng có tâm trí đâu mà thưởng thức những thông tin do người hướng dẫn kỳ dị cung cấp. Gã khẩn trương và cảnh giác, chờ đợi thời điểm thích hợp. Bây giờ họ đang leo lên một cầu thang xoáy, cơn bão vẫn chóp lên ùng oàng bên ngoài bức tường thành, len lỏi vào trong qua những cửa sổ trượt.

“Chỉ còn vài mét nữa là tới,” Rochefort nói từ phía sau bên dưới. Có vẻ như y đã hoàn toàn hòa hoãn. Cây đèn pin rọi sáng giữa hai chân Corso. “Bây giờ công việc hầu như đã kết thúc,” y nói thêm, “tôi phải nói với ông mấy câu. Dù là gì đi nữa, ông đã làm tốt. Bằng chứng là ông đã đến tận đây... Hy vọng ông không quá coi trọng những việc xảy ra bên sông Seine và ở khách sạn Crillon. Chỉ là rủi ro nghề nghiệp thôi.”

Y không nói nghề nghiệp gì, nhưng không thành vấn đề. Corso chợt xoay người lại rồi dừng bước, giống như để trả lời và hỏi y một câu. Cử động đó không gây nên chút nghi ngờ nào, vì vậy Rochefort không phản ứng gì và không hề chuẩn bị khi Corso cùng lúc nhào lên người y, hai tay hai chân gã chống vào tường nên không bị trượt xuống thang. Tình hình có khác với Rochefort - bậc thang hẹp, tường trơn và không có chỗ vịn, hơn nữa y không đề phòng. Chiếc đèn pin lún lôm lổm trên những bậc thang, nhờ một phép màu nào đó vẫn còn hoạt động được, chiếu sáng trong khoảnh khắc sự việc xảy ra lúc ấy: Rochefort rơi xuống, mắt mở trừng trừng, nét mặt sững sờ, tay vung loạn xạ cố chộp lấy thứ gì đó, cái mũ của y lún xuống cho đến khi dừng lại trên một bậc thang... Rồi từ sáu hay bảy mét bên dưới, có một thanh âm uất nghẹn, gì đó nghe như “thịch” hay “bịch”. Corso, vẫn bầu chặt vào tường bằng cả tay lẫn chân nhờ vậy mà không theo dõi thủ trong hành trình khó chịu đó, lúc này lập tức hành động. Trái tim đập điên cuồng khi gã nhảy ba bước một xuống thang. Giữa chừng gã dừng lại nhặt chiếc đèn pin. Rochefort nằm tận dưới cùng, cuộn tròn như quả bóng, khẽ cựa quậy đau đớn.

“Rủi ro nghề nghiệp,” Corso nói rồi rọi đèn vào mặt mình để Rochefort nằm trên sàn nhìn thấy nụ cười thân thiện. Rồi gã đá vào đầu y và nghe tiếng nó đập mạnh vào bậc thang dưới cùng. Gã lại giơ chân chực đá lần nữa cho chắc, nhưng liền thấy là không cần nữa: Rochefort nằm há mồm, một dòng máu từ lỗ tai chảy ra. Corso cúi xuống để xem y còn thở không thì thấy là còn. Rồi gã cởi áo mưa của y lục lọi các túi áo. Gã lấy ra con dao xép, một cái ví đầy tiền, một thẻ căn cước Pháp và tập bản thảo Dumas. Gã giắt tập bản thảo dưới áo khoác, giữa thắt lưng và sơ mi. Sau đó gã chiếu đèn lên khoang cầu thang và lại đi lên, lần này đến tận cùng, nơi có một chiếu nghỉ và một cánh cửa với những bản lề sắt dày và những đầu đinh hình lục giác. Một vệt sáng lọt ra từ khe cửa bên dưới. Gã đứng im ở đó ba mươi giây, cố lấy lại hơi thở và giảm bớt nhịp tim. Lời giải cho điều bí ẩn nằm bên kia cánh cửa, và gã chuẩn bị đối mặt nó với hàm răng nghiền chặt, một tay cầm đèn pin, tay kia cầm con dao của Rochefort được bật ra với tiếng cách dây dọ dầm.

Tay cầm dao, tóc rối bởi bết nước, mắt sáng rực vì quyết tâm giết người - đó là hình ảnh tôi thấy khi Corso tiến vào thư viện.

32. Chương 15 - Phần 1

XV. CORSO VÀ RICHELIEU

Và tôi, người đã sáng tác một truyện ngắn về hắn, đã hoàn toàn lầm lẫn.

Souvestre và Allain, FANTOMAS.

Đã đến lúc tiết lộ người kể truyện. Trung thành với truyền thống trong đó người đọc tiểu thuyết ly kỳ huyền bí chỉ được sở hữu những thông tin giống như nhân vật chính, tôi chỉ tường thuật những sự kiện từ góc nhìn của Corso, ngoại trừ hai trường hợp: chương một và chương năm của câu chuyện này, khi tôi không có cách nào hơn là phải tự mình xuất hiện. Trong hai lần đó, cũng như lần thứ ba và là lần cuối cùng này, tôi dùng ngôi thứ nhất cho nhất quán. Sẽ là ngớ ngẩn khi dừng đại từ “hắn” để gọi chính tôi, đó là một trò quảng

cáo âm ỉ ắt hẳn mang lại một phần lời lãi cho Julius Ceasar trong chiến dịch Gaul[1], nhưng rồi sẽ bị phán xét, trong trường hợp tôi, như là trò thông thái rởm không tha thứ được, mà thế là phải. Lại còn một lý do nữa lênh lạch và bệnh hoạn hơn: kể lại câu chuyện như thế tôi là bác sĩ Sheppard[2] nói với Poirot, tôi thấy đó là một mẹo nếu như không khéo léo (hiện giờ ai cũng làm chuyện đó) thì cũng là thú vị vui vui. Nói cho cùng thì người ta viết văn cho vui hay vì kích động, hoặc vì tự yêu mình, hoặc để làm cho người khác yêu mình. Tôi viết là do một vài lý do trong các lý do ấy. Theo Eugène Sue, những kẻ ác trọn vẹn (nếu các vị cho phép tôi dùng cách diễn đạt của người này) là một thứ xưa nay hiếm. Đây là giả sử - và thật quá đáng khi giả sử - rằng tôi là một kẻ ác.

[1] Gaul: tên gọi xưa của vùng Tây Âu gồm Pháp, Luxembourg, Bỉ, Tây Bắc Ý, hầu hết Thụy Sĩ, một phần Hà Lan và Đức hiện nay, từng bị Ceasar chinh phục.

[2] Bác sĩ Sheppard: người kể chuyện và cũng là hung thủ trong Vụ sát hại Roger Ackroyd của Agatha Christie.

Sự thật là tôi, dưới cái tên Boris Balkan, có mặt ở đó trong thư viện để chờ đợi người khách của chúng ta. Corso đột ngột bước vào, tay cầm dao, mắt lóe ánh hận thù. Tôi để ý không thấy gã có người hộ tống, điều này khiến tôi hơi lo lắng, mặc dù ngoài mặt vẫn bình thản. Mặt khác tôi đã bố trí sân khấu hoàn hảo: thư viện chìm trong bóng tối, giá nến tỏa sáng trên bàn trước mặt, trong tay tôi là cuốn Ba người lính ngự lâm... Thậm chí tôi mặc một chiếc áo jacket nhung đỏ - hẳn điều này có vẻ hoàn toàn trùng hợp đối với Corso, nhưng trên thực tế chẳng trùng hợp gì ở đây cả - rõ ràng gợi nhớ tới cái áo choàng đỏ tía của hồng y giáo chủ.

Lợi thế rõ rệt của tôi là tôi đang chờ gã, có hay không có người hộ tống, còn gã thì không ngờ sẽ gặp tôi. Tôi là bất ngờ lớn nhất đối với gã. Con dao trong tay cùng ánh mắt đe dọa của gã khiến tôi không an tâm, vì vậy tôi quyết định nói ngay để ngăn chặn gã hành động.

“Xin có lời khen,” tôi vừa nói vừa gấp cuốn sách lại như thể việc gã đến ngăn cản tôi đọc. “Ông đã chơi được tới cùng.”

Gã đứng nhìn tôi chằm chằm từ phía bên kia phòng, và phải nói rằng tôi rất buồn cười vì sự ngỡ ngàng của gã.

“Trò chơi?” gã miễn cưỡng hỏi bằng giọng khàn khàn.

“Phải, trò chơi. Hồi hộp, bất ngờ, kỹ năng cao siêu... Khả năng hành động độc lập mà vẫn tuân theo luật chơi, như thể tự thân nó là mục đích. Cảm giác căng thẳng và niềm vui thú khác hẳn đời thường...” Đây không phải là lời lẽ của chính tôi, nhưng Corso có thể sẽ không biết. “Ông có nghĩ đó là một định nghĩa đầy đủ không? Trong cuốn sách thứ hai của Samuel có nói: ‘Hãy để những người trẻ tuổi xuất hiện và chơi trước chúng ta’. Trẻ em là người chơi và là độc giả tuyệt vời: chúng làm mọi việc với thái độ cực kỳ nghiêm túc. Về bản chất, trò chơi là hoạt động nghiêm túc phổ biến duy nhất. Không có chỗ cho hoài nghi trong đó, đồng ý không? Mặc dù ông có thể nghi ngờ, nhưng nếu ông muốn chơi, ông không có cách nào khác ngoài tuân theo luật. Chỉ có những người tôn trọng luật, hoặc ít nhất là nắm được và áp dụng chúng, mới có thể chiến thắng. Đọc một cuốn sách cũng vậy: phải chấp nhận cốt truyện và nhân vật thì mới vui với các tình tiết được.” Tôi dừng lại, tin rằng ngần ấy lời lẽ của mình đủ để xoa dịu tình hình. “Nhân tiện xin hỏi, vì ông không thể tự mình tới đây. Hẳn đâu?”

“Rochefort ư?” Corso nhăn mặt khó chịu. “Hắn gặp tai nạn.”

“Ông gọi hắn là Rochefort, đúng không? Thật thú vị và thích hợp. Tôi thấy ông đã chơi đúng luật. Không biết tại sao điều đó lại khiến tôi ngạc nhiên.”

Corso đả tôi một nụ cười khá yếu ớt. “Nhất định là hắn có vẻ ngạc nhiên vào lần cuối cùng tôi trông thấy hắn.”

“Xem chừng đáng ngại đấy.” Tôi cười lạnh, dù thực ra đang lo lắng. “Hy vọng không có gì nghiêm trọng.”

“Hắn ngã cầu thang.”

“Cái gì?”

“Ông nghe thấy rồi đấy. Nhưng đừng lo. Thủ hạ của ông vẫn còn thở khi tôi để hấn lại đó.”

“Ồn chúa.” Tôi gượng cười để che giấu tâm trạng bất an. Chuyện này xảy ra ngoài dự đoán của tôi. “VẬY có nghĩa là ông đã chơi một trò lừa đảo nho nhỏ, đúng không? Hay lắm,” tôi nói, dang tay về hào hiệp, “đừng lo lắng chuyện đó nữa.”

“Tôi không sao. Ông mới là người cần lo.”

Tôi làm bộ không nghe thấy câu đó. “Điều quan trọng là ông đã tới,” tôi tiếp tục, mặc dù vừa rồi chính tôi đã đi lạc đề. “Về lừa đảo, ông có những bậc tiền bối lừng danh. Theseus thoát khỏi mê cung nhờ sợi tơ của Adriane, Jason trộm được bộ long cừu vàng do có Medea giúp... Anh em nhà Kaurava dùng mưu gian để chiến thắng trò chơi xúc xắc trong Mahabharata, và quân Achaean đánh bại thành Troie bằng cách kéo con ngựa gỗ. Lương tâm ông không có gì phải áy náy.”

“Cảm ơn, nhưng lương tâm tôi là chuyện của tôi.”

Gã lấy trong túi ra bức thư gấp tư của Milady quăng lên bàn. Tôi lập tức nhận ra nét chữ của mình, với những chữ viết hoa điệu đà. Do lệnh của ta và lợi ích quốc gia, người cầm giấy này...

“Ít nhất cũng nên hy vọng là trò chơi vui vẻ,” tôi nói, đưa tờ giấy vào ngọn nến.

“Đôi lúc.”

“Tôi rất mừng.” Tôi thả bức thư vào cái gạt tàn và cùng gã xem nó cháy. “Trong văn học, người đọc thông minh thậm chí có thể vui với một mưu mô nhằm biến mình thành nạn nhân. Tôi tin rằng vui vẻ là một lý do tuyệt vời để tham gia trò chơi. Hoặc để đọc hay viết một câu chuyện.”

Tôi đứng lên, cầm cuốn Ba người lính ngự lâm đi quanh phòng, vừa đi vừa kín đáo liếc đồng hồ treo tường. Còn hai mươi phút nữa mới tới mười hai giờ. Những gáy sách cổ mạ vàng lấp lánh thành hàng lối trên giá. Tôi nhìn chúng một lúc như quên cả Corso, rồi quay lại phía gã.

“Chúng đấy.” Tôi khua tay bao quát cả thư viện. “Chúng lặng lẽ nói chuyện với nhau. Chúng liên lạc thông qua tác giả, giống như quả trứng lợi dụng con gà mái để cho ra quả trứng khác.”

Tôi đặt Ba người lính ngự lâm về chỗ cũ trên giá sách. Dumas nằm trong vòng tay các bạn: giữa Los Pardellanes của Zevaco và Kỵ sĩ áo vàng của Lucas de René. Vì còn thời gian trống, tôi mở trang đầu của cuốn Kỵ sĩ ra đọc to:

Khi Saint Germain l’Auxerrois gõ chuông mười hai giờ, ba kỵ sĩ lao xuống phố Rue des Astruces, khoác áo choàng không tay, trông chắc khỏe như dáng đi của những con ngựa mà họ cưỡi.

“Những dòng đầu tiên,” tôi nói. “Luôn là những dòng đầu tiên kỳ lạ ấy. Ông có nhớ cuộc trò chuyện của chúng ta về Scaramouche không? Anh ta sinh ra đã được ban sẵn tiếng cười... Một số câu mở đầu để lại dấu vết suốt đời, đồng ý không? Tôi hát về loài người và vũ khí. Ông đã bao giờ chơi trò này với người ông tin tưởng chưa? Một chàng trai khiêm nhường dẫn bước giữa mùa hè, hay một câu khác, Suốt một thời gian dài tôi thường đi ngủ sớm. Và đương nhiên Ngày 15 tháng Năm 1796, tướng Bonaparte tiến vào Milan.”

Corso nhả mặt.

“Ông quên mất cái câu đã mang tôi đến đây: Ngày thứ Hai đầu tiên của tháng Tư, thị trấn Meung, nơi sinh của tác giả Câu chuyện Hoa Hồng, vô cùng hỗn loạn.”

“Quả vậy, chương một,” tôi nói. “Ông đã làm rất tốt.”

“Đó là điều Rochefort nói trước khi hấn ngã xuống cầu thang.”

Một hồi im lặng, cho đến khi nó bị phá vỡ bởi tiếng chuông đồng hồ báo còn mười lăm phút nữa đến nửa đêm. Corso trở vào mặt đồng hồ, “Mười lăm phút nữa, Balkan.”

“Phải,” tôi nói. Người này trực giác quá nhạy bén. “Mười lăm phút nữa là ngày thứ Hai đầu tiên của tháng Tư.”

Tôi đặt Kỵ sĩ áo vàng lên giá sách và tiếp tục đi đi lại lại. Corso đứng nhìn tôi, tay cầm dao.

“Ông có thể bỏ nó đi,” tôi mạo hiểm nói.

Gã do dự một thoáng trước khi gấp lưỡi dao lại bỏ vào túi, mắt vẫn nhìn tôi không chớp. Tôi cười tán thưởng và lại chỉ thư viện.

“Bên một cuốn sách người ta không bao giờ cô đơn, đồng ý không?” tôi nói, bắt đầu trở nên ham chuyện. “Mỗi trang sách nhắc tới một ngày đã qua và khiến ta sống lại những cảm xúc tràn đầy ngày hôm ấy. Những giây phút hạnh phúc được gạch chân chì đỏ, những lúc đau khổ bằng chì đen... Ta ở đâu khi đó? Ông hoàng nào coi ta là bạn, người hành khất nào coi ta như anh em?” Tôi do dự, tìm một câu khác để diễn đạt trọn ý.

“Đồ chó đẻ nào coi ông là bạn thân?” Corso gợi ý.

Tôi nhìn gã trách móc. Gã khó ưa này cứ nhất định làm cho người ta ngạt thở. “Đừng khó chịu thế.”

“Tôi sẽ làm chuyện tôi thích. Thưa đức ông.”

“Tôi nhận ra có sự chế nhạo,” tôi nói, cảm thấy bị xúc phạm. “Từ đó tôi suy ra rằng ông đã sẵn thành kiến, ông Corso. Chính Dumas biến Richelieu vốn không ác ra thành ác và xuyên tạc thực tế để thủ lợi văn học. Tôi nghĩ tôi đã giải thích điều đó lần trước ta gặp nhau tại quán cà phê ở Madrid rồi.”

“Thủ đoạn bẩn thỉu,” Corso nói, không rõ gã ám chỉ ai, Dumas hay tôi.

Tôi lập tức giơ một ngón tay lên sẵn sàng biện hộ. “Một thủ đoạn chính đáng,” tôi phản đối, “có được là nhờ cảm thụ sự khôn lỏi và thiên tài của nhà tiểu thuyết vĩ đại nhất từng sống ở trên đời. Và...” Tôi cười cay đắng. “Sainte-Beuve tôn trọng nhưng không thừa nhận ông ấy là nhà văn chân chính. Bạn ông, Victor Hugo khen ngợi ông về khả năng sáng tạo hành động kịch, nhưng chỉ thế thôi. May mắn, dài dòng, họ nói. Chẳng có mấy phong cách. Họ kết tội ông không chịu đào sâu vào những lo âu khắc khoải của con người, thiếu tinh tế... Thiếu tinh tế!” Tôi đưa tay vuốt ve tập Ba người lính ngự lâm xếp trên giá. “Tôi đồng ý với bố già tốt bụng Stevenson của chúng ta - không có bài tụng ca dành cho tình bạn nào dài như thế, nhiều sự kiện và đẹp đến thế. Trong Hai mươi năm sau, khi các nhân vật chính lại xuất hiện, lúc đầu họ nhìn nhau lạnh lùng. Bấy giờ họ đã là những người đàn ông ở độ tuổi chín mươi, ích kỷ, đầy những vụn vặt đời thường. Thậm chí họ thuộc về những cánh đối lập. Aramis và d'Artagnan đối trá và lén lút. Porthos sợ bị hỏi xin tiền... Khi đồng ý gặp nhau ở Cung điện hoàng gia, họ mang theo vũ khí và suýt thì choảng nhau. Và ở nước Anh, khi cả bọn gặp nguy hiểm vì sự khinh suất của Athos, d'Artagnan đã từ chối bắt tay chàng ta. Trong Tử tước Bragelonne, dưới cái mặt nạ sắt bí ẩn, Aramis và Porthos chống lại các chiến hữu cũ. Chuyện này xảy ra vì họ vẫn đang sống, vì họ là con người, đầy những mâu thuẫn. Nhưng vào thời khắc quyết định, tình bạn luôn chiến thắng. Tình bạn quả là vĩ đại! Ông có bạn không, Corso?”

“Câu hỏi hay đấy.”

“Với tôi, Porthos trong hang động ở Locmaria luôn luôn là hiện thân của tình bạn: gã khổng lồ chiến đấu dưới tảng đá để bảo vệ các bạn... Ông có nhớ cuối cùng hắn nói gì không?”

“Nặng quá?”

“Chính xác!”

Thú thực là lúc này tôi cảm thấy gần như xúc động. Giống như một người trẻ tuổi ở trong đám khói thuốc bay ra từ cái tàu do thuyền trưởng Marlow^[3] mô tả, Corso là người trong đám bọn tôi. Nhưng gã cũng là kẻ cay nghiệt ương bướng, dứt khoát không chịu có cảm xúc.

[3] Thuyền trưởng Marlow: nhân vật chính trong tiểu thuyết Heart of Darkness của Joseph Conrad (1857 - 1924).

“Ông là bồ của Liana Taillefer,” gã hỏi.

“Phải,” tôi thừa nhận, miễn cưỡng gạt những ý nghĩ về gã Porthos tử tế sang một bên. “Cô ấy chẳng phải là người đàn bà tuyệt vời sao? Với những nỗi ám ảnh kỳ lạ của chính mình... Đẹp và trung thành, giống như Milady trong truyện. Thật lạ. Có những nhân vật văn học có cuộc sống riêng, gần gũi với hàng triệu người chẳng bao giờ đọc những cuốn sách trong đó họ xuất hiện. Trong văn học Anh có ba nhân vật: Sherlock

Holmes, Romeo, Robinson Crusoe. Tây Ban Nha có hai: Don Quijote và Don Juan. Và Pháp có một: d'Artagnan. Nhưng ông biết rằng tôi...”

“Đừng lạc đề, Balkan.”

“Đâu có. Tôi chuẩn bị thêm một cái tên Milady vào cho d'Artagnan. Một phụ nữ đặc biệt. Giống như Liana, theo cách của cô ta. Chồng cô ta chẳng đời nào sánh bằng.”

“Ông định nói Athos?”

“Không, tôi muốn nói tới lão già khốn khổ Enrique Taillefer.”

“Đó là lý do ông giết hắn?”

Sự ngỡ ngàng của tôi hẳn có vẻ thành thật. Nó đúng là thật. “Enrique Taillefer bị giết ư? Đừng lộ bịch. Lão tự treo cổ. Lão tự tử. Tôi hình dung là, với cách nhìn đời của lão, có lẽ lão nghĩ đây là một hành động anh hùng. Hết sức đáng tiếc.”

“Tôi không tin.”

“Tùy ông. Nhưng cái chết của lão là điểm khởi động cho cả câu chuyện này và gián tiếp là nguyên nhân khiến ông có mặt ở đây.”

“Vậy hãy giải thích đi. Từ từ và rõ ràng.”

Đương nhiên là gã đáng được giải thích. Như tôi đã nói, Corso là một người trong bọn tôi, mặc dù tự gã không biết. Và dù sao đi nữa - tôi nhìn đồng hồ - sắp mười hai giờ rồi.

“Ông có mang theo Rượu vang Anjou không?”

Gã nhìn tôi đề phòng, thử đoán tôi định làm gì. Rồi gã nhượng bộ. Một cách miễn cưỡng, gã lôi tập bản thảo từ trong áo khoác ra, rồi lại cất đi.

“Hay lắm,” tôi nói. “Giờ thì theo tôi.”

Chắc gã nghĩ đến một lối đi bí mật trong thư viện, một thứ bẫy rập quỷ quái nào đấy. Tôi thấy gã cho tay vào túi tìm con dao.

“Ông sẽ không cần cái ấy đâu,” tôi trấn an gã.

Gã không bị thuyết phục, nhưng không nói gì cả. Tôi giơ cao cây nến và chúng tôi đi xuống theo hành lang kiểu Louis XIII. Một tấm thảm thêu tuyệt đẹp treo trên tường: Ulysses tay cầm cung vừa trở về từ Ithaca, Pénélope và con chó hoan hỉ, những kẻ theo đuổi nàng uống rượu ở hậu cảnh, không hay biết điều gì đang chờ đợi họ.

“Đây là một lâu đài cổ, đầy ắp lịch sử,” tôi nói. “Từng bị người Anh, người của giáo phái Calvin và người cách mạng cướp đoạt. Thậm chí trong chiến tranh người Đức còn đặt sở chỉ huy ở đây. Khi tới tay người chủ hiện nay - một triệu phú người Anh, một con người thú vị và thanh lịch - thì nó đã tàn tạ lắm rồi. Ông ta cho phục chế và trang trí lại theo thị hiếu riêng tình tế hơn người. Thậm chí ông ta còn đồng ý mở cửa cho dân chúng tham quan.”

“Vậy ông làm gì ở đây ngoài những giờ tham quan?”

Ngang qua một cửa sổ kính màu trang trí, tôi liếc nhìn ra. Con bão cuối cùng cũng đang dịu đi, những ánh chớp lập lờ lùi quá về phía Bắc, bên kia sông Loire.

“Một ngoại lệ chỉ xảy ra mỗi năm một lần,” tôi giải thích. “Nói gì thì nói, Meung là một chốn đặc biệt. Một tiểu thuyết như Ba người lính ngự lâm không thể tùy tiện bắt đầu ở bất cứ chỗ nào.”

Sàn gỗ cọt kẹt dưới chân chúng tôi. Một bộ áo giáo, đồ thật thế kỷ mười sáu, đứng ở một góc hành lang. Ánh nến phản chiếu trên bề mặt trơn bóng của nó. Khi đi qua đó, Corso liếc nhìn như thể ai đó nấp ở bên trong.

“Tôi sẽ kể cho ông một câu chuyện. Nó bắt đầu từ mười năm trước,” tôi nói. “Trong một cuộc đấu giá ở Paris, có rất nhiều tài liệu không rõ nguồn gốc. Tôi đang viết một cuốn sách về tiểu thuyết nổi tiếng thế kỷ

mười chín ở Pháp, và hoàn toàn tình cờ, những gói giấy bụi bặm rơi vào tay tôi. Khi xem xét kỹ, tôi thấy chúng là hồ sơ lưu trữ của Le Siècle. Hầu hết là những bản in không mấy giá trị nhưng một kiện hàng chứa những tờ giấy xanh và trắng khiến tôi chú ý. Đó là những văn bản gốc viết tay của Dumas và Maquet, Ba người lính ngự lâm. Toàn bộ sáu mươi bảy chương, đúng như khi chúng được gửi tới nhà in. Ai đó, có thể là Baudry, biên tập viên nhà in, đã giữ chúng lại xong khi làm xong bản in thử, rồi sau đó quên băng đi...”

Tôi bước chậm rồi dừng lại giữa hành lang. Corso vẫn im lặng, ánh nền từ phía dưới chiếu sáng khuôn mặt gã, tạo thành những bóng đen nhảy múa trong hốc mắt gã. Gã chăm chú nghe câu chuyện của tôi, tựa như không nhận thức bất kỳ thứ gì khác. Giải thích được điều bí ẩn đưa gã tới đây là điều duy nhất có ý nghĩa đối với gã. Nhưng tay gã vẫn đặt lên con dao trong túi quần.

“Phát hiện của tôi,” tôi vờ như không biết, tiếp tục nói, “là hết sức quan trọng. Ta chỉ biết một ít đoạn rời trong bản thảo gốc qua những ghi chép và tài liệu của Dumas và Maquet, nhưng không biết đến sự tồn tại của toàn bộ bản thảo. Lúc đầu tôi định xuất bản khám phá của mình dưới dạng bản facsimile có chú giải. Nhưng rồi tôi đụng phải một chuyện rất khó xử thuộc phạm trù đạo đức.”

Những vệt sáng và tối biến hóa trên mặt Corso, và một vạch đen thẫm cắt ngang miệng gã. Gã cười. “Tôi không tin. Sau bấy nhiêu chuyện mà lại vẫn còn một chuyện nan giải về đạo đức.”

Tôi dịch chuyển ngọn nến để khỏi trông thấy nụ cười ngờ vực của gã, nhưng không được.

“Tôi hoàn toàn nghiêm túc,” tôi phản kháng khi cả hai tiếp tục đi. “Khi xem kỹ bản thảo, tôi kết luận rằng người thực sự sáng tác câu chuyện là Anguste Maquet. Ông này đã thực hiện toàn bộ nghiên cứu và phác ra những nét lớn của cuốn truyện. Với tài năng lớn của mình, thiên tài của mình, Dumas đã truyền sức sống vào chất liệu thô và biến nó thành kiệt tác. Mặc dù đối với tôi là rõ ràng, điều này có lẽ có lẽ không hiển nhiên như vậy đối với những người vẫn cứ đòi hạ thấp tác giả và tác phẩm của ông.” Tôi khua bàn tay còn rãnh như thể gạt tất cả bọn họ sang một bên. “Tôi không định ném đá vào người hùng của mình. Đặc biệt là ở thời buổi nhạt nhèo, vô vị hiện giờ... khi mà khán giả nhà hát và độc giả truyện nhiều kỳ, cũng như mọi người nói chung, không còn mê mẩn vì những điều kỳ diệu nữa. Người ta thoải mái la ó kẻ xấu và cổ vũ người hùng.” Tôi lắc đầu buồn bã. “Tiếng vỗ tay hoan hô như vậy đáng tiếc là không còn nghe thấy nữa. Nó đã trở thành sở hữu riêng của những kẻ ngây thơ và trẻ em.”

Corso lắng nghe với vẻ mặt xắc xược và nhạo báng. Có thể gã đồng ý với tôi, nhưng loại người hận đời như gã không chấp nhận để lời giải thích mang lại cho tôi bất cứ bằng chứng ngạo phạm mang tính đạo đức nào.

“Nói ngắn gọn,” gã nói, “thì ông định hủy đi tập bản thảo.”

Tôi cười tự mãn. Gã đang tỏ ra quá khôn ngoan.

“Đừng lo bịch thế. Tôi định làm chuyện hay hơn: biến giấc mơ thành sự thực.”

Chúng tôi dừng trước cánh cửa dẫn vào phòng tiếp tân. Từ bên trong vọng ra âm thanh giòn ghẹt của âm nhạc và tiếng người trò chuyện. Tôi đặt ngọn nến lên một cái bàn chân quỳ, Corso nhìn tôi, lại bắt đầu nghi ngờ. Có lẽ gã đang tự hỏi trong đó giấu giếm âm mưu gì khác. Tôi nhận ra là gã không hiểu chúng tôi đã chạm tay vào lời giải cho điều bí ẩn.

“Cho phép tôi giới thiệu với ông,” tôi mở cánh cửa và nói, “với các thành viên Câu lạc bộ Dumas.”

Hầu như tất cả mọi người đều có mặt ở đó. Thông qua ô cửa sổ kiểu Pháp mở ra sân thượng của lâu đài, những người khách đến muộn tiến vào căn phòng đầy người, đầy khói thuốc, đầy những tiếng thì thầm trong nền nhạc êm dịu. Trên cái bàn phủ khăn trắng giữa phòng là các món tiệc buýp phê nguội: những chai vang Anjou, xúc xích và giăm bông Amiens, sò La Pochelle, những hộp xì gà Montecristo. Từng nhóm khách, chừng năm mười người cả đàn ông và đàn bà, uống rượu và trò chuyện bằng vài thứ tiếng. Trong số đó có nhiều khuôn mặt nổi tiếng của báo giới, điện ảnh, truyền hình. Tôi thấy Corso đưa tay sờ cặp kính.

“Ngạc nhiên chứ?” tôi hỏi và chờ phản ứng của gã.

Gã gật đầu, bối rối, bực bội. Vài người khách bước lại chào hỏi tôi, tôi bắt tay, trao đổi vài câu bông đùa và lời nhã nhặn. Bầu không khí thân mật. Corso trông như vừa tỉnh dậy vì ngã từ trên giường xuống đất.

Rất hứng chí, tôi giới thiệu gã với vài vị khách rồi hã hê khoái trá quan sát gã chào hỏi bọn họ, lúng túng và mất tự tin trong lĩnh vực xa lạ này. Thái độ điềm tĩnh ngày thường của gã biến mất, đây là một chút báo thù nho nhỏ cho tôi. Nói cho cùng thì chính gã đến với tôi đầu tiên, với Rượu vang Anjou cấp nách, quyết tâm làm cho mọi chuyện thêm rắc rối.

“Cho phép tôi giới thiệu Mr. Corso... Bruno Lostia, nhà buôn đồ cổ ở Milan. Cho phép tôi. Đây là Thomas Harvey, chủ hàng Châu báu Harvey: New York, London, Paris, Rome. Và bá tước Von Schlossberg, chủ nhân bộ sưu tập tranh nổi tiếng nhất châu Âu. Ông thấy đấy, ở đây mỗi thứ tôi đều có tí ti: một người Venezuela đoạt giải Nobel, một cựu tổng thống Argentina, thái tử Maroc... Ông có biết cha ông ta là độc giả cuồng nhiệt của Alexandre Dumas không? Xem ai kìa. Ông biết người ấy đúng không? Giáo sư ký hiệu học ở Bologna... Quý bà tóc vàng đang nói chuyện với ông ta là Petra Neustadt, nhà phê bình văn học có ảnh hưởng nhất ở Trung Âu. Trong nhóm người bên cạnh nữ công tước Alba có nhà tài phiệt Rudolf Villefoz và nhà văn Anh Harold Burgess. Amaya Euskal, thuộc tập đoàn truyền thông Alpha, cùng ông chủ báo quyền lực nhất nước Mỹ, Johan Cross, chủ nhân của O&O Papers, New York. Và tôi nghĩ rằng ông vẫn nhớ Achille Replinger, nhà buôn sách ở Paris.”

Đó là giọt nước làm tràn ly. Tôi nhìn nét mặt bàng hoàng của Corso, gần như cảm thấy thương hại gã. Replinger cầm một cái ly trống cười vui vẻ dưới hàng râu lính ngự lâm, đúng như khi hắn xem xét bản thảo Dumas ở cửa hàng của hắn trên phố Bonaparte. Hắn chào đón tôi với cái ôm của một chú gấu khổng lồ và nhiệt tình vỗ vào lưng Corso trước khi biến đi kiếm một ly khác nữa, thở phì phì y như gã Porthos mặt đỏ vui tính.

“Quý tha ma bắt,” Corso thì thầm rồi kéo tôi sang một bên. “Chuyện gì xảy ra ở đây vậy?”

“Tôi đã bảo là chuyện dài mà.”

“Vậy thì kể hết đi, được chứ?”

33. Chương 15 - Phần 2

Bọn tôi đã tới gần cái bàn. Tôi rót rượu vang cho cả hai, nhưng gã lắc đầu. “Gin,” gã nói khẽ. “Các ông có gin không?”

Tôi chỉ cái tủ rượu phía bên kia buồng. Bọn tôi đi sang đó, trên đường đi phải dừng lại ba hay bốn lần để chào hỏi: một đạo diễn phim lừng danh, một triệu phú Libăng, bộ trưởng nội vụ Tây Ban Nha... Corso túm lấy chai Beefeater rót một ly đầy đến miệng rồi dốc một nửa vào mồm. Gã rùng mình, hai mắt rục lên dưới cặp kính (một mắt vỡ một mắt còn). Gã giữ chặt cái chai trước ngực như sợ mất.

“Ông sắp kể cho tôi,” gã nói.

Tôi đề nghị ra chỗ sân bên ngoài ô cửa sổ kiểu Pháp nói chuyện để khỏi bị quấy rầy. Corso rót đầy cốc trước khi đi theo tôi. Cơn bão đã tạnh. Những ngôi sao lấp lánh trên đầu.

“Tôi nghe,” gã tuyên bố sau khi làm thêm một ngụm lớn.

Tôi cúi mình trên lan can vẫn còn ẩm ướt và tợp một ngụm vang Anjou.

“Sở hữu bản thảo Ba người lính ngự lâm khiến tôi nảy ra một ý định,” tôi nói. “Tại sao lại không thành lập một hội văn học, theo kiểu một câu lạc bộ dành cho những người hâm mộ tiểu thuyết của Alexandra Dumas và những truyện phiêu lưu nhiều kỳ cổ điển? Qua công việc của mình tôi đã sẵn có tiếp xúc với một số ứng viên lý tưởng để làm thành viên...” Tôi vung tay về phía phòng khách sáng rực. Bên kia khung cửa sổ kiểu Pháp cao, khách khứa đi đi lại lại, chuyện trò náo nhiệt. Đó là bằng chứng thành công của tôi, và tôi không giấu niềm tự hào là người sáng tạo nó. “Một hội lập ra vì mục đích nghiên cứu những tiểu thuyết thuộc loại đó, tìm lại những nhà văn và tác phẩm bị bỏ quên, xúc tiến việc tái bản và bán sách dưới cái tên có lẽ ông không lạ gì: Dumas & Co.”

“Tôi biết,” Corso nói. Nó có cơ sở ở Paris và vừa xuất bản toàn bộ tác phẩm của Ponson du Terrail. Năm ngoài là Flantomas. Không ngờ ông có phần trong đó.”

Tôi cười. “Quy luật là: không tên tuổi, không vai trò nổi bật... Ông sẽ thấy, vấn đề mang tính uyên bác và đồng thời là sự ngây thơ trẻ con. Trò chơi hoài niệm văn chương sưu tầm lại những tiểu thuyết thất lạc từ lâu, nó đưa chúng tôi về lại với sự trong trắng của mình, về lại với bản tính thật mình từng có. Khi trưởng thành, bọn tôi ngưỡng mộ Flaubert hay thích Stendhal, hoặc Faulkner, Lampedusa, García Marquez, Durrell, Kafka. Bọn tôi trở nên khác nhau, thậm chí còn trở thành đối lập nhau. Nhưng tất cả bọn tôi chia sẻ một khoảnh khắc thông đồng bí mật khi nói về những tác giả và những cuốn sách kỳ diệu. Những thứ khiến ta khám phá văn học mà không buộc ta phải oằn mình dưới những giáo điều hay dạy ta những luật lệ phải tuân theo. Đây là di sản chung mà bọn tôi thực sự thừa kế: những câu chuyện trung thành với điều người ta mơ chứ không phải với điều người ta thấy.”

Tôi để bài nói lửng lơ và ngừng lại, chờ đợi hiệu quả của nó. Nhưng Corso nhắc kính lên nhìn ra chỗ sáng. Đó là lĩnh vực quen thuộc của gã.

“Đấy là trước đây,” gã trả lời. “Nay thì trẻ con lẫn đám thanh niên, chẳng đứa nào thừa kế di sản tinh thần. Tất cả bọn chúng đều xem tivi.”

Tôi lắc đầu. Tôi đã viết một bài về chính chủ đề này cho phụ trương văn học của báo ABC mấy tuần trước. “Tôi không đồng ý. Ngay cả như vậy, bọn chúng vẫn đang đi trên bước chân người xưa dù tự chúng không biết. Phim hay truyền hình, chẳng hạn thế, đều duy trì những mối liên hệ. Những phim ảnh ngày xưa. Thậm chí Indiana Jones cũng là con cháu trực hệ của những thứ đó.”

Corso nhăn mặt hướng về cái cửa sổ kiểu Pháp. “Có thể. Nhưng ông đang kể về những người này. Tôi rất muốn biết bằng cách nào ông... chiêu mộ được bọn họ.”

“Không có gì bí mật,” tôi trả lời. “Tôi đã điều hành cái hội tuyển chọn này, Câu lạc bộ Dumas, từ mười năm nay. Một cuộc gặp mặt được tổ chức mỗi năm một lần ở thị trấn Meung này. Ông thấy đấy, thành viên từ khắp các xó xỉnh trên trái đất tới đây rất đúng giờ. Tất cả, không trừ ai hết, đều là độc giả...”

“Của truyện nhiều kỳ? Đừng khiến tôi phì cười.”

“Tôi không có một chút ý định nào làm ông buồn cười, Corso. Tại sao ông nhìn tôi thế? Chính ông biết rằng một cuốn tiểu thuyết, hay một bộ phim thuần túy thương mại có thể trở thành một tác phẩm tinh tế, từ Chuyện Pickwick thành Casablanca và Ngón tay vàng. Công chúng hướng về những câu chuyện đầy rẫy nguyên mẫu này để hưởng thụ, có ý thức hoặc không, cái trò lặp đi lặp lại cùng một số cốt truyện song mỗi lần lại có khác đi một tí. Dispositio elocution[4]. Đó là lý do vì sao những tác phẩm nhằm chán nhất, cũng có thể được cả khán giả ngây thơ lẫn khán giả sành sỏi hơn sùng bái. Có những người tìm kích động trong những hành động liều mạng của Sherlock Holmes, trong khi người khác lại thích cái tẩu thuốc, cái kính phóng đại và cái câu ‘Về cơ bản, bạn Watson thân mến à’, mà tiện thể xin nói, Conan Doyle không hề viết ra câu ấy. Những thủ pháp cốt truyện, những biến hóa và lặp lại, chúng vốn xưa đến mức từng được nhắc đến trong Nghệ thuật thi ca của Aristotle. Và truyền hình nhiều tập là gì nếu không phải là phiên bản đổi mới của một bi kịch cổ điển, một trường ca lãng mạn hay một tiểu thuyết của Dumas? Đó là lý do tại sao một người đọc thông minh có thể đạt được lạc thú lớn lao từ tất cả những thứ đó, một ngoại lệ với quy luật là dựa trên nền tảng quy luật.”

[4] Dispositio elocution: hai trong năm quy tắc của phép hùng biện cổ điển.

Tôi nghĩ có lẽ Corso hứng thú với điều tôi nói, nhưng gã lắc đầu, như một đấu sĩ từ chối lời thách đấu của đối thủ.

“Hãy dừng thuyết lý văn chương mà trở lại Câu lạc bộ Dumas đi, được không?” gã sốt ruột nói. “Trở lại với buổi gặp mặt đang diễn ra quanh đây... Số còn lại đâu?”

“Trong đó,” tôi đáp, nhìn vào phòng khách. “Tôi tổ chức hội dựa trên sáu mươi bảy chương bản thảo - tối đa chỉ có sáu mươi bảy thành viên, mỗi người có một chương coi như cổ phần đăng ký. Việc chỉ định hoàn toàn dựa theo danh sách người xin gia nhập, và sự thay đổi thành viên cần được ban điều hành do tôi làm chủ tịch chấp nhận. Mỗi người xin gia nhập đều được thảo luận kỹ càng trước khi được kết nạp.”

“Các cổ phần được chuyển đổi ra sao?”

“Tuyệt đối không có chuyện chuyển nhượng cổ phần. Nếu một thành viên chết hay muốn rời khỏi hội, chương của anh ta phải trả lại. Ban điều hành sẽ chuyển nó cho người xin gia nhập hội khác. Thành viên không được tự do quyết định về nó.”

“Phải chăng đó là việc Enrique Taillefer cố làm?”

“Phần nào đó. Ông ta là một người xin gia nhập lý tưởng, một thành viên kiểu mẫu của Câu lạc bộ Dumas cho tới khi ông ta phạm luật.”

Corso uống hết ly rượu. Gã đặt cái ly lên thành lan can phủ đầy rêu rồi im lặng nhìn chăm chú vào những ngọn đèn ở phòng tiếp đón. Gã lắc đầu.

“Đó không phải là lý do để giết người,” gã bình tĩnh nói, như thể với chính mình. “Tôi không tin rằng tất cả những người đó...” gã nhìn tới bằng vẻ kiên quyết. “Bọn họ đều nổi tiếng, đáng kính. Họ chẳng bao giờ lại dây vào chuyện gì như thế.”

Tôi cố kìm sự nôn nóng. “Ông đang thổi phồng mọi thứ quá mức... Enrique và tôi từng là bạn bè. Chúng tôi cùng chung niềm đam mê những tiểu thuyết loại này, mặc dù thị hiếu văn chương của ông ta không cùng bậc với lòng nhiệt tình. Sự thật là, thành công trong việc xuất bản những cuốn sách nấu ăn bán chạy cho phép ông ta tiêu phí tiền bạc và thời gian cho sở thích riêng của mình. Mà nói thực, nếu có ai đó xứng đáng là thành viên câu lạc bộ thì đó là Enrique. Vì vậy, mà tôi đề nghị kết nạp ông ta. Tôi đã nói, chúng tôi có chung nếu không phải thị hiếu thì ít nhất cùng là nhiệt tình của mình.”

“Hai người có chung nhiều hơn thế, nếu tôi không nhầm.”

Nụ cười mỉa mai của Corso đã trở lại, khiến tôi cáu tiết. “Tôi xin nói rằng chuyện đó không đáng gì tới công việc của ông,” tôi vặc lại. “Nhưng tôi muốn giải thích. Liana rất đặc biệt, cũng như rất đẹp. Cô ấy là một độc giả sớm phát triển. Ông có biết là cô ấy có hình xăm hoa huệ ở hông từ năm mười sáu tuổi không? Không phải ở trên vai như thần tượng của mình, Milady de Winter, để gia đình và các bà xơ ở trường nội trú không thấy. Ông nghĩ sao về chuyện này?”

“Rất xúc động.”

“Ông không có vẻ gì rất xúc động. Nhưng tôi đảm bảo rằng cô ấy là một người đáng ngưỡng mộ. Sự thực là, ồ... tôi và cô ấy đã trở nên thân thiết. Ông hãy nhớ rằng ban nãy tôi có nói đến cái di sản thừa kế vốn là thiên đường tuổi thơ đã mất. Vậy thì di sản thừa kế của Liana là Ba người lính ngự lâm. Cô ấy đắm mình trong thế giới mô tả trong cuốn sách. Cô ấy quyết định lấy Enrique sau khi tình cờ gặp ông ta trong một bữa tiệc mà người ta trao đổi với nhau suốt buổi tối về những trích đoạn tiểu thuyết. Khi đó ông ta đã là một chủ xuất bản rất giàu.”

“Tình yêu sét đánh,” Corso nói.

“Tôi không hiểu sao ông kêu nó như thế. Họ lấy nhau vì lý do chân thật nhất. Vấn đề là, sau một thời gian dài, dù là với một người vợ hiền hậu như thế, Enrique cũng cảm thấy mệt mỏi... Bọn tôi là bạn bè, tôi thường tới thăm họ. Liana...” Tôi đặt cái cốc của mình lên lan can cạnh chiếc cốc không của gã. “Dù là gì đi nữa. Ông có thể hình dung phần còn lại.”

“Phải. Rất rõ ràng.”

“Tôi không nói về chuyện đó. Cô ấy trở thành một trợ thủ tuyệt vời. Đến mức mà bốn năm sau tôi giúp cô ấy nhập Hội. Cô ấy sở hữu chương 37, ‘Bí mật của Milady’. Chính cô ấy chọn.”

“Tại sao ông để cô ta lo vụ của tôi?”

“Hãy để chuyện ấy lại đã. Cách đây không lâu, Enrique trở nên có vấn đề. Thay vì giới hạn bản thân trong việc kinh doanh có lời những cuốn sách nấu ăn, ông ta lại quyết định viết một bộ sách nhiều tập. Nhưng bộ truyện thật khủng khiếp. Đó là sự thật. Vô cùng khủng khiếp, tin tôi đi. Ông ta đã ăn cắp trắng trợn toàn bộ cốt truyện. Nó có tựa đề...”

“Bàn tay người chết.”

“Chính xác. Thậm chí cái tên này cũng không phải của ông ta. Và tệ hơn là, thật khó tin, ông ta muốn Dumas & Co. xuất bản nó. Đương nhiên là tôi từ chối. Sẽ chẳng bao giờ ban điều hành chấp nhận cái công trình quái gở của ông ta. Dù sao đi nữa thì Enrique có thừa tiền để tự mình xuất bản, tôi bảo ông ta như vậy.”

“Tôi nghĩ ông ta bực chuyện đó lắm. Tôi đã thăm thư viện của ông ta.”

“Bực? Nói thế là còn nhẹ. Vụ cãi cọ diễn ra trong phòng làm việc của ông ta. Tôi vẫn còn hình dung ông ta, nhỏ bé mũm mĩm, kiễng chân đứng rất thẳng, nhìn trừng trừng vào tôi với ánh mắt man dại. Trông như sắp vỡ mạch máu tới nơi. Hết sức khó chịu. Ông ta nói đã quyết định hiến dâng đời mình cho văn chương. Và tôi là ai mà đòi phán xét chuyện đó. Việc đó để cho đời sau. Tôi là một nhà phê bình đầy thành kiến, một gã thông thái rơm không ai chịu nổi, và hơn nữa tôi còn đang lằng nhằng với vợ ông ta. Điều này khiến tôi choáng nặng - tôi không nhận ra rằng ông ta biết chuyện. Nhưng hình như do Liana nói ra trong giấc ngủ, khi đang nguyên rửa d'Artagnan cùng đám bạn (những người mà, tiện thể xin nói, cô ấy căm ghét như thể mình biết rõ họ vậy) khiến ông chồng biết toàn bộ vụ việc... Ông có thể hình dung tôi khó xử làm sao.”

“Rất khó cho ông.”

“Cực khó. Dù điều tệ nhất còn chưa xảy ra. Enrique la lối om sòm. Nói rằng nếu ông ta là một kẻ tầm thường thì Dumas cũng chẳng xứng là một nhà văn. Dumas sẽ ở đâu nếu không có Auguste Maquet, người bị ông ta bóc lột thậm tệ? Chứng cứ nằm ở những trang bản thảo Rượu vang Anjou xanh và trắng trong két sắt của Enrique... Tranh cãi càng trở nên kịch liệt. Ông ta gọi tôi là gã thông gian - đúng là một lời lăng mạ kiểu ngày xưa - và tôi nói ông ta là một lão già mà còn dại, cùng với một vài câu bình luận ác ý về những cuốn sách dạy nấu ăn thành công mới nhất của ông ta. Tôi kết thúc bằng cách so sánh ông ta với gã thợ nướng bánh trong Cyramo... ‘Tôi sẽ trả đũa,’ ông ta hét lên như bá tước Monte Cristo. ‘Tôi sẽ cho thiên hạ biết rằng Dumas yêu quý là một kẻ lừa đảo chiếm đoạt công sức của người khác. Tôi sẽ cho công khai tập bản thảo, mọi người sẽ thấy lão bợm già làm như thế nào để ra những tập truyện nhiều kỳ. Tôi mặc xác những nguyên tắc của hội. Chương này sẽ là của tôi và tôi sẽ bán cho bất kỳ ai tôi thích. Và ông sẽ đi đời nhà ma.’”

“Ông ta nổi khùng.”

“Ông không biết một tác giả bị hắt hủi có thể đâm ra cuồng nộ thế nào đâu. Mọi ngăn cản của tôi đều vô dụng. Ông ta tống tôi ra ngoài. Sau đó tôi nghe Liana nói ông ta gọi người buôn sách ấy, La Ponte tới giao bản thảo cho anh ta. Hẳn ông ta nghĩ mình khôn ngoan và ranh mãnh lắm, như Edmond Dantès. Ông ta muốn tạo một vụ bê bối mà bản thân không dính líu vào; muốn thanh danh mình vẫn còn nguyên vẹn. Đó là lý do ông bị kéo vào vụ này. Ông có thể hiểu về ngạc nhiên của tôi khi ông mang Rượu vang Anjou tới nhà tôi.”

“Chắc chắn ông không để lộ điều đó.”

“Tôi có lý do của mình. Với cái chết của Enrique, Liana và tôi nghĩ rằng bản thảo đã mất.”

Tôi nhìn Corso mờ trong áo khoác ra một điều thuốc nhàu nát. Gã đưa lên miệng nhưng không châm lửa. Gã bước lui bước tới quanh sân. “Câu chuyện của ông thật lố lăng,” cuối cùng gã nói. “Chẳng có Edmond Dantès nào lại tự tử trước khi nhắm nháp niềm khoái lạc trả thù cả.”

Tôi gật đầu, mặc dù gã quay lưng lại nên không thấy cử chỉ của tôi.

“Được rồi, chuyện chưa hết đâu,” tôi thừa nhận. “Sau hôm chúng ta nói chuyện với nhau, Enrique đến với ý định thuyết phục tôi lần cuối cùng. Tôi chán quá rồi. Và tôi sẽ không nhẫn nhịn trước trò tống tiền đó đâu. Vì vậy, không kịp nhận ra mình đang làm gì, tôi giáng cho ông ta một đòn chết người. Tập truyện nhiều kỳ của ông ta không chỉ rất tồi, nó đọc còn thấy quen lắm. Tôi vào thư viện của mình tìm một ấn phẩm cũ của cuốn The Popular Illustrated Novel, một cuốn sách ít người biết xuất bản cuối thế kỷ mười chín, mở câu chuyện ở ngay trang đầu có tựa đề ‘Angeline de Gravaillac, hay Đức hạnh vẹn toàn’ của một tay Amaury de Verona nào đấy. Vậy đấy, ông có thể hình dung loại truyện ấy. Khi tôi đọc to đoạn văn đầu tiên, Enrique tái mặt như thấy hồn ma Angeline đội mồ sống lại. Đại khái không ít thì nhiều giống như thế. Cho rằng không ai nhớ đến câu chuyện ấy, ông ta đã trắng trợn bê nguyên xi nó vào, ngoại trừ có một chương lấy toàn bộ của Fernandez y Gonzalez, đó là phần khá nhất của cuốn sách. Tiếc là tôi không có mấy

ảnh để chụp Enrique lúc ấy. Ông ta đưa tay lên trán như để gào lên một lời nguyên rửa, nhưng không sao thoát ra lời. Chỉ nghe tiếng òng ọc trong cổ họng ông ta, như bị nghẹt thở. Rồi ông ta quay đi, về nhà, và tự treo cổ lên cái giá đèn.”

Corso lắng lặng nghe. Điều thuốc bị bỏ quên trên môi, không chạm lửa.

“Lúc ấy mọi chuyện trở nên phức tạp hơn,” tôi tiếp tục, biết chắc rằng gã bắt đầu tin. “Ông có tập bản thảo, và anh bạn La Ponte của ông ngay từ đầu đã không có ý nguyên từ già nó. Tôi không thể đóng vai Arsène Lupin đi loanh quanh, tôi phải bảo vệ tiếng tăm cho mình. Vì vậy tôi giao cho Liana nhiệm vụ lấy lại chương đó. Ngày họp mặt thường niên đang tới gần, chúng tôi phải tìm một thành viên mới thay thế Enrique. Tôi thừa nhận Liana đã làm sai một vài việc. Đầu tiên là cô ấy tới gặp ông...” Tôi đằng hắng, bối rối. Tôi không muốn đi sâu vào chi tiết. “Rồi cô ấy lại tranh thủ La Ponte để bảo anh ta thu hồi Rượu vang Anjou. Nhưng tôi không biết rằng ông có thể kiên cường đến thế... Vấn đề là Liana luôn luôn mơ đến một cuộc phiêu lưu như nữ nhân vật của mình, biết bao âm mưu thủ đoạn, những cuộc hò hẹn say đắm, và cả cuộc hành hình nữa. Và rồi hồi kịch này, dựa trên những thứ bà dần trong giấc mơ của cô ấy, mang lại một cơ hội như thế. Thế là cô ấy hăm hở bám theo ông. ‘Tôi sẽ mang về cho anh tập bản thảo đóng bìa bằng da của tay Corso ấy,’ cô ấy hứa. Tôi bảo cô ấy đừng quá xúc động. Bây giờ tôi biết sai lầm là do tôi: tôi đã thúc đẩy trí tưởng tượng của cô ấy, phóng thích ả Milady ẩn náu trong cô ấy kể từ lần đầu tiên cô ấy đọc Ba người lính ngự lâm.”

“Tôi ước ao cô ta đã đọc thứ gì đó khác. Chẳng hạn như Cuốn theo chiều gió. Cô ta có thể tưởng mình là Scarlet O’Hara và quần lấy Clark Gable thay vì là tôi.”

“Phải, cô ấy hơi quá trốn. Thật tiếc là ông coi trọng chuyện đó như vậy.”

Corso sờ vào cái vết sau tai. Tôi có thể tưởng tượng gã đang nghĩ gì: cái người thực sự coi trọng chuyện này là gã đàn ông có sẹo.

“Rochefort là ai?”

“Anh ta tên là Laszlo Nicolavic. Một diễn viên chuyên đóng vai phản diện. Anh ta thủ vai Rochefort trong bộ phim nhiều tập do Andreas Frey viết cho truyền hình Anh mấy năm trước. Anh ta đóng vai Gonzala trong Lagardère, Levasseur trong Thuyền trưởng Blood, La Tour d’Azyr trong Scaramouche, Rupert de Hentzau trong Người tù ở Zenda. Anh ta mê mọt với thể loại này và đầu đơn xin gia nhập Câu lạc bộ Dumas. Liana hoàn toàn bị anh ta hấp dẫn và nhất định đòi anh ta làm việc với mình.”

“Chắc chắn Laszlo xem trọng vai của mình lắm.”

“E là đúng thế. Tôi ngờ rằng anh ta đang cố ghi điểm để nhanh chóng được chấp nhận. Tôi cũng ngờ rằng anh ta xử sự như một người tình tạm bợ của cô ấy.” Tôi cười như một người sành sỏi, hy vọng điều đó đủ thuyết phục. “Liana trẻ, đẹp và cuồng nhiệt. Có thể cho rằng tôi kích thích phần trí tuệ, còn Laszlo lo chăm sóc các nhu cầu thực tế hơn trong bản chất dữ dội của cô ấy.”

“Còn gì nữa không?”

“Đấy hầu như là tất cả rồi. Nicolavic, hay Rochefort phụ trách lấy lại bản thảo ở chỗ ông. Đó là nguyên nhân anh ta theo ông từ Madrid tới Toledo và Sintra, trong khi đó Liana đi Paris mang theo La Ponte để phòng trường hợp kế hoạch ban đầu của họ thất bại và ông không nhận ra lẽ phải. Đoạn còn lại ông biết rồi: ông không để họ chụp được bản thảo. Milady và Rochefort hơi quá nhập vai, điều đó đưa ông đến đây.” Tôi dừng lại suy nghĩ. “Ông biết không? Tôi tự hỏi rằng thay vì Laszlo Nicolavic liệu tôi có nên đề cử ông làm thành viên câu lạc bộ hay không.”

Gã thậm chí chẳng buồn hỏi tôi thực sự có ý ấy hay chỉ định mĩa mai. Gỡ cặp kính méo mó xuống lau sạch một cách máy móc, gã chìm vào suy tư. “Tất cả chỉ có thể sao?” sau cùng gã hỏi.

“Tất nhiên.” Tôi trở phòng tiếp tân. “Đấy, bằng chứng cho ông đấy.”

Gã đeo kính lên và hít sâu một hơi. Tôi không thích vẻ mặt gã lúc ấy tí nào.

“Thế còn Delemelanicon? Còn mối liên quan giữa Richelieu với Chín cánh cửa của vương quốc bóng tối?” Gã bước tới gần, đập vào ngực tôi cho đến lúc tôi phải bước lùi lại. “Ông nghĩ tôi ngu chắc? Ông đừng có

nói không biết tí gì về mối liên hệ giữa Dumas và cuốn sách đó, khế ước ông ta ký kết với quỷ và tất cả những chuyện còn lại - Victor Fargas bị giết ở Sintra và đám cháy nhà bá tước Ungern ở Paris. Chính ông báo tên tôi cho cảnh sát phải không? Và cuốn sách ẩn trong ba bản in là cái gì? Hay là chín bức trong khắc của Lucifer, do Aristide Torchia in lại khi từ Praha trở về ‘với đặc quyền và sự chấp thuận của bề trên’ cùng với toàn bộ cái vụ đáng nguyên rủa ấy...”

Gã xổ ra cả tràng như vậy, cầm chìa ra đầy khiêu khích, ánh mắt như xuyên thấu người tôi. Tôi lùi thêm một bước nữa, miệng há ra.

“Ông điên rồi!” tôi giận dữ phản đối. “Ông có thể cho tôi biết ông đang nói gì không?”

Gã lôi ra một bao diêm, châm thuốc, bàn tay khum khum che ngọn lửa. Qua ánh sáng phản xạ trên mắt kính, gã tiếp tục nhìn xoáy vào tôi. Rồi, gã cho tôi hay cách lý giải của mình về mọi chuyện.

Khi gã nói xong, cả hai chúng tôi cùng lặng yên. Nghiêng mình trên hàng lan can ẩm ướt, bọn tôi kể vai nhau nhìn những ngọn đèn trong phòng tiếp tân. Câu chuyện của Corso kéo dài cho đến khi đèn thuốc cháy hết, và lúc này gã dập tắt nó dưới đất.

“Tôi cho rằng,” tôi nói. “Bây giờ tôi nên thú nhận mà nói, ‘Đúng, tất cả đều là sự thật,’ rồi đưa tay cho ông tra vào còng. Có phải ông chỉ chờ có thế không?”

Gã do dự. Việc tường thuật lại câu chuyện theo cách riêng của mình dường như không mang lại cho gã niềm tin vào kết luận của mình.

“Nhưng có một mối dây liên hệ,” gã lẩm bẩm.

Tôi nhìn bóng gã trên những phiến đá lát sân, cái bóng gầy gò đen sẫm trong khung sáng hắt ra từ phòng tiếp tân và kéo dài qua những bậc thang rồi lẫn vào vùng tối của khu vườn.

“Tôi e rằng trí tưởng tượng của ông đang lừa gạt bản thân ông,” tôi nói. Gã chậm rãi lắc đầu. “Tôi không tưởng tượng nổi chuyện Victor Fargas bị chìm chết dưới ao, hay bà nam tước Ungern bị thiêu sống cùng với sách của mình. Những chuyện đó đã xảy ra. Đây là sự thật. Hai câu chuyện đang lẫn lộn vào nhau.”

“Chính ông vừa nói - có hai câu chuyện. Có thể toàn bộ những gì gắn kết chúng với nhau là cách lý giải liên văn bản của chính ông.”

“Xin miễn cho tôi thứ thuật ngữ khó hiểu ấy đi. Chương bản thảo của Dumas kích hoạt mọi chuyện.” Gã nhìn tôi với vẻ mặt phần uất. “Cái câu lạc bộ đáng nguyên rủa và toàn bộ những trò chơi vật của ông.”

“Đừng đổ lỗi cho tôi. Trò chơi hoàn toàn đáng giá. Nếu đây là một tác phẩm hư cấu chứ không phải một câu chuyện thật, thì ông là người chịu trách nhiệm chính trong vai trò độc giả.”

“Đừng ngó ngán.”

“Không hề. Từ những điều ông vừa nói, tôi suy ra rằng, bằng cách đùa với các sự kiện và tham chiếu văn chương, ông xây dựng một lý thuyết và rút ra những kết luận hoang đường. Nhưng các sự kiện là khách quan, ông không thể che lấp chúng bằng những ý tưởng của riêng mình. Chuyện Rượu vang Anjou và chuyện về cuốn sách bí ẩn này, Chín cánh cửa là hoàn toàn không liên quan.”

“Ông gần như khiến tôi tin rằng...”

“Chúng tôi, nghĩa là Liana Taillefer, Laszlo Nicolavic và tôi, chẳng làm gì hết. Chính ông tự đưa ra kết luận, tưởng như mọi chuyện xảy ra là trong một cuốn truyện dựa trên lừa đảo bịp bợm, với độc giả Lucas Corso quá mức khôn ngoan. Chưa bao giờ có ai bảo ông rằng mọi việc thực sự giống như ông nghĩ. Không, trách nhiệm hoàn toàn là của ông, ông bạn ạ. Kẻ thủ ác thực sự trong tác phẩm chính là cái tư duy liên văn bản quá đà của ông, cái lối ông liên hệ mọi chuyện với chỗ này chỗ nọ trong tác phẩm.”

“Tôi có thể làm gì cơ chứ? Để hành động, tôi cần có một chiến lược, chứ không thể ngồi đó chờ. Trong bất kỳ chiến lược nào, người ta phải dựng lên hình tượng đối thủ của mình, và hình tượng này tác động lên hành vi tiếp theo... Wellington đã làm gì đó, nghĩ rằng Napoléon đang định làm gì đó. Và Napoléon...”

“Napoléon sai lầm vì tưởng Blucher là Grouchy. Chiến lược quân sự cũng đầy rủi ro Rochefort như chiến lược văn học. Nghe đây Corso, không còn có những độc giả vô tội nữa. Mỗi người đều che lấp văn bản với cách nhìn lệch lạc của mình. Một độc giả là tất cả những thứ hấn đọc, cộng với tất cả những phim và truyền hình hấn xem. Hấn luôn thêm vào thông tin do tác giả cung cấp phần thông tin của chính mình. Và đó là chỗ nguy hiểm: một khi thông tin hay các tham chiếu nhiều đến độ quá ngưỡng thì anh sẽ tạo ra một đối thủ không đúng, hoặc một đối thủ tưởng tượng.”

“Thông tin không đúng.”

“Không. Thông tin trong một cuốn sách là một thứ khách quan. Nó có thể được một tác giả ác ý trình bày bởi ý đồ tạo ra sự lầm lạc, nhưng nó không bao giờ sai. Chỉ có độc giả đọc sai.”

Corso có vẻ nghĩ ngợi. Gã rời ra chỗ đối mặt với khu vườn tối. “Vậy thì hấn phải có một tác giả khác,” gã khẽ nói.

Gã đứng bất động. Lát sau gã lôi tập bản thảo Rượu vang Anjou trong áo khoác ra đặt một bên, trên phiến đá đầy rêu.

“Câu chuyện này có hai tác giả,” gã nhấn mạnh.

“Có thể thế,” tôi nói, cầm lấy tập bản thảo của Dumas. “Và có thể có một người ác ý hơn người kia. Truyện của tôi là loại ra nhiều kỳ. Ông phải tìm cuốn truyện tội phạm ở chỗ khác.”

34. Chương 16 - Phần 1

XVI. MỘT ÂM MƯU TƯƠNG ỨNG VỚI CUỐN SÁCH CỔ

“Đây là chỗ khó chịu của vấn đề,” Pothos nói.

“Ngày xưa người ta không phải giải thích mọi chuyện.

Người ta chiến đấu để mà chiến đấu.”

A. Dumas, TỬ TƯỚC BRAGELONNE.

Ngả người trên lưng ghế tài xế, Corso nhìn phong cảnh bên ngoài. Gã đã tách khỏi làn đường chính ở chỗ rẽ cuối con đường, trước khi nó chìm sâu vào thị trấn. Với những bức tường cũ kỹ bao quanh, khu phố cổ bồng bềnh trong sương khói từ dưới sông dâng lên, lơ lửng trong thỉnh thoảng không như một hòn đảo màu xanh mà quái. Ấy là một thế giới nhập nhằng, chẳng có ánh sáng cũng chẳng có bóng tối. Một rặng đông ngập ngừng và lạnh lẽo buông xuống Castille, với làn ánh sáng đầu ngày le lói làm hiện lên những ống khói, mái nhà, những tháp chuông về phía Đông.

Gã muốn xem giờ, nhưng cái đồng hồ đã bị nước lọt vào trong cơn bão ở Meung. Mặt kính mờ mịt và đĩa số không đọc được. Corso nhìn thấy đôi mắt kiệt quệ của mình trong gương chiếu hậu. Meung-sur-Loire, trong đêm trước ngày thứ Hai đầu tiên của tháng Tư. Bây giờ họ đã ở xa, và đã là thứ Ba. Đó là một hành trình trở lại dài đằng dặc, tất cả các nhân vật đã chìm mất ở mãi xa xôi: Balkan, Câu lạc bộ Dumas, Rochefort, Milady, La Ponte. Chỉ còn tiếng vọng của câu chuyện sau khi giở trang cuối cùng. Tác giả đã gõ từ khóa cuối cùng trên bàn phím Qwerty, ở hàng dưới cùng, phím thứ hai từ bên phải sang. Vì vậy với một hành động tùy ý không có gì hơn là những trang giấy in, những tờ giấy kỳ lạ, trơ trơ. Những cuộc đời đột ngột trở nên xa lạ.

Rạng sáng hôm ấy, chẳng khác gì vừa từ trong mơ tỉnh lại, Corso ngồi, râu ria lởm chởm, bẩn thỉu, mắt đỏ ngầu. Bên cạnh là cái túi vải buồm cũ kỹ chứa cuốn Chín cánh cửa cuối cùng còn lại. Và cô gái. Đây là toàn bộ những thứ ở lại trên bờ biển sau khi thủy triều rút. Cô rên khe khẽ, gã liền quay lại nhìn. Cô ngủ trên ghế bên cạnh, mình khoác áo len thô, đầu tựa lên vai gã. Miệng cô hé mở, hơi thở dịu dàng. Thỉnh thoảng cô khẽ rùng mình. Rồi lại rên khe khẽ. Một vết nhăn dọc nhỏ xíu nằm giữa hai chân mày khiến cô

trông như một bé gái đầy ưu tư. Một bàn tay thò ra từ dưới chiếc áo khoác. Lòng bàn tay ngửa lên, những ngón tay hơi mở ra, như thể cô vừa để thứ gì đấy tuột mất, hoặc như thể đang chờ đợi.

Corso lại nghĩ về Meung, và về chuyến đi. Về Boris Balkan đứng bên gã hai đêm trước đó trên mảnh sân trời còn ướt nước mưa. Tay cầm Rượu vang Anjou, Richelieu mỉm cười như một đối thủ cũ, vừa cảm phục, vừa đồng cảm. “Ông thật khác thường, ông bạn.” Những lời cuối này của ông ta giống như lời từ biệt; đó là những lời duy nhất có ý nghĩa. Phần còn lại - lời mời nhập bọn cùng những vị khách khác - hoàn toàn chỉ là hình thức. Cũng chẳng phải Balkan muốn tổng gã đi cho rồi - kỳ thực ông ta đã lộ rõ vẻ thất vọng khi Corso bỏ đi. Nhưng Balkan biết rằng Corso sẽ từ chối trở thành một người trong đám bọn họ. Sau cùng chỉ còn một mình Corso đứng trên sân, gã cúi người trên lan can lắng nghe thật lâu hồi âm từ thất bại của chính mình. Gã từ từ hồi tỉnh, nhìn quanh, cố nhớ lại xem mình đang ở đâu. Rồi khỏi những ô cửa sổ sáng rực, gã chậm rãi lang thang trên những đường phố tối tăm theo lối về khách sạn. Gã không bị Rochefort khống chế nữa, và ở Quán Sainte Jacques, gã nghe nói Milady cũng đi rồi. Hai người đã rời khỏi đời gã để trở lại lãnh địa u ám của họ, để một lần nữa vào vai những nhân vật không có thật, khó hiểu như những quân cờ. Gã tìm thấy La Ponte và cô gái không khó khăn gì. Gã không quan tâm La Ponte, nhưng cảm thấy nhẹ lòng khi thấy cô vẫn ở đấy. Gã sợ sẽ mất cô cùng với những nhân vật khác trong câu chuyện. Gã chụp nhanh lấy tay cô trước khi cô cũng tan biến trong đám tro tàn của thư viện thành Meung và dẫn cô ra xe, mặc kệ La Ponte đứng nhìn. Corso nhìn hẩn lù xa dần trong gương chiếu hậu. La Ponte về bối rối, gào lên kêu gọi tình bạn bị lạm dụng quá mức của họ, không hiểu chuyện gì xảy ra. Giống như một thợ săn cá voi vô tích sự, đầy tai tiếng, đánh mất niềm tin của mọi người, bị bỏ rơi trên chiếc xuồng nhỏ với ít bánh mì và khẩu phần nước cho ba ngày, mặc cho phiêu giạt cùng sóng biển. Hãy cố đến Batavia, ngài Bligh[1]. Nhưng rồi, đến cuối phố, Corso dừng xe, ngồi trước tay lái, gã nhìn con đường phía trước, cô gái ngạc nhiên nhìn gã. La Ponte cũng không phải một nhân vật thực. Corso thở dài cài số lùi quay lại đón hẩn. Cả ngày lẫn đêm hôm sau, cho đến tận lúc họ để hẩn xuống xe ở một cột đèn giao thông trên đường phố Madrid, La Ponte không nói một lời. Thậm chí hẩn không hề phản ứng khi Corso nói bản thảo của Dumas đã mất. Cũng chẳng có bao nhiêu lời hẩn có thể nói.

[1] Ở đây nhắc tới William Bligh, phó đô đốc hải quân hoàng gia Anh (1754 - 1817), và vụ binh biến trên con tàu Bounty do ông chỉ huy: Bligh và những người trung thành với ông bị đám thủy thủ nổi loạn bỏ rơi trên biển với một chiếc thuyền con, sau đó trôi giạt đến bờ biển Timor.

Corso liếc nhìn cái túi vải bạt dưới chân cô gái đang ngủ. Thất bại thì đau đớn, tất nhiên, giống như một vết dao trong ký ức. Gã biết mình đang chơi đúng luật - *legitime certaverit* - nhưng đi sai hướng. Đúng vào thời điểm chiến thắng, mặc dù chỉ một phần và không toàn vẹn, toàn bộ niềm vui thắng lợi bị giật mất. Chiến thắng chỉ là tưởng tượng. Giống như đánh bại một hồn ma trong mơ, đắm vào gió hay gào thét vào nơi im lặng. Có lẽ vì vậy mà Corso lúc này ngờ vực nhìn chằm chằm thành phố lơ lửng trong sương, chờ đợi trước khi tiến sâu vào, như muốn chắc rằng nền tảng của nó ăn sâu bám rễ xuống đất.

Gã nghe hơi thở mềm mại nhịp nhàng của cô trên vai. Không rời mắt khỏi cái cổ trần dưới những nếp áo gấp của cái áo khoác len thô, gã đưa tay tới cho đến khi những ngón tay cảm nhận được hơi ấm của làn da phập phồng theo nhịp thở. Vẫn như mọi lần, da thịt cô tỏa ra mùi của tuổi trẻ và của cơn sốt. Bằng tưởng tượng và theo trí nhớ, gã dễ dàng lần theo những đường cong thân thể kéo xuống tới bàn chân trần, bên cạnh đôi giày mềm và cái túi vải. Irene Adler. Gã vẫn không biết gọi cô thế nào. Nhưng gã không quên được tấm thân trần trong bóng tối, đường lượn ở hông sáng ánh đèn, đôi mắt hé mở của cô. Lặng lẽ và đẹp không thể tả, đắm chìm trong tuổi trẻ của chính mình, đồng thời thanh thản như mặt hồ lặng sóng, cộng với sự khôn ngoan của nhiều thế kỷ. Và trong đôi mắt long lanh nhìn gã chăm chú từ trong bóng tối, hình chiếu đen sẫm của chính Corso nằm đó giữa toàn bộ những tia sáng từ bầu trời tụ lại.

Giờ thì cô đang nhìn gã, đôi mắt xanh như những viên ngọc lục bảo dưới hàng mi dài. Cô đã thức dậy và ngái ngủ dụi vào người gã. Rồi ngồi dậy, cảnh giác, cô nhìn gã.

“Chào ông, Corso.” Cái áo khoác tuột xuống chân. Chiếc áo pull hoàn hảo bó sát mình, cô mềm mại như một con thú non xinh đẹp. “Ta đang làm gì ở đây?”

“Đợi,” gã trở thành phở giống như đang bồng bênh trong sương mù. “Đợi nó biến thành hiện thực.”

Cô nhìn và lúc đầu không hiểu gì. Rồi thong thả mỉm cười.

“Có lẽ chẳng bao giờ thay đổi,” cô nói.

“Vậy thì cứ ở đây. Chỗ này không tệ, một thế giới lạ lùng, hư ảo dưới chân.” Gã quay lại cô. Tôi có thể cho anh mọi thứ nếu anh quy phục và say mê tôi. Có phải cô sẽ đề nghị như thế với tôi không?”

Cô cười rất dịu dàng. Rồi cúi xuống nghĩ ngợi và lại ngẩng lên nhìn thẳng vào mắt gã.

“Không, em nghèo,” cô nói.

“Tôi biết.” Đó là sự thực. Corso không cần phải tìm nó trong ánh mắt trong trẻo của cô. “Hành lý của cô, và toa ngồi trên tàu... Thật lạ. Tôi thường nghĩ tất cả bọn cô đều có tài sản vô hạn, ở ngoài đó, bên kia cầu vòng.” Nụ cười của gã sắc như con dao vẫn còn nằm trong túi gã. “Túi vàng của Peter Schlemiel[2].”

[2] Nhân vật chính trong Câu chuyện nổi tiếng về Peter Schlemiel (1814) của Adelbert von Chamisso (1781 - 1838), nói về một người bán cái bóng của mình cho ma quỷ để lấy một túi tiền không đáy.

“Vậy ông nhầm rồi.” Cô mím môi ương bướng. “Em là tất cả những thứ em có.”

Đó cũng là sự thực, và Corso đã biết từ lúc đầu. Cô không bao giờ nói dối. Vừa ngây thơ vừa khôn ngoan, cô trung thành và say đắm theo đuổi một cái bóng.

“Tôi biết.” Gã nguệch ngoạc lên trời như thể trong tay cầm cái bút tưởng tượng. “Cô không đưa tôi tờ giấy để ký ư?”

“Giấy tờ?”

“Phải. Thường người ta gọi khế ước như thế. Thời nay thì phải là một bản hợp đồng với hàng chữ nhỏ đúng không? ‘Trong trường hợp có tranh chấp, các bên phải chịu sự phán quyết của tòa án...’ Thật buồn cười. Không biết tòa án nào xử chuyện này.”

“Đừng ngớ ngẩn.”

“Sao cô chọn tôi?”

“Em được tự do,” cô thở dài buồn bã như thể phải trả giá để được nói điều đó. “Em có thể lựa chọn. Bất cứ ai cũng có thể.”

Corso mò trong túi áo khoác bao thuốc lá nhàu nát. Còn một điếu cuối cùng. Gã moi nó ra nhìn chăm chú, dùng dằng không biết có nên đưa lên miệng hay không. Rồi gã lại nhét nó vào bao. Có lẽ lát nữa gã sẽ cần một hơi khói. Gã chắc thế.

“Cô biết từ đầu,” gã nói, “rằng có hai câu chuyện không liên quan gì đến nhau. Đó là lý do vì sao không bao giờ cô quan tâm đến câu chuyện của Dumas. Milady, Rochefort, Richelieu, đấy chỉ là những nhân vật phụ trong phim đối với cô. Giờ thì tôi hiểu tại sao cô thụ động như thế. Hẳn cô chán khủng khiếp. Cô chỉ ngồi lật trang cuốn Lĩnh vực lâm của mình và xem tôi làm những việc sai lầm...”

Qua kính chắn gió, cô đang nhìn thành phố khoác trên mình màn sương màu xanh. Tay cô giơ lên, rồi lại bỏ xuống, như thể điều cô định nói là vô nghĩa. “Tất cả những gì em có thể làm là theo ông,” cô đáp. “Mỗi người đều phải một mình bước đi trên đoạn đường nào đó. Ông không nghe nói tự do ý chí sao?” Cô cười buồn. “Một số trong chúng ta phải trả giá rất cao vì chuyện đó.”

“Nhưng không bao giờ hoàn toàn đứng ngoài. Đêm đó, bên sông Seine... Sao cô lại giúp tôi đối phó với Rochefort?”

Cô đưa bàn chân trần chạm vào cái túi vải. “Hẳn mò theo bản thảo của Dumas. Nhưng Chín cánh cửa cũng ở trong đó. Em chỉ muốn tránh sự can thiệp ngu ngốc.” Cô nhún vai. “Và em cũng không muốn hấn đánh ông.”

“Còn ở Sintra? Cô cảnh cáo tôi về vụ Fargas.”

“Tất nhiên. Cuốn sách gắn chặt với chuyện đó.”

“Và còn bí mật về cuộc gặp mặt ở Meung...”

“Em không biết chuyện đó. Chỉ đơn giản suy ra được từ trong sách.”

Corso nhăn mặt. “Tôi cứ nghĩ cái gì cô cũng biết.”

“Vậy thì ông nhầm.” Bây giờ đến lượt cô bực mình. “Và em không hiểu tại sao ông nói em như thể em là một kẻ thuộc về bầy đàn. Em chỉ có một mình từ lâu lắm rồi.”

Nhiều thế kỷ, Corso chắc chắn như thế. Biết bao thế kỷ cô đơn. Không còn gì nghi ngờ. Gã đã ôm tấm thân trần của cô, chìm ngấm trong đôi mắt, đã ở bên trong cô, thường thức làn da cô, cảm nhận qua môi mình nhịp đập khe khẽ trên cổ cô. Gã đã nghe tiếng rên nhẹ như một đứa trẻ sợ hãi hay như một thiên thần bị ruồng bỏ đi tìm hơi ấm. Gã đã quan sát cô trong giấc ngủ, nắm tay siết chặt, quần quai trong cơn ác mộng về những thượng đẳng thần tóc vàng, giáp trụ lấp lánh hào quang và không biết thương xót, độc đoán không khác gì thượng đế khi bắt họ diễu hành đúng giờ.

Bây giờ, nhờ cô, dù quá muộn, gã hiểu Nikon, hiểu các bóng ma của nàng và cách nàng tuyệt vọng bám bấu vào cuộc đời. Nỗi sợ của Nikon, những bức ảnh đen trắng của nàng, cố gắng vô vọng xua đuổi những hồi ức truyền lại qua những bộ gen từng sống sót qua Auschwitz, số hiệu đóng dấu trên người cha nàng, và cái trật tự Đen đường như cũng xa xưa như tinh thần và lời rửa của con người. Bởi vì Chúa và quỷ có thể là cùng một người và cùng một thứ, và ai cũng hiểu điều đó, theo cách của mình.

Nhưng cũng như đối với Nikon, Corso tàn nhẫn. Tình yêu là một gánh nặng quá sức đối với gã, và gã không có tấm lòng cao thượng như Porthos. “Đó là nhiệm vụ của cô sao?” gã hỏi. “Bảo vệ Chín cánh cửa ư? Tôi không tin cô sẽ nhận được một huân chương vì chuyện đó.”

“Thế là bất công, ông Corso.”

Gần như vẫn là câu ấy. Một lần nữa, Nikon bị để mặc cuốn trôi theo dòng đời, mong manh và nhỏ bé. Ai xui nàng bám bấu lấy hiện thực, để trốn tránh những cơn ác mộng của mình?

Gã nhìn cô gái. Có lẽ ký ức về Nikon là sự ăn năn của gã. Nhưng gã không muốn nhần nhịn mà chấp nhận nữa. Gã liếc nhìn gương chiếu hậu: khuôn mặt gã co rúm trong cay đắng và mất mát.

“Vậy ư? Ta đã mất hai trong ba cuốn sách. Và chuyện gì xảy ra với cái chết vô nghĩa của Fargas và bà nam tước?” Bọn họ không mấy quan trọng đối với gã, nhưng Corso cảm thấy chua xót. “Lẽ ra cô có thể ngăn ngừa chuyện đó.”

Cô lắc đầu rất nghiêm túc và nhìn gã chăm chú. “Có những chuyện không tránh được, ông Corso. Một vài thành trì phải bị thiêu hủy, một vài người phải bị treo cổ. Có những con chó sinh ra để xé xác nhau thành từng mảnh nhỏ, có những người đức hạnh với số mệnh phải bị chặt đầu, những cánh cửa định mệnh mở cho người khác tiến vào.” Cô nhăn mặt và cúi đầu xuống. “Nhiệm vụ của em, như ông gọi, là đảm bảo ông an toàn qua hết hành trình này.”

“Ồ, đó là một hành trình dài, chỉ kết thúc khi trở về điểm xuất phát.” Corso trở thành phở lơ lửng trong sương mù. “Và bây giờ tôi phải xuống đó.”

“Ông không phải. Không ai buộc ông. Ông chỉ cần quên hết và bỏ đi.”

“Không cần tìm câu trả lời?”

“Không cần thử. Ông đã có câu trả lời bên trong chính ông.”

“Đó là một câu hay. Hãy ghi nó lên bia mộ tôi khi tôi cháy bùng bùng trong địa ngục.”

Cô âu yếm vỗ nhẹ lên đầu gối gã. “Đừng ngó ngàng, ông Corso. Mọi chuyện diễn ra như người ta muốn nhiều hơn là người ta thường nghĩ. Thậm chí cả quỷ cũng có thể chấp nhận diện mạo khác đi. Hay tính cách khác đi.”

“Chẳng hạn như biết hối hận.”

“Đúng. Nhưng cũng có thể là có tri thức và sắc đẹp.” Cô lại bắn khoả nhìn thành phố. “Hoặc giả là quyền lực và của cải.”

“Nhưng kết quả cuối cùng vẫn như nhau: kiếp đọa đày.” Gã lặp lại động tác ký tên vào bản hợp đồng tương tượng. “Vẫn phải trả giá cho sự ngây thơ của linh hồn.”

Cô lại thở dài. “Ông đã trả giá từ lâu rồi, Corso. Và hiện giờ vẫn đang phải trả. Đó là một thói quen kỳ lạ, cứ trì hoãn nó đến tận cùng. Giống như hồi cuối của một thảm kịch... Mỗi người kéo dài kiếp đầy đọa của mình từ thuở ban đầu. Còn con quỷ, hẳn chẳng là gì khác hơn nỗi đau của Chúa; cơn cuồng nộ của kẻ độc tài mắc kẹt trong cái bẫy của chính mình. Kẻ thắng nói sao cũng được.”

“Chuyện đó xảy ra khi nào?”

“Lâu hơn ông có thể tưởng tượng nhiều lắm. Hết sức nghiệt ngã. Em đã chiến đấu hàng trăm ngày đêm trong tuyệt vọng và không có nơi ẩn nấp.” Một nụ cười bí ẩn nở trên môi cô. “Đó là điều duy nhất em tự hào - chiến đấu đến cùng. Em rút lui nhưng không quay lưng lại, xung quanh là những kẻ khác cũng từ trên cao rơi xuống. Em khản giọng vì thét gào cuồng nộ, sợ hãi và kiệt sức. Sau trận đánh, em đi qua một cánh đồng hoang vắng và cô đơn như cõi vĩnh hằng giá băng... Đôi khi em vẫn bắt gặp dấu vết của một trận chiến hoặc một chiến hữu ngày xưa đi qua không dám ngẩng đầu.”

“Vậy thì sao lại là tôi? Sao cô không tìm kẻ nào đẩy bên phe thắng? Tôi chỉ chiến thắng được ở tỷ lệ năm ngàn đối một.”

Cô gái quay đi nhìn ra xa. Mặt trời đang lên, tia bình minh đầu tiên cắt ngang không gian buổi sáng bằng một vệt hồng chiếu thẳng vào ánh mắt cô. Khi cô quay lại nhìn Corso, gã cảm thấy hoa mắt khi nhìn sâu vào toàn bộ ánh sáng phản chiếu trong đôi mắt xanh.

“Bởi vì sự mình bạch không bao giờ chiêng thắng. Và quyến rũ một gã khờ chẳng bao giờ là việc đáng làm.”

Rồi cô ghé mình sang hôn gã rất chậm, dịu dàng vô hạn. Như thể đã phải đợi chờ đời kiếp kiếp để làm chuyện đó.

Sương mù chậm rãi tan đi. Tựa như thành phố lơ lửng lơ trên không đã quyết định hạ xuống đất. Bình minh tỏa sáng trên quần thể màu xám và vàng đất của lâu đài Alcazar, tháp chuông nhà thờ và cây cầu đá với những cột chống chìm trong làn nước đen thẫm, giống như một bàn tay hiểm ác vắt ngang dòng sông.

Corso khởi động máy. Xe lướt êm trên đường phố vắng. Vì họ đi xuống, ánh mặt trời mới lên bị bỏ lại đằng sau, lơ lửng lơ trên đầu họ. Thành phố chậm rãi xích lại gần hơn, và họ từ từ dần vào một thế giới sắc màu lạnh lẽo và tịch mịch bao la không chịu rời tàn dư của những mảng sương mù xanh xám.

Gã ngáp ngừng trước khi qua cầu, dừng xe dưới mái vòm đá ở lối lên cầu; bàn tay đặt trên bánh lái, đầu hơi cúi, cảm thấy ra - hết như bức chân dung thợ săn rình mồi chụp nghiêng. Gã gỡ kính ra lau, mặc dù không cần thiết. Hết sức từ từ, gã ngẩng cây cầu, trong đôi mắt không có kính, nó giống như một lối đi mơ hồ với những đường nét chập chờn. Gã không quay lại nhìn cô gái nhưng vẫn biết cô đang nhìn mình. Gã đeo kính lên, chỉnh lại trên sống mũi, cảnh vật lại sắc nét, nhưng chẳng phải nhờ vậy mà thấy an tâm hơn. Bờ sông bên kia tối om. Dòng nước trôi qua những trụ cầu giống như dòng thời gian đen sẫm của con sông Lethe ngăn cách địa ngục và trần gian. Trong mảng đêm cuối cùng chưa chịu biến đi, cảm giác nguy hiểm trong gã trở nên hữu hình, sắc nhọn như một mũi kim thép. Corso cảm thấy mạch đập rộn ràng trên cổ tay khi gã nắm lấy cần số. Vẫn còn kịp quay lại, gã tự nhủ. Như vậy thì những gì đã xảy ra đã chẳng xảy, chẳng có gì phải đến sẽ đến. Còn về phần giá trị thực tế của Nunc scio, “Giờ thì tôi biết,” do thượng đế hay do quỷ đặt ra, cái đó hết sức mơ hồ. Gã nhắm mắt. Chúng chẳng là gì ngoài những từ ngữ. Gã biết rằng trong vài phút nữa gã sẽ ở bên kia cầu, bên kia sông. Verbum dimissum custodiat Arcanum. Ngẩng nhìn tròng tròng lên trời, gã tìm kiếm người cung thủ có hay không những mũi tên trong bao tên, trước khi vào số và từ từ tiến lên.

35. Chương 16 - Phần 2

Trời rất lạnh bên ngoài xe, vì vậy gã dựng cổ áo lên. Gã cảm nhận được cái nhìn chăm chú của cô trù lên mình khi băng qua đường, Chín cánh cửa kẹp dưới nách, không hề nhìn lại. Cô không đòi đi theo gã, và vì một vài lý do không rõ ràng gã biết rằng như thế tốt hơn. Ngôi nhà chiếm gần hết cả khối nhà, màu đá xám ngự trị cả một quảng trường hẹp, nằm giữa những tòa nhà cổ có cửa chính và cửa sổ đóng chặt trông như một trích đoạn phim bị dừng hình, vừa mù vừa câm. Mặt tiền xám có bốn con quái thú nằm trên máng xối: con dê, cá sấu, con quỷ tóc rắn và một con rắn. Có một ngôi sao David trên mái vòm kiểu người Moor bên trên cánh cổng sắt han gỉ dẫn vào trong với hai con sư tử bằng đá cẩm thạch và một cái giếng. Tất cả không xa lạ gì với Corso, nhưng gã chưa bao giờ sợ hãi như vậy khi tiến vào nhà. Gã nhớ lại một trích đoạn cổ: “Có thể những người đàn ông được nhiều phụ nữ vượt ve sẽ bớt ân hận hay bớt sợ hơn khi vượt qua thung lũng tối tăm...” Đại loại như thế. Có lẽ gã được vượt ve chưa đủ, bởi miệng gã khô khốc, và gã sẵn sàng bán linh hồn để lấy nửa chai gin. Rồi lại còn Chín cánh cửa gây cảm giác như thể nó chứa chín khối chì thay vì những bức tranh.

Gã đẩy cánh cổng nặng nề, nhưng sự yên lặng vẫn nguyên vẹn. Thậm chí tiếng dội khe khẽ của đế giày khi gã băng qua mảnh sân với những tảng đá lát mòn vẹt dưới những bước chân và những cơn mưa hàng thế kỷ qua hồ như cũng không ảnh hưởng gì tới bầu không khí tĩnh mịch. Một lối đi dưới mái vòm dẫn tới cầu thang hẹp dốc đứng. Ở trên cùng, gã nhìn thấy một cánh cửa nặng nề màu sẫm trang trí những hàng đỉnh tán dày. Cửa đóng: cánh cửa cuối cùng. Trong một thoáng, Corso nháy mắt chế nhạo với khoảng không, với bản thân mình, nghe rằng ra. Gã vừa là tác giả không chủ tâm vừa là đối tượng chế nhạo của trò đùa hoặc sai lầm của chính mình. Một sai lầm được sắp đặt kỹ càng bởi một bàn tay vô liêm sỉ, đầy những lời dụ hoặc hão huyền mời mọc tham gia câu chuyện, đưa gã tới những kết luận nào đó chỉ đáng vứt đi. Cuối cùng gã đã có những kết luận xác nhận bởi chính văn bản, như thể đó là một cuốn sách đáng tởm trong khi nó không đáng tởm. Hoặc sẽ ra sao nếu nó đáng tởm? Sự thực là, thứ cuối cùng gã nhìn thấy trong miếng kim loại bóng lộn gắn chặt vào cánh cửa là khuôn mặt chính gã, khuôn mặt rất thật của gã. Một hình ảnh méo mó, tổ hợp của cái tên trên tấm biển và nét mặt gã, với ánh đèn từ đằng sau nơi mái vòm phía trên cầu thang dẫn xuống sân ra phố. Nơi dừng chân cuối cùng của gã trên chặng đường kỳ lạ sang bên kia bóng tối.

Gã nhấn chuông. Một, hai, ba lần. Không chút phản ứng. Cái núm đồng hồ chết rồi; không có âm thanh bên trong khi gã ấn vào. Gã lại cảm nhận thấy cái bao nhàu nát chứa điều thuốc cuối cùng trong túi. Một lần nữa gã quyết định không châm lửa. Nhấn chuông lần thứ tư. Và lần thứ năm. Rồi gã siết chặt nắm đấm mà đập mạnh vào cửa, hai lần. Rồi cánh cửa mở ra êm ái trong bản lề tra mỡ tử tế, không có tiếng rít khùng khiếp. Và Varo Borja xuất hiện trên khung cửa. Hoàn toàn tự nhiên.

“Chào, Corso.”

Borja không có vẻ ngạc nhiên gì khi nhìn thấy gã. Mồ hôi đọng đầy trên cái trán hói của lão, râu không cạo. Áo khoác mở phanh, tay áo sơ mi xắn cao. Lão nom có vẻ mệt, những quầng thâm dưới mắt vì mất ngủ. Nhưng ánh mắt lão rực lên háo hức. Lão không hỏi Corso làm gì ở đây vào giờ này, dường như chỉ để ý cuốn sách Corso kẹp dưới nách. Lão đứng bất động ở đó, như thể vừa bị lôi ra khỏi một công việc tỉ mỉ hay một giấc mơ, và chỉ muốn trở lại ngay với nó.

Đây là kẻ chịu trách nhiệm. Corso biết thế khi thấy sự ngu xuẩn của chính mình biến thành thực thể đứng ngay trước mặt. Tất nhiên. Varo Borja - triệu phú, nhà buôn sách cỡ quốc tế, nhà sưu tầm sách lừng danh, kẻ giết người chuyên nghiệp. Với một sự tò mò gần như mang tính nghiên cứu, Corso quan sát kỹ khuôn mặt lão. Bây giờ gã cố gắng tách ra những điểm, những manh mối mà đáng ra đã phải cảnh báo gã từ rất sớm. Những tín hiệu bị bỏ qua; những góc cạnh của sự điên rồ, sự khùng khiếp hay bóng đen ẩn náu trong những nét quen thuộc, tầm thường ấy. Nhưng gã không thấy được gì hết. Chỉ có vẻ mặt xa lạ, cuồng nhiệt, không tò mò hay đam mê, chìm đắm trong những hình ảnh xa với đối với người đàn ông đứng trên ngưỡng cửa này. Mặc dù Corso đang giữ cuốn sách đáng nguyên rủa. Chính lão, Varo Borja, kẻ ẩn trong bóng tối của cuốn sách giống như thế, lần theo dấu chân Corso như con rắn độc, mới là kẻ giết chết Victor Fargas và bà nam tước Ungern. Không chỉ nhằm tái hợp hai mươi bảy bức tranh khắc để tạo thành chín bức chính xác, mà còn để xóa đi toàn bộ dấu vết và đảm bảo không ai khác có thể phát hiện điều bí ẩn của người thợ in Torchia. Trong toàn bộ âm mưu, Corso là công cụ để khẳng định giả thuyết đã được xác nhận - rằng cuốn sách thực được phân bố trên ba cuốn. Gã cũng là nạn nhân của bất kỳ phản ứng nào từ phía cảnh sát. Lúc

này, khi phải trả giá cho sự tôn kính sai lầm đối với bản năng của chính mình, Corso nhớ lại cảm tưởng khi nhìn lên bức tranh trần ở Quinta da Soledade. Cuộc hiến tế của Abraham không có nạn nhân thay thế: gã là kẻ gior đầu chịu báng. Và Varo Borja, tất nhiên, là người buôn sách cứ sáu tháng một lần tới gặp Victor Fargas để mua một trong những cuốn sách quý của ông ta. Vào ngày Corso tới gặp Fargas, Borja có mặt ở Sintra để hoàn thành các chi tiết trong kế hoạch của mình và chờ đợi để khẳng định lý thuyết rằng cần phải có cả ba cuốn sách thì mới hóa giải được bí mật của Torchia. Tờ phiếu thu dở dang của Fargas được viết cho lão. Đó là lý do tại sao Corso không thể gặp được Borja khi gọi điện về nhà lão ở Toledo. Rồi sau đó, ngay trong đêm ấy, trước khi tới gặp Fargas trong cuộc hẹn cuối cùng, Borja gọi cho Corso từ khách sạn, giả bộ mình đang ở nước ngoài. Corso không chỉ khẳng định nghi ngờ của Borja, mà còn trao cho lão chìa khóa của điều bí ẩn, chính hành động đó đã kết án tử hình Fargas và bà nam tước. Với niềm tin chắc cay đắng, Corso quan sát từng ô đồ chữ rơi vào vị trí của chúng. Khi gạt qua một bên tất cả những manh mối sai lầm hướng tới Câu lạc bộ Dumas, Varo Borja là lời giải của toàn bộ những sự kiện không giải thích được trong mạch quái quỷ còn lại của âm mưu. Điều đó đáng để cười phá lên. Nếu toàn bộ câu chuyện tóm lược này có chút gì đấy đáng cười.

“Tôi mang theo cuốn sách,” Corso nói rồi chìa cho Borja cuốn Chín cánh cửa.

Borja hơi gật đầu, cầm lấy cuốn sách và chỉ thoáng liếc nhìn. Đầu lão khê nghiêng sang một bên như thể đang nghe ngóng một thanh âm phía sau, trong nhà. Ngay sau đó lão lại nhìn Corso và hấp háy mắt, ngạc nhiên vì gã vẫn chưa đi.

“Anh đã đưa tôi cuốn sách. Anh còn muốn gì nữa?”

“Tiền công.”

Borja nhìn gã chằm chằm, vẻ không hiểu. Rõ ràng đầu óc lão để ở chỗ khác. Cuối cùng lão nhún vai, như muốn nói rằng chuyện đó chẳng có liên quan tới gã. Lão quay vào nhà, để mặc Corso tùy ý đóng cửa, ở lại đó hay biến đi đâu thì tùy.

Corso theo lão đi qua hai cánh cửa khác vào một gian phòng cách xa hành lang và tiền sảnh. Cửa chớp đều đóng kín, vì vậy không có ánh sáng lọt vào, đồ đạc bị đẩy hết về phía bên kia, để cả sàn nhà lát cẩm thạch đen trống trải. Một vài cánh tủ kính đựng sách mở tung. Căn phòng được chiếu sáng bằng chùng một tá ngọn nến gần như đã tàn hết. Những giọt nến vương vãi khắp nơi: trên bề cái lò sưởi trống rỗng, trên sàn, trên đồ đạc vật dụng trong phòng. Những ngọn nến tỏa ra quang sáng hồng hồng, rung rinh nhảy múa trước làn gió lùa hay một cử động dù nhẹ nhất. Căn phòng bốc mùi giống như trong nhà thờ, hay như trong hầm mộ.

Vẫn không để ý đến Corso, Borja dừng lại ở giữa phòng. Ở đó, dưới chân lão, là một vòng tròn vẽ bằng phấn đường kính khoảng chín mươi phân, bên trong có một ô vuông chia thành chín ô nhỏ. Xung quanh vòng tròn là những chữ số La Mã và những vật kỳ quái: một mẫu dây, một cái đồng hồ nước, một con dao gĩa, một cái vòng tay chạm hình rồng, một nhẫn vàng, một lò than kim loại đầy than hồng, một cái lọ thủy tinh, một dùm đất, một cục đá. Nhưng Corso nhắm mắt khi thấy những vật khác nằm trên sàn. Nhiều cuốn sách gĩa vốn ngưỡng mộ, những cuốn sách nằm trên giá ít ngày trước, lúc này nằm đó, rách nát, bấn thối, nhiều tờ bị xé ra. Những trang sách đầy hình vẽ và nét gạch dưới cùng với vô số dấu hiệu kỳ dị. Nến leo lét cháy trên một vài cuốn sách, những giọt nến to rõ giọt xuống bìa hoặc những trang mở ra. Một vài cây nến khi tan chảy tạo thành những ký tự ngoằn ngoèo trên giấy. Trong đám tan hoang này Corso nhận ra những bức tranh khác thuộc về cuốn Chín cánh cửa của Victor Fargas và bà nam tước Ungern. Chúng lẫn vào những tờ khác trên sàn và cũng phủ đầy những giọt sáp và những chú giải bí ẩn.

Gã cúi xuống nhìn gần hơn những tờ còn lại, hầu như không tin được mức độ của thảm họa. Một bức tranh trong Chín cánh cửa, bức số VI, người đàn ông bị treo chân phải thay vì chân trái, đã bị cháy một nửa bởi những tia lửa từ ngọn nến bắn ra. Hai bức số VII, một với bàn cờ trắng và một với bàn cờ đen, nằm bên Theatrum diabolicum in từ năm 1512 bị xé khỏi bìa. Một bức tranh khác, bức số I, lòi ra từ trong cuốn De magna imperfectaque opera của Valerio Lorena, một cuốn sách cực hiếm mà trước đó ít lâu Borja có cho Corso xem song chỉ cho phép gã chạm vào nó. Giờ nó rách bươm, nằm trên sàn.

“Dừng đụng vào cái gì,” gã nghe Varo Borja nói. Borja đứng trước vòng tròn, mãi mê lật lật cuốn Chín cánh cửa của mình. Đường như lão không xem chính những trang sách mà xem gì đó bên ngoài chúng, gì đó ở

bên trong hình vuông và vòng tròn trên sàn, thậm chí có thể xa hơn: tít trong lòng đất sâu thẳm.

Corso nhìn như thể lần đầu tiên gặp lão. Gã chậm rãi đứng lên. Trong khi gã đứng lên như vậy, các ngọn nến liên rung rinh xung quanh gã.

“Nếu tôi sờ vào bất cứ vật gì thì cũng chẳng có gì khác,” gã nói, vung tay trở những cuốn sách và những trang giấy vương vãi trên sàn. “Sau việc ông đã làm.”

“Anh chẳng biết gì hết, Corso. Anh tưởng anh biết, nhưng không phải. Anh dốt và ngu nữa. Anh là cái loại cứ tưởng sự hỗn loạn là tình cờ và bỏ qua sự tồn tại của một trật tự không lộ diện.”

“Quên những lời rác rưởi ấy đi. Ông đã phá hoại mọi thứ, ông không có quyền làm thế. Không một ai có quyền làm thế.”

“Anh lầm. Trước hết chúng là sách của tôi. Và điều quan trọng hơn, chúng tồn tại với mục đích là để được sử dụng. Chúng có giá trị thực tiễn chứ không phải là giá trị nghệ thuật hay thẩm mỹ. Khi đi theo một con đường, người ta cần đảm bảo rằng không ai khác có thể theo sau mình. Bây giờ là lúc những cuốn sách đó phục vụ cho mục đích của chúng.”

“Đồ điên. Ông lừa tôi ngay từ đầu.”

Borja không có vẻ gì đang nghe. Lão đứng bất động, tay cầm cuốn Chín cánh cửa còn lại, chăm chú xem bức minh họa số I.

“Lừa ai?” Hai mắt lão gắn chặt vào cuốn sách khi nói, tỏ rõ vẻ khinh bỉ đối với Corso. “Anh tự coi mình quá cao đấy. Tôi thuê anh không cần cho anh biết lý do và ý định của tôi. Một người hầu không tham gia vào quyết định của bất kỳ người nào trả tiền cho hắn. Anh phải trộm lấy thứ tôi muốn, đồng thời phải chịu hậu quả chuyên môn của một vài hành động bắt buộc. Tôi tưởng tượng rằng khi tôi nói, cảnh sát ở cả Pháp lẫn Bồ Đào Nha đều đang lần tới chỗ anh.”

“Còn ông?”

“Tôi ở cách xa tất cả những chuyện đó, rất an toàn. Chỉ chút nữa thôi sẽ chẳng có gì quan trọng nữa.”

Thế rồi, trước sự hoảng sợ của Corso, lão xé bức tranh từ Chín cánh cửa.

“Ông làm gì vậy?”

Varo Borja lặng yên tiếp tục xé những tờ khác.

“Tôi đang đốt những con tàu và những cây cầu đằng sau tôi. Và tiến vào miền đất chưa ai biết tới.” Lần lượt lão xé từng bức tranh trong cuốn sách cho đến hết cả chín bức. Lão đưa những bức tranh sát vào mắt. “Thật đáng tiếc là anh không thể theo tôi. Giống như lời tuyên cáo của bức họa thứ tư, số phận của mọi người không giống nhau.”

“Ông tin mình sẽ đi tới đâu?”

Borja buông rơi cuốn sách bị xé tả tơi xuống sàn bên cạnh những cuốn khác. Lão giương mắt nhìn chín bức họa và vòng tròn, kiểm tra sự trùng hợp kỳ lạ giữa chúng.

“Tôi gặp ai đó” là lời đáp bí hiểm của lão. “Để tìm kiếm viên đá mà Đấng Sáng thế bỏ đi, viên đá của nhà hiền triết, nền tảng của công trình triết học. Viên đá của quyền lực. Quỷ vốn ưa biến hóa, Corso ạ. Từ con chó đen của Faust đến thiên thần ánh sáng lầm lạc cố phá vỡ sức kháng cự của thánh Antony. Nhưng, trên tất cả, sự ngu muội khiến hắn chán ngán, và hắn ghét sự đơn điệu... Nếu có thời gian và ý thích, tôi sẽ mời anh xem vài cuốn sách dưới chân anh. Một số cuốn đề cập đến một truyền thuyết cổ: kẻ thù của Cơ Đốc sẽ xuất hiện ở bán đảo Iberia, trong một thành phố chất chồng ba nền văn hóa, trên bờ một dòng sông sâu hoắm như một vết riu, dòng Tagus.”

“Đó là cái ông đang cố làm ư?”

“Là thứ tôi sắp đạt được. Đạo hữu Torchia chỉ đường cho tôi: Tenebris Lux.”

Lão cúi mình xuống vòng tròn trên sàn, đặt mấy bức họa lên đó, lấy đi vài bức khác, vò nhàu hoặc xé rách rồi quăng đi. Những ngọn nến từ phía dưới rơi vào mặt, trông lão đầy ma quái với đôi mắt tối sẫm.

“Hy vọng nó hoàn toàn phù hợp,” lão thầm thì. Miệng lão giống như một vạch tối. “Những bậc thầy cổ xưa của ma thuật đen từng dạy Torchia về những bí mật giá trị và khủng khiếp nhất, họ biết con đường dẫn tới vương quốc bóng tối. ‘Đó là con vật ngậm đuôi trong miệng quần quanh chỗ ấy.’ Anh hiểu không? Xà hoàn[3] của các nhà giả kim thuật Hy Lạp: con rắn ở trạng đầu, vòng tròn ma thuật, nguồn gốc của sự thông thái. Mọi thứ đều được ghi lại trong cái vòng đó.”

[3] Xà hoàn (ourobouros): một biểu tượng cổ với hình cái vòng tạo nên bởi con rắn ngậm đuôi mình.

“Tôi muốn tiền của tôi.”

“Có bao giờ anh tò mò về những thứ này không?” Borja tiếp tục, không nghe thấy gì, đôi mắt sẫm nhìn chăm chú. “Để nghiên cứu, chẳng hạn như quan hệ bất biến long-xà-quỷ vốn trở đi trở lại rất đáng ngờ trong tất cả các văn bản về chủ đề này từ xa xưa.”

Lão nhắc một vật bằng thủy tinh nằm cạnh vòng tròn, một cái ly có chân với tay cầm hình hai con rắn quấn vào nhau, đưa lên uống một ngụm. Trong đó là một thứ chất lỏng màu tối, Corso để ý thấy nước đó gần như đen, giống như nước trà rất đặc.

“Serpens aut draco qui caudam devoravit[4].” Varo Borja mỉm cười băng quơ rồi đưa tay quệt mép. Thứ đồ uống đó để lại một vết màu đen trên mu bàn tay và bên má phải lão. “Chúng canh giữ những báu vật: thần đêm và hoàng hôn, bộ long cừu vang...” Trong khi nói, trông lão như người đang trí, điên rồ, một người đang diễn tả một giấc mơ từ bên trong. “Chúng là rắn hay rồng mà người Ai Cập cổ đại vẽ trong một vòng tròn, miệng ngậm đuôi mình để chỉ ra rằng chúng sinh từ một nhất thể và tự chúng là đủ. Những lính gác không ngủ, kiêu hãnh và sáng suốt. Những con rồng ẩn kín giết chết kẻ không xứng đáng và chỉ cho phép mình xiêu lòng trước người nào chiến đấu đúng luật. Những người lính canh giữ câu thần chú thất lạc: công thức ma thuật để mở những con mắt và khiến một người ngang bằng với Chúa.”

[4] Serpens aut draco qui caudam devoravit: con rắn của sự thông thái bảo vệ và bao hàm mọi thứ (tiếng Latinh)

36. Chương 16 - Phần 3 (hết)

Corso vươn cằm ra. Gã đứng, lặng lẽ và gầy nhom trong chiếc áo khoác. Bóng những ngọn nến nhảy múa giữa mí mắt khép hờ khiến hai má râu ria của gã trông hõm vào. Tay rút túi, một bàn tay sờ vào cái bao trong có điều thuốc cuối cùng, tay kia đặt lên con dao bấm chưa mở, bên cạnh chao gin.

“Tôi đã bảo, trả tiền cho tôi. Tôi muốn ra khỏi đây.”

Giọng nói bao hàm sự đe dọa, nhưng Corso không xác định được Borja có nghe ra không. Gã thấy từ từ lão tỏ ra miễn cưỡng.

“Tiền?” Borja lại nhìn Corso khinh bỉ. “Anh nói gì vậy, Corso? Anh không hiểu cái gì sắp xảy ra sao? Trước mắt anh là bí mật mà loài người mơ tưởng từ bao thế kỷ. Anh có biết có bao nhiêu người bị tra tấn, bị hỏa thiêu và bị xé xác thành từng mảnh chỉ để được thoáng thấy điều anh sắp chứng kiến hay không? Tất nhiên anh không thể theo tôi. Anh sẽ chỉ được yên lặng quan sát. Nhưng ngay cả một tên lính đánh thuê mặt hạn cũng có thể tham dự vào thắng lợi của chủ mình.”

“Trả tiền cho tôi. Rồi ông có thể cút đi với quỷ.”

Borja thậm chí không buồn nhìn gã. Lão đi quanh vòng tròn và đụng vào vài vật đặt cạnh những con số.

“Anh tổng tôi đi với quỷ quả là thích đáng biết bao. Đúng cái kiểu thực tế điển hình của anh. Tôi sẽ tặng anh một nụ cười giá tôi không quá bận như thế. Mặc dù ý kiến của anh ngu xuẩn và không chính xác: chính quỷ sẽ đến với tôi.” Lão dừng lại, nghiêng đầu, như thể đang nghe ra tiếng bước chân từ xa. “Và tôi cảm thấy hân hạnh tới.”

Lão thì thầm, lời lão xen lẫn những thán từ giọng cổ kỳ lạ, hoặc với những từ ngữ lúc thì có vẻ nhằm vào Corso lúc thì hướng tới một hiện hữu hắc ám thứ ba trong bóng tối bên cạnh hai người.

“‘Anh sẽ đi qua tám cánh cửa trước khi con rồng...’ Anh thấy không? Tám cánh cửa dẫn tới chỗ con quái vật canh giữ câu thần chú, con số chín, sở hữu bí mật tối hậu... Con rồng ngủ mở mắt, đó là chiếc gương Tri Thức. Tám bức họa cộng một. Hay một cộng với tám. Trùng khớp với con số mà thánh John ở Patmos gán cho Ác thú: 666.”

Corso thấy lão quỳ xuống viết những con số bằng phấn lên sàn đá.

Rồi Borja đứng dậy, đắc thắng. Mắt lão thoảng ngời sáng trong ánh nến. Hẳn lão đã nuốt thứ thuốc gì đấy cùng với chất lỏng màu đen. Đồng tử trong mắt lão nở rộng đến mức gần như không còn thấy lòng đen, và lòng trắng chuyển sang thành màu hồng.

“Chín bức tranh, hay chín cánh cửa.” Một lần nữa bóng tối lại trùm lên mặt lão như một cái mặt nạ. “Không một ai mở được chúng... ‘Mỗi cánh cửa có hai chìa’. Mỗi bức họa cung cấp một con số, một yếu tố mà thuật, và một từ khóa, nếu toàn bộ được nghiền cứu dưới ánh sáng của lý trí, phép thần thông của người Do Thái, kiến thức huyền học, triết học chân chính... Bằng tiếng Latinh và sự kết hợp của nó với tiếng Hy Lạp và tiếng Do Thái cổ.” Lão chìa cho Corso xem một tờ giấy đầy những ký hiệu và đường gạch nối kỳ quái. “Anh có thể xem nếu thích. Nhưng anh sẽ chẳng bao giờ hiểu.”

Những giọt mồ hôi xuất hiện trên trán và quanh miệng lão, như thể ngọn lửa nền đang cháy trong cơ thể lão. Lão đi quanh cái vòn, chậm rãi và thận trọng. Đôi lần lão dừng lại, cúi xuống điều chỉnh vị trí của một vật: con dao han gỉ, chiếc vòng bạc.

“Mi sẽ đặt lại các yếu tố lên da con rắn.” Lão lẩm bẩm nhắc lại, mắt không nhìn Corso. Lão đưa ngón tay lần theo vòng tròn nhưng không đụng vào nó. “Chín yếu tố phải đặt quanh nó ‘theo hướng mặt trời lên’: từ phải sang trái.”

Corso tiếng một bước về phía lão. “Một lần nữa. Trả tiền cho tôi.”

Borja không để ý. Lão quay lưng lại phía Corso và trở vào hình vuông trong vòng.

“‘Con rắn sẽ nuốt phong ấn của sao Thổ...’ Phong ấn của sao Thổ là những hình vuông ma thuật đơn giản và cổ xưa nhất: chín chữ số đầu tiên đặt trong chín ô, sao cho từng hàng, dù đi xuống, sang ngang hay theo đường chéo, cộng lại đều cho cùng một kết quả.”

Lão cúi xuống và viết chín con số bằng phấn vào trong các ô.

Corso tiến thêm một bước nữa. Chân gã giẫm lên một tờ giấy chứa đầy những con số.

Một ngọn nến cháy hết kêu xèo xèo, lụn xuống trên trang đầu đã cháy thành than của cuốn *De occulta philosophia* của Cornelius Agrippa. Borja vẫn đang chăm chú vào vòng tròn và ô vuông. Lão nhìn chăm chăm vào chúng, hai tay khoanh trước ngực, đầu cúi xuống. Trông như một tay chơi trước một ván bài kỳ lạ đang tính toán nước đi tiếp theo.

“Có một vật,” lão nói, không phải với Corso mà với chính lão. Nghe giọng của chính mình dường như có lợi cho suy nghĩ của lão. “Vật gì đó mà người xưa không đoán được, ít nhất cũng không hoàn toàn hiểu rõ... Cộng lại theo chiều bất kỳ, từ dưới lên trên, từ trên xuống dưới, từ trái qua phải hay từ phải qua trái, mi đều có số mười lăm. Nhưng khi ứng dụng bộ mã pháp thuật Do Thái, mười lăm lại trở thành một và năm, và cộng với nhau cho số sáu... Số sáu bao quanh các cạnh của hình vuông ma thuật với con rắn, con rồng hay Ác thú, là gì tùy mi.”

Corso không cần phải tìm cái đó. Nó đã sẵn trong một tờ giấy khác trên sàn.

Borja quỳ trước vòng tròn, đầu cúi xuống. Mồ hôi trên mặt lão long lanh dưới ánh nến. Lão cầm một tờ giấy khác lên đọc những từ kỳ quái trong đó.

“‘Mi sẽ chín lần mở phong ấn,’ Torchia viết như vậy. Thế nghĩa là những từ khóa tìm thấy phải được đặt vào ô tương ứng. Bằng cách đó ta có chuỗi sau.”

“Viết lên mình con rắn, hay con rồng.” Lão xóa các con số trong ô rồi đưa vào những từ tương ứng. “Đây chính là nó, thật ô danh Chúa.”

“Thế là xong,” Borja thì thầm sau khi viết những chữ cuối cùng. Tay lão run rẩy, một giọt mồ hôi từ trên trán lăn xuống mũi rơi xuống sàn nhà đầy bụi phấn. “Theo lời Torchia, thế là đủ cho ‘tấm gương phản chiếu con đường’ ngõ hầu phát âm từ ngữ thất lạc có khả năng mang lại ánh sáng từ bóng tối... Những câu này bằng tiếng Lating. Bản thân chúng chẳng có nghĩa gì. Nhưng bên trong chúng chứa đựng tinh hoa đích thực của Verbum dimissum, công thức khiến cho Satan, tổ tiên của chúng ta, hình ảnh đích thực của chúng ta, và kẻ tòng phạm của chúng ta xuất hiện.”

Lúc này lão quỳ gối giữa vòng tròn, xung quanh là toàn bộ những ký hiệu, những vật phẩm và những từ ngữ viết trong ô vuông. Hai tay lão run mạnh đến mức lão phải lấy tay nọ bấu chặt tay kia như móng vuốt chim, những ngón tay dính đầy phấn, mực và nến. Hãnh diện và tự tin, lão bắt đầu cười khùng khục như mất trí. Nhưng Corso biết chắc rằng Borja không mất trí. Gã nhìn quanh, nhận ra rằng mình đang hết thời gian, liền bắt đầu vượt qua khoảng cách giữa gã và lão buồn sách. Nhưng gã không dám vượt qua ranh giới mà đứng vào trong vòng với lão.

Borja nhìn gã với vẻ nanh ác, đoán nỗi sợ của gã.

“Nào Corso. Anh không muốn đọc với tôi ư? Anh sợ, hay anh quên hết tiếng Latinh rồi?” Anh sáng và bóng tối thay nhau xuất hiện rất nhanh trên mặt lão, như thể gian phòng bắt đầu quay tròn. Nhưng gian phòng vẫn đứng yên. “Anh không muốn biết những từ này chứa đựng gì sao? Ở phía sau bức tranh nhét giữa cuốn sách của Valerio Lozena, anh sẽ tìm thấy bản dịch sang tiếng Tây Ban Nha. Đặt chúng trước gương đi, như các bậc thầy của nghệ thuật này đã bảo. Ít nhất khi ấy anh sẽ biết Fargas và bà nam tước Ungern chết vì cái gì.”

Corso nhìn cuốn sách, một ấn phẩm thời kỳ sơ khai bìa da dê rất cổ và đã sờn. Gã cúi xuống đầy cảnh giác, như thể trong đó có một cái bẫy nguy hiểm, và rút ra bức tranh khắc. Đó là bức số I của cuốn sách đánh số 3, cuốn của bà nam tước Ungern, với ba ngọn tháp thay vì bốn. Ở trang sau, Varo Borja đã viết chín từ.

“Dừng cảm lên, Corso,” lão nói, giọng gắt gỏng khó chịu. “Anh chẳng có gì để mất... Giữ những chữ đó trước gương.”

Quả thực có một cái gương có tay cầm trên sàn, giữa những đám sập chầy ra từ các cây nến. Đó là một cái gương bạc cũ han gỉ, tay cầm trang trí rườm rà. Nó nằm giữa, và hình ảnh Corso xuất hiện trong đó, bé xíu và méo mó, giống như ngọn đèn đỏ run rẩy ở cuối một đường hầm xa tít. Hình ảnh và bản sao của nó, người hùng với sự mệt mỏi vô hạn, Bonaparte khốn khổ bị xích vào núi đá trên đảo Sainte Hélène. Không có gì để mất, Borja nói thế. Một thế giới cô độc lạnh lẽo, nơi có hài cốt đơn độc của những người lính cận vệ Waterloo đứng gác hằng đêm dọc những con đường tăm tối bị lãng quên. Gã thấy mình ở trước cánh cửa cuối cùng, tay cầm chìa khóa giống như vị ẩn sĩ trong bức tranh II, chữ cái Teth cuộn tròn trên hai vai như một con rắn.

Corso giẫm lên cái gương, chậm rãi, không dùng sức, gã nghiền nát nó dưới gót giày. Cái gương phát ra một tiếng nứt vỡ rồi nát vụn. Những mảnh gương vỡ bây giờ nhân hình ảnh Corso thành vô số hầm tối với vô số bản sao của chính gã đứng bất động ở cuối đường hầm, quá nhỏ bé và mờ mịt chẳng còn khiến gã bận tâm.

“Màu đen là trường học của ban đêm,” gã nghe tiếng Borja. Lão vẫn quỳ giữa vòng tròn, quay lưng về phía Corso, mặc gã làm gì thì làm. Corso cúi xuống một cây nến rồi cầm một góc bức tranh số I, với chín từ đảo ngược ở mặt sau, đưa vào ngọn lửa. Gã nhìn những tòa tháp của lâu đài, con ngựa, kỵ sĩ đang hướng về người xem yêu cầu yên lặng, cháy rụi trong tay. Cuối cùng gã buông rơi mẩu còn lại, nó biến thành tro một giây sau và lơ lửng trong luồng khí nóng của những cây nến đang chiếu sáng trong gian phòng. Rồi gã tiến vào vòng tròn và sẵn tới chỗ Borja.

“Tôi muốn tiền. Ngay bây giờ.”

Borja chìm ngập trong bóng tối hơn bao giờ hết, không hề để ý. Dường như có thứ này thứ nọ bỗng dưng có vẻ đặt sai vị trí, lão cúi xuống đổi chỗ vài thứ. Sau một thoáng do dự, lão bắt đầu tụng niệm một lời chú độc địa:

“Admai, Aday, Eloy, Agla...”

Corso túm lấy vai lão lắc mạnh. Borja không tỏ vẻ xúc động hay sợ hãi. Cũng không cố chống lại. Lão tiếp tục niệm chú giống như bị thôi miên, như một kẻ tử vì đạo cứ cầu nguyện mà không hề ý thức gì tới tiếng gầm của bảy sư tử hay lưỡi kiếm của tên đao phủ.

“Một lần cuối cùng. Trả tiền đi.”

Chẳng hơn gì. Trước mắt Corso chỉ có đôi mắt trống rỗng của Borja nhìn mà không thấy gã, giống như những hồ đen vô thức, chăm chăm hướng về phía vực sâu của vương quốc bóng tối.

“Zatel, Gebel, Elimi...”

Lão định triệu hoán naga quý, Corso nghi ngờ nhận định. Đứng giữa vòng tròn, không biết gì hết, không nhận ra cả Corso lẫn sự đe dọa của gã, lão đang cầu khẩn ma quỷ bằng cách gọi tên riêng của chúng.

“Gamael, Bilet...”

Borja chỉ ngừng lại khi bị Corso đánh cú đầu tiên, một đòn bằng mu bàn tay khiến đầu lão vẹo sang một bên. Mắt lão đảo một vòng rồi gắn chặt vào một điểm trong hư không.

“Zaquel, Astarot...”

Đúng lúc ấy Borja nhận đòn thứ hai, một dòng máu ứa ra từ khoe miệng lão. Corso kinh hãi giật bàn tay nhuộm máu ra. Có cảm giác như gã vừa đánh vào vật gì đó nhộp nhúa. Gã thở hổn hển đếm nhịp tim mình đập đến lần thứ mười rồi nghiêng rằng giáng một cú đấm nữa. Máu trào ra từ cái miệng méo xệch của người buồn sách. Lão vẫn thì thào cầu khẩn, một nụ cười bối rối và mê sảng, một niềm vui mê muội hiện lên trên đôi môi sưng phồng. Corso túm lấy cổ áo phũ phàng kéo gã ra ngoài vòng trước khi lại ra đòn. Chỉ khi ấy Borja mới gào lên, như một con thú đau đớn khổ sở, lão vùng ra với một sức mạnh bất ngờ rồi lại lê mình trở lại trong vòng tròn. Ba lần Corso đẩy lão ra, và ba lần, như một con lừa ương bướng, lão trở lại đó. Trong khi đó máu đã loang lên những kí hiệu và những chữ cái viết đề lên phong ấn của sao Thổ.

“Sic dedo me...”

Có gì đó không ổn. Trong ánh nền chập chờn, Corso thấy lão ngáp ngừng, bối rối, lão kiểm tra lại thứ tự của mọi vật trong vòng tròn ma thuật. Đôi ba giọt ít ỏi cuối cùng từ cái đồng hồ nước rớt xuống. Borja chẳng còn lại bao nhiêu thời gian. Lão cao giọng lặp lại lời chú và đưa tay chạm vào ba trong số chín ô vuông.

“Sic dedo me...”

Corso tuyệt vọng nhìn quanh, miệng đắng ngắt, gã chùi thêm hai bàn tay đầm máu vào áo khoác. Lại có thêm những ngọn nến cháy hết rồi phụt tắt với tiếng xì xì. Những vòng khói từ những sợi bấc đã cháy thành than cuộn mình trong không gian màu đỏ đỏ. Trông như những con rắn, gã cay đắng nghĩ thầm. Bước tới chỗ cái bàn bị đẩy vào một góc phòng, gã tìm trong ngăn kéo. Không có tiền. Không có cuốn sổ séc. Không có gì hết.

“Sic exeo me...”

Lão buồn sách tiếp tục lời khẩn nguyện của mình. Corso liếc nhìn lão trong vòng tròn lần cuối cùng. Quỳ gối, đầu cúi xuống sàn, nét mặt méo mó đầy hao hức, Varo Borja đang mở cánh cửa cuối cùng trong số chín cánh với một nụ cười hạnh phúc rõ rệt; cái miệng rỉ máu của lão giống như một vết đen ma quái cắt ngang mặt, trông như một lưỡi dao làm bằng đêm đen và bóng tối.

“Đồ chó đẻ,” Corso buột ra một câu chửi. Và với nó, gã đã kết thúc hợp đồng của mình.

Gã đi vào vùng ánh sáng nhợt nhạt dưới chân cầu thang, dưới mái vòm dẫn ra sân. Ở đó, bên cái giếng và những con sư tử đá, trước cánh cổng mở ra ngoài đường, gã dừng lại thở thật sâu, sung sướng hưởng thụ không khí buổi sớm trong lành. Gã tìm điều thuốc cuối cùng trong cái bao nhàu nát trong áo khoác, đặt lên miệng nhưng không châm lửa. Gã đứng đó một hồi cho đến khi tia nắng đầu tiên bị gã bỏ lại đằng sau khi tiến vào thành phố - nó đi xiên xiên và có màu đỏ - bắt kịp gã. Ánh nắng xuyên qua những mặt tiền nhà bằng đá xám, in bóng cánh cổng sắt rèn lên mặt gã, khiến đôi mắt thiếu ngủ mệt mỏi của gã hơi khép lại.

Rồi ánh sáng tỏ dần lên, từ từ choán hết khoảng sân. Những con sư tử Venice cúi cái bờm bằng cẩm thạch xuống như để được vuốt ve. Cũng luồng sáng rạng rỡ ấy, lúc đầu có màu đỏ, sau đó trở nên chói chang, như một đám bụi vàng lơ lửng trùm lên người Corso. Và đúng lúc ấy, trên đỉnh cầu thang, bên kia cánh cửa của vương quốc bóng tối, nơi ánh sáng rạng đông êm đềm không bao giờ vươn tới, chợt phát ra một tiếng kêu. Tiếng thét đỉnh tai nhức óc, không giống của con người, đầy kinh hoàng và tuyệt vọng, khó khăn lắm gã mới nhận ra giọng Varo Borja.

[Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại .com - góc nhỏ cho người yêu sách.]

Không quay đầu lại, Corso đẩy cánh cổng bước ra phố. Mỗi bước đi dường như đều khiến gã rời đi rất xa khỏi những thứ để lại đằng sau, như thể chỉ trong vài giây gã bước lại những bước từng đi trên một cuộc hành trình đã chiếm đoạt con người gã từ rất lâu rồi.

Gã đứng lại giữa quảng trường, lóa mắt, toàn thân bọc trong ánh nắng. Cô gái vẫn ở trong xe, gã run lên vì niềm vui sướng ích kỷ và sâu xa khi thấy cô không biến mất theo những tàn dư của đêm đen. Cô cười dịu dàng, đẹp và trẻ không tưởng nổi với mái tóc ngắn như con trai, với làn da nâu và đôi mắt bình yên nhìn gã không chớp, chờ đợi. Và tất cả ánh sáng tuyệt vời như ánh hoàng kim phản chiếu trong đôi mắt xanh long lanh - ánh sáng đẩy lùi bóng tối trong các xó xỉnh của thành phố cổ, bóng những tháp chuông và những mái vòm cao vút trên quảng trường - dường như tỏa ra từ nụ cười của cô khi Corso tới với cô. Gã vừa đi vừa nhìn xuống đất, nhẩn nhệ, sẵn sàng chào tạm biệt cái bóng của chính mình. Nhưng dưới chân gã không có bóng.

Đằng sau gã, trong tòa nhà được bốn con quái thú dưới máng xối canh giữ, Borja đã thôi gào thét. Cũng có thể lão vẫn đang gào thét ở một chỗ tối tăm quá xa nên ở trên đường phố không thể nghe thấy. Nun scio: bây giờ tôi biết rồi. Corso tự hỏi không biết anh em Ceniza đã dùng dùng keo hay gỗ để làm giả bức minh họa của cuốn số một, thất lạc do ý thích bất chợt của một đứa bé hay do hành động thô thiển của một người sưu tầm sách. Dù sao đi nữa, khi nhớ đến bàn tay xanh xao, thành thạo của bọn họ, gã nghiêng về ý nghĩ rằng họ tự làm bản khắc gỗ để in chúng, dựa theo Thư mục tổng hợp của Mateu. Đó là lý do khiến mọi chuyện không như ý Varo Borja: trong cả ba cuốn sách, bức khắc gỗ cuối cùng là giả. Ceniza sculpsit - do Ceniza khắc. Vì tình yêu nghệ thuật.

Gã bật cười như một con sói hung ác khi cúi xuống châm thuốc. Những cuốn sách thường chơi xỏ như vậy. Và mỗi người sẽ có một con quỷ xứng đáng với chính mình.

Thực hiện bởi

nhóm Biên tập viên Góc Sách:

Mai - Fujun - H.y

(Tìm - Chỉnh sửa - Đăng)

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/cau-lac-bo-dumas>